



NGUYỄN UYỀN

BÁC HỒ  
CỦA  
NHÂN DÂN

(TẬP BÚT KÝ - TIÊU LUẬN  
CHỌN LỌC)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH  
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH  
ThS. NGUYỄN THỊ THÚY  
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU

Trình bày bìa: VĂN SÁNG  
ĐƯỜNG HỒNG MAI

Chép bản vi tính: NGUYỄN THỊ THU THẢO

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: NGUYỄN THÚY  
NGUYỄN VIỆT HÀ

---

Giấy đăng ký xuất bản số: 427-2021/CXBIPH/2-365/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 05-QĐ/NXBCTQG, ngày 18/2/2021.

Mã số ISBN: 978-604-57-6490-9.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2021

# BÁC HỒ CỦA NHÂN DÂN

(TẬP BÚT KÝ - TIÊU LUẬN  
CHỌN LỌC)

**Biên mục trên xuất bản phẩm  
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nguyễn Uyển

Bác Hồ của nhân dân / Nguyễn Uyển. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. -  
452tr. ; 23cm

ISBN 9786045760512

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đạo đức Hồ Chí Minh 3. Phong cách  
335.4346 - dc23

CTM0408p-CIP

NGUYỄN UYỄN

BÁC HỒ  
CỦA  
NHÂN DÂN

(TẬP BÚT KÝ - TIÊU LUẬN  
CHỌN LỌC)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2020



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nhà văn, nhà báo Nguyễn Uyển đã bước sang tuổi 80 với gần 60 năm trong nghề viết, để cho đời tới gần 30 đầu sách với đủ các thể loại: truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, bút ký, tiểu luận, sách nghiệp vụ báo chí. Nhiều bút ký chuyên sâu về một địa phương như: *Tình người Điện Biên*; chuyên về ngành như: *Cháy mây một tình yêu* (ngành Dầu khí Việt Nam), *Sáng mây niềm tin yêu* (về Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng), *Làm theo lời Bác* (chủ đề về Bác Hồ kính yêu)... Các tác phẩm văn và báo của ông đầy ắp hơi thở cuộc sống bởi ông rất chăm đi, chăm đọc, chịu suy ngẫm, chỉn chu trong từng con chữ để biểu đạt tình cảm nồng ấm với dân, với nước, với Đảng và Bác Hồ kính yêu.

Đọc các ấn phẩm của ông, văn hoặc báo, chúng ta đều thấy đó là một cây viết thiết tha với đất nước, tin yêu cháy dạ, cháy lòng với Đảng và Bác Hồ - niềm tin yêu có cội nguồn, bản lĩnh theo lẽ đời “Gốc bến nêu nẩy cành xanh lá”.

**Bác Hồ của nhân dân** là ấn phẩm tập hợp có chọn lọc những bài viết suốt 60 năm qua của ông theo chủ đề Tư tưởng - Đạo đức - Phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh, gồm ba phần chính:

*A- Muôn đời noi gương Bác*: gồm những bài nghiên cứu, cảm nhận, suy ngẫm cần học tập, noi gương và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*B- Bác để thương nhớ cho nhân dân*: gồm những bài viết tỏ ơn nghĩa sâu đậm của nhân dân ở mọi vùng quê đối với Bác.

Bởi Người đã cùng Đảng lãnh đạo quân và dân ta đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Những tình cảm ơn sâu, nghĩa nặng, nhớ thương Bác Hồ đã làm nên sức mạnh phi thường xây dựng quê hương, đất nước ngày một to đẹp hơn, đàng hoàng hơn.

*C- Bác truyền lẽ sống cho mỗi con người:* là bút ký chân dung về những nhân vật tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ là những giáo sư, nhà báo, nhà văn; là những tấm gương tiêu biểu trong ngành kiểm tra đảng, ngành y thầm lặng cống hiến; là những người cần mẫn, sáng tạo “tìm lửa” của ngành dầu khí quốc gia; là những chiến sĩ biên phòng ngày đêm bảo vệ, giữ yên bờ cõi của Tổ quốc; là những nông dân của bản Mông trên triền núi khát khao vươn lên làm giàu... Công việc với họ như lẽ sống, bởi tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác đã hòa quyện trong tâm thức họ; thâm sâu lời dạy và ơn nghĩa với Người đã tạo nên “thần lực” giúp họ sáng tạo, vượt lên và làm nên.

Cách viết chân dung nhân vật của nhà văn, nhà báo Nguyễn Uyển rất riêng. Mỗi nhân vật đều có “chất” riêng, không ai giống ai, cho dù họ cùng một công việc. Mỗi người mỗi vẻ, mỗi cách suy nghĩ, mỗi cách làm để bật lên nét tinh cốt nhất của nhân vật... Bởi thế, *Bác Hồ của nhân dân* là một cuốn sách thiết thực và bổ ích với mỗi người đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2020  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

## A- MUÔN ĐỜI NOI GƯƠNG BÁC

### PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH - TINH HOA CỦA THỜI ĐẠI

**1.** Tôi thật sự tâm đắc với nhận xét của nhà thơ Liên Xô - Ôxíp Mandenxtam sau lần phỏng vấn Nguyễn Ái Quốc vào năm 1923<sup>1</sup>: “Đó là một thanh niên gầy gò, linh hoạt, mặc áo len đan... Trong đôi mắt mờ to, u ám, anh nhìn về xa xăm... Tôi đã hình dung ra một cách rất cụ thể... một dân tộc hết sức lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá... Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một thứ văn hóa tương lai!”...

Nhà thơ thật tinh tường, thầm định đúng phong cách, nhân cách Hồ Chí Minh ngay từ thuở bốn ba tìm đường cứu nước, khiến tôi thấy học Bác bao nhiêu cũng là chưa đủ. Đọc tiểu sử của Người không thể không suy ngẫm, không thể không vận vào mình để tự vươn lên, để sống cho hay cho đẹp, để nêu gương ít nhất là với con cháu của mình. Người sinh ra trong gia đình nhà nho nghèo, hiếu học, thương người; noi miên quê giàu khí phách chống giặc ngoại xâm. Nguyễn Sinh Cung (tên đầu đời), khi đang ngồi trên ghế

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.1, tr.191.

trường tiểu học đã để tâm tới khẩu hiệu của Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789: “*Tự do - Bình đẳng - Bác ái*”! Đau lòng trước cảnh đất nước bị nô lệ, Nguyễn Tất Thành (tên thời niên thiếu) đã quyết đi tìm đường cứu nước. Hành trang Người mang theo là lời cha (cụ Nguyễn Sinh Sắc) dặn: “Con phải tự tìm ra cho mình một hướng đi, một con đường... Cứu nước là có hiếu với cha rồi đấy”!<sup>1</sup>. Để sang nước Pháp, một người bạn hỏi: Chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi? Thành gio đôi bàn tay lên, giọng dứt khoát: “Đây, tiền đây. Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi!”.

Đó là phong cách độc lập, tự chủ chỉ nhầm một hướng cứu nước. Phong cách ấy là nguồn năng lượng giúp Người vượt lên. Ở tuổi 21, ngày 05/6/1911, Người lên tàu rời bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn) đi Mácxây (Pháp) làm phụ bếp với tên gọi Văn Ba. Công việc nhọc nhằn, bụi băm, vất vả suốt ngày đêm, nhưng hễ được nghỉ là Người lại cặm cụi học tiếng Pháp bằng cách kết bạn với khách... Theo tàu, Người đi vòng quanh châu Phi, qua Trung Mỹ, Nam Mỹ... rồi tới nước Anh vừa lao động vừa học nói, học viết ngoại ngữ. Người sớm rút ra kết luận: “Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo... Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu”<sup>2</sup>... Cho nên năm 1919 Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp - tổ chức duy nhất bênh vực các dân tộc thuộc địa.

Mang tên Nguyễn Ái Quốc, thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, Người ký tên vào Bản yêu sách gửi Hội nghị các

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An: *Bác Hồ thời niên thiếu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.45.

2. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.30.

nước để quốc họp ở Vécxây ngày 18/6/1919 đòi tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội... được báo *Nhân đạo* đăng nguyên văn. Vấn đề dân tộc của Việt Nam lần đầu tiên được đưa ra quốc tế... hét trái bom nổ giữa thủ phủ phe đế quốc. Người khẳng định: "...muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình"!<sup>1</sup>. Phong cách độc lập, tự chủ, sáng tạo ở Người phát lộ như bản sắc tinh hoa nhất của dân tộc và thời đại. Bởi thời điểm này hết sức nguy hiểm, như Tố Hữu tự bạch: "*Dấn thân vô là phải chịu tù đầy/Là gươm kê cận cổ, súng kê tai...*". Người vượt gian nan học nghề làm ảnh để có tài chính; học viết báo để vận động cách mạng. Trên diễn đàn Đại hội Tua, Đảng Xã hội Pháp tháng 12/1920, Người kêu gọi: "Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi"!<sup>2</sup>.

Đường cách mạng sáng tỏ, ấy là khi Người tiếp nhận bản "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lênin. Yêu nước da diết khiến Người trở thành chiến sĩ cộng sản. Trong vai Ban Nghiên cứu thuộc địa, Người lợi dụng báo chí Pháp để vạch mặt chủ nghĩa thực dân; tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, xuất bản báo *le Paria* (*Người cùng khổ*) hối thúc giải phóng loài người khỏi ách thực dân... Phong cách tự chủ suy nghĩ, gắn lý luận với thực tiễn giúp Người mở mang tầm nhìn. Luận điểm của Người thêm sắc sảo: "Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt

1. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr.43.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr.35.

cả hai vòi”!<sup>1</sup>. Người gắn luận điểm Mác - Lênin với chủ nghĩa dân tộc phương Đông “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn nhất của đất nước”<sup>2</sup> sát với thực tế cách mạng Việt Nam. Người soạn thảo và công bố tại sào huyệt thực dân “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”, đã lên án gay gắt tội ác của chế độ thực dân Pháp đối với người bản xứ trong đó chủ yếu là người Việt Nam.

Trong cương vị Ủy viên Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản những năm 1925 - 1930 tại Quảng Châu (trung tâm cách mạng của Trung Quốc), Người xúc tiến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tận dụng mọi điều kiện để tuyên truyền, tổ chức, xây dựng lực lượng hướng tới đích giải phóng dân tộc. Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, mở nhiều lớp huấn luyện. Ngày 21/6/1925, Người xuất bản báo *Thanh niên* - Tờ báo cách mạng đầu tiên, dấu son rạng rõ của báo chí cách mạng Việt Nam. Người khẳng định, muốn làm cách mạng tới cùng phải có một đảng cách mạng chân chính. Bởi vậy khi thời cơ tới, Người kịp thời hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước thành Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 03/02/1930...

Trước khi thành lập Đảng, cũng như khi có Đảng lãnh đạo đấu tranh để giành độc lập dân tộc, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 02/9/1945), cũng như suốt những thập niên kháng chiến chống thực dân Pháp, rồi chống đế quốc Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người rất coi trọng công tác giáo dục cán bộ; xây dựng, củng cố tổ chức đảng vững mạnh từ Trung ương tới cơ sở. Người luôn lấy con người làm trung tâm suy nghĩ và hành động. Trong cuốn sách Hồ Chí Minh - Vĩ đại một con người”, Giáo sư Trần Văn Giàu viết: “Cụ Hồ thuộc

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.130; t.1, tr.508.

bậc hiền triết lấy con người thật đang phải sống trên quả đất này làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động". Người coi "Dân là gốc - Cán bộ là công bộc của dân" nên suốt đời cống hiến không mỏi mệt vì độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Khi ở Quảng Châu, Người chủ động đào tạo một lớp cán bộ rất tiêu biểu như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Phạm Văn Đồng... Người xếp "*Tư cách một người cách mệnh; người cán bộ mẫu mực*" lên đầu cuốn sách *Đường cách mệnh*, đủ thấy công tác cán bộ là vấn đề quan trọng hàng đầu. Người nhắc cán bộ nên theo lời dạy của Khổng Tử "*Học không biết chán, dạy không biết mỏi*". Người khuyên "*Phải huấn và luyện. Huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc...*"<sup>1</sup>.

Khoa học, độc lập, tự chủ... những phong cách tự thân ở Người có sức lan tỏa mạnh mẽ. Người luôn ý thức về phép dùng binh của Tôn Tử "*Muốn thành công thì phải biết trước mọi việc*", nên khi giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Người nói rõ: "*Tên ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN* nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền"<sup>2</sup>. Người theo sát, nắm chắc mọi diễn biến thời cuộc, sự kiện; chọn đúng thời cơ để hành động cách mạng nên đã biến yếu thành mạnh, lấy ít thắng nhiều; huy động tổng lực sức mạnh toàn dân để giành chính quyền, như Lời kêu gọi tổng khởi nghĩa: "*Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*"<sup>3</sup>.

Chính quyền về tay nhân dân, nhà nước non trẻ có vô vàn việc phải làm. Người đóng diết nhắc nhở cán bộ: "Việc gì lợi cho dân,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.6, tr.359.*

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.3, tr.539; t.3, tr.596.*

ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”<sup>1</sup>. Người chỉ rõ: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”! “Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong”. Người định rõ phương cách chữa bệnh quan liêu, chủ quan, máy móc của cán bộ: “Bất kỳ việc to việc nhỏ: Phải xem xét kỹ lưỡng, Phải bàn bạc kỹ lưỡng, Phải hỏi dân kỹ lưỡng, Phải giải thích kỹ lưỡng cho dân, Phải luôn gần gũi dân”!<sup>2</sup>. Năm 1947, ở lán Khau Tý, xã Điem Mặc, huyện Định Hóa thuộc An toàn khu, vừa chỉ đạo kháng chiến, Người vừa biên soạn và hoàn thành sách *Sửa đổi lối làm việc* dùng làm tài liệu học tập cho cán bộ, đảng viên, góp sức thiết thực đẩy mạnh kháng chiến, kiến quốc; là cảm nang xây dựng, cung cố tổ chức đảng.

2. Từng trải suốt 30 năm tìm đường cứu nước, rồi cũng ngần ấy năm trở về giữa lòng Tổ quốc, Người luôn chan hòa với những người bị bóc lột như nguồn lạch vô tận bồi đắp nên tình cảm quốc tế, tình nhân dân với Đảng sâu đậm, không chẽ nghĩa nào lột tả cho hết. Tình thân ái ấy chân tình trong cả lá thư gửi lại các bạn cùng hoạt động ở Pháp, trước khi Người bí mật sang Liên Xô vào năm 1923. Đầu thư Người viết: “Các bạn thân mến! Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em”<sup>3</sup>. Kết thư: “Các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta!”<sup>4</sup>. Về nước tháng 01/1941, Người lưu lại ở Pác Bó, Cao Bằng, vùng đất có phần lớn dân tộc Nùng sinh sống hết sức nghèo khó. Ngày mới đến, Bác cùng những người giúp việc tắm giặt kỳ cọ cho các cháu nhỏ của người

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65; t.6, tr.308.

3, 4. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr.68, 71.

dân như con cháu trong gia đình. Thấy thế, một bà mẹ cứ tẩm tắc: “Ông già này thương người quá, chả biết vợ con ông ở đâu? Trong nhà mà có một người già như thế này thì thật là có phúc”!<sup>1</sup>. Năm 1961, trên cương vị Chủ tịch nước, Bác trở lại thăm Pác Bó. Đồng bào ùa ra vây lấy Bác, Bác thân thiện nói với mọi người: “Tôi về thăm nhà sao lại phải đón tôi”, khiến ai cũng rung rung nước mắt. Buổi ấy, Bác cùng ăn bữa cơm thân mật với gia đình ông Dương Đại Lâm. Bác bảo lấy chai rượu thuốc của Bác pha vào hũ rượu của ông Lâm để cùng uống. Bác bẻ cơm nắm mang theo chia cho mấy người cùng mâm, thân thương như ruột thịt... Tại thủ đô Hà Nội, những đêm giao thừa Người thường đến thăm các gia đình nghèo. Cho dù những chuyện này đến nay đâu đâu cũng biết, nhưng mỗi khi kể lại vẫn không thể cầm được nước mắt. Ấy là Tết Bính Tuất - 1946, Tết Độc lập đầu tiên Bác đến thăm người dân ở các ngõ hẻm thuộc phố Sinh Từ, phố Hàng Lọng... Xúc động trước cảnh gia đình một người đập xích lô không có Tết, chủ nhà đắp chiếu mê man vì sốt, Người lấy khăn lau nước mắt, nhắc thư ký ghi lại địa chỉ để báo với Chủ tịch Hà Nội... Tối 30 Tết năm 1960, Bác đến thăm gia đình chị Tín ở phố Hàng Chính. Giao thừa sắp tới mà chị Tín vẫn phải gánh nước thuê đổi lấy gạo để sáng mùng 1 Tết có cơm ăn cho các con. Gặp Bác, chị Tín mừng rỡ để rồi cả đôi thùng gánh nước, run run cầm lấy đôi bàn tay Bác: Cháu không ngờ lại được Bác tới thăm! Nói rồi, chị òa khóc. Bác an ủi: Bác không đến thăm những gia đình như cô thì thăm ai!... Bác vào nhà, thực ra chỉ là túp lều. Trên chiếc bàn gỗ rúp chỉ có nải chuối xanh và một nén hương. Chồng chị Tín là công nhân khuân vác đã mất cách đó mấy năm. Bốn đứa con, lớn nhất cũng mới 10 tuổi...

---

1. *Bác Hồ sống mãi với chúng ta*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.1, tr.393.

Trở về Bác kể lại tình cảnh nhà chị Tín cho Bộ Chính trị nghe, rồi nói: “Ta có chính quyền trong tay, nhưng chính quyền đó chưa thực sự là do dân, vì dân. Một số lãnh đạo các địa phương còn quan liêu và nặng về hình thức. Họ không chịu đi sâu, đi sát quần chúng, nên phục vụ quần chúng chưa tốt”<sup>1</sup>... Bức thư của Bác phúc đáp thư của cụ Phùng Lục ở huyện Ứng Hòa, Hà Đông khi cụ không tổ chức lễ thượng thọ tuổi 90 mà đem 500 đồng kính dâng Chủ tịch nước để xung vào Quỹ kháng chiến quốc, Bác viết:

*“Thưa cụ!*

Những vị Thượng thọ như cụ là của quý giá của dân tộc và nước nhà.

Trong ngày chúc thọ, cụ lại miễn sự tế lễ linh đình, mà đem số tiền 500 đồng quyên vào Quỹ kháng chiến. Như thế là cụ đã nêu cái gương hăng hái kháng chiến và cái gương sửa đổi cổ tục thực hành đời sống mới cho toàn thể đồng bào noi theo.

Cháu xin thay mặt Chính phủ cảm ơn cụ và trân trọng chúc cụ sống lâu và luôn mạnh khỏe để kêu gọi các con cháu ra sức tham gia công việc kháng chiến và cứu quốc.

Cháu lại kính gửi cụ lời chào thân ái và quyết thắng.

HỒ CHÍ MINH<sup>2</sup>.

Những dòng chữ và cách xưng hô trong bức thư phúc đáp ngắn gọn, đủ thấy Bác của chúng ta không chỉ trọng dân mà còn lẽ phép với người hơn tuổi. Tôi nhớ mãi chuyện Thủ tướng Nêru và nhân dân thủ đô Niu Đêli đón Bác trong chuyến thăm Ấn Độ năm 1958. Trên đài Chủ tịch, ở giữa hàng đầu có một cái ghế sơn son thếp vàng, bọc nhung đỏ giống như một ngai vàng. Thị trưởng

1. Vũ Kỳ: Thư ký Bác Hồ kể chuyện, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.87.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.521.

thành phố và Thủ tướng tha thiết mời Bác ngồi vào chiếc ghế trang trọng ấy, nhưng Bác nhất mực từ chối; phải thay chiếc ghế khác Bác mới ngồi khiến mọi người trong khán phòng đứng cả dậy vỗ tay hoan hô... Hôm sau, báo chí Ấn Độ loan tin: "Hồ Chủ tịch đã xóa bỏ một hình thức lẽ tân bằng một cử chỉ rất dân chủ"... Kế tiếp, sau buổi biểu diễn của các cháu thiếu nhi Ấn Độ tặng hoa chào mừng Bác và đoàn, Người ân cần dặn dò các cháu: "Mai sau các cháu sẽ thành đội quân hùng mạnh để xây dựng Tổ quốc, bảo vệ hòa bình... Đối với các cháu, Bác là Bác Hồ, chứ không phải Cụ Chủ tịch"! Các cháu vỗ tay, hô vang: "Bác Hồ! Bác Hồ!" Một cháu nhỏ chạy lên biểu Bác hai chiếc kẹo!...

Dân chủ. Đó là một trong những phong cách đặc sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người coi dân chủ là bản chất của Nhà nước ta. Người nhấn mạnh: "NUỚC TA LÀ NUỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra*. Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức* nêu. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều *ở nơi dân*"<sup>1</sup>. Người chỉ rõ chuyên chính dân chủ nhân dân: "*Dân chủ* là cửa quý báu nhất của nhân dân, *chuyên chính* là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại... Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ..."<sup>2</sup>.

Muốn vận động cách mạng thì phải dân vận khéo. Phải "tẩy sạch bệnh quan liêu mệnh lệnh", phải thương yêu nhân dân, gần dân, sát dân, hiểu dân, nghe dân... để định đoạt công việc. Cán bộ, đảng viên phải nói đi đôi với làm như lẽ sống ở đời. Phong cách

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232; t.10, tr.457.

của Người là tấm gương sáng rõ nhất về những điều kể trên. “Đến tận nơi, xem tận chỗ” mới dễ dàng đưa nghị quyết vào cuộc sống. Cho nên chỉ trong 10 năm (1955 - 1965), mặc dù công việc bận rộn, vậy mà Người vẫn có tới hơn 700 lần tới các địa phương, cơ sở thăm hỏi nhân dân, chiến sĩ, xem xét tình hình, kiểm tra công việc... Khi đất nước mới giành độc lập, đồng bào Hà Nội bị thiếu đói, Bác kêu gọi mọi người cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa để cứu đói. Bác nói và Bác thực hiện nghiêm ngặt. Thương Bác, đồng bào khắp nơi gửi thư lên Chính phủ và Bác, xin Bác đừng nhịn ăn. Nhiều người xin nhịn thêm thay cho Bác. Bác trả lời: “Tôi là người đề ra, tôi phải làm gương mẫu”<sup>1</sup>... “Bình sinh, Hồ Chủ tịch không thích hình thức, chống nói suông và rất coi trọng việc làm thiết thực. Từ năm 1927, viết về tư cách người cách mạng, ở trang đầu cuốn Đường kách mệnh, Bác đã dặn chúng ta: “Nói thì phải làm”” Đó là hồi ức của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong tác phẩm *Hồ Chủ tịch hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại*.

Tôi (người viết bài này) đã đôi lần tới hang Pác Bó noi Người về đây với tên gọi Già Thu trong bộ quần áo chàm; từng chụp hình lưu niệm bên suối Lênin, dưới chân núi Các Mác, noi Người cảm tác bằng thơ: “Non xa xa, nước xa xa/Nào phải thênh thang mới gọi là...”; từng lên lán Khau Tý ở Đèm Mặc, Thái Nguyên, noi những tháng đầu kháng chiến chống Pháp, Người về đây với đồng bào Tày, noi thế đất “Trên có núi, dưới có sông... Nhà thoáng, ráo, kín mít/Gần dân không gần đường”, để chiêm nghiệm cảm tác trước cảnh đẹp núi non của Người: “Tiếng suối trong như tiếng hát xa/ Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa/Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ/ Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. Và, tôi cũng đã từng tới lán Nà Lừa

---

1. Vũ Kỳ: Thư ký Bác Hồ kể chuyện, Sđd, tr.36.

(Nà Nưa) ở Tuyên Quang cùng nhiều nơi Người tới thăm dân, đi chiến dịch với chiến sĩ... đến đâu đều lưu nỗi nhớ sâu xa về đức khiêm tốn, gần dân, trọng dân với những lời khuyên nhủ ngắn gọn, thiết thực, dễ thuộc, dễ làm theo. Đó là bản lĩnh của Người, từ ăn vận, sinh hoạt đến giao tiếp rất đỗi tự nhiên nên giàu sức nêu gương. Đúng như báo chí Ấn Độ miêu tả: "Sau vẻ dịu hiền của Người là ý chí sắt thép; dưới bề ngoài giản dị là một tinh thần quật cường, anh hùng, không có gì uy hiếp nổi"<sup>1</sup>.

Khái quát biết bao trong câu chữ của Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc sinh thời: "Tất cả những gì tốt đẹp của dân tộc trong 4.000 năm lịch sử đều sống dậy tràn đầy sức mạnh hơn bao giờ hết trong thời đại Hồ Chí Minh"!. Càng tự hào, hân diện trong lời hào hùng của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại lễ kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã hun đúc nên sự nghiệp Hồ Chí Minh, thời đại Hồ Chí Minh - thời đại rực rỡ nhất, vinh quang nhất trong lịch sử dân tộc ta"<sup>2</sup>.

Học tập và noi gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh - tinh hoa của dân tộc, mãi mãi là lẽ sống làm người của chúng ta, của mọi thời đại!

Báo Nhà báo & Công luận, ngày 21/4/2020.

---

1. Bác Hồ sống mãi với chúng ta, Sđd, t.2, tr.804.

2. Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Lễ quốc gia 50 năm Di chúc Bác Hồ, vov.vn, ngày 30/8/2019.

## “ĐOÀN KẾT” - Ý THỨC THƯỜNG TRỰC CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

**N**ăm mươi năm đã qua đi. Vậy mà, tôi không sao quên được hồi 9 giờ, ngày 09/9/1969. Thời khắc ấy, tôi vừa bước chân lên phà Bến Gót, Việt Trì qua sông Lô sang Bến Hạc để về thôn Lạc Trung, xã Bình Dương ghi nỗi niềm của Anh hùng lâm nghiệp Nguyễn Văn Tân (cán bộ miền Nam tập kết) với Bác Hồ kính yêu khi Người về với thế giới người hiền, thì trời sầm sập đổ mưa. Đúng lúc ấy, tại Quảng trường Ba Đình cử hành trọng thể Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi qua những chiếc loa treo trên thân cột điện ở đôi bờ bến sông. Không cầm được nước mắt, không kìm nổi tiếng nấc bởi giọng nghẹn ngào của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất đọc Di chúc của Bác và Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: “*Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta không còn nữa. Tổn thất này vô cùng lớn lao! Đau thương này thật là vô hạn!*...”. Tôi bật khóc. Mọi người òa khóc!...

Ngày tháng đau thương xé lòng ấy dần qua đi, nhưng lời *Di chúc* của Bác và 5 lời thề trong Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ ấy cứ thấm đẫm trong tôi từng câu, từng chữ về tình cảm của Người với non sông đất nước, với Đảng, với dân: “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta*”<sup>1</sup>. Lời Người chắt ra từ tâm khảm, từ vô vàn niềm tin yêu với chúng ta

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611.

và các thế hệ mai sau: “*Đoàn kết là một truyền thống...*”, tâm nguyện ấy của Bác như lời tiên tổ thiêng liêng ẩn mãi trong tâm thức chúng ta. Người nhắc: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”<sup>1</sup>. Đó là tư tưởng, là đạo đức, là văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Di chúc lịch sử - tiếng lòng của Người thêm lần khắc họa: Bác của chúng ta là người Việt Nam đẹp nhất. Người luôn lấy con người làm trung tâm của mọi tư duy, làm chủ đích cho mọi hành động. Chân lý hiển nhiên với Người, vì con người luôn là nhân tố quyết định mọi thành bại của cách mạng.

Trong bài nói chuyện tại trường Đại học Nhân dân (ngày 08/12/1956), Người mượn câu mở đầu trong *Tam tự kinh* “Nhân chi sơ tính bản thiện” làm tiêu đề cho bài nói, rằng: “Nhân nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Thiện nghĩa là tốt đẹp, vẻ vang. Trong xã hội không gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”<sup>2</sup>. Xuất phát từ quan điểm ấy, nên Người luôn dạy phương pháp làm việc cho cán bộ, đảng viên phải hết lòng vì dân.

Thư gửi các kỳ, tỉnh, huyện, làng ngày 17/10/1945, Người viết: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng ý nghĩa gì... các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân”<sup>3</sup>... Người định phương cách làm việc rất rõ ràng cho cán bộ: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”<sup>4</sup>.

---

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.611; t.10, tr.453; t.4, tr.64; t.4, tr.65.

Trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, Người nhấn mạnh: Cán bộ phải có 5 đức tính căn bản: “Nhân - Nghĩa - Trí - Dũng - Liêm”! Cán bộ, đảng viên phải mẫu mực, có tư cách, nêu cao tinh thần phê và tự phê. Phải luôn ý thức xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc!

Với những người làm báo là hội viên trong tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam, Người dạy: “Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của Hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau để nâng trình độ chính trị và nghiệp vụ”<sup>1</sup> (Đại hội lần thứ II Hội Nhà báo Việt Nam, 1959).



*Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vị trí, vai trò của báo chí cách mạng và người làm báo trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân*

*Ảnh: Tư liệu*

Quan điểm, tư tưởng, đạo đức nhất quán ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là đề tài, là chủ đề tư tưởng để khai thác, thể hiện

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.12, tr.166.*

trong hết thảy các thể loại báo chí, các phương tiện thông tin, để góp sức cùng sự nghiệp cách mạng vang danh của dân tộc.

Bởi lẽ hiển nhiên, như lời Điều văn mà đồng chí Lê Duẩn đọc: “Người dạy: Sức mạnh của Đảng là ở sự đoàn kết nhất trí...”! Bởi lẽ, trong toàn bộ di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì xây dựng tổ chức đảng vững mạnh là vấn đề Người đặc biệt quan tâm trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng.

Tư tưởng đoàn kết của Người là: Đoàn kết làm ra sức mạnh! Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta! Đoàn kết thống nhất trong Đảng là tư tưởng nổi bật nhất ở Người. Trong đấu tranh cách mạng để giải phóng dân tộc, Người coi đoàn kết là chiến lược để tập hợp lực lượng. Đoàn kết là chính sách, là mục tiêu, là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Đoàn kết là nền tảng để liên minh công - nông - trí thức. Đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của Đảng để phụng sự Tổ quốc.

Tư tưởng trên đây cũng là hành động cách mạng của Người khi Người vận động cách mạng cũng như những khi Người gặp gỡ đồng bào, chiến sĩ. Người nhắc cán bộ, đảng viên, đó không phải là đoàn kết hình thức, giả tạo, nó phải thể hiện trong tư tưởng, hành động.

Với nhân dân, Người căn dặn: “Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!”<sup>1</sup>. Với tổ chức của Đảng, người chỉ rõ nguyên tắc đoàn kết để tạo ra sức mạnh, thì: “Phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình”<sup>2</sup>; Đảng viên phải nghiêm túc phê bình và tự phê bình. Đây là cách tốt nhất để phát triển và củng cố sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng. Đây cũng là quy luật phát triển Đảng.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.3, tr.266; t.12, tr.544.*

50 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ kính yêu và thực hiện lời thề của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước anh linh Người, các hội viên nhà báo và báo giới Việt Nam luôn luôn tuân theo sự lãnh đạo và định hướng tư tưởng của Đảng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong đó, đoàn kết thống nhất trên nền tảng đường lối, quan điểm của Đảng vì lợi ích dân tộc trở thành ý thức thường trực của các nhà báo, của các cơ quan báo chí. Nhận thức ấy đã trở thành tâm thức thường trực khi nhà báo tác nghiệp, tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin và quyết định loan tin đến công chúng.

Quán triệt quan điểm đoàn kết thống nhất của Người, báo chí Việt Nam luôn luôn nêu cao đạo đức cách mạng của Đảng, góp phần xây dựng và phát huy cái tốt đẹp của Đảng, nhân dân và toàn xã hội; quyết liệt đấu tranh, phê phán căn bệnh quan liêu, tham nhũng, lãng phí; cá nhân chủ nghĩa, xa dân... mà lúc sinh thời Người chỉ danh, chỉ diện là “giặc nội xâm”. Báo chí luôn góp sức tuyên truyền để Đảng ta thực hiện đúng Di chúc của Người: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là đầy đủ thật trung thành của nhân dân”<sup>1</sup>.

Ở thời hội nhập, hon lúc nào hết, nội bộ báo giới càng phải đoàn kết chặt chẽ, thống nhất trên nguyên tắc của Đảng. Coi trọng tự phê bình và phê bình trên tinh thần đồng chí, thương yêu, giáo dục, bồi dưỡng lòng nhân ái cho nhau. Giúp nhau học tập nắm vững quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng trong từng thời kỳ để nâng cao chất lượng, hiệu quả thông tin. Thực tiễn 50 năm thực hiện Di chúc của Người, báo giới Việt Nam đã làm tròn bổn phận là cơ quan ngôn luận của Đảng, là phương tiện thông tin đại chúng hữu hiệu của Nhà nước, là diễn đàn tin cậy của nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.612.

Báo chí đã tinh tường hơn, dũng cảm hơn, mạnh mẽ hơn, sâu sắc, đa chiều, tương tác hơn trong công tác xây dựng chính đốn Đảng vững mạnh về năng lực. Thắng thắn phê phán những cán bộ, đảng viên hư hỏng, vi phạm pháp luật, cá nhân, cơ hội chủ nghĩa, mất đoàn kết nội bộ, thoái hóa, biến chất, cục bộ, địa phương, phe nhóm lợi ích, thiếu công tâm. Phát hiện, tuyên truyền những gương cán bộ, đảng viên tốt, đặc biệt là cấp lãnh đạo để những tấm gương đẹp lan tỏa trong cộng đồng dân cư, để Đảng thân yêu của chúng ta luôn thực hiện tốt tâm nguyện của Người: Hết lòng hết sức giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, làm hạt nhân cho khối đoàn kết toàn dân, bảo đảm cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam hoàn toàn thắng lợi!

Sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc trong 50 năm thực hiện Di chúc Bác Hồ, ở đó có công đóng góp không hề nhỏ của báo chí Việt Nam. Bởi, vâng theo Di chúc của Người: “Đoàn kết” - Mai là đê tài thường trực của báo chí. “Đoàn kết” - Báo giới Việt Nam luôn trong một nhà!

Tạp chí *Người làm báo*, tháng 5/2019.

## ĐỌC “TÚ TÔN CHÂM” - NGÃM LỜI BÁC DẠY

**T**ôi thuộc nǚm lòng lời vàng ngọc của cụ Nguyễn Khắc Niêm khi triều kiến vua Thành Thái, vị vua thứ 10 của triều Nguyễn: “Tôn tộc đại quy/Tôn lộc đại nguy/Tôn tài đại thịnh/Tôn nịnh đại suy”(\*)! Các con cháu cụ Niêm gọi đó là “Tú tôn châm”. Nhiều người coi đấy là phuơng châm “trị quốc” và cũng coi đó là 16 chữ vàng tôn vinh tư chất đẹp của người Việt Nam.

Tư tưởng ấy, lời răn ấy càng có ý nghĩa khi cán bộ, đảng viên đang sỏi nỗi học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh để Đảng ta mãi xứng là đảng cầm quyền.

### **Tôn tộc đại quy**

Từ xa xưa dân ta đã truyền nhau: “Con người có tổ, có tông/Như cây có cội, như sông có nguồn”. Lê đời, dân của nước phải hiểu lịch sử đất nước. Con cháu trong gia đình phải hiểu tổ tiên của mình. Ấy là phận làm dân, làm con, cháu, chắt, chít... Chẳng thế mà, khi chữ viết chưa phổ biến, chưa có công nghệ in ấn... nhưng nhờ những phiến đá cổ khắc chữ khai quật được nên người Arập đã xác định địa điểm hình thành các bộ lạc đầu tiên của mình sống du mục cùng tổ tiên từ phía Nam bán đảo Arập tới Trung Đông rồi định cư tại đây, cùng dân bản xứ lập nên nhà nước Xyri... Tương tự, nhiều nước ở phuơng Đông dùng chữ tượng hình ghép từ những tấm lá bằng vàng, bạc hoặc đồng để ghi chép vương phả

của dân tộc mình<sup>1</sup>.... Các dòng họ người Việt luôn dạy nhau tôn tộc, đóng góp công sức, tài chính để thờ phụng, tôn tạo lăng mộ; lập tủ sách dòng họ, khuyến học, khuyến tài; với ước mong “*Tổ tiên công đức muôn đời thịnh/Con cháu thảo hiền vạn đại vinh*”. Dòng họ hòa hợp sẽ góp phần tạo nên sự hòa hợp của dân tộc, của đất nước, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đoàn kết là chiến lược nhằm tập hợp lực lượng đấu tranh cách mạng. Tư tưởng của Người là: Đoàn kết làm ra sức mạnh; đoàn kết là then chốt của thành công. Tôn tộc góp phần làm nên sức mạnh của dân tộc, đại quy cho non sông đất nước. Kháng chiến chống thực dân Pháp thành công, viếng các Vua Hùng tại Đền Giếng bên sườn Nghĩa Lĩnh, Người dạy: “*Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*”<sup>2</sup>. Tưởng nhớ, biết ơn các Vua Hùng là đạo lý, nhưng phải biết tự tôn dân tộc “*cùng nhau giữ lấy nước*”. Đến hôm nay, mỗi khi mùng 10 tháng Ba về - Lễ và Hội Đền Hùng như nguồn sáng cho cháu con cả nước hướng vọng. Để nhận ra công sức cha ông: “*Mở lối đắp nền, bốn mặt non sông quy một mối/Lên cao, nhìn rộng, ngàn trùng đồi núi tựa đàn con*” (câu đối).

### **Tôn lộc đại nguy**

Ngạn ngữ Nga có câu: “Khi đồng tiền lên tiếng là khi sự thật im lặng”. Một nhà văn hóa lại viết: “Tiền bạc là phương tiện của người thông minh, là mục đích của những kẻ ngu ngốc”. Dân gian ta chắt lọc ra: “Tiền dùng đúng tiền hiền như Phật/ Bạc xài lâm bạc ác hon ma”... đều thấy bản tính hai mặt của tiền bạc. “Tôn lộc đại

1. Xem Phan Quang: *Sử thi huyền thoại Đông Tây*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 2009.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.59.

nguy". Nôm na "lộc" là quà. Ít là sự thơm thảo chứa chan tình người. Nhiều là dụng ý "bẩn", "lộc lớn" thường kích động lòng tham lam của người nhận, nhất là những người có quyền "quyết sách, ban phát". Lòng tham thường tăng "sức" lạm quyền, lộng quyền; lan tỏa từ ngầm ngầm đến thân nhiên nhũng nhiễu, vơ vét để "vinh thân phì gia", để cho phe nhóm dưới vỏ bọc mĩ miều "lợi ích xã hội". Nhận lộc từ tiền bạc, kim cương, đá đen, đá đỏ tới biệt thự, đất đai, xe cộ... Trả lộc bằng tất cả nhũng gì người "dâng lộc" muốn... nên dẫn tới trái phải đảo lộn, người ở cương vị "làm gương" sinh ra "tự diễn biến", "tự suy thoái", "tự chuyển hóa"... khiến niềm tin của công chúng phai mờ. Nhân tiền, ấy là nhũng vụ án trọng điểm được xét xử, cho thấy rõ sự nguy hại của "lộc". Càng thấm thía "Nhân nghĩa làm cao con người/Tiền tài danh vọng làm nhục con người". Người ta lấy ngân sách để biếu nhau, quà cáp cho nhau trăm tỷ, ngàn tỷ. Người ta nhận lộc để rồi sau đấy bỏ sau luật pháp, ban phát cho nhau đất đai, nhà cửa công sản, khuynh đảo xã hội, nguy hại đến vận mệnh quốc gia. Đó chính là "giặc nội xâm" như Bác Hồ kính yêu đã chỉ danh chỉ diệu!

Thán phục bản lĩnh cao cường của Nguyễn Khắc Niêm dám đưa ra châm ngôn ứng xử cho cả vua chúa, chúng ta càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ kính yêu ngay từ lúc mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"<sup>1</sup> (Sửa đổi lỗi làm việc - X.Y.Z). Đồng thời theo pháp luật, Bác cũng nghiêm trị tội tham ô của Cục trưởng Cục Quân nhu Trần Dự Châu ngay tại chiến khu Việt Bắc (năm 1950). Lòng tin với Đảng, với Nhà nước đang được khơi lại như lời Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng:

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.289.

“Chúng ta phải chống cho được tệ bè phái, cục bộ, cá nhân chủ nghĩa trong công tác cán bộ, không để bị lợi ích nào cám dỗ”<sup>1</sup>. Và, “Bất cứ ai cũng không có quyền lực tuyệt đối ngoài pháp luật, bất kỳ ai sử dụng quyền lực đều phải phục vụ nhân dân”<sup>2</sup>!

### Tôn tài đại thịnh

“Nhà ta coi chẽ hơn vàng/Coi tài hơn cả giàu sang trên đồi”. Thơ Nguyễn Bính và cũng là tự bạch chân tình của ông. Cũng như tác giả của “Tứ ngôn châm”, nhà đồng con nhưng người nào cũng giàu chữ nghĩa (Nguyễn Khắc Viện là nhà văn hóa lớn, Nguyễn Khắc Dương là giáo sư thần học, Nguyễn Khắc Phi là giáo sư văn học, Nguyễn Khắc Phê - nhà văn...). Soi vào lịch sử, càng rõ các bậc tiền bối “khai quốc công thần” luôn rạng ngời phẩm chất, đạo đức cách mạng, thanh bần, đậm bạc, mẫu mực trong cuộc sống đời thường. Âu cũng là nét tài, nét đẹp. Tài năng, trí tuệ, hiểu biết, tư duy sắc sảo luôn là những tố chất để góp phần bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Cho nên, cách nay hơn 500 năm cụ Thân Nhân Trung đã nói: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”! Dân tộc ta luôn trọng người tài. Bởi người tài là người có bản lĩnh, cá tính, minh triết, ngay thẳng. Họ luôn luôn để chúng ta nể trọng (giàu sang không thể cám dỗ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy quyền không thể khuất phục). Cái tài của người lãnh đạo là biết nghe, dám nghe những lời phản biện, dám cãi, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Hơn nữa cũng phải biết nhín, biết phát hiện và biết sử dụng người tài, đồng thời phải là người có ý chí mạnh mẽ. Hắn như vậy, nên sử sách mới lưu truyền danh ngôn: “Không có tài năng vĩ đại

---

1. Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị tổng kết công tác đảng, ngày 19/01/2018.

2. Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bế mạc Hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng, ngày 25/6/2018.

nào thiếu đi được ý chí mạnh mẽ” (Balzac), và “Một trong những tài năng lớn lao nhất là tài năng nhận ra và phát triển tài năng ở người khác” (Frank Tyger). Bác của chúng ta đã nói cụ thể, sát thực hơn về tài đức cần có của người cán bộ cách mạng: “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”! Dùng người tài, không chỉ do phát hiện ra mà phải bồi dưỡng, dạy dỗ. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người viết: “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”<sup>1</sup>. Cho nên, Đảng phải luôn nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu: “Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”<sup>2</sup>; “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>3</sup>. Thiển nghĩ, đó là phương sách, là nghệ thuật, là phong cách khoa học dùng người của Bác mà Đảng ta phải nghiêm túc thực hiện.

### **Tôn nịnh đại suy**

Xu nịnh thường ẩn trong tâm mưu kẻ bất tài. Khi đó phần đông con người lại thích những lời đường mật, tung hô, tâng bốc. Bởi thế, Nguyễn Khắc Niêm mới thảng lời cảnh báo “Tôn nịnh đại suy”. Ngẫm ra, chỉ có người lãnh đạo thực sự cách mạng, thực sự bản lĩnh, chí khí, tâm đức trong sáng mới trọng dụng những người ngay thẳng, dám cãi, dám phản biện, dám cảnh tỉnh; và mới không có chỗ để kẻ xu nịnh sống dựa như ký sinh trùng. Danh ngôn khuyết danh dạy rằng: “Ai vạch cho tôi sai lầm, đó là thầy của tôi. Ai chỉ cho tôi những hành động sai trái, đó là bạn tôi. Còn ai phinh nịnh tôi, đó là kẻ thù của tôi”. Người đời khuyên nhủ nhau tinh táo trước những lời phinh nịnh: “Không có cách nào khác để bảo vệ mình khỏi lời xu nịnh ngoài việc khiến người ta hiểu rằng nói với bạn sự thật sẽ không xúc phạm bạn”.

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.5, tr.313, 313, 309.*

Với người lãnh đạo mà ưa xu nịnh thì vô cùng nguy hại, là dấu hiệu của sự suy thoái, đại bại, “đại suy”. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Người ta thường phạm những chứng bệnh sau này: 1. Tự cao tự đại, 2. Ưa người ta nịnh mình, 3. Do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người, 4. Đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lấp vào tất cả mọi người khác”<sup>1</sup>. Cho nên Bác đã dạy cán bộ lãnh đạo phải: “Hiểu biết cán bộ - Biết người, cố nhiên là khó. Tự biết mình, cũng không phải dễ. Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái của mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu”<sup>2</sup>. Chỉ như thế chúng ta mới là tấm gương trong, mới loại bỏ thói nịnh bợ; sự “đại suy” cho tổ chức, cho xã hội và cho đất nước!

(\*) Thành Thái là vị vua trị vì (từ năm 1889 đến năm 1907) có tinh thần tự cường dân tộc, cầu tiến, thiên về cải cách nên luôn vi hành để được gần dân, hiểu dân. Ông khinh ghét, xem thường những kẻ xu nịnh, thẳng thừng khước từ bổ nhiệm một số quan lại được giám sứ Lesveque và Hội đồng Thượng thư thỏa thuận, nên bị phế truất (ngày 29/7/1907). Dân gian lưu truyền rằng, đầu năm Đinh Mùi (1907) sau khoa thi Đình tại Huế, các tiến sĩ đồng khoa (trong đó có Nguyễn Khắc Niêm) được triều kiến. Vua Thành Thái yêu cầu các tân khoa góp kế để phục hưng đất nước. Tiến sĩ Nguyễn Khắc Niêm, khi ấy mới ở tuổi 18 (sinh năm 1889, tại làng Gôi Vị, nay là xã Sơn Hòa, Hương Sơn, Hà Tĩnh; sau là đại thần triều Nguyễn, từng đảm chức Thượng thư Bộ Lễ, Phủ doãn Thừa Thiên, Tổng đốc Thanh Hóa) đã dâng “Tứ tôn châm” kể trên.

Tạp chí Người làm báo, tháng 7/2018.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.317.

## CÁN BỘ PHẢI HẾT LÒNG VÌ NHÂN DÂN

**T**ư tưởng và hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đồng nhất. Yêu nước, thương dân là nguồn mạch xuyên suốt mọi hành động cách mạng của Người. Giai đoạn nào cũng vậy, việc gì cũng thế, Người đều đau đáu một nỗi lòng vì dân vì nước. Bởi vậy, phong cách quần chúng của Người như “thần lực” để cán bộ, đảng viên noi theo, sao cho xứng đáng là đầy tớ trung thành của nhân dân.

Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào nên Người sớm ra đi tìm đường cứu nước. Gắn bó mật thiết với Tổ quốc, với nhân dân nên Người chân tình nói với các nhà báo quốc tế: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”<sup>1</sup>. Tin tưởng tuyệt đối vào nhân dân, nên Người rất dày công vun đắp mối liên hệ bền chặt giữa Đảng với dân, Người coi đó là cội rễ thắng lợi của cách mạng. Trong thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, ngày 17/10/1945, Người viết: “Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng ý nghĩa gì... các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là công bộc của nhân dân”<sup>2</sup>. Người chỉ rõ phương pháp làm việc của cán bộ phải là: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.187, 64.*

kính dân, thì dân mới yêu ta, kính ta”<sup>1</sup>. Đó là tinh thần phụ trách trước dân của cán bộ đảng viên mà Bác hằng vun đắp. Người phê phán mạnh mẽ thói quan liêu, cậy thế cậy quyền, cá nhân chủ nghĩa, cục bộ địa phương, dân chủ “giả vờ” của một bộ phận cán bộ. Nói chuyện với nhân dân và cán bộ tỉnh Nam Định (ngày 25/5/1963), Người chỉ rõ: “Cán bộ từ Trung ương đến xã đều phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên cần phải xung phong gương mẫu trong mọi công việc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Đồng bào cần phải luôn luôn giúp đỡ và phê bình cán bộ để họ làm tròn nhiệm vụ”<sup>2</sup>. Nói sao thì Người làm như vậy. Sinh thời, Người rất năng xuống các địa phương, các hợp tác xã nông nghiệp, công trường, xí nghiệp, các đơn vị vũ trang... xem xét, kiểm tra công việc; thăm hỏi người già, trẻ nhỏ, chiến sĩ. Đến với vùng úng, vùng hạn, lội đồng, thăm ruộng... rất đỗi bình dị như người trong cuộc cùng đồng hành, chia sẻ, ân cần chỉ bảo; và để xem xét, định ra chủ trương, chính sách sát hợp... Phong cách quần chúng ấy là tấm gương ngời sáng cho lớp lớp các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhà báo chúng ta noi theo. Bốn phận công dân của nhà báo không chỉ thượng tôn pháp luật, mà phải gánh vác trách nhiệm xã hội trên mặt trận thông tin tuyên truyền phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước. Học theo Bác, mỗi nhà báo chúng ta phải ý thức rất cao lời dạy của Người: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”. Chỉ như thế, các nhà báo mới nồng nỗi dấn mình vào thực tế, nồng nỗi tìm tòi, cổ vũ, nhân rộng những tấm gương “người tốt, việc tốt”, những điển hình tiên tiến; những mô hình và những nhân tố tích cực này sinh trong cuộc sống, góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.65; t.14, tr.110.*

nghĩa thân yêu của chúng ta. Chỉ như thế, chúng ta mới quyết liệt đấu tranh với những thói hư, tật xấu; những cá nhân, tổ chức cố ý làm trái pháp luật; những cán bộ, đảng viên (suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” - Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII). Chỉ như thế, thông tin của nhà báo mới có chất lượng cao, đúng bản chất; mới không lạc đề tiếng xấu cho những nhà báo tốt. Học Bác, ngẫm về nghề báo, tự thấy mỗi người làm báo chúng ta phải thực sự dấn mình vào cuộc sống xã hội, hòa đồng với người lao động để thấu hiểu về họ hơn nữa. Chỉ như thế nhà báo mới tự mình phát hiện ra những điều hay lẽ phải, cái tích cực và cái tiêu cực, những vấn đề đang nảy sinh (nghề báo gọi là tư liệu, chi tiết) do nhà báo tự khai thác tạo nên sự sinh động, hấp dẫn của tác phẩm báo chí.

### **Khoa học, thiết thực, cụ thể với công việc**

Hơn ai hết, nhà báo phải hết sức coi trọng chất lượng thông tin. Chất lượng thông tin làm nên bởi nội dung thông tin (đúng, trúng, hay), ở đó tính trung thực là thước đo quan trọng nhất. Từ phong cách làm việc khoa học, thiết thực, sát thực của Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp các nhà báo chúng ta suy ngẫm mỗi khi sáng tạo ra tác phẩm. Người dạy: “Gặp mỗi vấn đề, ta phải đặt câu hỏi: Vì sao có vấn đề này? Xử trí như thế này, kết quả sẽ ra sao? Phải suy tính kỹ lưỡng. Chớ hasty, chớ làm bừa, chớ làm liều. Chớ gặp sao làm vậy”<sup>1</sup>. Người đòi hỏi gắt gao, đảng viên phải rèn luyện tính đảng: “Một là: Phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết. Hai là: Việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn... Ba là: Lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau”<sup>2</sup>... Về mặt Đảng: “1. Phải nghiêm

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.5, tr.279, 307.*

ngặt *kiểm tra*, các địa phương phải kiên quyết thực hành những nghị quyết của Đảng. Kiên quyết chống lại cái thói nghi quyết một đường thi hành một néo. 2. Nói nào sai lầm, ai sai lầm, thì lập tức *sửa chữa*. Kiên quyết chống thói nể nang và che giấu, chống thói “trước mặt thì nể, kề lề sau lưng”. Phê bình thì phải rõ ràng, thiết thực, ngay thẳng, thành thật”<sup>1</sup>. Người nhắc nhở những người làm báo, phải có trách nhiệm thông tin: “Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chó nói, chó viết”<sup>2</sup>. Kinh nghiệm viết báo của Bác là bài học quý giá cho chúng ta ghi lòng, tạc dạ: “Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi: Viết cho ai xem? Viết để làm gì? Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc”<sup>3</sup>. Trả lời những điều tự vấn ấy sẽ giúp cho bài viết của nhà báo rõ đích; thông tin đến đúng đối tượng; diễn đạt hấp dẫn, văn phong phù hợp với bạn đọc.

Tác phong làm việc khoa học của Người có được là nhờ văn hóa uyên thâm, tư duy sắc sảo, bản lĩnh chính trị vững vàng. Theo Bác, học Bác, trước hết nhà báo phải rèn luyện bản lĩnh chính trị, suốt đời phấn đấu vì mục tiêu: “Độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội”. Người dạy: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong”<sup>4</sup>. Người khuyên các nhà báo: ... tất cả những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v.) phải có *lập trường chính trị vững chắc*. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được”<sup>5</sup>. Người làm báo, có ba công việc thường nhật, ấy là: tiếp nhận thông tin; xử lý thông tin; quyết định loan tin. Nói thì đơn giản, nhưng đó là cả núi công

---

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.307-308; t.5, tr.346; t.13, tr.465; t.2, tr.279; t.12, tr.166.

việc. Việc nào cũng cần đến thái độ khoa học, tư duy sắc sảo khi tiếp nhận thông tin; mồi mẻ trong phân tích, lý giải, thực hư, phải, trái, lợi hại, khi xử lý thông tin; bản lĩnh chính trị vững vàng, chắc chắn khi quyết định loan tin. Với lĩnh vực quản lý nhà nước, Người khuyên: Muốn quyết định vấn đề gì thì phải điều tra, nghiên cứu rõ ràng. Có nắm chắc thì mới đề ra chính sách đúng. Có đúc kết kinh nghiệm thì mới đề ra khuôn mẫu cho những công việc khác. Phong cách làm việc, nhìn nhận khoa học ở Người còn thể hiện rất rõ trong công tác cán bộ. Trong buổi nói với những cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm ngày 09/12/1961, Người nhắc nhở: “Thế hệ già thua thế hệ trẻ mới là tốt. Các cháu không hơn là bệt. Bệt là không tốt. Người ta thường nói: “Con hon cha là nhà có phúc”. Ta hiểu như thế, nhưng không có tư tưởng thụt lui, nạnh kẹ: Tao làm cách mạng già đòi không được gì. Nó mới vào, mà Bộ trưởng, Thủ trưởng, Chủ tịch, Chủ nhiệm, v.v.”<sup>1</sup>. Người thường nói: Phải biết lựa chọn cán bộ và sử dụng cán bộ. Dùng nhân như dụng mộc. Phải chí công vô tư trong tuyển chọn, xem xét và bổ trí cán bộ. Giao việc cho cán bộ thì phải kiểm tra, kiểm soát thường xuyên từ trên xuống, từ dưới lên một cách có hệ thống. Cán bộ phải tránh nói nhiều, làm ít; thích đăng đàn “khai mạc”, “diễn văn”; quan liêu, xa rời nhân dân... Thật sống động và ý nghĩa biết bao!

Thiển nghĩ, những điều học từ tác phong làm việc của Bác Hồ kính yêu như thế, không chỉ bổ ích đối với cán bộ, đảng viên mà còn là những định hướng quan trọng và đề tài bổ ích cho các nhà báo chúng ta ở thời kỳ đổi mới và hội nhập, học tập, vận dụng và làm theo!

Tạp chí *Người làm báo*, tháng 12/2016

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.274.

## ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG

**C**hủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ thiên tài của dân tộc mà còn là người thầy vĩ đại nhất của báo chí cách mạng Việt Nam. Tư tưởng nhất quán của Người về mục đích cách mạng, đối tượng vận động cách mạng, vai trò tuyên truyền, định hướng hành động cách mạng cho công chúng đã khởi nguồn cho báo chí cách mạng Việt Nam đồng hành cùng dân tộc suốt 90 năm qua (kể từ tờ *Thanh niên* do Người sáng lập - 21/6/1925).

Đọc Người - Học tấm gương làm báo của Người, chúng ta không thể nào quên: Từ tuổi thành niên đặt chân đến xứ trời Âu, rồi bôn ba qua nhiều châu lục, tìm hiểu về các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và “cùng khổ” với các dân tộc bị áp bức, bóc lột; được đánh thức bởi bản Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lenin trên báo l'Humanité năm 1920, Người đã tìm thấy con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc. Bắt đầu từ đây, Người chú tâm tìm mọi cách để đưa tư tưởng cách mạng vô sản về Việt Nam... Người xác định phương tiện tốt nhất để giáo dục, truyền bá, để bồi dưỡng tư tưởng cách mạng vô sản, để vận động cách mạng tốt nhất và trước hết chính là báo chí; là tờ báo của người Việt Nam, viết cho người Việt Nam, phục vụ người Việt Nam. Người miệt mài học tập, chau chuốt ngôn từ, tập viết từ những dòng tin vắn, từ bõ ngõ đến thành thạo với công việc làm báo. Cho nên, ngay từ khi ở Liên Xô

trở về phương Đông vào đầu năm 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc), cùng với việc bắt tay thành lập tổ chức *Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, biên soạn tài liệu, mỏ l López đào tạo thanh niên, Người đồng thời sáng lập ra tờ báo *Thanh niên*. Đó là tờ báo cách mạng đầu tiên, tờ báo vô sản đầu tiên của người Việt Nam, xuất bản số đầu vào ngày 21/6/1925. Vì vậy, ngày 05/02/1985, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 52-QĐ/TW, lấy ngày 21/6 là Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam! Đây chính là cơ hội để Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan báo chí nối tiếp nhau bồi dưỡng truyền thống cách mạng, tổng kết những thành tích và kinh nghiệm để báo chí không ngừng đổi mới, phát triển mạnh, vững chắc, phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Sự mẫn mực của báo *Thanh niên* do Người chủ trì (dù chỉ tồn tại hơn 2 năm) đã thực sự nêu cao ngọn cờ tuyên truyền, vận động và tổ chức cách mạng trong nước, hướng tới yêu cầu cấp bách và tất yếu là xây dựng và thành lập Đảng. Đó là tờ báo cách mạng mẫn mực ở thời điểm đó, bởi nó thực sự đảm trách vai trò là cơ quan ngôn luận của tổ chức *Việt Nam Cách mạng Thanh niên*.

Kể từ khi ra đời của tờ *Thanh niên*, báo chí cách mạng Việt Nam liên tục hình thành và phát triển theo nhịp bước của cách mạng. Sau sự ra đời của Đảng ngày (03/02/1930), có tới trên 100 tờ báo và tạp chí của Đảng từ Trung ương tới địa phương, tiêu biểu là *Tạp chí Cộng sản* ngày 05/8/1930, nhưng liên tiếp bị đế quốc, thực dân đàn áp, truy lùng... Tới thời kỳ mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh (1936 - 1939) chuyển sang hoạt động công khai, báo chí phát triển rầm rộ tới gần 300 tờ với sự cách tân rõ nét về cả nội dung và hình thức, đòi quyền dân sinh, dân chủ... Những tờ báo tiêu biểu ở thời kỳ này là *Hồn Trẻ tập mới* (của Đảng bộ Hà Nội); các tờ *Hà Thành thời báo*; *Thời thế*; *Tin tức* (1937 - 1938); ở Sài Gòn có tờ *Dân chúng*, cơ quan của Trung ương

Đảng... Sự sôi động của báo chí đã tác động đến thái độ của nhà báo, công khai ủng hộ Mặt trận dân chủ do Đảng ta lãnh đạo, cho nên chính quyền phản động đã lồng lộn tìm cách bóp nghẹt, truy lùng những người viết và cả những người đọc báo... Tiếp đến là báo chí trong cao trào cách mạng mới (1939 - 1945), thời kỳ này Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, giuong cao ngọn cờ độc lập dân tộc, với sự ra đời của *Mặt trận Việt Minh*, đoàn kết toàn dân vùng lên đánh Pháp, đuổi Nhật, hướng tới thắng lợi bằng Tống khói nghĩa.

Vận hội mới - Dân có Nước. Báo chí cách mạng nở rộ, trưởng thành và phát triển... Các cơ quan báo chí chính thống của Đảng và Nhà nước với nhiều loại hình nhanh chóng định hình vị thế của mình, như: *Đài Tiếng nói Việt Nam* (ngày 07/9/1945), *Thông tấn xã Việt Nam* (ngày 15/9/1945), *Báo Nhân Dân* (ngày 11/3/1951), *Báo Quân đội nhân dân* (ngày 20/10/1950), *Truyền hình Việt Nam* (năm 1970). Khi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước diễn ra thì tính cách mạng của báo chí thể hiện hết sức rõ ràng. Tính cách mạng, chất lượng thông tin báo chí và trách nhiệm chính trị của báo chí ngày càng được nâng cao, nhất là từ khi tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam ra đời (ngày 21/4/1950), tới nay đã 65 năm với 9 kỳ đại hội, Hội luôn gắn kết chặt chẽ với các cơ quan chỉ đạo và quản lý báo chí trong định hướng tuyên truyền; bồi dưỡng chính trị và kỹ năng nghiệp vụ cho hội viên nhà báo theo đúng lời dạy của Bác kính yêu: ...“những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v.) phải có lập trường chính trị vững chắc. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì việc khác mới đúng được”<sup>1</sup>. Cho nên, suốt chặng đường cách mạng, chống Pháp, chống Mỹ, bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.166.

Bắc, gìn giữ biển đảo... cùng sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, báo chí Việt Nam luôn luôn thể hiện khí phách của dân tộc Việt Nam, luôn hướng tới mục tiêu trước nhất là: Vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... Tính cách mạng của báo chí (30 năm đổi mới vừa qua) không chỉ góp phần vào sự nghiệp đổi mới tư duy do Đảng khởi xướng, mà chính báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam các cấp cũng thực sự nồng động, đổi mới thông tin. Thông tin đa dạng nhiều chiều, cỗ vũ mạnh mẽ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh luôn là cốt lõi của thông tin.

90 năm qua, các thế hệ nhà báo nối tiếp nhau theo gương Bác Hồ luôn luôn lấy báo chí làm phương tiện truyền bá và định hướng hành động cách mạng cho đối tượng vận động của mình. Và, vâng lời Bác: “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng, cây bút trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”! (tại Đại hội III Hội Nhà báo Việt Nam, năm 1962); lớp lớp nhà báo hăng hái xung trận, nhất là ở những thời điểm cách mạng khó khăn, gian nan quyết liệt nhất. Hơn 400 nhà báo hy sinh anh dũng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, góp sức cùng dân tộc đưa non sông thu về một mối, là minh chứng hùng hồn về sức mạnh kỳ diệu của các nhà báo vâng theo lời Bác. Không ít nhà báo khi nằm xuống tại trận đánh thì cây bút, cuốn sổ vẫn trong tay; hoặc là chiếc máy ảnh, máy quay phim vẫn hướng về phía các chiến sĩ ào ào xung trận. Tên tuổi các nhà báo liệt sĩ còn sáng mãi, như: Mai Thúc Tề, Lý Chính Thắng, Trần Kim Xuyến, Trần Mai Ninh, Trần Đăng, Hoàng Lộc... Những tấm gương kiên cường ấy nối dài trong cuộc chiến tranh chống Mỹ xâm lược, trong chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc... Những nhà báo “khai quốc công thần” đã lấy việc viết báo, dùng báo chí để làm cách mạng như: Trần Huy

Liệu, Ngô Tất Tố, Xuân Thủy, Hoàng Tùng, Nguyễn Thành Lê, Quang Đạm, Hồng Hà, Hiền Nhân, Thép Mới, rồi nhiều nữa là lớp nhà báo rất rạng danh như: Trần Lâm, Đào Tùng, Lý Văn Sáu, Hoàng Phong, Thái Duy, Hà Đăng, Hữu Thọ, Phan Quang... thêm phần minh chứng “Nhà báo cũng là chiến sĩ cách mạng”.

Nhà báo, với bốn phận thông tin nhanh, chân thực, lấy chính trị làm trọng, phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước là trọng trách tối thượng. Làm báo không đơn thuần là một nghề, mà trước hết là trách nhiệm xã hội - nghĩa vụ công dân. Người làm báo không đơn thuần là một nhà bình luận trung lập (ở khoảng giữa), đứng ngoài các cuộc đấu tranh xã hội hằng ngày, mà phải là một thành viên hữu cơ của xã hội. Nhà báo phải là người vừa phản ánh thực tiễn, vừa phải góp phần cải tạo thực tiễn; vừa thông tin, vừa hướng dẫn dư luận xã hội... Cho nên, nhà báo chứ không ai khác phải tuyệt đối tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp; không nói dối, không nói sai, không để những kẻ cơ hội lợi dụng báo chí, và hơn thế phải chịu trách nhiệm về những gì mình đã loan tin.

Học Bác, tự rèn, bồi bổ kỹ năng tác nghiệp qua các lớp nghiệp vụ chuyên sâu của Hội Nhà báo Việt Nam luôn là yêu cầu cấp thiết của các nhà báo ở hiện tại cũng như mai sau. Quan điểm nhất quán của Người trong viết báo luôn hướng tới mục tiêu duy nhất là: *Vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội!* Vậy mà mỗi khi đặt bút viết Người vẫn tự vấn: *Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết như thế nào?*... nhằm định rõ chủ đích của tác phẩm, chủ đích của đối tượng cần tuyên truyền. Bằng cách tự vấn ấy nên mỗi bài viết của Bác đều sáng rõ chủ đề, sắc bén về lý luận, phong phú về cứ liệu, kết hợp hài hòa giữa tính hiện đại với truyền thống; giữa vốn tri thức rộng lớn với bản sắc văn hóa dân tộc nên có sức truyền cảm, lan tỏa và lưu giữ lâu bền. Phong cách báo chí Hồ Chí Minh thực

sự rọi sáng đường cho những *chiến sĩ báo chí* Việt Nam nối tiếp nhau đồng hành cùng dân tộc theo suốt chiều dài lịch sử đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, chiến đấu chống cái xấu, cái ác; hết lòng vun đắp cho sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo...

Báo chí - nghề nghiệp ngã, nghề gian nan và hiểm nguy - dù viết để đấu tranh với kẻ thù, để chống giặc “nội xâm”, hay để ngợi khen nhân tố mới, con người mới, điển hình tiên tiến... thì các nhà báo đều phải tiếp nhận thông tin, tiếp cận sự kiện, tư liệu phong phú; phải sắc sảo trong xử lý thông tin và quyết đoán khi loan tin. Công chúng, bạn đọc cho dù họ không viết báo, làm báo nhưng họ chính là những “giám khảo tài ba” và rất khó tính của chúng ta. Nếu nhà báo nói dối, nói sai, để kẻ xấu, bọn tham nhũng, cơ hội chính trị lợi dụng thì chẳng những nhà báo bị mất danh mà uy tín của báo chí cũng bị suy giảm - như thế đủ thấy sự *nghiệt ngã* của nghề nghiệp. Nghề báo - Nhà báo luôn luôn chịu sự đòi hỏi gắt gao về tính trung thực và tinh thần trách nhiệm cao trước dân, trước Đảng. Sự trong sáng luôn phải thường trực trong lòng mỗi một nhà báo. Trong sáng, ngay thẳng, minh bạch, rõ ràng, chính xác trong đấu tranh chống tiêu cực. Không có “ít xít ra nhiều”; vụ lợi biến trắng thành đen... Ấy là phẩm chất chiến sĩ cách mạng của hết thảy nhà báo chúng ta đã học và làm theo lời dạy bảo ân cần của Bác... Trong sáng, ngay thẳng, trung thực khi viết về nhân tố mới, người tốt, việc tốt, về điển hình tiên tiến... mà Người đã chỉ bảo cặn kẽ cho cán bộ làm công tác tuyên truyền: Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và đảng viên mà giáo dục lẫn nhau - đó chính là một cách tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lenin thiết thực nhất! Lời nhắc nhở của Người, báo giới và các nhà báo chiến sĩ cách mạng của chúng ta luôn luôn coi trọng và làm theo, khiến cho chất lượng thông tin báo chí không ngừng đổi mới, đa dạng, nhiều chiều, cuốn hút bạn đọc. Bởi bằng bài viết, nhà báo đã

góp sức thiết thực vào công cuộc dân chủ hóa đồi sống xã hội, phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, nhịp bước cùng những biến chuyển lớn lao của cách mạng! Đó là vinh hạnh lớn lao nhất của các nhà báo - chiến sĩ cách mạng!

Tạp chí *Công nghiệp quốc phòng và kinh tế* ngày 21/6/2015.

## LÀM THEO LỜI BÁC DẠY

**K**ể từ khi Đảng ta ghi vào Cương lĩnh: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”<sup>1</sup> (*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng*), đã khơi dậy phong trào rộng lớn học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người; thôi thúc những người làm báo noi theo, trách nhiệm cao với nghề nghiệp.

### 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nguồn mạch chính trị của người làm báo

Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta suốt cuộc đời không ngừng đấu tranh cho hòa bình, độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Tư tưởng cốt lõi của Người là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thẩm thía tư tưởng của Người nên lớp lớp nhà báo nối tiếp nhau không ngừng tuyên truyền lý tưởng, ý chí cách mạng cho nhân dân và chiến sĩ; theo sát phục vụ sách lược và chiến lược cách mạng của Đảng: *Về vấn đề dân tộc, giai cấp và cách mạng giải phóng dân tộc; Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; Về tư tưởng đại đoàn kết dân tộc; Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại...* Tư tưởng chính trị ấy ở Người, do Người và Đảng lãnh đạo đã tạo nên chiến thắng hào hùng của Cách mạng Tháng Tám năm 1945; Chiến thắng Điện Biên Phủ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.253-254.

năm 1954; giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975. Theo tư tưởng cách mạng của Người, khi có chính quyền, Đảng ta đã tập trung xây dựng *Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân*. Cách mạng thành công, Người dạy cán bộ: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”<sup>1</sup>. (*Thư gửi các kỳ, tỉnh, huyện và làng, ngày 17/10/1945*). Sinh thời, Người nhắc nhở: Đảng là người lãnh đạo, nhưng cũng là đàm tó trung thành của dân, nên phải thường xuyên rèn luyện, chỉnh đốn, xây dựng tổ chức vững mạnh về năng lực lãnh đạo, để xứng đáng là đảng duy nhất cầm quyền. Vâng lời Người, công tác xây dựng đội ngũ đảng luôn được Đảng hết sức coi trọng. Chống “tự diễn biến”, “tự suy thoái”, “tự chuyển hóa”, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên là công việc đã và đang được tiến hành mạnh mẽ. Các nhà báo ai cũng nắm lòng lời dạy chí tình của Bác tại Đại hội II Hội Nhà báo Việt Nam: “Nhiệm vụ của Hội Nhà báo là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ”, “Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì việc khác mới đúng được”<sup>2</sup>. Ý thức sâu sắc lời dạy của Bác nên báo giới cả nước nhập cuộc mạnh mẽ, quyết liệt, thông tin nhanh, sâu sắc, tương tác, đa thể loại... phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

## **2. Đạo đức Hồ Chí Minh nhuần nhuyễn trong đạo đức báo chí**

Bác quan niệm đạo đức là cái gốc của người cán bộ cách mạng. Người ví: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.65; t.12, tr.166.*

cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>1</sup>. Với người làm báo, Người dạy: “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vê vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng *đạo đức cách mạng*”<sup>2</sup>. Đạo đức trong tư tưởng của Người là đoàn kết, là đạo đức của Đảng. “Đoàn kết là thắng lợi. Đoàn kết là then chốt của thành công”. Đó là tư tưởng nhưng cũng là hành động cách mạng của Người. Người dạy: Dân ta phải nhớ chữ đồng: đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh. Phải chống lại căn bệnh “quan liêu”, “tham nhũng, lãng phí”, “cá nhân chủ nghĩa”, “xa dân” mà Người cho đó là “giặc nội xâm”. Người khuyên: Đảng phải xây dựng cái tốt đẹp cho con người, cho xã hội. “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch; phải xứng đáng là người lãnh đạo, là đầy tớ trung thành của nhân dân”(Di chúc của Người)! Như thế đủ thấy quan niệm đạo đức của Bác không chỉ là hành vi giao tiếp, ứng xử mà còn biểu hiện sâu đậm trong công việc. Cho nên, làm báo phải thạo nghề, phải có tâm, có đức. Tâm, đức thể hiện trong cách viết, trong lối diễn đạt, trong sử dụng ngôn từ. Phải yêu nước, thương dân; trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; cần, kiệm, liêm, chính; thẳng thắn, đúng đắn, khiêm tốn, cầu tiến bộ; vì lẽ phải và sự công bằng; có tinh thần quốc tế trong sáng. Tư tưởng và đạo đức cách mạng của Người được thể hiện khá nhuần nhuyễn trong “10 Điều quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo”, trách nhiệm của chúng ta là phải giúp nhau nghiêm chỉnh thực hiện; tự soi để cẩn chỉnh hành vi của mình.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292; t.13, tr.466.

### 3. Phong cách Hồ Chí Minh cần có cho những người làm báo

Phong cách Hồ Chí Minh biểu hiện rất đậm trong đời sống và trong công việc cách mạng. Người là hình mẫu điển hình nhất của *phong cách quần chúng; nói rõ, viết ngắn, cụ thể, sát thực*. Người giản dị, chân tình, lịch thiệp, linh hoạt, chủ động; yêu dân, thương dân, thăm dân khi úng, lúc hạn; dạy dân cách trồng cây, xây giếng; thăm hỏi người già, người nghèo khó. Nói về đoàn kết với dân miền biển, Người ví: "Như chiếc thuyền, người lái và người chèo phải một hướng, phải đoàn kết với nhau"! Người dạy cách viết, phải tự vấn: "- Vì ai mà mình viết? - Mục đích viết làm gì? Phải đặt câu hỏi: *Viết cho ai?* - Viết cho đại đa số: công - nông - binh! *Viết để làm gì?* - Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng! *Thể thì viết cái gì?* Trong vấn đề này cũng phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù thì viết mới đúng" <sup>1</sup> (Bài giảng tại Lớp chính Đảng Trung ương, ngày 17/8/1953). Người là mẫu hình sáng nhất về *phong cách tư duy khoa học, tự chủ, sáng tạo, hiện đại, nhìn xa, trông rộng mang tính chân lý*. Cùng đó là *phong cách làm việc cụ thể*. Với cán bộ lãnh đạo, Người yêu cầu phải thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, cá nhân phụ trách; phải làm gương trong công tác và lối sống; nói phải đi đôi với làm. Người nhấn mạnh tính cẩn trọng: "Gặp mỗi vấn đề, ta phải đặt câu hỏi: Vì sao có vấn đề này? Xử trí vấn đề này, kết quả sẽ ra sao? Phải suy nghĩ kỹ lưỡng. Chớ hấp tấp, chớ làm bừa, chớ làm liều. Chớ gặp sao làm vậy"<sup>2</sup>. Người nhắc nhở nhà báo phải đề cao trách nhiệm khi thông tin: "Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết"!. Học Người, các nhà báo đã sâu sát thực tế hơn, phản ánh thực tại như cuộc sống vốn có. Bớt đi những tin, bài nhạt nhòa, nồng cạn, những bài báo viết theo báo

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.8, tr.205; t.5, tr.279.*

cáo, diễn lại chủ trương. Bót đi những thông tin chiêu trò “sáng  
đǎng, trưa gấp, chiều gõ”. Học phong cách của Bác, các cấp Hội  
Nhà báo luôn đầy mạnh phong trào thi đua: Vinh danh nhà báo tốt,  
trao thưởng những tác phẩm đúng, trúng, hay, giàu súc lan tỏa.

Kỷ niệm 128 năm ngày sinh của Người, báo giới tự hào luôn  
năng nổ đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng của Đảng, góp sức  
tạo nên những dấu mốc lịch sử vẻ vang, hiển hách của dân tộc.

Tạp chí *Người làm báo*, tháng 5/2018.

## HỌC QUAN SÁT CỦA TIỀN NHÂN

**N**ghề báo, có rất nhiều thể loại đòi hỏi người viết phải nhìn nhận đúng bản chất nhân vật. Không ít nhà báo viết về cái hay, cái tốt nhằm nêu gương nhân vật như một điển hình tiên tiến nhưng lại bị chính nhân vật phản ứng vì nói không đúng. Thậm chí có người còn bịa đặt, gán ghép nhiều điều tốt cho nhân vật đến nỗi khi lên “giấy trắng mực đen” thì tác giả phải lảng tránh vì tự thấy ngượng ngùng. Để viết được sâu sắc, tinh tế, sinh động đúng cùi chỏ, lời ăn, tiếng nói của nhân vật, đặc biệt với thể ký chân dung, gương người tốt, việc tốt còn nhờ ở tài quan sát của chính người viết...

### Lời dạy tiền nhân

**Khổng Tử** (người nước Lỗ, 551 - 479 Trước Công nguyên) cả đời chăm lo đạo đức làm nền tảng của xã hội, nói: “Biết người” là khâu quan trọng trong đạo xử thế. Vậy phải làm thế nào để hiểu được người khác? Điều quan trọng là phải biết quan sát! Có ba việc phải lưu ý: 1- Xem người đó làm gì. Tức là quan sát cái bên ngoài. 2- Xem cái động cơ của lời nói, việc làm. Tức là nghĩ tới cái bên trong. 3- Xem thái độ ngôn và hành của người đó, có vẻ gì là lo lắng suy nghĩ không. Tức là xem cái thần sắc của người đó. Quan sát từ đầu đến cuối, từ ngoài đến trong, thì liệu người đó còn che đậy được gì nữa đây?<sup>1</sup>.

---

1. Xem Hồ Văn Phi: *Đàm đạo với Khổng Tử*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, tr.208.

**Bác Hồ dạy:** “Người viết báo phải viết đúng sự thật, có thể nào viết thế ấy. Viết biếu dương cũng như viết phê bình phải chân thành, đúng đắn. Thái độ phải rõ ràng trong khen, chê. Lập trường phải vững vàng”<sup>1</sup>. Người đặc biệt nhắc nhở: Phê bình phải đúng đắn, thật thà, chân thành. Nêu cái hay, cái tốt, thì phải có chừng mực, chó phóng đại. Có thể nào nói thế ấy. Muốn thế, nhà báo phải có tài liệu, tư liệu... Muốn có tài liệu thì phải tìm, tức là phải quan sát. Bác mách bảo:

**1- Nghe:** Lắng tai nghe cán bộ, nghe các chiến sĩ, nghe đồng bào để lấy tài liệu mà viết.

**2- Hỏi:** Hỏi những người đi xa về, hỏi nhân dân, hỏi bộ đội những việc, những tình hình ở các nơi.

**3- Thấy:** Mình phải đi đến, xem xét mà thấy. Cụ thể, sâu sát thực tế.

**4- Xem:** Xem báo chí, xem sách vở. Xem báo chí trong nước, xem báo chí nước ngoài... Muốn có nhiều tài liệu thì phải xem cho rộng.

**5- Ghi:** Ghi những cái gì đã nghe, đã thấy, đã hỏi được, đã đọc được thì chép lấy để dùng mà viết... Tìm tài liệu cũng như các công việc khác, phải chịu khó<sup>2</sup>.

Đương nhiên, bài báo hay trước tiên phụ thuộc vào chủ đề. Sự độc đáo của chủ đề là phẩm chất hay của bài viết, khiến người đọc cảm thấy không đọc ở nơi nào khác được. Bài báo tốt là nhò phát hiện vấn đề chính xác, viết hấp dẫn, bổ ích, thiết thực. Tài quan sát phải được coi là đức hạnh, là phẩm chất làm người. Sách *Nghiệp vụ báo chí* của Hội Nhà báo Việt Nam từng viện dẫn tài nhìn người của Hoàng hậu ở nước nọ khi chọn vợ cho con là Đại Quận Công. Đại thể, theo yêu cầu, một hôm những người giúp việc đưa tới ba

---

1, 2. *Cách viết, Hội những người viết báo Việt Nam xuất bản năm 1955*, in lại trong tập *Báo chí mây thể loại thông dụng*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2004.

cô gái trẻ, đẹp trên cùng một chiếc xe. Ngồi trong nhà, qua ô cửa quan sát, Hoàng hậu thấy: Cô Cả nhảy tốt qua cửa xe để xuống; bà thầm nghĩ cô này lảng lơi! Cô Hai dáng vẻ vênh vang; bà thầm nghĩ cô Hai kiêu kỳ, hường ngoại! Khi ấy, cô Ba không có vẻ đẹp sắc nước hương trời như cô Cả, cô Hai, nhưng từ tốn, khoan thai bước xuống; bà thốt ra lời: Cô Ba khiêm nhường, hường nội, hiền thảo!... Đó là cách quan sát mang tính nhân tướng học, theo quan niệm nhìn người của một tầng lớp xã hội.

### **Con mắt tinh tường**

Với nghề báo, cho dù thời gian cách xa ta cả nhiều ngàn năm thì nghệ thuật “biết người”, quan sát để chọn người của Khổng Tử vẫn rất bổ ích cho mỗi người làm báo. Quan sát cái bên ngoài; nghĩ cái bên trong; xem cái thần sắc của con người để hiểu thấu đáo về nhân vật, thật sự thiết thực để nhà báo thể hiện nhân vật qua ngôn từ thuật, tả cử chỉ, hành động; tâm đúc, bản tính của nhân vật sát thực, trung thực, khách quan; không phóng đoán, suy diễn, đặt điều cho nhân vật. Không Tử còn nói, cần quan sát cái bên ngoài đối với những người có hoàn cảnh khác nhau: “Láng giềng của người đó. Bè bạn của họ là ai. Cử chỉ của những người thành đạt. Việc mà người cùng khổ không làm. Cái mà người nghèo không nhận”. “Biết người biết mặt khó biết lòng. Như vậy phải mất công mất sức, phải thận trọng tỉ mỉ, phải biết quan sát tinh tế... Phải có quan điểm độc lập khi quan sát. Không bị người khác lôi kéo. Người bị người khác ghét bỏ, ta quan sát tỉ mỉ; người được người khác hoan nghênh, ta càng phải quan sát kỹ càng... Nếu được người hiền đức khen ngợi mới là người tốt; còn người tà ác nói tốt thì không thể tốt được”. “Nghĩa là tin người nhưng không tin mù quáng. Phải biết kết hợp với sự quan sát tỉ mỉ của mình”. “Kiến thức sâu sắc khi quan sát một người thì không được phỏng đoán tùy tiện, nhưng lại phải quan sát ngay được cái

thiện, cái ác của người đó... Quan sát cái sai của một người là để hiểu về người đó... Sai lầm của con người có nhiều loại. Quan sát sai lầm của một người thì biết người đó là loại người nào”<sup>1</sup>.

Thiên chức của nhà báo là thông tin. Trước nhất, phải giúp người đọc hiểu đúng, hiểu đầy đủ vấn đề mình viết. Bởi vậy, hon ai hết, báo chí và nhà báo phải luôn học hỏi tiền nhân, thấm sâu những lời dạy của Bác kính yêu: “Nhiệm vụ của tờ báo là: Tuyên truyền, cổ động, huấn luyện, giáo dục và tổ chức nhân dân để đưa dân chúng đến mục đích chung... Nhà báo phải đi sâu vào thực tế, gắn bó với thực tế. Phải biết lãnh đạo dư luận. Nghĩa là báo chí phải hướng dẫn dư luận, định hướng dư luận xã hội lành mạnh, định hướng hành động cách mạng cho quần chúng”<sup>2</sup> (*Trích Thư gửi lớp học viết báo Huỳnh Thúc Kháng, tháng 5/1949 của Hồ Chủ tịch*). Người nhắc nhở: Nhà báo phải cổ vũ nhân tố mới bằng cách viết cho hay, viết cho chân thật và hùng hồn. Bác coi chân thật là nguyên tắc của báo chí. Cho nên báo chí phải phản ánh đúng sự thật, chống giả dối. “Chống làm láo báo cáo hay”! Cho nên chúng ta phải hết sức coi trọng khâu lấy tài liệu (nghe, hỏi, thấy, xem, ghi); luôn sâu sát thực tế, chịu khó khai thác tài liệu. Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa rõ thì chớ nói, chớ viết. Điều này thật vô cùng quan trọng khi mà hiện nay thông tin mạng xã hội đang lẩn lướt, thật giả lẫn lộn... Nhà báo viết để cổ vũ dân chúng noi gương, nên theo Bác là: Phải viết cho hay, cho văn chương... Thấy hay, thấy lạ, thấy văn chương thì người ta mới đọc.

Lời tiên nhân thật hữu ích; chẳng khi nào cũ với nghề báo, với mỗi người làm báo, nhất là khi viết bài xoay quanh chủ đề nêu gương người tốt, việc tốt.

Tạp chí *Người làm báo*, tháng 9/2018.

1. Xem Hồ Văn Phi: *Đàm đạo với Khổng Tử*, Sđd, tr.209-212.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.102-103.

## LÀM BÁO LÀ LÀM CÁCH MẠNG

**L**ịch sử cách mạng Việt Nam nói chung và lịch sử báo chí Việt Nam nói riêng sẽ mãi mãi ghi nhớ chặng đường đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lê nin. Suốt chặng đường dài của tuổi thanh niên, bôn ba qua nhiều châu lục, tìm hiểu về các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và từng “cùng khổ” với các dân tộc bị áp bức, bóc lột, rồi được đánh thức từ bản Luận cương của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, trên báo *l'Humanité* năm 1920, Người đã tìm thấy con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Sự kiện đó đánh dấu bước chuyển biến về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lê nin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước thành người cộng sản.

Bắt đầu từ đây, Người đã chú tâm tìm mọi cách đưa tư tưởng cách mạng vô sản về Việt Nam. Người xác định phương tiện tốt nhất để giáo dục, truyền đạt, bồi dưỡng tư tưởng cách mạng vô sản, để vận động cách mạng tốt nhất và trước hết là báo chí, là tờ báo của người Việt Nam, viết cho người Việt Nam, phục vụ người Việt Nam. Cũng vì vậy, ngay khi từ Liên Xô trở về phương Đông, đầu năm 1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), cùng với việc bắt tay vào thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, biên soạn tài liệu, mớ lợp đào tạo thanh niên, Người cũng đồng thời sáng lập ra tờ báo *Thanh niên*. Đó là tờ báo cách mạng đầu tiên, tờ báo vô sản

đầu tiên của người Việt Nam, xuất bản số đầu tiên vào ngày 21/6/1925.

Báo *Thanh niên* là tờ báo cách mạng mẫu mực, mở đầu cho nền báo chí cách mạng Việt Nam, bởi lẽ: Tờ báo đã thực sự đảm trách vai trò là cơ quan ngôn luận của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đối tượng tuyên truyền của tờ báo tập trung vận động những đồng chí thành viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và những thanh niên yêu nước. Tôn chỉ nhất quán, cương lĩnh tuyên truyền nhất quán là “cách mệnh”. Muốn sống thì phải làm cách mệnh. Cách mệnh là việc chung của cả dân chúng. Công nông là gốc cách mệnh. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy... Tờ báo cũng xác định rõ, mục đích của cách mệnh là: Làm cho dân mình tự do, độc lập. Con đường của cách mạng được lựa chọn là: Con đường của Cách mạng tháng Mười Nga, con đường của Lenin vĩ đại. Đối tượng của cách mạng phải đánh đổ là bọn đế quốc xâm lược nước ta và bọn vua chúa quan lại làm tay sai cho chúng; và, mục đích là đánh thực dân xâm lược, nếu ai mà thân bọn thực dân xâm lược là cùu đênh của mình. Cơ sở và lực lượng của cách mạng là: cách mạng phải lấy dân chúng làm cơ sở, vì cách mạng là cốt mưu lợi cho dân chúng chứ không phải là mưu lợi cho mấy người cầm đầu; và ngọn cờ tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam muốn giành thắng lợi triệt để phải có sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân Việt Nam...

Nhất quán với tôn chỉ, mục đích cách mạng, nhất quán với đối tượng tuyên truyền, vận động cách mạng, tuân theo tư tưởng chỉ dẫn của Người, dựa vào cương lĩnh bước đầu là “Đường cách mệnh” và tổ chức nòng cốt là Việt Nam cách mạng Thanh niên, báo *Thanh niên* ở thời điểm đó đã đạt được những hiệu quả lớn lao: Đưa chủ nghĩa Mác - Lenin vào Việt Nam; góp phần rất tích

cực đưa tới sự ra đời của ba tổ chức đảng trong nước là: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Nhờ đó, đến ngày 03/02/1930, dưới sự chủ trì của Người, các tổ chức trên đã họp lại, hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam, sau đó là Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể khẳng định, ý nghĩa lớn lao nhất của những năm 1920 này là sự ra đời, hiện diện của báo *Thanh niên*. Dù chỉ tồn tại trong hơn hai năm hoạt động, nhưng tờ báo đã thực sự nêu cao ngọn cờ tuyên truyền, cổ động và tổ chức cách mạng trong nước. Vai trò của báo chí cách mạng được xác lập như một yếu tố tất yếu để vận động đổi tượng của cách mạng, để hướng tới yêu cầu cấp bách lúc đó là xây dựng và thành lập Đảng.

Theo dòng thời cuộc, Đảng và Bác Hồ kính yêu đã không ngừng hình thành, bổ sung nhận thức mới, phát triển, hoàn chỉnh các quan điểm cơ bản về bản chất, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của báo chí cách mạng. Đây là lời dạy của Bác tại Đại hội lần thứ II Hội Nhà báo Việt Nam (năm 1959) về trách nhiệm của Hội: “Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của Hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ”<sup>1</sup>. Và, vai trò của báo chí được luật pháp của Nhà nước ta ghi nhận (tại Điều 1, Luật báo chí năm 1990: “Vai trò, chức năng của báo chí ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phuong tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội, là cơ quan ngôn luận của các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, là diễn đàn của nhân dân”. Đây còn là Chỉ thị số 22/CT-TW ngày 17/10/1997 của Bộ Chính trị về công tác lãnh đạo, quản lý báo chí,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.166.

về nguyên tắc hoạt động của báo chí: "Phải đảm bảo tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân văn, tính chiến đấu và tính đa dạng, có trách nhiệm hình thành dư luận xã hội lành mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết, nhất trí về tư tưởng, chính trị và tinh thần trong nhân dân".

Quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua việc sáng lập và giữ vững tôn chỉ, mục đích hoạt động của báo *Thanh niên* như ngọn đuốc mãi mãi soi sáng cho báo chí cách mạng Việt Nam. Ngày nay cả nước ta đã có tới trên 500 tờ báo và tạp chí cùng với hàng trăm cơ quan báo nói, báo hình, báo điện tử; chủ thể trực tiếp sáng tạo nên những sản phẩm báo chí kể trên là hơn 10.000 nhà báo, luôn ý thức với công việc của mình theo quan điểm của Người: *Làm báo là làm cách mạng - Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng*. Cũng còn vì lẽ kế thừa tư tưởng của Người, trong suốt quá trình vận động và phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi báo chí là công cụ, là vũ khí sắc bén của Đảng, góp sức đặc biệt quan trọng trong từng thời kỳ cách mạng, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê nin, đấu tranh giành chính quyền và vận động quần chúng thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng đất nước.

Báo chí Việt Nam đã thực sự là công cụ sắc bén về tư tưởng và văn hóa của Đảng và Nhà nước, của các đoàn thể chính trị, xã hội; là diễn đàn của nhân dân, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của Nhà nước, giữ vững tôn chỉ, mục đích của báo chí, giữ vững định hướng tuyên truyền; làm tốt việc động viên, cổ vũ phong trào hành động cách mạng của các tầng lớp nhân dân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; kịp thời đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, phản động, những âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; tham gia mạnh mẽ vào cuộc đấu tranh

chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội; góp phần tích cực thúc đẩy sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam!

Trích trong sách *Báo chí - Mô hình thể loại thông dụng*,

Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004.

## NHÀ BÁO LÀ CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG

Báo chí là một nghề - nghề không mấy dễ dàng. Điều ấy đã được thực tế khẳng định. Song điểm tựa nào, xuất phát từ đâu để nhà báo có thể vượt lên, để thực sự là nhà chính trị, thực sự là chiến sĩ cách mạng, thì chính quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người thầy của báo chí cách mạng Việt Nam - đã chỉ cho cán bộ báo chí của chúng ta cả một phương hướng để suy nghĩ, nhìn nhận, xem xét, để hành nghề: "... những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v.) phải có lập trường chính trị vững chắc. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng"<sup>1</sup> (Bài của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II Hội Nhà báo Việt Nam (ngày 16/4/1959). Tới Đại hội lần thứ III Hội Nhà báo Việt Nam (tháng 9/1962), Người lại dạy: "Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng đạo đức cách mạng, cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hóa, chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, đi sâu vào thực tế, đi sâu vào quần chúng lao động"<sup>2</sup>. Với nhà báo, người trực tiếp tạo ra sản phẩm báo chí, Người căn dặn phải xác định rõ trách nhiệm trước khi sáng tạo ra

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.166; t.13, tr.466.

sản phẩm, phải tự vấn mình là: Viết cho ai? Viết để làm gì? Và viết như thế nào?. Người đặc biệt nhắc nhở báo chí và nhà báo phải chú trọng tuyên truyền điển hình: “Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là một cách tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin thiết thực nhất”<sup>1</sup>. “Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có”<sup>2</sup>. Người chỉ bảo cẩn kẽ cho cán bộ làm công tác tuyên truyền “Một người phải biết học nhiều người. Hơn nữa, cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi... phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc. Định xây dựng ngôi nhà như thế nào rồi mới dùng gạch, vữa, vôi cát, tre gỗ... mà xây nên. Những gương người tốt làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là cách thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục”<sup>3</sup>.

Quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về báo chí còn thể hiện rõ ràng rằng, báo chí cũng là vũ khí, là phương tiện để phê bình và tự phê bình rất lợi hại. Người quan niệm, phê bình là để cho nhau tiến bộ, để tốt hơn lên, đẹp hơn lên: “Dao có mài mới sắc. Vàng có thui, mới trong. Nước có lọc, mới sạch. Người có tự phê bình, mới tiến bộ. Đảng cũng thế”<sup>4</sup>. Người nhắc nhở, khi phê bình công khai trên báo chí, nên tránh: “Đao to búa lớn, có bé xé ra to, hoặc lợi dụng tự phê bình và phê bình để hạ bệ nhau, mạt sát

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.669, 663, 665.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.80.

nhau". Người gọi đó là kiểu phê bình không nghiêm chỉnh, không có tinh thần phụ trách, không trị bệnh cứu người...

Bác của chúng ta là một nhà báo vĩ đại, một nhà báo đích thực, sắc sảo. Trong tư tưởng và tiềm thức của Người, làm báo đồng nghĩa với làm cách mạng. Từ tuổi thành niên, rời xa quê hương đặt chân lên đất người ở xứ trời Âu để tìm đường cứu nước, Người đã là một tấm gương về phong cách làm báo Hồ Chí Minh vì cách mạng, vì độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc: miệt mài học tập, chau chuốt ngôn từ, tập viết từ những dòng tin văn để rồi thành thạo trong công việc làm báo, để lại cho đời hàng ngàn tác phẩm báo chí cùng với sự nghiệp cách mạng vĩ đại, khai sáng cho non sông, đất nước Việt Nam ta.

Tiếp thu di sản tư tưởng quý giá ấy, suốt lịch trình của cách mạng trong mọi thời kỳ, mỗi khi ra chỉ thị, nghị quyết về công tác báo chí, bao giờ Đảng và Nhà nước ta cũng chỉ rõ trách nhiệm của nhà báo: cần coi trọng việc nâng cao chất lượng thông tin đại chúng; chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, chất lượng khoa học. Những yếu tố này lại phụ thuộc vào đội ngũ báo chí, chủ thể trong hoạt động báo chí... Chất lượng nhà báo bao gồm nhiều mặt: từ vốn kiến thức chung và kiến thức chuyên môn, năng lực nghiệp vụ, khả năng nhanh chóng nắm bắt tình hình và định hướng đúng đắn suy nghĩ cho đến đạo đức, tác phong và phẩm chất chính trị... Tại Đại hội VI, Hội Nhà báo Việt Nam, Tổng Bí thư Đỗ Mười nhắc nhở: Trách nhiệm hàng đầu của nhà báo Việt Nam ngày nay là trung thành với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào. Mọi thông tin, nghị luận và hành vi của nhà báo đều phải thể hiện đầy đủ trách nhiệm cao cả ấy...

Như vậy, làm báo không đơn thuần là một nghề mà trước hết là một trách nhiệm xã hội quan trọng. Người làm báo không chỉ

đơn thuần là một nhà bình luận trung lập, đứng ngoài các cuộc đấu tranh xã hội hằng ngày, mà phải là một thành viên hữu cơ của xã hội. Nhà báo vừa phản ánh thực tiễn, vừa phải góp phần cải tạo thực tiễn, vừa thông tin, vừa hướng dẫn dư luận xã hội. Vẫn biết báo chí là một nghề nghiệp ngã, là nghề thống khổ suốt ngày, suốt đêm; lao động báo chí là loại lao động dưới dạng khoa học, mang tính khám phá, sáng tạo, một loại lao động đôi khi phải đánh đổi bằng cả cuộc đời. Cũng còn vì lẽ nhà báo phải tuyệt đối tuân thủ quy tắc nghề nghiệp, không nói dối, không nói sai, phải chịu trách nhiệm trước xã hội về những điều mình loan tin... Cho nên, học tập quan điểm, tư tưởng báo chí cách mạng và phong cách làm báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là yêu cầu bắt buộc đối với các nhà báo chúng ta. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã viết tới trên 2.000 bài báo (mỗi năm trên 40 bài). Toàn bộ các bài viết của Người đều nhất quán trong tôn chỉ, mục đích, quan điểm chính trị, nhưng phong cách biểu hiện lại rất độc đáo, đa dạng. Hoạt động báo chí của Người đã thực sự tác động sâu sắc đến cách mạng, thức tỉnh lòng yêu nước, thương dân, thôi thúc mọi người đoàn kết chống ngoại xâm, chống bất công xã hội... Người dạy các nhà báo chúng ta, mỗi khi đặt bút viết phải tự vấn: *viết cho ai, viết để làm gì...* và, chính Người đã tự vấn mình như thế, nên trong suốt tiến trình cách mạng, chống thực dân Pháp rồi chống đế quốc Mỹ mỗi bài báo của Người (dưới rất nhiều bút danh) đều hướng tới một mục tiêu duy nhất là: *Vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Quan điểm nhất quán ấy đã tạo nên phong cách báo chí Hồ Chí Minh: sâu sắc về lý luận, phong phú về cứ liệu và lại có sự kết hợp hài hòa giữa tính hiện đại với truyền thống, giữa vốn tri thức rộng lớn với bản sắc văn hóa dân tộc, rất Việt Nam.

Quan điểm tư tưởng và phong cách báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là ngọn đuốc dẫn đường cho nhà báo

chúng ta, giúp chúng ta có hướng vươn tới mãi mãi xứng với danh hiệu mà Người ban cho: “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng”.

Trích trong sách *Báo chí - Mấy thể loại thông dụng*,  
Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004.

## NHÀ BÁO VỚI GƯƠNG NGƯỜI TỐT

Vấn đề biểu dương những người tốt, việc làm tốt trong xã hội ta đã được đặt ra từ rất sớm, có thể nói đã được manh nha từ trong thành ngữ, ca dao, tục ngữ, kể cả các câu chuyện cổ, nhưng nó chỉ thực sự trở thành phương tiện khi Nho học chiếm dần vị trí độc tôn, khi các nhà nho tỏ ra nhiệt tâm nêu gương *nhi thập tú hiếu* (hai mươi bốn gương hiếu đế), những gương “cổ học tinh hoa”, những gương tiết hạnh (dành cho phụ nữ)... Nhưng ý tưởng chính trị - xã hội này chỉ trở thành mục đích sâu rộng, có ý nghĩa cách mạng khi chế độ xã hội chủ nghĩa được xác lập dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sinh thời, Bác Hồ của chúng ta rất quan tâm đến vấn đề biểu dương người tốt, việc tốt. Người đã khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Người nhắc nhở: “Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc. Định xây dựng ngôi nhà như thế nào rồi mới dùng gạch, vữa, vôi cát, tre gỗ... mà xây nên. Những gương người tốt làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người”<sup>2</sup>. Quan điểm của Người vừa là sự kế thừa những nhân tố tích cực trong tư tưởng của lớp người trước vừa là sự nâng cao tinh thần, vị trí của con người xã hội chủ nghĩa - đó là con người phát triển toàn diện, vừa hồng, vừa chuyên. *Chủ nghĩa xã hội* - một

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.222; t.15, tr.665.

danh từ, là mục đích cao cả của toàn Đảng, toàn dân ta; còn xã hội chủ nghĩa là một tính từ chỉ phẩm chất mà người theo chủ nghĩa xã hội cần phải có. Chỉ có mẫu người như thế mới đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của cách mạng, của những nhiệm vụ chính trị đang đặt ra trước mắt chúng ta.

Ngay từ những năm 50 thế kỷ XX, trong không khí hòa bình được lập lại ở miền Bắc, Bác Hồ đã yêu cầu các báo đảng và các đoàn thể mở mục “Người mới, việc mới” song song với phong trào thi đua ở các cấp, các ngành. Ngay sau đó, nhiều tờ báo đã sớm ra các chuyên mục: Người mẫu mực, sự việc mẫu mực; Người kiểu mẫu, việc kiểu mẫu; Gương trong; Người thật, việc thật; Việc nhỏ, nghĩa lớn... Điều đáng mừng là việc tặng “Huy hiệu Bác Hồ” cho những cá nhân, những điển hình tiên tiến đã sớm trở thành một nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần của xã hội ta. Cuối năm 1960, Bác yêu cầu nên gọi là “Người tốt, việc tốt”. Tháng 6/1968, Bác đã có cuộc làm việc với cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương về việc xuất bản sách về gương người tốt, việc tốt. Từ đó cho thấy, trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Bác luôn quan tâm đến vấn đề biểu dương kịp thời và nhân rộng những gương người tốt, việc tốt, và Người đã coi đó là một trong những phương pháp lãnh đạo và giáo dục quần chúng thiết thực nhất và có hiệu quả nhất. Tuy nhiên, Bác cũng nhắc nhở báo giới cần phân biệt rõ: một là gương những anh hùng, chiến sĩ thi đua - những tấm gương sáng chói, tiêu biểu, xuất hiện ngày càng nhiều trong sản xuất và trong chiến đấu, nhưng không phải ai cũng dễ dàng làm theo; hai là những tấm gương lao động bình dị, những việc làm tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn, ra ngõ là gấp, ai ai cũng có thể làm theo. Người tốt, việc tốt chính là loại người thứ hai này. Không phải ngẫu nhiên Người lại ví: Mỗi người tốt là một bông hoa đẹp, cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp!

Cũng chính trong cuộc gặp gỡ các cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng ngày ấy, Bác đã lưu ý chúng ta: “Những chiến công và thành tích nổi bật, vang dội thì ai cũng có thể thấy được. Còn những việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước lợi dân thì hay bị xem thường”<sup>1</sup>.

Vừa là lời phê bình nhẹ nhàng, vừa là sự gợi ý cách làm báo, cách tuyên truyền, cách lãnh đạo quần chúng. Quan điểm của Bác rất rõ ràng: muốn giáo dục quần chúng, muốn lôi kéo được quần chúng đi theo cách mạng thì người cách mạng không thể cứ lý thuyết suông, dùng đường lối hoặc bằng pháp luật, mà phải bằng phương pháp thiết thực nhất, ấy là nêu gương người tốt, việc tốt, mắt thấy, tai nghe, ai cũng gặp, rất gần gũi, rất dễ làm theo. Đảng muốn lãnh đạo cách mạng thì phải kịp thời nắm được và phát huy tốt thế mạnh này. Người chỉ ra: “Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có!... ”<sup>2</sup>. Phát hiện và nêu gương người tốt, việc tốt đã trở thành vấn đề bức xúc trong suy nghĩ của Người: “Lấy gương người tốt, việc tốt hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách làm tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”<sup>3</sup>; “Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính là cách tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lenin thiết thực nhất!”<sup>4</sup>. Vậy, bốn phận của nhà báo là thế nào và chúng ta đã làm được những gì và làm ra sao? Hàng loạt sách về gương người tốt, việc tốt được xuất bản, khổ nhỏ có thể bỏ túi dễ dàng, giá bán phải chăng đã được đưa đến tận tay người lao động bình thường. Nhưng đáng tiếc là có những lúc chúng ta đã xao lãng, nhất là trong cơ chế thị trường, khi mà báo chí và xuất bản

---

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.663, 663, 672, 669.

đang bị chi phối bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về nhận thức tư tưởng. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến vấn đề nóng bỏng này. Từ nhận thức đến phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, quảng bá, nhân rộng những gương người tốt, việc tốt là cả một quá trình không ngừng rèn luyện, phấn đấu mà báo giới chúng ta không thể xem nhẹ; thực hiện đúng và tốt nhất chức năng đó chính là góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho xã hội tốt đẹp của chúng ta. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, Đài Phát thanh - Truyền hình Việt Nam, báo *Hà Nội Mới*, *Nhân Dân*, *Quân đội nhân dân*... đều có chuyên mục “Người tốt, việc tốt”. Nhiều quận trong thành phố Hà Nội cũng như một số tỉnh, thành khác đã có sự đầu tư đáng kể vào việc tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng những gương người tốt, việc tốt. Nếu như trong sản xuất nông nghiệp, người nông dân đã sử dụng nhiều phương tiện, từ thô sơ đến hiện đại, từ cái gầu sòng, gầu dai, đến cái máy bơm nước... từ con trâu, cái cày đến cái máy gặt, đập tuốt lúa... để làm ra hạt thóc thì việc tuyên truyền người tốt, việc tốt cũng đã xuất hiện với rất nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Đó là câu thơ, bài vè, diễn ca, những bài viết ngắn gọn vài trăm chữ, những truyện tranh thậm chí cả những bút ký, phóng sự. Những thể loại dân gian này như là những vũ khí thô sơ nhưng rất giàu tính năng và hiệu quả đạt được khá cao, tác dụng giáo dục, tuyên truyền rất mạnh, chẳng kém gì những bài thơ hay, những áng văn có giá trị. Đây cũng chính là quan điểm quan trọng trong báo chí cách mạng mà Đảng và Bác luôn luôn chăm lo cho báo giới chúng ta.

Tất nhiên, đã nói đến người tốt, việc tốt, tức là nói đến người thật, việc thật. Bản chất của người làm báo cách mạng là phải trung thực. Với người tốt, việc tốt, yếu tố trung thực càng phải được đề lên hàng đầu, nếu không sẽ mất đi lòng tin của quần

chúng, làm giảm uy tín của báo chí cách mạng. Bác đã nhắc nhở chúng ta: “Lấy gương người tốt, việc tốt *có thật* trong nhân dân và cán bộ đảng viên mà giáo dục lẫn nhau” - chữ *có thật* ở đây xin được viết nghiêng.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” được ban hành đã đặt thêm một trách nhiệm lớn lao cho giới báo chí nói chung và cho mỗi nhà báo nói riêng. Khái niệm người tốt, việc tốt được mở ra cả bề rộng lẫn chiều sâu, cả đề tài lẫn hình thức thể hiện. Con người tốt hôm nay không chỉ có đức hy sinh tận tụy phục vụ nhân dân và Tổ quốc mà phải có hiểu biết về khoa học, kỹ thuật, biết làm nên sự nghiệp từ bàn tay và trí óc của mình, cho gia đình, cho xã hội, cho đất nước. Nét đặc trưng căn bản của người tốt, việc tốt mà báo chí ta nêu gương là yêu nước và tiến bộ, “người tiên tiến, việc tiên tiến, biện pháp tiên tiến”. Nguồn lực con người, sức sáng tạo từ con người có vai trò quyết định làm cho đất nước trở nên phồn thịnh. Bởi thế một trong những thước đo giá trị thông tin, số lượng thông tin của mỗi tờ báo, tạp chí ngày nay còn ở chỗ đã phát hiện, tuyên truyền nhân tố mới, con người mới, điển hình tiên tiến mức độ nào. Điều này càng phải được ăn sâu vào tiềm thức của các nhà báo chúng ta.

Trích trong sách *Báo chí - Mô hình thể loại thông dụng*,  
Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004.

## PHÊ BÌNH VÀ TỰ PHÊ BÌNH

**C**hủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ cách mạng kiên cường đã dành cả cuộc đời cho dân tộc được tự do, độc lập; cho nhân dân được ấm no, hạnh phúc; cho người tốt, việc tốt bừng nở như hoa mùa xuân, cho nên Người rất kiên trì giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền. Người đòi hỏi gắt gao ở họ phải biết *phê bình và tự phê bình* để gạt bỏ cái xấu, cái ác, cái gian tà. Người xem *phê bình và tự phê bình* như một trong những nguyên tắc để xây dựng Đảng, xây dựng đạo đức mới. Theo Người, đạo đức cao nhất của người cán bộ, đảng viên là: “Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì nhân dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc”.

Người chỉ rõ: Những ai làm hại đến tài sản của nhân dân, làm mất thanh danh, uy tín của Đảng và Nhà nước thì dù处在 vị gi<sup>v</sup> vẫn phải đem ra xét xử theo đúng pháp luật! Người cho rằng: Tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm” - giặc ở trong lòng! Theo ý Người, loại giặc này làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính... Tội lỗi ấy cũng nặng như Việt gian, mật thám.

Người vạch rõ nguồn lạch của thú “giặc nội xâm” ấy là: Do cán bộ lãnh đạo quan liêu, “... không sát sao công việc, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức... Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chửi không kiểm tra đến noi, đến chốn... thành thử có mắt mà

không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững... Thế là bệnh quan liêu đã ấp ú, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lăng phí”<sup>1</sup>. Người cũng cho rằng: “Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi, v.v. mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra”<sup>2</sup>. Trong bài “Tự phê bình”, Người chỉ rõ, vũ khí sắc bén để chống lại thứ “giặc nội xâm” ấy không gì khác, chính là “tự phê bình”. Người viết:

“Dao có mài, mói sắc. Vàng có thui, mói trong. Nước có lọc, mói sạch. Người có *tự phê bình, mói tiến bộ*. Đáng cung thê”<sup>3</sup>.

Người cặn kẽ giải thích: Tự phê bình là thật thà nhận, công khai nhận trước mặt mọi người những khuyết điểm của mình để tìm cách sửa chữa... Nó như com ăn, nước uống, như rửa mặt hằng ngày... Điều đó nói thì dễ, nhưng làm thì khó. Khó là vì người ta hay có lòng tự ái. Thùa nhận cái sai, cái dốt, cái kém của mình, thì sợ mất thể diện, mất uy tín, mất địa vị. Người chỉ ra ích lợi *tự phê bình*, là thứ vũ khí sắc bén nhất của cách mạng. “Thật thà tự phê bình chẳng những giúp cho mình sửa chữa, giúp cho mình tiến bộ, mà còn giúp cho người khác biết để mà tránh”<sup>4</sup>. Muốn thế, việc tự phê bình phải được tiến hành một cách nghiêm túc, chống thói qua loa, đại khái, hình thức... ngại động chạm, ngại phê bình.

Người khẳng định: “Muốn thành cán bộ tốt, phải có tinh thần tự chỉ trích”, rằng: Phải bỏ hẳn thái độ “*xong việc thì thôi*”. Không chịu tự phê bình, tự chỉ trích thì không bao giờ tấn tới được (bài đăng trên báo *Cứu Quốc*, số 51, ngày 26/9/1945). Quan điểm, tư tưởng của Người trong *tự phê bình và phê bình* được rọi sáng như

---

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.357; t.5, tr.278; t.7, tr.80; t.7, tr.81.

một phương châm, một nguyên tắc để xây dựng Đảng, xây dựng đạo đức mới ngày một tốt đẹp hơn...

Người cho rằng, cùng với phê bình nội bộ còn phải công khai phê bình trên báo chí. Người cho đó là sự hiệu nghiệm như “thuốc đắng dã tật”. Chính vì vậy, Người đã gay gắt phê phán những ai cho rằng phê bình công khai trên báo chí là có hại; kẻ địch sẽ lợi dụng, là làm giảm uy tín của chính quyền, đoàn thể; làm mất thể diện cán bộ... chỉ là sự làm tưởng, là ốm mà sợ thuốc... Những ai sợ phê bình công khai thì không xứng đáng là cán bộ, là cách “người ốm giàu bệnh”.

Tư tưởng cao đẹp ấy còn được Người triển khai qua bài phát biểu tại Đại hội lần thứ III Hội Nhà báo Việt Nam (ngày 08/9/1962): “... Phê bình và tự phê bình là vũ khí rất cần thiết và rất sắc bén, nó giúp chúng ta sửa chữa sai lầm và phát triển ưu điểm. Vì khéo lợi dụng nó mà Đảng ta và dân ta ngày càng tiến bộ. Đối với báo chí cũng vậy. Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng “trị bệnh cứu người”. Chó phê bình lung tung không chịu trách nhiệm”<sup>1</sup>. Xuất phát từ quan điểm này, Người đã viết nhiều bài phê bình trên báo, dưới nhiều bút danh khác nhau. Chính Người đã yêu cầu các báo phải mở mục “Hoan nghênh bạn đọc phê bình báo”. Và, tự tay Người đã sửa chữa lại cách dùng câu, dùng từ, thậm chí cả cách bố cục, trình bày một bài báo, một trang báo của rất nhiều tờ báo địa phương và Trung ương (cho dù tờ báo đó đã phát hành). Về thái độ của người phê bình và được phê bình (kể cả cá nhân và tập thể), Người nhắc nhở: “... Những người (bất kỳ ở địa vị nào) và những cơ quan được phê bình phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng, thì phải đăng báo nhận khuyết

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.464.

điểm và quyết tâm sửa chữa. Nếu phê bình sai, thì đăng báo giải thích. Quyết không được “phót” lời phê bình và “trù” người phê bình. Có một vài cán bộ và cơ quan, vì sợ phê bình mà chẳng những không giúp đỡ người viết báo lại còn có thái độ không tốt với họ, thậm chí đi kiện họ trước tòa án. Những hành động như vậy phải chấm dứt. Mặt khác, các báo cũng cần khuyến khích quần chúng giúp ý kiến và phê bình báo mình để tiến bộ mãi”<sup>1</sup>!... Tuy nhiên, Người cũng đề phòng khuynh hướng sai lệch khi phê bình công khai trên báo chí. Đó là khuynh hướng “đao to búa lớn, có bé xé ra to”, hoặc lợi dụng phê bình để hạ bệ nhau, mạt sát nhau. Người cho đó là “kiểu phê bình không nghiêm chỉnh, không có tinh thần phụ trách, không phải trị bệnh cứu người”. Khi báo chí đã phê bình, Người yêu cầu: phải xử lý ngay, chống “đánh trống bỏ dùi”.

Thẩm nhuần tư tưởng cao đẹp của Người về đấu tranh phê bình và tự phê bình; tuân thủ định hướng của Đảng, báo chí đã góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh xây dựng xã hội mới, phanh phui trước công luận nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng, vi phạm nghiêm trọng luật pháp... Song cũng thật đáng tiếc, không ít trường hợp lợi dụng danh nghĩa “nhà báo” để tư lợi, cá nhân, cục bộ, thậm chí vì chiếc “phong bao, phong bì” mà cố tình nói dối, nói sai; thông tin theo kiểu “hù dọa”, “chộp giật”, hoặc để kẻ xấu, phần tử xấu, cơ hội lợi dụng làm nhiều thông tin, làm phuơng hại tới vai trò của báo chí, tới uy tín của nhà báo.

Ôn lại những lời dạy báo chí thiết, chí tình của Người, chúng ta phải thường xuyên tự rèn mình, tự xét mình, sửa mình phấn đấu trở thành những nhà báo tích cực có thái độ về chính trị, và có trách nhiệm cao cả của một công dân. Rằng, trên phương diện

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.464.

ngôn luận, trên mặt trận tư tưởng, chức phận cao cả của nhà báo trong đấu tranh phê và tự phê cũng như trong đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực không phải để “phá” mà là để “xây” - xây dựng và bảo vệ đất nước ngày càng tốt đẹp.

Trích trong sách *Báo chí - Mấy thể loại thông dụng*,  
Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004.

## ĐIỂM TỰA TIN YÊU

**T**háng tư. Lúa chiêm vào độ chín. Nao nao nhớ Điem Mặc - xứ sở an toàn khu (ATK) - thủ phủ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; địa danh thành lập Hội Nhà báo Việt Nam thân yêu của chúng ta (ngày 21/4/1950). Nhớ. Bởi, đây là di tích các nhà báo chiến sĩ tiền bối trung thành tuyệt đối với lý tưởng cách mạng, với nghề nghiệp, lập nên *Hội Nhà báo Việt Nam* theo chỉ dẫn của Đảng và Bác Hồ kính yêu. Nhớ. Bởi đó là điểm tựa để chúng ta đi, sáng láng hôm nay, mai sau và mãi mãi!

69 năm qua, những người làm báo có mái ấm ngôi nhà mang tên *Hội Nhà Báo Việt Nam* nền nếp, gia phong. Ngôi nhà mà vị Cha già dân tộc - Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà báo vĩ đại Hồ Chí Minh răn dạy: “Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của Hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ” (tại Đại hội lần thứ II Hội Nhà báo Việt Nam (ngày 17/4/1959). Ngôi nhà mà Người từng tận tình khuyên nhủ con cháu: “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ” (tại Đại hội lần thứ III Hội Nhà báo Việt Nam (tháng 9/1962).

69 năm qua, những hội viên Hội Nhà báo Việt Nam hăm hở đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng quyết liệt và vẻ vang của Đảng, của dân tộc, anh dũng chiến thắng quân xâm lược thực dân Pháp và Mỹ - nguy, non sông thu về một mối; đập tan các thế lực xâm lược biên cương Tây Nam, phía Bắc; phá thế bao vây cấm vận

của các thế lực thù địch; vượt lên chính mình, đổi mới tư duy để xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam rạng ngời hôm nay... Suốt dăm dài oai hùng ấy, những hội viên nhà báo hanh diện vững bước bởi có một điểm tựa tin yêu: Hội Nhà báo Việt Nam quy tụ thành khối thống nhất ý chí và hành động, những "nhà báo chiến sĩ" yêu nghề, say nghề, nhất mực thủy chung với Đảng, với nước, với dân. Điểm tựa tin yêu ấy được nhen nhóm, tiếp lửa ngay từ những ngày khởi lập Hội trong thư Bác gửi Lớp học viết báo Huỳnh Thúc Kháng tại an toàn khu: 1. *Nhiệm vụ* của tờ báo là tuyên truyền, cổ động, huấn luyện, giáo dục và tổ chức dân chúng, để đưa dân chúng đến mục đích chung; 2. *Mục đích* là kháng chiến và kiến quốc. Để đi đến kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công"<sup>1</sup>.

Dấu ấn Hội Nhà báo Việt Nam in đậm mãi trong tâm trí các thế hệ nhà báo, đó là những buổi trao đổi, bồi dưỡng nghiệp vụ ngay tại các tòa soạn, các chi hội nhà báo; là những lớp chuyên sâu nghề nghiệp của Tổ chức quốc tế các nhà báo, Trường báo chí...; là giải báo chí giữa thời kỳ quản lý kinh tế lỗi thời, kẻ thù bao vây cấm vận. "Giải báo chí Bông lúa vàng" do Hội phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đứng ra tổ chức nhằm khích lệ sự phát hiện của nhà báo, sự sáng tạo của nông dân trên mặt trận nông nghiệp, xây dựng nông thôn; khích lệ nhân rộng những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, các mô hình hiệu quả kinh tế cao... Những năm đất nước bước vào đổi mới, Giải báo chí của Hội càng thêm nở rộ. Bắt đầu là "Giải Báo chí toàn quốc của Hội Nhà báo Việt Nam" khởi đầu từ đầu thập niên 90 thế kỷ XX; sau này là nền tảng, căn cốt của "Giải báo chí quốc gia" được tổ chức hằng 10 năm nay. Theo đó là rất nhiều giải báo chí chuyên đề, phối hợp với

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.102.

các bộ, ban, ngành, đoàn thể... góp sức phát hiện, khích lệ, quảng bá, nhân rộng các điển hình tiên tiến tạo nên luồng gió thi đua mạnh mẽ của báo giới từ Trung ương đến các địa phương. Chăm lo “bồi dưỡng chính trị, nghề nghiệp” cùng với Học viện Báo chí và Tuyên truyền, các khoa đào tạo báo chí khu vực là Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí của Hội Nhà báo Việt Nam ngày một chuyên sâu, hiện đại về phương tiện, gắn lý thuyết với thực hành; là sự năng động của Thường trực Hội, các ban chuyên môn, với những cuộc hội thảo sâu sắc về chính trị, nghề nghiệp, đạo đức, thời cuộc, về trách nhiệm xã hội - nghĩa vụ công dân trước sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, phương tiện truyền thông, của không gian mạng thời Cách mạng công nghiệp 4.0, bắt nhịp mạnh mẽ với xu thế phát triển hiện đại; thôi thúc những người làm báo luôn luôn sáng tạo, đắm say với nghề.

*Tự tin, trách nhiệm*, bởi chúng ta luôn được Đảng, Nhà nước và Hội Nhà báo Việt Nam tạo thế, tạo đà trên mỗi bước đường đi. Ngày Báo chí cách mạng ngày 21/6 hàng năm được tổ chức trọng thể nhằm biểu dương vai trò báo chí và nhà báo; tăng cường mối liên hệ mật thiết với công chúng; chí cốt với sự lãnh đạo của Đảng, với truyền thống cách mạng vẻ vang của nghề báo! *Tự tin*, hân diện với “Hội báo Tết - báo Xuân” do Hội Nhà báo Việt Nam khởi xướng, vận hành suốt mấy mươi Xuân nay, thành cuộc thi đua làm báo hay, đẹp, đúng, trúng, bản sắc và hiện đại, phẩn khởi, tung bừng từ Trung ương đến địa phương, nay là “Hội báo toàn quốc” thêm đa hình, đa thanh, đa sắc, đậm đà, mới mẻ, sáng tạo, trách nhiệm. *Tự hào*, với việc lưu giữ quá khứ hiển vinh bằng việc ra đời Bảo tàng Báo chí Việt Nam tôn vinh các thế hệ làm báo, tri ân các nhà báo liệt sĩ, ghi công những nhà báo tài danh, khẳng định vai trò to lớn của báo chí cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Tin tưởng*, bởi chính tổ chức Hội Nhà

báo Việt Nam đã định ra danh hiệu “Huy chương vì sự nghiệp Báo chí Việt Nam” nay là “Kỷ niệm chương” ghi nhận, tôn vinh sự đóng góp của nhà báo vào sự nghiệp báo chí cách mạng. *Tự tin*, bởi suốt dặm trường cách mạng, Hội Nhà báo Việt Nam luôn theo sát cổ vũ, động viên, khích lệ, bồi dưỡng chính trị, nghề nghiệp và đạo đức; ngăn chặn cái hư, cái xấu; bảo vệ cái phải, cái đúng của báo chí...

Cơ chế kinh tế thị trường, đất nước hội nhập; đồng tiền hiện hai mặt, mà mặt trái như bùa mê tàn phá đạo đức, nhân cách của số ít người có chức có quyền, trong đó có cả nhà báo, khiến lòng tin của công chúng bị suy giảm; bởi thế Hội Nhà báo Việt Nam đã nhanh chóng điều chỉnh từ “Quy ước đạo đức báo chí” gắn kết chặt chẽ với Luật báo chí thành “Quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo”. Chưa khi nào như lúc này, quy định đạo đức nghề nghiệp được các cấp hội nhà báo đặt ra là tiêu chí cần có trước nhất của mỗi người làm báo, khiến cho những nhà báo chân chính nhận thấy Hội thực sự là điểm tựa, là niềm tin yêu, là nơi để cái đẹp luôn được tôn vinh nhân rộng, cái xấu được ngăn chặn, tẩy rửa. Lê sống của nhà báo là thông tin trung thực, đúng quan điểm, đúng đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đạo đức nghề báo thẩm đẩm trong cả phong cách ứng xử, phương cách tác nghiệp, tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin, loan tin, trong cách thức tham gia mạng xã hội. Đạo đức là gốc chuẩn, là nguồn lực, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tâm trí để nhà báo hoàn thành sứ mệnh cao cả: Nhà hoạt động chính trị bằng phương tiện báo chí! Cho nên, suốt nhiều thập niên qua, ở đâu, nơi nào các cấp hội nhà báo cũng chú trọng rèn giũa cho hội viên những đức tính, phẩm hạnh cốt nhất: tôn trọng sự thật, trung thực, khách quan, nhân văn, trách nhiệm vì lợi ích đất nước và lợi ích chính đáng của nhân dân!

Đức đạo căn cốt, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân được tôi luyện, thôi thúc khiến cho các hội viên nhà báo dù hoạt động ở lĩnh vực nào, loại hình nào, phương tiện nào, thời nào cũng miệt mài tích tụ kiến thức văn hóa, kiến thức cuộc sống và nghề nghiệp như lẽ sống ở đồi. Luôn dẫn mình vào thực tiễn để thông tin giàu sức sống, để tác phẩm có sức lan tỏa và lưu giữ lâu bền với đối tượng bạn đọc, nghe, xem của mình. Chúng ta đã, đang đi trên xa lộ thông tin thênh thang, mênh mang của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Theo đó, nhà báo không chỉ tiếp thu mà còn phải ứng dụng công nghệ thành thạo và sáng tạo. Việc tác nghiệp hôm nay, ngày mai của nhà báo đã và đang khác xưa cả trời cả vực. Dẫu là vậy thì kỹ năng nghề báo và chuẩn mực đạo đức sẽ mãi dẫn chỉ đường đi, đích đến cho các tác phẩm báo chí của nhà báo. Ở đó Hội Nhà báo Việt Nam mãi mãi là điểm tựa tin yêu cho mỗi chúng ta, như những gì chúng ta đã trải nghiệm suốt 69 năm qua!

Báo *Nhà báo & Công luận*, tháng 4/2019.

## HỘI CỦA CHÚNG TA

**B**iết tôi “thâm niên” nghề báo nên cháu gái tuổi trung niên, níu lại trong khuôn viên sang trọng, hiện đại của Bảo tàng Hà Nội đang diễn ra Hội báo toàn quốc, lời vồn vã:

- Ông oi! Hội Nhà báo Việt Nam của chúng ta quá tuyệt vời!

Tôi hỏi lại:

- Là cháu nói về Hội hay Hội báo toàn quốc năm nay (2018)?

Giọng trong veo, cô đáp một thoi một hồi:

- Cháu thấy Hội báo năm nay (2018) quá hoành tráng, đa sắc màu của báo chí, của các phương tiện truyền thông và các thiết bị công nghệ kỹ thuật báo chí hiện đại. Các chương trình giao lưu, tọa đàm, hội thảo quá phong phú, thiết thực bắt nhịp với thời cuộc, thời đại. Cháu vô cùng ấn tượng với các cuộc Tọa đàm: “*Báo chí truyền thông với vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội*”; “*Làm báo trong xu thế Cách mạng công nghiệp 4.0*”... Với cháu, Hội Nhà báo Việt Nam của chúng ta là cao sang, đĩnh đạc và uy tín nhất từ xưa tới nay. Càng dày năm tháng thì Hội của chúng ta càng thêm rạng ngời ông ạ!...

Nghĩ cháu là hội viên nhà báo, chí thiết với Hội nên mới dòi dào cảm xúc như thế, tôi hỏi cho ra nhẽ:

- Cháu tên gì? Làm ở báo nào?

- Cô gái cười giòn, lời ừa theo:

- Ông oi! Cháu đâu có là nhà báo. Cháu là Nga - Nguyễn Ngọc Quỳnh Nga, Giám đốc doanh nghiệp. Mấy năm nay cháu đều đến.

Gặp “người dung” quá đầm thắm với Hội khiến tôi nao nao nhớ xưa, ngẫm nay với noi mà cả cuộc đời mình gắn kết... Bấm đốt ngón tay. Vậy là sắp tới ngày kỷ niệm thành lập “Hội Nhà báo Việt Nam - Hội của chúng ta” như cách nói của “người dung”! Mấy chục năm trước, chúng tôi - những người làm việc ở Trung ương Hội Nhà báo Việt Nam - số 59 Lý Thái Tổ, Hà Nội đã dày công cùng cán bộ Hội Nhà báo Thái Nguyên tìm đến xóm Roòng Khoa (nay là xóm Đồng Lá 3), xã Điem Mặc, huyện Định Hóa, xưa là rừng xanh núi thẳm, nơi cư trú của đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao từng che chở cho Bác Hồ và Trung ương Đảng chỉ huy cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp suốt 9 năm, được gọi là An toàn khu (ATK). Gặp nhân chứng là các nhà báo “cây đa cây đề” từng ở ATK như Nguyễn Thành Lê, Quang Đạm, Hoàng Tùng... rồi đến tận địa bàn để tìm chứng tích, để khảo cứu, thấu hiểu lý do thành lập Hội, xác định đúng nơi diễn ra Đại hội lần thứ nhất Hội Nhà báo Việt Nam là ngày 21/4/1950, để dựng Nhà bia di tích, để lập bảo tàng và viết lịch sử Hội. Cho nên tháng năm điくる đầy thêm nỗi nhớ. Nơi đây, địa danh nguồn cội tổ chức Hội của chúng ta. Nơi đây, hàng năm, vào ngày 21/4 lại đón hàng chục đoàn nhà báo tỉnh, thành phố, cơ quan cùng hàng trăm hội viên trong Nam, ngoài Bắc tới “ôn cố tri Tân”, để xốc lại hành trang cho nghề nghiệp nghiệt ngã nhưng rất đỗi vinh quang của mình. Đến để nhận ra: Năm 1950, sau nhiều năm (kể từ ngày thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ) cuộc kháng chiến chống Pháp đã phát triển mạnh ở mọi miền đất nước, trong đó có sự đóng góp tích cực và quan trọng của báo chí. Đội ngũ làm báo cũng đồng lên tới hàng trăm người, số tờ báo cũng nhiều lên xấp xỉ 120 tờ.



*Một nét Hội báo toàn quốc năm 2017*

Tiêu biểu là các tờ *Cứu quốc*, *Sự thật*, *Độc lập*, *Phụ nữ*, *Lao động*, *Văn nghệ*, *Đài Truyền hình Việt Nam*, *Thông tấn xã Việt Nam*,... Bởi vậy, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã chỉ đạo cho thành lập tổ chức hội của những người viết báo để đoàn kết, giúp đỡ nhau, phục vụ kháng chiến và cách mạng mạnh mẽ hơn. Đồng chí Xuân Thủy, Chủ nhiệm Báo Cứu quốc, phụ trách Đoàn báo chí kháng chiến (thành lập năm 1948) được Tổng Bí thư Trường Chinh giao đứng ra tổ chức Đại hội thành lập Hội Những người viết báo Việt Nam (nay là Hội Nhà báo Việt Nam). Đại hội diễn ra tại hội trường Mặt trận Liên Việt (nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) ở xóm Roòng Khoa vào ngày 21/4/1950. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành gồm 10 nhà báo. Đồng chí Xuân Thủy là Hội trưởng; Phó Hội trưởng là: Hoàng Tùng, Đỗ Đức Dục; Tổng Thư ký là Nguyễn Thành Lê... Vậy là cội rễ Hội của chúng ta là đây và từ đây - dấu mốc quan trọng về bước trưởng thành của báo chí cách mạng Việt Nam lại

được bắt rẽ sâu xa từ báo chí cách mạng với sự ra đời của tờ *Thanh niên* do Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập và làm chủ bút tại Quảng Châu (Trung Quốc). Số đầu tiên ra ngày 21/6/1925, được Ban Bí thư Trung ương Đảng lấy làm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam. Và ngày 21/4/1950 là Ngày truyền thống Hội Nhà báo Việt Nam của chúng ta! Vậy là Hội của chúng ta chính là sự kết tinh của nền báo chí cách mạng do Bác Hồ khởi xướng từ những năm cách mạng dân tộc còn trong trứng nước. Tiếp nối, Hội của chúng ta ra đời và trưởng thành từ trong cơ cực của khó khăn, gian nan nguy hiểm của bom đạn chiến tranh, nhưng hết sức oanh liệt. Chúng ta tự hào, hân diện với lớp lớp đàn anh ở điện “khai quốc công thần” đã lấy việc viết báo để làm vũ khí phục vụ cách mạng như: Trần Huy Liệu, Ngô Tất Tố, Xuân Thủy, Hoàng Tùng, Lưu Quý Kỳ, Nguyễn Thành Lê, Quang Đạm, Hồng Hà, Thép Mói, Trần Lâm, Hồng Chương, Đào Tùng, Lý Văn Sáu, Hà Đăng, Hữu Thọ, Phan Quang...

Vâng lời Bác Hồ dạy tại Đại hội lần thứ III Hội Nhà báo Việt Nam (năm 1962) “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”<sup>1</sup>, lớp lớp nhà báo chúng ta nối tiếp nhau xung trận chiến đấu chống thực dân Pháp, để quốc Mỹ xâm lược để non sông thu về một mối; để bảo vệ, gìn giữ biên cương Tây Nam, phía Bắc, biển đảo thân yêu của Tổ quốc. Gần nửa ngàn nhà báo đã anh dũng hy sinh. Nhiều nhà báo ngã xuống tại trận đánh khi mà cây bút, cuốn sổ vẫn trong tay, hoặc là chiếc máy ảnh, máy quay phim vẫn hướng cùng đồng đội xông lên. Tên tuổi các nhà báo sáng mãi như: Mai Thúc Tề, Lý Chính Thắng, Trần Kim Xuyến, Trần Mai Ninh, Hoàng Lộc, Bùi Nguyên Khiết... Mỗi mãi là niềm tự hào về khí phách của nhà báo Việt Nam!

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.466.

68 năm qua, kể từ ngày Hội Nhà báo Việt Nam của chúng ta ra đời, báo chí Việt Nam đã có bước tiến dài, truyền thống hết sức vang, tạo hanh diện cho mỗi hội viên nhà báo. 68 năm với 10 kỳ đại hội đều ghi dấu ấn sâu đậm về vai trò tổ chức và hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam. Chúng ta tự hào, vinh hạnh khi lần lượt nhắc tên về các vị Chủ tịch Hội của chúng ta qua những chặng đường cách mạng. Ấy là Xuân Thủy, Hoàng Tùng, Hồng Chương, Phan Quang, Hồng Vinh, Thuận Hữu. Họ là những nhà báo, nhà chính trị sáng danh, hết lòng với công việc và trọng trách của mình. Bởi thế nên trong mọi thời kỳ cách mạng, hội viên Hội Nhà báo của chúng ta luôn đoàn kết, đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng của dân tộc do Đảng ta lãnh đạo và chỉ đạo. Bởi thế nên vị thế Hội Nhà báo Việt Nam luôn rạng ngời, thực sự là điểm tựa vững chắc và tin cậy của báo giới Việt Nam, xứng đáng là tổ chức chính trị - xã hội và nghề nghiệp của những người làm báo Việt Nam. Hội luôn kết hợp chặt chẽ với các cơ quan chỉ đạo và quản lý báo chí trong định hướng tuyên truyền, bồi dưỡng chính trị, đạo đức, kỹ năng làm báo cho hội viên nhà báo trong các chặng đường cách mạng; xây dựng chế độ, chính sách và pháp luật về thông tin báo chí, bảo vệ các nhà báo hoạt động theo luật định. Tri ân, tôn vinh đóng góp của hội viên nhà báo bằng “Kỷ niệm chương”, nhân rộng tài năng báo chí bằng “Giải báo chí toàn quốc” của Hội, nay là “Giải báo chí quốc gia”. Chăm lo bồi dưỡng nghiệp vụ, làm giàu kiến thức, tiếp cận thông tin, đổi mới thông tin, xu thế thông tin xã hội quan tâm, thông tin thời kỷ nguyên số, thời cách mạng công nghiệp 4.0; chú trọng bồi dưỡng đạo đức người làm báo, luật pháp của Nhà nước... Khích lệ thi đua làm báo đẹp, báo hay bằng mờ “Hội báo Xuân”, nay là “Hội báo toàn quốc”...

Qua 68 năm, Hội Nhà báo Việt Nam của chúng ta đã trở thành đội quân chính trị thực sự hùng hậu, tin cẩn của Đảng và Nhà nước với 22.494 hội viên, 289 đơn vị cấp hội trực thuộc. Trí tuệ, tư duy, tay nghề của những người làm báo đã và đang nhịp bước với hiện đại, với thời cuộc. Trí thông minh, đa tài, nhanh nhạy, sử dụng công nghệ thông tin mới trong tác nghiệp để tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin và loan tin nhanh chóng là nét nổi bật của lớp nhà báo hôm nay.

68 năm, chặng đường đi gần một đời người. Càng đi càng bền, càng vững vàng, đĩnh đạc, rạng ngời. Có lẽ bởi thế, nên “người dung” như cô gái doanh nhân trẻ mà tôi thoáng gặp ở Hội báo toàn quốc mới rồi đã coi **Hội Nhà báo Việt Nam** là: **Hội của chúng ta!**

Báo *Nhà báo & Công luận*, tháng 4/2018.

## QUYỀN LỰC VÀ PHẨM CHẤT QUYỀN LỰC\*

**S**inh thời Bác Hồ thường nói: “Cán bộ nào, phong trào ấy”! Khổng Tử cũng cho rằng: “Người cầm quyền, bậc quân vương phải chính. Lấy chính dỗng dắt người, ai dám không chính”? V.I. Lê nin - lãnh tụ, người thầy của cách mạng vô sản thế giới - nhấn mạnh: “Tim ra những cán bộ có bản lĩnh... đó là then chốt nếu không thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn”<sup>1</sup>.



*Hội nghị Trung ương 9 khóa XII quyết định nhiều vấn đề quan trọng  
về công tác cán bộ*

*Ảnh: Tư liệu*

---

\* Tác giả mượn chữ trong tác phẩm “Thăng trầm quyền lực” của tác giả Alvin Toffler.

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.44, tr.449.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>.

Ngày 12/5/2018, phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 7 khóa XII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Phải coi cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị”. Những lời chí cốt ấy, đều thấy quyền lực nhà nước và uy quyền của người lãnh đạo ở bất kỳ thời nào, giai đoạn nào cũng vô cùng quan trọng, không gì có thể thay thế được.

### **Quyền lực và uy quyền**

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quyền lực của Nhà nước được thể hiện bằng pháp luật để giữ vững trật tự xã hội. Nhà nước mạnh hay yếu, phồn thịnh hay suy thoái đều do bộ máy lãnh đạo nắm quyền điều khiển theo Hiến pháp và pháp luật. Hiểu đúng nghĩa thì, quyền lực là cái mà người khác phải phục tùng. Quyền lực tạo nên từ hai phía: hệ thống chính quyền các cấp và người nắm quyền lãnh đạo.

Uy quyền là cái uy của người lãnh đạo nắm giữ quyền lực. Uy quyền là biểu hiện nhân cách, phong cách; sự sắc sảo, minh tuệ của tư duy; lòng trung thành với mục tiêu cách mạng; tài cảm hóa mọi người. Đó là tố chất của người lãnh đạo.

Mọi quyền lực của Nhà nước đều được thể hiện ở Hiến pháp và pháp luật. Quyền lực còn thể hiện ở năng lực của bộ máy điều hành toàn bộ hoạt động của đất nước theo luật pháp. Cho nên quyền lực mạnh hay yếu là ở pháp luật căn chỉnh theo Hiến pháp hay không, thực sự là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân hay không. Khi đã có pháp

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309.

luật thực sự của dân, do dân, thực sự đại diện và bảo vệ lợi ích của nhân dân, điều quan trọng nhất là sự kết hợp hài hòa, chắt chẽ, khăng khít như là một của quyền lực (pháp luật) với uy quyền (người lãnh đạo) trong mối quan hệ tổng thể của quyền lực. Cốt lõi của vấn đề là công tác cán bộ. Bởi cán bộ lãnh đạo là đầu tàu vạn năng, là móc xích quan trọng nhất để đưa đất nước tiến lên trong mọi chặng đường cách mạng; đặc biệt là trong thời kỳ đất nước ta đang ra sức phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khi tình hình khu vực và thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường.

### **Quyền lực và phẩm chất quyền lực**

Thời xa xưa, quyền lực là *bạo lực*, nhưng không có sức mạnh vô song. Sau đó, quyền lực được thay thế bằng *của cải*, nhưng của cải cũng không phải vô cùng. Thời nay, nhân loại đã và đang lấy *tri thức* làm động lực phát triển xã hội. *Tri thức* đang thực sự là năng lượng của quyền lực và uy quyền của hệ thống chính trị ở bất kỳ một quốc gia nào. Bởi tri thức là vô hạn, có sức mạnh vô song. Đây là điều mà Alvin Toffler - tác giả cuốn sách *Thăng trầm quyền lực* đã đề cập. Ở đó, phẩm chất, năng lực và uy tín của người lãnh đạo, đặc biệt người lãnh đạo ở tầng chiến lược có vai trò “trụ cột” đối với sự thăng trầm của mỗi quốc gia, dân tộc. Bởi thế, mới có những câu, như: “Vua sáng thì dân vinh”; “Quan đần - dân khổ”; “Quan tham - dân khốn”...

Đất nước mãi tôn vinh tên tuổi những vị anh hùng và những nhà lãnh đạo có công làm sáng danh quốc thể. Nhân dân cũng mãi nguyên rúa những người nắm giữ quyền lực nhưng u tối, làm trái hoặc đi ngược lại quyền lợi của đất nước, của dân tộc. Chưa khi nào như lúc này, nhân dân ta lại quan tâm đến công tác xây dựng Đảng,

xây dựng đội ngũ cán bộ nắm giữ quyền lực đến vậy. Đó là dấu hiệu tốt đẹp của một xã hội luôn muôn đi lên. Cũng bởi, lâu nay sự suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng, gây hại cho dân, cho nước. Họ nắm giữ quyền lực, nhưng không nêu gương, không “lấy chính để dắt dân người” và họ đã bị nhân dân và luật pháp vạch mặt, nghiêm khắc “trừng phạt”. Cho nên, “chỉnh đốn Đảng”, “xây dựng đội ngũ cán bộ”, nhất là cán bộ cấp chiến lược, do Đảng định ra được nhân dân hết sức quan tâm, đồng tình ủng hộ, nồng nở góp sức thực hiện.

Nhân dân luôn đòi hỏi cán bộ lãnh đạo từ Trung ương tới cơ sở phải thực sự là tấm gương ngời sáng về phẩm chất, năng lực và uy tín. Nhân dân cũng mong bộ máy lãnh đạo nên tinh gọn. Đường hướng xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược đã được Hội nghị Trung ương 7 khóa XII đề ra. Thiển nghĩ, việc triển khai thực hiện phải thực sự là một cuộc cách mạng về tư duy của cán bộ, đặc biệt những người đứng đầu các cấp, các ngành, tỉnh, thành... trong cả nước.

Phẩm chất của cán bộ lãnh đạo không chỉ thể hiện ở diện mạo, sắc thái uy nghiêm, mà hàm chứa ở nội lực. Lãnh đạo phải là người thông minh, có nhận thức chính trị sâu sắc, có bản lĩnh, kiên trì, nỗ lực thực hiện công việc được giao, phụng sự nhân dân và tổ chức. Đó là khả năng làm chủ công việc, trung thành, nhiệt huyết với mục tiêu cách mạng, biết cách truyền cảm hứng nhận thức và hành động tới mọi người. Đó phải là người luôn thực sự hiểu biết về bản thân mình, về những việc mình làm. Tự tin, biết đồng cảm, sẻ chia với người khác; luôn giữ tinh thần thượng tôn pháp luật, không để những mối quan hệ dòng họ, tiền tệ, phe nhóm lôi kéo. Không độc quyền, lạm quyền, không vô hiệu hóa cán bộ có tài năng. Không chạy chức, chạy quyền. Không háo danh, háo lộc, tham ô, tham nhũng.

Nói về năng lực của người lãnh đạo, tức là nói đến tài năng làm việc của họ với người khác. Thông qua làm việc với người khác để đạt được mục tiêu công việc của mình. Họ biết cách làm việc, biết lắng nghe, biết tiếp thu ý kiến phản biện, biết tổng quát và mở hướng đi lên. Đây là biểu hiện của tri thức, trí tuệ, tư duy, tài năng dắt dẫn, cảm hóa thuộc cấp của mình một cách đàng hoàng, đĩnh đạc, minh bạch; không cậy thế cậy quyền, không lén mặt, không thủ đoạn. Năng lực của người lãnh đạo còn thể hiện rõ trong tiến trình thực hiện công việc, biết chọn ra những việc quan trọng, biết quyết định đúng chỗ; biết dự liệu được những việc do mình lãnh đạo, chỉ đạo.

Đặc biệt, trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, người lãnh đạo ở cấp độ nào cũng phải có kiến thức để tạo lập môi trường làm việc; có kỹ năng thực hiện công việc; có thái độ khéo léo xử lý mọi tình huống có thể xảy ra. Với người lãnh đạo, nhất là lãnh đạo ở cấp chiến lược thì năng lực là điều tối quan trọng. Nếu cán bộ vừa có phẩm chất đạo đức, lại có năng lực sẽ được nhân dân yêu mến, kính trọng; đồng cấp mến mộ, nể trọng, tổ chức chọn lựa trao giữ quyền điều hành công việc quan trọng.

Uy tín của người lãnh đạo là một tiêu chí có tính tích hợp các tiêu chí *phẩm chất, năng lực*. Đây là một tiêu chí, tiêu chuẩn vô cùng quan trọng cần phải có của người lãnh đạo các cấp, nhất là cấp Trung ương. Thiếu uy tín, mất uy tín cũng có nghĩa là thiếu lòng tin, mất lòng tin với mọi người, có nghĩa là uy danh, uy quyền không còn thì không thể lãnh đạo được ai. Cho nên uy tín của người lãnh đạo phải là uy tín đích thực, là sự ảnh hưởng lớn lao từ uy quyền uy với công việc, được tín nhiệm, được tin yêu của những người bị lãnh đạo. Nghĩa là người lãnh đạo phải thực sự có đức, có tài, giàu bản lĩnh, giàu năng lực chuyên môn, gắn bó máu thịt

với nhân dân. Nói đi đôi với làm. Biết trọng lời hứa. Gần dân, sát dân, hiểu dân. Ngay thẳng, trung thực, thật thà, lịch thiệp. Luôn chăm lo đời sống cho nhân dân... Uy tín để lãnh đạo là đương nhiên, nhưng uy tín có được là sự tích tụ của quá trình đào tạo, làm việc, học tập, rèn giũa, gìn giữ về phẩm chất, đạo đức, về năng lực, tâm lý chia sẻ, thu phục lòng người.

Tạp chí *Công sản điện tử*, tháng 9/2018.

## HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM: 70 NĂM - MỐC SON RẠNG NGỜI

**M**ỗi lần tháng Tư về, tháng Tám sang tôi thường trở lại Định Hóa, Thái Nguyên như lẽ đòi để tôn tộc tổ tông, tiếp thêm năng lượng, nuôi dưỡng lòng đam mê nghề báo.

Về Định Hóa là về với vùng đất ATK (an toàn khu), về với cội nguồn, với “*Thủ đô gió ngàn*”. Nơi đây, mỗi bản làng, thôn, xã đều thấm đẫm sự kiện lịch sử 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bởi thế, tất cả các xã của huyện đều có di tích lịch sử, với quá nửa là di tích quốc gia; hơn hai phần ba số xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. Nhân dân các dân tộc thắm tình đậm nghĩa, tận tình che chở, bảo vệ, thủy chung với cách mạng. Đời nỗi đòi tự hào, nhắc nhở nhau: “*Ngày 20/5/1947, Cụ Hồ đã đặt chân trên đất Diêm Mặc, lên lán ở trên đồi Khau Tý. Tại đây, Người cùng Trung ương và Chính phủ lãnh đạo toàn dân anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; với rất nhiều quyết định, chỉ thị của Trung ương được ban hành*”! Nghe vậy, tôi nao nao nhớ câu ca thuở nào thuở nao: “*Cây có gốc mới nở cành xanh lá/Nước có nguồn mới biển cả sông sâu!*”.

Bác Hồ kính yêu của dân tộc, người thầy vĩ đại của các nhà báo, từng trải suốt dặm dài “*đi tìm hình của Nước*”, từng viết báo, sử dụng báo chí như một lực lượng “xung kích” phục vụ kháng chiến, kiến quốc, phục vụ cách mạng. Người cho ra đời báo *Thanh niên*, tờ báo cách mạng đầu tiên ở hải ngoại để vận động thanh niên,

trở thành mốc son rạng rỡ nhất của báo chí Việt Nam. Tại Định Hóa, Người cho mở Lớp học viết báo Huỳnh Thúc Kháng (tiền thân trường lớp báo chí ngày nay) ở thôn Bờ Rạ, ven Núi Cốc để huấn luyện các nhà báo viết báo kháng chiến. Thư gửi học viên, ngày 09/6/1949, Người nhắc nhở: “*Nhiệm vụ* của tờ báo là tuyên truyền, cổ động, huấn luyện, giáo dục, và tổ chức dân chúng, để đưa dân chúng đến mục đích chung... kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công”<sup>1</sup>. Tại ATK ở Định Hóa, Người giao Trung ương chỉ đạo thành lập “Hội những người viết báo kháng chiến” nay là Hội Nhà báo Việt Nam. Ngày 21/4/1950, tổ chức Hội ra đời tại xóm Roòng Khoa, xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa. Diêm Mặc trở thành cội nguồn ngời sáng của báo giới cùng lịch sử cách mạng. Từ đây, các nhà báo có tổ chức Hội với tên gọi rất đỗi thân yêu: Hội Nhà báo Việt Nam!

Chúng tôi từng gắn bó cuộc đời với nghề, với tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam như điểm tựa tin yêu. Khi lập Hội, cả nước chỉ có vài chục tờ báo và tạp chí với mấy trăm hội viên. Nay có tới gần ngàn cơ quan báo chí với đủ các loại hình thông tin hiện đại. Đội ngũ làm báo của chúng ta có tới vài vạn người, được đào tạo bài bản, tinh thông nghề nghiệp, hết lòng phục vụ sự nghiệp vẻ vang của dân tộc. Trong gian khó, hiểm nguy của chiến tranh, thiếu thốn của thời khôi lập, các nhà báo tiền bối của chúng ta luôn thủy chung, kiên cường vượt qua hết thảy, hy sinh vì nghề, tên tuổi của họ sáng mãi cùng lịch sử dân tộc; mãi là biểu tượng đẹp để hậu thế noi theo... Khi mới thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ vai trò to lớn của Hội: “Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của Hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.102.

giúp đỡ nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ”<sup>1</sup>. Người giao trách nhiệm lớn lao cho cán bộ, hội viên: “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng, cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”!<sup>2</sup>. Lời dạy chí cốt, chí tình ấy của Người, các thế hệ nhà báo Việt Nam nối tiếp nhau thực hiện, miết mài đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, suốt 70 năm qua.

Vâng lời Bác, kể từ ngày thành lập Hội qua 10 nhiệm kỳ đại hội đại biểu, tổ chức Hội luôn bám chắc mục tiêu Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng, gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, nhân dân với Đảng. Suốt hai cuộc kháng chiến cứu nước, giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà, hàng ngàn nhà báo đã tay súng tay bút giáp trận với quân thù; góp sức phá tan âm mưu của thực dân, để quốc hòng xâm lược, đô hộ nước ta. Nhiều nhà báo đã anh dũng hy sinh, tên tuổi họ được lưu sử sách, nhắc nhở chúng ta phải sống cho xứng danh nhà báo!

Các cấp Hội từ Trung ương tới địa phương luôn gắn kết với các cơ quan quản lý báo chí chăm lo, bồi dưỡng chính trị, đạo đức, nghiệp vụ cho hội viên. Đó là các lớp chuyên sâu nghề báo của Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ), Trường báo chí của Việt Nam... Là sự ra đời của Khoa Báo chí - Xuất bản đào tạo dài hạn, bài bản, sau này là các khoa báo thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Trung ương Hội Nhà báo Việt Nam có: Ban nghiệp vụ; Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí; báo *Nhà báo và Công luận*; Tạp chí *Người làm báo*, cổng thông tin điện tử... Thường trực Hội năng động, chỉ đạo chặt chẽ các ban nghiệp vụ, công tác Hội, nhà văn hóa... tổ chức nhiều hội thảo chuyên đề về chính trị, nghiệp vụ,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.166, t.13, tr.466.

đạo đức, trách nhiệm xã hội - nghĩa vụ công dân của nhà báo trước sự phát triển như vũ bão của không gian mạng thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, nhằm bắt nhịp với xu thế phát triển báo chí quốc tế... Ấy là sự phong phú, đa dạng, thiết thực hoạt động gắn với thời cuộc nối tiếp nhau của Hội Nhà báo Việt Nam, hệt như phương cách tạo nguồn để biến ngày thêm rộng, sông càng thêm sâu!

Nhà báo luôn coi đạo đức là gốc, tôn trọng sự thật, trung thực, khách quan, nhân văn vì lợi ích của đất nước và lợi ích chính đáng của nhân dân. Báo chí luôn luôn quyết liệt đấu tranh với nạn quan liêu, tham nhũng, với cái ác, cái xấu, trái với luật pháp; quyết liệt phản bác những luận điệu thù địch, phản động; nhân rộng các điển hình tiên tiến; nâng niu nhân tố mới tích cực, vun xây cái hay, cái tốt đẹp của con người. Nhiều hoạt động phụ trợ nghiệp vụ, như tổ chức: "*Giải báo chí Bông lúa vàng*" thời hậu phuơng thi đua với tiền phuơng; "*Giải báo chí toàn quốc của Hội Nhà báo Việt Nam*", phát triển lên thành "*Giải báo chí quốc gia*" luôn bội thu những tác phẩm hay, cây viết tốt, ấy là chưa tính đến những giải báo chí phối hợp giữa Hội Nhà báo Việt Nam với các tổ chức, đoàn thể... tạo nên làn gió hưng khích khích lệ, quảng bá, nhân rộng những tài năng báo chí trên khắp mọi miền đất nước... Đó còn là *Hội báo Xuân* (nay là *Hội báo toàn quốc*) rộn rã, tung bừng, thi đua báo đẹp, báo hay, đa hình, đa thanh, đa sắc, trách nhiệm cao với dân, với nước. Là việc ra đời *Bảo tàng Báo chí Việt Nam* lưu giữ, tôn vinh quá khứ hiển vinh, kiên trung với nghề của các thế hệ cầm bút. Là việc trao "*Huy chương vì sự nghiệp Báo chí*" (nay là *Kỷ niệm chương*) cho các nhà báo có đóng góp quan trọng vào sự nghiệp báo chí... Là việc xây dựng "*Quy ước đạo đức báo chí*" (nay là "*Quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo*") đề ra những chuẩn mực để nhà báo cố kết với nghề, xứng với lời Bác dạy: "*Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ*".

70 năm - Hội Nhà báo Việt Nam đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng của dân tộc đồng gian nan, quyết liệt, khi thăng, khi trầm, nhưng vẫn giữ một dòng chảy kiên trung, nhất mục tiến lên nên rất đỗi vang!

70 năm - mốc son rạng ngời thôi thúc các hội viên nhà báo chúng ta thêm tin yêu, nồng nở hòa quyện với nhân dân, sát sao thực tế, hết lòng phụng sự tiến trình phát triển mạnh mẽ của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh!

Báo *Nhà báo & Công luận*, tháng 4/2020.

## B- BÁC ĐỂ THƯƠNG NHỚ CHO NHÂN DÂN

### NHỚ LẦN VIẾT VỀ BÁC KÍNH YÊU

**V**iết về Đảng, về dân, về Bác Hồ kính yêu thì tôi đã nồng nở suốt đời nghè. Ngay từ khi đang là giáo viên trường huyện (tháng 3/1966), tôi đã có bút ký “*Thôn Thượng đón thư Bác*”<sup>1</sup> được đăng trên báo và phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Mấy năm gần đây lại có thêm vài tập bút ký viết về những điển hình “*Học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”<sup>2</sup>. Tuy nhiên, ấn tượng nhất lại là lần tác nghiệp viết cho báo xuân, chủ đề “Tết trồng cây nhớ Bác” trên báo *Vĩnh Phú*.

Nhận đề tài, tôi cặm cụi đạp xe về thôn Lạc Trung, xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, noi in đậm dấu chân Bác về thăm và phát động Tết trồng cây, ngày 25/01/1961, thời điểm tôi nghe lại chuyện Người thăm Lạc Trung thì đã cách xa 15 - 17 năm có lẻ. Ấy vậy mà người Lạc Trung ai ai cũng vanh vách kể về Bác, cứ như Bác Hồ mới tới hôm qua, hôm kia vậy!

Anh Nguyễn Văn Tục, Chủ nhiệm hợp tác xã, dẫn tôi vào thôn theo lối có đường cây tăm tắp suốt hai vệ đường, tán cành xanh

1. Bác Hồ gửi thư khen Hợp tác xã Thôn Thượng, ngày 02/3/1966.

2. Chủ đề do Ban Tuyên giáo Trung ương phát động. Tác phẩm “*Làm theo lời Bác*” của Nguyễn Uyển được trao giải chính thức nhân dịp kỷ niệm 123 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 19/5/2013.

rợp đan nhau rây nắng lở đổ. Tôi chân làng, anh dừng lại, giọng trầm xuống: “Đây, chính nơi này ngày xưa, Bác Hồ dừng xe, vào thăm Lạc Trung đó!”. Nhìn đường cây bạch đàn, nét cổ thụ hiện trên thân cành, tôi hỏi: “Những cây này đã bao nhiêu tuổi?”. Anh Tục nói: “Cây được trồng vào năm 1959, năm Bác Hồ phát động Tết trồng cây. Năm cây bắt đầu có Tết!”. Theo đó, anh Tục hút tôi vào nỗi niềm riêng tư: “Những đời cây từ ngày ấy đã góp nên cõi ngơi của làng, của xã. Những lứa xoan, những lứa bạch đàn kế tiếp nhau giúp cho làng làm nên những nhà kho, nhà trẻ, trụ sở, trường học, nhà ở. Nghe Bác dạy, từ Tết trồng cây năm ấy, cả Lạc Trung tươi xanh. Nắng hạ thôi không nung nấu con người; cái gió, cái bão không còn là nỗi kinh hoàng của mỗi ngôi nhà!...”. Tự dung, giọng anh như lạc hồn đi: “Thật tiếc! Bác hẹn trở lại Lạc Trung, vậy mà!...”. Vẫn giọng xa lơ, ngắt quãng, ngắt khoảng, anh chia sẻ: “Ngày xưa Bình Dương là vùng căn cứ, nên bị giặc Pháp đốt phá, ném bom chà xát. Các thôn Tứ Kỳ, Lạc Trung, Phong Doanh chung ngày giỗ trận, cả trăm người chết vì đạn bom, sau ngày ấy, chỉ Lạc Trung mới có cây. Nay giờ thì cả xã, tuốt tuột, đâu cũng cây xanh, trái ngọt, đâu cũng ngôi đền, mái bằng, tầng thấp, tầng cao!...”.

Dần tôi theo đúng lối ngày xưa Bác Hồ đến thăm, anh Tục kiêm luôn vai thuyết minh viên đầy trách nhiệm, kỹ lưỡng, thận trọng từng từ khi kể về Bác: “Hôm ấy là ngày 25/01/1961, lúc 8 giờ sáng, có 3 xe ô tô nhỏ về đây. Xe chở Bác dừng tại nơi chúng ta vừa đứng, rồi ngoặt vào sân kho hợp tác. Ông Lê Văn Tân, Chủ tịch xã tới tận cửa xe đón và có lời thưa: - Cháu kính mời Bác đi thăm hàng cây mới trồng! - Ấy ấy, chú kệ tôi. Tôi đi theo ý tôi! Nói rồi Bác xăm xắn bước đi. Bác vào nhà ông Phết rồi sang nhà ông Phan. Đi thẳng đến nơi hai bố con ông Phan đang xây thành giếng, Bác vui vẻ hỏi han, giang gang tay đo đếm, rồi dặn bảo:

Cụ nên xây thêm 20 phân nữa. Trên mặt giếng nên có lưỡi hoặc phên đáy để giữ an toàn cho trẻ nhỏ! Nói rồi Bác trở ra đường xóm Ngói, xem những hàng cây xanh!...”.

Tôi tần ngần đứng bên giếng nước, noi ngày xưa Bác đứng. Nước trong xanh, trời mây in trong lòng giếng. Chúng tôi vào thăm gia đình cụ Phan. Cụ Phan đã qua đời gần chục năm. Người con cả tóc đã nhuộm thẫm màu tro, phần chấn kể lại những kỷ niệm Bác đến thăm nhà. Vợ cụ Phan xen vào: “Rõ khổ, hồi Bác đến, nhà em nghèo quá, vách xiêu, mái dột. Các ông tính, mới qua những ngày giặc giã, làm thuê, cuộc mướn mà!”. Tôi xen vào: “Nhà ta nay nhất làng rồi!”. Ấy chết. Thẩm vào đâu. Trên này có dễ hàng mấy chục nhà to đẹp hơn!”. Tôi nhìn lên tường, không có trang trí nào ngoài hai bức ảnh lớn: một bức Bác Hồ cùng các đồng chí lãnh đạo tỉnh và xã thăm giếng nước gia đình; một bức Bác chụp lưu niệm với cán bộ địa phương. Đặt chén trà xanh đặc quánh xuống mặt sa lông bóng loáng, anh Tục đứng dậy, tiến về phía bức ảnh, rướn người giới thiệu với chúng tôi: “Đây là đồng chí Kim Ngọc, Bí thư Tỉnh ủy; đây là ông Chu, Bí thư xã; đây là ông Lê Văn Tân, dạo đón Bác ông ấy tuổi 40, nay vào tuổi 80 nhưng vẫn khỏe mạnh, trồng cây giỏi. Cụ khát khao đòi làm tượng Bác Hồ tại noi Bác nói chuyện với dân!”. Tôi lại xen lời: “Tổ trưởng trồng cây lúc ấy là ai? - Ông Nước, rồi ông Chăm. Các cụ còn sống cả, nhưng yếu cả rồi! - Bác Nguyễn Văn Tân, cán bộ miền Nam tập kết, Anh hùng Lao động lâm nghiệp ở đây dạo ấy có được gặp Bác Hồ không? - Không được báo trước, nên cả ông Nước, ông Chăm đều vắng”.

Chúng tôi tìm đến nhà cụ Tân. Nhà giản đơn, mái rạ, vách đan nan. Cụ Tân đi chăm sóc vườn cây bạch đàn trồng khoán, nhưng người nhà vẫn đông. Cháu con nhiều, lại thêm khách, nhà trở nên chật chội. Mải nghe chuyện đòi tư, do cụ bà kể lại, cụ ông

đi làm về hạ chiếc cuốc trên vai, bước lên hè chúng tôi mới hay... Tuổi tác đã gò gập tấm lưng cụ. Đôi tròng mắt nhăn nheo, hai má tóp lại. Mái tóc trắng phau. Tuy vậy, dáng vẻ vẫn nhanh nhẹn, giọng chắc khỏe. Chuyện về Bác, chuyện về cây làm tôi và cụ gần gũi như người trong nhà. Cụ dẫn chuyện, cứ như chúng tôi cùng đến, cùng đi:

- Từ nhà cụ Phan, Bác Hồ trở ra đường xóm Ngói, rồi lên bờ kênh số 6A thăm những đường xoan mới trồng cao ngang tầm người. Giữa độ đường, ngang xóm Ngói, Bác dừng lại nhìn những cây xoan trồng dày đặc, rồi vẫy tay và ông Chu đến. Bác choàng tay chùm đầu hai người chúng tôi lại, rít chặt vào ngực Bác. Tôi thấy đau nhưng không dám kêu. Bác vui giọng hỏi: - Các chú có thấy khó chịu không? Cả hai chúng tôi vội đáp: - Thưa Bác, có ạ! Bác hoi nói tay ra và hỏi: - Có dễ chịu hơn không? - Thưa Bác, thoải mái lắm ạ! Bác cười, tay chỉ vào bã xoan trồng xin xít bên vệ đường: - Như thế này cây có khó chịu không? - Chúng tôi nhanh nhau: Dạ, dày quá ạ! Ông Chu nói thêm: - Thưa Bác chúng cháu sẽ sửa chữa ạ!... Chúng tôi theo Bác lên kênh, rồi vòng xuống xóm Hòa Bình. Đến bã rộng, nơi trồng nhiều xoan nhất. Mùa xuân đang về, lá chưa bừng nở. Xoan non tua tua nghiêm trang như những vệ sĩ bảo vệ cho Bác, cho dân làng. Tôi nhớ quá và lạ quá, Bác giản dị tới mức tôi không tưởng. Bác nhẹ nhàng ngồi phết xuống thảm cỏ. Đồng chí Kim Ngọc, Bí thư Tỉnh ủy và chúng tôi ngồi theo. Đạo ấy xóm Hòa Bình còn thưa dân, đất hoang trống nhiều, Bác quan sát cả vùng đất, rồi khuyên đồng chí Kim Ngọc và chúng tôi: - Trồng cây lấy gỗ là tốt rồi, nhưng phải trồng cây ăn quả, cải thiện cho dân!... Dọc đường về sân kho, noi ấp dân làng đang tập trung chờ đón Bác. Bác gọi tên tôi và ông Chu, rồi bảo: - Xã có mấy thôn? - Dạ, có 6 thôn ạ! - Mấy hợp tác xã? - Thưa có 9 ạ! - Các hợp tác xã đã trồng cây như đây chưa? - Dạ! Chưa ạ! - Phải

làm như đây!... Bác quay sang hỏi đồng chí Kim Ngọc: - Tỉnh Vĩnh Phúc đã làm như đây chưa? - Dạ! Có nhiều hợp tác xã đã làm nhưng chưa được như Lạc Trung ạ! - Thế thì phải làm cho cả tỉnh như Lạc Trung! - Vâng ạ!

Bác vào sân kho, nhân dân ùa ra, hò reo đón Bác. Đứng bên góc sân (nơi này, năm 1969, xã đã trồng cây đa và dựng bia lưu nhở với dòng chữ nắn nót: “*Nhân dân Lạc Trung được đón Bác Hồ ngày 25/01/1961 thăm phong trào trồng cây*”), Bác nói chuyện với dân làng, ân cần dặn bảo: “Lạc Trung trồng cây tập thể như vậy là tốt rồi, nhưng phải người người trồng cây, nhà nhà trồng cây. Trồng cây nào phải giữ tốt cây đó”. Bác nói: “Ta khó khăn, nay mỗi người phải góp một viên gạch, phải trồng một cây”. Bác lớn giọng hỏi bà con: - Lãnh đạo xã có tranh việc dễ không? - Không ạ! Tất cả cùng trả lời. Bác cười hồn hậu: “Thế là tốt!” Bác âu yếm nhìn mọi người và bảo: “Bác rất phấn khởi thấy hợp tác xã trồng nhiều cây. Böyle giờ Bác phải về, Bác dặn hai điều: Một, phải xây dựng hợp tác xã thật giàu mạnh. Hai, nếu làm tốt thì thơ cho Bác, lần sau về Bác có quà”. Tất cả đồng thanh: “Vâng ạ! Vâng ạ!”. Tiếng vỗ tay ran ran. Bài ca kết đoàn được Bác bắt nhịp vang lên, vọng lan khắp xóm thôn. Bác gio tay chào. Tiếng hát và tiếng hô rộ lên: - Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ muôn năm! Kết đoàn chúng ta là sức mạnh!... Vang lên, vang xa tưởng đến không cùng!...

Mỗi độ xuân về, Tết trồng cây lại đến. Tôi bâng khuâng nhớ Bác đến khôn cùng. Bởi, nghe chuyện Bác thăm Lạc Trung, xem cái cách quan sát; phong thái bình dị, sâu sát, thân gần nhân dân của Bác khiến tôi tự ngãm về nghề báo - nghề khắt khe, nghiệt ngã - nên rất cần học tập và noi theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác Hồ vô vàn kính yêu!



Bác trao đổi cách thức trồng cây với cán bộ Hợp tác xã Lạc Trung

Ảnh: Tư liệu

## ĐỀN HÙNG NGÀY HỘI MỎ

**H**ôm nay - mùng 10 tháng Ba - Đền Hùng trong ngày giỗ Tổ. Người dân cả nước đang trẩy về đây. Bạn bè quốc tế cũng về đây trẩy hội. Tiếng trống đồng, tiếng cồng, tiếng chiêng đón hội đổ dồn. Nhạc lễ của dân tộc nổi lên mỏng và làm nền cho buổi lễ trang nghiêm mà gần gũi, như xa lại như gần, như thấy mình thấy ta, thấy cha ông và thấy cả quá khứ và hiện tại. Và, kia nuga con cháu Lạc Hồng tuấn tú khỏe mạnh, ăn vận đồng phục, phù hiệu chim lạc bay, tay nâng cờ hội, theo đoàn kiệu văn rước lễ vật, đội nhạc lễ, chủ lễ kính cẩn dâng hương lên đền.

Tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng trống đồng dõng dạc âm vang. Tiếng nhạc vui trào lên. Hương khói tưởng niệm lan tỏa, trùm ấm khu đền, như quyến gọi người xưa, gọi người đi xa trở về nguồn cội. Phút giây thương nhớ người xa vắng nơi góc biển, chân trời, vì những biến thiên của lịch sử, của xã hội, của cuộc đời mà phiêu bạt đất khách quê người là giây phút này đây. Oi những cụ, những ông bà, những ba, những má, những bố, những bàm, những anh, những chị, những cháu, những em... đang sống ở đó đây, xin hãy về đây thắp nén hương thơm mà tâm tưởng kính viếng cha ông. Xin hãy chọn lấy một đôi lòn trở về với nước non, lên với Đền Hùng noi “núi tụ, sông quần”, noi có di tích Đền Hùng, thờ Tổ chung của nước Việt Nam. Đền Hùng - nơi mà mỗi chúng ta khi ở tột cùng hai thái cực vui sướng và đau khổ, khi đất nước thái bình hay trong vận mệnh cam go nhất - Vua Hùng vẫn hiển hiện như

một nguồn sáng, như động lực tinh thần xuyên suốt thời gian và không gian, cổ vũ niềm tin và sức mạnh cho mỗi chúng ta dấn bước. Về đây, về với Đền Hùng để ta nhận ra tâm trí, tâm lực tài tình của Tổ Mẫu đã chọn nơi đây mà không phải là nơi nào khác để làm điều kiện ra đời một quốc gia cổ đại, để tạo lập cho dân tộc mình đường đi, thế đến. Từ thuở có Đền Hùng, có tổ tiên, chúng ta có Bác Hồ, có Đảng, có cách mạng và có chủ nghĩa xã hội vẹn toàn trên cả lãnh thổ nước Việt Nam, có bạn bè năm châu bốn biển. Về đây, để ta nhận ra, ai người xưa ấy đã nghiên cứu tâm lý, địa lý, nhân văn thiên văn chọn đúng nơi “sơn chầu thủy tự”, dời dào “khí thiêng sông núi” này để xây lăng, đặt đền, để chọn độ trăng tròn lẻ cho con cháu về vui vầy, để đến tắt hội bao giờ trời cũng đem mưa giội đèn. Để bây giờ con cháu Việt Nam cùng sinh trong bọc trứng Âu Cơ dù đi đâu, ở đâu, chân trời, góc biển vẫn nhớ, vẫn tìm về đất Tổ Hùng Vương, vẫn lên Đền Thượng, vào lăng thắp nén hương thơm đượm nhất mà khẳng định lòng mình suốt đời thờ phụng, gắn bó với tổ tông cho cuộc đời thanh thoi, thanh thản. Người xa xứ oi! Đất Việt mình đã có hơn bốn ngàn năm, nước non này đã từng mấy ngàn lần giỗ Tổ, với tiêu biểu là các Vua Hùng có công dựng nước. Đất nước này, đất nước duy nhất trên địa cầu đã đánh bại quân xâm lược Mông Nguyên - dũng mãnh nhất, đã từng thôn tính biết bao nhiêu dân tộc Âu, Á thế kỷ XIII. Đất nước mà những viên tướng đại tài của đế quốc hoàn chỉnh bậc nhất là thực dân Pháp vẫn còn giữ mãi những kỷ niệm của sự chiến bại. Đất nước đã đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào. Đất nước của một dân tộc nhỏ nhất mà lại mạnh nhất, bị chèn ép nhiều nhất, nhưng lại quật khởi oai hùng bậc nhất... Cái sức mạnh ấy thấm từ ngàn xưa, thấm sâu trong xương tủy chúng ta, trong niềm kiêu hanh vô biên của một giống nòi không chịu mất nước, không chịu sống tủi nhục... lại được Bác Hồ kính yêu răn dạy tại noi đây sau ngày chiến

thắng Điện Biên Phủ rằng: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước/Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”<sup>1</sup>. Đất nước mà với Đền Hùng đã thu hút biết bao nhiêu du khách, biết bao nhiêu tâm tưởng của những nhà sử học, những tiến sĩ, những giáo sư trên thế giới. Thật khó quên khi đọc dòng lục khoản đề ngày 16/6/1981 của O.W. Olter, Giáo sư Đại học Cornew, người Anh, rằng: “Hôm nay, tôi đã có niềm vui may mắn được đi theo những dấu vết của các Vua Hùng”... Và với vị Đại sứ Vương quốc Thụy Điển thì “Ấn tượng sâu sắc nhất gây cho tôi: Chứng tích lịch sử nghìn năm của Việt Nam”. Với tiến sĩ Frantiseksita (Tiệp Khắc trước đây, Cộng hòa Séc ngày nay) thì “Đây là nơi mà chúng tôi gặp gỡ lịch sử Việt Nam và các truyền thống tuyệt vời”. Với cụ Nguyễn Đắc Bằng tuổi ngoại 80, Hội trưởng Hội Việt kiều ở Canada, người gốc quê Vĩnh Phúc, khi về thăm Đền Hùng, quê hương nồng thắm đón chào khiến đôi mắt già ướt măi. Và với kiến trúc sư Ngô Viết Thụ, ăn học ở Tây phương, thiết kế dinh tổng thống nguy quyền miền Nam trước kia (nay là Hội trường Thống Nhất), ngày ra miền Bắc, ông đem theo quần áo lě từ Sài Gòn mà tế Tổ, ông khóc nấc lên vì xúc động... Thế đó, vì có một tấm lòng, vì hiểu sâu xa cội nguồn... nên lòng gắn bó thiết tha... Để hết thảy chúng ta đều nhớ đến hôm nay, nhớ đến ngày này - mùng 10 tháng Ba - ngày Giỗ Tổ, Quốc hồn, Quốc lě - ngày đậm đà ý nghĩa dân tộc, rung cảm sâu xa nhất trên con đường hành hương về cội nguồn tiên tổ.

Bao đời nay dân tộc ta đã trẩy hội Đền Hùng. Lên với Đền Hùng, lên với mộ Tổ. Ta hãy cứ khoan dung, khoan dung theo 500 bậc cấp. Đi mà ngẫm ngợi, mà nhận ra sự nhịp nhàng, vuông tròn không có lẻ đôi, như nhịp lục bát bấm víu thiết tha, như người ta cần nghỉ ngoi để mà bước tiếp, để mà đi tới.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.59.

Về đây, đâu là ngày hội hay ngày thường, hãy dùng chân trước Đại môn (cổng lớn) nhẩm đọc bức đại tự trên đâu hai trụ cổng với bốn chữ “*Cao son cảnh hành*” (núi cao đường lớn), nghĩa là: Núi cao trông ngóng vậy! Đường cái lớn đi vậy! Chính là điều cha ông muốn nói với chúng ta bằng biểu trưng của đất nước. Con đường cha ông khai sáng để chúng ta bước theo. Xin cứ coi noi này là cây số gốc. Cây số của noi cội nguồn.

Qua hơn 200 bậc cấp dẫn ta lên Đền Hạ. Tương truyền là noi bà Âu Cơ đã sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra con, để từ đó sinh sôi ra các dân tộc Việt Nam. Tiếp theo con đường, ta lên với Đền Trung. Tương truyền xưa các Vua Hùng thường đến đây bàn việc nước, cũng là nơi đứa con nghèo Lang Liêu dâng vua bánh chưng, bánh giày nhân đầu năm mới. Đi nữa theo con đường gốc, ta vào Đền Thượng. Nơi này, ngày xưa Vua Hùng làm lễ tế trời đất, thờ thần lúa. Đây cũng là nơi Thục Phán (cháu họ của Duệ Vương - Vua Hùng thứ 18) được truyền ngôi vào năm 258 trước Công nguyên đã dựng cột đá thiê, sẽ đòi đòi trông nom miếu vũ, giữ gìn cơ nghiệp của các Vua Hùng truyền lại, rằng: “Nguyên có đất trời cao lồng lộng soi xét, chẳng dám sai lời. Nước Nam trường tồn lưu ở miếu Hùng Vương. Ví bằng vua sau nối nghiệp, trái ước phai thiê sẽ bị trăng vùi gió dập, trời đất cùng tru diệt”. Lên đây ta sẽ vào thắp hương trước lăng mộ Tổ. Từ đây ta rẽ xuôi xuống Đền Giếng. Giếng trong đền có tên là Giếng Ngọc noi thờ hai con gái Vua Hùng thứ 18 là Tiên Dung và Ngọc Hoa. Ngọc Hoa là vợ của Sơn Tinh, thần núi Tân Viên. Còn Tiên Dung là vợ của Chử Đồng Tử chàng trai con nhà chài lưới nghèo khổ, biểu trưng đẹp về tình yêu. Từ đây ta có thể xuống công quán, xuống thăm nhà trưng bày những di tích thời Hùng Vương. Từ đây ta có thể qua thăm hồ Lạc Long Quân xem đua thuyền rồng. Nếu là ngày chính hội, ta sẽ vui trong trò múa đánh trống đồng, trống đú, đâm đuông, đánh cờ

tướng, rước kiệu, xem vật, xem đánh cờ, đánh phết, vui thể thao, văn nghệ... Đền Hùng đã trở thành tụ điểm du lịch, chiếc cầu du lịch săn lòng đón bạn từ bốn phương.

Từ nơi Đền Thượng - đình Nghĩa Lĩnh - với trên 200 loài cây rừng mang vẻ nguyên sinh: Núi với độ cao trên 170m so với mặt nước biển, thả tầm mắt, ta nhìn cảnh đồi núi xanh mát điểm xuyết những hồ nước như những chiếc gương soi của trời, với những con đường uốn lượn chân đồi mềm mại như dải lụa màu son, giăng dài không cùng, với những vật ruộng bậc thang, lúa tháng Ba đang kỳ xanh thắm. Nhìn xuôi phía xa là những cánh đồng ngút ngát, là dòng sông Lô, sông Đà, sông Thao dồn nước cho nhau vắn vít về xuôi. Ngược lên, quanh quất san sát những đồi, những núi như bầy voi. Mới hay cái tài trong đôi câu đối vịnh của người xưa: "*Mở lối, đắp nền, bốn mặt non sông quy một mõi/Lên cao, nhìn rộng, ngàn trùng đồi núi tựa đàn con*". Mới yêu thêm thơ bạn viết năm nào: "*99 voi quay về Đất Tổ/Voi phản phúc nhân dân vẫn cố*". Ấy cũng là sự tích voi phản phúc quay đầu lên phương Bắc liền bị nhân dân chém đứt đầu, vết máu còn loang dưới dọc sâu đến tận bầy giờ.

Hiểu nghĩa, thủy chung, đấy là bản tính của dân tộc, một dân tộc chưa có những phút giây thảnh thoι, chưa có những năm yên ổn kéo dài mà đúc chữ, gò câu, để xây nền tạc tượng, một dân tộc chỉ biết đi, không dừng lại bao giờ, dân tộc chỉ quen làm lụng, chiến đấu dựng xây... Để với bấy nhiêu thời gian vừa đánh giặc, bảo vệ, giữ gìn và xây dựng đất nước mà bốn phía quanh đền đâu cũng khói nhà máy (Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao, giấy Bãi Bằng). Nhìn xuôi về Việt Trì, trên đất Làng Cả ngày xưa ấy, giờ là thành phố công nghiệp hoành tráng, văn minh, thanh lịch với đủ các loại hình công nghiệp... Để bây giờ trung du Phú Thọ đã mang trong mình một cơ cấu kinh tế hoàn chỉnh công - nông -

lâm nghiệp. Cơ cấu ấy là lối đi, là phương hướng để địa phương ngày càng phát triển, giàu đẹp, văn minh.

Thú vị biết bao - từ đình Nghĩa Lĩnh này hiển hiện một vùng trung du đổi mới. Vậy mà ta vẫn bắt gặp những kiểu nhà mang dáng dấp xưa vừa thấp lại vừa nhiều cột, hai mái to bè như sà xuống mặt đất, gắn liền với cột chống, giống như những ngón tay chắc chắn bám vào mặt đất. Xen kẽ là những ngôi nhà kiến trúc kiểu phương Tây cao vút, thoáng khí mà vẫn gấp những liên hệ kiến trúc truyền thống tạo sự ấm cúng trong mỗi ngôi nhà. Và cũng quanh đây là những nhà nồi, nhà hàng dưới tán cây trùm mát rượi.

Người ở xa, có nhớ về Đất Tổ? Vẫn tho ai viết cú vang ngân:

*"Vua Hùng răn dạy cháu con  
 Xa xôi mấy vẫn vuông tròn... Tổ tiên  
 Nước non, non nước trăm miền  
 Bốn phương một tấm lòng hiền dâng cha".*

Người ở xa về noi đây mà nhận thế đất quê mình, đất muôn đời trong "thế thủ, thế công". Đất đẹp với muôn đời bởi những thắng cảnh, danh lam mà tên gọi như đồng nghĩa với tình yêu: Ao Châu, Xuân Sơn, Núi Thắm, Suối Tiên, Thanh Thủy, Sông Thao, Đoan Hùng... Đất của biết bao di tích, biết bao chiến tích oai hùng mà tên xã, tên làng, tên sông, tên núi mãi lưu truyền với sữ xanh. Đất của một dân tộc có một lòng nồng nàn yêu nước, gắn bó thủy chung, kiên cường bất khuất, tự tin. Đất của tiếng hát, lời thơ, của dân ca mượt mà, của câu mòi thiết tha, tình tứ:

*"Đi đâu nón chǎng đội đâu  
 Lại đây hai đứa láy tàu cọ che".*

Hội Đền Hùng mở ngày một đẹp lên, đậm đà hơn cho xứng với tâm non nước Việt Nam. Dẫu chưa giàu có nhưng ta vẫn chăm lo công tác bảo tồn, tôn tạo, dựng xây, lập khu tưởng niệm, dựng nhà trưng bày, mở rộng thêm hồ, xây thêm nhà nghỉ, khoanh vùng

trồng cây, tạo khung cảnh thiên nhiên tượng xứng với công đức dựng nước của các Vua Hùng. Tiếng gọi sâu xa của lương tâm và trách nhiệm đang thúc giục miền trung du tự đổi mới, hội nhập, liên kết, hòa đồng với người xa nước, với bè bạn muôn phương để phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống mới. Hội Đền Hùng đang vào ngày vui. Hãy nhớ về trung du - đất của miền lề hội. Nhớ noi cội nguồn sinh ra tổ tiên, ông bà và mẹ cha ta. Hãy theo lời nhắn nhủ gần gũi thiết tha:

“Dù ai đi ngược về xuôi  
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba...  
Khắp miền truyền mãi câu ca  
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”.

Trích trong tập *Làng có chuyện*,  
Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997.

## ĐỀN THỜ BÁC Ở LONG ĐỨC

**C**hầm chậm bước theo dòng người, chúng tôi vào đền thấp nén hương thơm tưởng niệm Bác Hồ kính yêu tại xã Long Đức, tỉnh Trà Vinh vào dịp 30/4 (ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước). Đứng bên là bà má người Khmer, tay run run nâng nén hương trầm cảm lên lư đồng, má lui lại hai bước, chắp tay cầu khấn rồi cúi lạy ba vái. Bước ngang sang cho người phía sau lên làm lễ, đôi mắt già nua, nhăn nhúm của má đẫm lệ. Nỗi xúc động dồn về dạt dào trên khuôn mặt ở tuổi thất thập. Tôi đưa tay dùu má, má nói trong tiếng nấc:

- Chú vô đây bao lần rồi?
- Dạ. Lần đầu tiên ạ! Tôi trả lời.

Má ngậm ngùi:

- Dân chúng tôi on Cụ Hồ lắm chú ơi! Chỉ tiếc, có được những ngày sung sướng, êm lành như hôm nay thì... Bác!... Má nấc lên, giọng nghẹn ngào:

- Suốt mấy chục năm đánh Mỹ, Cụ Hồ luôn là niềm tin, là người dẫn dắt cho các dân tộc Kinh - Khmer - Hoa ở đất Long Đức, tỉnh Trà Vinh này!...

Má đưa tay chỉ về phía nhà trưng bày với gân chục gian, cao hai tầng, nhắc chúng tôi hãy đến đó...

Theo bạn đồng nghiệp của làng báo, chúng tôi tới nhà trưng bày chăm chú nghe cô thuyết minh trẻ Hồ Thị Triều giới thiệu toàn cảnh nhà trưng bày đền thờ Bác với gần 3.000 tư liệu, hình

ánh và hiện vật gốc, khái quát theo hai chủ đề lớn: thân thế sự nghiệp, cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác; truyền thống đấu tranh cũng như quá trình xây dựng và bảo vệ đền thờ Bác của Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân tỉnh Trà Vinh...

Anh Tư Phương, Phó Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh Trà Vinh và cô Hồng Phượng, nữ nhà báo trẻ từng viết nhiều bài về lòng dân Trà Vinh với Bác Hồ đăng trên báo chí địa phương, dẫn tôi ra phía trước nhà trưng bày; giọng mềm mại, dễ thương, Hồng Phượng nói với chúng tôi:

- Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh từ nhiều năm nay trở thành địa chỉ di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu cấp quốc gia, thu hút mỗi năm hàng vạn lượt khách du lịch và nhân dân trong cả nước. Đền thờ Bác tọa lạc trên một giồng cát cao ráo thuộc ấp Vĩnh Hội, xã Long Đức, tỉnh Trà Vinh. Long Đức là vùng đất thép của thị xã Trà Vinh trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đây là xã vùng ven, có vị trí trọng yếu của cách mạng nên Mỹ - ngụy đã không từ bỏ một thủ đoạn nào để biến Long Đức thành một vành đai trắng. Các loại pháo từ 20 đồn bốt của chúng đóng trong xã trên một diện tích gần 37km<sup>2</sup>, rồi pháo từ các loại giang thuyền tuần tiễu cả ngày đêm trên khúc sông Tiên trước mặt; các loại bom bi, bom na pan, bom trận, bom sát thương của các loại máy bay B52, "thần sấm", "con ma" đều nhắm vào đây với mục tiêu xóa sạch sự nghiệp cách mạng trên đất Long Đức. Hàng trăm người dân trong xã bị giết hại trong một vụ bom rải thảm B52; 6 cán bộ và nông dân bị chúng mổ bụng lấy mật... Căm thù ngày một trào lên, ý chí quyết tâm giải phóng Long Đức nung nấu trong mỗi người dân...

Bỗng một ngày đầu tháng 9/1969 được tin Bác Hồ qua đời, cả Long Đức khóc thương. Nhà nhà lập bàn thờ Bác. Suốt mấy năm liền, nhà nhà cúng cơm Bác theo phong tục địa phương. Bởi thế, khi chủ trương của Chi ủy xã Long Đức và Nghị quyết của Thị ủy

Trà Vinh xây dựng đền thờ Bác tại ấp Vĩnh Hội đã được toàn dân nhiệt liệt hưởng ứng... Ngày ấy ai cũng cõng nhặt tiền của, vật liệu, xi măng, gỗ, tre, lá và công sức để xây dựng Đền Bác theo phuong án bí mật ngay dưới tầm đạn giặc. Các cháu học sinh, thiếu niên nhịn ăn quà sáng hoặc dành tiền câu cá bán được để ủng hộ xây dựng đền thờ Bác. Ngày ấy, họa sĩ Phong Ba được giao nhiệm vụ vẽ hình của Bác để đặt trong ngôi đền...

Nghe chuyện, chúng tôi tìm tới nhà họa sĩ Phong Ba, tên thật là Lưu Tử Phong. Ở tuổi 60 anh vẫn tinh anh, đôi mắt sáng, bàn tay nghệ thuật mềm mại vẫn miệt mài bên giá vẽ. Tranh có giá nhất của anh trong những ngày này là tranh sơn dầu toàn cảnh khu di tích đền thờ Bác Hồ, theo đơn đặt hàng để làm quà lưu niệm cho các đoàn khách du lịch bốn phương về đây.

Hỏi anh: "Làm sao anh có thể vẽ được chân dung Bác Hồ trong những ngày ác liệt của chiến tranh ngay giữa vùng Mỹ - Ngụy kìm kẹp?". Anh cười, giọng hồn nhiên, đầm thắm: "Tôi được ấp ủ trong tình cảm lớn lao của nhân dân miền Nam mà trực tiếp là người dân Long Đức đối với Bác Hồ kính yêu... Tôi chưa một lần gặp Bác và Bác Hồ cũng chưa một lần tới Trà Vinh, nhưng hình Bác đọng lại trong tôi từ thuở 9 - 10 tuổi ở quê hương tôi sinh ra, đấy là xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Ngày ấy bộ đội giải phóng đã dạy chúng tôi hát bài "Ai yêu Bác Hồ Chí Minh" rồi được biết hình Bác qua phim đền chiếu. Năm 1957 (lúc 17 tuổi), là thiếu sinh quân vùng giải phóng, tôi được xã cho đi học nghề mỹ thuật vẽ quảng cáo, rồi được cùng thầy dạy đi sang Nông Pênh. Khi trở về, tôi mang theo tấm hình Bác Hồ để gửi cho người anh ruột (anh thứ 8) đang bám trụ trong vùng tạm chiếm. Rồi khi được Ban Tuyên huấn Thị ủy Trà Vinh giao trách nhiệm vẽ tranh, tôi may mắn gặp được anh Tư Kôn là cán bộ dân tộc Khmer tập kết ở Hà Nội vào, giữ được tấm hình Bác trong bóp (ví) là chân dung chính để tôi coi vẽ. Viết, mực (chất liệu

vẽ) là sơn dầu cọ, tôi phải nhờ đồng bào mua ở chợ thị xã. Nơi vẽ là căn chòi bên dòng sông Láng Thé ở ấp Kinh Lớn, xã Long Đức.

Bức tranh vẽ trên nền vải có chiều dài 1,1m, rộng 0,75m, tôi vẽ với cả tấm lòng thành, với tất cả lòng chất chiu trân trọng lại được lồng trong khung gỗ của những người thợ mộc làm hết trí lực, được nhân dân chấp nhận. Đúng 5 giờ chiều 30 Tết, năm Tân Hợi (1971), hơn nửa ngàn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, tổ chức của thị xã, cùng Long Đức vui mừng làm lễ khánh thành đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngôi đền gọn gàng, xinh xắn, hình vuông, mỗi bờ 4m, nằm giữa những luỹ tre xanh mát mẻ... Bác đã về giữa lòng dân Long Đức. Ai cũng thanh thản, toại nguyện thấy trong mình có một niềm tin trong sáng và mạnh mẽ về Bác Hồ kính yêu, về sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc.

Trái lại, ngôi đền trở thành mối đe dọa trực tiếp đến sinh mệnh, sự an toàn của trung tâm đầu não của Mỹ - ngụy ở Trà Vinh. Đây là giai đoạn mà cuộc chiến tranh giữ nước của nhân dân ta diễn ra gay go, ác liệt nhất. Suốt 5 năm, ngôi đền tồn tại trong chiến tranh, bọn địch đã tổ chức hàng trăm trận càn quét, hàng ngàn cuộc bắn phá bằng pháo binh, phi cơ, tàu chiến. Trong đó, trận càn ngày 03/10/1971, chúng đã tiến hành đốt đền. Sau đó, nhân dân Long Đức tổ chức xây dựng lại. Chiều ngày 29/7/1975, trong con hố hối cuối cùng, chúng vẫn điên cuồng cho máy bay bắn phá một góc đền...

Trả giá cho những tội ác đó, gần 500 tên địch với đủ các súng lính và máy bay đã bị loại khỏi vòng chiến đấu trước mũi súng và vũ khí tự tạo thô sơ của lực lượng vũ trang và nhân dân xã Long Đức, thị xã Trà Vinh. Hơn chục chiến sĩ cùng hàng chục thương binh quyết tử để bảo vệ đền trong suốt 5 năm chiến đấu ác liệt đã tôn thêm giá trị của đền thờ Bác... Người dân Long Đức mãi truyền lại cho nhau để nhớ về má Hai, bác Bảy Cảnh tận tình, quanh năm hương khói cho ngôi đền thờ Bác. Sẽ còn nhắc mãi những tấm gương liệt sĩ chiến đấu hy sinh bảo vệ đền như:

Nguyễn Văn Lượm, Nguyễn Văn Tri; là Anh hùng, liệt sĩ Trần Văn Án, là chiến sĩ Phan Thị Nhò, Xã đội phó xã Long Đức... Để rồi xã Long Đức vinh dự được Nhà nước tuyên dương là xã Anh hùng, xã "kiên cường bám trụ, diệt địch, giữ làng"...

Sau ngày giải phóng, đền thờ Bác được trùng tu theo đúng nguyên trạng, thêm vỏ bao quanh mang dáng dấp của đóa sen hồng tươi nở, che chở mưa nắng. Nhìn xa, khung cảnh ngôi đền lại như hình một trái tim - "*trái tim Long Đức - trái tim Trà Vinh*". Cảnh quan khu đền giờ đây được quy hoạch xây dựng thành khu di tích lịch sử - văn hoá với diện tích tổng thể gần 7ha. Về đây, mọi người sẽ tuần tự đến với đền thờ chính, nhà trưng bày, sân lê, ao sen, vườn cây ăn trái và cây cảnh. Thật vui khi thấy hệ thống sắp đặt các bồn hoa, cây kiểng quý như: tùng, thiên tuế, các loại sú... trong sự dâng góp của nhiều đơn vị, nhiều vùng quê. Các công trình nối tiếp như nhà dừng chân, bãi đậu xe cho khách tham quan đang tiếp tục hoàn chỉnh...

Về đây viếng Bác, thăm thú có khách bốn phương. Năm qua, đền thờ Bác đón tiếp trên 1.000 đoàn với gần 4 vạn lượt khách. Những năm qua, các đồng chí lãnh đạo cấp cao nhất của Đảng và Nhà nước đều về đây thắp hương tưởng niệm Bác, cũng là để tri ân tấm lòng gắn bó thuỷ chung son sắt của nhân dân xã Long Đức, của Trà Vinh với Đảng và Nhà nước.

Long Đức đã hết khổ đau, nghèo đói. Long Đức giàu có lên nhiều. Đường làng tráng nhựa, đồng ruộng bốn mùa tươi tốt. Điện đã về với các hộ dân trong xã. Nếp sống mới đang ấm tràn trong mỗi căn nhà, mỗi xóm ấp... Truyền thống cách mạng sáng đẹp mãi còn nối tiếp, mãi còn nhân lên, bởi nơi này Bác sẽ ở mãi với người dân Long Đức - Trà Vinh. Bởi nơi này Đền thờ Bác mang hình một trái tim "*trái tim Long Đức - trái tim Trà Vinh*".

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2012.

## ĐƯỜNG CHÒ NÂU BÊN LĂNG BÁC

**V**ậy là đã 38 năm, kể từ ngày nhân dân đắp Tổ Hùng Vương vinh hạnh được chuyển những cây chò nâu, loại cây bản địa từ núi Nghĩa Linh, nơi tọa lạc kinh đô 18 đời Vua Hùng về trồng bên lề đường Hùng Vương ngang qua Lăng Bác.

Đường chò thẳng tắp, khỏe khoắn, tán lá gọn gàng, vươn cao hệt như trực vũ trụ nối đất với trời, nối âm với dương, làm lối đi về của các đấng thần linh. Thầm tưởng như vậy, bởi các bậc cao niên quê tôi mỗi khi lên Đền Hùng, ngược nhìn thân những cây chò nâu vươn tít tận trời cao, lại truyền nhau những câu chuyện đắm màu huyền thoại như thế. Cho nên, đi dưới hàng chò bên Lăng Bác hùng hực sức cao xanh hôm nay, tôi thấy thán phục ai đó đã tham vấn, đề xướng, để Ban Quản lý Công trình xây dựng Lăng ngày ấy đã chọn cây chò nâu về đây xếp hàng ngay ngắn, trang nghiêm như những vệ sĩ kiên trung canh cho Bác giấc ngủ ngon lành. Bởi, chò nâu vốn là loại cây quý hiếm, biểu trưng của núi Nghĩa Linh thâm nghiêm thấm đậm tâm linh; có giá trị đa dạng sinh học, được ghi trong sách đỏ Việt Nam. Gỗ chò nâu có màu hạt duối, hạt chanh hoặc màu thóc sậm; chắc bền, chịu nước. Thuở xa xưa, dân quê tôi thường lấy gỗ chò làm cột đình, cột nhà, đóng đồ gia dụng; nay kết hợp với công nghệ hiện đại, người ta thường dùng gỗ chò đóng đồ trang trí nội thất cao cấp. Gỗ bền, đẹp, còn cho hương thơm thoang thoảng, dịu dàng như sắc đất lộc trời trung du. Những cây chò nâu ở độ trưởng thành thường cao

tới nửa trăm mét, đường kính nhiều cây lớn tới cả mét; tán thưa; lá mang hình lưỡi mác; vỏ cây nhuộm đậm màu xú sờ bản địa; bạnh gốc nhỏ nhưng báu víu quyết liệt vào đất đai... Vóc dáng ấy của chò nâu nay đang hiện diện, sung sức, sung lực suốt đường Hùng Vương, noi mạn bắc Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh như minh chứng bản tính kiên cường, thủy chung của người dân đất Tổ với non nước, với Đảng - Bác Hồ vô vàn kính yêu...

Tháng 5 về. Kỷ niệm lần thứ 123 Ngày sinh của Bác, tôi bồi hồi nhớ Bác biết bao. Khi Người từ biệt thế giới, ngày 02/9/1969, cả vùng đất Tổ quê tôi khẩn trong tiếng khóc. Nhớ Người, biến đau thương thành sức mạnh, người nhủ người, chung sức chung lòng, quyết thực hiện đúng lời dặn của Người khi cùng Đại đoàn quân Tiên phong trên đường về tiếp quản Thủ đô (19/9/1954), ghé thăm Đền Hùng, thắp hương kính cáo tổ tiên: “*Các Vua Hùng đã có công dựng nước/Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*”... Rồi, những khi về thăm Phú Thọ, lần nào Người cũng nhắc nhỏ: “Phải làm cho Phú Thọ nhanh chóng trở thành một tỉnh giàu và đẹp của miền Bắc”! Vâng lời Bác, người dân quê tôi hăng hái thi đua, anh dũng góp sức người, sức của làm nên chiến thắng vĩ đại nhất của dân tộc: ngày 30/4/1975, Nam - Bắc về trong một nhà. Vâng lời Bác, bền bỉ lao động sáng tạo, Phú Thọ chưa hẳn đẹp giàu nhưng đã khá giả, khang trang gấp mấy mươi lần trước kia. Đời sống văn hóa, tinh thần không ngừng phát triển đi lên, truyền thống tốt đẹp được gìn giữ, khôi phục và phát huy trong quá trình hội nhập.

Đi dọc đường Hùng Vương, noi thường diễn ra các cuộc diễu binh, tuần hành của quân dân trong những ngày lễ trọng, hai bên lề chò nâu thẳng hàng tấp như chào đón nhịp bước của rừng người, rừng xe..., tôi nao nao nhớ lại dịp chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 85 Ngày sinh của Bác (19/5/1975) cũng là thời điểm quan trọng của đất nước chuẩn bị khánh thành Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại,

Vĩnh Phú quê tôi có niềm vinh hạnh lớn lao được khai thác cây chò nâu trên các vùng đồi chuyển về trồng bên Lăng Bác. Ngày ấy Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh khẩn cấp họp với các ngành liên quan, quyết định thành lập công trường khai thác. Công trường do ông Trần Quốc Phi, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh phụ trách. Tham gia lao động trên công trường, ngoài lực lượng cán bộ và công nhân ngành lâm nghiệp, giao thông vận tải còn có trên 500 đoàn viên thanh niên, bộ đội. Ngày 01/02/1975, công trường tiến hành khai thác thí điểm. Sau đấy, quy trình khai thác cây chò nâu đặt ra bắt buộc, có tính “nhất quân lệnh” là: Chọn cây chò non ở tầm cao 4 mét, thân thẳng đứng, sức sống dồi dào. Vồng đất đào giữ gốc nặng khoảng trên một tấn để rẽ cái, rẽ con không bị đứt. Khi vận chuyển không để gãy ngọn, rách lá, trầy vỏ. Địa hình phức tạp, dốc đứng, gập ghềnh cao thấp khác nhau nên việc khai thác và vận chuyển gặp nhiều khó khăn, nhưng với lòng kính yêu Bác, mọi khó khăn công trường đều vượt qua. Những ngày đầu, bình quân đánh một bình cây mất tới 16 - 17 công. Sau đó, cả công trường rút kinh nghiệm về cách đào, cách bảo quản bầu đất, cách đưa cây chò lên xe vận chuyển, nên việc đánh mỗi bầu cây rút xuống còn 14 - 15 công. Ngày ấy các đội khai thác chò nâu trên công trường của các địa phương và đơn vị như Yên Lạc, Việt Trì, Thanh Sơn, Quân khu 2 luôn luôn được chúng tôi nêu gương lao động sáng tạo trên báo, đài Vĩnh Phú. Việc bốc bầu cây chò nâu lên xe vận tải trước đây dùng goòng và sức người, sau nhờ sáng kiến của Đội Lâm nghiệp đan sọt bằng nan tre bó chặt lấy bầu gốc nên dễ dàng dùng cầu đưa cây lên xe nhanh, gọn, an toàn...

Khi đường Hùng Vương ngang qua Lăng Bác thi công xong, cũng là lúc công trường khai thác chò nâu trên đất trung du hoàn tất. Lễ xuất phát đưa 160 cây chò nâu về trồng bên Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn ra vào trung tuần tháng 4/1975. Đại biểu nhân dân,

đoàn thể, các dân tộc anh em hoan hỷ tiễn đoàn xe tải trên mui cắm cờ đỏ sao vàng, nối đuôi nhau chở những cây chò nâu xuôi về Hà Nội, mở đầu cho những ngày hội trồng cây cảnh và hoa tiêu biểu nhất của các vùng quê của đất nước đưa về trồng bên Lăng Bác. Dịp ấy, Vĩnh Phú (Phú Thọ) quê tôi còn có vinh hạnh được gửi những cây cọ mang đậm nét khu biệt của trung du về trồng sau hai khán đài và bên lối đi quanh Lăng.

Trong dịp kỷ niệm lần thứ 123 Ngày sinh nhật Bác, tôi lặng lẽ ngước nhìn Lăng Bác. Nét dân tộc đậm đà trong khôi hình lăng là bông sen cách điệu. Dòng chữ hiện lên: CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH. Dòng chữ khắc ghi, dòng chữ mách bảo, nơi đây chính là khán đài Bác long trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập (ngày 02/9/1945) khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Và, chính đây cũng là nơi toàn Đảng ta, toàn quân, toàn dân tộc Việt Nam cùng đại diện các dân tộc trên thế giới dự Lễ vĩnh biệt Người. Người đã về với “thế giới người hiền” nhưng hình ảnh Người vẫn mãi ở trong mỗi chúng ta. Người sống mãi với dân tộc. Sự nghiệp vĩ đại của Người sống mãi với non sông, đất nước Việt Nam.

Lăng Bác - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh - biểu tượng đẹp nhất về lòng tôn kính của dân tộc Việt Nam với Bác. Muôn loài hoa, muôn loài cây cảnh đặc trưng của mỗi vùng quê được đưa về trồng, tạo nên sắc màu hài hòa, ấm áp, tươi đẹp vây quanh Lăng Bác, ở đó có bóng cọ trung du, có đường chò nâu hiên ngang như mạch nối tâm linh đất Tổ Vua Hùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, như tấm lòng người dân Phú Thọ luôn tâm nguyện đời nối đời ơn Bác, học Bác và làm theo tấm gương đạo đức sáng ngời của Bác Hồ vô vàn kính yêu!

Báo Phú Thọ, tháng 5/2013.

## DU ÂM ĐIỆN BIÊN - HỒ CHÍ MINH, VÕ NGUYÊN GIÁP

*(Quý tặng ngài Slavek Sustr và Tratec, nguyên đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng sản Tiệp Khắc. Trong cuộc trò chuyện, các ngài luôn nhắc tới Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp)*

**S**áu mươi năm qua đi, thước đo gần một cõi người, ấy vậy mà mảnh đất Điện Biên Phủ - xứ Mường Trời này - cứ như mới mẻ hẵn lên, người đến với Điện Biên cũng ngày một đông hơn! Tôi nói vậy, có phải không các nhà văn - nhà báo?

Ấy là lời cụ Phạm Bá Miêu, ở tổ 17, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, người đã lập bàn thờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại phòng khách ngay sau khi Đại tướng qua đời. Tâm linh nhắc cụ làm điều ấy. Bởi cụ là lính của Cụ Hồ, là quân của tướng Giáp, từng góp sức vào Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, từng gặp Đại tướng vào sáng mồng 09/5/1954 tại chân đồi A1; từng đón Đại tướng đúng dịp kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; và, từng được về Thủ đô Hà Nội, trực tiếp nghe Bác Hồ kính yêu căn dặn tại Hội nghị Ban Kiểm tra Trung ương họp ngày 10/3/1955... Đón lời cụ, chúng tôi thi nhau đáp, lời lẽ như đinh đóng cột, đóng kèo: - Vì chiến thắng Điện Biên Phủ là một trong những chiến công hiển hách, vang dội nhất trong lịch sử chiến tranh nhân dân. Là thiên hùng ca về tinh thần quyết chiến quyết thắng. Là ngọn lửa của niềm tin... Cụ Miêu bung chuỗi cười như

pháo tết năm nào năm nao, lời chyện rộn: - Đấy là văn vẻ của các anh các chị. Già này chỉ nói ra những điều mình thấy. Đánh giặc để giải phóng Điện Biên thì tôi cũng xông pha suốt 56 ngày đêm. Xây dựng phường bản đổi mới thì tôi cũng góp ít nhiều công sức. Tôn tạo di tích của những chiến công để vĩnh cửu trường tồn như thế này thì thật hết nhẽ. Vậy là muôn đời con cháu chúng ta sẽ biết rõ về Điện Biên Phủ có khối, có hình hồn hoi!...

Cụ Miều sinh ra ở làng lúa Thụy Dương, Thái Thụy, Thái Bình. Vào quân ngũ đúng năm giặc Pháp cướp trâu, đốt nhà (năm 1949), khiến bố mẹ cụ phải ghé ở nhờ nhà chùa. Chinh chiến suốt dải đất Cao - Bắc - Lạng rồi sang giải phóng Thượng Lào, Hạ Lào, trở về giải phóng thị xã Lai Châu vào cuối năm 1953. Tháng 3/1954, cụ tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ với hàm cấp Tiểu đội trưởng. Đơn vị của cụ y lệnh cấp trên, rải quân từ Tà Lèng tới đồi A1 với trọng trách kiến trúc công sự, đắp ụ, đào giao thông hào để tấn công cứ điểm Điện Biên Phủ. Sau 56 ngày đêm chiến đấu oanh liệt, giành thắng lợi, đơn vị cụ tiếp tục ở lại đến ngày 10/5/1954 để thu dọn chiến trường, tổ chức an táng liệt sĩ. Dịp này cụ có cơ may gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi Đại tướng đến kiểm tra việc an táng và viếng các liệt sĩ tại chiến dịch...

Theo chỉ dẫn của cụ Miều, chúng tôi tìm gặp anh Nguyễn Văn Bốn, Phó Giám đốc Ban quản lý dự án di tích Điện Biên Phủ. Anh Bốn hồi hởi chỉ cho chúng tôi thấy hàng chục, hàng trăm chứng tích xưa, nay tôn tạo thành quần thể di tích lịch sử Điện Biên Phủ trong lòng chảo Mường Thanh, bốn phía đệp trùng non núi vây quanh. Tâm điểm của quần thể di tích là Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ vừa xây mới, nơi lưu giữ, trưng bày cả ngàn hiện vật liên quan tới chiến dịch; sa bàn đắp nổi thuyết trình diễn biến chiến dịch, tái hiện các giai đoạn trong chiến dịch, lúc nào cũng đông đảo du khách vào ra, nghe ngắm, thưởng ngoạn... Chúng tôi

tới nơi mở màn chiến dịch (ngày 13/3/1954) là Him Lam. Him Lam đập này hoa ban nở trăng đồi, trăng bản, nao nao gợi nhớ về chiến công xưa. Tới đồi Độc Lập, chứng tích của trận đánh chiếm cứ điểm ngày 15/3/1954. Lên các đồi C, D, E, nơi diễn ra các trận đánh ác liệt giữa ta và địch giành giật nhau từng tấc đất... Hơn 10 năm nay trên đỉnh đồi D1, Tượng đài Chiến thắng hoành tráng được dựng lên thành biểu tượng của khát khao hòa bình... Đến hầm chỉ huy của tướng Đờ Caxtori, nơi ẩn giữ "mưu sâu kế quý" của kẻ thù nhằm tiêu diệt toàn bộ quân đội chủ lực của Việt Nam, nhưng lại thành nơi đại bại nhục nhã nhất của chúng, quân tướng kéo cờ trăng, gio tay, gục mặt, lũ lượt quy hàng... Hầm được tôn tạo bền vững, giữ được hiện trạng khi xưa... Nơi từng diễn ra các trận chiến quyết liệt nhất cũng là nơi các nghĩa trang liệt sĩ được xây cất trang trọng như đồi A1, Độc Lập, Him Lam, Tông Khao, minh chứng về sự hy sinh oanh liệt của dân tộc ta. Và, chứng tích quan trọng bậc nhất trong cuộc chiến thần kỳ này là quần thể di tích lịch sử ở xã Mường Phăng, cách thành phố Điện Biên Phủ chừng 40km. Đây là đại bản doanh chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ngày nay, Mường Phăng đã là hệ thống di tích liên hoàn gồm những lán làm việc, khu tác chiến của các cơ quan Bộ chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ. Là đường hầm xuyên núi dài 70m nối lán làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với lán của Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái... Phía ngoài, bên vệ quốc lộ 279 là Tượng đài Công viên chiến thắng Mường Phăng và đường kéo pháo bằng tay cùng trận địa pháo của bộ đội trong chiến dịch...

Lịch sử sẽ mãi mãi lên án âm mưu thâm hiểm của tướng Nava giăng bẫy ở Điện Biên Phủ nhằm dụ bộ đội Cụ Hồ sa lưới. Ngày 20/11/1953, quân đội Pháp nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ, đổ xuống đây những 4.550 lính thiện chiến cùng 200 tấn vũ khí, đạn dược và các thiết bị chiến tranh... Lịch sử cũng sẽ đòi đòi ghi công

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Bộ chỉ huy Tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh theo lệnh Bác Hồ, ngày 05/01/1954, rời căn cứ Việt Bắc lên đường sang chiến dịch Điện Biên Phủ, chọn rìa Mường Phăng đặt Sở chỉ huy. Ngày 26/01/1954, chỉ mấy tiếng đồng hồ trước khi khai pháo mở màn chiến dịch, Đại tướng đã phải có một quyết định khó khăn nhất trong đời binh nghiệp, ấy là việc chuyển phương châm từ “Đánh nhanh, tiến nhanh” sang “Đánh chắc, tiến chắc”. Nhờ thế, ngày 13/3/1954, ta mới lập nên chiến công mở màn vang dội ở Him Lam - điểm chốt của trung tâm cứ điểm địch bị nhổ hoàn toàn chỉ sau 6 tiếng đồng hồ. Kế đến là cuộc tấn công vào Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ngày 30/3/1954... Rồi cuộc tiến công cuối cùng, bắt đầu ngày 01/5/1954 vào hầm cố thủ của tướng giặc Đờ Caxtori. Đúng 5 giờ chiều 07/5/1954, bộ đội Cụ Hồ đã bắt sống tướng Đờ Caxtori. Và, lá cờ quyết chiến quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam đã tung bay trên nóc hầm trung tâm cứ điểm; đánh dấu mốc son lịch sử chói lọi của dân tộc Việt Nam... Tất cả hệ thống di tích kết nối nhau làm sống lại không khí hào hùng của Chiến dịch Điện Biên Phủ 60 năm về trước, khiến chúng tôi như được truyền lửa chiến công, lửa tin yêu, lửa trí tuệ và sức mạnh vô biên của Đảng, của dân tộc, của quân đội nhân dân anh hùng. Chiến công ấy mãi mãi là di sản tinh thần vô giá của dân tộc ở thời đại Hồ Chí Minh. Là thần lực diệu kỳ để Việt Nam tiếp nối đánh bại hết thảy mọi chiến lược xâm lăng nham hiểm nhất của Hoa Kỳ, để vang mãi với Tổng tấn công Mậu Thân 1968, với Điện Biên Phủ trên không 1972, với Tổng lực mùa Xuân 1975, thu non sông về một mối, Nam - Bắc một nhà, bồi đắp đỉnh cao vinh quang mỗi độ tháng 5 về...

Điện Biên - đất của chiến công, đất tiền đồn đặc địa trong chiến lược phòng thủ quốc gia. Mười chín dân tộc anh em với ngôn ngữ khác nhau, phong tục khác nhau, nhưng luôn đoàn kết,

đồng lòng, cuốn quyện như cội với cành, như sông với suối. Suốt 60 năm qua, Điện Biên chung sức chung lòng, cùng với sự chia sẻ của nhân dân trên mọi miền đất nước, liên tục vươn lên, nhanh chóng “đổi thịt thay da” về kinh tế, an ninh, quốc phòng, văn hóa và khoa học... Cụ Nguyễn Hữu Chấp, nguyên Chủ tịch Hội Cựu chiến binh phường Him Lam, nguyên khẩu đội trưởng khẩu đội cối 82, Tiểu đoàn 166, Đại đoàn 312, khai hỏa trận đánh mở màn Him Lam (ngày 13/3/1954), giọng khỏe khoắn phô với chúng tôi: Phường Him Lam có 200 cựu chiến binh, trong đó 70 cụ là cựu chiến binh chống Pháp. Xưa, Him Lam là rừng rú, hoang dã. Ăn đói, mặc rét. Ruộng một vụ, canh tác lạc hậu... Nay nhờ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên lúa tốt, gạo ngon. Đâu đâu người dân cũng đua nhau làm giàu! Giọng cặn kẽ, cụ bảo: “Làm công tác cựu chiến binh là làm phong trào. Mà muốn phong trào lên thì phải đi sâu đi sát quần chúng, nghe họ nói, xem họ làm, để tìm ra cách giúp họ sao cho thiết thực với điều kiện đất đai, hoàn cảnh gia đình, sức lao động để nuôi con gì, trồng cây gì, ruộng nào một vụ, thửa nào hai vụ cho có lợi, cho phù hợp với sức lực, không để họ buông bả quá sức của mình. Nhờ thế, tối nay Him Lam đã xóa hết hộ nghèo!”. Bỗng dung cụ đồ giọng cấp tập: “Ở đâu thì không nói, chứ ở phường Him Lam nơi tôi ở này thì cần phải tạo dựng nếp sống dân chủ cho cán bộ cơ sở. Họ phải thực sự dân chủ, gần dân, sát dân, hiểu dân, biết cách nghe dân, có vậy mới làm tròn phận sự với dân. Chỉ như thế mới mong xây dựng xã hội văn minh, dân chủ!”.

Sáu mươi năm qua đi - 60 mùa ban nở, Điện Biên đã thực sự đổi đời, thực sự “thay da đổi thịt” về kinh tế - xã hội, khiến cho những cựu binh từng chiến đấu tại đây 60 năm về trước, nay trở lại không khỏi ngỡ ngàng, rưng rưng nước mắt... Những năm gần đây, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của Điện Biên rất đáng ghi nhận:

năm 2011 tăng 10,09%; năm 2012 tăng 9,12%; năm 2013 tăng 8,55%. GDP bình quân đầu người tăng qua các năm (năm 2011 đạt 694,4 USD; năm 2012 đạt 812,4 USD; năm 2013 đạt 918,3 USD). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ; giảm dần tỷ trọng nông nghiệp... Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện...

Xoay quanh giải pháp phát triển kinh tế nhằm cắt cảnh “đội sổ” đói nghèo, ông Mùa A Sơn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên thổ lộ: “Dù đã được Trung ương quan tâm, cả nước đồng lòng chia sẻ, Đảng bộ tỉnh rất quyết liệt, nhân dân kiên trì vượt lên nhưng cái khó vẫn cản đường. Lý do căn bản có lẽ là tại điểm xuất phát quá thấp, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Tới nay vẫn có tới 5 xã chưa có đường ô tô đi tới... Bởi thế xóa đói giảm nghèo luôn là trọng tâm phấn đấu của Đảng bộ, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Thực hiện trách nhiệm này đòi hỏi chúng tôi phải cách mạng về tư duy, hướng vào thế mạnh của rừng để phát triển lâm nghiệp. Tập trung phát triển rừng, trồng cây công nghiệp trên đất rừng, phải chú ý chia sẻ lợi ích của rừng với nhân dân. Có cơ chế hỗ trợ nhân dân trồng rừng cũng như khai thác, tiêu thụ sản vật rừng. Đi cùng với nội lực của địa phương, Điện Biên rất cần sự quan tâm đặc biệt của Trung ương, tạo điều kiện về cơ chế pháp lý để tỉnh có thể thu hút đầu tư, sự đóng góp của những “mạnh thường quân” nhằm giúp đồng bào thiểu số ở các xã biên giới nâng cao chất lượng sống, phát triển kinh tế - xã hội. Cần có sự cân đối nguồn lực phát triển theo lộ trình cho vùng sâu vùng xa; ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng cho vùng khó khăn; đầu tư vật lực cho đối tượng nghèo. Nếu có những nhà máy chế biến nông, lâm nghiệp, khai thác chế biến tài nguyên khoáng sản tại địa phương, khi đó mức thu nhập của người dân sẽ được nâng lên, việc chuyển dịch cơ cấu lao động sẽ

suôn sẻ. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt hiệu quả cao. Mở ra nhiều hướng phát triển mới cho địa phương, Điện Biên sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn cho các thế hệ hôm nay và mai sau!...”.

Những lời tri ân gan ruột ấy dành cho lịch sử càng khiến chúng tôi thêm trân trọng, yêu mến những gì Điện Biên đã và đang làm. Rằng, Điện Biên không chỉ tri ân lịch sử của chiến công xưa bằng trùng tu, tôn tạo di tích mà còn mở lòng đón khách muôn phương. Rằng, nơi đây không chỉ hanh diện với vinh quang của quá khứ, mà rất đỗi tự hào đã tô đẹp mảnh đất anh hùng này bằng sức mạnh của Điện Biên Phủ để Điện Biên mãi là niềm ngưỡng mộ, điểm đến kỳ thú của nhân loại tìm hiểu về lịch sử chiến tranh nhân dân, về văn hóa tâm linh, sinh thái và văn hóa ẩm thực riêng có. Vây quanh những quần thể di tích của chiến công xưa là những bản làng, với những nếp nhà sàn duyên dáng đậm đà bản sắc truyền thống dân tộc, những thiếu nữ tươi tắn, nếp tóc vun cao, khăn piêu, “Áo cỏm vun đầy, xà tích níu eo thon thả nghiêng ngả cả nắng chiều” như ai đó từng thốt ra lời. Là những làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ dan díu xao lòng khách đến khách đi. Là những khu sinh thái được quy hoạch, xây dựng tiện ích cho nghỉ dưỡng, thưởng ngoạn để đã đến là nhớ lâu, nhớ sâu như động Pa Thom huyền bí, như hồ Pa Khoang xanh xang non nước mây trời, như Mường Lay trên bến dưới thuyền, sơn thủy hữu tình y hệt “Hạ Long trên đỉnh trời Tây Bắc”. Là việc phục dựng và bảo tồn các lễ hội dân gian đậm chất tâm linh riêng có và rất tiêu biểu như Lễ hội thành Bản Phủ tạ ơn tướng Hoàng Công Chất có công dẹp giặc Phẻ cứu dân. Là Xên mường, Xên bản và Lễ hội Kim pang then của dân tộc Thái trắng ở Mường Lay biểu hiện tình đoàn kết, tài năng tạo dựng cuộc sống tốt đẹp hơn. Là hội Hoa ban khoe sắc cảm tạ đất trời, cầu an, cầu phúc cho con người, cho lúa đời kết bện, hướng tới cái hay cái đẹp mỗi độ tháng Ba về. Là

chiến lược phát triển công nghiệp không ống khói - coi du lịch là mũi nhọn kinh tế - với hệ thống cơ chế, chính sách quản lý và phát triển du lịch địa phương sát thực, tạo nên “Vòng cung du lịch Tây Bắc” cùng nhau chăm lo, đưa đón khách đến, khách đi. Là quy trình phát triển sản phẩm du lịch từ nghề thủ công, thêu dệt hàng thổ cẩm, trang phục dân tộc, đan lát đồ gia dụng bằng mây tre, chế tác nhạc cụ dân tộc, tạo hàng lưu niệm; nâng cao chất lượng sản phẩm ẩm thực vốn có như cơm lam, nếp nương, xôi ngũ sắc, măng đắng, nộm hoa ban, cá kèp, thịt xiên nướng, rượu Mông pê của bản Mông ở Tủa Chùa, rượu men lá ngây ngọt của dân tộc Thái ở Muòng Lay...

Mùa ban thứ 60 kể từ khi Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu” - đất và người Điện Biên như vạm vỡ thêm ra, sáng đẹp hơn lên. Dù ở nơi đâu, tiếng nói của dân tộc nào đi nữa, quốc gia nào chăng nữa, thời nào cũng vậy, mỗi khi nhắc đến Điện Biên là cụm từ Chiến Thắng lại ngân lên, vang lên. Hết như địa danh Điện Biên Phủ đã thành tên Chiến Thắng. Bởi thế, Điện Biên oai hùng, Điện Biên - Chiến Thắng suốt 60 năm qua cứ tỏa sáng khắp nhân gian, âm vang đến vô tận, vô cùng với thời gian!

Báo Văn nghệ, tháng 5/2013.

## XUÂN TRONG “VƯỜN QUẢ BÁC HỒ”

**C**ho đến hôm nay vừa tròn hai năm vườn cây này vinh hạnh được mang tên Bác kính yêu!... Chủ nhiệm Hợp tác xã Kim Xá, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú dẫn tôi đi thăm vườn và nói rành rọt như thế. Vừa nói, người chủ nhiệm ấy vừa như để thăm dò thái độ của tôi đối với vườn quả được sinh ra trên mảnh đất cỗi căn của quê anh. Tôi hỏi nhỏ:

- Anh nhớ chính xác chứ?

- Đúng. Đúng đấy đồng chí ạ! Cụ Hòa, đội trưởng của vườn quả lớn giọng đón lời.

Anh chủ nhiệm khẽ nhoẻn cười, vẫn nhìn vào tôi tỏ ý như đó là việc mọi người dân của xã Kim Xá, huyện Vĩnh Lạc, Vĩnh Phú này phải nhớ chứ đâu chỉ riêng anh. Cụ Hòa miệng lẩm bẩm, gio bàn tay phải chém chém vào không khí, ngón cái tuần tự bấm đốt, miệng kể: “Tôi và ông Tài về Hà Nội đón bằng của Trung ương công nhận vườn quả này được mang tên Bác Hồ đúng dịp tháng 5 nhân ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Anh Cau niềm nở xen vào: “Vườn quả của chúng tôi là một trong số 152 vườn quả của hợp tác xã, cơ quan, trường học trong 12 tỉnh và thành phố được công nhận danh hiệu “Vườn quả Bác Hồ” trong năm 1981 đấy!”... Anh bỗng chuyển giọng, chậm rãi nói như cắt giải: “Vườn quả Bác Hồ, hay lẩm các anh ạ! Danh hiệu không chỉ mang nội dung chính trị sâu sắc, mà thực sự còn là một chủ trương kinh tế rất hấp dẫn!...”.

Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện. Đạo quanh gần hết quả đồi có cái tên nôm na là: đồi Dé. Đồi Dé rộng non 3 hécta đều thuộc vườn quả, mà đồi chân của chúng tôi cứ liên tục bước trên đá, trên sỏi. Tôi cố ý tìm để đặt cho được bàn chân của mình trên một miếng đất nạc, nhưng đành chịu... Trên đỉnh đồi chúng tôi chàn chát tán mít đan nhau. Ngửa mặt nhìn lên, trời xanh như sảng nắng xuống vườn... Ngang vai tôi là dứa, là chè. Hàng dứa này tiếp đến hàng chè kia, lại tiếp đến một đường cây mít, cứ thế kết thành những đường vành khăn bao quanh đồi Dé. Đường cây loại này là chỗ dựa cho đường cây của loại kia, là sự gìn giữ màu mỡ cho nhau, nương đỡ cho nhau, che chở cho nhau và không hề lấn át nhau. Những đường chè được đốn phót theo hình chóp nón để đỡ tảng sang đường dứa. Trời xuân ấm áp dần, mưa bay nhẹ rơi, muôn vạn mắt chè thi nhau nảy mầm phoi tôm. Những đường dứa chen chúc cây, lá guom đua tua tua hết cõi, búp cây nào cũng nảy hoa như lửa rực rõ rùng xuân. Những đường mít cây nào cũng buông lúc lùi trái non. Những trái muộn mẫn xem chừng không kết nỗi quả thì cố kiết đưa hương dịu nhẹ gọi ong bướm về. Hoa đại, hoa đào trước nhà khách bung cánh nở. Dãy cau sau nhà (giống Đồng Văn) và hoa bưởi (giống ngoại) nhánh cành nào cũng chen trảng nụ hoa, hương thơm dùi dịu... Bất giác tôi nhớ lại lời nhận xét của anh bạn cùng đến thăm vườn quả này vào chính giữa mùa hè năm ngoái. Anh bảo:

- Đi trong vườn, bỗng dung cái oi, cái nóng dịu vợi hẳn đi. Bốn mùa xanh lá, bốn mùa đom quả, bốn mùa có hoa. Bốn mùa đất vườn ấp ú hương hoa, hương quả!... Nhận xét ấy cho tôi yêu thêm vườn quả này vào đúng độ xuân. Độ của tiết trời cho cây đom hoa. Độ của đất biết tần tảo dồn sức cho cây lên trái. Độ của vườn cây lúc nào cũng vang tiếng chim ca...

Chúng tôi vẫn đi. Tự nhiên tất cả chùng lại. Trên cành mít phía góc vườn có một con chim cu dối dẳng cất tiếng gọi bầy. Chim bạn

chà xuống rồi vụt bay đi. Bỗng nhiên từ dưới bụi dứa một ông lão tóc trắng phau chui ra, xói lới chào hỏi khách. Thì ra đó là ông lão đánh bẫy chim. Ông lão cũng là người của đội trồng cây trong vườn quả Bác Hồ này chăng? Tôi nghĩ vậy nhưng không tiện hỏi. Gần như quên hẳn người khách là chúng tôi ra thì vẫn có anh Cau và cụ Hòa là chủ cùng đi; ông lão đánh chim cứ rít rít phô với tôi:

- Vườn quả này được mang tên Bác nhũng hai năm nay rồi đấy.

Ngày xưa đồi Đέ này có ngôi chùa Bến. Nhưng rồi năm 1947 Pháp nhảy dù Bồ Sao, đổ xuống đây lập bốt chợ Vàng bên đồi Bầu kia và bốt Hạ Chuế cuối xã. Đồi Đέ, đồi Bầu bị phạt sạch cây và cả ngôi chùa Bến cũng bị san đi để thành vành đai trắng. Làng Hoàng Phú bị chúng dội bom phá sạch, hàng trăm người bị chết. Ông lão chỉ với tay về phía xuôi: “Đấy, noi kia là mô đống. Sành đấy, thằng Pháp đã bắn hàng trăm người của xã tôi vì tội theo Việt Minh!”... Bỗng nhiên ông lão rơm rớm nước mắt, đôi môi bậm lại, run run, giọng lạc đi: “Giữa tháng 6, chúng tôi giỗ làng. 30 tháng 10 chúng tôi giỗ đồng chí”.

Ông kéo vạt áo ray ray nhẹ vào hai khóe mắt rồi nói như rít lên: “Mẹ cha lũ chúng nó, mình là người Việt Nam, chả theo Việt cộng thì còn theo ai cơ chứ. Mà các anh bảo mình không nghe theo Đảng thì lấy đâu có đất có làng như thế này. Không nghe theo Bác, không làm theo Bác Hồ dạy bảo thì lấy đâu có được vườn cây vườn quả như thế này cơ chứ!..”. Vừa đưa cây sào kéo chiếc lồng chim từ trên cành mít xuống, ông lão vừa bảo:

- Các anh xem đây, bây giờ Đảng lại bảo mình phát triển kinh tế vườn. Vườn tập thể, vườn gia đình đâu đâu cũng trồng các loại cây ăn quả giống tốt kết hợp với các loại cây trồng khác có ích nhiều bè. Ở Kim Xá ngoài vườn quả cỡ lớn này, còn có các vườn tập thể khác ở Phú Nông, Hoàng Thượng, Hoàng Phú, mỗi vườn chí ít cũng 1 mẫu 2, vườn nào cũng mít, dưới tán là dứa, có xen

thêm ít chè, cốt là để tự túc hớp nước cho tuổi già... Xóm nào, nhà nào cũng có mít, có chuối hoặc đu đủ. Xem ra những thứ cây này góp phần giải quyết cái ăn, giải quyết chất bột, chất đường và cũng thêm tiền để lo cho cái mặc nữa đấy chứ!...

Ông lão hạ chiếc lồng chim xuống đất. Hai tay cuốn chiếc lưoi sập lại. Luồn chiếc sào vào móc chiếc lồng chim, rồi gồng lưng lẳng sau lưng, nhập đoàn cùng chúng tôi. Vừa đi ông vừa bảo: “Cứ ngẫm kỹ thì đất đồi này của mình trồng mít, trồng dứa, là hay. Tháng 7, tháng 8, ướm hột. Tháng 10, đào đất đặt cây. Bảy năm mít cho quả. Sớm hơn thì 5 năm đã bói. Vài chục năm sau thì cho lõi để đóng tủ, bàn. Còn cây dứa thì cứ cữ tháng 8 ta mà đặt hom. Chỉ một năm đã có quả. Muốn cho cây bền và không nóng ăn thì nên trồng nhánh. Tháng 2 (đúng cái độ này đây, vừa nói ông lão vừa chỉ vào những hoa dứa bên lề lối đi) là ra hoa, 5 tháng sau thì quả chín!”.

Ông lão vẫn tỉ mẩn kể cứ y như sọ chúng tôi nghe không thủng thì sẽ làm sai đi mất; nào là: trồng cây ở đồi thì phải đặt tre gai bao chân đồi, chen vào tre thì phải xen mây, vừa giữ ẩm cho đồi, vừa bảo vệ và cũng vừa kinh tế. Ông lão chỉ ngay xuống trệ đồi: “Đấy, khắp xung quanh là tre bao, ba năm nay đặt mây, có hàng chục ngàn khóm mây chứ chả ít đâu. Làm vườn là làm kinh tế, mà làm kinh tế là phải làm cho khoa học. Muốn học khoa học thì cứ phải hỏi cụ Hoà này, cụ Tước này, và giỏi thì phải là cụ Trường Le. Thật tiếc, ông cụ ấy đi vội quá!” Ông lão lặng thinh. Đôi chân như khụng lại...

Trưa ấy, chúng tôi có dịp tiếp xúc với cụ Hoàng Văn Tước tại nhà riêng. Qua Tết này cụ Tước bước sang tuổi 76. Vẻ đôn hậu giàu lòng nhân ái lộ ra rất rõ trên khuôn mặt cụ. Cụ cười, những nếp nhăn như dồn đuỗi nhau trên lưỡng quyền và vầng trán cao rộng. Chòm râu bạc rung rung và đôi mắt đầm thắm rất dễ gần như bao người ông khác của làng quê. Ngồi nói chuyện, đôi bàn tay cụ liên

tục đưa ngón cái chà vuốt lên các ngón tay. Ngón nào cũng to mẩy như quả chuối nhung lại sần sùi những vết chai sạn, dấu ấn của già nửa đời người làm tá điền, của những tháng năm ở thuê làm mướn, khi thì ở Tây Hạ, Làng Bến, khi Lập Thạch, Tam Dương, và vết chai sần cũng là dấu ấn khắc họa lại công lao của cụ đã từng mẩy chục năm đeo đuổi với phong trào trồng cây, gây rừng vườn quả trên đồi Đè... Cụ Tước kể, giọng ồm ồm sôi nổi:

- Người già ở Kim Xá chúng tôi ai cũng thích trồng cây. Thoạt đầu chỉ có dăm bảy ông lão vào tổ cây, lập trại cây. Sau này các cụ bà cũng thi nhau xin vào. Nay giờ ở trại trung tâm có tới 25 cụ, trong đó chỉ có 5 cụ là nam... Cụ Tước hạ giọng nói như để cho mình tôi nghe:

- Xấp chúng tôi đi dần cả rồi. Ông Kế, ông Cống, ông Nhân, ông Cần, ông Duyên rồi đến cả ông Trưởng cũng đã đi!...

Tôi phân vân định hỏi về ông Trưởng, biết ý, cụ Tước nói ngay: “Ông Trưởng là ông Le, Nguyễn Văn Le ấy. Cụ Le là tổ trưởng nên chúng tôi quen gọi là ông Trưởng”... Tôi hỏi:

- Cụ Trưởng là người chụp ảnh chung với đồng chí Bộ trưởng và đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trong lần đến thăm trại có phải không ạ?

- Đúng, đúng cụ ấy đấy! Cụ mất lúc 71 tuổi, đến nay là hơn một giỗ!... Vẫn một mạch như thế cụ Tước bảo: Cái ngày được tin vườn có thể được công nhận là vườn quả Bác Hồ, cụ Trưởng vừa mừng vừa lo. Cụ bảo với chúng tôi, Bác Hồ cả đời vì nước vì dân. Bác sống đẹp đẽ thanh cao. Bác trồng cây cho con cho cháu. Rồi cụ Trưởng kể bao chuyện về Bác Hồ trồng cây bưởi do Trưởng Đại học Nông nghiệp I tặng; về việc nhân dân Nam Tiến (Lâm Thao) biếu Bác trái dừa 2 mầm, Bác cho trồng để giới thiệu với mọi người; về “Vườn quả Bác Hồ” ở giữa thủ đô giờ có tới hai trăm rưỡi cây thuộc hơn 20 loài đưa từ 11 tỉnh, thành phố về trồng... Cụ

Trưởng ao ước, rồi cụ bảo: "Vườn mang tên Bác phải sao cho xứng với tên của Bác!". Những ngày ấy cụ Trưởng tập trung các cụ lo tu bổ cho vườn đẹp lên. Cây chè hết vụ, cụ cho đốn phớt. Cây dứa thu xong cụ cho xén lá, tỉa cây. Hết mùa mít chuyển sang tháng 9 cụ cho lấy ánh. Từ đấy mít vụ nào cũng ra đúng trật, cây nào cũng cho trên trăm quả. Dứa vụ nào cũng sai quả, chè lúc nào cũng mẩy bùp non. Vào cái ngày vườn quả chính thức được mang tên Bác Hồ, cả làng cả xã vui như hội. Suốt ngày, suốt đêm cụ Trưởng cùng với ông Nguyễn Cao Cường, người bảo vệ trại, gắn bó với công việc. Ngày đi làm. Đêm đi rěo. Lúc nào cụ cũng cười, cũng vui. Tự dung, cụ Tước dừng lại. Nỗi nhớ dồn đầy lên đôi mắt tuổi già. Cụ nói tiếp, giọng trầm hambio:

- Cụ Trưởng vất vả cả đời. Thuở nhỏ cũng chuyên nghề đi ỏ, làm thuê cuốc mướn để nuôi con. Bây giờ được thời vui thì lại vội đi! Cụ Tước ngước mắt nhìn lên giọng chắc nịch bảo tôi:

- Quý lâm. Con người như cụ Trưởng là quý lâm. Trước lúc đi cụ vẫn dặn cánh già chúng tôi: Cố mà chăm sóc vườn quả Bác Hồ!...

*Ăn quả, ta nhớ người vun gốc!* Đây là lời của các anh cán bộ chủ chốt ở Kim Xá nói với tôi như thế. Tôi đã nhiều lần trò chuyện với các cụ ở vườn quả Kim Xá, nhưng thật lạ, không cụ nào tự nói về mình. Nhưng các anh lãnh đạo của xã và hợp tác xã (một xấp tuổi trẻ cùng trà với nhau) thì ai cũng thuộc vanh vách về độ đời của các cụ trong vườn quả. Các anh kể tường tận về cụ Le, cụ Hòa, về bà cụ Tảo, cụ Nông, cụ Liên 70, 80 tuổi mà vẫn tận tình chăm chút vườn cây. Kể về cụ Tước từng lặn lội sang Lạc Trung học hỏi cách trồng cây ngay sau cái ngày Bác Hồ về thăm; kể về cụ cùng với bao nhiêu cụ khác nữa lặn lội đi tận Thanh Ba mua hạt chè; đi làng Chùa, Hướng Đạo (Tam Dương) mua dứa giống. Rồi tất cả các cụ đã dành bao tháng năm đổ cả ra triền sông Đáy chuyển phù sa về, rạch hàng trên sỏi đá đồi Đέ này mà ươm nhân hạt chè, mà gầy

trồng những mít, những dứa!... *Ăn quả, ta nhớ người vun gốc!* Có bao nhiêu gốc mít đã cho quả ở những trại tập trung trong xã của Hoàng Thượng, Phú Nông, Hoàng Phú, đồi Đέ và bao nhiêu ngàn, bao nhiêu vạn cây dứa thì khó ai đếm xuể, chỉ biết rằng trong vườn quả Bác Hồ này đã có ngót 300 cây mít cho quả, mỗi cây 1 năm chỉ ít cũng cho 100 quả, và vụ nào cũng thu về vài vạn trái dứa. Có thể vườn quả vùng đồi này chưa thể sánh được với một vườn cây gia đình ở dưới xuôi về giá trị, nhưng ở đồi Đέ những sỏi những đá này bốn mùa đã có hoa, có lá, có quả chín và bốn mùa rộn ràng tiếng chim ca thì đó như một "kỳ tích"; quả ngọt bốn mùa đã đến với trên 6.000 người dân của xã Kim Xá. Những tết Trung thu, những lần mừng 1/6, những hội nghị của những người có công với nước, ngày 27/7 hay ngày tết, ngày lễ hằng năm sản phẩm của vườn quả Bác Hồ với mít, dứa, cam, bưởi, chè, chuối đã là quà chia vui cho hết thảy mọi người. Và hơn thế, có thể trong việc tìm ra một khuôn mẫu cho việc phát triển kinh tế đồi, những nhà lãnh đạo của tỉnh đã nhận ra một hình mẫu từ đây để nhận ra những mô hình khác nhau của các vùng, rồi từ đây định nên các hình thức khai thác đồi bằng cách lập trại rừng, vườn rừng, vườn đồi, bằng khai thác nhiều tầng, dưới tán rừng, hay nữa là việc kinh doanh tổng hợp.

Mùa xuân. Xuân chan hòa trong vườn quả. Hoa chen cài trong muôn nhành lá, báo trước một mùa quả sai. Tôi hỏi các anh lãnh đạo của Kim Xá về dự định, hướng đi cho vườn quả. Các anh cùng một ý: Các cụ chăm cây. Chúng tôi là lớp thừa hưởng. Chúng tôi tự biết mình lo cho các cụ còn ít quá. Rồi đây vườn quả sẽ phải có nhà đón khách cho tươm tất, có phòng nghỉ cho các cụ sau những buổi lao động, rồi nữa phải có nhà dưỡng lão. Và rồi đây sẽ tính trồng thêm táo, thêm đu đủ cho vườn quả có thêm nhiều quả... Bỗng đâu từ dưới chân đồng, cô gái nào đấy mải mê cào cỏ lúa, cất

giọng ngâm hồn hậu: “Từ chiêm sâu, mùa khát Bác ơi/Tháng Tám, ngày ba thôi lo tùng bùa/Làng quê con ngôi hồng như lửa/Dài cỗi cằn thành hoa trái thơm ngon”... Lời ca vọng lên, dìu dặt, thiết tha cắt ngang câu chuyện của chúng tôi.

Thực tình trong ý niệm tôi vẫn muốn nói với các anh rằng: Làm được những điều các anh nghĩ là cách nhớ tích cực nhất đến người vun gốc; rằng lo cho tuổi già là trách nhiệm của chúng ta; rằng lão khoa, môn học liên ngành ngày nay người ta tập trung nghiên cứu nguyên nhân cơ chế quá trình hóa già, tìm hiểu đặc điểm bệnh tật ở lứa tuổi già, tìm biện pháp tốt nhất để xã hội chăm sóc người có tuổi... thì chúng ta cần phải chăm lo cho các cụ, coi đây là trách nhiệm, nghĩa vụ của thế hệ hôm nay và mai sau.

Những câu thơ bỗng trầm kia và sức vóc mùa xuân tràn ra từ vườn quả được mang tên Bác cứ bonen rộn trong tôi với tình cảm ưu ái, tự hào mà vẫn luôn luôn trăn trở tìm cách vượt lên, vượt lên mãi cùng với mùa xuân; bởi vì mùa xuân thực sự đi từ trong vườn quả được mang tên của Bác Hồ vô vàn kính yêu!

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2012.

## A PA CHẢI - THẾ TRẬN LÒNG DÂN BIÊN CƯƠNG - MÁU THỊT CỦA TA

**N**gược nhìn dãy Thập Tầng Đại Sơn như chiếc vòng cung khổng lồ ôm ấp sông mây, miết mài hút lấy những tia nắng rót lại từ các chân đèo, Thiếu tá, Đồn trưởng Nguyễn Đức Thắng, giọng âm oang nói với chúng tôi:

- A Pa Chải là cực Tây Bắc của Tổ quốc. Cột mốc số 0 ba cạnh, trên đỉnh Khoang La San cao 1.864m, thuộc bản Tá Miếu, xã Sín Thầu (huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên) này chính là ngã ba biên giới ba nước Lào - Việt - Trung. Tình yêu Tổ quốc khiến người lính biên phòng chúng tôi bất chấp mọi khó khăn. Ở đâu, làm gì, bất cứ lúc nào lính biên phòng A Pa Chải cũng một lòng tâm nguyện vâng theo lời Bác: “Chống bọn xâm lược và bọn phá hoại là nhiệm vụ của quân đội, của công an nói riêng và toàn dân nói chung; là nhiệm vụ mà quân đội và công an phải dựa vào nhân dân mới hoàn thành được tốt”<sup>1</sup>. (Lời Bác tại buổi lễ thành lập Công an nhân dân vũ trang, tháng 3/1959). Cho nên, để miền biên ải cực Tây Bắc thực sự là “phên giậu” của Tổ quốc, là bộ phận thiêng liêng bất khả xâm phạm, thì người lính chúng tôi phải bền bỉ, kiên cường và phải tạo lập cho được sự cố kết cộng đồng bền vững trong thế trận quốc phòng, an ninh toàn dân, toàn diện!...

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.154.

## Sự hy sinh thầm lặng

Sự hy sinh thầm lặng của những chiến sĩ biên phòng A Pa Chải là vô bờ bến. Bữa ăn của lính dù cố công tự túc, tự cấp đến mấy thì vẫn là đậm bạc... Mùa mưa, nóng dai dẳng suốt từ tháng 4 đến hết tháng 10 - gió Lào, lũ đổ, núi lở, đường tron, giao thông nghẽn tắc. Mùa khô dầng đặc từ tháng 11 năm trước tới hết tháng 3 năm sau. Chiến sĩ biên cương quen gọi là mùa lạnh. Lạnh trộn lẫn gió núi tê tái thịt da, thấu tận xương tủy, cho dù áo quần nai nịt, cho dù lùa đốt thâu đêm... Đường tuần tra biên giới với nước bạn Lào và Trung Quốc dầng đặc tới trên 58km. Dù mùa nào đi nữa thì bước chân của người lính vẫn phải men theo suối thăm Nậm Ma, suối Mo Phí gập ghềnh đá hộc, đá tảng, vẫn theo triền Thập Tầng Đại Sơn hùng vĩ, vẫn rỉ rả chuyện xưa "ma thiêng nước độc", những hổ, những gấu, sói bầy, trăn, rắn lì lợm, hung dữ thường tấn công người, nghe sơn gai gà, vã mồ hôi hột... Ấy vậy mà đội quân trinh thám - bộ đội biên phòng vẫn đi. Đi mãi nên lối mòn. Đi mãi nên quen. Bởi lẽ, đó là biên cương của Tổ quốc. Là mồ hôi nước mắt, là máu thịt của dân tộc Việt Nam! Ấy là lời bộc bạch của Trung úy Ngô Văn Nghi, được đơn vị mệnh danh là "Người giữ đường vĩ đại". Quê Nghi ở Nam Định, tốt nghiệp Trung cấp biên phòng, vào nhận việc tại tỉnh Sóc Trăng, rồi sau đó ra Bắc, lên A Pa Chải. Phụ trách đơn vị Trinh sát đường biên. Tại đây, Nghi không chỉ là người tài dẵn đường, giỏi giữ đường, mà còn luôn coi trọng bồi dưỡng ý chí, tinh thần trách nhiệm, huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật và sức sáng tạo trong chiến đấu cho chiến sĩ. Đường biên với núi cao, vực thẳm, dài dặc, đi nhanh cũng hết non nửa tháng, vậy mà tháng nào Nghi cũng cùng các chiến sĩ đi một lượt hết độ đường. Tính ra, cả năm, Nghi đi tuần tới 6 tháng đường biên, gom lại tới 800 cây số...

Ăn cùng Trung úy vài lุง cơm sáng với cà muối và trứng xào ngải mặn đót, trước lúc lên đường thay kíp tuần tra, tôi hỏi: “Nhiệm vụ đội trinh sát đường biên của Nghi gồm những gì?”. Anh đáp: “Kiểm tra giữ nguyên vẹn đường biên, hướng đi, mốc quốc giới. Ngăn cấm tình trạng xâm canh, xâm cư, du cư, khai thác lâm thổ sản trái phép; ngăn cấm nuôi thả trâu, bò qua biên giới. Phối hợp cùng bộ đội biên phòng nước bạn giải quyết những việc này sinh trong điều kiện có thể!”... “Vậy là, việc trinh sát đường biên là liên tục. Kíp này về, kíp khác lại đi!” - Tôi nói. Nghi bảo: “Đúng thế. Cho nên cùng một đồn, nhưng lầm khi cả năm những người lính không giáp mặt nhau!”. Tôi lại hỏi: “Việc sinh hoạt của chiến sĩ trinh sát đường biên chắc nhiều gian khó?”. Nghi nói như tâm sự: “Lính trinh sát là những người chịu khó, chịu khổ, giàu sáng tạo. Người chỉ huy cốt phải tinh tường, tính sát độ đường đi để đảm bảo sức khỏe và lương thực mang theo của lính. Những khi mưa bùông tầm tã, cui ướt đẫm, chúng tôi phải dùng dao chẻ lấy phần lõi để nấu. Đông về lạnh giá, gió núi liên hồi; đêm xuống, chúng tôi dùng xéng khoét hố, lấy lá cây lót nền, trải bạt làm đệm ngủ để tránh gió tạt, gió lùa!”.

### **Giúp dân, dựa vững vào dân**

Trung tá, Chính trị viên Bùi Văn Hồng, nói lời từ gan ruột: “Tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp biên phòng là ngọn đuốc soi đường cho chúng tôi. Người dạy: “Một vạn công an chỉ có hai vạn tai, hai vạn mắt, hai vạn tay chân, nhưng nhân dân có hàng triệu tai, hàng triệu mắt, hàng triệu tay chân. Cho nên chúng ta phải dựa vào dân để hoạt động. Khi tổ chức được dân, đoàn kết được dân thì việc gì cũng làm được”<sup>1</sup>. (Lời Bác tại buổi lễ thành lập Công an

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.154.

nhân dân vũ trang, tháng 3/1959). Bởi thế nên, từ người chỉ huy tới chiến sĩ ở tất cả các bộ phận của đồn đều lập chương trình hành động theo cương vị, chức trách của mình... Nói về cái khó thì, có lẽ khó nhất vẫn là công việc của các cán bộ quản lý địa bàn (gồm: trinh sát, phòng, chống ma túy và vận động quần chúng). Địa bàn đơn vị bao quát, quản lý gồm hai xã là Sín Thầu và Sen Thượng, phần đông là dân tộc Hà Nhì. Những xã này đều nằm trong địa bàn rừng bảo tồn thiên nhiên, dân cư thưa thớt, nhưng diện tích thì mỗi xã rộng bằng một huyện dưới xuôi. Đồng bào dân tộc vốn lương thiện, gắn bó mật thiết với bộ đội và công an, vun giữ tình hữu nghị bền lâu với nhân dân nước bạn. Song, cái khó căn bản là dân trí thấp, canh tác tiểu nông xưa cũ, được đâu hay đó. Nhiều hủ tục kiêng kỵ, ma chay, cưới xin khá nặng nề. Để xây dựng thành công sự cố kết cộng đồng, dựa vững vào dân, thì từ người chỉ huy như Thiếu tá Nguyễn Đức Thắng đều phải nghiêm túc quán triệt mệnh lệnh của cấp trên; đi sâu, đi sát, kiểm tra, giám sát, bám chắc thực địa, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cảnh quan, môi trường; cùng chiến sĩ tận tình, bền bỉ, gắn bện với những bản làng xa xôi, khó khăn nhất của Sen Thượng, Sín Thầu, giúp họ xây dựng làng, bản xanh - sạch - đẹp. Vận động, hướng dẫn dân bản cách thức thâm canh, tăng vụ, cách trồng đậu tương, đồ xanh. Cầm tay, chỉ việc cho dân bản cách thức vệ sinh môi trường noi ở ăn, làm nhà tiêu tự hoại, làm chuồng nuôi nhốt lợn, gà, gia súc; bảo vệ nguồn nước sinh hoạt. Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, trưởng bản và các đoàn thể xây dựng nếp sống mới trong ma chay, cưới xin; chống hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; phòng, chống ma túy, lây nhiễm HIV/AIDS... Niềm tự hào của lính biên phòng A Pa Chải giờ đây chính là sự góp sức xây dựng những mô hình kinh tế - xã hội ở một số bản làng. Người Hà Nhì bước đầu đã biết thâm canh tăng vụ, biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo nhiều

sản phẩm trên đất đai của mình. Biết giữ rừng và bảo vệ rừng. Không còn người đói, hộ đói như xưa”.

Pò Dần Sinh, Chủ tịch xã Sín Thầu phấn chấn thông tin cho chúng tôi: “Xã có tới 6 hộ giàu cấp huyện. Nhà ông Sùng Phí Sinh ở bản Tà Kố Khù có tới 200 con trâu; Chang Bá Sinh ở bản A Pa Chải có 160 con trâu, bò. Xã có 238 hộ thì có tới 200 xe máy, nhiều hộ có cả ô tô vận tải nhỏ...”. Vẻ mẫn nguyễn, Chủ tịch Sinh chốt lại: “Những đổi thay này, có công sức lớn của Bộ đội biên phòng A Pa Chải!”.

Giờ đây, mỗi khi ốm đau, bệnh tật, khó đẻ... người Hà Nhì đã thôi không tìm đến thầy mo, thầy cúng nữa. Họ đã gửi trọn lòng tin vào thầy thuốc, đã tìm về Trạm kết hợp quân dân y A Pa Chải để cậy nhờ, để mời y sĩ quân y tới nhà cứu chữa... Niềm tin ấy bắt đầu từ những ngày cán bộ, y sĩ của trạm chủ động tìm đến khám chữa bệnh, cấp thuốc tại nhà cho dân. Để rồi, sau đấy dân bản biết tìm lên trạm, biết trọng thầy thuốc. Bởi thế, y sĩ, Trạm trưởng Trần Đăng Dân mới có vinh dự thay mặt Trạm là một trong số 80 thầy thuốc trẻ tiêu biểu được tuyên dương tại Chương trình “Thầy thuốc trẻ và tình nghĩa yêu thương” là những tấm gương xung kích và tình nguyện vì sức khỏe cộng đồng. Bởi, suốt mấy năm qua, Trạm kết hợp quân dân y A Pa Chải đã tổ chức khám bệnh, cấp thuốc miễn phí cho gần 1.800 lượt người; tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống sốt rét cho hàng trăm lượt người; đỡ đẻ an toàn 30 ca... Trung úy, y sĩ Trần Đăng Dân là người có công xây dựng Trạm và cũng là người đề xướng với lãnh đạo đồn và xã Sín Thầu ký kết hợp đồng khám bảo hiểm cho dân để họ đỡ thiệt thòi vì đường xuống huyện quá xa xôi. Chỉ riêng 3 tháng cuối năm 2010, Trạm đã cấp tới 26 triệu đồng tiền thuốc cho dân thuộc các bản A Pa Chải, Tà Kố Khù và Pò Nhù Khồ do Trạm phụ trách khám bảo hiểm...

A Pa Chải - “phên giậu” cực Tây Bắc của Tổ quốc - đầm mặn trong mỗi chúng tôi: Làm theo lời Bác, lính biên phòng ngày tiếp ngày bền bỉ xây vững thế trận lòng dân!

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2012.

## NÉT ĐẸP MUỜNG PHĂNG

Mấy mươi năm nay, tôi đều đặn lên với Điện Biên, đều đặn thăm thú Mường Phăng. Bởi, Mường Phăng chính là gốc của chiến tích lịch sử Điện Biên Phủ oai hùng. Bởi, nơi đây giàu nặng nghĩa tình. Nghĩa tình ẩn sâu nơi lòng người, bình dị mà sâu xa: nghĩa tình Mường Phăng!



*Một góc Mường Phăng*

### Di tích như nguyên bản

Cùng dòng người tú xứ về đây, tôi lần lên bậc đá vào khu di tích Mường Phăng giữa một ngày nắng đẹp. Những “thuyết minh nhí” người dân tộc bản địa, lại tình nguyện dẫn chúng tôi đi. Khác xưa, ấy là các cháu ăn vận đẹp hơn, sạch sẽ hơn. Đôi chân đã đi dép, đi giày. Đầu đội mũ, nón lành lặn, tươm tất. Nói tiếng phổ thông lưu loát hơn. Nhiều cháu ăn vận quần áo dân tộc Thái, Mông như niềm hân diện về bản sắc riêng của dân tộc mình để đi cùng khách, để chụp ảnh lưu niệm với khách. Cháu Lò Văn Bến, người bản Phăng, kéo tay tôi rồi nghẹn đau ghê sát; những cháu đứng bên như hiểu ý cùng vây lấy tôi: Ông ơi! Sức khỏe Đại tướng Võ Nguyên Giáp của chúng cháu thế nào rồi? Chúng cháu lo cho Đại tướng lắm. Xem ti vi, bố mẹ cháu cứ lau nước mắt rồi nói: Không khéo ông Giáp ốm nặng mất rồi. Sao mừng trăm tuổi mà không đưa hình ông ấy lên cho dân bản Mường Phăng ngắm nhìn? Suốt tuần vừa rồi, trời Mường Phăng cứ tầm tã mưa. Dân bản cháu ai cũng rất lo, rất sợ Đại tướng (mất). Đại tướng nhỡ thế nào thì cả Mường Phăng cháu khóc cạn nước mắt mất thôi! Tự dung nó khụng lại. Nước mắt trào ra. Tay bu lấy miệng như trót nói ra cái điều phải ẩn kín trong lòng. Câu hỏi nhỏ và cùi chỉ của nó khiến tôi phải cố kìm nén để tiếng khóc đừng bật ra. Tôi nói như dồn như đuổi, cố che đi nỗi xúc động: Các cháu thấy không, trời Mường Phăng tuần nay nắng đẹp. Dân cả nước tung bừng mừng quốc lễ mồng 2/9, đón chào Đại lễ 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội và mừng Đại tướng sang tuổi bách niên. Các cháu vui đi. Tướng Giáp của các cháu, của Mường Phăng, của chúng ta vẫn khỏe mà!

Đi giữa rừng nguyên sinh ấp ôm di tích lịch sử gốc với cả trăm hécta, ký ức thời gian lâng đâng theo về. Những dòng hồi ký

của Đại tướng bừng thức trong tôi. Các cháu còn nhỏ tuổi, nhưng rất giàu tình cảm. Dẽ gì hiểu hết cội rễ của những chiến công, dẽ gì biết hết chiến dịch thần kỳ do tướng Giáp chỉ huy, mà Mường Phǎng được chọn làm đại bản doanh; noi dân bản nghèo khó nhưng tận lòng với cách mạng, noi có đình Pú Huốt cao chất ngất đặt đài quan sát, nhìn thấu cả cánh đồng Mường Thanh để đưa ra đối sách hiệu quả nhất. Tôi hỏi các cháu: Mường Phǎng là gì? Tiếng đáp ào lên: Dạ. Mường Phǎng là Mường *nghe*. Mường của những người biết *nghe* ạ!... Quây quần cùng các cháu bên tẩm đá xé mài giữa thô mộc, với dòng biển dẫn: "Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ", tôi hỏi: Vậy thì lúc này các cháu thích *nghe* gì?

- Dạ. Nghe về chiến dịch Điện Biên Phủ ạ! - Thế thì dài lắm. Ông chỉ tóm lược để các "thuyết minh viên nhí" biết chút ít thôi! Gọi là thuyết minh viên, thực ra đấy là cái cách để các cháu theo khách bán các thứ thuốc dân tộc chứa trong chiếc túi nhỏ đeo bên người. Vậy mà lúc này các cháu vẫn để mấy đoàn khách đi qua, nán lại nghe tôi kể về âm mưu thâm hiểm của tướng giặc Nava, giảng cái bẫy ở Điện Biên Phủ để dụ quân đội Cụ Hồ vào trong. Bởi thế, ngày 20/11/1953, quân Pháp xâm lược đã mở cuộc hành quân Castor nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ. Chúng đổ xuống đây tới gần 4.550 tên lính thiện chiến cùng 200 tấn vũ khí, đạn dược và các thiết bị chiến tranh... Đổi lại, ngày 05/01/1954 - tướng Giáp cùng Bộ chỉ huy Tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh, rời căn cứ địa Việt Bắc lên đường đi chiến dịch Điện Biên Phủ. Tướng Giáp đã quyết định chọn khu rừng Mường Phǎng để đặt Sở chỉ huy suốt cả chiến dịch. Tại đây, ngày 26/01/1954, chỉ mấy tiếng đồng hồ trước khi khai pháo mở màn chiến dịch, tướng Giáp đã phải có một quyết định khó khăn nhất trong đời binh nghiệp. Ấy là việc chuyển phương châm từ "*đánh nhanh, thắng nhanh*" sang "*đánh chắc, tiến chắc*". Nhờ thế, ngày 13/3/1954, ta mới có chiến thắng mở

màn vang dội ở Him Lam - điểm chốt của trung tâm cứ điểm địch bị nhổ hoàn toàn chỉ sau 6 tiếng đồng hồ. Kế đến là cuộc tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ngày 30/3/1954... Rồi cuộc tiến công cuối cùng, bắt đầu ngày 01/5/1954, vào hầm cố thủ của tướng giặc Đờ Caxtori. Đúng 5 giờ chiều ngày 07/5/1954, bộ đội Cụ Hồ đã bắt sống tên tướng giặc này. Và, lá cờ quyết chiến quyết thắng của Việt Nam đã tung bay trên nóc hầm trung tâm cứ điểm; đánh dấu mốc son lịch sử chói lọi của dân tộc Việt Nam. Vậy là chiến công lừng lẫy ấy có sự góp sức to lớn của nhân dân Mường Phăng vì đã che chở, bảo vệ tướng Giáp của chúng ta chỉ huy tài tình suốt 56 ngày đêm. Bởi thế, trong quần thể di tích lịch sử Chiến thắng Điện Biên Phủ, các cháu có quyền tự hào: Mường Phăng chính là “di tích gốc” của những chiến công!

Khó giấu nỗi niềm vui trên khuôn mặt với những ai trước đó đã một lần tới đây. Vì, di tích Mường Phăng với *lán nghỉ* của bộ đội, cán bộ mỗi khi đến Sở chỉ huy làm việc; tới *hầm điện báo*; rồi *hầm chỉ huy* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; *hầm Tham mưu trưởng* của tướng Hoàng Văn Thái; cho tới *đường hầm* thông từ hầm Đại tướng sang hầm Tham mưu trưởng dài cả mấy trăm mét... đều được cải tạo, tu bổ, gìn giữ hết như nguyên bản bằng vật liệu, chất liệu chắc bền, sắc màu như vốn có của tự nhiên, của đất trời sinh ra đã là như thế. Đường đi lối lại sạch sẽ, phong quang. Rừng vẫn nét nguyên sinh, thâm nghiêm, u tịch khiến cho khách đi khách về ắp đầy nỗi nhớ!... Cháu Nguyễn Xuân Trung làm nghề sửa chữa điện gia dụng, nhà số 118 phố Hàng Bông, Hà Nội cùng bạn gái vào khu di tích Mường Phăng, trở ra gặp chúng tôi noi chân dốc, giọng sôi lên: Chú ơi. Năm trước, cơ may cháu được tới nhà từ đường - ngôi nhà bình dị, khiêm nhường như dân thường của Đại tướng bên bờ sông Nhật Lệ, Quảng Bình. Ăn tượng về Đại tướng - người anh hùng dân tộc đức cao, phúc lớn cứ thấm đẫm trong

lòng cháu. Nay lên đây, cháu thêm hiểu: Con đường làm nên chiến thắng thật gian nan. Đại tướng Võ Nguyên Giáp chính là biểu tượng của người chiến sĩ bộ đội Cụ Hồ, từng “*khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, com vắt*”... Nay, Mường Phǎng êm ả, yên bình. Người Mường Phǎng chân chất, chứa chan nghĩa tình với Đảng với dân. Hình như trong sâu thẳm cõi lòng ai ai cũng cầu mong Đại tướng sống khỏe, sống lâu muôn đời!

### Nghĩa tình bền sâu

Cụ Lù Thị Đôi, 101 tuổi, người dân tộc Thái, nhà bên kia đường, hướng lên khu trung tâm đón khách vào di tích Mường Phǎng, nói như cõi lòng cõi dạ: Dân bản Mường Phǎng chúng ta sung sướng lắm mà. Được biết, tròn đã cho Đại tướng sang tuổi 100... Năm xưa (ý chỉ năm 2004), Đại tướng về đây, dân bản mặc áo quần đẹp nhất để chào đón. Ta vui quá nên đeo trên ngực cả bốn tấm huân chương, huy chương. Sau cái bắt tay, Đại tướng ôm lấy ta, nước mắt trào ra. Người coi ta và dân bản như con, như cháu trong nhà. Cái tình cái nghĩa cách mạng nó bền sâu thế đấy. Ngày xưa, ta là cán bộ phụ nữ xã này, từng xay thóc, giã gạo gửi lên núi cho bộ đội Cụ Hồ; vận động dân bản góp 9 tấn gạo, 5 con trâu... ủng hộ cách mạng. Vì bí mật, nên chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, dân bản mới biết tướng Giáp, tướng Thái đã ở đây, chỉ huy cả một chiến dịch to lớn như thế. Ngần ấy thời gian, giờ con, cháu, chắt, chít của ta dồn về có nhẽ đã đủ một bản. Ấy vậy mà tướng Giáp vẫn nhớ đến ta; vẫn nhớ đến cụ Lò Văn Bóng, vẫn coi chúng ta như anh chị em ruột thịt. Sung sướng lắm!... Cụ nói dồn dập bằng tiếng dân tộc, khiến chị Quàng Thị Rết, Tổ trưởng phụ nữ bản Phǎng phải gấp tả chuyển ngữ giúp tôi. Chuyện từ cụ Lù Thị Lôi gọi tôi tìm tới cụ Lò Văn Bóng (bố đẻ đồng chí Lò Văn Biên, Bí thư Đảng ủy xã). Cách nay 56 năm, ấy là ngày mừng công

chiến thắng tại Mường Phăng; tay trong tay tạm biệt, cụ Lò Văn Hặc, nguyên Chủ tịch Khu tự trị Thái - Mèo, giọng thân thiết: Bóng ở lại, cố giữ nguyên mọi thứ cho dân, cho đất nước nhé! Lời dặn đã níu cụ Bóng với rừng già, với di tích lịch sử Mường Phăng suốt nửa thế kỷ qua như báu vật thiêng liêng nhất của gia tộc, của dòng họ... Khi Đại tướng trở lại đây (năm 2004), cụ Bóng có niềm vui lớn: Được trực tiếp nấu com ngon, canh ngọt mòn Đại tướng; lúc này thiên hạ mới hay, báo chí mới ào ập thông tin... Tuổi cao, sức đã mòn, giọng chầm chậm, cụ bảo: Mình sắp gần đất, xa trời rồi. Chỉ một nỗi lăn tăn, mai này liệu con cháu có giữ nổi rừng Mường Phăng? Đấy là rừng nghĩa, rừng tình, phải truyền bao nhau, nỗi tiếp nhau mà gìn giữ! Không có những ngày cách mạng ấy làm sao dân Mường Phăng được đổi thay, nhà cao cửa rộng, trù phú như bây giờ? Làm sao con cháu Mường Phăng được học hành, được giỏi giang, được làm việc huyễn, việc tinh như thế này? Cho nên phải dạy nhau đừng quên truyền thống của mình. Cái nghĩa cái tình nó nuôi sống tình yêu của dân tộc mình đó. Phải giữ lấy. Giữ lấy nó!...

Chuyện giữa tôi và cụ Bóng ở Mường Phăng trưa ấy khiến cô Lê Thị Tám, Hiệu trưởng Trường Tiểu học số 3 Mường Phăng nhanh chóng nhập cuộc. Cô nói với chúng tôi: - Lời răn dạy của người già sâu xa lắm. Nếu không vì cái nghĩa, cái tình thì làm sao chúng em có được ngôi trường tiểu học khang trang như bây giờ!... Lời cô Tám tự dựng gọi tôi nhớ lại những dòng tin dày đặc trên báo chí vào cuối năm học mới vừa rồi: "Nhân kỷ niệm 56 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và mừng Đại tướng tròn 100 tuổi, ngày 5/5 tại Trường Tiểu học số 3 xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Công ty Boeing và Quỹ Cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam tổ chức khánh thành nhà học 2 tầng, đồng thời đưa vào sử dụng 7 phòng học vừa cải tạo, một

*phòng máy tính với (10 máy vi tính, 1 máy trình chiếu...) do gia đình Đại tướng tặng và một sân chơi với tường xây kiên cố. Tổng giá trị xây mới và sửa chữa tới 150.000 USD (tương đương 3 tỷ đồng Việt Nam) phục vụ cho 25 thầy cô giáo giảng dạy và 210 học sinh dân tộc trong xã học tập".* Chúng tôi háo hức muốn thăm trường, cô Tám cầm di động gọi cho các thầy đưa xe tới. Ai ngờ, từ trung tâm xã vào Trường Tiểu học số 3, qua bản Yên, bản Cang, tới dốc Ko Thón chỉ non 7 cây số mà xe ôm phải hì hụi lên xuống những ổ voi, ổ trâu, những vết thụt xá cày, xá bừa, nhoài nhược cả giờ đồng hồ. Thầy Lò Văn Dọn dạy môn thủ công kỹ thuật, tha xếch tôi tới trường, giọng chộn rộn: So với xưa, nay hon một trời một vực rồi. Ngày trước chỉ có lối mòn lầy thụt. Nay đường mở, nhưng xe lớn chở quặng qua nên mói bung bét như thế. Tới trường, trường đẹp như thế này là hết mệt, là chỉ một ý nghĩ: Dạy cho tốt. Học cho tốt. Thế thôi!... Hôm ấy là ngày nghỉ. Nhưng vì là đầu năm học mới nên thầy cô gần như có mặt đông đủ. Tầng 2, ngôi nhà mới xây, thầy giáo dạy toán cặm cúi phụ đạo cho học sinh cá biệt. Bên phòng vi tính, các em nhỏ người dân tộc Mông, lần đầu tiên làm quen với vi tính, chăm chú nghe cô Trần Thị Tuyết, Phó hiệu trưởng và cô Tám tận tình hướng dẫn cách mở máy, đóng máy, cách rê chuột, kích chuột, đánh máy... Hỏi cháu Giàng Thị Tuấn, lớp 4A2 ở Noong Luông 1; Giàng A Thăng, Cú Thị Cu cùng lớp với Tuấn ở Noong Luông 2: - Có biết những chiếc vi tính này do ai tặng không? Tất cả đồng thanh: - Dạ. Của Bác Giáp ạ! - Để đáp lại tình cảm của gia đình Bác Giáp, các cháu phải thế nào? - Dạ. Phải ngoan ngoãn và học tốt ạ!...

Tôi hiểu, những câu trả lời ấy chính là lời dạy của các thầy cô giáo. Nơi xa xôi hẻo lánh ở xứ rừng sâu, trời xa này, tự hào có tới 7 thầy cô dạy giỏi cấp trường, 1 giáo viên dạy giỏi cấp huyện. Hôm ấy, các thầy cô bộc bạch với chúng tôi: - Làm sao thầy trò chúng

em quên được công ơn của Đảng, của Nhà nước, của gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp - bậc “khai quốc công thần”, dày công với dân, với nước. Đúng ra, theo lẽ đời, nhân dân Mường Phăng phải tri ân Đại tướng. Vậy mà, thấy dân khó khăn, nghèo đói, Đại tướng lại tìm nguồn kinh phí giúp dân mò mang con đường sáng, tạo điều kiện học hành cho con em dân bản... Cho nên bốn phận lớn lao nhất của nhà giáo chúng em là phải thực hiện thật tốt “*Nhiệm vụ trồng người*” như lời Bác Hồ đã dạy!... Khuôn mặt sáng, tinh anh, thông minh, tháo vát; giọng trầm lắng, thiết tha, cô Tám nhỏ nhẹ: - Ao ước lớn nhất lúc này là chúng em có đại diện thầy cô giáo và học sinh của trường về Hà Nội, chúc mừng Đại tướng tròn trăm tuổi và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc với Đại tướng - người mà cho đến những năm tháng cuối đời vẫn giàu nghĩa, nặng tình với sự học của Mường Phăng!

*Tình người Điện Biên*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010.

## CHIẾN TÍCH MÃI TRƯỜNG TỒN

Buổi làm việc của chúng tôi với ông Nguyễn Thanh Tùng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Điện Biên trở nên sâu lắng, ấy là khi nói tới những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, di tích lịch sử của những chiến công. Giọng trầm ấm, ông bảo: "Năm mươi lăm năm, trận Điện Biên Phủ đang lùi dần vào quá khứ. Điện Biên Phủ mãi như một trang sử vẻ vang nhất, chói lọi nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Điện Biên Phủ là biểu trưng hùng tráng nhất về sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân. Nó là tài sản vô giá truyền đời nối tiếp giữa quá khứ với hiện tại và tương lai; là ngọn lửa sâu thẳm của niềm tin và tâm linh". Tự dung giọng ông trầm hàn xuống: "Thế hệ những người vượt Pha Đin, (*khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, com vắt*), bao vây tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm của quân đội Pháp ở Mường Thanh, đã và đang lần lượt ra đi... Cho nên việc làm sống dậy những trận đánh hào hùng năm xưa, tái tạo những mốc son lịch sử trên mảnh đất này luôn là tâm thức của Đảng và Nhà nước ta, là trách nhiệm của chúng tôi, những người được thừa hưởng thành quả của cách mạng hiện hữu trên chính mảnh đất này... Chúng tôi không thể mắc lại những sai sót do sơ hở trong quản lý, tổ chức thực hiện như đã phải trả giá!".

Tới nghĩa trang dưới chân đồi A1 thấp nén hương thơm kính cẩn nghiêng mình trước anh linh các anh hùng liệt sĩ, chúng tôi trở lại thăm khu trung tâm đề kháng Him Lam, nơi diễn ra trận đánh thần kỳ mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ, sau quyết định thay đổi

từ phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” khó khăn nhất của Tổng Tư lệnh chiến dịch - Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tại đây, tướng Giáp của chúng ta đã rất cẩn trọng tuân theo lời Bác Hồ căn dặn: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”. Cũng bởi lẽ Him Lam là trung tâm đề kháng “sắt đá” nhất của địch, có tới 3 cứ điểm, có hệ thống công sự kiên cố, với cả hệ thống lều lừa dày đặc và những bãi mìn rộng hàng trăm mét. Đã thế, các trọng pháo 105 ly, 155 ly ở Mường Thanh, Hồng Cùm cùng máy bay, xe tăng, pháo binh sẵn sàng chi viện tối đa nếu Him Lam bị tấn công... Ấy vậy mà chỉ sau 6 tiếng đồng hồ (kể từ lúc bắt đầu khai pháo 17 giờ 05 phút ngày 13/3), Trung tâm đề kháng Him Lam (mang tên Beatorixo) cùng hàng loạt lô cốt, chiến hào, cứ điểm của địch đã bị phá hủy hoàn toàn. Hơn 300 lính lê dương bị tiêu diệt, 200 tên khác bị bắt sống. Niềm kiêu hãnh, sự ngạo mạn của tướng tá quân đội viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ bị đánh gục. “Viên Chỉ huy phó tập đoàn cứ điểm, phụ trách pháo binh, phải tự sát vì không có cách nào làm im lặng những khẩu pháo Việt Nam. Đò Caxtori và chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đành chịu bó tay ngồi nhìn những cứ điểm mạnh nhất của tập đoàn cứ điểm lần lượt sụp đổ dưới bàn chân không giày của những chiến sĩ xung kích Việt Nam. Trận địa chiến hào của ta, từ núi cao đổ xuống cánh đồng, mỗi ngày càng xiết chặt sợi dây định mệnh chung quanh tập đoàn cứ điểm”...<sup>1</sup>. Nhớ lại những dòng chữ ấy, chúng tôi ai nấy đều xúc động, khi mục sở thị chiến tích mờ màn hoàn hảo xưa, nay đã và đang được gìn giữ tôn tạo, xây lắp các hầm hào, hố bắn, hàng rào; xây dựng khang trang, tiện ích nhà đón khách và bãi đỗ xe. Hệ thống hầm hào quanh núi

---

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.100.

quanh đồi, cảnh chiến trường xưa bị bom đạn cày xới, nay được kè lại, đổ bê tông giả đất, nguyên trạng như thật. Sa bàn trận đánh Him Lam được hoàn tất, nhiều hiện vật quý liên quan tới trận đánh được sưu tầm, bổ sung. Việc làm dài lâu là xây dựng nhóm tượng đài và bức phù điêu trận đánh cũng đã được ghi trong dự án.



*Tổng thống Pháp Phrăngxoa Mítторăng  
đã đến thăm di tích hầm Đò Caxtori, tháng 3/1993*

Theo mạch công việc, các anh lãnh đạo của Ban Quản lý dự án di tích Điện Biên Phủ cùng nhà báo Tô Hợp, phóng viên báo Điện Biên Phủ, đưa chúng tôi đi thăm những dự án di tích lịch sử đã và đang được trùng tu, tôn tạo để chào mừng 55 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Nhịp bước trên mặt đường kéo pháo vừa được trải bê tông giả đất, giả vết bánh xe của pháo, vết dày dép của bộ đội Cụ Hồ, anh Hải, Phó trưởng Ban quản lý di tích lịch sử cho hay: Con đường kéo pháo được bảo tồn, tôn tạo này dài chừng 4 cây số, gồm 3 đoạn... Đoạn đầu và đoạn cuối dài trên 423m; cầu qua sông Nậm Rốm đổ bê tông cốt thép dài 67m, rộng 1,5m. Đoạn giữa là đường

kéo pháo dài 3,5km dành cho khách tham quan đi bộ. Hai ven đường trồng các cây bản địa như: ban trắng, ban đỏ, lát, tết, chò chỉ. Cuối đường kéo pháo ở trên mạn núi là nơi đặt ván bia và lư hương tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Tô Vĩnh Diện, lấy thân mình chèn lưng cứu pháo. Tại bản Phiêng Loi kè bên là các trận địa pháo 105 ly và H6!..., Ấn tượng sâu đậm nơi đây trong mỗi chúng tôi là tượng đài bộ đội ta dùng dây kéo pháo 105 ly lên đèo. Cả khối tượng nặng 1.500 tấn, cao 11m, dài 21m, rộng 7m bằng đá xanh Thanh Hóa. Tượng được đặt trên bệ đá bên mỏm đồi cao, kè lối bên đường kéo pháo, thuộc xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên. 28 chiến sĩ thuộc trung đội pháo 105 ly, dùng dây kéo pháo lên đèo. 28 chiến sĩ, 28 vẻ mặt, ánh mắt, cử chỉ, động tác khác nhau nhưng cùng quyết liệt, căng sức, căng lực cho một mục tiêu duy nhất: Kéo pháo qua đèo! Đứng dưới chân bệ tượng đài, tôi hỏi Đại tá - nhà điêu khắc Tạ Quang Bạo (Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật), chủ nhân của công trình mỹ thuật này: - Đầu là nguồn cảm xúc chính thôi thúc Đại tá tạo nên bức tượng đá kỳ diệu này? Anh đáp như để tâm sự: - Từ ấu thơ cắp sách tới trường, ba tiếng Điện Biên Phủ đã thấm sâu trong ký ức của tôi. Sau này trở thành người lính, tôi thấy mình phải góp một cái gì đấy với Điện Biên. Và rồi, rất may mắn năm 2004 tôi được đi cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào Mường Phăng. Rồi cứ thế Điện Biên lắng sâu trong tôi. Tôi hiểu, nếu ngày ấy không có kéo pháo sẽ không có chiến thắng ở Điện Biên Phủ... Dùng 2 dây với đôi bàn tay để kéo pháo qua đèo - quả là bộ đội ta rất anh hùng. Trên thế gian này tìm đâu có được? Bởi thế tôi chỉ còn cách thể hiện thật trung thực, thổi cho được hồn của nhân vật vào trong từng bức tượng!...

Chia tay Đại tá - nhà điêu khắc Tạ Quang Bạo, chúng tôi tới khu tượng đài Công viên Chiến thắng Mường Phăng, thuộc xã Mường Phăng, huyện Điện Biên. Tự dung lời bài hát “Giải phóng Điện Biên” cứ rộn lên trong mỗi chúng tôi, dù cho thời khắc này hoa ban

không còn nở trăng núi, trăng rùng như những ngày tháng 3, vậy mà sao ấy, cứ rộn lên, rộn mãi lên: “... *Bộ đội ta tiến quân trở về, giữa mùa hoa nở, miền Tây Bắc tung bừng vui...*”. Quảng trường Chiến thắng là một công viên hình tròn có đường kính non 40m, bao lấy cụm tượng gồm 5 khối đá ghép, nặng tới 700 tấn, dài 21m, rộng 3m, với 25 nhân vật biểu trưng cho các chiến sĩ ta mừng chiến thắng, phất 6 lá cờ cao tới 9m (trong đó có 5 lá cờ biểu hiện các quân chủng tham gia chiến đấu...). Dưới lá cờ quyết chiến quyết thắng là bức phù điêu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Toàn bộ khối tượng được đặt trên bục đài bằng chất liệu đá xanh của Thanh Hóa, tất cả được tạc nên qua bàn tay tài nghệ của các nghệ nhân làng nghề chạm khắc đá nổi tiếng ở Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình, nơi mà từ xa xưa họ đã từng sáng tạo và thổi hồn vào 500 mẫu tượng La Hán. Xung quanh tượng đài là vườn cây ăn quả xen với ban trăng một loài hoa đặc trưng riêng có của núi rừng Tây Bắc. Sáng rõ trên bức tượng đài là hình ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc thư khen của Bác Hồ, bên cạnh là các tướng lĩnh như Hoàng Văn Thái, Lê Liêm... cùng hình tượng bộ binh, pháo binh, thông tin, hậu cần - quân y, thanh niên xung phong; các lôgô xe tăng, ô tô, xe thồ. Cái tài của nhà điêu khắc Trịnh Thế Hội là đã hóa thân các nhân vật lịch sử gắn bện với thiên nhiên trong môi trường sinh hoạt văn hóa (mừng chiến thắng). Ở đó, văn hóa phi vật thể làm nên linh hồn, sức sống của các công trình văn hóa lịch sử vĩnh viễn với thời gian... Bởi Muòng Phảng là “*Tổng hành dinh*” Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam từ ngày 31/01 đến ngày 15/3/1954, là nơi đấu trí, đấu lực chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ, đầy sức sáng tạo. Nơi mà (ngày 20/11/1953), thực dân Pháp quyết định: “Tiếp nhận chiến đấu ở Điện Biên Phủ” và biến nơi này thành một “Véc đoong thứ hai ở Viễn Đông, một pháo đài bất khả xâm phạm, một cỗ máy nghiên, sẵn sàng nghiên nát các sư đoàn thép của Việt Nam”. Nơi chúng đã điều động những đơn vị

quân đội tinh nhuệ, thiện chiến nhất, tăng cường hầu hết lực lượng, vũ khí, phương tiện chiến tranh đến Điện Biên Phủ nhằm thu hút và đánh bại chủ lực của ta. Nói chỉ sau nửa tháng có quyết định đen tối kể trên của thực dân Pháp thì (ngày 06/12/1953) Bộ Chính trị của ta họp đã có ngay quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, thành lập Bộ chỉ huy và Đảng ủy chiến dịch, cử Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Nói mà với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” đã tỏa lan, cố kết, đoàn kết toàn dân tộc thành sức mạnh của lòng dân, của bộ đội, nhanh chóng đập tan cứ điểm Him Lam, mở màn chiến dịch; thắt chặt vòng vây, chia cắt địch ra thành từng khúc; rồi tổng công kích, tiêu diệt toàn bộ cứ điểm và các ổ đề kháng ở Điện Biên Phủ gọn gàng trong vòng 56 ngày đêm! Mường Phăng sẽ mãi là tài sản, di sản quý giá mà không một khối lượng ngọc ngà nào sánh nổi. Mường Phăng còn mãi với thời gian, trường tồn cùng trái đất. Bởi Mường Phăng rất đậm trong ký ức của tướng Giáp: "... Núi rừng Tây Bắc âm u, ban đêm bỗng trở nên sống động. Xe kéo pháo, xe vận tải ì ì nối đuôi nhau. Những đoàn người dài vô tận. Các chiến sĩ súng ống, gạo đạn đầy áp trên người, đi hàng mệt, bước gấp. Nhìn dáng đi mạnh mẽ của bộ đội, có thể thấy chiến sĩ năm nay sung sức, và tổ chức hành quân của các đơn vị làm khá tốt. Phong phú là màu sắc của những đoàn dân công. Những đoàn xe thồ như những đàn voi con. Người miền xuôi, không ít đồng bào từ hậu địch ra, kêu kịt trên vai đôi quang gánh. Tiếng hò Bắc véo von. Giọng hò Khu Tư đậm ấm. Đồng bào dân tộc vùng cao, với những bộ quần áo đẹp nhiều màu sắc, người gùi gạo, người dắt ngựa... Có anh chiến sĩ hậu cần dẫn theo cả một đàn lợn... Tất cả đều đi về một hướng”<sup>1</sup>.

---

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*, Sđd, tr.80.

Ngắn ấy lời, ngắn ấy dòng đú thẩy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Một chiến dịch có tới 26 vạn dân công, với cả đội quân xe đạp thồ và cả đội thợ đóng cối xay... đội quân hùng hậu như thế tượng đài nào tạc hết. Hình ảnh họ mãi tạc vào lịch sử với những trận đánh, chiến công hào hùng, bi tráng trong cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam.

Trở lại thành phố, anh Nguyễn Văn Bốn, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án di tích Điện Biên Phủ đưa chúng tôi thăm khu tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ trên đồi D1 đang gấp rút hoàn tất khâu xây dựng, tu bổ giai đoạn II phục vụ lễ kỷ niệm 55 năm chiến thắng. Anh nói: - Đây là công trình quan trọng, quy mô lớn, diện tích xây dựng tới 2.300m<sup>2</sup>, gồm quảng trường, trực hành lê lên tượng đài dài tới 167m, rộng 12,6m, lên cao 48m với 318 bậc. Trên đường tới tượng đài chiến thắng đặt 56 cột mốc thời gian, biểu hiện cho “56 ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, con vắt” của các chiến sĩ Điện Biên Phủ. Các cột mốc bằng đá đều có hình chim hạc, ghi sự kiện từng ngày của chiến dịch. Sân hành lê được lát đá. Bên thành sân là bức phù điêu đại cảnh bằng đá xanh Thanh Hóa, dài tới 58m, cao 7,5m, dày 30cm, tái hiện toàn cảnh chiến dịch Điện Biên Phủ từ khi chuẩn bị đến khi phát lệnh tiến công và kết thúc chiến dịch. Tượng đài chiến thắng - pho tượng lâu nay từng gây “bức bối” cho nhiều người, giờ đây đã có “chủ nhân” đứng ra tu bổ, sửa chữa - người đó chính là kỹ sư đúc luyện kim vật liệu kim loại học, Trần Văn Hiếu - Giám đốc Công ty thương mại dịch vụ xuất, nhập khẩu Điện Biên. Việc tu bổ hôm nay không chỉ lưu giữ chiến tích xưa bằng: Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ với gần 4.000 hiện vật giúp du khách hình dung toàn cục chiến sự chiến trường giai đoạn 1953 - 1954; cũng không chỉ có khu căn cứ tiền phương - Tổng hành dinh Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ở Mường Phăng được tu bổ tôn tạo;

cũng không chỉ để dấu ấn với du khách bằng thực địa trận quyết chiến của bộ đội ta trên đồi A1; hay nơi mà ngày 07/5/1954, lá cờ quyết chiến quyết thắng của bộ đội tung bay trên nóc hầm của tướng Đờ Caxtori, hon một vạn quân địch ở Mường Thanh kéo cờ trắng ra hàng... Kết thúc chiến dịch, ta đã tiêu diệt và bắt sống 16.200 binh lính, trong đó có một thiếu tướng, 16 đại tá và trung tá, 353 sĩ quan..., bắn rơi và phá hủy 62 máy bay, cùng toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch. Hơn thế, giờ đây nhiều mốc son lịch sử như trận địa pháo, trung tâm đề kháng Him Lam; tượng đài Công viên Chiến thắng Mường Phăng; tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ, cùng các dự án khôi phục bản Thái cổ, khoanh vùng cấm mốc bảo vệ các điểm di tích; xây dựng trận địa bao vây tấn công của bộ đội ta trong chiến dịch; xây dựng Bảo tàng Chiến thắng giai đoạn II; phục hồi, tôn tạo di tích trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ (giai đoạn II), v.v. tạo thành một quần thể di tích liên hoàn theo hướng bền vững, trường tồn. Bởi Điện Biên mãi mãi là tâm điểm thắp sáng niềm tin yêu cho các thế hệ về tài nghệ quân sự và sức mạnh vĩ đại của đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Tình người Điện Biên*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010.

## THÁNG TƯ - VỀ ĐIỀM MẶC

**L**ần này, chúng tôi lên Điểm Mặc trước kỷ niệm Ngày thành lập Hội Nhà báo Việt Nam khá sớm, với mong muốn hiểu thêm cẩn cốt sự đổi thay của vùng đất ATK (an toàn khu) mấy chục năm qua, để tri ân, để nuôi thêm chí bền. Bởi, ATK là chứng tích sáng đẹp nhất về ý chí, về tài nghệ chiến tranh nhân dân tinh lọc của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Bác kính yêu, không gì đo đếm nổi, cho dù sự kiện đã lùi xa. Khá xa. 74 năm có lẻ!...

Đứng trên bờ đập hồ Đồng Lá, noi đón nguồn nước từ vòng cung Ngân Sơn bên sườn Tam Đảo đổ về, anh Ma Duy Vụ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc xã nói với chúng tôi: “Kinh phí tạo nên hồ tới 41 tỷ đồng; dân góp một, Nhà nước “góp” trăm”. Hồ không rộng nhưng sâu tới vài chục mét nên dung lượng cũng tới mấy chục ngàn khối nước, đủ tưới một năm 2 vụ cho 70ha ruộng gieo cấy mỗi năm. Hồ là “thần lực” giúp cho nhân dân các dân tộc toàn xã tăng thêm sản lượng lương thực, voi đi cái nghèo dai dẳng! Đưa mắt về xuôi, đồng ruộng đang mùa gieo cấy, đa sắc đa màu, đẹp hơn tranh vẽ. Bất giác tôi nhớ đến những con số ghi dấu ấn về bước phát triển ngoạn mục của Điểm Mặc do lãnh đạo xã cung cấp: Nào là diện tích lúa nước tăng, năng suất cao lên, sản lượng thóc, ngô vượt trội từng năm, từng năm; nào là giống mới từ cây trồng đến vật nuôi được du nhập, phương thức canh tác khoa học tân tiến được vận dụng nên cuộc sống thay da đổi thịt. Nhà mới, cột, kèo bê tông giả gỗ, sàn rải tấm đan đua nhau xây cất. Rừng, đồi đâu đâu

cũng ngần ngại màu xanh! Buột miệng, tôi reo lên: - Còn thần lực nữa, đó là tâm điểm cội nguồn di tích ATK!...

Đôi mắt Ma Duy Vụ bừng sáng, thần thái roi rói, giọng trầm vang:

- Đúng như vậy. Đó là lịch sử cách mạng ban phát, là lợi thế lớn nhất của chúng tôi! Vừa nói Vụ vừa khoát vòng tay hướng xuôi xa bao quát cả một vùng rộng lớn như ôm lấy ruộng đồng, đồi núi, xóm thôn, bản làng nhấp nhô quây tụ. Xã Diêm Mặc của chúng tôi thuộc phía nam huyện Định Hóa. Diện tích tự nhiên tới gần 1.700ha, nhưng ruộng lúa nước chỉ hơn 400ha; với gần 1.350 hộ, hơn 4.900 nhân khẩu thuộc 10 dân tộc, trong đó dân tộc Tày gốc gác bản địa chiếm hơn 70%!...

Miệng nói, tay chỉ, Ma Duy Vụ nhu muối để chúng tôi phải tặc vào tâm khảm, phải nhớ chính xác, rằng: Xa xa là đồi Khau Tý, noi có lán di tích Bác Hồ ở; phía xuôi cách đường chim bay non cây số là xóm Roòng Khoa, noi thành lập Hội Nhà báo Việt Nam và Ủy ban Hòa bình Việt Nam; mạn trên là nơi làm việc của Tổng Bí thư Trường Chinh và Văn phòng Trung ương Đảng. Gần với di tích Hội Nhà báo là đồi Pụ Miếu, noi thành lập Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng... Tất cả đều là di tích quốc gia. Nhờ vậy, nhân dân được hưởng lợi từ đường đi lối lại ngày một nối dài, mở mang, kiên cố. Được Đảng và Nhà nước đầu tư, các tổ chức đoàn thể, xã hội hỗ trợ, giúp đỡ mở mang kinh tế, xây dựng nếp sống văn hóa mới. Được hun đúc, truyền lửa trực tiếp về tư tưởng, đạo đức, tác phong và ý chí cách mạng của các bậc tiền bối ngay trên đất quê nhà, nên mỗi người dân biết vượt lên, đổi mới mình!... Tự dung tôi nôn nao nhớ tới lần gặp cụ Lường Văn Lược, người dân tộc Tày, thâm niên ở thôn Phụng Hiển, cách nay tới hơn mươi năm, khi cụ ở tuổi 90. Ngồi trước cửa sổ tầng sàn, cụ hướng tôi nhìn lên đồi Pụ Miếu, giọng hồ hởi: "Nhà bia - kỷ niệm nơi thành lập Ban Kiểm tra Trung ương đầu tiên của Đảng ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp,

vừa xây xong đấy. Ngày cách mạng lập căn cứ, chúng tôi hăng hái góp gỗ, ván, lá, tre, nứa dựng lán, trại cho cán bộ. Kháng chiến thành công mới vỡ ra là Bác Hồ, Bác Tôn và các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp từng ở và làm việc tại đây. Ngày ấy đâu hay đồi Pụ Miếu, phía sau có cây gội già, 4 nhánh vươn tận trời xanh kia lại là nơi ở và làm việc của ông Trần Đăng Ninh. Ngày ấy, rùng núi thăm u, cán bộ kháng chiến về được gọi là an toàn khu (ATK), mọi sự đều bí mật. Bây giờ quê tôi được gọi bằng cái tên đến là hay: "Thủ đô gió ngàn"! Dấu tích lịch sử thiêng liêng này muôn đời còn mãi. Vui lắm. Tự hào lắm!".

Dẫn chúng tôi lên thăm di tích lán ở của Bác Hồ trên đồi Khau Tý sớm nay là Chủ tịch xã Phùng Văn Đăng. Tiện đường, Đăng đưa chúng tôi ghé thăm cụ Ma Đình Bài, 86 tuổi, ở xóm Bắc Doọc, từng là lính Cụ Hồ miên man trận mạc đánh đuổi thực dân Pháp rồi chống đế quốc Mỹ từ Bắc chí Nam. Gốc gác dân Tày bản địa, bản lĩnh Đảng thấm đắm vào máu thịt. Hỏi chuyện dân với cách mạng, cụ vanh vách đủ chuyện từ xa xưa làm nền tảng truyền thống đẹp của làng, xã. Cụ bảo, căn cốt có được là nhờ Chi bộ Đảng sớm được thành lập (ngày 25/12/1946) lãnh đạo... Cụ thao thao tên tuổi các vị tiền bối của Tổ Việt Minh xã từ những năm 1943, như: Ma Khắc Lượng, Ma Khắc Lưu, Hạc Thông Nam... Bỗng dung giọng cụ vang ngân, say đắm lạ thường: Trung tuần tháng 4/1947, dân bản được lệnh bí mật làm các công việc chuẩn bị đón cơ quan Trung ương và lãnh đạo cao cấp về đây. Đồng chí Trần Văn Cảnh, Thủ ký Ủy ban hành chính kháng chiến xã phụ trách 7 đảng viên, quần chúng trung kiên năng nổ vận động nhân dân góp tranh, tre, ván, vách làm lán để đón thượng cấp... Ngày 20/5/1947, các cán bộ bảo vệ đưa Bác lên lán ở tại đồi Khau Tý, nay di tích vẫn còn nguyên đó. Nơi này khuất néo, trên có núi, dưới có khe suối; gần dân nhưng không gần đường. Tám cán bộ xã làm lán, được giao bảo vệ vòng

ngoài. Bác đặt cho mỗi người một tên mới để tiện liên lạc, đó là: “Bảo - Vệ - Tề - Túc - Hoàn - Toàn - Thành - Công”. Nhà bà Ma Thị Lương là địa điểm bí mật để liên lạc giữa cơ quan Trung ương với Bác! Khép chuyện, lời chắc định: - Niềm tự hào muôn năm của Điem Mặc đó! Cụ Bài cười âm oang như pháo nổ...

Theo bậc đá, lối mòn (nay được rải bê tông), đi dưới những vòm cọ xanh, nắng xuân vàng loang lổ, tôi cùng nhà báo Nguyễn Bảo Lâm, Chủ tịch Hội Nhà báo Thái Nguyên nhẩn nha bước, nhẩn nha ngâm ngợi những câu thơ trong trèo trong bài “Cảnh rừng Việt Bắc” Bác viết khi ở đây: “*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay/ Chim kêu vượn hót suốt cả ngày/... Kháng chiến thành công ta trở lại/ Trăng xưa, hạc cũ với xuân này*”. Cháu Nguyễn Ngọc Đức, quản lý viên khu di tích chỉ tay xuống chân đồi, nơi có con suối róc rách, giọng nhỏ nhẹ: Bài thơ “Cảnh khuya” Bác viết có lẽ bắt nguồn từ đây! Không ai bảo ai, tất cả chúng tôi đều rõ lên: “*Tiếng suối trong như tiếng hát xa/Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa/Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ/Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*”. Lán Bác Hồ ở, hiện lên trước mắt chúng tôi. Thoảng nhìn hao hao như nhà Bác ở quê ngoại Kim Liên, Nam Đàm; lại hệt dáng dấp lán Nà Lùa (Nà Nưa) ở Tuyên Quang. Mái lá, vách nan; ngăn nắp, gọn gàng, phóng khoáng; cửa sổ vẫn nồng lên cứ như Bác đang ở trong lán, vẫn cầm cui lo việc nước. Nơi đây, núi rừng và lòng dân nhất mực che chở, bảo vệ Bác. Bởi thế, Điem Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên khi ấy thực sự là trung tâm chỉ đạo, điều hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng và Bác kính yêu. Nhiều quyết định quan trọng liên quan đến vận mệnh đất nước được ban ra từ đây. Tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” bút danh X.Y.Z của Bác, mãi là cảm nang để cán bộ, đảng viên học tập, tu dưỡng tư tưởng, đạo đức, tác phong làm việc, cũng được hoàn thành cũng tại đây. Thời gian Bác lưu tại Điem Mặc chỉ non nửa năm trời, nhưng những việc Bác

làm, tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác sẽ luôn được nhân dân nhớ đến và lịch sử mãi mãi khắc ghi!...

Ghi hình lưu niệm bên lán Bác Hồ, tôi thầm ơn Bác với báo giới Việt Nam. Nhờ Bác mới có *Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam* 21/6 - (ngày Bác ra số báo Thanh niên ở Quảng Châu). Nhờ Bác mới có *Hội Nhà báo Việt Nam* - điểm tựa tin yêu của những người làm báo được Đảng tin, dân mến, bạn bè thế giới nể trọng suốt 70 năm nay (kể từ ngày thành lập, ngày 21/4/1950) tại xóm Roòng Khoa, xã Điem Mặc. Bác khẳng định vai trò, trách nhiệm của tổ chức Hội: “Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của Hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ”<sup>1</sup> (Đại hội lần thứ II - Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 17/4/1959). Bác chỉ rõ bốn phận của nhà báo: “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”<sup>2</sup>! (Đại hội lần thứ III Hội Nhà báo Việt Nam, tháng 9/1962). Thực hiện những điều huấn thị của Bác; học tập và noi theo tư tưởng, đạo đức, tác phong của Bác, lớp lớp các nhà báo Việt Nam nhất mực đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc.

Ngày 21/4/2020 đã đến. Những nhà báo chiến sĩ cách mạng lại nao nao nhớ về cội nguồn, lại tìm về di tích lịch sử, lại về với nhà lưu niệm bình dị nhưng thanh cao, thoáng đãng ở Điem Mặc để tri ân Bác, Đảng kính yêu, để xốc lại hành trang nghề nghiệp, để đồng hành cùng sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo!

Tạp chí *Người làm báo*, tháng 4/2020.

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.166; t.13, tr.466.

## VỀ BÊN TÂY TRƯỜNG SƠN

**N**oi đầu tiên các anh Khăm Không Kôngvôngsả, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội Nhà báo Lào và anh Bun Chom Vôngphết, Phó Giám đốc Đài Truyền hình quốc gia Lào đưa chúng tôi về, đó là khách sạn Mai tee chit (Tình thân) kè bên dòng Mê Kông mênh mông, thơ mộng...

Đến thăm bạn mà gọi là về, nghe cũng ngộ. Nhưng tất cả chúng tôi (từ anh Hồng Vinh - Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam đến các anh giữ trọng trách đứng đầu của Hội Nhà báo và báo đảng các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và tôi) ai cũng chung một cảm giác như được trở về - về với bạn đồng nghiệp bên Tây Trường Sơn!



Các nhà báo Lào vui cùng tác giả

Ảnh: Bun Chom

Cảm giác như thế, bởi vì, trong các phòng nghỉ, khi nhấn nút tivi vẫn xem đủ các kênh VTV1 - VTV2 - VTV3 và lại thêm cả VTV4... Vẫn gặp những khuôn mặt khả ái thân thương của các phát thanh viên như Vân Anh, Xuân Sơn, Quang Minh và Minh Khuê. Tổ quốc vẫn đầm đạm trước mắt chúng tôi... Vẫn sôi nổi, hồi hộp, đợi mong trong vòng quay của "Chiếc nón kỳ diệu"... Vẫn "Gặp nhau cuối tuần" cười như nắc nẻ... Vẫn mặn mà, tinh tế, hóm hỉnh trong vai người dẫn chương trình của Diễm Quỳnh, Long Vũ... Nhưng hon thê, từ cô gái ở phòng lễ tân đến bác phục vụ ăn uống ở khách sạn Maiteechít này dường như ai cũng biết tiếng Việt. Chúng tôi, không ai biết tiếng Lào nhưng nói với bạn thì cứ tiếng Việt mà nói - nói vô tư - tựa như quên mất rằng mình đang ở đất bạn.

Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thân thương, tình nghĩa. Thật không sòng phẳng đến ân hận, ấy là việc chúng ta không biết tiếng, không nói được tiếng của bạn mình. Ngược lại, anh Bua Ban Vôrakhun, Chủ tịch Hội, một lão làng của giới báo chí Lào, tay bắt mặt mừng, (bằng tiếng Việt) hỏi thăm sức khỏe cựu Chủ tịch Hội Nhà báo Hoàng Tùng, Phan Quang... rồi ôn lại kỷ niệm về những chuyến thăm Việt Nam... Không ai khác, chính vị Chủ tịch ở tuổi cao niên ấy, đã tinh tế nhận ra tình cảm thân thương của chúng tôi với Chansoda Phone Thíp, Phó Tổng biên tập Báo Phụ nữ Lào. Trong bữa cơm buổi gặp đầu tiên ấy giữa Đoàn đại biểu hai Hội nhà báo, chúng tôi quên cả ăn, say sưa dạy nhau câu hỏi, câu chào, dạy nhau nói lời đầm thắm... Để rồi, rất nhanh, Chansoda biết nhấn từ oi nhỏ nhẹ ngọt ngào trong tiếng gọi: Anh o... oi... oi....! Và, chúng tôi, ai cũng nói lời bày tỏ rất thật về em: Nọng Chansoda khắc lải (Em Chansoda tuyệt vời)! Ventiane khắc lải. Vientiane ốpunmuphươn (Viêng Chăn tuyệt vời. Viêng Chăn ấm áp tình bè bạn)!

Qua đêm, sáng gặp nhau, chị Khăm Bang, Phó Giám đốc Đài phát thanh - truyền hình quốc gia Lào, người nói tiếng Việt hay như phát thanh viên Việt Nam, nước mắt lưng tròng báo tin: Vụ hỏa hoạn, xảy ra lúc 13 giờ 30 phút ngày 29/10/2002 tại Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), Thành phố Hồ Chí Minh làm hơn 60 người chết. Nỗi đau về thảm họa kinh hoàng ấy nghẹn tắc trong lòng hết thảy chúng tôi. Sau đây, các bạn đồng nghiệp ai nấy đều để tâm theo dõi, đưa tin trên các phương tiện truyền thông của mình về việc khắc phục thảm họa kể trên của Việt Nam.

Cũng bất ngờ, sau đó lại một tin buồn, rất buồn của bạn, ấy là tin đồng chí Ôxacăñ Thămmathêva, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Lào, người bạn thân thiết của các đồng chí lãnh đạo khởi tư tưởng - văn hóa Việt Nam qua đời, khiến cả đoàn chúng tôi phải thu lại chương trình, cùng lo việc hiếu với bạn, tiễn đưa đồng chí về cõi vĩnh hằng...

Đến với bạn, ăn ở cùng bạn mới hiểu đất nước Triệu voi, đất nước của hoa champa ngọt ngào hương sắc, bạt ngàn rừng đại thụ, đan chen những cánh đồng, khoảnh ruộng, ấp ôm dồn tụ, ấp đầy kỳ tích của những chiến công chống giặc ngoại xâm suốt bao thế hệ nối tiếp. Hòa bình lâu rồi, nhưng bạn vẫn còn muôn vàn gian khổ, muôn vàn khó khăn. Tuy nhịp độ phát triển kinh tế những năm gần đây vẫn giữ ở mức 5 - 6%/năm, nhưng đó mới chỉ là nền kinh tế tự cung, tự cấp. Nguồn nhân lực và trí lực còn rất hạn hẹp. Đất nước có trên dưới 5 triệu dân nhưng lại sống rải rác trên núi rừng là chính. Mức sống của cán bộ, công nhân viên còn quá hạn hẹp. Nhà nước vẫn còn phải bao cấp nhiều thứ. Điều mừng hơn cả là an ninh - quốc phòng của đất nước được giữ vững; sức chiến đấu thường trực luôn ở mức cao. Cùng đó, công tác xây dựng Đảng được bạn đặt lên hàng đầu. Bạn cho hay: Điều cốt yếu của chi bộ đảng là phải mạnh toàn diện, phải biết vận động quần

chúng làm kinh tế. Trong thực tiễn và trong ý tưởng của bạn, chúng tôi hiểu: Bạn cũng đang rất quan tâm xây dựng đội ngũ cốt cán, trong đó có đội ngũ kế thừa. Một đội ngũ thực sự hiểu biết Việt Nam, biết tiếng Việt Nam, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê nin. Có lẽ vì thế mà hôm Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ủy nhiệm cho đồng chí Hồng Vinh trao tặng Đảng Nhân dân Cách mạng Lào 30 tấn sách, trong đó có nhiều bộ sách lớn như: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập* (55 tập); V.I. Lê nin: *Toàn tập* (54 tập), Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (12 tập); Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam. v.v. với sự chứng kiến của ông Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và ông Buaxòn Búpphávăn, Ủy viên Thường trực Bộ Chính trị Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và đồng đảo các quan chức của Đảng và Nhà nước Lào tại Cung Văn hóa hữu nghị Việt - Lào ở Viêng Chăn, thì khó ai có thể quên được lời phát biểu thăm đỗi sự khát khao trí tuệ từ sách kinh điển, lý luận chính trị của ông Bun Kẹo Olabun, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên huấn Đảng Nhân dân Cách mạng Lào rằng: "Chúng tôi coi những cuốn sách kinh điển mà các đồng chí tặng chúng tôi hôm nay là kho báu và di sản quý giá về kiến thức; là nguồn viện trợ vô cùng trong sáng, thủy chung của Đảng Cộng sản Việt Nam dành cho Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Chúng tôi hứa sẽ tận dụng kho báu lý luận này vào việc nghiên cứu, học tập, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân các bộ tộc Lào thật sâu rộng, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng, đáp ứng lòng thủy chung, tận tình, trong sáng mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã dành cho...".

Khao khát học tập, khao khát vươn lên, quyết tâm xây dựng tình hữu nghị đặc biệt Việt - Lào, Lào - Việt, xây dựng đất nước

vững mạnh, bứt khói đói khổ đã trở thành tiềm thức của những người làm báo nơi đây. Đến với Báo Paxaxôn, cơ quan tuyên truyền của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, đến với báo đối ngoại (báo tiếng nước ngoài), với Đài Phát thanh quốc gia, Đài Truyền hình Lào; báo chí phát thanh tỉnh Bôly Khămxây; Khăm Muộn, tỉnh Xavănnakhêt ở Trung Nam Lào; hay đến với các tỉnh phía Bắc như Aodămxay, Luông Nậm Thà, thì hết thảy báo chí, phát thanh, truyền hình của 18 tỉnh của đất nước này đâu cũng một tiếng nói nhất quán: Vì một nước Lào vững mạnh, bình yên, đổi mới; Vì một nước Lào đoàn kết hữu nghị đặc biệt với Việt Nam. Anh Huỳnh Anh Dũng, Đại sứ Việt Nam tại Lào xúc động kể với chúng tôi: "Kỷ niệm 40 năm ngày ký Hiệp ước quan hệ Việt - Lào và 25 năm quan hệ hợp tác kinh tế, bạn đã đưa một lượng thông tin khổng lồ trên các phương tiện thông tin đại chúng hết sức sinh động, sâu rộng bằng nhiều hình ảnh, nhiều tư liệu giàu sức thuyết phục về tình hữu nghị mật thiết trong quá khứ, trong hiện tại của hai quốc gia. Hướng đến tương lai, bạn nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay và ngày mai cần phải hiểu quá khứ - một quá khứ oanh liệt và kiên cường chống kẻ thù chung của hai đất nước Việt - Lào "núi liền núi, sông liền sông" - có tới 10 tỉnh chung đường biên giới với Việt Nam, trên chiều dài 2.130km. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, bạn nói về tình hữu nghị Việt - Lào đặc biệt hiếm có. Các bạn thường bảo: Việt Nam với Lào là mối quan hệ không có ở trên trái đất này! Anh Trương Công Hải, phóng viên Thông tấn xã Việt Nam tại Lào nói như minh họa cho điều nhận định của Đại sứ Việt Nam: - Tôi là người rất hiếm nước mắt, ấy vậy mà không thể cầm lòng trong những lần đi công tác ở Khăm Muộn, ở Xiêng Khoảng, mỗi khi bắt gặp đoàn xe của ta đưa hài cốt những chiến sĩ Việt Nam về nước thì, không ai bảo ai, từ cụ già 70, 80 tuổi đến các cháu vừa đến tuổi cắp sách tới trường đều quỳ xuống bên vệ

đường, đôi bàn tay chắp chặt khẩn lạy, tiễn đưa!... Những câu chuyện về tình hữu nghị như thế không sao kể hết được trong chuyến đi dặm dài hơn ngàn kilômét giữa chúng tôi với anh Khăm Không và anh Bun Chom - các nhà báo của Lào. Những câu chuyện gợi nhớ trong tôi những lời chí tình, gan ruột của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn nói tại Viêng Chăn ngày 15/7/1977: "... Có ai đếm được bao nhiêu ngọn núi, khúc sông, bao nhiêu đỉnh đèo, con suối mà các chiến sĩ anh hùng của chúng ta đã vượt qua? Và làm sao đó được chiều sâu của nghĩa tình giữa hai dân tộc chúng ta trong cuộc trường chinh hon ba mươi năm đằng đẵng? Lớp cha trước, lớp con sau, mấy thế hệ Việt Nam đã nối tiếp nhau cầm súng chiến đấu chống kẻ thù chung để giành tự do độc lập...". Theo đó, gợi chúng tôi nhớ đến lời nói nghĩa tình, xa sâu của cố Tổng Bí thư Cayxòn Phômvihản, ngày 15/12/1976 tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội: "... Chúng tôi nguyện vun đắp tình hữu nghị đặc biệt vĩ đại giữa Lào và Việt Nam ngày càng xanh tươi và bền vững, giáo dục cho con cháu mai sau kính trọng, bảo vệ những tình cảm hữu nghị cao đẹp của hai dân tộc Lào và Việt Nam đời đời trong sáng, thủy chung trước sau như một"... Phải vì thế mà, khi các anh Thômxạ, Khăm Băng, Ban Cong, Lâm Ngân; các chị Khăm Kẹo, Chanmi, Phaymạni, Kotsi, Manivă... cùng mấy chục anh chị nhà báo thuộc cơ quan báo chí Trung ương Lào tới Hà Nội, nghe chúng tôi nói về tấm gương vượt lên tật nguyền của cháu Nguyễn Sơn Lâm, ở Quảng Ninh, hiện đang học hai trường đại học; về cháu Nguyễn Minh Phú, học sinh lớp 3B, Trường Tiểu học Thọ Thành, Yên Thành, Nghệ An, cụt bẩm sinh cả hai tay, phải viết bằng chân nhưng vẫn là học sinh giỏi của huyện, các em đã phải gánh chịu hậu quả chất độc da cam của người bố đã lăn lộn chiến đấu ở khắp các vùng đất bên Đông và bên Tây Trường Sơn, thì các anh, các chị nhà báo đều lặng đi, nước mắt giàn giụa...

Phải thế chăng mà khi trao đổi nghề nghiệp tại trụ sở Đài Truyền hình Lào, các bạn và chúng tôi đều một ý: Truyền hình là sóng chủ, định hướng của Đảng và Nhà nước, là nhịp cầu quan trọng gắn dân với Đảng, gắn Đảng với dân. Là phương tiện hữu hiệu gắn bó báo chí hai nước với nhau để thế giới và khu vực cùng biết, cùng hiểu hơn hai nước chúng ta... Vì thế mà, anh Bua Ban Vôlakhun, Chủ tịch Hội, một lòng mong muốn: Hội Nhà báo hai nước nên mở rộng hơn nữa mối quan hệ đồng nghiệp, để các hội nhà báo địa phương kết nghĩa với nhau, giúp nhau về nghiệp vụ. Các báo Trung ương ở Thủ đô kết nghĩa với nhau. Các báo ở địa phương, ở các tỉnh, thành phố có chung biên giới kết nghĩa với nhau.

Đem ý nguyện và những điều đã bàn bạc tại cuộc hội đàm giữa đại diện hai Hội Nhà báo, anh Hồng Vinh cùng đoàn nhà báo chúng tôi đã báo cáo với đồng chí Buaxòn Búpphavăن, Ủy viên Thường trực Bộ Chính trị, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về một phương thức hợp tác mới giữa Hội Nhà báo Lào với hội nhà báo các tỉnh, thành phố ở Việt Nam, các cơ quan báo chí ở Trung ương với nhau, nhất là báo chí các tỉnh, thành phố của Việt Nam kết nghĩa với cơ quan báo chí ở các tỉnh, thành phố của Lào... nhằm thiết lập và làm sâu sắc thêm mối quan hệ hợp tác hữu nghị lên tầm vóc mới. Trước mắt, hai Hội Nhà báo sẽ có cuộc hội thảo về trách nhiệm của báo chí và nhà báo tại thành phố Vinh (Nghệ An), mở đầu cho các cuộc hội thảo luân chuyển hằng năm!... Rất bất ngờ, đồng chí Buaxòn Búpphavăn vui hẳn lên, nở nụ cười rất tươi (bất ngờ vì các bạn mách rằng đồng chí rất kiệm nụ cười), đôi mắt thân thiện nhìn anh Hồng Vinh và chúng tôi. Đồng chí nói, giọng chắc đanh: “Đoàn đại biểu Hội Nhà báo Việt Nam sang thăm là góp thêm sức sống cho mối quan hệ hợp tác báo chí của hai nhà nước. Hon lúc nào hết, lúc này chúng ta phải cùng

nhau sắc sảo hơn trong việc chống lại mọi âm mưu cản phá, chống đồi của kẻ thù, của các thế lực phản động; tuyên truyền, giáo dục nhận thức mới cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ mối quan hệ đặc biệt của hai Đảng, hai Nhà nước chúng ta!" ...

Trước ngày tạm biệt - đêm Lămvông tại nhà hàng Mê Kong do anh Phăn Đuông Chívôngsa, Bộ trưởng Bộ Thông tin - Văn hóa Lào thết đãi, được anh gọi vui là "Đêm giã bạn"! Đêm ấy các bạn xúng xính áo quần sắc màu dân tộc; nhịp trống phách rung lên, bạn và chúng tôi từng đôi từng đôi, ánh mắt trao nhau, đôi chân khoan nhặt tiến lui... Rồi tất cả cùng hòa trong nhau lời giã bạn ân tình, thiết tha: "Người oi, người ở đừng về... Người về tôi vẫn khóc thầm... ". Nỗi nhớ trào lên. Ấy là lúc chúng tôi phải chia tay anh Bua Ban, anh Khăm Không, Bun Chom, chị Khăm Bang và Chansođa Phone Thíp thân thương khi máy bay sắp đến giờ cất cánh. Các bạn cùng nói lời chia tay bằng tiếng Việt Nam:

- Tạm biệt. Hẹn ngày gặp lại ở Viêng Chăn!

Chúng tôi, nói lời chia tay bằng tiếng Lào, đầm ấm thiết tha:

- La Kon. Phốc Kon may du Hà Nội (Tạm biệt. Hẹn gặp nhau ở Hà Nội)!

Cứ thế, cứ thế, chúng tôi lại ước ao có một ngày các bạn về bên đây: Đông Trường Sơn. Và, chúng tôi lại về bên ấy: Tây Trường Sơn.

Viêng Chăn - Hà Nội, tháng 11/2005  
Báo Nhà báo & Công luận, tháng 12/2005.

## SÁNG NGỜI TRỜI NAM

Tình cờ gặp cụ Huỳnh Bá Ánh, cựu tù tù, ở quán cà phê của cụ Phan Hoàng Oanh trong khuôn viên Ban Quản lý di tích Côn Đảo. Bảy Oanh là tên mà người dân Côn Đảo quen gọi cựu tù Phan Hoàng Oanh, quê gốc xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Cụ là chiến sĩ trong lực lượng vũ trang tinh, bị địch bắt đày ra Côn Đảo, giam ở khu Chuồng Cọp của Mỹ từ năm 1970. Còn, Huỳnh Bá Ánh, quê gốc ở thị xã Sóc Trăng, là Đại đội trưởng Biệt động thị xã, bị địch bắt trong Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, bị kết án tử hình tại Cần Thơ rồi di tói Khám tử hình Côn Đảo...



Cầu cảng Côn Đảo

Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất (năm 1975), Bảy Oanh về quê xây dựng gia đình, rồi vợ chồng tình nguyện theo tiếng gọi của Nhà nước ra kiến thiết Côn Đảo. Tại đây, Bảy Oanh kinh qua nhiều vị trí công việc, lúc đâu phụ trách thanh niên, sau làm Giám đốc Nông - Lâm trường Côn Đảo; rồi đi học Trường Đảng nhiều năm, trở về làm Trưởng ban Văn hóa - Thông tin Côn Đảo, rồi Chánh Văn phòng Huyện ủy. Từ năm 1992 đến năm 2006, làm Trưởng ban Quản lý di tích Côn Đảo. Nghỉ hưu, Bảy Oanh được bầu làm Chủ tịch Hội Người tù kháng chiến Côn Đảo cho tới nay... Khi ấy, từ tù Huỳnh Bá Ánh trở về Sóc Trăng, xây dựng gia đình; thời gian dài đảm nhận chức vụ Phó phòng Công an thị xã. Những năm gần đây, cứ vào dịp 30/4, cụ Huỳnh Bá Ánh lại trở ra Côn Đảo thăm bạn tù xưa, thăm cụ Bảy Oanh...

Nhập cuộc, tôi hỏi: - Ảnh tượng của cụ với Hội Người tù kháng chiến? Bảy Oanh chậm rãi: - Mới giải phóng, Côn Đảo có 153 cựu tù kháng chiến tình nguyện ở lại Côn Đảo. Khi tôi làm Chủ tịch Hội Người tù kháng chiến thì chỉ còn 14; nay còn lại 5. Cụ Nguyễn Thị Ni lớn tuổi hơn cả. Các ông Nguyễn Xuân Viên, Nguyễn Văn Ước, Lê Văn Vành cũng tuổi 75 - 76. Đòn tù xưa ngấm sâu nên xương cốt nhức buốt thấy mồ mả khi dở trói. Tôi lấm! Các hội viên thường xuyên thăm hỏi, chia sẻ, giúp nhau khi khó khăn, đau yếu. Hon thế, Hội Người tù kháng chiến như “Bảo tàng sống” về truyền thống bất khuất của các chiến sĩ cách mạng. Chúng tôi thường xuyên nói chuyện với thanh niên, học sinh; tiếp các đoàn cựu binh trong và ngoài nước! Vốn tò mò, tôi dò hỏi: - Các cụ thường nói những gì với thanh niên, học sinh và những cựu binh thăm Côn Đảo? Bảy Oanh rành mạch: - Chỉ nói những gì chúng tôi biết, từng trải để họ hiểu về những năm tháng không thể quên ở nhà tù đế quốc - địa ngục trần gian này, để họ thấy Côn Đảo là “trường học” đấu tranh cách mạng của các chiến sĩ! Nuốt uất nghẹn vào trong, cụ Huỳnh Bá Ánh xen

lời như cốt xả bót căm giận: Di tích còn đó, mô hình, mô phỏng còn đó, dấu tích ghê rợn vẫn nguyên trạng đó, với Cầu tàu 914 (con số tù nhân thiệt mạng khi xây cầu), trại giam Banh I, Banh II, Banh III, Phú Phong, Phú Bình; dày ải chúng tôi băng biệt giam khu “Chuồng Bò”, “Chuồng Cọp”, xà lim, khám tử hình; gông chân khóa cẳng trong “lồng sắt” dày cộp với đủ cách tra tấn... nhưng đâu có nhụt được ý chí của hàng vạn chiến sĩ cách mạng. Trước lúc chết, chúng tôi vẫn kiên trung, bất khuất, vẫn xổ những lời khinh bỉ vào mặt kẻ thù. Cho nên, không chỉ truyền dạy mà phải lưu giữ, tôn tạo; phải khắc cốt, ghi xương tội ác của thực dân, đế quốc!...

Đến Côn Đảo. Đêm qua chúng tôi đã cùng dòng người tú phuong, nhón bước nhẹ nhàng, trầm lặng vào nghĩa trang Hàng Dương, nơi yên nghỉ của 1.923 phần mộ liệt sĩ (trong đó chỉ 700 mộ có tên tuổi). Các phần mộ đều xây lát bằng đá đen Côn Đảo, đều có đèn led đủ sáng để du khách hương khói, thăm khấn. Tâm điểm nghĩa trang là Tháp đài tưởng niệm liệt sĩ cao chọc trời bằng đá màu thạch, uy nghiêm. Chúng tôi, ai nấy đều cẩn trọng từ bước chân, từ âm điệu lời nói, thành kính, on nghĩa, nhớ thương, tri ân, khẩn cầu quốc thịnh, dân an... Kế đó là mộ nữ Anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu như điểm nhấn của nghĩa trang, hút khách thăm viếng, hương khói tri ân cả đêm lẫn ngày. Bởi lẽ, Võ Thị Sáu là nữ tử tù đầu tiên bị kẻ thù kết án và đưa ra hành quyết tại đây vào đúng tuổi trăng tròn. Chắp tay trước mộ chí, nhìn di ảnh chị trên nền đá trắng, ánh mắt ngời ngợi khí phách của người con gái miền Đất Đỏ, chúng tôi lại nắm lòng về cuộc chiến đấu kiên cường, gan góc, đanh thép, dũng mãnh trực diện với kẻ thù của chị mà cứ như huyền thoại. Suốt tuổi thơ tôi đã đọc, đã học, đã hát về chị - “Mùa hoa lê ki ma nở”. Nhớ về mùa xuân năm 1950 chỉ với trái lựu đạn, chị đã giết hai tên ác ôn Cả Suốt và Cả Đay trừ họa cho thôn xóm. Khi bị địch kết án tử hình, chị vẫn hiên ngang vạch tội quân thù cùng đám quan

tòa. Trước giàn súng, đạn đã lên nòng chi tiết tinh sẽ phải từ biệt cõi đời, vậy mà chỉ vẫn hiên ngang hô vang: “*Đả đảo thực dân Pháp! Việt Nam độc lập muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!*”.

Gìn giữ, tôn tạo, bảo tồn di tích lịch sử là trách nhiệm trực tiếp đặc biệt quan trọng của Ban Quản lý di tích Côn Đảo mà Giám đốc Phạm Thị Tám đã chia sẻ với chúng tôi. Bởi đây là khu di tích đặc biệt của quốc gia, theo bút phê của Thủ tướng Chính phủ; là nơi để giáo dục truyền thống cho các thế hệ người Việt; là điểm du lịch lịch sử và du lịch tâm linh. Là nơi mà tên tuổi các vị tiền bối “khai quốc công thần”, nơi các lảnh tụ anh minh ngời ngợi tên đất, tên đường, phố phường trên mọi miền Tổ quốc, từng bị đế quốc giam hãm, tù đày, hành hạ... Cho nên, phải chăm sóc, gìn giữ di tích, chống xuống cấp bằng việc thường ngày coi trọng kiểm tra, trực bảo vệ, hướng dẫn khách tuân theo quy định; bằng việc thuyết minh truyền cảm chân thực lịch sử; bằng việc tiếp nhận, phúc đáp thông tin của các gia đình liệt sĩ; lưu lại hình ảnh, di ảnh liệt sĩ, từ tù do gia đình họ cung cấp để lịch sử gốc ngày một hoàn thiện... Chan chứa niềm vui, Giám đốc Tám nói với chúng tôi: - Cho dù đường tới Côn Đảo còn khó khăn, mỗi ngày mới chỉ có 14 chuyến bay nội địa; đường thủy xa xôi, chỉ thuận trong mấy tháng trời êm, biển lặng, thế nhưng năm 2017, Khu di tích nhà tù đã đón tới 100.000 lượt khách, trong đó có 7% là khách quốc tế. Hòa niềm vui, tôi nói lại nhận xét của chàng trai Vedran Kajic, người Croatia (bạn của Ngô Thị Việt Anh, nhân viên du lịch Côn Đảo) bay nửa vòng trái đất tới đây thăm thú suốt 2 tuần, xít xoa rằng: Côn Đảo là mảnh đất lý tưởng du lịch lịch sử và sinh thái. Đảo xanh, trời xanh, nước biển xanh với những thảm cát vàng ươm, cùng nét cổ thụ rêu mốc trong những bức tường đá, những gốc cây bàng cốc để sần sùi, môi trường trong lành, người dân hòa thuận, yêu thương nhau như con em một nhà... hiếm đâu có được!..

Tiếp nối mạch chuyện, tôi lại hỏi cựu tù Huỳnh Bá Ánh: - Côn Đảo xưa và nay có gì khác? Cụ ngồi bật dậy, giọng âm oang: - Trời

đất oi. Một trời một vực. Xưa không dân. Chỉ có tù nhân và cai tù. Xưa là “địa ngục”, nay là “thiên đường”!... Tự dung những câu kết trường ca “*Sông Côn Đảo*” của Anh Ngọc viết sau ngày 30/4/1975, bừng nhớ trong tôi: “*Đã trở về giữa lòng mẹ Việt Nam/Những đứa con kiên cường hồn hậu/Nghìn gương mặt một nụ cười Võ Thị Sáu/Nghìn cuộc đời một dáng đứng Lê Hồng Phong/Điệp khúc này sóng hát với mènh mông/Pho tượng lớn thiên nhiên vừa phác thảo/Lấy đỉnh núi Côn Sơn làm chất liệu/Tự do bay trên đôi cánh tượng đài/Giữa muôn trùng tạc dáng tương lai*”. “Tạc dáng tương lai” - đó cũng là tất cả những gì Nguyễn Anh Nhựt, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo truyền cảm hứng cho chúng tôi ngay ngày đầu đặt chân tới đây. Côn Đảo có tới 16 hòn đảo lớn nhỏ. Nhưng chỉ riêng đảo Côn Son có dân sinh sống. Suốt 113 năm (1862 - 1975) là nơi Pháp và Mỹ giam cầm, đày đọa những người yêu nước và những chiến sĩ cộng sản. Từ ngày 01/5/1975 đến nay, 43 năm đã trôi qua, dân số Côn Đảo đã lên hơn 8.000 người, cộng với khách du lịch lưu trú mỗi ngày thì Côn Đảo thường có trên 10.000 người. Năng lực lưu trú, khách sạn, nhà hàng ăn, ở, phương tiện đi lại trên bờ, dưới biển tạm ổn. Hướng tới năm 2020 sẽ đón 180.000 lượt khách; nhưng năm 2018 đã có tới trên 120.000 lượt khách. Dân số cơ học tăng, áp lực trở thành cái giá của sự phát triển nên tất cả các tổ chức chính trị, xã hội và nhân dân đều phải vào cuộc mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực để Côn Đảo xứng danh là khu du lịch quốc gia, khu du lịch lịch sử, tâm linh và sinh thái. Cốt sao để quá khứ bi hùng không bao giờ bị khuất lấp. Cốt sao để khí phách cách mạng được nhân thành hành động mạnh mẽ trong cách nghĩ, cách làm, để Côn Đảo thực sự là xứ đảo an bình, văn hóa; là “Thiên đường” sáng ngời phía trời Nam của đất nước Việt Nam ta!

Trích trong tập *Lẽ sông II*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2019.

## ĐỈNH TRỜI KA LĂNG NÚI - CƯƠNG THỔ CỦA QUỐC GIA

**T**heo anh Luôn Ngọc Vượng, đội phó và Phạm Văn Thắng, chiến sĩ đội vận động quần chúng đồn Ka Lăng, chúng tôi về bản Mé Gióng của dân tộc Hà Nhì. Mế Pò Như Po, ngoại 90 tuổi, da dẻ xù xì hệt gốc sồi cổ thụ, ngồi dưới hiên nhà hong nắng. Đôi mắt mế bừng lên khi nhận ra Thắng và Vượng trong sắc phục chiến sĩ biên phòng. Chúng tôi hỏi:

- Mế có biết ai là người phụ trách Đồn biên phòng Ka Lăng không?

- Chúng nó là con của bản ta rồi mà. Trên là thằng Bốn, rồi thằng Chiến, thằng Long, thằng Vượng... Dưới thì nhiều lắm. Gặp nó là mế nhớ tên mà!...

Trở ra chúng tôi gặp Pò Gò Chiu. Phạm Văn Thắng đánh mắch bảo: - Hoa khôi của bản Mé Gióng đấy. Chiu vận y phục trang trí hoa văn sắc sỡ bằng vải thổ cẩm; chiếc nón lá rộng vành vát cong, chót nón nhọn hoắt chụp trên cái đầu vấn tóc dày cộm nom ngồ ngộ, nắng rọi vào khuôn mặt bầu bĩnh hồng hào, hàm răng ngọc ngà, ánh mắt long lanh, nụ cười tươi rói, giọng hồ hỏi:

- Cán bộ không ở với bản ta à?

- Nhưng ta nhớ nhà ta lắm! Chúng tôi đáp.

Pò Gò Chiu sững lại:

-Ồ thật thế ư, nhà báo hả? Chỉ bộ đội biên phòng là không biết nhớ, không biết khổ thôi à?...



*Cuộc trò chuyện với chỉ huy đồn Ka Lăng*

Vô tình, câu chuyện găm chung tôi vào với công việc của các chiến sĩ biên phòng đồn Ka Lăng - nơi họ có bốn phận giữ vững chủ quyền từng tấc đất, hành cây, cột mốc suốt dặm dài 64km đường biên...

Trở lại, gặp Thiếu tá Vũ Tiến Chiến - người quê ở xã Vân Hà, Phúc Thọ, Hà Tây; vợ con ở thành phố Điện Biên; về Ka Lăng từ ngày tách tỉnh (năm 2003). Tướng phú quý và vẻ trang nghiêm ở anh hiển hiện từ hình thể đến thần thái: đầy dặn, yên ổn, trầm lặng, chắc chắn, cương nghị.

Đứng ở mỏm núi trung tâm đỉnh điểm Tây Bắc, thuộc xã Ka Lăng có độ cao trung bình 2.300m so với mặt nước biển, Thiếu tá Vũ Tiến Chiến khoát tay, chụm chân xoay trọn một vòng, giọng chắc định:

- Các anh thấy đấy, cả vùng núi non mênh mông hiểm trở này là lãnh phận Tổ quốc giao cho đồn biên phòng chúng tôi có bốn phận quản lý, bảo vệ, gìn giữ an ninh, chủ quyền. Mênh mông

như thế, nhưng thực ra lại chỉ là lãnh địa của hai xã Ka Lăng và Thu Lũng. Hai xã này gộp lại có diện tích rộng tương tự một tỉnh vùng lúa của đồng bằng Bắc Bộ cơ đấy! Rộng là vậy, nhưng dân số cũng chẳng hơn gì một làng lúa, làng hoa ở dưới xuôi; vỏn vẹn chưa đầy 7.000 người với 1.000 hộ, gồm hai dân tộc chính là Hà Nhì, La Hủ và một bản của người Dao. Hai xã này có đường biên giới giáp ranh với ba xã Chè Tống, Tống Xá, Ú Phu, huyện Lục Xuân, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc...

Theo tay anh Chiến chúng tôi xoay sang phía đông - núi lô xô với tên gọi trúc trắc: A Mố Cò. Quay phía tây - núi như tấm phản lim khổng lồ thả đứng mang cái tên rất riêng của ven trời Tây Bắc: A Hu Lo Mé. Nhìn phương nam - núi giăng như rồng lượn ống ượt kéo theo cái tên dài ngoẵng: Mì Ba Ló Khà. Ngược lên phía bắc - lùng lũng, ngắt ngưởng dãy núi Tè Xứ. Đỉnh Tè Xứ đổ về là của ta. Mạn bên là đất bạn (Trung Hoa). Tè Xứ là ngọn nguồn khởi phát của Đà Giang (sông Đà), bên kia là khúc quanh của dòng Hắc Long Giang đậm đà trong câu hát “Núi liền núi, sông liền sông”.

Tất cả đều đầm trong sắc núi. Núi và núi. Núi nhấp nhô. Núi lô xô. Núi đứng. Núi dựng. Núi của đỉnh trời Tây Bắc. Điện lưới quốc gia chưa được kéo đến. Thương giao hạn hẹp. Điện thoại cũng chưa về. Duy chỉ con người vẫn bền gan miết mãi với núi, với rừng, với phương trời Tây Bắc. Chúng tôi hỏi:

- Ở chốn đỉnh trời Tây Bắc này, chắc là chiến sĩ ta nhớ nhà, nhớ quê lâm phải không anh?

Giọng trầm trầm, Chiến bảo:

- Nhớ là đương nhiên rồi. Bố mẹ, vợ con, quê nhà... là cuộc sống của mỗi con người. Nhưng là người lính, chỉ biết giấu nỗi nhớ vào lòng thôi!...

Chúng tôi lại hỏi:

- Việc nào được xem là gian khổ nhất đối với chiến sĩ biên phòng?

- Tuần tra. Theo lịch, mỗi tháng các chiến sĩ của đồn phải đi tuần tra đường biên, mốc giới một lần!

- Nhưng ở nơi đỉnh trời này, tuần tra chắc không phải là điều quan hoá nhất? Chúng tôi hỏi không một vẻ nghi vấn. Vũ Tiến Chiến khụng lại. Thế ngòi ổn trọng, không động đậy, nhưng tự dung giọng lại căng ra như kẻ chỉ:

- Biên giới là phên giậu, là bình phong trong thế trận quốc phòng, an ninh toàn dân, toàn diện; là nơi tạo đà, tạo thế “Tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ”; là nơi dễ xảy ra các hoạt động xâm phạm: xâm chiếm, xâm canh, xâm cư và xâm thương... Bốn phận tối thượng của người chiến sĩ biên phòng là phải gìn giữ thật vững cương thổ của quốc gia. Đi tuần tra, đi kiểm tra trực tiếp nắm tình hình là công việc của người chỉ huy để tham mưu, để hoạch định, quyết sách chiến thuật, chiến lược. Ngày xưa trước họa xâm lăng của đế chế Mông - Nguyên, ngay cả đức tối thượng là Trần Thái Tông đã cải trang vi hành, trực tiếp đi tuần tra biên giới để tự mình thu thập thông tin. Thủ lĩnh Quy Hóa đất Lào Cai - Yên Bai là Hà Bổng và Hà Khuất thân chinh giả làm lái buôn để thâm nhập vào sào huyệt của quân Mông - Nguyên. Biết rõ âm mưu của địch, vua tôi nhà Trần đã chủ động giăng thế trận phòng thủ, đợi quân địch đến để tiêu diệt! Cứ thế, câu chuyện gợi chúng tôi nhớ đến phương lược biên phòng của vua Lê Thái Tổ được khắc đậm nét trên tấm bia ở vách đá Pú Huối Chỏ (xã Lê Lợi, huyện Xin Hồ, tỉnh Lai Châu) bên vệ sông Đà, kề lối lên Ka Lăng, rằng: “Biên phòng hảo vị trù phương lược/Xã tắc ưng tu kế cựu an”, nghĩa là: Biên phòng cần có phương lược phòng bị tốt. Đất nước cần có kế trị an lâu bền. Phương lược ấy như một triết lý. Tựa như hết thảy mọi triều chính, trong các chỉ dụ, tư tưởng biên phòng luôn được thể hiện với tầm quan trọng xuyên suốt, đặt nền móng vững chắc cho sự bất di bất dịch biên giới quốc gia với phương châm “Bốn cõi

quy phục"!... Chúng tôi nhắc lại những điều ấy, anh Vũ Tiến Chiến đón lời:

- Đấy chính là những bài học kinh nghiệm vàng ngọc về công tác tình báo biên phòng mà cha ông truyền lại. Cho nên việc tuần tra biên phòng mốc giới sẽ chẳng khi nào được loi lỏng, chẳng bao giờ miễn trừ một ai, kể cả Thượng tá, Đồng trưởng Mai Văn Bốn của chúng tôi!

Ngừng giây lát, giọng Vũ Tiến Chiến như chùng hẵn lại. Anh nói như để chúng tôi cùng chia sẻ, cảm thông:

- Do địa phận, địa hình quản lý phức tạp nên mỗi lần đi tuần tra, chúng tôi phải chia thành 3 mũi khác nhau. Mũi xa nhất phải đi bộ ròng rã suốt 4 ngày liền. Đó là khu vực Nhóm Pô và Là Xi Là Pé (địa danh của bản). Mỗi mũi gồm 5 chiến sĩ cùng 2 dân quân (người địa phương) thông thạo địa hình. Đường xa nên bắt buộc chiến sĩ nào cũng phải đeo vác nặng nề, gồm: vũ khí, tăng vông, bạt, chăn màn, lương thực, thực phẩm. Dù đi về hướng bắc, tây bắc hay đông bắc thì mũi tuần tra nào các chiến sĩ của chúng tôi cũng phải nhoài người mà leo mà vượt. Để tới được đường biên trên đỉnh Tè Xứ, phải men theo đường ngoằn ngoèo quanh co. Nhìn xuống vực, vực sâu hun hút, thót tim, lạnh gáy. Ngửa mặt nhìn lên, ngất ngưởng đỉnh trời, núi vẫn núi. Ngày nắng, khát cháy họng. Ngày mưa, mặt mũi ngập ngụa nước. Có khi vừa vượt qua mõ đất, thì tự dung cả vắng đất ấy rùng rùng kéo theo cả cây cối trượt miết xuống tận vực xanh. Mùa đông rét thấu xương thấu thịt. Sương giăng trắng núi trắng đường. Lắm hôm mặt trời đã ngang tầm đầu vẫn phải dùng đèn pin mới lần được lối mà đi. Có khi đứng trên đường biên nơi đỉnh núi, nhìn xuống, cả bốn phía mây như bông phoi trắng xốp cả nền trời. Vậy mà khi nắng lên, núi lại hệt như những lùm cây thư thả mọc lên từ nền trời mây trắng. Núi và núi - đường tuần tra vắng vẻ. Sắn nhất trên mọi nẻo

là ruồi vàng, bọ chó, ve, vắt, trăn, rắn đu võng đeo bám... Thế nhưng chẳng cái khó, cái khổ nào khuất lấp được đường tuần tra của chiến sĩ biên phòng. Chỉ một lẽ giản dị: Nơi đây là cương thổ máu thịt Tổ quốc thân yêu của chúng ta!



*Tác giả với các chiến sĩ nơi đỉnh trời Ka Lăng*

Chuyện về quê hương, khiến tôi biết Trung úy Hồ Mạnh Long, Đội trưởng đội vận động quần chúng của Đồn biên phòng Ka Lăng ở miền sơn cước Lào Cai; Long biết tôi người Đất Tổ, mới chuyển về Thủ đô, noi làm việc tựa lưng vào phố Trần Nhật Duật. Nét trẻ trung, sắc sảo, từng trải, dễ cảm, dễ mến hiện cả lên trong ánh mắt, nụ cười, Long hào hởi: - Trần Nhật Duật là ông tổ của lính biên phòng, là chỗ dựa tinh thần của chúng em đấy!... Lịch sử đất nước mãi mãi ghi công Tể tướng Trần Nhật Duật như một nhân vật tiêu biểu nhất trong lịch sử biên phòng của nước ta. Ông cũng chính là vị quan có nhiều công lao trong việc bình định khu vực biên phòng ven trời Tây Bắc. Linh hội sứ mạng triều đình, Trần Nhật Duật đã tổ chức những chuyến kinh lý dài ngày cốt để phủ dụ và lôi cuốn các tù trưởng. Mùa hè năm 1280, tại đạo Đà Giang

(Lai Châu bây giờ), thổ ty Trịnh Giác Mật tạo phản. Trần Nhật Duật đã cảm hoá Trịnh Giác Mật quy hàng. Thay cho việc trừng phạt là cuộc chạm chén “uống bằng mũi, ăn bằng tay”. Sau đấy Trịnh Giác Mật đã tự nguyện giao nộp vũ khí, đem quân hợp nhất và phụng sự chỉ lệnh của triều đình!... Tôi hỏi Hồ Mạnh Long cốt để hiểu biết thêm cho riêng mình:

- Tư tưởng bao trùm trong công tác biên phòng noi đinh trời Tây Bắc này là gì?

Long cười, đôi mắt rực sáng. Nét từng trải trước tuổi đầm trên khuôn mặt vuông vức, trán cao, mày thưa, tai dày, môi hồng, mũi thẳng, giọng sung mãn vang vang: - Xưa cũng vậy mà nay cũng thế. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới là sự cố kết cộng đồng muôn dân trăm họ. Chính sách “khoan thư sức dân”, vỗ yên lòng dân là phương cách tạo sức mạnh tổng lực cho công tác biên phòng. Nhân dân các dân tộc bản địa vùng biên này chính là lực lượng thường trực tại chỗ không dễ gì thay thế được. Cho nên, chính sách “Nhu viễn” (mềm dẻo với phương xa) của các triều đại phong kiến xưa luôn được chúng ta vận dụng linh hoạt, tạo sự đoàn kết, tạo thành điểm tựa vững chắc... Vô tình, câu chuyện dẫn chúng tôi miết mãi theo bước chân của các chiến sĩ đồn biên phòng đến với người La Hủ. Đây là dân tộc nghèo khổ, vất vả, nhọc nhằn, quen với phương thức sống du cư. Nhà cửa của họ thường rất tèn tòe, tạm bợ, mái gianh, vách nứa. Lý do rời bỏ rất giản đơn, nặng về mê tín dị đoan; khi có người chết, chôn cất xong cho người xấu số rồi họ lại lục tục bỏ bản ra đi. May mắn trước, bản Tá Pạ do Vàng Hu Xá làm trưởng bản, tự dựng mốc hút. Các chiến sĩ của đội vận động quần chúng phải chia nhau tìm kiếm hàng tần lẽ mới thấy họ cắm bản mới bên mỏm núi khác, cách nơi cũ tới 6 - 7 cây số. Gặp lại các chiến sĩ biên phòng, Vàng Hu Xá nửa mừng nửa ngượng, liên tục đưa tay

vuốt lên đầu có mái tóc xoăn tít, rồi lại vê thuốc lào cho vào nõ điếu cày, châm lửa rít sòng sọc hết điếu này đến điếu khác... Hỏi, vì sao bỏ bản? Vảng Hu Xá trả lời tinh khôn:

-Ồ, tại nó hết cái nước mà!

-Về đây, lấy ruộng đâu mà làm? Các chiến sĩ biên phòng hỏi.

Trưởng bản đáp:

-Đốt rừng, làm nương mà!...

Ngay sau đấy, đồn biên phòng lại phải tập trung thuyết phục trưởng bản vận động người dân trở lại nơi ở cũ, cùng nhau tìm cách đưa nước suối về để làm ruộng và sinh sống. Đội biên phòng phải thêm lần nữa cù cán bộ cắm bản, vận động họ sống định cư; giúp họ làm nhà kiên cố, làm ruộng lúa nước theo kiểu thâm canh...

Cách đây 7 năm, người bên kia biên giới xâm nhập vào tới 6 bản người La Hủ của ta để truyền đạo Xè A, không có giáo lý chính thống. Đội tuyên truyền vận động quần chúng đã cù hắn một đội công tác 5 người do Luôn Ngọc Vượng, dân tộc Nùng, quê ở Thái Nguyên chỉ huy, Trang Nòng Po (người Hà Nhì), Cà Văn Thành (người Thái đen) cùng hai chiến sĩ kiêm trì cắm bản, dạy dân học chữ; cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc với đồng bào suốt cả năm trời để tuyên truyền cho nhân dân thấy rõ đây là thứ tà đạo mê hoặc con người, nhờ đó người La Hủ đã dứt bỏ hắn thứ đạo phản động...

Sát dân, gần dân, hiểu dân như lẽ sống của chiến sĩ đồn biên phòng Ka Lăng. Dấu chân của chiến sĩ không chỉ bước mòn trên đường biên, mà còn gắn bện với tất cả 25 bản của 2 xã. Hỏi chuyện xã, chuyện bản, các anh đều vanh vách kể về hoàn cảnh, tính tình của từng Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch xã như người thân trong nhà. Nào là Chủ tịch xã Ka Lăng là Lu Po Xè, dân tộc Hà Nhì, kinh tế gia đình khó khăn nhưng rất năng nổ trong lãnh đạo, giỏi điều hành công việc của xã, xây dựng lực lượng tự vệ địa phương, coi

trọng việc xây dựng nếp sống văn hoá, nhờ đó Ka Lăng có tới 6 bản đạt chuẩn bản văn hoá cấp huyện; nào là Bí thư Đảng ủy Thu Lũng, Chu Nhù Xá, dân tộc Hà Nhì, ở bản Pa Thắng, 52 tuổi, được tín nhiệm cao, 2 khoá liền làm công tác đảng, rất coi trọng việc tạo nguồn phát triển đảng viên, đề cao tính tiên phong gương mẫu của Đảng... Họ là đầu mối giúp đòn Ka Lăng có điều kiện góp sức tham mưu giúp xã, giúp bản phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo; thâm canh lúa nước, phun thuốc phòng bệnh cho cây trồng, đưa cây thảo quả vào trồng ở các bản. Nhờ gắn kết với cộng đồng nên việc thu hồi vũ khí, vật liệu nổ theo chỉ thị của tỉnh, chỉ trong 10 ngày, dân 2 xã đã giao nộp đủ 700 khẩu súng và vật liệu nổ cho đồn.

Về bản, chúng tôi ngạc nhiên biết đặc thù dân tộc. Hồ Thanh Long hóm hỉnh:

- Cứ nhìn phụ nữ là biết. Đại thể, phụ nữ La Hủ thường mặc quần, vận áo dài tới tận gót chân; ngày lễ, ngày tết họ choàng thêm áo ngắn; cổ áo có nẹp ngực; ống tay áo thêu hoặc đính vải các màu, đính thêm xu bạc, xu nhôm và các bông chỉ đỏ. Khi ấy người phụ nữ Hà Nhì từ áo mặc đến khăn đội đều có hoa văn sắc màu sắc sỡ... Phụ nữ Dao, trang phục rất phong phú, có đầy đủ các thành tố từ y phục đến đồ trang sức: khăn, mũ, áo, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp, hoa tai, vòng cổ, vòng tay; khăn đội đầu làm bằng vải màu chàm hoặc đỏ, không trang trí hoa văn, thường đội thành hình mái ngay trên đỉnh đầu. Được cùng các anh làm khách, chúng tôi thật khó quên được lê đón đâu trong đám cưới của người Dao diễn ra kỹ lưỡng, long trọng và rầm rộ. Kỹ lưỡng từ giờ đón, đưa, từ tư cách của chủ lễ (ông Thanh Thuỷ) đến thành viên đi đón, từ đội nhạc vái bàn thờ tổ tiên, đến địa điểm đợi đón; rồi đội kèn, cử nhạc dẫn đầu nhà trai vòng quanh tốp nam và nữ bên nhà gái (gọi là trói khách cưới và cởi khách cưới). Sau đó, tiếng

nhạc rộn ràng liên tục suốt chặng đường cho tới khi về tới nhà, cho đến khi đại diện chủ nhà dắt tay cô dâu bước qua ngưỡng cửa vào nhà. Được đi cùng chiến sĩ biên phòng Ka Lăng, chúng tôi biết thêm cái Tết rất riêng của người Hà Nhì, thường sớm hơn Tết Nguyên đán từ một tháng trở lên. Khi mà những bông hoa lau tím nở rộ khắp núi rừng Tây Bắc, báo hiệu thời điểm nhàn rỗi nhất trong năm thì dân tộc Hà Nhì ăn Tết. Trong cái Tết trang trọng ấy, các chiến sĩ biên phòng đồn Ka Lăng bao giờ cũng là khách quý của đồng bào. Các anh bảo: trong bữa tiệc gia đình, nếu có khách quý, thì một cô gái xinh đẹp chưa chồng sẽ trình trọng bụng đến cho khách một mâm cỗ thịnh soạn. Trên mâm cỗ được chia làm 2 phần: một bên là 6 chén rượu, trong đó 4 chén để rửa chân tay, một chén rửa mặt, chén còn lại để chúc sức khoẻ và hạnh phúc của khách; một bên là âu com (được làm bằng tre), giữa âu com có một khố mõ đã chín, trong đó nhét rất nhiều quả ót chín đỏ, xung quanh âu com được trang trí bằng hoa mào gà. Khách chỉ được quyền lựa chọn một trong hai thứ, hoặc ăn hết khố mõ trong âu com, hoặc uống hết 6 chén rượu. Ăn hoặc uống xong, theo phép lịch sự, người khách sẽ vui vẻ đặt lên mâm mấy tờ giấy bạc tỏ lòng quý mến và cảm ơn cô gái. Trong suốt cuộc đón khách, cô gái luôn đứng bên cạnh chứng kiến tính quyết đoán và lòng quả cảm của khách. Khi khách thực hiện xong bữa tiệc, thì người con gái ấy quỳ xuống chào khách rồi vào nhà trong. Đây là một nghi lễ đặc biệt, ai được mời đó là diêm phúc, là vinh dự lớn!... Chúng tôi hỏi Hồ Mạnh Thắng và Luôn Ngọc Vượng:

- Các anh đã được mời bao giờ chưa? Biết câu hỏi ấy là thừa, nhưng các anh vẫn vui vẻ đáp:

- Những bữa tiệc như thế thì từ thủ trưởng tới nhân viên đồn biên phòng Ka Lăng chúng tôi bao giờ cũng chọn rượu. Rượu nói cho ta nhiều lắm!...

Sau tiệc rượu, già làng các bản Mé Gióng, Ka Lăng, Lò Mé... thường cùng nhau hát trường ca (Há Pá Dì) kể về sự hình thành của đất, của nước, của con người; kể về lai lịch ra đời, phát triển của người Hà Nhì để con cháu gìn giữ, phát huy. Đêm về khuya, chiêng trống nổi lên giục giã. Già, trẻ, gái, trai áo quần sặc sỡ bước vào điệu sạp theo nhịp trống chiêng nhộn nhàng, lúc thanh lúc trầm, lúc cao lúc thấp, lúc khoan lúc nhặt... rồi bắt nối sang khúc hát tung bừng liên hồi không ngót: "Qua miền Tây Bắc núi ngút ngàn trùng xa. Suối sâu, đèo cao, bao khó khăn vượt qua, bộ đội ta vâng lệnh Cha già..." ngân lên, âm vang như nỗi gọi lời ông cha xưa với hôm nay: "*Biên phòng hào vị trù phượng lược/Xã tắc ưng tu kế cửu an*"... để nhớ mãi, nhớ mãi về các anh - chiến sĩ biên phòng đồn Ka Lăng nơi đỉnh trời Tây Bắc.

Báo *Văn nghệ*, tháng 4/2007.

## C - BÁC TRUYỀN LỄ SỐNG CHO MỖI CON NGƯỜI

### VIỆC ĐẢNG GIAO PHẢI LÀM CHO TỐT



*Đồng chí Y Vêng*

Tuổi 63 - 64, vậy mà Y Vêng tóc vẫn đen nhánh, đôi môi roi roi, mắt hạt hồng ngời ngợt phát sáng trên khuôn mặt phúc hậu nhân từ, dẽ thân dẽ gần. Mới gặp, khó ai biết chị là người dân tộc Xê Đăng, sinh ra trên đất nghèo khó của đại ngàn Tây Nguyên; và chắc càng khó đoán chị lại từng gánh vác việc dân việc Đảng trong suốt thời kỳ gian nan nhất của đất nước. Về Kon Tum, nghe chị kể, tôi chép lại những dòng dưới đây:

"Tôi là người dân tộc Xê Đăng, sinh ra và lớn lên trong một gia đình sớm giác ngộ cách mạng. Cha tôi hoạt động ở cơ sở cách mạng đầu tiên thuộc khu vực Đăk Ui, bí hiệu H16. Sau giải phóng, xã Đăk Ui của tôi thuộc thị xã Kon Tum. Qua quá trình chia tách, nay thuộc huyện Đăk Hà. Cha tôi sớm giác ngộ cách mạng, được cán bộ tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ, nhờ thế khi sinh ra tôi và sau này lớn lên tôi cũng tiếp cận với nhận thức của cha. Khi 10 tuổi đã đi theo cha phục vụ các đồng chí cán bộ cơ sở của mình ở trong rừng sâu núi thẳm. Tuổi 13, tôi tham gia đoàn văn nghệ của huyện và cũng tham gia làm du kích xã. Nói chung, trong chiến tranh gặp gì làm nấy, du kích xã, dân công hỏa tuyến, rồi sau đó là Phó xã đội trưởng dân quân xã Đăk Ui và Trung đội nữ, rồi đánh giặc đánh càn, đánh đồn ấp chiến lược, để thu gom dân về với căn cứ cách mạng...

18 tuổi tôi được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng tại Chi bộ xã Đăk Ui, H16. Lúc đó dù bị Đảng chỉ có 9 tháng. Khi chính thức vào Đảng, đồng thời lúc đó tôi được cử làm đại biểu dự Đại hội Đảng bộ huyện và trúng vào Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, rồi làm Bí thư Chi bộ xã Đăk Ui năm 1970, khi mới 20 tuổi. Thời kỳ làm Bí thư Chi bộ tôi tham gia lãnh đạo quá trình chiến đấu anh dũng, hy sinh, gian khổ ác liệt của nhân dân xã Đăk Ui và xã đã lập thành tích đặc biệt xuất sắc, được Chủ tịch nước tuyên dương là xã anh hùng vào năm 1971 và sau này cha tôi cũng được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Cũng trong năm 1971, do yêu cầu công tác, huyện rút tôi về làm Hội trưởng Hội Phụ nữ huyện (nay gọi là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ). Năm 1972, lúc 22 tuổi, tôi được bổ sung vào Ban Thường vụ Huyện ủy, được phân công phụ trách khối dân vận, mặt trận, trực tiếp làm Hội trưởng Hội Phụ nữ huyện và phụ trách mấy xã phía tây của H16 để chỉ đạo phối hợp cùng các lực lượng

chiến đấu giải phóng các vùng ấp chiến lược. Ngày đó mình đâu có được chọn việc, chỉ biết được cấp trên giao việc gì thì phải gắng làm cho thật tốt. Vừa học vừa làm. Khi làm cách mạng tôi mới lớp 3. Sau ngày giải phóng, tôi được cử đi học lớp trung cấp chính trị tại Đà Nẵng. Ban đầu, theo quy định thì anh em dân tộc thiểu số phải học hết lớp 4, người Kinh là hết lớp 5, nhưng bản thân tôi thì chẳng có giấy tờ gì chứng nhận, chỉ biết là học đến lớp 3 thôi. Các thầy cô bảo: "Không đúng tiêu chuẩn đi học lớp này, em về". Tôi bảo: "Em không biết đường về; do các chú bảo xuống học và đi cùng các chú nên em đi học chứ các thầy cô mà bảo em về thì em không biết đường nào mà về". Tôi cũng kiên quyết: "Xin các thầy cho em học một tuần, nếu học được thì học tiếp còn không thì em sẽ tự về, mong thầy cô chiếu cố cho em vì em đã đến đây rồi". Các thầy bàn nhau và báo lại, chấp nhận ở lại học một tuần lễ. Sau đó được vào học chính thức, kết quả tốt nghiệp tôi đạt loại học viên giỏi. Trường đó giờ là Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Đà Nẵng. Hồi đó gọi là Trường Nguyễn Ái Quốc 3.

Rồi sau này khi sáp nhập Gia Lai với Kon Tum và các huyện khác, tôi được phân công về công tác tại huyện Kon Plông. Một năm sau, tôi xin đi học, nhưng mấy chú, mấy anh ở huyện không cho đi vì lý do moi đi học một năm mà giờ lại đi học nữa thì không có ai làm việc. Hồi đó may mắn có đồng chí Năm Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy đi dự Đại hội đã tạo điều kiện cho tôi được đi học bổ túc văn hóa. Đang học thì 2 năm sau tại Đại hội Đảng bộ tỉnh, tôi đã vinh dự được bầu tham gia vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, là Tỉnh ủy viên dự khuyết (lúc đó 29 tuổi) và được phân công về làm Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum. Lúc này tôi vẫn chưa học xong cấp III, chỉ mới học xong lớp 9. Thời gian sau đó, tôi tiếp tục học hết văn hóa, học tiếp, thi vào chuyên tu tài chính kế hoạch, lớp đầu tiên, do giảng viên ở Hà Nội vào giảng dạy. Nhưng

khi đang học thì lại sinh con nên việc học bị dở dang. Sau này học tiếp nữa...

Còn quá trình công tác: sau khi được bầu vào Tỉnh ủy viên dự khuyết và làm Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum, đến năm 1983 làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh rồi Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum được hơn 2 năm. Đến tháng 7/1985, được chuyển qua làm Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai - Kon Tum.

Năm 1986, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai - Kon Tum; Đại hội lúc đó dự kiến một trong 2 người vào Ban Thường vụ sẽ phân công làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, đó là tôi và đồng chí Vi Hồng Thanh. Đồng chí Thanh lớn tuổi hơn tôi và là bậc cha chú, tôi là thế hệ con cháu của ông thôi. Nhưng dự kiến đưa vào có người trúng, người trật nên tôi chủ động và năn nỉ xin rút để phiếu tập trung cho đồng chí Vi Hồng Thanh. Trong lòng tôi nghĩ, các chú là những người đi trước, tham gia nhiều công tác, có nhiều kinh nghiệm thì nên tham gia Ban Thường vụ, mình còn trẻ còn lâu dài. Xin rút mà không được Đại hội cho rút. Sau khi bầu và công bố kết quả, tôi lại trúng, bấy giờ tôi khóc, tôi thương đồng chí Thanh. Sau rồi mời đi họp Ban Thường vụ đầu tiên, tôi nói tôi xin rút mà các đồng chí không cho tôi rút. Sau này tôi về làm việc với đồng chí Vi Hồng Thanh, tôi phân vân mình là thế hệ con cháu, không biết làm việc với chú thế nào, chú có tạo điều kiện cho mình không. Đồng chí Thanh rất có kinh nghiệm trong công tác kiểm tra và công tác tổ chức. Kinh nghiệm mình chưa có nên rất lo lắng. Song, quá trình làm việc, nói chung công việc là công việc, tình cảm là tình cảm, rồi tuổi tác là tuổi tác, rõ ràng như thế. Lúc tôi về đó, nội bộ Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đang phức tạp, mất đoàn kết, kéo bè kéo cánh. Tôi về đó, người ta cũng lôi kéo này kia nhưng tôi vẫn là trung tâm giữ gìn đoàn kết, lắng nghe cái gì

đúng, cái gì sai rồi phân biệt rạch rời, cuối cùng giải quyết được nội bộ trở nên đoàn kết, êm ấm.

Thời kỳ tôi làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy là thời kỳ bao cấp còn rất nhiều khó khăn, nhưng với cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thì khó khăn còn nhiều hơn. Tôi nghĩ là khi xác định đã về đây rồi, các đồng chí lãnh đạo đã tin tưởng mình rồi thì phải bằng mọi cách cố gắng phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ của cấp ủy giao. Đầu tiên phải tập hợp anh em, lắng nghe anh em, học hỏi kinh nghiệm của những người đi trước, tự nghiên cứu để tiếp cận sớm với công việc. Tôi nghĩ, làm công tác kiểm tra là để làm cho cán bộ, đảng viên trong sạch, không vi phạm; làm cho tổ chức đảng vững mạnh, đất nước phát triển, nhân dân tin tưởng Đảng. Vì vậy, nghĩ là làm và làm thì phải công tâm, khách quan và chính xác. Thế nhưng ban đầu cũng không ít người nhận xét, nói mình còn quá trẻ mà đi kiểm điểm các đồng chí thuộc thế hệ cha chú của mình như thế thì làm sao dám làm. Tôi nói, đây không phải tôi làm theo cá nhân tôi mà tôi làm công việc của cấp ủy giao và làm theo Điều lệ Đảng quy định. Lúc này, theo quy định là đảng viên phải tự kiểm tra, tổ chức phải tự kiểm tra nhưng thực sự ai tự kiểm tra, ai tự kỷ luật mình đâu. Chưa ai nói là tôi vi phạm này kia, hay là phải kỷ luật thế này, thế kia. Nói là tự giác tự kiểm tra nhưng đó là nói động viên. Thực sự là phải vào cuộc mới ra được, mà người đứng đầu phải dám thì mới ra được, còn người đứng đầu không dám làm gì hết thì khó mà làm rõ ra cái gì là đúng, cái gì là sai, đặc biệt đối với các đồng chí có cương vị, chức vụ hay các đồng chí lớn tuổi.

Nhiều đêm nằm suy nghĩ, giờ thế nào, có nên làm hay không, dám làm hay thôi. Suy nghĩ ghê lám nhưng rồi lại tự nhủ mình: Việc Đảng giao cho phải làm cho tốt. Thời đó kiểm điểm, phân loại Ban Chấp hành 6 tháng/lần, 1 năm 2 lần, mà khi Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phát hiện thấy đồng chí nào có đơn thư hoặc có dấu hiệu

vi phạm là đề nghị chưa kiểm điểm mà để kiểm tra làm rõ trước, sau đó mới báo cáo để kiểm điểm; nếu đến mức vi phạm thì đề nghị xử lý kỷ luật theo mức độ vi phạm.

Lúc đó có một số đồng chí lãnh đạo là Tỉnh ủy viên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải dừng lại để làm rõ, kết luận đúng, sai. Khó! Nhưng nghĩ đi nghĩ lại vì nhiệm vụ phải làm. Khi mòi các đồng chí có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư tố cáo đến làm việc, lúc đầu rất nặng nề nhưng qua trao đổi, phân tích có lý có tình các đồng chí đó mới thấy được đúng, sai và thấy được trách nhiệm của mình. Hồi đó làm rất nhiều vụ việc, địa bàn tỉnh rộng, đảng viên đông, tổ chức trực thuộc nhiều; khó khăn nhất đối với tôi là giải quyết vụ đơn thư nội bộ, tố cáo lãnh đạo Công an tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Hồi đó, nếu một mình Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm thì chắc cũng khó, chúng tôi đề nghị Thanh tra của Bộ Công an về cùng chúng tôi làm và Thanh tra Bộ sẽ kết luận. Sau đó Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, tiến hành kiểm điểm tập thể và kiểm điểm những cá nhân có liên quan, xác định mức độ vi phạm để đề nghị cấp ủy xử lý kỷ luật. Không nhớ hết những nội dung vi phạm của đồng chí Giám đốc Công an tỉnh nhưng chủ yếu là vi phạm trách nhiệm trong quản lý tài sản và quản lý đội ngũ cán bộ thuộc thẩm quyền và là cán bộ cấp dưới thuộc thẩm quyền có vi phạm trong quản lý xuất nhập cảnh, trong đó có cán bộ cấp dưới của đồng chí có hành vi nhận xe máy của người vượt biên. Nội dung vi phạm của Giám đốc chủ yếu là trách nhiệm chung, còn cụ thể chi tiết thì cách đây đã hai mấy năm rồi, tôi không nhớ hết. Nhưng nói chung là trách nhiệm trong quản lý không sâu sát và không nắm hết anh em cấp dưới.

Xử lý đồng chí Giám đốc là cách chức Tỉnh ủy viên, cảnh cáo và cho thôi chức Giám đốc Công an tỉnh. Có một đồng chí trực tiếp phụ trách Trưởng phòng Xuất nhập cảnh bị kỷ luật khai trừ,

cũng lớn tuổi, đồng chí ấy khóc, thực sự tôi rất thương. Các đồng chí Phó Giám đốc khác đều chịu mức cảnh cáo, khiển trách, Đảng ủy Công an tỉnh kỷ luật cảnh cáo. Làm xong vụ này, chúng tôi rút ra mấy điểm: *Thứ nhất*, phải có sự phối kết hợp giữa Thanh tra của Bộ Công an với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. *Thứ hai*, phải xác minh làm rõ, thu thập thông tin kỹ càng, phải kiên trì thuyết phục và sự quyết tâm làm việc khách quan, dân chủ tập thể, lúc đó mình không quyết tâm thì khó mà dám làm. Khi quyết làm thì phải chấp nhận đựng chạm tình cảm cá nhân, nhưng phải làm vì công việc chung. Thời đó rất khó, sau này đồng chí nguyên Giám đốc này thỉnh thoảng lên Kon Tum cũng đến thăm tôi.

Vụ điển hình nữa là đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chư Pă bị kỷ luật vì lén lút lấy hai vợ. Chúng tôi phải trực tiếp kiểm điểm và đề xuất hình thức kỷ luật cảnh cáo. Rồi sau một năm công nhận sửa chữa, tiến bộ, hết thời gian kỷ luật nhưng đồng chí ấy vẫn nghiêm nhiên có hai vợ thì sao công nhận có tiến bộ được. Đi họp Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tôi nói, giờ nếu quy định thế này mà trường hợp lấy hai vợ người ta không bỏ một vợ nào thì làm sao công nhận tiến bộ được, đó là cái không chuẩn, cần phải sửa lại quy định. Hoặc sinh con thứ 3, thứ 4 thì làm sao công nhận được! Tôi nhiều lần có ý kiến với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, nên nghiên cứu lại, bỏ công nhận trường hợp sinh con thứ 3 trở lên, lấy vợ thứ 2. Đáng mừng là, sau này Điều lệ Đảng đã thôi việc công nhận đó.

Những vụ việc vi phạm của cán bộ quyền cao, chức trọng của tỉnh thường không ai dám làm, nhưng Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm việc theo chế độ tập thể, có sự phân công người chủ trì. Trường hợp nào khó khăn nhất thì Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra chủ trì, còn trường hợp khác tùy theo mức độ có sự phân công rõ ràng, tất nhiên, kết luận làm rõ vấn đề phải là tập thể.

Công tác kiểm tra hồi đó, mà bây giờ cũng vậy, tâm lý rất ngại, không dám làm vì sợ đụng chạm; nếu chỉ nghĩ đến mình không dám đụng chạm đến anh này anh kia, có nhiều lúc các đồng chí kêu là “họ nhìn mình chỉ có một nửa con mắt thôi”, buồn chán, thậm chí không chào, không bắt tay gì hết, nhưng thực sự tâm mình làm vì cái chung không muốn hại ai, không muốn làm thiệt ai cả. Công việc là công việc, sai đến đâu mình nói đến đó, không thể nói thêm cho ai. Chỉ như thế mới góp sức gìn giữ kỷ cương, kỷ luật của Đảng.

Vừa làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy vừa làm Bí thư Đảng ủy khôi các cơ quan của tỉnh. Mỗi lúc công việc một nặng nề thêm nhưng ở công việc nào tôi cũng đều cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tôi là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy từ tháng 6/1986 đến tháng 12/1999. Từ tháng 12/1999, tôi được chuyển qua làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực sự tôi không bao giờ nghĩ tới sẽ làm việc đó. Năm 1994, dự kiến qua làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng tôi nghĩ mình chưa bao giờ làm lĩnh vực quản lý nhà nước nên tôi nói thôi, để tôi làm bên công tác đảng, công tác dân vận quen rồi, còn qua làm bên đó xin để tôi được giới thiệu người khác, tôi giới thiệu đồng chí Y Xuôi là Phó Bí thư thị xã Kon Tum về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, được các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý.

Đến năm sau này chuẩn bị cho nhân sự chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, lúc đó phiếu thăm dò ý kiến từ cán bộ chủ chốt, trong Ban Thường vụ Huyện ủy trở lên, Phó giám đốc sở, ngành trở lên, phó các ban đảng trở lên lấy phiếu thăm dò, phần lớn dồn phiếu cho tôi để sau này chuẩn bị cho nhân sự Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến bầu cử, tôi được 100% phiếu của đại biểu Hội đồng nhân dân bầu làm Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh, và sau đó là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và được Đại hội Đảng toàn quốc bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và X. Qua làm Bí thư Tỉnh ủy từ ngày 01/10/2004 đến năm 2010 thì nghỉ. Đại biểu Quốc hội khóa X, XI, XII và Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XI, XII; 6 khóa đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đến ngày 01/10/2011 thì nghỉ hưu. Trước sự tín nhiệm của cán bộ và nhân dân tỉnh Kon Tum trong quá trình giữ các cương vị, chức vụ, tôi thường lo nhiều hơn là mừng; lo là không hoàn thành nhiệm vụ, nhưng được sự đoàn kết thống nhất, có sức mạnh của tập thể nên tôi được đánh giá hằng năm là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Vốn là người đã từng làm công tác kiểm tra nên khi làm Chủ tịch, rồi qua làm Bí thư Tỉnh ủy, tôi càng để tâm chỉ đạo nhiều hơn trong lĩnh vực công tác kiểm tra, kỷ luật đảng cũng như công tác tổ chức. Vì tôi nghĩ, làm Bí thư giờ chủ yếu là công tác đảng, công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ không vững, không mạnh, không trong sạch thì làm sao lãnh đạo cả một tỉnh miền núi Tây Nguyên đa dân tộc như thế này. Chỉ đạo công tác thường xuyên và định kỳ 6 tháng, 1 năm nghe Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo công tác kiểm tra và thông qua chương trình làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy!".

- Điều gì chị rút ra cho công tác kiểm tra, đặc biệt là cán bộ kiểm tra, kỷ luật Đảng?

- Công tác kiểm tra thì ai cũng thấy, biết đấy, khó lăm chứ không dễ, vì đụng chạm đến con người, đến cái danh cái lợi của con người, tới đơn vị, thậm chí của cả một ngành. Tôi nghĩ, điều đầu tiên là các cấp ủy đảng phải nhận thức rõ nhiệm vụ công tác kiểm tra không thể thiếu được trong công tác xây dựng Đảng,

“lãnh đạo không kiểm tra coi như không có lãnh đạo”, nếu mỗi đảng viên đều nhận thức được như vậy thì khi Ủy ban kiểm tra vào cuộc thì mới dễ dàng. Ủy ban kiểm tra các cấp là một cơ quan vừa là tham mưu cho cấp ủy, thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao vừa là thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng quy định. Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số, công tác kiểm tra phải hết sức thận trọng, chặt chẽ mà phải nắm chắc vấn đề. Đội ngũ đó phải có cái tâm trong sáng, khách quan khi xem xét vụ việc vi phạm, cái tâm, cái tầm, nếu anh có tâm không có tầm, có tâm, tầm không có nghị lực, không có ý chí thì cũng khó mà làm được. Rồi lại phải có phương pháp làm, cách làm. Tôi nói cách làm, con người thì mỗi người mỗi ý, cách làm mỗi người mỗi khác, nhưng cách làm chung nhất là làm việc. Ủy ban kiểm tra cứng nhưng phải mềm để làm sao có sức thuyết phục cho những ai đó vi phạm người ta thấy được, người ta nghe được nhưng người ta vẫn phục Ủy ban kiểm tra chứ không bị kỷ luật nhưng họ lại không phục. Mình làm không rõ ràng, méo mó hoặc quá trình mình làm không có sức thuyết phục, nên tôi nghĩ phương pháp, cách làm làm sao mà người vi phạm chấp nhận vi phạm của mình và đồng thời chấp nhận hình thức kỷ luật nhưng lại tâm phục Ủy ban kiểm tra. Có như thế thì kiểm tra mới thực sự là phương cách lãnh đạo của Đảng, là một bộ phận lãnh đạo trong toàn bộ công tác lãnh đạo của Đảng. Khi làm kiểm tra Đảng, tôi học theo phong cách của ông Trần Kiên nhiều lắm. Thời làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ông ấy thường lên Kon Tum - Gia Lai.

“Ông Trần Kiên là tấm gương về cái tâm. Làm gì thì làm phải sâu sát cơ sở, phải quan tâm cơ sở, phải lo cho dân. Một con người lúc nào cũng nhớ đến đồng bào, nhớ đến người chịu thiệt thòi, vùng sâu, vùng xa. Lúc ông xuống cơ sở thì ông hệt như một

nông dân bình thường, đến khi làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương thì lúc nào cũng mang tư cách như là một Bí thư của tỉnh Kon Tum vì ông từng làm Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum nên rất chân tình. Khi thấy Đảng bộ, chính quyền làm chưa tốt thì ông la dỡ lăm, nhưng cái tâm của ông luôn mong muốn Đảng bộ này, chính quyền này phải quan tâm đến cơ sở, đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, nhất là đồng bào ít người. Ông ấy bảo: Xưa mình dựa vào đồng bào để sống, để chiến đấu và có được ngày hôm nay, quên châm lo cho đồng bào là cái tội lớn lăm! Cho nên Đảng bộ Kon Tum luôn ý thức và thực hiện điều này!". Nét mặt rạng ngời, vẻ mãn nguyện, chị Y Vêng hào hỏi: "Nói đâu xa. Người Xê Đăng chân thật như đếm như đong, một lòng trung thành với cách mạng. Xưa nghèo khổ lăm. Đói khó lăm. Giờ ơn Đảng, Nhà nước nhiều lăm. Có Đảng, có chế độ này, có Nhà nước này, dân mới được như thế chứ, ngày xưa khổ lăm. Hiện nay có đường nhựa từ huyện Đăk Hà đi vào 12 cây số, về tới xã tới bản. Bà con trước không biết làm ruộng, chỉ phát rẫy thôi, vất vả mà không đủ sống. Nay định canh, định cư, được hướng dẫn khai hoang, làm thủy lợi, thảm canh lúa nước, trồng mì, cái đói, cái khổ không còn đeo bám. Gần như 100% hộ dân có nhà xây, xe máy; điện, đường, trường, trạm đủ đầy. Cũng còn một số hộ khó khăn nhưng đa phần là tương đối khá!". Chị cười xõi lỗi, khuôn mặt phúc hậu, lời trộn rộn niềm vui: "Nói về gia đình, tôi xây dựng gia đình lúc tôi 21 tuổi, vẫn đang còn trong chiến tranh. Anh đi bộ đội cũng là lính của cha tôi. Cũng là người dân tộc Xê Đăng. Tôi và anh đều tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cùng lúc với nhau. Trong quá trình công tác với nhau chúng tôi ưng nhau và lập gia đình; sau đó một thời gian anh lại đi ra Bắc. Năm 1974, tôi sinh cháu đầu lòng (là cháu gái), tuy nhiên 1 năm sau trước khi giải phóng cháu mất vì sốt rét ở trong rừng. Giờ thì mình là người

giúp việc cho gia đình, cho hai đứa con trai, 4 cháu nội, “nếp tẻ” đủ cả rồi. Con dâu, con trai đều có công ăn việc làm nghiêm chỉnh. Chỉ thương anh ấy nhà tôi là thương binh, nặng tai vì sức ép của đạn bom. Nghĩa là nghỉ việc Đảng, việc nước chứ việc nhà cũng phải gắng trong niềm vui tuổi già!”.

Rồi Kon Tum, rồi đại ngàn Tây Nguyên bao la điệp trùng mà chuyện nghè nghiệp kiểm tra, kỷ luật Đảng thời xa ấy của chị Y Vêng cứ lay lả trong tôi. Mỗi khi nhắc đến Kon Tum thì cái tên Y Vêng như lại vang lên, ngân lên!

*Kon Tum, ngày 29/5/2013*

Trích trong tập *Sáng mài niềm tin yêu*,  
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.

## CÁN BỘ LÀ GỐC CỦA CÔNG VIỆC



Nhà báo Hà Đăng

Ở tuổi 89, sự minh tuệ của nhà báo Hà Đăng vẫn hiển hiện trong suốt cuộc chuyện với tôi về những dấu mốc cuộc đời làm báo gắn bện với thời cuộc, với các chặng đường cách mạng của dân tộc. Đôi mắt sáng trong, hiền hậu; nụ cười thân tình; khuôn mặt phúc hậu; tính tình điềm đạm; lời nhỏ nhẹ, cẩn trọng, mäch lạc, nội ý nội hàm sâu sắc hệt như chữ nghĩa mỗi khi ông viết. Thăm thăm trong suy nghĩ của tôi, Hà Đăng là một nhà báo, một cán bộ mẫu mực, một tấm gương sáng minh chứng đậm nét về lời dạy của Bác Hồ kính yêu: “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.5, tr.309.*

Báo chí Trung ương và địa phương có cả chục bài viết ngợi ca Hà Đăng như một tấm gương trong. Nhiều tác giả nhắc tới tự bạch hóm hỉnh của ông, rằng: "Trong cuộc đời làm cán bộ, tôi đã trải qua 5 cái hai: Hai trung, hai đại, hai tổng, hai trưởng, hai trợ". "Hai trung" là hai nhiệm kỳ Trung ương VI và VII. "Hai đại" là đại biểu Quốc hội khóa VIII và IX. "Hai tổng" là Tổng Biên tập Báo Nhân Dân và Tổng Biên tập Tạp chí *Cộng sản*. "Hai trưởng" là Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Trưởng Ban Chỉ đạo Xây dựng bản thảo Văn kiện Đảng toàn tập. "Hai trợ" là Trợ lý Tổng Bí thư Lê Duẩn và Trợ lý Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh! Sau Mậu Thân 1968, ông được cử làm thành viên Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đàm phán tại Pari, với nhiệm vụ cố vấn (viết bài) phát biểu cho đồng chí Trưởng đoàn, đối đáp ngoại giao ta với địch tại nghị trường... Đó là hạt lọc của bản lĩnh chính trị, của tính nguyên tắc, nghiêm túc, không phải ai cũng được làm và làm tốt như ông. Bởi việc nào ông đảm nhiệm cũng để lại dấu ấn không dễ mờ phai.

### **Nghề báo - nghề tinh tường, mãn cảm**

Ký ức về cuộc đời làm báo, viết báo chảy mãi với chuyện đời, chuyện nghề của ông. Chỉ nhắc lại đâu việc do tổ chức phân công, đủ biết ông quá từng trải với nghề: Đại thể, năm 1950, làm phóng viên Tạp chí Miền Nam - cơ quan của Ban đại diện Văn hóa Cứu quốc ở miền Nam Trung Bộ. Năm 1951, ông là phóng viên Báo Văn nghệ Liên khu 5. Năm 1952, làm biên tập viên báo Nhân Dân Liên khu 5 (thời đó, Đảng có các cơ quan Báo Nhân dân là Nhân Dân Trung ương, Nhân Dân Liên khu 5 và Nhân Dân Nam Bộ). Năm 1955, tập kết ra Bắc, ông làm ở Báo Nhân Dân. Năm 1960 đàm nhận chức Phó Trưởng Ban Nông thôn. Năm 1961, học Trường Đảng cao cấp trực thuộc Trung ương

Đảng Cộng sản Liên Xô. Trở về, làm Phó Trưởng Ban miền Nam của Báo Nhân Dân...

Kỷ niệm sâu sắc của ông với nghề nhiều hơn cả là những bài viết. Ông nói, cái duyên đưa ông vào nghề bắt đầu từ lúc tuổi 18 tuổi, chan chan niềm vui được kết nạp vào Đảng, được cử làm Trưởng Ban tuyên truyền xã Bình Kiến, viết bài báo "Tâm sự đồng bạc trong két sắt" đầu tay, đăng trên tờ *Phấn Đấu* năm 1947 (tiền thân của báo Phú Yên) quê hương ông. Bởi lúc ấy việc ủng hộ tài chính cho kháng chiến diễn ra sôi nổi, rất nhiều người nghèo gom góp từng đồng bạc lẻ để ủng hộ cách mạng, phục vụ chiến đấu, gìn giữ quê hương. Khi đó có những kẻ giàu nứt đố lại ki bo, hẹp hòi cất kĩ đồng bạc trong két sắt; nên những đồng bạc ấy ngẫm thấy tủi thân, tủi phận, hệt một kẻ vô dụng bị người đời cười chê, báng bổ! - Vậy là chi tiết nhỏ đã làm nên nhà báo Hà Đăng ngay từ thuở thiếu thời! - Tôi xen lời. Ông cười vui. Giọng nhẹ nhàng: - Mình phát hiện ra điều ấy ở chính quê mình. Thực tế cuộc sống thường tạo cho ta những bài báo sinh động! Bỗng dung tôi nhớ những năm học Đại học báo chí khóa I (1969 - 1973), giáo viên giảng về phóng sự điều tra bao giờ cũng viện dẫn bài "Ba lần đuối kịp trung nông" của Hà Đăng trên báo *Nhân Dân*, tôi liền hỏi: - Những năm đầu thập niên 60 thế kỷ trước, Quảng Bình gian nan lắm, xa xôi thế, đi lại khó khăn, làm sao ông có thể viết sâu và hay như thế? Hà Đăng cẩn kẽ kể về chuyến công tác đặc biệt bằng xe đạp, theo chủ nhiệm về Hợp tác xã Đại Phong ngay sau Hội nghị thi đua của tỉnh Quảng Bình kết thúc: Đến Đại Phong, tôi không ăn nghỉ ở nhà chủ nhiệm mà lưu trú tại nhà một xã viên lớn tuổi, cốt để nghe sự thật, nghe đa chiều, nghe cho thấu ngọn ngành. Được tai nghe, mắt thấy thì quả thực Đại Phong rất xứng đáng là điển hình trong phong trào xây dựng Hợp tác xã từ quy mô nhỏ lên lớn, từ nghèo khó tới khấm khá ngang với mức sống của thành

phản trung nông. Ý định viết phóng sự điều tra được hình thành tại đây. Tôi tập trung khai thác tài liệu nhằm cắt nghĩa, lý giải vì sao Đại Phong đặt ra mục tiêu đuổi kịp trung nông? Mức sống của trung nông theo những tiêu chí nào? Giải pháp để đạt mục tiêu là những gì? Cách đi từ nhỏ lên quy mô lớn như thế nào? Quá trình thực hiện cái gì thuận lợi, điều gì khó khăn?... Báo *Nhân Dân* đăng loạt bài kể trên, Tổng Biên tập Hoàng Tùng nghe Bác Hồ điện thoại khen Đại Phong là một điển hình tốt, cần được nhân rộng. Một ngày sau, *Nhân Dân* đăng bài “Một hợp tác xã gương mẫu” của Bác. Đồng thời Bác giao cho đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trưởng Ban Nông thôn Trung ương trực tiếp đi nghiên cứu và viết về kinh nghiệm của Đại Phong. Một phong trào học tập Đại Phong, đuổi kịp Đại Phong và vượt Đại Phong được phát động trong cả nước!... Nghe ông kể ngon nguồn sáng tác nên bài báo, tôi hiểu thêm cái lý để hồi đó Hội Nhà báo Việt Nam đã trao tặng giải A cho tác phẩm kể trên của nhà báo Hà Đăng... Và, tôi thêm hiểu, chính những năm tháng dấn mình vào cuộc sống, trải nghiệm về kinh tế; trên cương vị Phó Tổng biên tập phụ trách mảng tuyên truyền kinh tế, Hà Đăng đã góp sức thiết thực tuyên truyền ba chương trình trọng điểm quốc gia trên báo *Nhân Dân* về: Sản xuất lương thực; Sản xuất hàng tiêu dùng; Sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Đây cũng là một trong những đóng góp quan trọng của Báo *Nhân Dân* vào việc đổi mới kinh tế, một nhiệm vụ quan trọng mà Đại hội lần thứ VI của Đảng thông qua trong Cương lĩnh đổi mới đất nước...

Tiếp nối cuộc chuyện, ông nhích về phía tôi, đưa tay mở tập sách bìa cứng có tiêu đề *Thế ta thế thắng* của ông do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành, trích đọc những bài ở thời chúng ta hùng hục khí thế tiến công “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy hèo”, qua các bài như: “Toàn dân đứng lên, khắp nơi nổ dậy”,

"Thùa tháng xông lên, anh dũng xốc túi" ... Chậm giọng, đôi mắt dõi vào tôi, ông nói: Năm 1968, tôi viết về trận đánh Làng Vây, đường 9 (Quảng Trị) của bộ đội tăng thiết giáp như một đòn giáng đích đáng vào cái gọi là phòng tuyến Mắc Namara của quân xâm lược Mỹ... Sau 30 năm (1998), Bộ Tư lệnh Tăng thiết giáp xin lại bài báo đó để đưa vào bảo tàng của lực lượng! Lời chắt lọc, ông bảo: - Cái nghề báo của chúng ta chỉ say mê thôi thì chưa đủ, còn phải học, phải tôi luyện để có vốn tri thức, vốn sống; tri thức văn hóa, khoa học, tri thức từng trải. Phải luôn có cách nhìn đúng, nhìn thẳng, nói rõ sự thật; không đưa tin thất thiệt... Tài năng nào thì cũng phải lao động cật lực mới làm nên!

### **Nghề báo - nghề sáng tạo và rất khắt khe**

Vẫn chất giọng điềm tĩnh, nhẹ nhàng, ông nói: Thời tôi và anh đâu có được chọn nghề. Tất cả răm rắp theo sự phân công của tổ chức. Nhớ năm 1955, chân ướt chân ráo về Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Hoàng Tùng gặp gỡ nói như nghiêm lệnh: "Ở địa phương, các anh có làm vương làm tướng gì cũng mặc, còn ở đây viết bài, Tổng Biên tập duyệt và chừa. Bài dở thì bỏ. Anh nào chấp nhận thì ở lại. Anh nào không chịu được thì chuyển!". Tôi thấy lo lo, nhưng bụng bảo dạ phải gắng gỏi. Người ta viết được thì mình cũng viết được. Với lại, Báo Nhân Dân có rất nhiều nhà báo giỏi như Quang Đạm, Thép Mới, Trần Kiên, Lê Điền... để mình học hỏi. Và thực tế tôi đã học một cách nghiêm túc, viết một cách cẩn trọng. Tuy nhiên, cũng có những tin bài viết chưa túi, hoặc là dùng câu chữ không chuẩn. Ví như năm 1956, được mùa lúa, Bác Hồ tới dự Hội nghị tổng kết nông nghiệp toàn quốc, trong lời phát biểu Bác khen nhiều nhưng cũng nói một số khuyết điểm, nhắc nhở không được chủ quan. Viết tin cho báo, tôi chỉ tập trung vào khuyết điểm; đọc báo, Bác điện phê bình

Tổng Biên tập: "Nông nghiệp được mùa. Chủ tịch nước tới dự động viên, sao chỉ có phê bình"? Chưa hết, năm 1968, tôi viết bài phê phán thái độ xấc xược với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam của bọn Thiệu - Kỳ dã tâm phá hoại Hội nghị Pari; với cái tit chửi trực diện "Phá bĩnh và láo xược". Bác Hồ điện thoại tới báo khen nội dung bài viết, nhưng nhắc nhở: dùng 2 từ "phá bĩnh" là không ổn, thiếu tính chính trị!... Đó là những bài học thiết thực làm tôi nhớ mãi để thận trọng hơn, nghiêm túc hơn, viết sao cho đúng bản chất vấn đề, đúng với sự thật!

Nói về sự khác nhau của người làm báo ngày nay với ngày xưa ông sôi nổi hăng hái: - Thời xưa chúng ta làm theo sự phân công; thời nay ít ra cũng được đê đạt ý muốn! Thời xưa viết báo chuyên nghiệp đâu có nhuận bút, nay trả thấp thì họ xin chuyển hoặc ít viết! Thời xưa khó khăn muôn bề, thời nay công nghệ thông tin hiện đại, phương tiện tác nghiệp thông minh phong phú... Nhưng chắc chắn người đọc sẽ xét nét hơn vì dân trí cao hơn rất nhiều. Phương tiện nghe, xem, nhìn, đọc đều hiện đại, nên họ chính là người thẩm định, giám sát hết sức nghiêm ngặt với bài vở của nhà báo... Tuy nhiên, theo tôi có một cái giống nhau căn bản là nhà báo phải thạo nghề, phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức. Bác Hồ, người thầy của báo chí cách mạng đã dạy: Cán bộ nói chung phải có đức có tài. Đức là gốc, nhưng tài cũng rất quan trọng! Nhà báo, có đức mà không có tài thì không thể có được tác phẩm hay. Cái tài của nhà báo ở đây là nắm bắt được đường lối, chủ trương, chính sách, nắm bắt được thực tế; bằng bút pháp để sáng tạo thành tác phẩm báo chí hay, đúng, trúng... Nhưng, hơn tất cả là phải có khả năng và ý chí kiên định trước mọi hoàn cảnh. Đối với nhà báo là phải có bản lĩnh chính trị, lập trường chính trị, khả năng và ý chí kiên định mục tiêu độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội... có vậy mới viết, nhìn nhận và xử lý đúng

đắn mọi vấn đề phức tạp này sinh trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình!

Dừng cuộc chuyện. Ông tiễn tôi xuống tận lề đường. Tay trong tay, ông bảo: - Ngày mai mình có chuyến công tác dài dài ở phía Nam! Đo được ý tôi muốn nhắc ông giữ sức khỏe, ông nói ngay: - Nghề của chúng mình là thế. Còn sống là còn làm việc, góp ích với đời. Còn đi được thì cứ đi. Cứ viết!

Tạp chí *Cộng sản*, tháng 6/2018.

## MỎ HƯỚNG XÓA NGHÈO CHO DÂN



*Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và đồng chí Lê Huy Ngọ với nhân dân  
xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú năm 1988*

*Ảnh: Nguyễn Uyển*

**T**rên xe tháp tùng Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thăm Hợp tác xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú cuối vụ gặt năm 1988, Bí thư Tỉnh ủy Lê Huy Ngọ xúi: “Cậu hỏi giùm Tổng Bí thư khi nào Ngọ về Thanh Hóa nhé!”. Tôi ó ra. Bí thư phân trần: “Cậu hỏi tiện hơn. Mình muốn biết sớm để thu xếp việc đi, người ơi!”.

Giờ nghỉ. Chò Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh uống cạn bát vối quê, khen thơm, ngon. Tôi chen lời: “Dạ. Vối là nước uống thường ngày của Bí thư tỉnh em đấy à!”. “Ngọ à!” - Tổng Bí thư đưa mắt ngó tìm. Tôi vội hỏi: “Kính thưa Tổng Bí thư, khi nào sếp Ngọ của chúng em về Thanh Hóa à?”. “Ồ. Sắp rồi. Tuần này cậu ấy sẽ nhận quyết định!”. Tôi ngây ra. Tổng Bí thư lắc lắc vai tôi, giọng vui vẻ:

“Sao? Buồn hả? Thế là tốt. Bí thư Tỉnh ủy khi xa cán bộ nhó, dân thương, Đảng cần những cán bộ như thế. Thanh Hóa đang khó khăn. Đảng cần, dân cần. Lê Huy Ngọ phải về những nơi như thế!”.

\*

\* \* \*

Trưa. Cơm nước xong. Nhà khách Huyện ủy Vĩnh Lạc xếp bốn người chúng tôi vào một gian phòng hẹp nhà cấp 4; 4 góc 4 chiếc giường một, dát mộc, chiếu nan. Suốt trưa không ai chớp mắt. Lê Huy Ngọ trở nên kiệm lời, tựa như trong đầu ông công việc đang chiếm chỗ. Chiều. Trên đường trở về tỉnh lỵ, đưa mắt ngó nhìn những đường cây xếp hàng ngay thẳng, tỏa tán bên vệ các bờ vùng bờ thửa típ của xã Thổ Tang, Văn Tiến... Lê Huy Ngọ rướn người sang phía tôi, giọng giật giã: “Này, mình tặng cậu tên bài ký “Rùng về đồng bằng”!”. Tôi đón lời: “Hay đấy. Nhưng phải là “Đưa rùng về đồng bằng””. Ý tưởng này khi ông là Chủ tịch tỉnh, được nhân dân các huyện đồng bằng triển khai nhiệt tình. Nói “đưa” để tri ân người có công chỉ hướng; đưa rùng về ruộng vườn, thôn xóm ở đồng bằng; đưa ao, chuồng, vườn, trại lên với đồi rùng suốt mấy thập niên nay... Người ấy (ý chỉ ông Ngọ) từng theo suốt công việc từ khi là Trưởng ty Nông nghiệp, tới Chủ tịch tỉnh, rồi Bí thư Tỉnh ủy với trọng trách mở đường, chỉ hướng cho dân Vĩnh Phú thoát đói nghèo, nên phải nói là “đưa” chứ!... Lê Huy Ngọ ngả lưng trên nệm xe, lời như đong đếm: “Dân họ làm. Cái khôn nảy ra trong cái khó. Tập thể Đảng bộ đón bắt được; nghị quyết, triển khai, nhân rộng... Vợ về mình, người ta sẽ ghét mặt. Mình đi, còn lấy đường trở lại chứ!”...

Chuyện là thế, vậy mà tôi lục sục hết tuần này sang tuần nọ tự trao cho mình quyền minh chứng công lao Lê Huy Ngọ góp sức mở đường xóa nghèo đói cho dân Vĩnh Phú...

Dịp ấy, nhân ông bà thân sinh ra Boha, Tham tán Đại sứ quán Hunggari tại Việt Nam sang thăm con và thăm Vĩnh Phú, tôi thiết

kể mời Bí thư Lê Huy Ngọ cùng họ đến với mùa ngô đồng của xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo (đặc sản khoán gọn của Bí thư Tỉnh ủy). Xe lăn bánh trên đất đai Hợp Thịnh, cái gì tôi cũng phô, cũng khoe cứ như cảnh ấy, tình ấy, người noi ấy là của tôi. Tôi thao thao chẳng biết các vị khách Tây xứ trời Âu có say, có mê không, nhưng tới khi Chủ nhiệm Phùng Đắc Thành và kỹ sư Phó Chủ nhiệm Phùng Quang Hùng đón tiếp, thì họ lấy sổ ghi chép và gom lại những ý tôi thao thao trên đồng bãi để hỏi về cách thức trồng ngô đồng. Kỹ sư Hùng cặn kẽ nói với họ về cách làm ngô bầu, cách gieo ngô trực tiếp trên đất bùn; cách ủ mầm, chăm bón... có tính dân gian, thiết thực kết hợp với hiện đại. Tiếp nối, Chủ nhiệm Thành nói về hướng giải quyết lương thực của Hợp tác xã bằng cách tăng diện tích lúa mùa sớm, giảm mạnh lúa mùa muộn, mở rộng diện tích ngô đồng và đậu tương hè thu!...

Ông Boha hỏi tiếp: "Hợp Thịnh thành đất gọi khách nhò ra vụ ngô đồng. Vậy điều Hợp Thịnh làm nên là do con người hay giống mới? Con người hay chính sách?". Kỹ sư Hùng nói ngay: "Cả ba. Sự bùng nổ vụ ngô đồng với hai nguyên có giống và chính sách". Giọng khơi khơi, Chủ nhiệm Thành bảo: "Người quê tôi hay nhắc đến ông Kim Ngọc, nhắc đến Lê Huy Ngọ đây (xưa là Chủ tịch, nay là Bí thư Tỉnh ủy). Chúng tôi luôn coi các ông ấy là người vực chúng tôi vượt lên xóa đói nghèo trên chính đồng đất của mình!...". Ông Ngọ khẽ thu người lại, lời khiêm nhường: "Cao kiến của tập thể Đảng bộ, sự năng động của nhân dân, mình chỉ là cá thể!".

Lan man ngẫm ngợi, những kỷ niệm của tôi với Lê Huy Ngọ cứ ào về. Nào là thời ông trong vai trò làm Chủ tịch tỉnh, dẫn đầu Đoàn đại biểu cao cấp của Vĩnh Phú ròng rã đường núi dâng đặc cả tuần lẽ men theo đường đất lồng chổng, cấp kênh ổ voi, ổ trâu sang thăm Luông Nậm Thà (nước bạn Lào) kết nghĩa từ những năm 1981 - 1982. Ngày cuối, ông kéo tôi ra chợ tỉnh (gọi là chợ tỉnh)

của bạn khi ấy cũng chẳng được như chợ xã Thổ Tang bên ta để mua đồ tông, chiếc áo thun, đồ lót cho vợ con. Ông bảo, muốn mua nhung túi lép: Thôi, ít nhung có quà là quý. Công việc bẩn bận, nhưng đừng quên gia đình.

Nhớ hôm ông dẫn đoàn cán bộ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đi học điển hình Định Công của Thanh Hóa; trở về Tĩnh Gia thăm công trình thủy lợi ngăn mặn Lạch Bạng. Ngồi trên bờ đập, nhìn về xóm nhỏ nơi chân sóng xa mờ, ông nhỏ giọng chỉ riêng tôi biết: "Uyển oi! Nơi ấy là làng mình đấy. Mẹ đẻ mình nay tuổi ngoại 80 ở với anh trai mình ở đó. Mình ước mua mảnh lụa đen để mẹ may chiếc quần mà vẫn không lo nỗi!". Tự dung ông và tôi nước mắt nhòa nhoạt. Sau ngày ấy, tôi thấy ông nồng nỗi tổng kết, ngẫm nhiều về đồng đất trung du. Ông bảo: "Khó như Định Công mà họ thành công. Đất chuyên lúa như Đăk Hải, Hải Phòng, nay họ cũng mạnh bạo chuyển đổi sang nuôi lợn và trồng hoa xuất khẩu nên giàu có nhất vùng. Có chi Vĩnh Phú mình bó tay?".

Hôm về Đoan Hùng gặp Bí thư Huyện ủy Trần Văn Đăng (sau này làm Bí thư Tỉnh ủy thay Lê Huy Ngọ chuyển về Thanh Hóa), anh Đăng bảo: "Việc làm rừng bây giờ cũng phải xen ghép, xen ghép các cây chu kỳ khác nhau để khi khai thác rừng không bao giờ bị trống mà giá trị kinh tế lại lớn. Nhưng phải đất nào cây ấy. Phải từ điểm mà nhân ra diện theo vết dầu loang. Làm ào ạt, không nắm hết, khi cần uốn nắn thì không kịp nữa! Ấy là ý kiến chỉ đạo rất sát thực của anh Lê Huy Ngọ Chủ tịch tỉnh khi chúng tôi triển khai thực hiện khoán gọn; giao đất giao rừng cho hộ xã viên".

Giọng chia sẻ, anh Đăng tâm sự: "Việc của tỉnh nhưng công lớn chính là Lê Huy Ngọ. Anh ấy là người am tường công việc nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Cái tài của anh ấy là khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, suy nghĩ logic và toàn diện, từ đó hình thành nên tầm nhìn cho tổ chức. Hiểu người, hiểu lòng

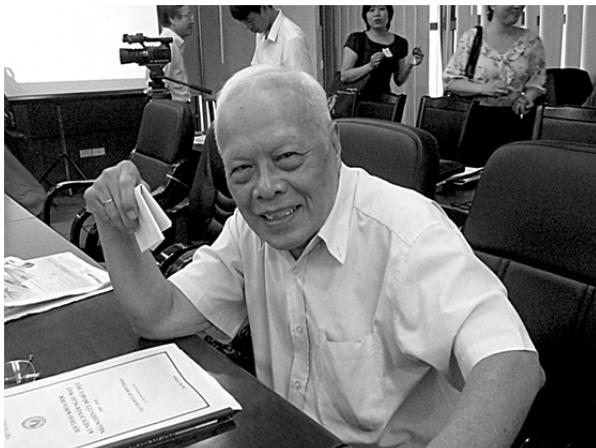
dân, hiểu việc một cách chuyên sâu như chuyên gia nên anh ấy có cách truyền cảm hứng và động lực cho họ!”. Đem lời Bí thư Huyện ủy, tôi soi vào thực tế quả là như vậy.

Ở Chân Mông lại thí điểm trồng vầu dưới tán mõ... hỗ trợ nhau cùng phát triển. Những cách này đang mở ra ở nhiều nơi của huyện...

Không hiểu trời xui, đất khiến gì chăng mà ít năm sau tôi và anh lại gặp nhau, cùng về làm việc giữa Thủ đô. Mỗi khi thăm nhau lại uống nước với quê, nói chuyện quê. Với công việc dù ở tinh, hay công tác cán bộ ở Thường trực Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Lê Huy Ngọ đều lưu dấu ấn. Dấu ấn rất riêng, cho dù cuộc đời có những lúc thăng trầm. Bất cứ ở đâu, khi nào, ngay cả khi tuổi cận kề 80 thì ông vẫn được Đảng, Nhà nước trọng dụng, nhân dân tin yêu, mến mộ. Mỗi khi ông xuất hiện trên các phương tiện nghe, nhìn của quốc gia thì khắp chốn quê người dân vẫn reo to: “Lê Huy Ngọ - Bộ trưởng - Bộ trưởng nông dân của chúng ta!”.

Trích trong tập *Rìa rừng - Ngách phố*,  
Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018.

## SAY NGHỀ NHƯ LỄ SỐNG



*GS. Phong Lê tại hội thảo về nhà nghiên cứu, nhà văn hóa Đỗ Đức Dục*

**G**iáo sư Phong Lê, nhà nghiên cứu, phê bình văn học đến nay vừa tròn tuổi 80. Tuổi là thế, nhưng thần thái, vóc dáng vẫn cường tráng. Bước vẫn sải dài. Ngồi vẫn vững như bàn thạch. Lời vẫn vẹn nguyên chất giọng Hà Tĩnh âm oang, vang xa, lan xa. Đôi mắt vẫn tinh tường. Tư duy mới mẻ, sắc sảo, đắm say với nghề, kỹ càng chữ nghĩa đến lạ lùng!

### Nguồn mạch đam mê với nghề

Ngồi bên ông, tôi thổ lộ: “Tuổi Mậu Dần, nghề nghiên cứu, phê bình văn học gian nan, nhọc nhằn, nghiệt ngã đến thế, vậy mà ông vẫn làm nên. Xin ngả lòng bái phục!”. Phong Lê bật cười, giọng âm

oang: "Duyên phận. Duyên phận mà. Trong sự nghiệp tôi cũng trải không ít khó khăn. Đôi khi gập ghềnh. Mà, gập ghềnh lắm phen lại làm cho mình tinh ngộ, thậm chí khôn lên. Nhưng may mắn cũng nhiều. May thứ nhất là được sinh ra và lớn lên trên quê hương của đại thi hào Nguyễn Du; lại được bố đẻ là nhà giáo tận tình răn dạy hun đúc tình yêu văn chương qua những ấn phẩm đặc sắc từ nhỏ, lòng ngưỡng mộ luôn được nuôi dưỡng. Thuở xưa, theo nghề đâu dẽ, may là nghề đã chọn tôi!". Ngừng giây lát như để lấy đà, rồi ông nói liền mạch: "May thứ hai, năm 1956, tốt nghiệp phổ thông trung học, cũng là năm Trường Đại học Tổng hợp thành lập, có Khoa Văn cho tôi thi đỗ và là sinh viên khóa I của trường. May thứ ba, mùa hè năm 1959, tốt nghiệp đại học xong, vào đúng thời điểm Viện Văn học ra đời, tôi là sinh viên duy nhất của Khoa được phân về công tác ở Viện. Tại đây, được học hỏi, làm việc với các bậc thầy danh giá như Đặng Thai Mai, Cao Xuân Huy, Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, Trần Thanh Mại... May thứ tư, năm 1988, Viện Văn học tổ chức bầu Viện trưởng, tôi được đồng nghiệp dồn phiếu, giao giữ trọng trách quan trọng nhất. Trong bề bộn các công việc của Viện có 25 cuộc hội thảo nhận diện, đánh giá lại nhiều gương mặt tiêu biểu văn học thời tiền chiến là dấu mốc đáng nhớ trong 8 năm tôi làm Viện trưởng. May thứ năm là thôi chức Viện trưởng đúng thời điểm (năm 1995), tôi dồn toàn bộ thời gian, sức lực cho nghề nghiệp mình yêu thích. Nhiều ấn phẩm (22/30 ấn phẩm) của riêng tôi được xuất bản sau khi thôi chức Viện trưởng. May thứ sáu mà tôi cho là rất hạnh phúc, ấy là được làm thầy. Thời ấy, từ thập niên 1980 trở đi, tôi là giáo sư hiếm hoi của Viện Văn học được tham gia giảng dạy ở nhiều trường đại học khắp cả nước. Đó là hạnh phúc của người làm nghiên cứu, bởi viết và nói được song hành với nhau; đồng thời với viết, nghiên cứu là những bài giảng; cùng với bài giảng là hướng dẫn, đào tạo ở cả ba bậc: cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ...".

Ngắt lời ông, tôi chua thêm: “Tôi nghĩ, cái nůa để ông thành công với nghề là tài năng, là tư duy khoa học trời phú cho. Với lại, cái may, thậm chí rất may ấy là hạnh phúc gia đình, mà PGS. Văn Thanh (bà xã của ông) dịu dàng, thầm lặng gánh vác tất cả để ông yên bề “nghiên” chữ nghĩa cho đời. Điều này thì đồng nghiệp và hàng xóm của ông ở Viện Văn học đã bày tỏ trong buổi giao lưu gặp gỡ mừng ông vào tuổi 80!...”.

GS. Phong Lê gật gù: “Đúng. Đúng như vậy. Vợ con đã vì tôi mà chịu thiệt thòi nhiều bồ!”. Buông ra chỉ ngần ấy lời, rồi lại xoay ngay vào chuyện nghề: “Nghề nghiên cứu, phê bình, nói và viết trước hết phải có sở trường, phải yêu thích nó, phải có chút ít năng khiếu và sự đam mê không cùng!...”.

Mừng tuổi 80 của GS. Phong Lê trong căn phòng nhìn ra Hồ Tây của một nhà hàng trên đường Lạc Long Quân (do các con ông tổ chức cho bố) với chỗ ngồi hạn chế, nhưng thành phần dự khá rôm, từ “cao cấp” đến “thấp cấp” cùng đại diện các lứa thạc sĩ, tiến sĩ nhiều nơi trên cả nước; nhiều người đã làm nên tên tuổi, vậy mà trước GS. Phong Lê, họ như vẫn rất nhỏ bé, lời tri ân chan chan tình nghĩa... Xen vào đó là tâm tình của lãnh đạo các nhà xuất bản, của Giám đốc Trung tâm Di sản, các nhà khoa học, của người quê, của Hội Kiều học do ông làm Chủ tịch... mới thấy sức lan tỏa từ công việc, từ uy danh của GS. Phong Lê là quý hóa biết bao. Tặng hoa GS. Phong Lê, nhà văn Ma Văn Kháng nói lời tinh chất nhân quả: “Không có GS. Phong Lê thì không có nhà văn Ma Văn Kháng. Ma Văn Kháng đọng trong lòng bạn đọc là nhò lý luận, phê bình của Phong Lê”.

### Vun vỡ lịch sử văn học Việt Nam

Những ấn phẩm của GS. Phong Lê viết và chủ biên, đúng nghĩa là những công trình. Những công trình chứa đựng tài hoa,

uyên bác của “kiến trúc sư”, của những người thợ miệt mài chính chuẩn sử dụng chất liệu, vật liệu với con mắt thẩm mỹ tinh anh, trái tim nồng cháy, trách nhiệm lớn lao mới tạo nên được. Có liên tưởng như vậy, bởi người nghiên cứu và lý luận phê bình văn học phải kết hợp tư liệu do mình khám phá, phát hiện với năng lực tư duy khoa học, thẩm mỹ học, nhận xét tinh chắc, cảm xúc mãnh liệt mới tạo nên. Nhà nghiên cứu, phê bình văn học còn phải dòi dào ngôn từ hơn ai hết mới diễn tả đúng bản chất, làm sáng tỏ các vấn đề mang tính khoa học, học thuật. Người làm nghề này (tôi thiền nghĩ) còn phải có kỹ năng làm việc theo chương trình, theo đường hướng và liên tục trau dồi phương pháp khoa học cho mình, cộng tác với các chuyên ngành khác để vượt lên lối mòn. Đọc tên 30 ấn phẩm của GS. Phong Lê cùng cả chục đầu sách in chung, đủ thấy ông luôn luôn lấy thế giới quan Mác - Lênin làm nguyên tắc soi chiếu để nghiên cứu... Đàm đạo mới hay, Phong Lê còn làm hơn cả trăm lần tôi nghĩ.

Giáo sư Phong Lê nói cốt để tôi hiểu, lời rành rõ: “Nhìn lại chẳng đường nghiên cứu văn học của tôi có thể phân thành hai thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất, từ năm 1960 đến năm 1980 là những năm tháng tìm tòi, thử nghiệm, học tập. Thời kỳ thứ hai, từ năm 1980 đến nay là xác định đối tượng nghiên cứu, tập trung lý luận phục vụ sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Nghiên cứu, lý luận của tôi tập trung vào hai hướng: *Hướng thứ nhất*, khảo sát các hoạt động, các dòng chảy, các vấn đề văn học nhằm tìm đến quy luật phát triển của văn học Việt Nam thế kỷ XX. *Hướng thứ hai*, nhìn nhận lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX gắn với các gương mặt tác giả nổi bật trong mỗi thời kỳ, qua họ để làm đậm nét thêm bức tranh sinh động, đa sắc màu của văn học Việt Nam! Ông nói và dẫn giải bằng những công trình do ông sáng tạo ra trong mỗi thời kỳ...

Nâng trên tay hai ấn phẩm *Văn học Việt Nam hiện đại - Lịch sử và lý luận* và *Hiện đại hóa và đổi mới văn học Việt Nam thế kỷ XX*, tôi nói: “Qua đây, thấy rõ Giáo sư hết mình vun vỡ xây dựng lịch sử văn học Việt Nam”. Tôi nhắc đi nhắc lại điều này, nhưng Phong Lê không bắt thảng vào vấn đề, hình như ông ngại sự vơ vào cho mình, hình như ông sợ gây nảy sinh tính đố kỵ của ai đó. Ông nói, âm thanh vừa đủ, cốt để tôi nghe, một mình tôi biết: “Nhầm gắn nối, theo lịch sử, những vấn đề xuyên suốt thế kỷ XX, từ nhu cầu *hiện đại hóa* trong nửa đầu thế kỷ đến yêu cầu *đổi mới* cuối thế kỷ, sau 30 năm chiến tranh và cách mạng, với những thử nghiệm trong xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc từ sau năm 1954 và cả nước từ sau năm 1975 - đó là cái đích tôi muốn thực hiện ở các công trình này như là một bước chuẩn bị cần thiết trên con đường tiếp cận một bức tranh tổng quan về văn học Việt Nam thế kỷ XX mà tôi đang tiếp tục theo đuổi. Chỉ một thế kỷ đã qua, nhưng chưa đựng trong nó biết bao biến động, vừa là sự gấp rút chuyển đổi mô hình từ trung đại sang hiện đại, vừa trong một sự phát triển theo gia tốc lịch sử rất đáng kinh ngạc, để từ chỗ là một nền văn học trong trạng thái phong bế của xã hội phong kiến - thuộc địa hàng nghìn năm mà tiến đến một nền văn học có đủ tiềm năng cho một cuộc hội nhập lớn với văn học nhân loại trong kỷ nguyên toàn cầu hóa”.

Trong các tập sách xuất bản, với chức danh là nhà nghiên cứu, lý luận phê bình văn học, có lẽ Phong Lê là người viết nhiều nhất về chân dung các tác giả văn học. Ngòi bút linh hoạt trong khắc họa nên đọc chân dung nào do ông viết, tôi cũng nhận ra nét riêng biệt, chi tiết “định” cốt cách của mỗi nhà văn. Đặc biệt với các tác giả Nguyễn Du, Hồ Chí Minh và Nam Cao... Tôi vừa dứt lời, Phong Lê tiếp ngay:

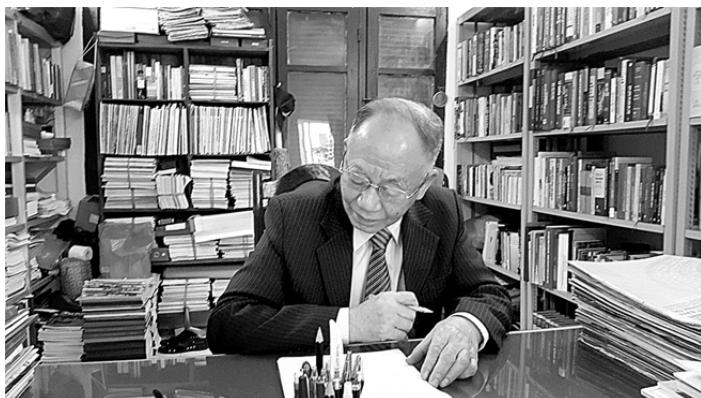
- Đúng vậy. Đúng vậy. Tạo nên dòng văn học, làm nên nền văn học ở quốc gia nào cũng vậy, bắt đầu là người viết, là tác giả, là lực lượng sáng tác. Bởi thế, tôi rất coi trọng những gương mặt có đóng góp cho quá trình hiện đại hóa văn học. "Những chân dung tiêu biểu", "Văn và người", "Người trong văn" tôi đã viết, như thế vẫn chưa đủ, tôi đang và sẽ còn viết tiếp. Viết về Nguyễn Du, bởi Nguyễn Du là danh nhân văn hóa, là đồng hương xứ Nghệ của tôi. Yêu văn học, nói đến văn là nói tới nghệ thuật sử dụng ngôn từ, thì không có ngôn từ nào giàu thẩm mỹ, gợi thanh, gợi sắc, gợi hình tuyệt vời như *Truyện Kiều*. Sức sống *Truyện Kiều* của Nguyễn Du; nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Nguyễn Du đã thành cốt cách văn hóa, nhân văn tiêu biểu của dân tộc. Với Hồ Chí Minh - bởi Bác của chúng ta là anh hùng giải phóng dân tộc, là lãnh tụ duy nhất của thế kỷ XX có ít nhất ba tác phẩm để đời, như: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, nhân danh những người bị áp bức trên toàn thế giới tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân; *Nhật ký trong tù* như một bức tự họa về ý chí kiên định cách mạng của Bác trong những năm lao tù của đế quốc đầy đọa; và *Tuyên ngôn độc lập* - một áng văn hào hùng, đanh thép, lý lẽ chặt chẽ có một không hai về quyền độc lập của dân tộc Việt Nam... Với Nam Cao, bởi tôi từng gắn bó với Nam Cao, bị ám ảnh bởi truyện ngắn của Nam Cao - tác giả thành danh từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ông là nhà văn biệt tài về khắc họa thân phận người nông dân nghèo bị tha hóa như nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên; và bi kịch nghèo khổ mòn mỏi của anh giáo Thú trong tác phẩm *Sông mòn*... - nó là thân phận chung của trí thức trong xã hội thuộc địa, và cũng không riêng trong xã hội thuộc địa...

Miệt mài công việc nghiên cứu, lý luận văn chương, Phong Lê nối dài thành công theo tuổi tác. Ông vinh dự được Nhà nước phong tặng học hàm Giáo sư (năm 1991), Giải thưởng Nhà nước

về Khoa học công nghệ (năm 2005) cùng rất nhiều các giải thưởng chuyên ngành. Suốt cuộc đời khuôn trong chu trình: *Đọc, đi, nghĩ, nói, viết*. Hỏi chặng đường đi tiếp, Phong Lê chậm rãi: “Trời còn cho sống thì còn viết, viết đều, viết nữa, viết như lẽ sống ở đời!”.

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## THẤU HIỂU, THẤU CẢM VỚI BÁC VÀ ĐÁNG KÍNH YÊU



GS.TS. *Hoàng Chí Bảo*

Từng đọc những công trình nghiên cứu khoa học xã hội của Giáo sư Hoàng Chí Bảo từ những năm 80 của thế kỷ XX. Từng biết về “tai nạn nghè nghiệp” bởi cái sự “thông minh quá sớm” của ông hệt như đồng chí Kim Ngọc, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú của chúng tôi thời “khoán sản phẩm” xóa khố cho dân. Còn Giáo sư Hoàng Chí Bảo lại viết sách *Chủ nghĩa xã hội hiện thực - khủng hoảng, đổi mới và xu hướng phát triển* ngay sau khi Liên bang Xôviết sụp đổ. Ông mổ xẻ, phanh phui nội tạng ung nhọt; chỉ rõ nguyên do dẫn tới đổ vỡ như một lẽ tất nhiên; nhưng sẽ là bài học có hậu để chủ nghĩa xã hội phục hưng, đứng dậy, vươn lên, tươi sáng vào thế kỷ XXI... Lập tức ông bị “ngừng” chức Viện trưởng Viện Chủ nghĩa xã hội

khoa học, kèm quyết định đi “thực tế” tại các tỉnh biên giới; sau được rút về “khảo sát” các doanh nghiệp ở Hà Nội! Cái lý người ta quy chụp “xử lý” ông là vì ông chỉ phê phán những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực Xôviết mà không đề cập đúng mức tới sự phá hoại dữ dằn của các thế lực phản động thuộc phe đế quốc! Tôi quý trọng, coi ông là nhà nghiên cứu lý luận chính trị sắc sảo ngay từ thời ấy. Sau này, tôi càng phục tài nghiên cứu ở độ “thấu hiểu” sâu sắc về tri thức, kiến thức; đắm say truyền cảm cho người nghe bằng sự “thấu cảm” về tình người, nồng ấm, chân tình; đặc biệt những khi ông nói về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu!

### Nghiên cứu để thấu hiểu

Cuối năm. Công việc bôn bè, nhưng tôi vẫn có được cuộc trò chuyện trong căn phòng làm việc của ông trên tầng 3, số nhà 56B Quốc Tử Giám, Hà Nội. Căn phòng quá xưa cũ. Chẳng giống với những quan chức, những vị học hàm, học vị nào của thời nay giữa thủ đô hoa lệ. Khác người, hơn người có lẽ là sách, sách chất ngất trên giá cao ép sát ba bề tường, hệt như thư viện thu nhỏ. Nhưng, thư viện này lại chỉ có mỗi một người luôn cặm cụi bên chiếc bàn gỗ mộc, miệt mài đọc, nghiên cứu, ghi chép, suy ngẫm, viết và truyền đạt, đó là Giáo sư Hoàng Chí Bảo. “Thư viện” của những tập, những bộ sách quý, trong đó có tới hàng chục cuốn do Giáo sư Bảo sáng tạo ra, như: *Chủ nghĩa xã hội dân chủ - Huyền thoại và bí kịch; Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh; Văn hóa đạo đức Hồ Chí Minh và xây dựng văn hóa Đảng trong tình hình hiện nay; Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin...* cùng nhiều cuốn đồng tác giả, như: *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh* (Sách chuyên khảo); *5 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh - 5 bảo vật quốc gia* (Sách chuyên khảo); đặc biệt

cuốn sách *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh* của ông được nhận Giải thưởng Sách hay.

Phong thái bình dị, khuôn mặt phúc hậu, thoảng nét khắc khổ, lời nói nhỏ nhẹ thân tình, chắc chắn. Suốt cuộc trò chuyện với tôi, lời ông trôi chảy đến lạ lùng khi đã ở tuổi “xưa nay hiếm”. Tôi hỏi:

- Cơ duyên nào đưa ông đến với nghề nghiên cứu lý luận chính trị?

Nét mặt tươi sáng, ánh mắt trong trẻo, lời như thần lực cuốn hút người nghe. Ông nói:

- Thân phụ tôi là nhà giáo. Anh chị em chúng tôi cũng là nhà giáo. Anh trai tôi, nhà giáo Hoàng Năng Định, dạy môn Lịch sử Trường Phổ thông trung học Chu Văn An, là nhà giáo ưu tú. 20 tuổi, tôi đã đứng lớp giảng văn cho lớp lớp học sinh phổ thông trung học. Sau đó, cuộc đời tôi lại có bước chuyển từ dạy văn sang nghiên cứu triết học và tôi gắn bó nhiều chục năm nghiên cứu triết học chính trị và văn hóa chính trị. Năm 1975, đất nước thống nhất, tôi được cử đi học ở Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, Phân hiệu V. Bốn năm sau tốt nghiệp, tôi được phân về công tác tại Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương (Vụ Nghiên cứu những vấn đề lý luận trong nước, tiền thân Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học sau này). Năm 1982, Trung ương cử đi nghiên cứu sinh ở Viện Hàn lâm Khoa học xã hội, trực thuộc Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (AOH). Năm 1986, tốt nghiệp tiến sĩ, trở về làm việc tại Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Năm 1988, đảm nhận Phó Viện trưởng rồi Viện trưởng Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học. Sau “tai nạn nghề nghiệp” (năm 1993)... tự dung ông khụng lại, nét mặt thoảng buồn: đi thực tế một năm rồi chuyển sang làm Nghiên cứu viên cao cấp của Viện Mác - Lê nin - Hồ Chí Minh. Sau Đại hội VIII, Viện Mác - Lê nin - Hồ Chí Minh sáp nhập vào Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tôi làm giảng viên

cao cấp của Học viện. Năm 2003 là Ủy viên Thường trực chuyên trách Hội đồng Khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Năm 2006, được Ban Bí thư điều về Hội đồng Lý luận Trung ương làm Chuyên gia cao cấp, Ủy viên kiêm Thư ký khoa học chuyên trách của Hội đồng suốt hai nhiệm kỳ X và XI. Ngày 01/9/2016, Ban Bí thư có quyết định điều động về Học viện để nghỉ hưu... Nghỉ theo chế độ, nhưng tôi vẫn tiếp tục nghiên cứu, giảng dạy phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trung ương!...

Tôi chen lời:

- Nghiên cứu là công việc quan trọng, nhưng cũng hết sức nghiệt ngã. Căn có gì mà Giáo sư lại đam mê đến vậy?

Ông nói luôn, nói liên mạch, cứ như công việc ấy, nghề nghiệp ấy là máu thịt của con người ông:

- Nghiên cứu là để thấu hiểu. Nghiên cứu lý luận bao hàm việc thu thập dữ liệu, dữ kiện, thông tin; phân tích, diễn giải để gia tăng sự hiểu biết về một chủ đề hay một vấn đề nào đó nhằm phát triển tri thức cho người đọc. Nghiên cứu gồm các bước: đặt câu hỏi, thu thập dữ liệu để trả lời cho câu hỏi, trình bày, lý giải về câu trả lời đó một cách chặt chẽ, khoa học nhất. Tôi làm công việc này (kể cả giảng dạy), tính ra đã 52 năm. Các dòng nghiên cứu chính mà tôi để nhiều công sức trong hơn 30 năm qua từ khi Đảng khởi xướng đường lối đổi mới bao gồm: *Lịch sử và lý luận chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và hệ thống chính trị; Văn hóa và con người; Giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ; Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh...* Thể hiện qua các công trình sách, báo, trong đó có nhiều bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí lý luận chuyên ngành như Tạp chí Cộng sản, Triết học, Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng, nhiều sách chuyên khảo và sách đồng tác giả...

Vẫn chất giọng say sưa, đâm ấm, ông nói cứ như để giải bày, tâm sự mong đợi những tiếng nói đồng cảm của mọi người:

Nghiên cứu không chỉ là phân tích, diễn giải để tăng sự hiểu biết mà phải bằng cả tình cảm tâm huyết với cuộc sống, với con người, đặc biệt khi nghiên cứu về Bác Hồ. Tôi luôn tự hỏi: Làm sao Bác của chúng ta có tài chinh phục và thuyết phục lòng người đến vậy, vì sao Người có thể cởi áo khoác cho kẻ thù, ôm hôn kẻ thù? Tôi có may mắn được tiếp xúc, làm việc nhiều lần với Đại tướng huyền thoại Võ Nguyên Giáp. Tôi không thể nào quên lời căn dặn của Đại tướng về việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Ông thật sâu sắc khi nhắc nhở tôi phải để tâm đến những cụm từ mà Bác Hồ luôn phân định: chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lê nin, chủ nghĩa Mác - Lê nin ở những thời điểm khác nhau. Cũng như các tổ hợp từ không đồng nhất khái niệm: thực tiễn, thực tế và thực hành trong tư duy và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý, là điểm xuất phát, là cội nguồn mà cũng là chỗ đến của mọi tri thức, mọi chân lý; thực tế là những công việc cụ thể, trong hoạt động, trong văn cảnh cụ thể, các việc làm thực tế; thực hành là học và hành, nói đi đôi với làm, thực hành trong thực tế: “Tiễn hành hậu thuyết”.

Bác Hồ là nhà tư tưởng, là một triết gia. Đó thực sự là nhà tư tưởng mácxít sáng tạo lớn, đầy bản lĩnh với một phong cách đặc sắc, riêng có. Người không hề dùng ngôn ngữ hàn lâm, bác học, mặc dù Người có trí tuệ thông thái, uyên bác. Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng mang cốt cách hiền triết Á Đông, đậm bản sắc Việt Nam “ý tại ngôn ngoại, hàm súc dư ba”, “tư tưởng ở giữa hai dòng chữ”. “Triết học vô ngôn” và “Thông điệp không lời” - đó là nét đặc sắc trong phong cách tư duy và tư tưởng Hồ Chí Minh. Triết lý sống của Người là vì dân, cho dân. Thọ 79 tuổi, Bác của chúng ta có tới 175 cái tên. Trong đó bút danh viết báo có tới 150. Bác không có gia đình riêng, mà lại mang những cái tên rất đẹp như Thanh Lan, Diệu Hương, Tuyết Trinh, Hồng Liên. Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho chúng ta biết

xuất xứ những cái tên ấy của Người. Người viết những bài báo tố cáo, lên án thực dân, đế quốc thống trị dân ta và làm nhục phụ nữ. Người đấu tranh bảo vệ nhân phẩm phụ nữ nên những bài báo của Người mang những bút danh như vậy để che mắt kẻ thù, còn tuyệt nhiên, *Người không một chút riêng tư nào*. Hơn nữa, Người là Ái Quốc, còn là Ái Dân... cả đời Bác vì dân vì nước. Chữ Dân có tần số lớn nhất trong các bài nói, bài viết của Người. Trong tư duy, trong ứng xử, trong hành động, Bác của chúng ta đều *sống vì dân, cho dân*. Người dạy: “Phục vụ nhân dân là phục tùng một chân lý cao nhất”, “Cái gì đúng cho dân, tốt cho dân cái đó là chân lý”. Những ngày cuối đời, nước sông Hồng dâng cao, Trung ương Đảng xin phép đưa Bác đi tránh lũ, Bác bảo: “Không thể bỏ dân mà đi được. Đưa Bác đi, các chú chỉ đưa được mình Bác, còn dân thì sao?”...

Giọng xúc động, Giáo sư nói, tôi không thể nào quên câu đối trong đền thờ Bác ở đảo Cô Tô: “*Tận trung với nước, xã tắc son hà là thiêng, tận hiếu với dân, độc lập tự do là quý*”. Đó là điều cốt lõi trong tư tưởng của Người, mang sắc thái của nhà hiền triết, minh triết, thông tuệ, sâu sắc, trực cảm, mãn tiệp. Người dạy chúng ta: “Ở đời thì phải thân dân, làm người thì phải chính tâm”! “Thân dân” nên suốt đời Người gần dân, trọng dân và ra sức thực hành dân chủ. “Chính tâm” nên suốt đời Người nêu cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân, ở ngoài vòng danh lợi. Lời giản dị mà sâu sắc, thấm thía!...

### **Từ trái tim đến với trái tim**

GS.TS. Hoàng Chí Bảo là người nổi tiếng. Nổi tiếng trong nghiên cứu lý luận chính trị. Nổi tiếng về nghệ thuật giảng dạy lý luận chính trị. Nổi tiếng về sức cảm hóa người nghe qua các buổi nói chuyện trước đám đông; đặc biệt là các cuộc nói chuyện về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tôi đã đôi lần đi đây đi đó, gặp gỡ người Việt Nam sinh sống ở các nước Cộng hòa Séc, Đức, Pháp, gần đây là Thái Lan... họ đều bày tỏ niềm ngưỡng mộ, khâm phục nghệ thuật truyền đạt, sức cảm hóa mãnh liệt của Giáo sư Hoàng Chí Bảo qua các cuộc nói chuyện về Bác Hồ (theo lời mời của Đại sứ quán Việt Nam) khiến họ vô vàn kính yêu Bác và da diết nhớ về Tổ quốc Việt Nam thân yêu của mình. Nhưng khi ấy, tôi chỉ nói thêm: "Giáo sư là người nghiên cứu sâu nên thấu hiểu, là người giàu cảm xúc nên thấu cảm. Ở trong nước, Giáo sư từng nói chuyện với đủ các thành phần, các đối tượng, từ Trung ương tới địa phương. Đi nhiều, nghe nhiều như những nhà báo chúng tôi mà vẫn say khi nghe ông nói, bất kỳ đề tài nào" ... Bởi thế, Đảng và Nhà nước mới ghi công ông bằng việc phong học hàm Phó Giáo sư (năm 1992), Giáo sư (năm 2003), tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú (năm 2012) cùng nhiều huân, huy chương; trong đó có Huân chương Độc lập hạng Ba và vô số bằng khen, trong đó có Bằng khen của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về thành tích xuất sắc trong việc tham gia đấu tranh tư tưởng lý luận chống các quan điểm sai trái, thù địch của kẻ thù!... Tôi đem điều này phô lại với ông, nhưng ông lại đưa cuộc trò chuyện đi xa hơn:

- Đời người với công việc thường có cơ duyên, thậm chí may mắn, nhưng ít ai không trải qua những thăng trầm. Có điều là phải luôn tự vượt lên. Đứng ngồi để trách cứ. Một năm (1994) "được đi thực tế" dài hạn, tôi rất cố gắng nêu mới có được bản "Báo cáo khảo sát về tình hình doanh nghiệp của Hà Nội", được Ban Tổ chức Trung ương mời báo cáo sau chuyến đi thực tế đó, góp phần vào xây dựng đề án đổi mới doanh nghiệp. Từ năm 1995, tôi trở lại công việc chuyên môn của mình, được mời nói chuyện, được đi cùng nhiều đoàn nghiên cứu của Trung ương tới nước này nước kia, giúp thu lượm nhiều điều bổ ích... Là Ủy viên

Thường trực chuyên trách Hội đồng Khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Tô Huy Rứa, Giám đốc Học viện lúc đó, tôi được giao soạn thảo Chiến lược hoạt động khoa học 10 năm (2005 - 2015) của Học viện, trong đó trù tính việc đào tạo, bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ, giúp họ trưởng thành nhanh trong thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy. Tham gia Hội đồng Lý luận Trung ương, tôi được giao viết nhiều bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các báo cáo đề dẫn các cuộc hội thảo khoa học quốc tế lớn của Đảng ta với các đảng bạn. Tôi cũng tham gia xây dựng, thiết kế các chuyên đề nghiên cứu của Trung ương, chủ biên bộ giáo trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh* hệ đào tạo lý luận cao cấp của Học viện Chính trị, Bộ Công an và Giáo trình *Chủ nghĩa xã hội khoa học* cho bậc đại học, tham gia giảng về chủ nghĩa xã hội và tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho 6 lớp nguồn của Trung ương... Hướng dẫn khoa học cho các luận án, luận văn của 30 tiến sĩ, 50 thạc sĩ trong đó có cả học viên của Lào và Hàn Quốc. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội cũng mời tôi giúp các nghiên cứu sinh đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) sang nghiên cứu về Việt Nam. Họ muốn tìm hiểu những nghiên cứu của các học giả Việt Nam về dân chủ, về hệ thống chính trị Việt Nam, về văn hóa Hồ Chí Minh. Tôi đã cố gắng đáp lại yêu cầu của họ thông qua các bài giảng chuyên đề, các thảo luận, tọa đàm khoa học. Công việc và công việc nên tôi luôn được sống trong lòng bạn bè, đồng chí, độc giả và thính giả. Họ luôn là niềm khích lệ, tạo cảm hứng cho công việc của tôi!...

- Giáo sư từng nói: Muốn rung động người nghe thì người truyền đạt phải thực sự thấu hiểu, thấu cảm vấn đề. Cơ duyên nào khiến Giáo sư thấu cảm về Bác sâu xa đến vậy? - Tôi hỏi.

### Ông đáp ngay:

- Tuổi 20 tôi đã giảng *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho học sinh trung học. Sau, theo nghề nghiên cứu lý luận chính trị, triết học và Hồ Chí Minh học (khoa học nghiên cứu về Hồ Chí Minh), cùng với việc giảng dạy lý luận như mạch nỗi, liên tục ngày nối ngày cho tôi cảm xúc về Bác, hiểu sâu thêm triết lý sống vì dân, vì nước của Người. Nhưng, dấu ấn đầu tiên, bước ngoặt quan trọng đầu tiên để tôi thấu hiểu về Bác, ấy là lúc 9 giờ sáng ngày 09/9/1969, dự Lễ truy điệu Bác tại Quảng trường Ba Đình, nghe 5 lời thề trong Đieu văn do Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc âm rung tận đáy lòng tôi, cảm giác ấy khiến tôi thầm hứa: Phải học, phải nghiên cứu để thấu hiểu hơn nữa về Bác Hồ kính yêu của dân tộc! Thế rồi, những năm học tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, Phân hiệu V (lúc đó trường đặt ở Khoái Châu, Hưng Yên) và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội (Liên Xô), mỗi khi gặp khó khăn, tôi thường nghĩ về sự dấn thân của Bác, càng tập trung đọc, nghiên cứu, suy ngẫm để thấu hiểu những luận điểm của Bác về con người, về xã hội... Những mảng tư liệu tôi chú tâm nghiên cứu về Bác, trước hết là: (1) Những đánh giá của thế giới về Người qua các đối tượng khác nhau, ở các nước có chế độ xã hội khác nhau để soi chiếu một cách rộng lớn và toàn diện; (2) Thơ văn trong nước và thế giới viết về Người, ngợi ca Người, đặc biệt khi Người qua đời; (3) Các tác phẩm lý luận, báo chí và thơ, văn tiêu biểu của Người... Nhờ đó giúp tôi hiểu sâu, xúc cảm, tin yêu mãnh liệt với Bác. Cho nên tôi nghiệm ra “Chỉ từ trái tim mới đến được với trái tim”. Nếu mình không rung động, không thấu hiểu, thấu cảm thì đừng mong truyền cảm đến người khác. Bác của chúng ta là con người chân thực, bình dị, không ưa những lời to tát, đại ngôn; “tâm hồn Bác luôn lặng gió thời đại” (lời của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng) nên qua thơ văn ta dễ hiểu, dễ nhận biết về cảm xúc

của Người. Thâm tâm tôi tự thấy mình có những nét đồng điệu với Người; đại thể, gốc quê ngoại Bác và quê ngoại của tôi cùng ở Hưng Yên. Mười tuổi Bác Hồ mồ côi mẹ, tôi cũng thế. Đọc Bác tôi rất đồng cảm, tình cảm thắm sâu vào mỗi con người, mỗi cuộc đời, mỗi số phận con người. “*Giản dị, lão thực, hiền minh*” đúng như lời nhận định của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng về Bác. Tôi nghiên cứu Bác không chỉ từ lý luận, mà còn bằng tình cảm, bằng lòng thành kính của người con, người cháu nặng lòng tri ân với Bác. Suốt 27 - 28 năm qua tôi đi nói chuyện về Bác; về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác suốt từ Bắc chí Nam và với cộng đồng người Việt đang sinh sống, làm việc ở một số quốc gia thuộc châu Âu, châu Á. Tính ra đã có cả ngàn cuộc nói chuyện về Bác, cuộc nào tôi cũng bộc lộ hết mình tình cảm của tôi với Bác.

Ảnh tượng của tôi với đối tượng nghe tôi giảng, nghe tôi nói cũng khó để kể hết. Nhưng điều tôi ngầm ngợi và theo suốt trong tôi, ấy là những cuộc nói chuyện với thanh niên, sinh viên các trường Đại học, với cả các cháu học sinh trung học, tiểu học ở một số nơi tôi đến. Tôi truyền cảm hứng tình yêu thương, kính trọng của tôi về Bác tới họ, và đó trong ánh mắt, trong những lời thô lộ của họ, nhận ra tình cảm hết sức hồn nhiên trong sáng, một lòng kính yêu, học theo Bác, theo Đảng. Họ luôn mong mỏi cán bộ, đảng viên phải nêu gương, phải thực sự làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác; nói phải đi đôi với làm để họ tâm phục, khẩu phục... Đối tượng nữa lay động tâm can tôi, đó là những người mù, khiếm thị. Nghe tôi nói chuyện về Bác, kể những mẫu chuyện bình dị đời thường của Bác, tôi thấy lầm người bặt khóc, những giọt nước mắt lăn lăn trên má họ. Vậy là tình thương yêu Bác từ lâu rồi vẫn rất bền chặt trong lòng dân. Họ không nhìn thấy tôi bằng mắt nhưng chúng tôi lại nhận rõ nhau bằng trái tim. Trái tim đồng điệu, vô cùng kính yêu Bác Hồ, thiết tha học và noi

gương Bác. Không ít hội viên Hội Người mù thiết tha được đứng trong đội ngũ của Đảng, Đảng do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện. Nguyên vẹng và tấm lòng chân thành ấy của họ làm tôi vô cùng xúc động.

Chốt lại cuộc trò chuyện, ông bảo: “Suốt cuộc đời Bác vì nước, vì dân, “Ái Quốc - Ái Dân”, “Phục vụ nhân dân là phục tùng một chân lý cao nhất”, “Cái gì đúng cho dân, tốt cho dân cái đó là chân lý”. Cho nên với tôi, mà đâu chỉ riêng tôi, muốn học Bác, noi gương Bác thì phải thấu hiểu, thấu cảm. Đó là tri thức, là tình yêu, là tâm hồn cho ta lớn khôn”.

Tạp chí *Cộng sản* (Số đặc biệt Tết Mậu Thân 2018).

## ĐỜI CÁCH MẠNG SÁNG MÃI VỚI NHÂN GIAN

**T**ừ vùng quê nuôi bền ý chí

Âu Cơ - đất chiến khu kháng chiến chống thực dân Pháp, chiếc nôi sinh ra Trần Quang Bình (Tổng Giám đốc Nha Thông tin và Tổng cục trưởng đầu tiên của ngành Bưu điện, nay thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông). Âu Cơ quê hương tôi, ngày xưa bao gồm Nang Sa, Động Lâm và Quận Khê thuộc bắc phần tỉnh Phú Thọ, nam phần tỉnh Yên Bai, đông nam thị trấn Nghĩa Lộ. Quê tôi, địa hình hiểm trở với núi Nà chạy dài theo bờ ngòi Lao; núi Giác ngăn cách ngòi Vân với đường 24, núi Muỗi như đáy chiếc thúng đại; án ngữ phía trong nhìn ra sông Hồng. Vùng Âu Cơ quê tôi có tới 7 con đường mòn tỏa ra tám phía. Từ đây có thể qua sông Hồng để xuôi ngược Hà Nội - Yên Bai, Lào Cai bằng đường xe lửa, đường sông, hoặc đường 32C liên tỉnh, v.v..

Vị thế thiên tạo này khiến cho Nang Sa (nay là Hiền Lương) từ xa xưa ấy đã trở thành nơi hội tụ buôn bán giao thương của tỉnh Phú Thọ. Nơi đây, sử sách ghi rằng: Những ngày đầu, Tổ quốc bị thực dân Pháp xâm lược, các sĩ phu yêu nước trong phong trào Văn Thân đã xây dựng thành đất đứng chân để phát cao ngọn cờ dân tộc. Tướng Hoàng Tú Trung lập căn cứ ở khu Vân - Hiền Lương. Các ông Nguyễn Văn Giáp và Nguyễn Quang Bích đóng quân ở đây rồi tiến đánh giặc Pháp ở Tuần Giáo (Sơn La). Nơi đây cũng đã diễn ra trận phục kích ở đèo Gỗ diệt một số tên lính Pháp và bắn

trọng thương tên quan tu (Bô Đanh)... Nhưng rồi, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, phong kiến tay sai, dân quê tôi sống trong điêu đứng lâm than, sưu cao, thuế nặng, đi phu, đi lính. Bọn địa chủ, cường hào được đế quốc bợ đỡ ra súc chiếm ruộng đất của dân cày. Nhiều người phải bỏ quê tha phương cầu thực. Phải ăn vay nặng lãi, còng lưng lam lũ bán mặt cho đất, bán lưng cho trời.



*Cổng đèn Tổ Mẫu Âu Cơ, quê Trần Quang Bình (Cổng xưa)*

Ngày 04/02/1915, Trần Quang Bình (tức Nguyễn Văn Dī) chào đời trên đất Nang Sa lầm than ấy. Cha, mẹ đồng cảnh với dân cày, thọ cấy, từng ru con bằng ca từ ai oán: “*Con ơi! Vay trôn đấu, trả trôn mâm/Cuộc đời cơ cực âm thầm nuôi con*”. Năm 9 tuổi (1924), anh Dī mồ côi cả cha lẫn mẹ. Người bạn chí thiết của bố anh là cụ Đặng Văn Lâm đã đón anh về nuôi, cho học đến hết lớp 5. Sau đó anh Dī được đi học nghề rồi vào làm thợ nguội ở Nhà máy xe lửa Gia Lâm. Năm 20 tuổi, Nguyễn Văn Dī bắt đầu hoạt động cách mạng. Tại đây, anh tham gia vận động tổ chức Ái hữu nghiệp đoàn.

Cùng với Ngô Gia Khảm, Nguyễn Văn Dĩ bí mật tổ chức và lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh ở nhà máy. Dĩ được kết nạp Đảng tại đây, sau làm Bí thư Chi bộ Đảng Nhà máy xe lửa Gia Lâm. Tháng 3/1940, anh bị thực dân Pháp bắt và bị giam ở các nhà tù Hòa Lò, Sơn La, Hòa Bình cho tới tháng 4/1944.

Ông Hoàng Tùng, bạn tù với Dĩ, nguyên Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam khoá II, III và IV, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, lúc sinh thời từng nói với tôi: "Nguyễn Văn Dĩ có những đức tính rất đáng quý: nói ít, làm nhiều; đối với công việc và đồng chí thì chu đáo từng ly từng tí. Ngoài công việc của một người tù, anh sửa chữa cơ khí cùng với anh em biết nghề. Anh để nhiều công sức dùng sắt tây làm bát, gamen, lập là cho tập thể những người ở tù... Hết hạn tù, Dĩ về nhận công tác ở Phú Thọ, tham gia chuẩn bị khởi nghĩa. Sau này, các anh em đã ở nhà tù Sơn La biết Trần Quang Bình được cử làm Tổng cục trưởng ngành Bưu điện chính là Nguyễn Văn Dĩ thì đều rất vui. Mọi người cho rằng đây là trường hợp dùng người rất đúng vì anh có đầy đủ đức tính cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ: trung thành, tận tụy, có ý thức trách nhiệm cao; phong cách làm việc, lối sống đoàn kết mọi người; đôi khi giúp mọi người mà quên đi bản thân mình... Trần Quang Bình (Nguyễn Văn Dĩ) dù khi là một tù nhân, hay giờ là một quan chức cao cấp, đều trước sau như một, là một người cộng sản, một nhân cách cao quý, trong sáng, một lối sống đạo đức".

Một ngày tháng 10/1944, heo may tới, trời se lạnh, chim ngồi tung đòn bay về chao cánh đáp xuống đồng mùa, lúa chín rộm quê tôi. Có tin các cán bộ đảng ở Trung ương, sau này mới biết đây là đồng chí Hạ Bá Cang (tức Hoàng Quốc Việt), Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ về bắt liên lạc với Dĩ, giao nhiệm vụ cho anh cùng đồng chí Bình Phương (tức Nguyễn Đức Vũ) xây dựng Nang Sa - Hiền Lương

thành cơ sở đón tù chính trị vượt ngục ở Sơn La về tạm trú, và cũng là nơi trú chân cho các cán bộ đảng và Mặt trận Việt Minh ở miền xuôi lên đang bị địch khủng bố, truy lùng; đồng thời xây dựng nơi đây thành căn cứ du kích để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Phú Thọ, Yên Bai. Nguyễn Văn Dĩ trở thành người vận động cán bộ các địa phương đứng ra lập trang trại; bề ngoài thì Dĩ như ông chủ đồn điền đang khai khẩn đất hoang, thuê mướn người tú xú đến làm ăn; thực chất bên trong thì luyện tập xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị nhận lệnh khi thời cơ đến. Tháng 11/1944, đợt vượt ngục thứ nhất về Âu Cơ có 7 đồng chí, trong đó có đồng chí Lê Thanh Nghị. Tháng 02/1945, đợt vượt ngục thứ hai có 50 đồng chí, trong đó có đồng chí Trần Quốc Hoàn... Căn cứ du kích ở Âu Cơ quê tôi mạnh lên, anh Dĩ cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương cử về đây đã lãnh đạo đội du kích đi phá kho thóc của Nhật ở Vân Hội và ở Mị, kịp thời cứu đói cho dân trong vùng và chống trả thành công các cuộc đánh lấn của giặc. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, nhân dân khắp nơi đã vùng lên khởi nghĩa thắng lợi. Ngày 02/8/1945, quân ta đánh chiếm huyện lỵ Hạ Hòa. Ngày 21/8/1945, giành chính quyền ở tỉnh Yên Bai. Ngày 23/8/1945, anh Nguyễn Văn Dĩ là người chỉ đạo và tham gia cướp chính quyền tỉnh Phú Thọ... Nhũng năm tháng sau đấy (từ tháng 9/1945 đến tháng 8/1946), Nguyễn Văn Dĩ là Bí thư lâm thời Tỉnh ủy Phú Thọ kiêm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh. Và từ tháng 8/1946 đến tháng 8/1949, anh công tác ở Tổng Liên đoàn, trong Ban Thường vụ Liên hiệp Công đoàn Hà Nội, Thành ủy viên Thành ủy Hà Nội; rồi sang phụ trách An toàn khu II; Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình; Khu ủy viên Ban Thường vụ Liên khu 3; Trưởng Ban giao thông liên lạc Trung ương - ban đầu tiên có trong hệ thống tổ chức của Đảng ta ngày ấy... Cái tên Trần Quang Bình là tên gọi chính của anh Nguyễn Văn Dĩ sau này, thực ra cũng chỉ

mới có từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công. Nhớ đến người mẹ đã sinh thành, anh lấy tên bí danh mang họ mẹ... Tất cả, tất cả những gì đã qua của thời trai trẻ ấy được kết lại trong trái tim nồng nàn cách mạng, thôi thúc Trần Quang Bình gắn bền với ngành Bưu điện Việt Nam cho tới tận cuối đời.

### **“Xây nền đắp móng” bền sâu**

Suốt gần 30 năm (1949 - 1976) gắn bó với ngành Bưu điện, công việc của ông Trần Quang Bình (với cương vị Tổng Giám đốc Nha Thông tin, rồi Tổng Cục trưởng ngành Bưu điện) trong suốt hai cuộc kháng chiến của dân tộc ta, chống lại và chiến thắng sự xâm lăng của hai đế quốc mạnh và tàn bạo nhất thời từ châu Âu, châu Mỹ. Theo dòng chảy thời gian, có thể khẳng định: Lịch sử ngành Bưu điện Việt Nam là lịch sử đáng ghi công trong những trang sử hào hùng của dân tộc. Đó là trang sử của những chiến công, những kỳ tích thầm lặng của các chiến sĩ giao bưu, thông tin liên lạc khắp mọi miền Tổ quốc. Họ là những chiến sĩ xả thân cứu nước, nguy hiểm không sờn, biết tìm ra cách đi “từ không đến có”, “nối đứt thành liền”, “biến cũ thành mới”, “biến mất thành còn”... trong bom đạn ác liệt, ý chí bảo vệ “đường dây” của họ được biểu thị trong lời thề sắt son: “Máu anh chảy đến tim tôi/Một người ngã xuống muôn người đứng lên/Cùng nhau giữ lấy lời nguyền/Quyết đem xương máu nối liền “đường dây””.

Từ công việc với những phuong tiện thô sơ, từ lời thề và ý chí son sắt... rồi quyết tâm đi thẳng vào hiện đại... Suốt chặng đường lịch sử gian nan và trọng đại ấy, hình bóng Trần Quang Bình luôn hiển hiện như người thợ cẩn, người lính xứng quan trọng nhất suốt chiều dài đằng bện bề công việc. Đó là công việc trọng yếu, có vị trí cực kỳ quan trọng được thâu tóm trong lời chỉ giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại lớp tập huấn điện báo ngay những

năm chuẩn bị giành chính quyền, rằng: “Việc liên lạc là việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó đảm bảo thắng lợi”! Vai trò quan trọng ấy của thông tin bưu điện đã được kiến tạo và chứng minh hết sức hùng hồn:

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp đường giao thông liên lạc được lập từ vùng căn cứ địa Việt Bắc đến các liên khu, các tỉnh trong cả nước. Trong vùng địch tạm chiếm, vùng căn cứ du kích thì đường giao thông bám sát cơ sở nhân dân và luôn sâu vào cả các đô thị bị địch chiếm đóng. Hệ đài vô tuyến điện cũng được đặt từ Trung ương đến các khu, các tỉnh và thành phố. Đội ngũ giao thông viên với hàng chục vạn người luôn có mặt trên mọi nẻo đường đất nước, thầm lặng, dũng cảm xông pha, tập trung cao độ trên toàn mạng trong việc thông tin phối hợp các chiến trường trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ.

Trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược, đất nước bị cắt chia: ở khoảng thời gian này, mạng thông tin ở miền Bắc vươn lên từng bước phục vụ các chủ trương của Đảng, phục vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời chi viện đắc lực cho miền Nam và giúp đỡ nước bạn. Đây cũng là thời kỳ ngành đã vươn lên chính quy hoá mạng thông tin điện chính, cơ giới hoá bưu chính. Kỹ thuật tái ba và điện thoại tự động đã xuất hiện trên mạng lưới... Nhưng, khi đế quốc Mỹ đánh phá miền Bắc thì một lần nữa mạng thông tin lại chuyển hướng để phục vụ chiến đấu chống các loại hình chiến tranh phá hại của kẻ thù, đồng thời phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đường dây thông tin thực sự trở thành trận địa chống trả với bom đạn, giữ vững thông tin. Tay kìm, tay súng đi liền với thợ đường dây.

Ở miền Nam, đội ngũ thông tin và giao liên kiên cường đã dũng cảm đảm bảo thông tin trong mọi tình huống ác liệt. Chiến sĩ

giao liên đưa dẫn cán bộ, chuyển công văn, tài liệu từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc tạo thành tuyến đường vững chắc xuyên tới khắp các tỉnh, các huyện ở khắp miền Nam.

Ngày 30/4/1975, mốc chói lọi toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Nước non vẹn toàn một mồi. Thông tin bưu điện nhanh chóng hoà mạng, xác lập mạng thông tin thống nhất trên phạm vi cả nước... Điểm xuyết chặng đường công việc suốt mấy chục năm hàn sâu chiến tích ấy càng thấy nổi trội công lao của người thợ cả, người "lĩnh xướng" Trần Quang Bình. Những người trong ngành ở thời điểm ấy kể rằng: Vào những ngày ông Trần Quang Bình chính thức nhậm chức Trưởng Ban Giao thông liên lạc Trung ương, Giám đốc Nha Bưu điện, cũng là lúc Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Biên giới (chiến dịch Lê Hồng Phong II). Phục vụ chủ trương này, Trần Quang Bình đã nhanh chóng chỉ thị cho các trưởng ban giao thông liên lạc và ty bưu điện các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn... chuẩn bị người và dây máy phục vụ chiến dịch theo sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương. Mặt khác, đồng chí giao nhiệm vụ cho các đồng chí Vũ Văn Quý (lúc đó là Trưởng phòng 4, Nha Bưu điện) trực tiếp chỉ đạo hệ đặc biệt gồm các trạm và đường thư biên giới cùng đồng chí Phan Văn Chính, Trưởng ty đặc biệt; Nguyễn Xuân Huỳnh phụ trách đường thư đặc biệt Thái Nguyên - Cao Bằng; Nguyễn Văn Chất phụ trách đường thư đặc biệt trên quốc lộ 2, quốc lộ 4; củng cố các trạm, chuẩn bị đủ số lượng và chất lượng về giao thông viên, điện thoại viên, công nhân sửa chữa đường dây, sửa máy điện thoại để phục vụ chiến dịch... Quy cách chỉ đạo nhất quán, nhìn nhận toàn diện, sát sao, cụ thể, chọn người tin cẩn giao việc như thế cũng được Trần Quang Bình áp dụng để phục vụ chiến dịch Trung du (chiến dịch Trần Hưng Đạo), chiến dịch Hoàng Hoa Thám (Phả Lại,

Uông Bí)... Cứ thế, công việc hoàn thành, kinh nghiệm thêm giàu có!

Nhớ lại hồi đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Tổng Cục trưởng Trần Quang Bình lệnh cho Bưu điện Liên khu Việt Bắc, Tây Bắc, khu 3, khu 4, khu 5... trong tư thế chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng phục vụ theo sự chỉ đạo của cấp uỷ địa phương để phối hợp với chiến trường chính. Cơ quan Bưu điện Trung ương tập trung các cán bộ chủ chốt để triển khai mạng thông tin chiến dịch. Các đồng chí Trưởng và Phó ban Giao thông Trung ương trực tiếp chỉ đạo khâu quan trọng kể trên. Đài điện báo trung ương tăng phiên làm việc với đài địa phương... Dọc đường chiến dịch thì mở thêm trạm thư, chọn thêm người tin cẩn chuyển công văn, tài liệu, thư từ, báo chí... Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, ngày 10/10/1954, quân ta tiến về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, trong đó có đội ngũ những người của ngành Thông tin Bưu điện Việt Nam. Đây là công việc không ít khó khăn đối với ngành Bưu điện: vừa chuyển lệnh ngừng bắn, vừa tiếp quản Thủ đô... Lúc này Nha Bưu điện - vô tuyến điện Việt Nam cử gần 30 người dự lớp học về công tác tiếp quản do Trung ương tổ chức, mặt khác ngành cũng tăng cường cử người đến Hà Nội, điều tra nắm tình hình các cơ sở thông tin liên lạc hiện có của địch. Đồng chí Trần Quang Bình gửi thư kêu gọi anh chị em công nhân, viên chức bưu điện của chính quyền địch hãy nâng cao lòng yêu nước, xiết chặt hàng ngũ đấu tranh chống âm mưu phá hoại hoặc di chuyển máy móc vào Nam; bảo vệ máy móc, hồ sơ, tài liệu; chống thủ đoạn cưỡng bức di cư, chống sa thải, đòi cải thiện đời sống...

Khi cách mạng bước sang giai đoạn mới. Từ những năm 1961 - 1965, quán triệt nghị quyết Đại hội III của Đảng, ngành Bưu điện tập trung sức xây dựng mạng lưới thông tin bưu điện, tiến lên

chính quy, hiện đại, phục vụ các yêu cầu của nền kinh tế quốc dân và củng cố quốc phòng (trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất). Thực hiện kế hoạch: Phát triển mạng lưới thông tin, phát triển sự nghiệp phát thanh truyền thanh, xây dựng và phát triển công nghệ thông tin. Trong công cuộc chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, đồng chí đề xướng nâng dần chất lượng thông tin lên một bước theo hướng: “Giữa Trung ương và các địa phương tối thiểu có 3 mạch thoại, 2 mạch báo trên 2 tuyến khác nhau”.

Anh Trần Anh Chương, nguyên Trưởng Ban Đào tạo tuyên truyền của Tổng cục Bưu điện hồi đó, nguyên là Thư ký Toà soạn Tạp chí Tem Việt Nam, kể rằng:

- Tổng Cục trưởng Trần Quang Bình luôn coi trọng “Chiến lược con người”. Ông nhắc nhở: Bưu bao giờ cũng là gốc: “Với đội ngũ cán bộ của ngành Bưu điện, trung thành, dũng cảm phải là hàng đầu nhưng chưa đủ mà cần phải có kiến thức rộng và sâu!”. Cụ Bùi Liên Áp (tức Bùi Chính Tâm), lão thành cách mạng của ngành Bưu điện Việt Nam, nguyên Quyền Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học bưu điện - truyền thanh, suốt mấy chục năm (1950 - 1976) gắn bó với Tổng cục trưởng Trần Quang Bình, bồi hồi xúc động kể rằng: “Với tôi, kỷ niệm với anh Bình thì nhiều lắm. Có những kỷ niệm với anh kè bên cái chết. Ấy là ngày 21/10/1951, sau hai ngày tôi nằm viện tại ATK (an toàn khu), có giấy cho tôi ra viện; tôi đang chuẩn bị ba lô túi xách thì có thư của anh Trần Quang Bình cho người mang đến. Anh hỏi thăm sức khỏe và dặn dò tôi khi ra viện thì về làng Quỳnh (nay là thôn An Quỳnh, xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hoá, Tuyên Quang), nghĩa là ATK đã chuyển vùng. Về tới nơi, anh yêu cầu tôi nghỉ ngoi ít ngày, rồi giao tôi phụ trách công tác giáo dục - đào tạo. Anh bảo tôi quen việc rồi, nên phải đứng ra tổ chức trường, lớp; phải lo từ nội dung đến cán bộ giảng dạy. Tôi lập kế hoạch mở lớp đầu tiên là lớp công nhân

kỹ thuật gần 100 người sẽ học ở Đoan Hùng, Phú Thọ. Kế theo là lớp bổ túc các Trưởng ty (theo yêu cầu của anh Bình). Kế hoạch được anh chuẩn y. Giữa tháng 12/1951, tôi lại có mặt tại Nha Biên điện đóng ở làng Quỳnh gần đèo Gà. Mặt đất vùng này được tán rừng che phủ kín, sạch như bong, thoáng mát. Vậy mà ai ngờ hai chiếc máy bay phóng pháo của giặc cũng “tâm” được noi anh Bình và chúng tôi ở. Từng loạt đạn xé không khí xuyên táo vào các đám cây rừng. Anh Trần Quang Bình, tôi và Trần Cầm (thư ký đánh máy của anh Bình) mỗi người nhảy xuống một hầm ở phía đầu nhà làm việc. Máy cành cây to bị đạn cắt roi xuống, bịt kín miệng hầm của chúng tôi... Ngót tiếng máy bay, chúng tôi bò sang hầm khác. Và rồi tiếng rít xé không khí của máy bay địch lại vây lấy chúng tôi, đạn lại nổ liên hồi, ánh lửa loang loáng, vun vút trong rừng cây... Ngay sau đấy, suốt đêm chúng tôi lại lục tục chuyển địa điểm. Ấy là chuyện kề bên cái chết!... Còn chuyện để nhớ của tôi với anh, đấy là chuyện bồi dưỡng, đào tạo cán bộ. Có lần anh nhỏ nhẹ nói với tôi: - Ngày xưa mình ít học là do hoàn cảnh không cho phép. Ngày nay, mình phải lo cho cán bộ được học để khôn hơn mình, giỏi hơn mình!... Suy nghĩ ấy, ý tưởng ấy xuyên suốt trong công việc tổ chức, chỉ đạo của anh từ trong kháng chiến đến khi hoà bình. Cũng nhờ chủ động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nên Biên điện Việt Nam là ngành có đủ cán bộ ngay sau khi đất nước thống nhất!... Cụ Áp kế tiếp: - Tôi vẫn nhớ, tại Hội nghị tổng kết công tác 3 năm 1958 - 1960, anh Trần Quang Bình đề xuất: Phải nhanh chóng tổng kết công tác đào tạo - giáo dục của ngành trong mấy năm qua, xây dựng kế hoạch đào tạo năm 1961 và kế hoạch 5 năm. Anh chỉ rõ: Trước mắt là tổ chức các lớp chuyên tu cho cán bộ trưởng, phó phòng. Anh đã nói là làm, là chỉ đạo, là tổ chức triển khai thực hiện cho bằng được... Nhờ vậy, kết thúc kế hoạch 5 năm 1961 - 1965, ngành đã đào tạo được tới 405 người có trình

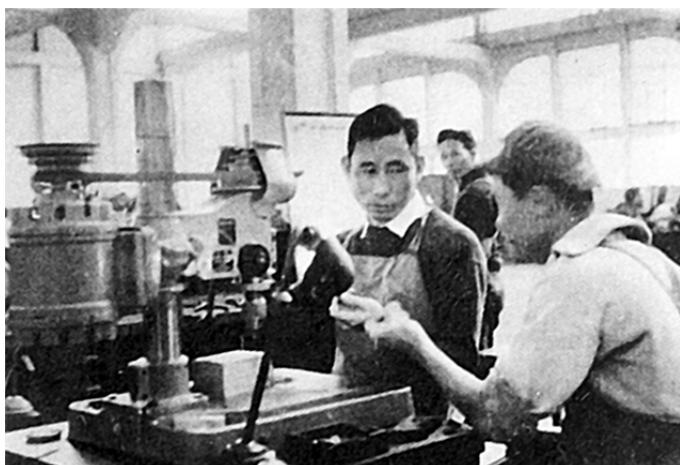
độ đại học, 3.000 người kỹ thuật trung cấp, 9.000 công nhân các loại... Cụ Áp đổi giọng chắc nịch: - Anh Đặng Văn Thành sau đây là Tổng cục trưởng, làm nên sự "tăng tốc" của ngành Bưu điện, cũng chính là kết quả từ việc chăm lo bồi dưỡng, đào tạo của anh Bình đó!

Thành công này, trước hết là do anh đã chủ động chỉ đạo tập hợp và nhân ra được một đội ngũ thầy giảng dạy, biên soạn tài liệu giảng dạy; thành lập các trường bổ túc văn hóa, nghiệp vụ, kỹ thuật; trường trung cấp, sơ cấp công nhân rồi đại học thông tin liên lạc. Kiên trì bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên theo yêu cầu: đồng bộ toàn năng về trình độ, ngành nghề, đặc biệt là cán bộ miền Nam... Anh cũng là người rất quan tâm đến sức khoẻ của con người. Từ rất sớm, anh đã cho lập nhiều bệnh xá, bệnh viện, nhà điều dưỡng của ngành Bưu điện. Coi trọng phong trào thể dục thể thao, văn nghệ quần chúng. Các đội bóng đá, bóng chuyền của ngành, từng một thời ngang ngửa. Anh cũng là người đam mê với bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn và tennis!

Công việc là thế, chức trọng quyền cao là thế, nhưng người Tổng cục trưởng ấy vẫn suốt đời giản dị. Sang trọng nhất ở anh là bộ Tôn Trung Son dùng trong đại lễ, còn thường ngày thì vẫn vận bộ quân phục màu xám làm việc, tiếp khách hoặc tham gia lao động cùng công nhân. Chiếc xe đẹp là phương tiện đi lại chính của Tổng cục trưởng. Sau này, vào thập niên 1970 anh mới được cấp chiếc xe Vonga màu đen, nhưng chưa khi nào anh dùng xe vào việc cho gia đình. Cuối năm 1951, đầu 1952, anh chị sinh cháu Phương, đứa con gái đầu lòng cũng là người con duy nhất tại làng Gianh, Chiêm Hoá. Vì tuổi đã cao nên thiếu sữa. Ngày ấy anh em chúng tôi cùng chị Khang, chị Hậu mua dê về vắt lấy sữa giúp chị nuôi cháu Phương. Anh ấy cũng là người nhất mực thương vợ, thương con!

Tôi (người viết bài này), trước đây có gặp cụ Hoàng Thị Lê (tức Bùi Thị Tình), người vợ, người bạn đời chiến đấu và công tác

của Trần Quang Bình, vẫn không quên đức tính liêm khiết của chồng, cụ kể với niềm tự hào: “Anh ấy chưa một lần dùng xe ô tô con của Nhà nước vào việc nhà. Đường về quê đέ ở Nang Sa - Hiền Lương xa gần 180 cây số, tuy có đường xe ô tô, nhưng khi nào về anh ấy cũng đi bằng tàu hỏa!”...



*Đồng chí Trần Quang Bình tham gia lao động, 2 buổi/tuần tại Nhà máy Thiết bị bưu điện trong phong trào thi đua “3 cao điểm”, năm 1961*

*Ảnh: Tư liệu*

Cụ Nguyễn Niên, nguyên Chánh Văn phòng Tổng cục Bưu điện, số nhà 15E, tổ 10B, phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội nói rằng: “Anh Trần Quang Bình là cán bộ mẫu mực hiếm có. Hồi ấy chúng tôi thấy ái ngại vì không được phục vụ anh một cách chu đáo”. Cụ kể: “Tập thể lãnh đạo Bưu điện và anh em văn phòng tìm được địa chỉ ở phố Tăng Bạt Hổ để làm gara cho xe ô tô con đưa đón anh Bình đi làm việc cho tiện. Anh nhất quyết không chịu và yêu cầu noi đó phải để xây trạm xá chăm sóc sức khoẻ cho nữ cán bộ; xe ô tô cứ để ở sân cơ quan... Lần khác cơ quan thanh lý một số trang thiết bị của tập thể, chúng tôi bàn nhau lấy cho anh

một chiếc giường đôi, gỗ tương đối tốt thay cho chiếc giường cá nhân anh đã dùng suốt mấy chục năm, rồi lắp cho anh chiếc quạt trần... Nhưng, khi đi công tác về anh không chịu. Anh yêu cầu chúng tôi phải chuyển về phân phối cho công nhân. Anh nói: Anh em công nhân còn khổ lắm. Phòng bảo vệ ở cổng cơ quan ta nóng lắm, nên trang bị cho họ trước. Lo đủ cho anh em đã rồi hãy lo cho lãnh đạo. Tôi dùng chiếc quạt con và chiếc giường cá nhân này là được rồi!...".

Suốt mấy chục năm làm việc, công tác tới khi vĩnh biệt cuộc đời, người Tổng cục trưởng ấy vẫn ở trên gác 2 trong ngôi nhà của chủ "dây thép" ở phố Hàng Bài cùng với một số công nhân, cán bộ của ngành.

Trần Quang Bình về với "thế giới người hiền" bình dị, thanh thản như thế, tính đến nay (năm 2019) vừa đúng 40 năm. Cái tâm, cái đức, nét ăn ở chân tình, tác phong sát sao, cụ thể... thì cứ còn mãi, đẹp mãi như chính cái tên chúng tôi vẫn gọi: Trần Quang Bình! Tất cả kết thành kỷ tích sáng trong, mãi còn lại với thời gian về một con người trọn đời học và làm theo tấm gương bình dị mà vô cùng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu!

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012.

## NHÀ BÁO HOÀNG TÙNG - NIỀM NGƯỠNG MỘ TRONG TÔI



*Hoàng Tùng - nhà báo, nhà chính trị*

### **Nhà báo sắc sảo, sâu sát**

**T**ôi, một người làm báo địa phương Vĩnh Phú từ năm 1966, về Hội Nhà báo Việt Nam từ năm 1990 (sau khi được bầu vào Ban Thường vụ Hội Nhà báo Việt Nam tại Đại hội V), may mắn có gần 50 năm gắn bó, cộng tác đều đặn với Báo Nhân Dân qua rất nhiều tổng biên tập như Hoàng Tùng, Hồng Hà, Hà Đăng, Hữu Thọ, Hồng Vinh, Đinh Thế Huynh và Thuận Hữu... Kỷ niệm công việc với mỗi tổng biên tập báo Đảng đọng mãi trong ký ức tôi cho dù năm tháng cứ lặng lẽ trôi vào dĩ vãng.

Rất khó quên, ấy là với nhà báo Hoàng Tùng. Bởi ông không chỉ là Tư lệnh trưởng của tờ báo Đảng uy tín, đĩnh đạc, mà còn là Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam giỏi giang liên tục từ khóa III cho tới khóa IV (khóa I và II, ông là Phó Chủ tịch); nghĩa là ông có tới 36 năm làm công tác Hội, với 25 năm làm Chủ tịch.

Những năm tháng đất nước đánh giặc ngoại xâm, đặc biệt là kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và chống chiến tranh biên giới phía Bắc, tên tuổi ông như đồng nghĩa với tên của tờ báo. Nói đến Hoàng Tùng là bạn đọc nhớ đến Báo Nhân Dân - nói đến Báo Nhân Dân là người ta nghĩ đến Hoàng Tùng. Nghĩ như thế bởi danh tiếng của ông tạo nên từ sự sắc sảo trong chỉ đạo định hướng sự lãnh đạo của Đảng qua tờ báo sát thực với thời cuộc và thời đại. Nghĩ như thế còn vì những bài xã luận ông viết trên báo *Nhân Dân* được phát trên chương trình Thời sự của Đài Tiếng nói Việt Nam thời chúng ta đánh giặc ngoại xâm, hùng hực khí phách, như lời hịch, thôi thúc giục giã chúng ta xung trận.

Ngày ấy ông Hoàng Tùng là niềm ngưỡng mộ của các nhà báo địa phương chúng tôi. Ngày ấy, tên tuổi đội ngũ dưới trướng ông đào luyện cũng rất danh tiếng luôn vang lên trong tôi với những cái tên rất khó quên như: Hữu Chính, Quang Đạm, Hồng Hà, Thép Mới, Hà Đăng, Nguyễn Sinh, Hữu Thọ, Phan Quang, Lê Bình, Đăng Minh Phương, Lê Điền... Ngày ấy, ở Báo Vĩnh Phú, tôi vô cùng biết ơn Báo Nhân Dân đã sôi nổi tuyên truyền Vĩnh Phú thực hiện “Khoán sản phẩm” thành công (nghĩa là “khoán chui” được thừa nhận), rồi những lần 1, lần 2 và đặc biệt là lần thứ 3 Vĩnh Phú lên đồi với một loạt bài của nhà báo Hữu Thọ... như định hướng, như gợi mở cho chúng tôi tuyên truyền đậm đà trên Báo Vĩnh Phú... Ngưỡng mộ nhà báo Hoàng Tùng cùng uy danh của ông - Bí thư Trung ương Đảng (nhiệm kỳ Đại hội V của Đảng 1982 - 1986), Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, kiêm Chủ tịch Hội Nhà

báo Việt Nam, nên trong dịp kỷ niệm 20 năm Báo Vĩnh Phú ra số đầu tiên (1962 - 1982), Ban biên tập chúng tôi quyết định gửi thư mời ông dự Lễ kỷ niệm báo. Thấp thỏm mong chờ rồi òa vui vì ông tới dự đúng ngày hẹn. Là một lãnh đạo cấp cao nhưng ông lên duy nhất chỉ có lái xe đưa đi. Lễ kỷ niệm với hàng trăm quan khách và cộng tác viên tham dự. Chúng tôi xếp ghế mời ông và đồng chí Lê Huy Ngọ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ngồi chủ trì nghi lễ. Ông gọi, rồi kéo ghế giục tôi lên cùng ngồi. Giọng hóm hỉnh: - Tổng biên tập Báo Vĩnh Phú là chủ. Phải ngồi đúng chỗ. Chúng tôi là khách. Thế này là oách rồi! Hội trường cười vui. Họ rỉ rầm: Quan to mà không quan cách! Đêm hôm ấy ông nghỉ lại ở Nhà khách Tỉnh ủy, sáng ngày sau đúng giờ, ông và đồng chí Lê Huy Ngọ xuống tòa soạn đón tôi cùng đi thăm cách làm vườn rừng ở xã Đồng Tịnh, huyện Tam Dương. Trên đường trở về, ông nói với tôi: Như thế này là Báo Vĩnh Phú có đất để dụng võ rồi. Phải tuyên truyền thật đậm các điển hình tập thể và cá nhân làm vườn, rừng giỏi. Viết về họ thì phải nói thật rõ cách làm dân đến thành công để noi làm theo. Điển hình, mô hình, nhân tố mới là "ngôn ngữ" của báo chí. Nhờ nó mà nuôi và nhân ra diện rộng. Đây chính là phương cách của báo chí, là trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà báo!... Võ vai tôi, ông bảo: - Báo Vĩnh Phú, Báo Hà Tây và Hải Phòng tuyên truyền nông nghiệp khá tốt. Các cậu được trao giải "Bông lúa vàng" về xã luận là xứng đáng, nhưng mình lưu ý: Xã luận nên viết ngắn, chữ nghĩa phải lay động được lòng người, lập luận cho thật chặt chẽ. Tổng biên tập hay ai viết thì cũng phải nhập vai: Đây là tiếng nói của Đảng, của Tỉnh ủy! (Chính những lời này của ông là gợi ý, để tôi có bài viết "Trách nhiệm xã hội của nhà báo" đăng trang nhất Báo Quân đội nhân dân và phát trong Chương trình Thời sự của Đài Tiếng nói Việt Nam vào hôm khai mạc Đại hội lần thứ V Hội Nhà báo Việt Nam).

Tối ấy, ông vui vẻ nhận lời ăn bữa cơm thân mật với Ban biên tập Báo Vĩnh Phú ngay tại phòng khách đơn sơ của Tòa soạn. Bữa cơm quê nhưng có món ông từng “khoái khẩu” nên Chủ tịch Lê Huy Ngọ cũng bất ngờ. Ông nói vui: Loại này là cứ phải “7 món”. Các cậu bót món, vì ngại mình chứ gì? Chánh Văn phòng Cao Quang Triệu ấp úng: - Dạ. Vâng. Nhưng... (ý muốn nói vì tôi báo như thế). Ông cười vui: Chuyện trong nhà với nhau thôi nhé!... Sau ngày ấy chuyện về ông loan truyền đến từng thành viên trong tòa soạn, họ bảo: - Nhà báo uyên thâm; cây đa cây đề; chức vị cao sang, ấy vậy mà giản dị, thân gần đến lạ lùng, không phân biệt cao thấp, thân so!... Ấy là chuyện nghè, là cái tình của ông với chúng tôi, những người làm báo “nhà quê” thuở ấy!

### **Hoàng Tùng - Chủ tịch Hội Nhà báo - Dân chủ, chịu nghe và quyết đoán**

Chưa xa. Mới 25 năm. Một chiều Hà Nội (cuối năm 1983), tại hội trường nhà cấp 4 lúc ấy, kè bên gốc đa cổ thụ trong khuôn viên Tòa soạn Báo Nhân Dân ở 71 Hàng Trống, diễn ra Hội nghị trù bị Đại hội lần thứ IV Hội Nhà báo Việt Nam. Phiên trù bị do đích thân Chủ tịch Hội - Hoàng Tùng chủ trì. Buổi họp sắp kết thúc thì bỗng đâu một con vịt mái bay vào, nhảy lên tận sàn kỳ đài, miệng càm cáp liên hồi (cả hội trường ồn à)... Xua vịt ra. Ông Hoàng Tùng hóm hỉnh, giọng cắt khúc, cắt nhát: - Điểm lành... hay... gớ đây! Vừa dứt lời thì cô văn thư hốt hả bước vào đưa cho ông một bức thư. Ông gio cao: - Điện khẩn à! Rồi cất giọng đọc: “Tỉnh chúng tôi đề nghị Ban nhân sự Đại hội, rút danh sách nhà báo Nguyễn Uyển, Tổng Biên tập báo kiêm Chủ tịch Hội Nhà báo Vĩnh Phú ra khỏi nhân sự dự kiến bầu vào Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam kỳ này!”. Ký tên (xin miễn nhắc tên, vì sau đó ông này đã bị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm điểm. Ông nói vì ông

nhận được thư nặc danh của một người nói không hay về Nguyễn Uyễn - hơn nữa nhân vật gửi bức điện này nay đã quá cố). Cả hội trường ồ lên. Nhà văn Xuân Cang ngồi trên, ngoài lại bảo tôi: - Kỳ nhì. Thế là thế nào? Nhà văn Lê Lựu thụi lung tôi, giọng hồn học, chửi đồng: - Chuyện chỉ gặp ở hàng huyền. Nay lại thấy tận Trung ương! Rồi giục tôi phải nói đi chứ. Ngồi yên sao được! Cùng lúc, ông Hoàng Tùng lớn giọng: - Hơi lạ đây. Việc này thì Ban nhân sự Đại hội phải vào cuộc ngay. Phải xem xét kỹ đã. Ông cất giọng, hỏi: - Ý kiến của đại biểu Nguyễn Uyễn thế nào? Tôi đáp: - Kính thưa đồng chí Hoàng Tùng. Kính thưa Đại hội. Tôi được Đại hội Hội Nhà báo tỉnh bầu là đại biểu về dự Đại hội Hội Nhà báo Việt Nam kỳ này với 100% số phiếu tán thành. Tôi cũng không rõ nguyên do gì (nhưng bụng thầm nghĩ do Báo Vĩnh Phú của chúng tôi hồi ấy quyết liệt chống tiêu cực nên họ phản kích)!...

Vào Đại hội chính thức. Trước ngày bỏ phiếu bầu Ban Chấp hành Hội, đích thân ông Hoàng Tùng công bố bức điện khẩn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phú đề nghị Đại hội giữ nguyên danh sách dự kiến để Đại hội bầu tôi vào Ban Chấp hành Hội khóa IV. Nhờ đó mà tôi đã đắc cử. Không có sự cẩn trọng như thế của ông Hoàng Tùng thì tôi đã thành người “chẳng ra gì” từ xưa ấy!

Với công việc, tôi quý trọng cách chủ trì hội họp của ông. Hầu như ông không mấy để tâm đến lễ tân. Ngay cả tin tức trên báo chí ông thường nhắc nhở: Phải giảm lễ tân. Tôi chưa khi nào thấy ông lên giọng quan cách. Chức cao, quyền lớn nhưng rất khiêm nhường, chịu nghe. Gần giữa những năm 1980, thông tin báo chí bắt đầu bắt nhịp với sự đổi mới do Đảng ta khởi xướng, một số vụ việc tiêu cực, trong đó có cả những cán bộ hàng đầu của tỉnh bị công luận phanh phui, gây nên những ý kiến trái chiều, thậm chí gay gắt trong nhiều kỳ họp của Ban Chấp hành Hội khóa IV. Không ít ý kiến chỉ chiết trách nhiệm của Chủ tịch Hội với vụ việc

chỗng tiêu cực này. Nhưng không, ông rất dân chủ, để ai đó nói hết những bức xúc của mình. Ông chăm chú nghe, rồi sau đó mới kết luận những cái chung và cũng bày tỏ ý kiến riêng của mình, không áp đặt, không lấn lộn chung riêng làm một...

### **Hoàng Tùng - Minh mẫn, cẩn trọng tới tận cuối đời!**

Cốt cách nhà báo - nhà chính trị của ông thể hiện rất rõ ngay cả khi ông đã nghỉ hưu tại tư gia ở số 6B Đường Thành, Hà Nội... Tôi nhớ rất rõ, khi Ban Thư ký Hội Nhà báo Việt Nam (nay là Ban Thường vụ) soạn thảo Dự thảo “Quy chế” tặng Huy chương Vì sự nghiệp báo chí (năm 1991) (nay là Kỷ niệm chương) cho các nhà báo lâu năm có cống hiến vào sự nghiệp báo chí cách mạng. Sau nữa, là Dự thảo “Quy ước đạo đức nghề nghiệp báo chí Việt Nam”, Phó Chủ tịch Thường trực Hội, Thiếu tướng Trần Công Mân giao tôi trực tiếp xin ý kiến cựu Chủ tịch Hoàng Tùng. Ông đọc rất kỹ càng rồi nói với tôi: - Minh thấy những việc này là rất hay. Cần thiết lắm. Về Kỷ niệm chương thì ông bảo: - Thời gian 25 năm... dài quá. Nên rút xuống 20 năm thôi... Về Quy ước đạo đức, ông nói: - Các điều nên ngắn gọn để người ta nhớ!... Vẫn chất giọng hóm hỉnh, ông nói: - Ý kiến của mình là tham khảo. Quyết định là tập thể Ban Chấp hành, là Đại hội!... Ấy là việc chung.

Việc riêng cũng khiến tôi vô cùng khâm phục ông. Tháng 4/2003, Tổng Biên tập Nguyễn Đoàn, Báo Bưu điện Việt Nam, đặt tôi viết (để đăng nhiều kỳ) về tấm gương cố Trưởng ban Giao thông Liên lạc Trung ương; Tổng Cục trưởng Bưu điện Việt Nam đầu tiên của Việt Nam là Trần Quang Bình (tức Nguyễn Văn Dī), người học trò, người cán bộ tận tụy, liêm khiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông Trần Quang Bình là người Nang Sa, xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa quê tôi. Đọc lịch sử địa phương, tôi reo thành tiếng khi thấy ông Bình và ông Hoàng Tùng cùng chà tuổi,

cùng bạn tù ở nhà tù Sơn La. Hai ông cùng vượt ngục về chiến khu Hiền Lương quê tôi, nơi nhà cách mạng Hạ Bá Cang (tức Hoàng Quốc Việt), Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, về quê tôi năm 1944 bắt liên lạc với anh Dĩ, giao nhiệm vụ cho anh cùng đồng chí Bình Phương (tức Nguyễn Đức Vũ) xây dựng Nang Sa, Hiền Lương thành cơ sở đón tù chính trị vượt ngục ở Sơn La về tạm trú, và cũng là nơi trú chân cho các cán bộ đảng và Mặt trận Việt Minh bị khủng bố truy lùng ở miền xuôi lên, đồng thời xây dựng nơi đây thành căn cứ du kích để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Yên Bai, Phú Thọ... Ông Hoàng Tùng là một trong số 50 người vượt ngục đợt 2 về đây vào tháng 02/1945...

Lại ngày Chủ nhật cuối tháng 4/2003, tôi đến nhà số 6B Đường Thành thưa với ông việc tôi sẽ viết về cuộc đời nhà cách mạng Trần Quang Bình. Ông Hoàng Tùng vui vẻ: “Ờ... ờ... Tốt... Tốt lắm. Trần Quang Bình (Nguyễn Văn Dĩ) một người tù, một quan chức cao cấp, trước sau như một - một con người cộng sản, một nhân cách cao quý, trong sáng, một lối sống đạo đức”! Ấy là những lời quy nạp và rồi ông tỉ mẩn kể theo lối diễn giải, chứng minh: “Nào là, Dĩ có đức tính rất đáng quý: nói ít, làm nhiều; đối với công việc và đồng chí thì chu đáo từng ly từng tí. Ngoài công việc của người tù, anh sửa chữa cơ khí cùng với anh em biết nghề. Anh để nhiều công sức dùng sắt tây làm bát, gamen, lập là cho tập thể những người ở tù... Nào là anh được tập thể anh em cử làm người đứng đầu “giữ trật tự”. Tại nơi tù, anh em cử anh làm người cứu tế, chăm sóc người ốm đau. Đêm đêm ở góc này gọi Dĩ oi, cho mình viên thuốc”... Cứ thế rồi ông Hoàng Tùng kể đến việc Dĩ vượt tù về xây dựng cơ sở chuẩn bị Tổng khởi nghĩa... Đến việc Dĩ (Trần Quang Bình) được cử làm Tổng Cục trưởng Büro điện đầu tiên của Việt Nam... Và ông Hoàng Tùng gói lại theo cách quy nạp: “Đây là trường hợp dùng người rất đúng, vì Dĩ có đầy đủ đức tính

cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ: trung thành, tận tụy, có ý thức trách nhiệm cao. Phong cách làm việc, lối sống của anh giúp đoàn kết được mọi người. Dĩ luôn vì người mà quên mình”! (Lời kể của ông đã góp phần giúp tôi hoàn tất bài viết “Còn mãi với thời gian” đăng trong tập bút ký *Cuối đất - đỉnh giài*, do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 2008).

Ngày ấy, tôi thầm reo lên: Trời ơi, một nhà báo lão thành tuổi cận kề 90 mà minh mẫn đến lạ lùng. Phải chăng đức tính đẹp, phong cách đẹp, “bút sắc, lòng trong” như chữ nghĩa của nhà báo Hữu Thọ, nên quý nhân phù trợ sự minh tuệ cho đến ngày biền biệt ra đi... để chúng tôi, thế hệ hậu sinh mãi mãi tôn quý, tiếc thương!

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## THẮP SÁNG NIỀM TIN YÊU VỚI ĐẢNG



*Đồng chí Hồ Thị Nga, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lâm Đồng*

**D**à Lạt chiều mưa. Không có cơ may gặp chị ngay vì chị xuống huyện xa chưa về kịp. Đổi lại, các đồng chí lãnh đạo và anh em ở Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy do chị làm Chủ nhiệm đã cho tôi cả lô lốc thông tin. Nào là, chị Hồ Thị Nga như là tấm gương trong. Nào là, mới gặp ít ai nghĩ chị ấy lại là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Đã có lần kiểm tra ở huyện Lạc Dương nhưng đi kiểm tra rùng tại 5 xã vùng đồng bào dân tộc, đường sá xa xôi phải đi vòng vèo gần 150km, đoàn chúng tôi nghỉ tại trạm của huyện và nhờ người trông coi nấu ăn. Chị ấy

xắn cả chân quần lẩn tay áo xăm xắn, đôn đáo làm bừa ăn. Sau khi đi rừng về, cánh đàn ông chúng tôi như những kẻ vô vị chỉ biết ngồi thở, mệt nhoài sau trận cuốc bộ cả chục cây số. Cứ nghĩ, chúng tôi là “Thượng đế”, ông chủ nhà giục chị: - Nhanh lên. Các sếp đói cả rồi. Thức nào chín thì đem lên trước còn có cái mà “nhắm”. Cô rõ chưa! Chị dịu lời: - Dạ. Cháu làm ngay đây ạ! Rồi chuyện chị và anh Trần Xuân Vượng, nay là Phó Chủ nhiệm, xuống huyện Lâm Hà, cuốc bộ chín, mười cây số về xã Tân Thanh, nghe Đảng, nghe dân... để quyết định trả lại danh hiệu đảng viên cho anh Nguyễn Đăng Huynh! Nghe vậy, tôi quyết định xuống Lâm Hà, về Tân Thanh, nghe vợ chồng anh Huynh kể rõ sự tình rồi trở về nói gắp Chủ nhiệm Hồ Thị Nga...

Bây giờ thì Hồ Thị Nga đang hiển hiện trước tôi. Khi chưa có lời giới thiệu, tôi đã làm, cứ nghĩ người đẹp ở dưới đường xuôi lên đây du ngoạn, thăm thú. Dáng thanh cao, thon thả, mặt như khuôn trắng đầy đặn, thanh tú, dịu dàng nhưng có thần thái... Tôi đưa chuyện rằng tôi mới về Tân Thanh thăm vợ chồng anh Nguyễn Đăng Huynh. Hồ Thị Nga lặng im giây lát như để ký ức xa vắng hiện về, rồi kể:

- Lúc đó tôi làm Trưởng đoàn khiếu nại, anh Trần Xuân Vượng chưa là Ủy viên, nhưng là cán bộ giàu kinh nghiệm nên làm Phó trưởng đoàn. Mình phải tổ chức thẩm tra xác minh lại bởi các tổ chức đảng người ta có thẩm quyền, có căn cứ để kết luận các vi phạm của đồng chí Nguyễn Đăng Huynh, đảng viên ở xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà nên mới quyết định khai trừ. Chúng tôi có trách nhiệm đi giải quyết khiếu nại của anh Huynh thì phải đến cơ sở, xa mấy cũng đi, tìm cho ra những cái đúng, cái sai. Nếu xem xét thấy thực sự cơ sở làm không đúng, gây nên oan sai thì phải hạ hình thức kỷ luật cho cán bộ, đảng viên bất kể họ là ai. Không như thế thì Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng cần gì đến chúng tôi.

Hôm đó, chỉ còn đúng một ngày là hết thời hạn khiếu nại khi đảng viên bị kỷ luật của Đảng. Chúng tôi xuống xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà (cách Đà Lạt chừng 80 cây số), lúc đó đường sá đi lại vất vả lắm, toàn là đường đất đỏ, vào làm việc với Đảng ủy xã, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Tân Thanh phản đối lầm, thậm chí khi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lâm Hà cũng phản đối cho rằng không cần phải giải quyết vì anh Huynh “nhục hình vợ”. Nhưng không, chúng tôi vẫn về tận Tân Thanh, noi vợ chồng anh Nguyễn Đăng Huynh đang sinh sống để tìm hiểu, bởi việc đó không chỉ cho anh Huynh mà nó còn liên quan đến hạnh phúc của cả gia đình anh. Chúng tôi họp chi bộ noi trước đó anh Huynh sinh hoạt. Chi bộ có 6 đảng viên, nay chỉ còn 5, vợ anh Huynh cũng là đảng viên. Trong đó 4 đảng viên là người dân tộc cùng dòng họ, chuyển từ tỉnh Cao Bằng vào. Ít đảng viên thôi, nhưng đều thuộc lớp tuổi cao niên, luôn đòi hỏi cao sự gương mẫu, chỉnh chu của cán bộ, đảng viên. Cho nên họ có lý, đôi khi anh Huynh say rượu hay to tiếng, thậm chí đánh vợ. Song cái mạnh của anh Huynh là có ý thức bảo vệ rừng, luôn nhắc nhở gia đình đảng viên không nên xâm canh, không nên phá rừng. Hai tính cách ấy trở nên xung đột ngầm. Cái sảy thường này cái ung. Xích mích đòi thường bị gắn vào các quy định của Đảng, không đồng tình thì nâng thành quan điểm, cho nên giải quyết nhiều khi chưa đúng với các quy định của Đảng trong xử lý, kỷ luật cán bộ, đảng viên. Bản chất sự vụ chúng tôi nhận ra, theo thẩm quyền, chúng tôi cho họp chi bộ là vì lẽ đó. Cho dù đã biết, trước đó chi bộ bỏ phiếu chỉ có vợ chồng anh Huynh không tán thành. Nay bỏ phiếu thì phần đa chắc chắn vẫn là 4. Tôi chủ trì cuộc họp, nghe hai bên trình bày. Lúc đó đồng chí Nguyễn Đăng Huynh không còn là đảng viên nữa nên không được dự họp mà chỉ có vợ là đảng viên thôi. Tôi nhớ là cô ấy rất

xúc động trình bày và cả quyết không thể khai trừ chồng mình dễ dàng như thế. Nhưng bên các cụ lại giữ một quan điểm rất cứng nhắc, cho nên cô ấy cứ khóc nức nở và tôi cũng không cầm lòng được. Đúng ra là tôi phải chủ trì nhưng sau tôi cũng phải lựa cách xin lỗi chi bộ, giao lại cho đồng chí Trần Xuân Vượng. Tôi linh ra ngoài khóc, vì tôi cũng là phụ nữ mà. Cuộc họp đó tất nhiên là theo biểu quyết họ vẫn giữ quan điểm nhưng đó chính là căn cứ để minh phân tích, lý giải những vấn đề đưa ra để làm sao hạ hình thức kỷ luật cho đồng chí Nguyễn Đăng Huynh. Sau cuộc họp với chi bộ, chúng tôi tổ chức cuộc họp với thôn theo quy định. Lúc đó mình muốn thẩm tra xác minh để lấy thêm những căn cứ, cơ sở đối với quần chúng nhân dân, điều này cũng rất quan trọng. Lúc đó, tôi nói với đồng chí Vượng đi gặp dân thì phải chờ họ, thắp đèn chờ họ và phải kiên trì. Không có điện, muỗi cắn nhiều lắm nhưng tôi nghĩ trách nhiệm mình phải làm cho đúng. Sau dần, có khoảng 70 hộ dân tới dự họp. Thái độ của thôn cũng hai luồng ý kiến nhưng đa phần thì ủng hộ và bảo vệ anh Huynh. Họ khen đồng chí Huynh gần dân, sát dân, có trách nhiệm bảo vệ rừng. Và xác nhận không có cái việc lột quần vợ giữa ba đường để đánh như kết luận của Ban kiểm tra cơ sở (của Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã và Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lâm Hà). Đó là một căn cứ quan trọng để chúng tôi đưa ra trong cuộc họp Đảng ủy xã. Công tác xây dựng Đảng phải dựa vào dân, nghe dân. Đáng tiếc là, khi ký luật anh ấy, Đảng ủy cũng không kiểm tra, không thăm dò cơ sở, và cũng không cho anh Huynh được bày tỏ ý kiến của mình. Nghĩa là, có vài bước làm chưa đảm bảo quy trình. Sau đó văn bản được chuyển lên huyện, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy căn cứ vào kết luận của Đảng ủy xã rồi quyết định khai trừ. Sau khi bị khai trừ, đồng chí Huynh cũng có khiếu nại nhưng Đảng ủy xã và Huyện ủy vẫn chuẩn y. Đây cũng là một

trong những vụ việc mà chúng tôi gặp không ít trở ngại trong khâu thẩm tra xác minh để có kết luận chính xác, từ đó mới có thể khôi phục quyền đảng viên cho đồng chí mình!... Tự dung chị dừng lại, lấy khăn chấm chấm vào hai khói mắt, giọng nghẹn đắng: - Anh tính, cái nghè của chúng tôi phải minh bạch, cái tâm phải trong sáng, nhưng phải dám làm, dám chịu trách nhiệm, phải trái phân minh, lý tình rành mạch! Lời bộc bạch của chị gợi tôi nhớ tới ý kiến có tính nhận định của đồng chí Võ Minh Khương, Vụ trưởng Vụ VII khi Ủy ban Kiểm tra Trung ương chọn chị là nhân vật tiêu biểu cho cuốn sách *Sáng mãi niềm tin yêu* trước lúc tôi lên Lâm Đồng: "Chị Hồ Thị Nga là một trong số ít nữ Chủ nhiệm, mỗi nhiệm kỳ chỉ có 1 - 2 đồng chí nữ thôi. Chị Nga là cán bộ lãnh đạo năng nổ, tích cực, gốc tuyên giáo qua, làm kiểm tra 2 nhiệm kỳ nhưng nhanh trưởng thành, dày dạn và quyết liệt trong công tác kiểm tra. Mà kiểm tra thì luôn va chạm, mất lòng. Phụ nữ có cái khéo là mềm mỏng, đó là cái hay cho nghề nghiệp. Trong quá trình tác nghiệp và lãnh đạo của chị, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lâm Đồng nhiều năm liền được tặng cờ thi đua của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, hoàn thành các nhiệm vụ thường xuyên đột xuất của Ủy ban Kiểm tra Trung ương giao, cấp ủy giao và các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng". Nhân thể, tôi nói cốt để thông tin: Nghề văn - nghề báo của chúng tôi cũng vậy. Bài viết chỉ hay, chỉ thuyết phục người đọc ấy là chi tiết, là tình tiết, là cái mình đi, mình đến, mình quan sát, rồi mình miêu tả và quyết định loan tin chứ không phải chỉ viết theo báo cáo, theo cách đưa đẩy để đánh lừa người đọc cả tin. Nghĩa là công việc thu thập tài liệu của chúng tôi dù là khen hay chê thì vẫn phải trực tiếp nghe, trực tiếp quan sát, thẩm định để rồi mới viết. Cho nên sáng nay lên Đà Lạt không gặp chị vì chị xuống cơ sở ở một huyện xa. Biết chuyện của anh Huynh nên chúng tôi đã về tận Tân Thanh để gặp vợ chồng anh Huynh.

Thật bất ngờ chuyện đã 8 - 9 năm qua đi mà gặp lại, anh Huynh vẫn nhớ anh Vượng. Xiết chặt tay anh Vượng, Huynh rung rưng nước mắt, hỏi thăm chị Hồ Thị Nga, rồi cả hai vợ chồng cùng một lời gan ruột: "Không có các anh, các chị, không có sự sâu sát của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lâm Đồng thì gia đình tôi ngày ấy đã tan nát rồi!". Thăm hỏi, biết thêm nhà anh chị có 2ha cà phê cho thu hoạch cả trăm triệu mỗi năm. Chị vẫn gánh việc dân số, kế hoạch hóa gia đình của xã. Anh lo chăm việc vườn tược. Vợ chồng mỗi người một xe máy loại sang, 2 đứa con đã có công ăn việc làm, một cháu có gia đình và một cháu vào bộ đội theo nghiệp bố trước đây. Ngôi nhà gỗ 3 gian gọn gàng. Trước lối cổng là 2 cây đung đĩnh buông những buồng quả nặng trĩu, dáng cây ngay thẳng như con người của anh chị. Trở lại, chúng tôi ghé thăm trụ sở Đảng ủy xã Tân Thanh. Giọng hiền khôn, đồng chí Bí thư Đảng ủy tâm tình: "Các anh chị ở Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy đã cho chúng tôi một bài học để đời về công tác kiểm tra, xem xét kỷ luật đảng!".

Vẫn cất giọng xứ Nghệ, nhở nhẹ, thanh lịch, chị Hồ Thị Nga kể: Chuyện chỉ là một đồng chí đảng viên, được Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lâm Đồng chúng tôi minh oan, nhưng có lẽ suốt đời tôi không thể quên. Ấy là cụ Phạm Quang Hưng, nay đã ở tuổi 90, cụ ở xã Hiệp Thành, huyện Đức Trọng, suốt 19 năm, 4 tháng đem đơn khiếu nại khắp nơi, vì bị cấp ủy địa phương khai trừ Đảng oan sai. Cũng giống như trường hợp anh Nguyễn Đăng Huynh, chúng tôi không vô cảm trước những lời lẽ chân tình một lòng thiết tha với Đảng, yêu tin vào Đảng của họ. Hơn 19 năm trước, cụ Hưng bị khai trừ Đảng có liên đến việc "mua một ngôi nhà của người Hoa" khi họ về nước vì lúc bấy giờ có quy định cấm cán bộ, đảng viên không được nhận nhà tặng của người Hoa bỏ về nước. Cụ Hưng khiếu nại, xuất trình giấy tờ mua bán viết tay, và quả quyết người bán nhà cho cụ vẫn ở tại quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh,

nhưng không rõ số nhà và ở phường nào. Bởi thế cụ vẫn chịu “y án” khai trừ đảng viên! Mười chín năm, bốn tháng, thời gian khóa lấp, tất cả đã đi vào dĩ vãng, lần tìm sự thật, một sự thật có chứng lý hệt như mò kim đáy biển. Tuy nhiên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy vẫn cử đoàn đi giải quyết vụ khiếu nại này, đoàn do đồng chí Hồ Thị Nga và đồng chí Trần Xuân Vượng là người trực tiếp đi thẩm tra xác minh ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết cục, sau nhiều ngày làm việc với công an phụ trách hộ khẩu quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, đoàn kiểm tra đã có chứng cứ của quận 5 xác nhận gia đình người Hoa đã bán nhà và thu tiền của gia đình cụ Phạm Quang Hung, vẫn đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh (người bán nhà đã mất, hiện còn các con cháu). Cụ được khôi phục Đảng trở lại, con cháu cụ được dân mến, Đảng tin. Cụ Hung như thấy mình được sống trở lại, được Đảng truyền cho sinh lực, dưỡng lực ở tuổi đại thọ. Và rồi một ngày Tết đến, không hiểu ai chỉ lối, cụ Hung tìm đến nhà gặp chị Nga. Cụ Hung quỳ xuống chắp đôi tay gầy guộc run run vái chị một vái. Hồ Thị Nga vội đỡ cụ đứng dậy, giọng rưng rưng: “Con xin cụ! Cụ ơi, cụ đừng làm thế! Việc chúng con làm là việc của Đảng!”. Nước mắt cụ Hung đong đầy noi khói mắt chằng chịt vết rạn chân chim. Và, nước mắt cũng lăn dài trên khuôn mặt trái soan của nữ Chủ nhiệm Hồ Thị Nga!... Để chị kìm néni niềm xúc động, tôi xen lời: “Đó là những vụ sâu sát, cụ thể, biểu hiện tính nhân văn của các anh chị với công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Chắc chắn còn có những vụ việc vi phạm họ cứng rắn và các chị cũng phải cứng rắn?”. Chị Nga nói ngay: - Trong kiểm tra dấu hiệu vi phạm nhất là trong tình hình hiện nay, việc tự giác của một số đảng viên vi phạm rồi nhưng tính tự giác còn yếu kém lắm. Không chịu nhìn nhận các khuyết điểm, lỗi vi phạm của mình. Cái đó đòi hỏi ngoài bản lĩnh phải có nghiệp vụ tinh thông thì mới có những kết luận kiểm tra, mới phát hiện ra những vi

phạm liên quan đến các vấn đề cơ chế, liên quan đến các dự án, trong công tác bảo vệ rừng, đặc biệt đối với Lâm Đồng, công tác bảo vệ rừng cũng là một trong những nguồn lực. Công tác xây dựng Đảng là để phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, từng giai đoạn của Đảng bộ, trên tinh thần đó mình phải căn cứ vào các chương trình công tác, theo nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn kiểm tra, mỗi lĩnh vực kiểm tra vi phạm thì lại cực kỳ khó khăn. Để đạt được hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ này, phải có được sự đồng tình và ủng hộ của cấp ủy. Tuy nhiên cũng có lúc cấp ủy cân nhắc, nhưng nếu mình không tham mưu quyết liệt thì cũng khó có thể thực hiện được. Ủy ban Kiểm tra Trung ương luôn quan tâm và chỉ đạo quyết liệt để ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ này, Lâm Đồng chúng tôi luôn nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ tích cực của Vụ VII, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã luôn “chia lửa” cho chúng tôi trong những vụ việc khó khăn và nhạy cảm.

- Vậy vụ Lạc Dương ta xử lý kỷ luật những đối tượng nào? Tôi hỏi. Chị đáp: - Chúng tôi xử lý Trưởng phòng địa chính, Trưởng phòng nông nghiệp và một số cán bộ địa chính của huyện.

- Việc phá rừng có nhiều không?

- Phá rừng không nhiều nhưng chủ yếu vi phạm trong quản lý đất đai cấp sổ đỏ. Cách đây nhiều năm, từ năm 2003, thời điểm đó công tác quản lý đất đai của mình còn lỏng lẻo và nhiều bất cập trong các quy định mà ở vùng đó trên 80% là đồng bào dân tộc. Thời điểm đó Lạc Dương là một trong những huyện khó khăn nhất tỉnh Lâm Đồng. Trong vi phạm cũng có cả nguyên nhân do đời sống của đồng bào dân tộc gặp nhiều khó khăn, cũng có việc cán bộ, đảng viên không vượt lên lợi ích cá nhân. Jetzt ist es so, dass der Ort nicht mehr existiert. Es ist eine leere Straße mit einer Mauer im Hintergrund. Die Mauer ist aus Beton und hat einen niedrigen Mauerpfeiler. Die Straße ist asphaltiert und führt durch einen kleinen Park mit Bäumen und Büschen. Am Ende der Straße befindet sich ein kleiner Pavillon oder eine Art von Informationstafel. Die Umgebung wirkt verlassen und verfallen.

phải leo lên đồi. Đồng bào dân tộc đã phát nương làm rẫy trồng điều rồi, nếu không thì mình quyết định một cái sai lầm là nhổ hết, phá hết rừng điều, cây ăn quả của đồng bào ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự vì nó cũng liên quan đến khiếu kiện của đồng bào và có những khiếu kiện chính đáng. Bởi cán bộ trên tinh túc nghe báo cáo không sát thực tế, mình phải lên đó khảo sát rồi về báo cáo thì tinh, huyền nǎm tình hình moi sát, cái gì cấp được cho đồng bào thì phải ổn định đời sống, đây cũng là một trong những nhiệm vụ chính trị mà Lâm Đồng chúng tôi cũng là một trong những Đảng bộ làm tốt nhiệm vụ chính sách chăm lo cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa. Trước Nghị quyết số 10-NQ/TW của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết về phát triển vùng đồng bào dân tộc.

- Nghĩa là cũng phải rất cụ thể, rất tỉ mỉ?

- Vâng, bởi vì là phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương mà. Nếu mình không xác định, không kiểm tra trọng tâm, trọng điểm thì không phục vụ được cho nhiệm vụ chính trị 9 cũng là không hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Gần đây, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm những vụ nào?

- Chúng tôi đã kết luận kiểm tra dấu hiệu vi phạm liên quan tới công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng tại Chi cục Kiểm lâm tỉnh, đây là lĩnh vực rất khó và phức tạp, nhưng dù khó cũng phải làm để nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản. Qua kiểm tra đã xử lý kỷ luật Chi cục trưởng, Chi cục phó, Đội trưởng Đội Cơ động và kiến nghị cho chuyển công tác khác, yêu cầu kiểm điểm xử lý đối với 14 cán bộ công chức có liên quan. Thu hồi về ngân sách nhà nước 180 triệu đồng.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, vai trò của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thế nào?

- Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, hơn một năm qua, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lâm Đồng đã tích cực phối hợp với các ban xây dựng Đảng tham mưu giúp cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Trung ương. Ngoài việc tổ chức hội nghị quán triệt chung đối với chi bộ chủ chốt của tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã ban hành Hướng dẫn số 02-HD/TU để triển khai công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức Hội nghị cán bộ kiểm tra toàn tỉnh quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI; Hướng dẫn thực hiện Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/01/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về quy định những điều đảng viên không được làm; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 10/01/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên; Quy chế chấp hành tại các kỳ họp của ban chấp hành đảng bộ các cấp; Hướng dẫn thực hiện quy trình, thủ tục tham mưu cho cấp ủy chuẩn bị nội dung gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng và chi bộ, đảng viên thuộc diện Tỉnh ủy quản lý. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức cho ủy ban kiểm tra, đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra giám sát kỷ luật đảng và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI.

Sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp tập trung kiểm tra, giám sát việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, yếu kém. Trong quá trình kiểm điểm hoặc sau kiểm điểm, một số tổ chức và cá nhân có những vấn đề cần làm rõ, kết luận, cấp ủy đã giao ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra, thẩm tra, xác minh, làm rõ và tham mưu giúp cấp ủy kết luận đúng, sai đối với từng tập thể và cá nhân bảo đảm nguyên tắc và yêu cầu đề ra. Sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4

khóa XI, cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ Lâm Đồng chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết một cách sâu rộng, nghiêm túc, đồng bộ, toàn diện, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Từ đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của từng cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên. Công tác chuẩn bị kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng và chi bộ đảng viên thuộc diện Tỉnh ủy quản lý được chuẩn bị chu đáo, công phu, nghiêm túc, đúng quy trình, đảm bảo kế hoạch đề ra. Nội dung kiểm điểm của tập thể và cá nhân bám sát ba vấn đề cấp bách mà Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI đã nêu; đồng thời căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương xác định những vấn đề bức xúc, nổi cộm cần đi sâu, kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của từng tập thể và cá nhân. Không khí chuẩn bị, tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình dân chủ, cởi mở, chân thành, trách nhiệm với tinh thần xây dựng.

Tuy nhiên, qua kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI vẫn còn một số thiếu sót như: một số cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu chưa nhận thức sâu sắc, đúng đắn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Nghị quyết, mà trọng tâm là làm chuyển biến tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau; việc chỉ đạo của một số cấp ủy cơ sở từ khâu chuẩn bị đến tổ chức kiểm điểm chưa chu đáo, chặt chẽ, một số ý kiến góp ý hoặc ý kiến góp ý trong hội nghị kiểm điểm còn dàn trải, chung chung chưa bám sát ba nội dung của Nghị quyết; kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sửa chữa, khắc phục thiếu sót ở một số nơi còn chậm trễ, chất lượng thấp, cá biệt có nơi chỉ ủy và cá nhân đảng viên sau kiểm điểm không có kế hoạch khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.

- Trong đợt kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI vừa qua có bao nhiêu đảng viên phải xử lý kỷ luật?

- Thuộc diện Tỉnh ủy quản lý thì không có đảng viên nào, nhưng ở cấp cơ sở thì có 3 tổ chức và 27 cá nhân.

- Tổng số đảng viên của tỉnh hiện nay là bao nhiêu?

- Năm 2013, Đảng bộ tỉnh có 33.400 đảng viên của 18 tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy.

- Là lãnh đạo cơ quan quan trọng như thế này chỉ điều hành như thế nào?

- Hiện nay, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chúng tôi có 30 cán bộ. Thường trực Ủy ban Kiểm tra có 4 đồng chí, gồm tôi và đồng chí Trần Quốc Lập - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực, đồng chí Nguyễn Quang Vinh - Phó Chủ nhiệm, đồng chí Trần Xuân Vượng - Phó Chủ nhiệm. Để lãnh đạo và điều hành hoạt động của cơ quan, tôi luôn tuân thủ đúng các nguyên tắc của Đảng, theo đúng quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Phải bản lĩnh, liêm chính, tâm huyết với nhiệm vụ được giao, gương mẫu trong mọi lúc, mọi nơi, phải là trung tâm xây dựng khối đoàn kết nội bộ. Tôi may mắn được kế thừa kinh nghiệm công tác và xây dựng nội bộ của hai đồng chí Chủ nhiệm trước tôi, đó là đồng chí Phạm Văn Bổn và đồng chí Vũ Công Tiến (hiện nay là Phó Bí thư Tỉnh ủy). Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hiện nay là điểm tựa quan trọng cho việc lãnh đạo và điều hành của chúng tôi. Đó cũng là những cộng sự có thâm niên, bề dày về công tác kiểm tra Đảng, bản lĩnh, xông xáo, tinh thông nghiệp vụ.

- Các vụ việc chuyên sâu như lĩnh vực tài chính, xây dựng... chỉ có lực lượng để làm không?

- Chúng tôi đều có lực lượng để làm. Tôi tuyển anh em chuyên ngành tài chính; xây dựng cũng có anh em ở một số sở,

ngành như Tài chính, Thanh tra, Ban Quản lý dự án của tỉnh được chuyển về. Công tác kiểm tra thì phải giữ kỷ cương, kỷ luật nhưng trong thực tiễn là phải thấu tình, đạt lý thì mới hiệu quả vì công tác kiểm tra thì trước tiên cũng phải là công tác tư tưởng, phải làm tốt cả công tác dân vận nữa chứ không chỉ đơn thuần là công tác kiểm tra.

- Vậy đội ngũ của chúng ta đủ tầm làm các việc lớn hay phải phối hợp với các cơ quan chức năng?

- Hiện nay chúng tôi đang cố gắng để xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ kiểm tra có đủ bản lĩnh, tinh thông về nghiệp vụ, có tầm, có tâm để đảm đương được nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát trong giai đoạn hiện nay. Cơ quan luôn chăm lo, khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ học tập, nâng cao trình độ, hiện nay có 4 đồng chí đang học thạc sĩ (trong đó có 2 phó chủ nhiệm). Về cơ bản thì lực lượng cán bộ hiện nay đủ sức để thực hiện tốt các nhiệm vụ nhưng cũng có những cuộc kiểm tra có nội dung rộng, lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm thì chúng tôi phải trưng dụng một số cán bộ chuyên môn ở một số ngành, ban của tỉnh...

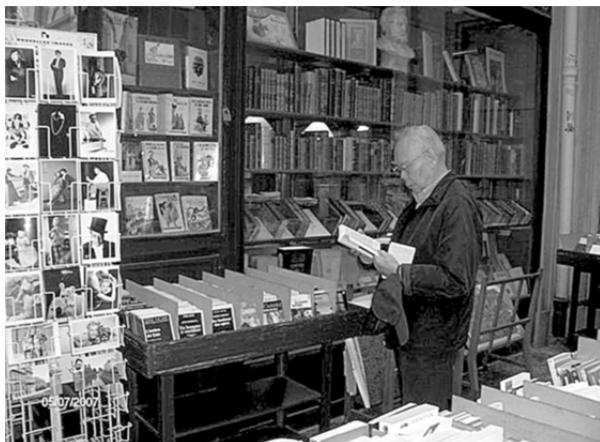
Theo yêu cầu của Vụ VII, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tôi phải làm việc với nhà văn - nhà báo về việc tuyên truyền kỷ niệm 65 năm ngành Kiểm tra đảng, nói về ngành thì thật là tự hào và vể vang, nhưng về cá nhân tôi thực ra chẳng có gì để tâm sự, chỉ tản mạn vài điều vui buồn của nghề mà thôi. Tôi luôn tâm niệm làm tốt chức trách, nhiệm vụ Đảng giao, là một cán bộ nữ làm công tác kiểm tra đảng, có được sự trưởng thành như hôm nay, bản thân tôi luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của lãnh đạo tỉnh, của đồng chí, đồng nghiệp, bạn bè và gia đình, nhất là tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Trung ương!

Tạm biệt Đà Lạt. Tạm biệt Lâm Đồng. Lời dịu dàng chân chỉ của chị Hồ Thị Nga cứ văng vẳng bên tôi: "Điều mình làm được thì rất ít,

điều chưa làm được thì rất nhiều!”. Dẫu là thế thì những tấm huân chương cao quý của Đảng, Nhà nước, những bằng khen, giấy khen kín đặc trong phòng truyền thống đã nói lên tất cả công lao của tập thể và cá nhân chị. Và, lời ai đây đã mách bảo tôi rất đúng: Hồ Thị Nga - Chị là tấm gương trong!

Báo *Văn nghệ*, tháng 5/2013.

## PHAN QUANG - CUỘC ĐỜI TRẦN ĐẦY NĂNG LƯỢNG VỚI NGHỀ



*Nhà báo Phan Quang  
tại một hiệu chuyên bán sách báo cũ ở trung tâm Pari, Pháp*

**T**ôi đọc Phan Quang từ khi chưa được tiếp xúc với ông. Mê mẩn với *Nghìn lẻ một đêm* do ông dịch thuật, xuất bản từ đầu thập niên 80 của thế kỷ XX. Thán phục bút ký *Đồng bằng sông Cửu Long* xuất bản ngay sau khi miền Nam được giải phóng, non sông liền một dải... Mến mộ, nể trọng, tin và yêu hơn khi biết ông là nhà văn - nhà báo làm việc ở Báo Nhân Dân từ năm 1954 và là thành viên Bộ Biên tập của báo...

Nhập nghề báo ở tinh lẻ (Vĩnh Phúc - Vĩnh Phú), tôi may mắn sớm gắn bó với ông. Khi nhà báo Nguyên Thảo phỏng viên thường

trú Báo Nhân Dân (bạn thân của tôi) xây dựng gia đình, Phan Quang đại diện Bộ Biên tập lên dự, ghé thăm nhà tôi nơi hẻm đồi mấp mô sỏi đá pha đất gan gà ở xóm Gia Cẩm, Việt Trì... Khi tôi giữ chức vụ Tổng Biên tập Báo Vĩnh Phú, dịp Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập báo, Phan Quang lên dự trong cương vị Vụ trưởng Vụ Báo chí, Ban Tuyên huấn Trung ương (1982). Những lần gặp và công tác cùng ông, luôn để lại cho tôi nhiều ấn tượng khó quên.

Tôi có cơ may gắn bó với Phan Quang suốt mấy chục năm liền (từ năm 1990 cho tới tận hôm nay - 2017). Gắn với ông, đi tới cùng ông chăm lo “*Nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của các cấp Hội Nhà báo Việt Nam*” ở khắp các tỉnh, thành của đất nước... Ông thường nhắc nhở các nhà báo chúng tôi: Cuộc sống đòi hỏi chúng ta phải đổi mới, phải sáng tạo; báo chí phải đổi mới thông tin mới mong đáp ứng quyền thông tin của công chúng, bạn đọc! Tôi quý trọng, thấy ông như một tấm gương trong.

Phan Quang là nhà văn - nhà báo tài năng, làm giỏi và sáng tạo thực hiện công việc trong cương vị và trọng trách của mình. Hơn 70 năm cầm bút, tạm gói lại ông cho in và phát hành tới 40 đầu sách thuộc nhiều thể loại. Một số đầu sách tái bản nhiều lần, như bút ký *Đồng bằng sông Cửu Long* in lần thứ 5, *Một mình giữa đại dương* in lần thứ 5... Dịch và giới thiệu 12 đầu sách, trong đó tập truyện Arập *Nghìn lẻ một đêm* tính tới nay in tới 37 lần; tập tùy bút của nhà thơ Nga Olga Bergholtz *Những ngôi sao ban ngày* in lần thứ 5; tập truyện Ba Tư *Nghìn lẻ một ngày* in lần thứ 12... Tài năng và đức hạnh của Phan Quang luôn được Đảng, Nhà nước, xã hội và đồng nghiệp trọng dụng, giao gánh nhiều việc lớn: Ủy viên Bộ Biên tập Báo Nhân Dân; Vụ trưởng Vụ Báo chí, Ban Tuyên huấn Trung ương; Thứ trưởng Bộ Thông tin; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đổi ngoại của Quốc hội (3 khóa liên tiếp); Bí thư Đảng đoàn, Tổng thư ký - Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam (khóa V và VI); Phó Chủ tịch

Liên đoàn Tổ chức các nhà báo quốc tế (OIJ); tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các hội hữu nghị Việt Nam; Tổng Giám đốc kiêm Tổng Biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam (1988 - 1999)... Nay ở tuổi 90, chính thức nghỉ hưu đã 15 năm nhưng xã hội và đồng nghiệp vẫn thấy Phan Quang luôn đúng nghĩa với danh xưng nhà văn - nhà báo. Vẫn viết báo, viết văn; vẫn đều đặn tham gia nhiều sự kiện chính trị - văn hóa, báo chí của đất nước...

Tài năng Phan Quang với Hội Nhà báo Việt Nam thì lớp lốp hội viên Hội Nhà báo Việt Nam nối tiếp nhau ghi nhận. Họ nói về ông, kể về ông, tri ân công lao của ông với niềm hân diện, chân tình. Bởi, ông chứ không ai khác đã cùng với Thường trực Ban Thư ký Hội Nhà báo Việt Nam (khóa V) định ra và triển khai cấp Huy chương Vì sự nghiệp Báo chí Việt Nam (nay là Kỷ niệm chương) cho các nhà báo có đóng góp lớn vào sự nghiệp báo chí cách mạng. Chính ông chứ không ai khác cùng lãnh đạo Hội triển khai mỏ Hội báo Xuân ngày một hoành tráng, ý nghĩa theo ý kiến của Tổng Bí thư Đỗ Mười khi ông tới thăm phòng trưng bày báo Tết tại trụ sở Hội năm 1991. Cũng chính ông là người đề xướng Giải Báo chí toàn quốc của Hội Nhà báo Việt Nam, mở màn từ ngày 21/6/1991, liên tục cho tới nay là Giải Báo chí quốc gia, góp sức đáng kể vào việc phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng tài năng, khích lệ đam mê nghề nghiệp trong báo giới. Trên cương vị Chủ tịch Hội Nhà Báo Việt Nam, Phan Quang đề xướng và thôi thúc Thường trực Hội cùng các ban chuyên môn soạn thảo "Quy ước đạo đức Báo chí Việt Nam" một cách bài bản, kỹ lưỡng trước khi trình Ban Chấp hành để Đại hội thông qua (nay là "10 điều quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam")...

Ngày xa ấy, Hội Nhà Báo Việt Nam duy nhất chỉ một nơi làm việc ở số 59 Lý Thái Tổ, liền ngách bên 12 Lý Đạo Thành là

Trung tâm văn hóa của Hội ở Hà Nội, điều kiện về cán bộ, tài chính đều hết sức eo hẹp. Tài năng của Chủ tịch Hội, phong thái đĩnh đạc dồn hết tâm sức cho công việc (dù kiêm nhiệm) nhưng sát sao, cụ thể, biết chia sẻ, biết cách tạo cảm hứng cho thuộc cấp, nói đi đôi với làm, nên ông như ngọn đèn thần dẫn dắt chúng tôi chỉ một hướng vươn lên. Công bằng để nói, nhiệm kỳ Quốc hội bàn thảo và thông qua Luật báo chí năm 1998, thì ông là một trong những người góp công, góp sức thực nhất. Bởi khi ấy, ông là đại biểu Quốc hội. Bởi tài năng và cũng bởi khi ấy ông có cương vị trong tổ chức Đảng, Nhà nước và Hội Nhà báo Việt Nam, chủ trì việc so thảo Dự luật báo chí trước khi trình Quốc hội, có tiếng nói trách nhiệm tại chính trường... Thời điểm ông làm Chủ tịch Hội (1989 - 1999) đã góp sức thực sự cùng cơ quan chỉ đạo báo chí, cơ quan quản lý báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam tăng sức, tăng lực để báo giới cả nước phấn đấu "Vì sự nghiệp đổi mới và hiện đại hóa đất nước" như mục tiêu Đại hội V và VI của Hội định ra. Bên cạnh sự trưởng thành, lớn mạnh và hoàn thiện tổ chức Hội Nhà báo các cấp, cơ quan Trung ương Hội cũng được củng cố từ nhiệm vụ, chức năng đến đội ngũ tham mưu giúp việc và cơ sở vật chất kỹ thuật. Dù còn vô vàn khó khăn, thiếu thốn nhưng đã là thời hoàng kim nếu nhìn về phía sau và tạo đà quan trọng cho chặng đường tương lai rạng ngời phía trước...

Tài năng của Phan Quang là ở công việc: tư duy mới mẻ, công việc sát thực, hiệu quả. Đồng nghiệp ở Đài Tiếng nói Việt Nam viết về ông trong tuyển tập *Ký ức người và nghề* rằng: "Với Phan Quang - Việt là tồn tại", nhưng lại dành tới nhiều ngàn từ để nói về tài năng đích thực của ông trong công việc quản lý và phát huy sức mạnh tiếng nói quốc gia. Rằng, mùa hè năm 1988, nghĩa là sau 40 năm gắn bó với báo viết, giờ theo quyết định của Trung ương

Phan Quang giữ chức Tổng Giám đốc, Tổng Biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam thay nhà báo Trần Lâm nghỉ hưu. Công việc thực sự mới mẻ với ông, nhưng với bản tính khiêm tốn và ý chí vươn tới, ông xin Ban Bí thư cho thôi chức Thứ trưởng để tập trung vào việc mới. Nói gương Trần Lâm, theo cách nói của Phan Quang “*Một đời tận tụy với làn sóng điện*” và viết về người tiền nhiệm của mình: “Người chỉ có hai từ cho một đời cống hiến: “Phát thanh”. Qua gần nửa thế kỷ đồng hành cùng dân tộc, hai từ ấy đã biến anh cùng Đài Tiếng nói Việt Nam thành tượng đài trong ngành truyền thông nhà nước”. Ấy cũng là đức hạnh Phan Quang. Luôn biết trước, biết sau. Luôn nhìn tới ngọn nguồn, lạch sông để nối bước, để bắt nhịp, để sẻ chia, để đi lên khi chặng đường đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đòi hỏi báo chí phải nhanh chóng bắt nhịp. Bản lĩnh chịu nghe, biết nghe; biết chia sẻ; biết truyền cảm hứng cho thuộc cấp; sâu sát, nói đi đôi với làm, nhờ đó Phan Quang đã tạo nên “bước đột phá” của Đài Tiếng nói Việt Nam... Ông quan niệm: *Báo chí theo loại hình nào cũng chỉ một chức năng: phục vụ con người!* Quan niệm ấy thôi thúc ông thực hiện “hai nghe”. Nghe thính giả và nghe cán bộ công nhân viên nhà đài. Kết cục, ông rút ra: Bạn nghe Đài đã chỉ lỗi cho chúng ta! “Hai nghe” giúp nhận ra: Đài quốc gia chỉ có hai hệ đối nội và đối ngoại. Thính giả ít được lựa chọn... Lập tức các ban chức năng được thành lập hướng tới đích đổi mới, sáng tạo, vì người nghe. Và, việc tách hệ được thực hiện, kéo theo việc đổi mới toàn hệ thống, đổi mới nội dung, phát triển đa hệ chương trình. Quý III năm 1994, Đài Tiếng nói Việt Nam phát hai hệ chương trình đổi nội song song hằng ngày từ 4 giờ 55 phút đến 23 giờ. Hệ 1 - Thời sự - chính trị - kinh tế. Hệ 2 - Văn hóa - xã hội - khoa giáo cùng Ban Bạn nghe Đài, bên cạnh Ban Văn học nghệ thuật. Ban Biên tập Đổi ngoại riêng hệ... tạo bước chuyển lớn về chất để phát triển hiện đại. Hầm

lượng thông tin tăng nhanh, diễn đàn, giao lưu, tư vấn mở rộng. Người nghe lựa chọn chương trình tùy thích... Thời ấy đánh dấu mốc đổi mới toàn diện của Đài Tiếng nói Việt Nam. Thời của Tổng Giám đốc Phan Quang đa tài! Ấy là lời đồng nghiệp nhà Đài thường bộc bạch với tôi!

Đời ngả chiêu. Phan Quang tự bạch: “Ta viết, tức là ta tồn tại!”. Vậy là Phan Quang vẫn tràn đầy năng lượng, bút lực của ông vẫn rất dồi dào, sung mãn. Không tuần nào, tháng nào vắng bài viết của ông trên các báo và tạp chí. Nhớ lần tôi cùng với ông lên Tây Bắc thăm chiến trường Điện Biên, tới Bảo tàng Lịch sử Điện Biên Phủ, tình cờ gặp mấy cựu binh da trắng có, da màu có thuộc quân đội viễn chinh Pháp thuở xưa; nhà báo Phan Quang và mấy viên cựu binh xấp xỉ tuổi nhau xoắn xuýt chuyện cũ, chuyện mới bằng tiếng Pháp; khi chia tay, đôi mắt viên cựu binh đỏ hoe!... Có lần, họp cơ quan Hội Nhà báo bàn công việc thường ngày, nhưng anh em có người thẳng tính phát biểu có khi gay gắt. Chủ trì hội nghị, Phan Quang khuyên mọi người nên cân nhắc lời lẽ khi phát biểu, dù chỉ là cuộc họp trong nội bộ với nhau, nên nhớ lời ông cha chúng ta dạy: *Đao đâm có lúc lành thương tích/Lời nói đâm nhau hận suốt đời.* Ấy là tài ứng xử của Phan Quang; biết lắng nghe, biết sẻ chia; trí tuệ uyên bác và phong cách bình dị thu phục lòng người!...

Những ngày cùng ông, đi dọc miền Trung tới Hội Nhà báo các tỉnh; ghé thăm quê nhà bên bờ sông Thạch Hãn, tôi mới hiểu ông sinh ra trên vùng đất khó, đất anh hùng, đất của những chiến công. Nơi đây, bố mẹ sinh ra ông, Đảng kết nạp ông vào đội ngũ cách mạng. Phan Quang rủ tôi tới thăm trường tiểu học của xã, trường xây mới trên nền đất xưa ông từng học. Thầy cô giáo đều rất trẻ, vui vẻ đón ông thân thiết như ông nội, ông ngoại. Quà ông tặng trường là 5 - 7 hộp sách đủ các thể loại, nhưng đều là sách quý, phần nhiều do ông viết và dịch mà trẻ rất yêu thích như:

Nghìn lẻ một ngày và Mười hai sứ thi huyền thoại... Tâm đức ấy, tình cảm thế ấy của ông với quê hương cứ ở mãi trong tôi... Cũng dịp ấy, tôi thêm nhận ra, Phan Quang là người có trí nhớ đặc biệt. Trên đường ghé thăm di tích Kinh thành Huế, ông kể vanh vách với tôi về 13 đời vua triều Nguyễn nối tiếp nhau tồn tại suốt 143 năm (1802 - 1945)... Về các vua bị phế, các vua bị thực dân Pháp đẩy ra khỏi nước; các vua yêu nước thương dân như Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Ông lộ vẻ hanh diện khi vua Hàm Nghi xuất bôn (ngày 05/7/1885), lập căn cứ chống thực dân Pháp ở vùng thượng lưu sông Gianh trong suốt 3 năm (10/1885 - 10/1888) đã lưu nghỉ ở quê ông bên bờ Thạch Hãn. Ông sôi nổi nói về sự đóng góp máu xương của biết bao sĩ phu, quan lại và nhân dân Quảng Bình. Nhiều thủ lĩnh nghĩa quân ở Quảng Bình đã xả thân giúp vua, cứu nước, bảo vệ (son triều Hàm Nghi) dẫn tới sự phát triển rầm rộ của phong trào Cần Vương ủng hộ vua Hàm Nghi kháng Pháp....

Với nghề báo, người viết phải tự tạo ra cảm hứng, cần kíp thời, đúng lúc; khát khao vì một xã hội tốt đẹp. Hắn vì thế nên “50 năm hoạt động báo chí qua nhiều giai đoạn, Phan Quang có mặt và là thành viên tích cực trong những bước chuyển biến quan trọng của phong trào. Điều này thật không dễ dàng với những người viết lâu năm. Và quan trọng hơn ông đã kết hợp được giữa công tác quản lý và sức viết đều đặn, chín chắn và mới mẻ. Bởi thế con số thành quả một đời hoạt động qua tác phẩm và cho phong trào là phong phú, đáng trân trọng”(GS. Hà Minh Đức: “Nhà báo, nhà văn Phan Quang”. “Trong thời gian làm việc ở Báo Nhân Dân, Phan Quang là một trong mấy đồng chí đi nhiều nhất, viết nhiều nhất. Đi bằng xe đạp dưới sự kèm rú của máy bay và tiếng nổ của bom Mỹ... Anh viết nhiều thể loại: xã luận, bình luận, phóng sự, điều tra, bút ký. Phong cách làm việc và viết của anh rất nghiêm chỉnh, khoa học” (Hoàng Tùng, nguyên Bí thư Trung ương Đảng;

“Một phong cách làm việc”. Vói nghệ văn - *nghề học nhẫn* (theo cách nghĩ của tôi), thì Phan Quang có một sức sáng tạo thật đáng nể trọng. Đọc các tác phẩm của ông, tôi cảm nhận trong văn của ông có báo, vì sát thực với đời sống. Trong báo của ông luôn có văn, bởi nghệ thuật chuyển tải rất nhân văn, rất uyên bác. Điều này rất đậm đà trong văn dịch của ông, vì “Dịch văn học là một công việc sáng tạo ngôn ngữ, là sáng tác. Dịch chẳng qua là lấy hiện thực từ một tác phẩm đã có, diễn đạt lại bằng ngôn ngữ mẹ đẻ” (Thúy Toàn, Chủ tịch Hội đồng Văn học dịch: “Sáng tạo thì không thể trùng lặp”. Ông Vũ Quần Phương từng có nhận xét: “Phan Quang là một nhà báo có uy tín lớn, một trong ba, bốn cây bút đại thụ của giới văn... Bằng kinh nghiệm riêng của đời mình, bằng quan sát nhận xét từ cuộc đời đồng nghiệp trong và ngoài nước, Phan Quang đã có được cái nhìn thấu tâm thấu đáo về nghề báo” (Vũ Quần Phương: “Viết giữa dòng đời”). Bởi thế, tôi có cảm nhận Phan Quang rất dồi dào năng lượng với nghề, thôi thúc những nhà báo chúng ta luôn vì một xã hội tốt đẹp!

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## CỰU TÙ BÂY OANH - TRUYỀN LỬA KHÍ PHÁCH CÁCH MẠNG

**K**huôn mặt quắc thước, vàng trán cao, rộng; sống mũi to, đầy; miệng rộng, môi dày; cầm chẻ vuông vức; đôi tai cao, dài; sắc mặt hồng hào; thế ngồi vững như bàn thạch; đuôi mắt giằng rịt vết rạn chân chim nhung cái nhìn vẫn hiển hiện tâm đúc phúc hậu, trách nhiệm với cuộc đời, với xã hội. Đó là chân dung Phan Hoàng Oanh, dân sờ tại quen gọi là Bảy Oanh!

Bảy Oanh là cựu tù Côn Đảo. Bảy Oanh hiện là Chủ tịch Hội Người tù kháng chiến Côn Đảo, tận tụy với công việc; nhiệt huyết truyền lửa khí phách cách mạng cho mọi người!... Ấy là những lời chia sẻ chân tình của dân đảo Côn Sơn, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về cựu tù Bảy Oanh với lòng yêu thương, kính trọng và nể phục!...



Các nhà báo với cựu tù Bảy Oanh và tù tù Huỳnh Bá Ánh

Trước lúc gặp Bảy Oanh, anh Nguyễn Anh Nhựt, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo nói với chúng tôi: “Cụ Bảy Oanh và những người trong Hội Người tù kháng chiến Côn Đảo luôn là chỗ dựa tinh thần cho chính quyền, đặc biệt là những khi lễ hội truyền thống diễn ra. Cụ là cựu tù kỳ cựu nhất của huyện đảo, từng trải nhiều chức trách sau ngày Côn Đảo được giải phóng (ngày 01/5/1975)”. Lúc đầu, Bảy Oanh phụ trách thanh niên, sau làm Giám đốc Nông - Lâm trường Côn Đảo, sau đó đi học Trường Đảng nhiều năm, trở về làm Trưởng ban Văn hóa - Thông tin, rồi Chánh Văn phòng Huyện ủy. Từ năm 1992 đến năm 2006, cụ làm Trưởng Ban Quản lý di tích Côn Đảo. Nghỉ hưu, được bầu làm Chủ tịch Hội Người tù kháng chiến Côn Đảo cho tới nay! Khi ấy, Giám đốc Ban Quản lý di tích Côn Đảo Phạm Thị Tám lại nói về người tiền nhiệm đầy hâm mộ, rằng: Cụ Bảy Oanh là tấm gương tận tụy, giàu lòng trách nhiệm với công việc để chúng tôi học hỏi, noi theo. Bàn giao công việc, cụ nhắc nhở: “Đây là Khu di tích đặc biệt của quốc gia, là noi để giáo dục truyền thống cách mạng, là điểm du lịch lịch sử và du lịch tâm linh. Đây là noi mà tên tuổi các vị tiền bối khai quật công thần, các lãnh tụ anh minh ngời ngời tên đất, tên đường, tên phố trên mọi miền Tổ quốc, từng bị đế quốc giam hãm, tù đày, hành hạ như Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh... Cho nên, phải chăm sóc, gìn giữ di tích, coi trọng kiểm tra, trực bảo vệ, hướng dẫn khách, thuyết minh chân thực lịch sử. Nơi đây, mỗi người chúng ta phải sống hết mình với công việc!”...

Hỏi lại lịch danh xưng “cựu tù Côn Đảo”, giọng chậm chắc, Bảy Oanh vẫn tắt kể: “Tôi quê ở xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Tuổi nhỏ tôi làm giao liên cho xã đội. Năm 1969, một đêm đi làm nhiệm vụ thì bị địch bắt bị thương, chúng bắt về đồn tra tấn rồi tống vào khám Chí Hòa. Nằm trong khám, tôi lại

vận động đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ; đòi tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật Cụ Hồ, nên bị chúng đày ra “địa ngục trần gian” Côn Đảo. 5 năm bị đày đọa tại đây, với tôi là thời gian quyết liệt nhất của đời người. Chúng thi nhau hành hạ, dùng đủ mọi cực hình để ép chúng tôi phải ly khai cách mạng, ly khai Đảng và dân tộc. Ngược lại, chúng tôi truyền lửa cách mạng, khí phách cách mạng cho nhau quyết không ly khai dù phải chết, bởi nhân dân, Đảng và dân tộc là máu thịt của chúng tôi. Quyết liệt lầm, kiên định lầm, chịu đựng đến cùng, tất cả chúng tôi không để giây phút nào nao núng tinh thần. Nhớ lần, cả buồng giam số 7 của chúng tôi không chịu chào cờ (lá cờ ba que), liền bị chúng hành hạ tàn độc, dốc ngược người lên, xối nước vôi vào mặt mũi làm chúng tôi sặc sụa, đón đau; hai đồng đội giãy giụa, tắt thở tại chỗ, nhưng không một ai trong chúng tôi đầu hàng, không một ai hé môi ly khai!

Tự dung, giọng Bảy Oanh sôi nổi hồn lên: Đêm 30/4, trại giam số 7 nơi tôi bị giam được tin Sài Gòn đã giải phóng. Chúng tôi phá cửa thoát ra, phá khóa cho các phòng giam khác, rồi cùng nhau tiến về dinh chúa đảo và noi ở của bọn cai ngục, nhưng chúng đã biến đi tất cả. Sáng 01/5, rộn vang tiếng reo hò, hân hoan như hội mở hiện trên những gương mặt gầy mòn, thân hình dẹo dặt của những người tù; chúng tôi thực sự được làm chủ Côn Đảo... Gần nửa tháng trời, tất cả các cựu tù đã lần lượt lên tàu rời khỏi hòn đảo “địa ngục trần gian” để về với gia đình. Vậy mà, chuyến cuối (sáng ngày 20/5) theo vận động của tổ chức cách mạng, tôi và một số cựu tù trẻ tuổi, còn chút sức khỏe đã tình nguyện ở lại để giữ an bình cho Côn Đảo. Đầu năm 1976, tôi mới được về thăm gia đình, đem theo ý định vận động vợ con ra đảo sinh sống!”. Tôi xen lời: “Vậy là thiên hạ chạy đi. Bảy Oanh thì chạy lại!”. Bảy Oanh đón ngay: “Đúng vậy. Khó lầm. Rời nơi chôn nhau cắt rốn đâu phải chuyện dễ. Nhưng Côn Đảo là nơi biết bao chiến sĩ, biết bao đồng

đội vĩnh viễn nằm trong cát bụi, thiếp vắng người hương khói; và lại nay Côn Đảo là của ta, dân ta là chủ; kết cục, vợ tôi - cô Trần Thị Duối vui vẻ chấp thuận. Ngày ra đây, bà nhà tôi nhanh chóng hòa vào cuộc sống của dân đảo; nắm rất chắc truyền thống cách mạng, khí phách anh dũng, kiên cường của chị Võ Thị Sáu và những chiến sĩ cách mạng từ thời chống Pháp đến chống Mỹ. Nhờ đó nên bà ấy được bầu vào lãnh đạo Hội Phụ nữ Côn Đảo. Những khi đông khách tham quan bà ấy kiêm luôn "thuyết minh và hướng dẫn viên" khá "chuẩn nghề". Nghi hưu, mỗi khi Ban Giám đốc Khu di tích thi tuyển thuyết minh viên, thường mời bà ấy vào Ban Giám khảo".

Nỗi mạch chuyện, tôi hỏi: "Công việc của ông với Hội Người tù kháng chiến Côn Đảo là những gì?". Hình như cốt để chúng tôi thấu đáo nên ông nói rộng lời đáp: "Mới giải phóng, Côn Đảo có 153 cựu tù kháng chiến tình nguyện ở lại. Khi tôi làm Chủ tịch Hội Người tù kháng chiến thì chỉ còn lại 14 người; nay còn lại 5 người. Cụ Nguyễn Thị Ni lớn tuổi hơn cả. Các ông Nguyễn Xuân Viên, Nguyễn Văn Ước, Lê Văn Vành cũng tuổi 75 - 76 cả rồi. Đòn tù xưa ngấm sâu nên xương cốt nhức buốt thấy mồm mỗi khi trở trời. Cho nên các hội viên thường xuyên thăm hỏi, chia sẻ, giúp nhau khi khó khăn, đau yếu, xem đây cũng là công việc nghĩa tình của Hội, là truyền lửa cách mạng, lửa yêu thương cho đồng chí, đồng đội; là hương khói cho những chiến sĩ nằm lại mãi mãi ở nghĩa trang quốc gia Hàng Dương!"... Lời chậm rãi, ông bảo: "Tuổi mỗi ngày mỗi cao. Việc mỗi ngày mỗi đến. Càng làm càng say. Xưa dân đảo chỉ vỏn vẹn vài trăm người. Nay đã lên trên 8.000 người. Xưa mỗi năm chỉ vài trăm đoàn khách với ngàn lượt người. Nay một năm có tới vài ngàn đoàn khách, với hàng chục ngàn lượt người tham quan, nghỉ dưỡng. Trong đó, khách nước ngoài cũng xấp xỉ ngàn người. Nhu cầu tham quan, tâm linh, hiểu biết lịch sử mỗi ngày mỗi đông,

mỗi ngày mỗi cao. Ấy là chưa kể đến học sinh các trường trên đảo và các đoàn của thanh niên, học sinh, sinh viên, các tổ chức xã hội từ đất liền ra đều yêu cầu các cựu tù kháng chiến nói về truyền thống cách mạng. Mỗi năm chí ít cũng hàng trăm cuộc tổ chức nói chuyện, hàng chục cuộc giao lưu với khách quốc tế. Họ coi chúng tôi là "Bảo tàng sống" về khí phách kiên cường, bất khuất của các chiến sĩ cách mạng. Bởi, chúng tôi từng trải lao tù, từng chứng kiến sự tàn độc của kẻ thù; từng tôi luyện cho nhau ý chí kiên cường, yêu thương, đùm bọc trước mọi nanh vuốt của kẻ thù. Dù mỗi chúng tôi đều là nhân chứng sống, nhưng nói trước số đông vẫn phải tổng quát để du khách hiểu về tội ác man rợ nhất của kẻ thù và ý chí quật cường của những chiến sĩ cách mạng trong gông tù của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ suốt 113 năm (1862 - 1975)!" Tôi xen lời: "Các cuộc truyền lửa ấy, đâu là điểm nhấn quan trọng nhất?". Cụ Bảy Oanh khẽ rướn người, như để nuốt uất nghẹn vào trong, lời xả ra: "Di tích còn đó, mô hình, mô phỏng còn đó, dấu tích ghê rợn vẫn nguyên trạng đó. Con số tù nhân thiệt mạng là 914 người khi xây cầu tàu còn ghi lại đó; trại giam Banh I, Banh II, Banh III, Phú Phong, Phú Bình; khu biệt giam "Chuồng Bò", "Chuồng Cọp", xà lim, khám tử hình; cùm chân khóa cẳng trong "lồng sắt" dày cộp với đủ cách tra tấn... nhưng đâu có nhụt được ý chí của hàng vạn chiến sĩ cách mạng. Trước lúc chết, các đồng chí, đồng đội vẫn kiên trung, bất khuất, vẫn xổ những lời khinh bỉ vào mặt kẻ thù; gương anh hùng của cô Sáu (Võ Thị Sáu) mãi còn vang dội đó. Cho nên, không chỉ truyền dạy bằng lời, mà chúng ta còn lưu giữ, tôn tạo để khắc cốt, ghi xương những tội ác của thực dân, đế quốc trên hòn đảo thiêng, hòn đảo anh hùng bất khuất này. Đây chính là khí phách Việt Nam!...".

Thời gian trôi. Đời người nào có dài lâu. Chỉ mong rằng hôm nay và mai này con cháu chúng ta sống trong thanh bình, hạnh phúc,

sẽ hiểu về quá khứ đau thương và anh dũng của thế hệ cha anh ở Côn Đảo nói riêng, trên chiến trường cả nước ngày ấy nói chung, để mà tri ân, rồi lấy khí phách là tiền đề để phát triển bền vững, vượt lên xây dựng, bảo vệ, gìn giữ Tổ quốc Việt Nam thân yêu!

Trích trong tập *Rìa rừng - Ngách phố*,  
Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018.

## HỒNG CHƯƠNG - MẪU MỰC VÀ BẢN LĨNH



*Nhà báo Trần Hồng Chương*

Tôi thuộc thế hệ sinh sau, đến muộn. Khi ông Trần Hồng Chương (Hồng Chương) là Thư ký tòa soạn Tạp chí Cộng sản (năm 1960) thì tôi mới chỉ là giáo sinh theo nghề sư phạm. Khi ông là Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản (năm 1982) thì tôi mới vào nghề báo ở tỉnh lẻ vỏn vẹn 15 năm... Trải nghiệm với nghề mới vỡ ra, nghề báo rất khắt khe, nghề của nhiều hiểm nguy. Tôi đã thốt lên bằng ấn phẩm: “Báo chí - Nghề nghiệt ngã”!

Thời xa ấy, những nhà báo làm công tác Hội như: Xuân Thủy, Hoàng Tùng, Hồng Chương, Hồng Hà, Trần Lâm, Đào Tùng, Huỳnh Văn Tiểng, Lý Văn Sáu, Lưu Quý Kỳ, Phan Quang, Hữu Thọ,

Trần Công Mân... thực sự là thần tượng nghề nghiệp của chúng tôi. Thời ấy, cho dù báo chí đã rất phát triển, nhưng những phương tiện để đọc, nghe, xem, nhìn vẫn chưa được dồi dào, phong phú như thời nay để dễ bề tiếp nhận, rèn giũa, ấp ủ, tích lũy... Cho nên, Báo Nhân Dân, Quân đội nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Bản tin Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam... vô cùng quan trọng trong công việc của tôi - Tổng Biên tập Báo Vĩnh Phú vào những năm 1981 - 1989. Bởi lẽ, tờ báo của Đảng bộ tỉnh luôn phải thể hiện đậm nét sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, Nhà nước và Tỉnh ủy... Nhờ các tờ báo chính thống cùng các nhà báo danh tiếng kể trên đã tạo nên sinh khí tiếp sức tiếp lực cho chúng tôi - những người làm báo đảng địa phương xa xôi.

Những năm làm Tổng Biên tập kiêm Chi hội trưởng (sau đổi là Chủ tịch Hội Nhà báo tỉnh), Tạp chí Cộng sản và Báo Nhân Dân thực sự là người dẫn đường chỉ hướng cho tôi vận dụng tinh thần chỉ đạo của báo, tạp chí cùng với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy để xây dựng kế hoạch tuyên truyền của tháng, quý và của năm sát thực (theo như cách nói thời nay là đúng định hướng). Thêm nữa, tôi có may mắn được tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam từ khóa IV, nhiệm kỳ 1983 - 1989 do nhà báo Hoàng Tùng làm Chủ tịch và 6 nhà báo làm Phó Chủ tịch, trong đó có nhà báo Hồng Chương; từ tháng 01/1987, ông làm Chủ tịch Hội (khi ông Hoàng Tùng thôi chức)...

Ngày ấy, Hội Nhà báo Việt Nam chưa có Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ như bây giờ, Ban nghiệp vụ cũng chưa thật rõ nét, nên việc bồi dưỡng nghề báo chủ yếu vẫn do cấp hội cơ sở tự lo, mà người đứng đầu là tổng biên tập kiêm lãnh đạo chi hội nhà báo đảm nhiệm. Cho nên, các Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam chúng tôi khóa ấy (có tới 30 tổng biên tập báo địa phương trong số 53 Ủy viên Ban Chấp hành Hội) rất chăm chú linh hội, nhập tâm, ghi chép tỉ mỉ phương hướng tuyên truyền

trên báo chí do lãnh đạo Hội truyền đạt. Phần việc này chủ yếu do Phó Chủ tịch Hội - Hồng Chương đảm nhiệm...

Nhắc đến ông, nói về ông, tự dung tôi thấy bóng hình ông như vẫn đâu đây. Vầng trán vuông và rộng, tai dài, đôi mắt sáng, thần thái thanh thoát, uy nghiêm, tràn đầy nghị lực. Tôi kính trọng ông bởi tâm tư tưởng, bởi bản lĩnh chính trị, bởi lòng kiên nhẫn trong công việc. Ông đúng là nhà báo đi lên bằng công việc. Vói nghề báo - tuần tự từ phóng viên, lên Thư ký tòa soạn, lên Phó Tổng biên tập rồi Tổng Biên tập. Với việc Hội - ông tham gia Ban Chấp hành Hội từ khóa II; khóa III là Ủy viên Ban Thường vụ, từng giữ cương vị Trưởng ban Lịch sử và Trưởng ban Kiểm tra Hội; tới khóa IV là Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Hội... nên việc báo, việc Hội với ông đều chắc bền từ gốc rễ. Phong thái đàng hoàng, đĩnh đặc, thư thái, cẩn trọng là nét rất đặc trưng của một nhà báo chính luận. Giọng trầm ấm như chuông ngân, tràn đầy âm điệu, ông nhắc chúng tôi, đại thể:

- Báo chí phải tập trung tuyên truyền điển hình và nhân tố mới. Phải chú trọng tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về các điển hình tiên tiến, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp để nhân ra diện rộng, nhưng cũng chú trọng chỉ rõ những khuyết điểm, những hạn chế phải khắc phục. Dẫn lại ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Lê Duẩn, ông nhắc nhớ chúng tôi cần nambi lòng: "Báo chí phải góp phần tích cực vào việc xây dựng tư tưởng mới, con người mới... Các cơ quan báo chí phải phối hợp thật chặt với nhau, cùng các cơ quan tư tưởng để đạt hiệu quả cao"!...

Trong mỗi kỳ họp, khi định chương trình công tác Hội gắn với thời điểm chính trị, ông thường quán triệt:

- Báo chí phải coi trọng mục tiêu kinh tế và xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng. Hết sức chú tâm vào các đích: đảm bảo ổn định và cải thiện một bước đời sống cho nhân dân;

chú trọng xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội; giữ vững an ninh - quốc phòng;... hết sức coi trọng công tác tư tưởng; chống bảo thủ, trì trệ...; tẩy trừ tư tưởng tiểu tư sản, tư bản chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật. Báo chí rất cần phải có những bài lý luận chuyên sâu về xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, về sử dụng sức mạnh tổng hợp...

Cuối năm 1985, khi triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa V, trong chương trình công tác Hội và nghiệp vụ báo chí, ông phát biểu mạnh mẽ, nhưng chất giọng chan chan khích lệ:

- Báo chí phải xung trận. Quyết liệt đấu tranh, quyết liệt xóa bỏ tệ quan liêu bao cấp, giải quyết một số vấn đề về giá - lương - tiền nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, làm chủ thị trường xã hội chủ nghĩa!... Thời điểm này, báo chí Vĩnh Phú tập trung tuyên truyền về phát triển kinh tế đồi rừng, kinh tế gia đình. Vĩnh Phú cũng là vùng công nghiệp tập trung... đem ý kiến chỉ đạo của ông Hồng Chương, chúng tôi tập trung tuyên truyền đổi mới quản lý xí nghiệp quốc doanh; khoán sản phẩm tập thể trong sản xuất công nghiệp, mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh...

Khi đảm nhận chức Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam (1987 - 1988) cũng là thời điểm toàn Đảng, toàn dân đang sôi nổi quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12/1986), Đại hội khởi xướng đổi mới. Truyền đạt nội dung cần quán triệt tuyên truyền sâu rộng trên báo chí, ông nói cười rất tự nhiên, giọng âm vang tràn đầy tin tưởng: "Đây là thời điểm các cấp hội nhà báo phải thôi thúc báo chí dồn sức vào chiến lược đổi mới toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trọng tâm là lĩnh vực kinh tế, như: bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế trong kế hoạch hóa và quản lý kinh tế"... Về tư

tưởng và tổ chức, ông nói như không thể khác được: “Báo chí nhất thiết phải góp sức phát huy mọi khả năng của con người, lấy việc phục vụ con người làm mục tiêu cao nhất”... Về đổi mới tư duy, ông cười, giọng hóm hỉnh: “Muốn đổi mới trước hết cán bộ, đảng viên phải đổi mới tư duy; đổi mới công tác tổ chức cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo mới mong thành công đổi mới cơ chế quản lý”!... Mỗi lần nghe ông định hướng công việc, lại thêm một lần chúng tôi nghĩ về tổ chức của Hội Nhà báo Việt Nam, rằng Hội chính là điểm tựa vững chắc cho báo giới Việt Nam. Khi mà những người lãnh đạo chủ chốt của Hội là nhà báo, có chức quyền trong cơ quan báo chí, tâm huyết với nghề. Bởi xương sống của tổ chức Hội, sợi chỉ đỏ xuyên suốt tạo nên chất lượng và vị thế của Hội không gì khác chính là chất lượng nghiệp vụ báo chí của mỗi hội viên nhà báo... Hắn là thế, nên suốt thập niên 80 của thế kỷ XX, báo chí Vĩnh Phú chúng tôi luôn quán triệt sự chỉ đạo của Đảng, góp sức tạo nên điển hình của tinh trung du, rất thành công với lần thứ ba tiến quân lên đồi lèn rừng; bằng những mẫu hình trang trại, vườn rừng, vườn đồi... gọi khách bốn phương tham quan học hỏi... Ngày ấy, ông Phan Quang là Vụ trưởng Vụ Báo chí của Ban Tuyên giáo Trung ương đã dẫn hầu hết tổng biên tập các báo địa phương và một số báo ngành lên thăm và chia sẻ kinh nghiệm tuyên truyền với Báo Vĩnh Phú của chúng tôi...

Ngày ấy, mỗi thành công trong công việc tuyên truyền, chúng tôi thường thầm cảm ơn, thầm tri ân sự chỉ đạo của Vụ, của Hội, của nhà báo Hoàng Tùng và nhà báo Hồng Chương!... Ngày ấy, nghe tin ông về với thế giới người hiền, cả tòa soạn chúng tôi bàng hoàng. Viết ông tại số 12 Lý Đạo Thành, tôi xúc động gọi tên ông: “Nhà báo Hồng Chương oi. Sao ông vội vã ra đi!”.

## TRẦN CÔNG MÂN - NGƯỜI CẦM TRỊCH ĐỔI MỚI BÁO CHÍ



Nhà báo, Thiếu tướng Trần Công Mân

### Một vị tướng bình dị, chân tình

Là cộng tác viên thời còn ở tỉnh lẻ (những năm 70 - 80 của thế kỷ XX) tôi biết Thiếu tướng Trần Công Mân bởi những bài báo mà tôi viết về những tấm gương chiến đấu bảo vệ biên cương phía Bắc gửi tới Báo Quân đội nhân dân khi ông là Tổng Biên tập. Những năm 1990, tôi may mắn được trực tiếp làm việc dưới quyền ông khi ông là Phó Tổng Thư ký Thường trực Hội Nhà báo Việt Nam (nay là Phó Chủ tịch Thường trực), tôi là Ủy viên Ban Thư ký (nay là Ủy viên Ban Thường vụ) chuyên trách công tác Hội - Hội Nhà báo Việt Nam.

Hội viên đồng, công việc nhiều, cán bộ chuyên trách ở Hội mỏng, tôi với ông và anh em trong Hội thường phải kiêm nhiệm, đồng thời phải đến với các cơ sở hội địa phương ở khắp các vùng miền đất nước... Quý trọng ông - một vị tướng từng chinh chiến trận mạc hồi kháng chiến 9 năm - một "Tư lệnh" của báo giới và Hội Nhà báo Việt Nam thời khởi lập, đổi mới - một con người hiền hậu, giọng nói nhỏ nhẹ, cao gầy, mảnh mai, ẩn chứa thần lực của sự hòa hợp giữa tâm hồn và trí tuệ; đĩnh đạc, đàng hoàng, thu tụ nhân viên bằng sự gần gũi, chân tình. Trong cuộc sống thường nhật, ông bình thản, dân dã. Cùng ngồi vỉa hè ăn bún đậu chấm mắm tôm, nhanh nhảu kéo ví nhận phần trả tiền. Lên Tây Bắc cũng vui vẻ ngả nghiêng chén đầy chén voi với dân bản, cũng đung đưa trong vòng xòe rộng mở theo nhịp chiêng trống bập bùng quanh đống lửa hồng, hào hởi với dân bản Thái, bản Mông...

Tâm phục, khẩu phục, chúng tôi ngầm học ông tính cần mẫn, mẫn mực trong công việc; chịu nghe, biết chia sẻ, biết truyền cảm hứng cho cán bộ mỗi khi giao việc... Năm 1990, nhiều lần ngồi xe cùng ông đến với hội viên nhà báo ở Tây Bắc, Việt Bắc non cao trập trùng hay dẳng đặc dài đất miền Trung... tôi đều có đề tài mới mẻ do ông gợi cho để suy ngẫm, để soạn thảo, để thực hiện trong chức trách và khả năng của mình... Ông nói: "Thời nay Hà Nội đã có vi tính, in ấn khá hiện đại, phải làm thẻ hội viên nhà báo thật tươm tất!". Ấy là lời ông bàn với tôi, nhưng tôi hiểu đó là việc tôi phải làm đúng ý ông... Cũng năm đó, trên đường vào Hội Nhà báo Quảng Bình, ông bảo tôi: "Tổng thư ký Phan Quang cho ý kiến: Phải tổ chức Giải báo chí toàn quốc của Hội Nhà báo Việt Nam vào năm 1991! Quan trọng là phải định cho rõ thế nào là một bài báo hay. Dựa vào đó để xây dựng Quy chế và Điều lệ giải"... Khi đi vào cũng như lúc trở ra tôi và ông không ngoi bàn luận quanh chủ đích mà ông đã đề cập. Võ lẽ, ông thản nhiên nói:

“Người chắp bút Quy chế và Điều lệ Giải chính là Trưởng ban Nghiệp vụ và Công tác Hội (ngày ấy hai ban nhập một). Phải làm ngay để Tổng thư ký cùng ông xem xét, trình Ban thư ký trước khi trình Ban Chấp hành Hội (khóa V) quyết định!...”. Tết Tân Mùi - 1991, Tổng Bí thư Đỗ Mười tới thăm Hội Nhà báo Việt Nam trưng bày báo Xuân, đã nhất trí để Hội hằng năm mở Hội báo Xuân toàn quốc. Sau buổi ấy, ông luôn trao đổi và khích lệ tôi cùng viết bài cho các báo nói về báo Tết, báo Xuân - nét đẹp văn hóa riêng có của Việt Nam. Đồng thời nhắc tôi soạn Quy chế chấm Giải báo Tết - báo Xuân, tập trung vào hai tiêu chí *cái hay* và *cái đẹp*. Trong *cái hay* phải chứa đựng cái đúng, trúng, đậm đà tính dân tộc; trong *cái đẹp* thể hiện trên bìa cũng như các trang ruột phải đậm đà sắc thái ngày tết cổ truyền của dân tộc Việt, nhưng vẫn thể hiện tính hiện đại, đổi mới của đất nước và thời cuộc... Tới việc soạn Quy chế xét tặng Huy chương Vì sự nghiệp báo chí Việt Nam (nay là Kỷ niệm chương) cho các nhà báo lâu năm trong nghề có đóng góp thiết thực vào sự nghiệp báo chí Việt Nam, thời gian làm báo để được xét tặng lúc ấy tôi ghi 25 năm làm báo chuyên nghiệp. Ông sửa lại và bảo: Nam nữ bình quyền là đúng, nhưng xét việc phải quan tâm đến giới tính; cho nên nữ nhà báo được xét tặng chỉ 20 năm. Sửa song, ông giục tôi tới nhà riêng trực tiếp xin ý kiến cựu Chủ tịch Hội Nhà báo Hoàng Tùng. Sự kỹ càng, cẩn trọng, chịu lắng nghe, chịu lấy ý kiến tham góp ở ông, khiến cho các văn bản (dự thảo) có tính pháp quy của Trung ương Hội nhanh chóng được tập thể Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam khóa V thông qua... Tương tự, chuẩn bị Đại hội nhiệm kỳ khóa VI (1995 - 2000), ông nhiều lần trao đổi sau khi đã giao việc cho tôi: Phải xây dựng thật tốt “Quy ước đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam”; nhấn mạnh, người làm báo phải có bản lĩnh chính trị, tuyệt đối trung thành với mục tiêu độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội;

gắn bó mật thiết với nhân dân; thông tin trung thực, khách quan... Đây là việc khó nhưng phải hoàn tất (dự thảo) để Ban Chấp hành Hội khóa V cho ý kiến trước khi trình Đại hội đại biểu Hội Nhà báo Việt Nam khóa VI xem xét, quyết định. Nhằm tạo dư luận, ông phân công tôi viết bài gửi Báo Nhân dân, Quân đội nhân dân. Riêng ông viết cả loạt bài trên Tạp chí Nhà báo & Công luận (nay là Tạp chí Người làm báo)...

### **Một “Tư lệnh” chuẩn mực, sắc sảo**

Giải Báo chí toàn quốc của Hội lần thứ 2 (năm 1992) vừa kết thúc, ông có ngay bài trên tạp chí của Hội đầy tính khích lệ, chỉ hướng cần đi tới: “Giải báo chí lần này hầu hết các báo đều “hướng nội”, phản ánh nhiều mặt, từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến những chuyện đời thường, những điều bức xúc trong cuộc sống. Ngòi bút chiến đấu của các nhà báo đã không ngần ngại nêu lên những nỗi day dứt, những điều chưa được hài lòng, đề xuất, kiến nghị giải pháp để đưa đất nước tiếp tục tiến lên, đồng thời cũng rất ưu ái đối với những tấm gương người tốt, việc tốt, những tấm lòng vị tha, nhân hậu, những con người bất hạnh mà không chịu cuộc sống bất hạnh, tự làm cho mình thành con người có ích cho xã hội”... Kỷ niệm ngày thành lập Đảng (03/02/1990) ông có bài trên Báo Quân đội nhân dân “Chinh đốn Đảng - vấn đề thời sự” với một loạt luận điểm sâu sắc: “Muốn chinh đốn Đảng, trước hết cần đổi mới cách xem xét đảng viên; đổi mới cán bộ, đổi mới công tác cán bộ; đổi mới phong cách, phương pháp lãnh đạo của Đảng”. Theo đó, ông có cả seri bài bàn về công tác đảng, công tác cán bộ trong đổi mới, như: “Chất lượng đảng viên hôm nay”; “Nghĩ về đổi mới”; “Dân biết, dân bàn, dân bầu”; “Cần nhiều dân chủ cho sinh hoạt chính trị”; “Nghĩ về dân chủ”; ““Mở cửa” và việc khẳng định những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa”;

“Quyền con người: ước mơ, đấu tranh và hiện thực”; “Quyền con người: Điều sơ đẳng nhưng cơ bản của dân chủ”; “Chống tham nhũng phải bắt đầu đổi mới mạnh mẽ và đúng hướng cơ chế quản lý kinh tế - xã hội;...”. Chỉ đọc tiêu đề của những bài báo là đủ thấy tầm nhìn và tư duy minh tuệ của ông mà không dễ nhà báo nào cũng có được!... Cũng dịp này, trên báo *Tuổi trẻ Thủ đô*, ông cho đăng bài “Thanh niên - Đổi tượng cần nhận được sự quan tâm hàng đầu trong công tác vận động quần chúng”. Ông lập luận: Thanh niên là đội ngũ có kiến thức, năng động, nhạy cảm nhất với cái mới. Cho nên cần chú ý đáp ứng những nhu cầu của họ: *Một là*, quyền được thông tin và mong muốn được thông tin. *Hai là*, sự khao khát cái mới của tuổi trẻ là điều không thể bỏ qua. *Ba là*, quan tâm đến điều day dứt của thanh niên: Việc làm! *Bốn là*, phải kiên quyết chống bất công xã hội, chống đặc quyền, đặc lợi. *Năm là*, cần cán bộ thanh niên mà không cần “quan thanh niên”. Giải trình những đề mục của bài viết kể trên ông phân tích, dẫn dụ hết sức sát thực. Mấy mươi năm qua rồi, đọc lại bài viết mà tính thời sự như vẫn vẹn nguyên; kiên định, dũng cảm, sắc sảo, thẳng thắn, minh bạch về tư duy đổi mới nói chung cũng như đổi mới thông tin báo chí nói riêng.

Suốt nhiệm kỳ ông giữ vai trò “Tư lệnh” ngành, báo chí sôi động bởi nhiều cuộc hội thảo từ Trung ương đến vùng miền và cơ sở. Bàn thảo về đổi mới, ông nêu vấn đề: “Ai có thể đổi mới tư duy?”. Phân tích, rồi ông kết lại: “Đổi mới tư duy không phải là việc riêng của một số người, mà của tất cả mọi người thì dân chủ, công khai là điều không thể thiếu. Không có tự do thông tin để thường xuyên nhận được thông tin mới và phong phú; không có tự do tư tưởng, tự do bàn bạc, thảo luận tranh luận để phân rõ đúng, sai, tìm ra chân lý, thì thực tế không có tự do chân chính. Đổi mới tư duy là cả một cuộc đấu tranh tư tưởng, quan điểm,

nhằm phát huy cái tiên tiến, khắc phục cái lạc hậu, nhằm phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Do vậy, nó phải là một phong trào dân chủ có định hướng". Ông khẳng định: "Đổi mới, quy luật muôn đời mà thời sự". Bàn thảo về "trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của người làm báo"; về "tự do báo chí"; về "đạo đức nghề nghiệp của người làm báo"... là vấn đề mà vai trò điều hành và chỉ đạo báo chí và hoạt động của tổ chức Hội của ông thể hiện rõ nhất qua hội thảo, qua báo chí xoay quanh một vấn đề lớn: "Báo chí với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc". Ông luôn nhấn mạnh: "Tính chính xác của thông tin báo chí là lương tâm, trách nhiệm của người cầm bút. Rằng, uy tín báo chí bắt nguồn từ phẩm chất nhà báo... Đã là nhà báo thì điều trước tiên là phải thông tin một cách chính xác, kịp thời, cụ thể các sự kiện xảy ra (trong nước, địa phương, thế giới) trên các lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội - văn hóa - khoa học - kỹ thuật... mà quần chúng muốn biết, cần biết!".

"Đôi điều về tự do báo chí" là bài viết ông truyền thông điệp tới các nhà báo Việt Nam: "Chúng ta không coi tự do báo chí là một thứ tự do tuyệt đối của cá nhân đồng nghĩa với chủ nghĩa vô chính phủ. Tự do báo chí chân chính là tự do bày tỏ mọi ý tưởng phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cho mưu cầu hạnh phúc của nhân dân, cho sự giải phóng của con người, làm cho con người ngày càng thêm năng động, sáng tạo. Nhân dân qua báo chí mà được biết, được bàn những gì liên quan đến lợi ích của mỗi người và của cả đất nước. Nhân dân cũng qua báo chí mà nói lên tiếng nói chiến đấu của mình, chiến đấu chống lại các thế lực xâm lược, nô dịch dưới mọi màu sắc, thủ đoạn cũng như chống chọi mọi thói hư, tật xấu, chống quan liêu, chống tham nhũng, hối lộ, đặc quyền, đặc lợi... để lành mạnh hóa xã hội. Nhưng chúng ta không thể coi tự do báo chí là thứ tự do bô lô nhọ lịch sử, quá khứ

vinh quang qua nhiều thế kỷ đấu tranh cho độc lập của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Và cũng như nhiều nước, kể cả phương Tây, luật pháp Việt Nam không bao giờ chấp nhận luận điệu nhân danh tự do báo chí để kích động dư luận, gây rối, làm mất trật tự xã hội, an ninh chính trị”...

Bao việc lớn với báo giới và Hội Nhà báo Việt Nam nhiệm kỳ kế tiếp vẫn bỗn bề, dang dở thì ông lâm bệnh... rồi biến biệt ra đi (vào ngày 25/3/1998). Nhưng Thiếu tướng - nhà báo Trần Công Mân vẫn là thần tượng tỏa phát, bền mãi với thời gian: Một người “cầm trịch” báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam ở thời khởi lập đổi mới; giữ cũ, giữ nhịp chính chuẩn, không lệch, không sai bắt nhịp với thời đại, thông tin đa dạng, trung thực, nhiều chiều, nhịp nhàng, trôi chảy!...

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## KSOR KENG GIỮA ĐẠI NGÀN TÂY NGUYÊN



*Dồng chí KSor Keng*

**C**hưa gặp KSor Keng, nhưng tôi biết anh là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy có “thương hiệu” của Tây Nguyên. Bởi đã có tờ báo chạy dòng tít “KSor Keng yêu dấu của buôn làng A-Yun-Pa”, một tờ khác thì vinh danh “KSor Keng - Điểm tựa tin cậy của cán bộ kiểm tra tỉnh Gia Lai”... Anh cũng còn là tác giả quen thuộc với hàng chục bài viết giàu chất lượng thông tin xoay quanh công tác kiểm tra và xây dựng Đảng trên các phương tiện báo chí Trung ương và địa phương.

Gặp KSor Keng giữa đại ngàn Tây Nguyên trong những ngày cuối cùng của tháng 5 nóng nả khi anh cùng các cán bộ trong

co quan bận bự với công việc kiểm tra, giám sát quản lý, bảo vệ rừng. Hồi chuyện mới hay, anh là người Gia Rai, sinh ra từ đất rừng Chư Mô, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, nên hiểu đất rừng như lòng bàn tay. Vé thân thiện, ánh mắt trẻ trung, cái nhìn thâm sâu cứ như đong đếm hết suy nghĩ của người đối diện với mình. Biết tôi đang để tâm đến rừng, đến trách nhiệm của những người làm công việc kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, KSor Keng cặn kẽ:

- Gia Lai rộng đến 15.536,9km<sup>2</sup>, với 17 đơn vị hành chính, 22 đảng bộ trực thuộc, với hơn 40 nghìn đảng viên. Diện tích đất có rừng tới 719.478ha, trong đó rừng tự nhiên tới 664.876ha; rừng trồng 54.602ha; 163 xã có đất rừng. Rừng có nhiều gỗ quý như trắc, hương, cẩm lai, hoàng đàn..., nhiều lâm đặc sản dưới tán rừng như thổ phục linh, cốt toái, sa nhân, mã tiền... và các loại cây cho dầu, nhựa... Cùng với hệ thực vật, động vật, rừng Gia Lai phong phú và đa dạng cả về giống, loài và số lượng cá thể. Đặc biệt, loài khỉ ró tai hung mới được phát hiện trong Vườn quốc gia Kon Ka King!...

Ngừng giây lát, anh mở cặp đưa cho tôi bút tham luận về rừng, nghe đâu sẽ hội thảo ở miền duyên hải vào tháng tới. Vẫn mạch cặn kẽ, đôi mắt thâm sâu, KSor Keng dõi thẳng vào tôi:

- Từ đặc điểm tự nhiên đó, công tác quản lý, bảo vệ rừng luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, nhất là những năm gần đây, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tập trung chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, thông qua việc ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo bằng các biện pháp cụ thể: tạm ngưng cấp giấy phép chế biến gỗ; kiểm tra địa điểm trước khi cấp phép; yêu cầu quản lý chặt chẽ việc đưa phương tiện cơ giới (xe máy ủi, xe có cần cẩu các loại), công cụ cơ giới (máy cưa) vào rừng; thường xuyên đôn đốc, xử lý nhanh chóng, nghiêm túc các vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ

và phát triển rùng...; định kỳ tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác quản lý bảo vệ rùng, đề ra các biện pháp cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn. Công tác kiểm tra, giám sát về lĩnh vực quản lý, bảo vệ rùng của Ủy ban kiểm tra các cấp đã có những đóng góp quan trọng thông qua việc xây dựng và tham mưu cho cấp ủy xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ, làm cơ sở để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hàng năm, trong đó kiểm tra, giám sát về công tác quản lý, bảo vệ rùng được xác định là một trong những việc trọng tâm. Những địa phương có rùng, thường xuyên xảy ra tình trạng vi phạm lâm luật được xác định là những địa bàn trọng điểm của công tác kiểm tra, giám sát!...

Tôi ngắt lời: “Vậy mà việc phá rừng vẫn diễn ra. Cả tuần nay báo chí, phát thanh, truyền hình đều nói nhiều về việc rừng bị đốn phá ở các xã Hà Đông, Đak Sơ Mei, Hải Giang của huyện Đăk Đoa”. Ksor Keng đáp: “Vâng, ở đó chúng tôi đã kiểm tra và quyết định thi hành kỷ luật cảnh cáo đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Đoa do thiếu trách nhiệm trong quản lý, điều hành công việc thuộc thẩm quyền, để xảy ra tình trạng dân phá rừng làm nương rẫy trái phép nghiêm trọng và để một số cá nhân, tổ chức hoạt động khai thác vàng trái phép thuộc phạm vi địa bàn quản lý. Những vi phạm trên của đồng chí này đã làm ảnh hưởng đến tổ chức đảng và cá nhân đồng chí đó. Chiều nay mời các anh về Đăk Đoa để hiểu thêm!”...

Ksor Keng nói như để minh chứng về sự không buông lơi của tinh, của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng bộ: “Việc kiểm tra, giám sát về lĩnh vực quản lý, bảo vệ rùng của Ủy ban kiểm tra các cấp từ đầu nhiệm kỳ 2010 - 2015 đến nay đã có được những kết quả quan trọng, đã kiểm tra 22 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, qua đó đã thi hành kỷ luật 15 đảng viên; cấp huyện và tương đương kiểm tra 11 tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm, thi hành

kỷ luật 1 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề đối với 6 đảng viên; 5 tổ chức đảng, giải quyết tố cáo đối với 1 đảng viên (Mang Yang); 1 tổ chức đảng (Ia Grai). Ủy ban kiểm tra cấp huyện và tương đương đã tham mưu giúp cấp ủy kiểm tra 74 đảng viên, 16 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề đối với 7 đảng viên; 09 tổ chức đảng. Cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 04 tổ chức đảng (khiển trách 2; cảnh cáo 2); thi hành kỷ luật 53 đảng viên (khiển trách 36; cảnh cáo 17). Cùng đó Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành để truy quét lâm tặc (riêng năm 2012 đã thành lập 04 đoàn, truy quét trên 04 địa bàn trọng điểm là Chư Prông, Chư Puh, Đăk Doa, Đức Co), chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện thành lập các đoàn để truy quét tại địa bàn; lập 04 đoàn kiểm tra các cơ sở kinh doanh chế biến gỗ, v.v.. Vì vậy, công tác quản lý, bảo vệ rừng thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng với quy mô lớn, tính chất nghiêm trọng, phức tạp đã giảm dần; tình hình vi phạm về khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng có tổ chức, số lượng lớn không xảy ra; hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp của các thành phần kinh tế đã cơ bản đi vào nền nếp; số lượng cán bộ, đảng viên có khuyết điểm vi phạm liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng giám nhiều so với trước!”. Cứ thế, như thói quen của nghề nghiệp, việc không nói thì thôi, đã nói thì phải rõ ngọn rõ ngành. KSor Keng nói về nguyên nhân thực trạng của những non yếu trong công tác bảo vệ rừng, về những sai phạm của những ngành, những đơn vị chức năng và trách nhiệm của những cá nhân trong việc triển khai chủ trương của Chính phủ, chuyển rừng nghèo sang trồng cao su... gây nên những bức xúc trong xã hội!...

Tôi ngắt lời hỏi KSor Keng:

- Có hay không hành vi tiếp tay cho “lâm tặc” của các lực lượng chức năng?

Giọng chậm, chắc, anh bảo: “Qua xem xét, nắm tình hình thì mặc dù không có chứng cứ cụ thể, nhưng lãnh đạo các địa phương, đơn vị đều xác định có dấu hiệu của hành vi tiếp tay cho “lâm tắc”, thể hiện dưới nhiều hình thức như: cán bộ có trách nhiệm bị mua chuộc, bị can thiệp, tác động, lo sợ bị trả thù... dẫn đến “làm ngo” để “lâm tắc” khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến lâm sản trái phép mà không bắt giữ, xử lý hoặc có làm nhưng không đến nơi đến chốn. Thông tin cho “lâm tắc” biết việc triển khai lực lượng truy quét để chúng tẩu tán tang vật, trốn tránh lực lượng chức năng. Người có chức vụ, quyền hạn, có quan hệ đã can thiệp, tác động đến co quan chức năng, cán bộ có thẩm quyền khi phát hiện, xử lý vụ việc. Ngoài ra, việc tiếp tay còn thể hiện dưới các hình thức gián tiếp khác như một số quy định pháp luật có lúc quá thông thoáng, chưa đồng bộ, tạo kẽ hở cho “lâm tắc” lợi dụng; cán bộ được giao nhiệm vụ thiếu tinh thần trách nhiệm, buông lỏng quản lý địa bàn; công tác phối hợp giữa các ngành không chặt chẽ; thói quen mua lâm sản không có nguồn gốc, không có hoá đơn chứng từ... của đại đa số người dân, bao gồm cả cán bộ, đảng viên là lãnh đạo, quản lý các cấp!”. Anh chuyển giọng cắt giải: “Hành vi kể trên chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến vi phạm lâm luật trên nhiều địa bàn vẫn diễn biến phức tạp; hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng nhìn chung còn hạn chế. Tiếp tay cho “lâm tắc” phải xem là một dạng của hành vi tham nhũng. Cho nên Gia Lai đã triển khai các biện pháp để phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn bằng cách thường xuyên giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức; xác định chế độ trách nhiệm của người đứng đầu khi xảy ra tiêu cực, tham nhũng; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; chấp hành chế độ kê khai tài sản; xử lý kỷ luật cán bộ vi phạm”...

Tôi hiểu, đại ngàn bao la này công việc kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, cùng với các ngành chức năng của tỉnh để ngăn chặn tận gốc nạn phá rừng quả là công việc đầy gian nan. Nhưng cứ nhìn phong cách trẻ trung, hào hởi, thân tình với bạn bè, nồng nỗi, quyết liệt với nghề nghiệp, từng trải từ xã lên huyện, lên tinh, chịu học, chịu rèn, dám ghé vai "gánh" việc "khó - khó - khổ" này thì lòng tin trong tôi với anh càng được củng cố... Xoay cuộc chuyện để hiểu tâm tư với nghề nghiệp kiểm tra của Ksor Keng, tôi hỏi:

- Đảng bộ giao cho anh làm công việc không mấy dễ dàng này, anh nghĩ sao?

Ksor Keng bộc bạch:

- Ngày đầu nhận công tác kiểm tra, tôi rất trăn trở, bởi nhiệm vụ của Đảng ta trong từng giai đoạn rất nặng nề, đất nước đang đứng trước nhiều cơ hội lớn nhưng cũng nhiều thách thức đòi hỏi Đảng phải làm tốt công tác xây dựng Đảng hiện nay như Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) Về một số vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng đảng hiện nay đã đề ra. Song, chính tập thể Đảng bộ tỉnh đã cho tôi thêm nghị lực để đi tới. Cấp ủy đảng các cấp thuộc Đảng bộ tỉnh trong những năm qua luôn coi trọng và thường xuyên quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, đặt ra nhiều nhiệm vụ, nhiều yêu cầu đối với công tác kiểm tra, giám sát. Đồng thời, cũng tăng cường quan tâm cán bộ để kiện toàn và nâng cao năng lực của Ủy ban kiểm tra các cấp. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy đã lấy phương châm chất lượng, hiệu quả là chính; do vậy đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định, quy chế làm việc và phương hướng, nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát để chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát một cách toàn diện. Đã ba khóa là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, làm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, tôi nhận thức rằng: làm kiểm tra,

mọi quyết định đều của tập thể Ủy ban kiểm tra, nhưng tiếng nói, nhận định của người đứng đầu rất quan trọng, liên quan mật thiết đến sinh mạng chính trị của cán bộ, đảng viên. Cho nên, tôi phải ra sức tự học, tự rèn nghề nghiệp, tự tin và hơn hết phải tin vào tổ chức đảng, tin vào cộng sự, cán bộ dưới quyền. Với suy nghĩ đó, tôi nỗ lực quy tụ, phát huy trí tuệ của anh em nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp ủy giao và thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng!...

- Ấn tượng đọng lại với anh trong công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng là gì? Đó là câu hỏi tôi vẫn thường dành cho nhân vật của mình trên mọi miền đất nước. KSor Keng nói rất nhanh, cứ như những chuyện này chúng tôi đều biết:

- Qua ba khóa làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (từ năm 2001 đến nay), ấn tượng lưu lại nhiều nhất với tôi là việc xem xét thi hành kỷ luật một cán bộ khiến tôi “rất giận, lại thương, và tiếc” cho bản thân họ. Chuyện xảy ra vào nhiệm kỳ đầu tiên tôi làm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy. Lúc ấy, tỉnh Gia Lai đang dồn sức chống nạn phá rừng, vậy nhưng, nghe tham mưu thế nào mà một đồng chí Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh này lại ký quyết định tha cho một vụ chở gỗ lậu. Bản thân tôi được giao nhiệm vụ chính trong việc tiến hành các thủ tục theo quy trình thi hành kỷ luật. Kết quả, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thi hành kỷ luật đồng chí đó với hình thức khiển trách, về phía chính quyền cũng khiển trách và điều chuyển công tác khác. Tôi giận về cách làm của đồng chí đó, nhưng tiếc và thương vì đồng chí đó xuất thân trong gia đình có truyền thống cách mạng, thoát ly tham gia cách mạng sớm, thông minh, nhanh nhẹn, có năng lực, được đào tạo cơ bản, có chiều hướng phát triển tốt, lại là một cán bộ dân tộc thiểu số! Làm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy ở nơi có đến 34 dân tộc anh em, trong đó dân tộc thiểu số chiếm gần 45%, có phần không giống

với nhiều vùng miền khác. Chỉ riêng trong việc xem xét lỗi phạm, bên cạnh những căn cứ, quy định chung, cân nhắc lý - tình, soi rọi tinh tiết, hoàn cảnh... còn phải tính toán cho hài hòa với các luật tục của đồng bào, với yêu cầu “*duoñg*” được nguồn cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Nhưng trên hết, vẫn phải đảm bảo giữ nghiêm kỷ luật của Đảng. Ngoài ra, còn có một vụ mà bản thân tôi ấn tượng sâu sắc, đó là vụ kỷ luật đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Thường trực ở một huyện biên giới. Hai đồng chí này trước rất thân nhau. Rồi trong quá trình công tác, có lúc không vừa ý nhau, cái sảy nảy cái ung, mâu thuẫn phát sinh, từ không bằng lòng dẫn đến không tôn trọng nhau và cuối cùng là kéo bè kéo cánh gây mất đoàn kết nội bộ... Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy quyết định kiểm tra dấu hiệu vi phạm hai đồng chí này. Kết cục cả hai đều bị hình thức kỷ luật cách hết các chức vụ trong Đảng. Chuyện đã hơn 10 năm rồi, nhưng đến giờ này, bản thân tôi vẫn còn rất “*túc*” các đối tượng này. Bởi vì, cả hai là cán bộ chủ chốt của một huyện biên giới đều có năng lực, làm việc đều tay, lãnh đạo, chỉ đạo các mặt kinh tế - xã hội phát triển tốt, Đảng bộ trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền, nay vì họ mà tổ chức đảng mất uy tín, nội bộ phân hóa, huyện mấy năm nay mới lấy lại được phong trào! Bỗng dung KSor Keng vui hồn lên: “Nhưng vui nhất đối với tôi là khi qua công tác giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại, kỷ luật đảng, tôi và tập thể Ủy ban kiểm tra đã rất nhiều lần minh oan được cho đồng chí mình. Càng mừng hơn khi qua kiểm tra, tôi phát hiện được nhiều và rất nhiều đảng viên một lòng, một dạ với Đảng, dũng cảm chiến đấu vì sự thật, vì sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức đảng và bản thân mình”.

Biết KSor Keng rất tâm huyết với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, tôi hỏi:

- Lời dạy nào của Bác kính yêu được anh vận dụng thường xuyên vào công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng?

Anh nói ngay, nói rất nhanh, nhưng giọng chắc định:

- Nhìn lại lịch sử cách mạng nước nhà, có lẽ chưa lúc nào tình hình đất nước lại éo le, nguy cấp như trong mùa xuân Bính Tuất (1946): Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn non trẻ đã phải đối mặt với “thù trong, giặc ngoài”; vận mệnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”. Vậy mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vững vàng cầm lái, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua phong ba bão táp. Trong bộn bề công việc của người đứng đầu một quốc gia vừa mới tuyên bố độc lập chưa tròn một năm, lại đang đứng trước nguy cơ chiến tranh tái diễn, Bác vẫn dành thời gian để viết thư gửi đến Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam họp tại Pleiku, ngày 19/4/1946<sup>1</sup>.

Sáu mươi bảy năm đã trôi qua, song những nội dung cực kỳ sâu sắc và quan trọng trong bức thư đầy tâm huyết của Bác Hồ vẫn còn in sâu đậm trong tâm trí của lớp lớp thế hệ đồng bào các dân tộc thiểu số miền Nam nói chung, Tây Nguyên nói riêng, và với riêng tôi. Người khẳng định một chân lý về khối đại đoàn kết, mối quan hệ ruột thịt giữa các dân tộc anh em cùng chung sống trên đất nước Việt Nam: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt”<sup>2</sup>; qua thư, Người còn đề cao trách nhiệm của các dân tộc đối với Chính phủ: “Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta”<sup>3</sup>. Những lời thế ấy, tôi nghĩ là cán bộ của Đảng trên đất Tây Nguyên đa dân tộc anh em này phải nằm lòng, phải thấm để góp sức gìn giữ và

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.249-250.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.249.

xây đắp khối đại đoàn kết dân tộc gắn kết như anh em một nhà, như lời Người căn dặn: “Chúng ta phải thương yêu nhau... Chúng ta quyết gop chung lực lượng lại để giữ vững tự do, độc lập của chúng ta”<sup>1</sup>. Thủ của Người là hiệu lệnh để các dân tộc thiểu số miền Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng đứng lên, cùng nhân dân cả nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không ngại gian khổ, hy sinh, tiêu biểu như gương Anh hùng Núp dân tộc Ba Na; Cụ Ibi Alêô dân tộc Ê Đê; Anh hùng Urê và Y Buông dân tộc Xê Đăng... làm nên thắng lợi của các cuộc kháng chiến thần kỳ của dân tộc: đánh bại hai tên đế quốc sùng sở và các thế lực thù địch, thống nhất giang sơn về một mối.

Sau ngày đất nước thống nhất, đặc biệt qua 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tuy còn rất nhiều khó khăn, song Tây Nguyên đã và đang phát triển nhanh chóng, trở thành vùng đất trù phú đầy hứa hẹn. Đời sống đại bộ phận nhân dân các dân tộc ngày càng được cải thiện; số hộ giàu và khá ngày một tăng; số hộ đói, nghèo giảm nhiều. Cùng với sự cải thiện về đời sống vật chất là sự tiến bộ về đời sống tinh thần. Số đồng bào dân tộc biết chữ ngày một đông; số người có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học; số cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành là người dân tộc thiểu số ngày càng nhiều. Tây Nguyên đang tiến hành phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.

Tuy nhiên, một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng đã bị giảm đáng kể số lượng đất canh tác so với nhu cầu sản xuất nông nghiệp truyền thống. Hiện nay, tỷ lệ đói nghèo trong vùng đồng bào dân tộc còn cao, chiếm 82% trong tỷ lệ đói nghèo của tỉnh Gia Lai (29,82% theo

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.249-250.*

tiêu chí mới). Trước thực trạng trên, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số ổn định cuộc sống.

Là một tỉnh biên giới khu vực Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 15.536,9 km<sup>2</sup>, hiện nay Gia Lai là nơi sinh sống của 34 dân tộc anh em, dân tộc Kinh chiếm 55,3%; dân tộc Gia Rai chiếm 30,7%; dân tộc Ba Na chiếm 12,4%; mỗi dân tộc có tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng, có tiếng nói riêng, có cả chữ viết riêng (trong đó chữ viết Ba Na, Gia Rai nằm trong số chữ viết của 12 dân tộc được dạy trong trường học). Có khoảng 22,18% dân số trong tỉnh (241.417 người) theo 4 tôn giáo là Phật giáo, Công giáo, Cao Đài và Tin Lành; hiện có 123 cơ sở thờ tự các tôn giáo (Phật giáo: 65 cơ sở; Công giáo: 50 cơ sở; Cao Đài: 5 cơ sở; Tin Lành: 3 cơ sở). Đại bộ phận chức sắc và quần chúng có đạo trong tỉnh bày tỏ sự phấn khởi, tin tưởng vào Đảng và Nhà nước!...

KSor Keng, nhìn tôi như để nhắc tôi đây là điều đảng viên phải biết, phải nhớ. Lời của Bác dặn trong thư không chỉ nhớ mà phải làm theo và phải làm cho đúng. Suy cho cùng kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, giữ vững kỷ cương, xứng đáng là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng. Cho nên, làm kiểm tra thì cái tâm cần phải sáng, phải khách quan, trung thực, dám làm, dám chịu trách nhiệm, như Người đã dạy: "Ví dụ: Tôi làm điều xấu, các đồng chí trông thấy, phải phê bình cho tôi sửa chữa ngay. Nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy có "nể Cụ" không nói, là tôi mang nhọ mãi. Nhọ ở trên trán thì không quan trọng, nhưng có vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa túc là hại người"<sup>1</sup>. Hiện nay, các thế lực thù địch đang tìm mọi cách lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và những

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.260.

khó khăn trong cuộc sống hòng chia rẽ khôi đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, việc một lần nữa tôn vinh những giá trị tinh thần qua bức thư của Bác Hồ gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thắt chặt tình đoàn kết keo sơn của đại gia đình các dân tộc dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cho nên giữ gìn kỷ cương của Đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng cũng là góp phần giữ gìn và xây đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện thật tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI cũng là để góp sức xóa những “vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa túc là hại người”. Làm công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở đâu, nơi nào, thời điểm nào chúng tôi cũng đem theo tinh thần này, những lời này của Người để soi sáng cho công việc, coi đó là cái đích công việc của mình!...

Những ngày ở Tây Nguyên, mỗi khi nhắc đến công tác kiểm tra, thì hồ như ở đây ai ai cũng nhớ ngay tới cái tên gần gũi, thân thiện: Ksor Keng yêu dấu! Ksor Keng - Người con của đại ngàn Tây Nguyên!

Trích trong cuốn *Sáng mãi niềm tin yêu*,  
Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.

## NHÀ BÁO HỮU THỌ: TRỌN ĐỜI ĐẾ TÂM, ĐẾ ĐỨC CHO NGHỀ



*Nhà báo Hữu Thọ*

Mùa thu năm 2010, tôi có chuyến lên Tây Bắc dài ngày với nhà báo Hữu Thọ theo lời mời của ông Trịnh Long Biên, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên. Nơi đón, muốn chúng tôi tới bằng máy bay cho đỡ nhọc nhằn (vì tai nạn giao thông từ mấy Tết trước, sức khỏe của nhà báo Hữu Thọ có phần suy giảm). Hữu Thọ nhất mực từ chối, ông nói với tôi: - Nghỉ hưu cả rồi, đi bằng đường xe mà chiêm nghiệm non nước hữu tình!

Đường dài, nhà báo Hoàng Văn Thành (khi ấy là Tỉnh ủy viên, Tổng Biên tập Báo Điện Biên Phủ) đưa xe đón chúng tôi, cố ý kéo

giān thời gian để khách mòi đõi mệt, rong ruổi suốt mấy ngày đường núi, nghe cõi man chuyện đời, chuyện nghề của Hữu Thọ. Chẳng cần nhắc lai lịch của ông thì thiên hạ cũng quá biết: Hữu Thọ sinh năm 1932 tại Hà Nội. Tên thật là Nguyễn Hữu Thọ, tham gia cách mạng từ tháng 8/1945, giữ nhiều trọng trách trong lĩnh vực tư tưởng của tổ chức cách mạng. Từng là Ủy viên Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc huyện Thủ Trì; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; Ủy viên Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam... Suốt dặm dài Tây Bắc, chúng tôi ghé vào đâu, ngồi nghỉ ở quán xá nào thì người xứ núi vẫn nhận ra Hữu Thọ - Nhà báo! Tối đình đèo Pha Đin, Hữu Thọ sà vào hàng táo mèo của đồng bào Mông hỏi han chuyện làm ăn, chụp ảnh lưu niệm. Chàng trai Mông tuổi 19 - 20, len ngang, giọng ồm ồm:

- Ông! Ông là nhà báo Hữu Thọ. Con xin được chụp hình với ông!

Hữu Thọ kéo chàng trai Mông vào, vẻ mẫn nguyễn, đưa máy ảnh giục tôi chụp! Tôi gạn chuyện:

- Xa xôi thế, làm sao cháu biết đây là nhà báo Hữu Thọ?

- Biết. Biết mà. Nhà cháu có tivi. Ông là người “nổi tiếng”... Đôi mắt ông sáng thế kia... đôi tai thế kia, vầng trán cao đẹp thế này, làm sao mà không biết, không nhớ!

Nói rồi chàng trai cười khoái trá cứ như vớ được của nả giữa đỉnh trời Pha Đin. Giọng đặc quánh:

- Ông ấy là nhà báo. Nổi tiếng nhà báo. Nhà báo phải như thế!...

Lời nhẹ bâng từ miệng chàng trai người dân tộc noi đình đèo Pha Đin khuấy đảo cách nghĩ của tôi về Hữu Thọ: “Nhà báo phải như thế!” Tôi biết Hữu Thọ làm báo chuyên nghiệp từ tháng 8/1957. Tên tuổi Hữu Thọ cùng Nguyễn Sinh nổi như sóng cồn trên Báo Nhân Dân với hàng loạt bài phóng sự điều tra về nông nghiệp - nông dân từ những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc.

Hữu Thọ trọn đời đam mê làm cách mạng; dùng báo chí làm phương tiện vận động cách mạng, làm công tác tư tưởng cho Đảng, cho dân, cho các nhà báo Việt Nam. Ngay cả khi giữ các trọng trách quan trọng như: Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; hoặc khi là Trợ lý Tổng Bí thư thì ông vẫn viết báo đều đặn. Ông viết dưới nhiều bút danh: Nhân Nghĩa, Nhân Chính, Hữu Thọ.... Viết đa thể loại: chính luận, bình luận, tiểu luận, bút ký, phóng sự, phóng sự điều tra, tiểu phẩm thể sự... Các bài viết của ông dù ở thời điểm nào đi nữa đều găm dấu ấn không thể nhạt phai với người đọc, người nghe... Nghỉ hưu (năm 2007), ông vẫn viết báo đều đặn, vẫn giúp giữ chuyên mục “Chuyện làm ăn”, “Bàn góp sự đời” đều đặn trên Báo Nhân Dân; “Chuyện đời” trên Tạp chí Thế giới mới... Nhiều năm lại đây, ông giúp làm Chủ tịch Hội đồng Giám khảo Cuộc thi “Sự hy sinh thầm lặng” do Báo Sức khỏe & Đời sống của Bộ Y tế tổ chức, để dấu ấn sâu đậm trong lòng bạn đọc. Ông nổi danh là cây viết ngôn ngữ lượng thông tin. Viết chân thực, chắc chắn, sắc sảo. Mặc dù tuổi đã cao nhưng ông vẫn dõi dào sức viết, là “cây cao bóng cỏ”, vẫn góp lời tâm huyết, thiết thực trong nhiều sự kiện của đất nước và báo giới. Tập tiểu luận *Mắt sáng, lòng trong, bút sắc* nói rất sâu, rất bát lòng về bản lĩnh, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp cần có của người làm báo trước những vấn đề của xã hội, của thời đại. Khi ấy *Đôi thoại* và *Đôi thoại 2* lại nhắc nhở trách nhiệm cao cả của nhà báo “nơi đầu nguồn sự kiện” thông tin phải góp sức tháo gỡ để xã hội phát triển hài hòa, bền vững. Thực hiện trách nhiệm cao cả đó, đời hỏi nhà báo phải có “mắt sáng, lòng trong, bút sắc”! Đó là những ấn phẩm đậm dấu ấn Hữu Thọ, ở đó ông bộc lộ *tâm đức* của mình với nghề báo, với những gì ông muốn xây đắp, vun vỗ cho các thế hệ nhà báo Việt Nam...

Suốt dặm dài ngược - xuôi Tây Bắc, tôi luôn để tâm “khai thác *tâm đức* của nhà báo Hữu Thọ” để “khai sáng cho mình”. Nói về tính cẩn trọng của nghề nghiệp, ông cười khà khà kể về một nhà báo lớn

tuổi nhở bạn chí cốt viết sẵn điều văn cho mình trước khi qua đời tới cả thập niên. Ông bảo: “Mình hỏi: Sao anh lại làm “điều gò” ấy? Lão nhà báo thản nhiên: Phải chính xác! Cả đời làm báo luôn chí cốt với hai từ: Chính xác! Cho nên cũng phải nói chính xác cái mình có, tránh nói quá khi nhầm mắt xuôi tay!”... Hữu Thọ đặc ý kể thêm: “Lê Huyền Thông là “cây viết chuyên về xây dựng Đảng” của Báo Nhân Dân. Khi lâm bệnh hiểm nghèo, biết thân phận chỉ tồn tại đôi ba ngày; anh yêu cầu mình (khi ấy là Tổng Biên tập) viết sẵn “Tin buồn” để được xem trước. Mình soạn vền vẹn 300 từ, rồi chuyển cho anh ấy trên giường bệnh. Đọc đi đọc lại, anh ấy khẽ nhoẻn miệng cười, rồi cầm bút điền thêm một dấu phẩy (,...). Ấu cũng là đức tính cẩn trọng sinh ra từ cái nghè cái nghiệp!”. Nói rồi Hữu Thọ dỗi đôi mắt sáng quắc về phía chúng tôi: “Đó là sự nghiêm túc của nghè báo!” ...

Điện Biên mời Hữu Thọ cốt nhở ông bồi bổ thêm cho đội ngũ cán bộ Tỉnh ủy, cán bộ làm công tác tư tưởng chủ chốt từ tỉnh tới huyện, thành phố, thị xã và báo chí... học tập và tuyên truyền sâu rộng hơn “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Mấy ngày liền ở Điện Biên, hôm nào ông cũng phải đăng đàn ít nhất hai buổi. Buổi nào khán phòng cũng chật ních người nghe. Hữu Thọ có khiếu truyền đạt “Diễn giải rồi quy nạp”, “Quy nạp rồi diễn giải” nên sâu sắc, chủ đề lý - tình quán bện đến lạ lùng. Ông nói: Bác Hồ quan niệm đạo đức là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, như gốc của cây, ngọn nguồn của dòng sông. “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>1</sup>. Đức tạo ra sức mạnh, quyết định thắng lợi trong mọi công việc.

---

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.292.

Nhưng đức và tài phải luôn kết hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng!... Từ luận điểm bao quát ấy, Hữu Thọ phân tích, cắt nghĩa, chứng minh, lý giải, cỗ vũ người nghe học tập và làm theo gương Bác về đạo đức cách mạng: trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng!...

Trao đổi nghề báo với chúng tôi và đồng nghiệp ở Điện Biên, Hữu Thọ bảo: Ông không thích đăng đàn mà muốn đối thoại. Trao đổi, đối thoại để học nhau, để mọi người sẽ sáng tạo hơn!... Vì thế cuộc “đối thoại” tập trung vào chủ đề *Cái tâm, cái đức của người làm báo*. Nhiều câu hỏi, nhiều vấn đề đặt ra, nào là: “Tâm đức” là gì? “Tâm đức” có ý nghĩa như thế nào với nghề báo? Nhà báo rèn tâm, rèn đức bằng cách nào? v.v.. Hữu Thọ ghi chép từng ý lục vấn của đồng nghiệp rồi lần lượt giải đáp. Ông nói: “Tâm là phần hồn của con người. Theo Phật học, tâm là tâm thức, là trung tâm của cảm giác, của tình cảm, của ý thức và hành động. Tình cảm và ý thức của con người là gốc sinh ra tâm. Cho nên tất cả mọi điều đều do tâm tạo ra, tâm làm chủ. Tâm sinh ra những điều tốt đẹp, đồng thời cũng sinh ra những điều tệ hại. Bởi thế, mỗi nhà báo phải nhận ra tâm của mình và làm chủ cái tâm của mình. Đi theo cái hay, cái tốt, cái thiện là tâm sáng, lòng trong. Là nhà báo, chúng ta đều mong muốn giàu có về năng lực. Mà năng lực của con người lại thể hiện ở tâm, ở tâm, có chuyên môn sâu, có tấm lòng đẹp. Cho nên, làm báo cũng vậy, phải có nghề, phải có tấm lòng mới mong mang đến những điều tốt đẹp cho mình, cho xã hội và đất nước... Đạo đức là gì ư? Đó là tố từ Hán - Việt chỉ giá trị và tính cách của một con người. Đạo là đường, đức là tính tốt. Chung quy, đạo đức là con người có nét đẹp trong đời sống và tâm hồn; thể hiện nét đẹp trong phong cách sống và hành động của con người. Khi có đạo đức, con người sẽ làm chủ, sẽ hiểu mình phải làm gì trong cuộc sống và với xã hội. Cho nên, muốn có đạo đức

thì phải rèn luyện. Trước hết, chúng ta phải học và làm theo tấm gương đạo đức của Bác kính yêu. Luôn luôn nêu gương về đạo đức, nói đi đôi với làm; xây đi đôi với chống. Nghĩa là suốt đời phải tu dưỡng đạo đức, kể cả đạo đức nghề nghiệp của người làm báo!...”. Buổi đối thoại không dài, nhưng dư âm từ đó tới nay vẫn đọng mãi trong tôi về một Hữu Thọ - Nhà báo sâu sắc, róng riết với những gì ông muốn truyền đạt cho lớp lớp đồng nghiệp... Lại nhớ, Hội thảo quốc gia “90 năm Báo chí cách mạng Việt Nam truyền thống, bản lĩnh và trách nhiệm” dịp 21/6/2015 tại trụ sở Báo Nhân Dân, số 71 Hàng Trống, nhà báo Hữu Thọ tham luận đầu tiên với tiêu đề: “Mấy vấn đề về đạo đức người làm báo”. Tham luận ngắn gọn 1.500 từ nhưng chữ nghĩa cứ như chung cất đặc quánh. Ông nói vo, giọng róng riết cảnh báo tình trạng lợi dụng báo chí để làm những điều phi pháp; và một số nhà báo lợi dụng nghề nghiệp để vụ lợi... Rồi chốt lại: “Thực sự, theo tôi thì đạo đức người làm báo, nói rộng ra là văn hóa báo chí đang có những vấn đề không nhỏ. Tôi nghĩ tại Đại hội Hội Nhà báo sắp tới nên có thời gian thỏa đáng từ đại hội cơ sở để bàn sâu sắc trên tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm khắc theo tinh thần lời dạy của Bác Hồ - người thầy của Báo chí cách mạng Việt Nam... ”. Kết thúc, ông giải bày: “Với tâm huyết của một người có nửa thế kỷ cầm bút, rất yêu quý cái nghề này và rất quý trọng các bạn đồng nghiệp, chỉ trải lòng tâm sự một vài điều, có gì nói quá mong các đồng chí thông cảm”! Vâng. Đó là phong cách. Là nỗi lòng đau đáu của Hữu Thọ - cây cao bóng cỏ của báo giới, suốt đời vun xối để tâm, để đức cho các thế hệ nhà báo Việt Nam!

Nào ngờ ít ngày sau, Hữu Thọ biến biệt về thế giới người hiền (ngày 12/8/2015), để lại nỗi nhớ thương vô hạn với chúng tôi và báo giới Việt Nam!

## TRẦN BÁ LẠN - THẦY TRUYỀN LỬA NGHỀ BÁO



*Nhà giáo, nhà báo Trần Bá Lạn*

**N**hớ. Năm 1967, Họp tác xã Tú Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc được thêm mùa lúa chiêm trăng. Xã viên nao nao vui vì có thêm hạt gạo, tích thêm lương thực góp sức với tiền phương chống Mỹ, cứu nước. Tổng Biên tập Báo Vĩnh Phúc (Nguyễn Văn Tạo) giao tôi tới đó viết bài. Chân uột chân ráo mới vào nghề chưa đầy năm nên thấy lo lo. Tình cờ, đang chuẩn bị khởi hành thì có phóng viên trẻ Trần Bá Lạn của Báo Tiền Phong đến tòa soạn nhờ tổng biên tập giúp cho phóng viên cùng về Tú Trưng. Tôi hấp hối, mở lòng mở dạ vì được nhập cuộc. Phóng viên Trần Bá Lạn lụi cụi với chiếc xe Thống Nhất cũ mèm, đầu chụp

mũ cọ rộng vành, xà cột bên hông, kèm thêm bình tông nước và chiếc máy ảnh hiệu Liên Xô. Tôi thì dép lốp quai chéo, đầu nón lá, sơ mi xanh thả lỏng, túi tài liệu cùng chiếc bi đồng lủng lẳng bên sườn;...

Ông Nguyễn Văn Tại, Chủ nhiệm Hợp tác xã Tứ Trưng niềm nở đón tiếp. Tôi e ngại hỏi han, nhưng phóng viên Trần Bá Lạn rู้ rỉ hết chuyện nọ tới chuyện kia. Nào là: - Sao lại gọi là lúa chiêm trăng? Ông Tại nói (lâu rồi tôi chỉ mang máng): - Lúa chiêm trăng là lúa cấy thêm vụ ở chân ruộng cao thường đói nước. Gặt sau chiêm chính vụ khoảng 15 - 20 ngày! Trần Bá Lạn lại hỏi, lại ghi miết mài những gì Chủ nhiệm cung cấp về cách thức làm đất, gieo mạ, gặt hái, phơi phóng; về độ dẻo thơm của hạt gạo chiêm trăng... về cả ý nghĩa có thêm vụ lúa bội thu này... Rồi chúng tôi cùng Chủ nhiệm đi thăm ruộng, thăm đồng; về sân kho tập thể lát gạch menh mông, có bóng đa trùm tán mát rượi, chuyện trò với xã viên. Bữa trưa, Chủ nhiệm đặt cơm “Nhà khách” thuộc diện quản lý của nhà kho. Món ăn nổi nhất bữa là trứng “áp chảo” nhưng không có mỡ, không nước mắm, cùng đó là đĩa nhỏ tôm càng Đầm Dung rang muối mặn đót. Thời ấy như thế là sang lắm rồi. Hơn đứt các bữa thường ngày của chúng tôi bởi cơm gạo mới, dẻo thơm, chất nhựa hạt cơm bẹn lấy răng lấy lợi; nhắc lại cứ như hạt cơm mới vẫn vương vấn đâu đây. Xong bữa, phóng viên Trần Bá Lạn mở xà cột lấy ra 225 gram tem phiếu gạo (thời bao cấp) thanh toán cho nhà bếp. Tôi nhanh nhảu làm theo!... Ấy là chuyện nhỏ, kỷ niệm nhỏ 52 năm về trước. Không thể nào quên!

### **Khởi nguồn đào tạo Báo chí Việt Nam**

Nhớ lại. Năm 1969, Nhà nước ta mở khóa đào tạo Đại học Báo chí - Xuất bản đầu tiên (1969 - 1973). Tôi may mắn được Tòa soạn Báo Vĩnh Phú (khi đã hợp nhất hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ) cử

dự thi. Đỗ thủ khoa môn văn, nên đêm khai giảng khóa học tại điểm sơ tán ở Mỹ Đức (Hà Tây) tôi được Nhà trường chỉ định phát biểu trước gần 200 học viên báo chí và xuất bản. Gọi là học viên vì phần đông đã làm báo, làm xuất bản rồi mới thi và nhập học. Tình cờ tại đây tôi gặp lại người đồng nghiệp từng đến với mùa lúa chiêm trăng Tứ Trung - nhà báo Trần Bá Lạn! Thì ra anh Lạn đã về trường. Anh là thầy giáo báo chí của Trường Đại học đầu tiên này. Và, anh Lạn là thầy dạy đầu tiên để tôi thành nhà báo chuyên nghiệp! Từ đây tôi có một người thầy thay cho quen gọi là anh! Thầy Trần Bá Lạn!

Đồng nghiệp tôi từng vinh công thầy Trần Bá Lạn về điều này khá sâu, khá kỹ, thậm chí rất ti mỉ trên tờ Nhà báo & Công luận của Hội Nhà báo Việt Nam, trên Tạp chí Lý luận chính trị và Tuyên thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Thông tin mà tôi nhớ, ấy là vì Trần Bá Lạn được sinh ra và được giáo dưỡng trong một gia đình gia giáo ở Hà Nội; được thừa hưởng gien của người cha uyên bác về Hán học và Tây học, lại am tường hội họa. Hơn nữa, lớn lên Trần Bá Lạn có một quá khứ từng trải với nghề báo; được đào tạo nghề báo khá bài bản ở nước bạn Trung Hoa từ cuối những năm 50 của thế kỷ XX. Từng làm việc ở các tờ báo danh tiếng như *Tiền phong*, *Lao động* từ những năm 1953 - 1954. Sau được tổ chức điều về Vụ Báo chí trực thuộc Ban Tuyên giáo Trung ương. Từng là cán bộ báo chí tại Trường Đại học Nhân dân. Khi khởi lập Trường Tuyên giáo Trung ương năm 1962... Ông là một trong số cán bộ được giao thực hiện công việc lập đề án "Thành lập Khoa Báo chí". Khoa ra đời một thời gian, thầy Trần Bá Lạn được giao chức Phó Trưởng khoa rồi Trưởng khoa (nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền) cho tới ngày nghỉ hưu - tháng 7/1990. Khác với lớp hậu thế hôm nay, ông không mang trên mình học hàm học vị. Vạn sự đều do lõi làng. Thời mà Nhà trường muốn

dành cho ông học hàm Phó Giáo sư thì lại là thời Nhà nước ta chưa có Hội đồng để thẩm định công trình. Khi được đề nghị thẩm định thì tuổi tác đã không còn đáp ứng quy định. Thế nhưng, Trần Bá Lạn vẫn là người thầy đáng kính, nhà báo giàu kinh nghiệm, tâm huyết với nghề, sáng mãi, đẹp mãi với các thế hệ nhà báo do Nhà trường đào tạo.

### **Mẫu mực, nhân văn như lẽ sống ở đời**

Giống như thầy thuốc, thầy giáo ở các cấp giáo dục, thầy giáo dạy nghề báo chí như Trần Bá Lạn lưu dấu mãi trong lòng các thế hệ nhà báo Việt Nam. Lớp Báo chí - Xuất bản khóa I, khóa II... tới khóa VII (năm 1990), các lứa lớp chúng tôi luôn nhớ tới lớp, tới trường, tới thầy vào những dịp lễ của nghề. Đó là những ký ức đẹp của đời nghề. Đẹp và tự hào bởi từ mái trường thân yêu này, từ các khóa đào tạo này, hết thầy chúng tôi đã nêu danh với nghề báo, làm chính trị bằng phương cách báo chí. Nghề mà “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ” như lời Cụ Hồ dạy. Tự hào bởi lớp lớp đồng nghiệp giỏi giang nối tiếp nhau là cán bộ lãnh đạo “đứng mũi chịu sào” thuộc các phương tiện thông tin đại chúng của quốc gia, của các địa phương, các ngành và đoàn thể xã hội. Nghề báo chí, nghề nghiệp đặc thù vinh hạnh và khốn khổ; nghề luôn luôn phải ở nơi đầu nguồn sự kiện!

Nhớ lần cận kề kỷ niệm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6, ngồi trong căn hộ gia đình thầy tá túc từ thời bao cấp, nép mình trong ngõ hẻm kề với Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đôi mắt hiền từ như phát sáng, giọng chan chan niềm vui, thầy Lạn nhắc tới những học viên, những sinh viên của mình thành đạt như vườn tược từng đỗ công gieo trồng đã đơm hoa kết trái. Thầy điểm tên những nhà báo năng nổ thành danh với nghề, những nhà báo từ nhà trường có đóng góp trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước,

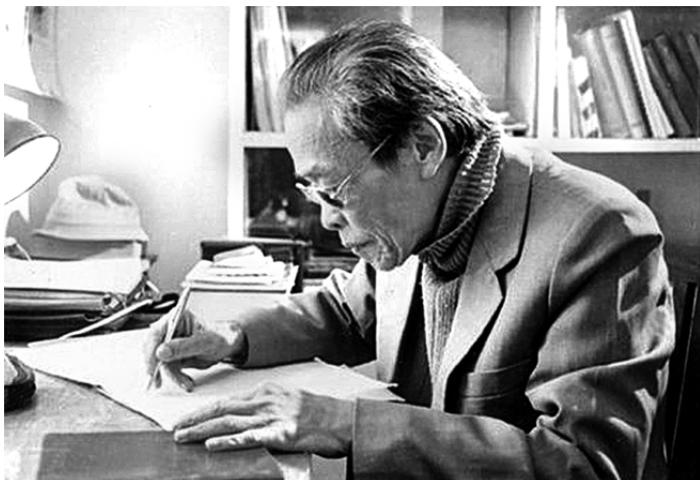
về những nhà báo thành đạt ở nhiều cương vị khác nhau của Hội Nhà báo Việt Nam, của đất nước, có người đã là phó giáo sư, giáo sư, là Ủy viên Trung ương Đảng... Thầy nhắc tên cả chục, cả trăm những nhà thơ, nhà văn, nhà lý luận văn học và chính trị từng học dưới mái trường đào tạo ngành báo chí - xuất bản, nam có, nữ có... ai ai cũng viết hay viết đẹp để tiếng thơ, tiếng đẹp cho quê hương, đất nước... Nhưng rồi giọng thầy như quanh đặc, nhớ đến những nhà báo dũng cảm hy sinh vì sự nghiệp thống nhất non sông và bảo vệ đất nước phía Nam, phía Bắc... trầm buồn về những bất hạnh, rủi ro của những nhà báo từng là sinh viên của mình ở nơi này nơi kia... Đôi mắt thầy úa lè. Thì ra, xưa cũng thế và nay thầy cũng vẫn thế. Đó là tâm tính, là cái đức, là bản tính nhân văn của thầy!... Tự dung tôi chạnh nghĩ: Tháng 9/1971, sự bất hạnh ập tới với tôi, vợ tôi lâm bệnh mất tại Bệnh viện Bạch Mai, để lại cho tôi 4 đứa con thơ dại, thằng lớn nhất cũng chỉ 10 tuổi. Lương tôi ba cọc ba đồng; may là các con tôi được hưởng chế độ tiền tuất, đủ để có gạo, có rau muối. Những lúc con ốm đau, tôi lại phải tìm cách lẩn vè. Tiền tàu xe khi thì vay bạn, khi thì linh ra Bờ Hồ bán chiếc bút đang dùng. Nhiều sáng phải nhịn ăn sáng nhưng giấu bạn bè. Vì đó là điều đáng hổ! Ngày ấy chị bên nhà vợ tôi tới tận trường, nói tôi học để làm vương vương gì, thốc thả nhủ tôi trở về Vĩnh Phú! Khi ấy tôi chỉ nghĩ: Sự học là vô hạn, hiểu biết là hữu hạn nên tôi gắng phân bua, nhẹ nhàng sắp xếp gia đình để vượt lên. Không thể thì tôi sẽ vĩnh viễn là nhà báo không học nghề!... Khi ấy thầy Lạn luôn an ủi tôi, khuyên tôi ở lại sau làm cán bộ của trường, để có điều kiện hỗ trợ tôi vượt lên. Tôi không nỡ, vì Tỉnh ủy cho tôi đi học là để trở về. Rồi, chính thầy đã trực tiếp nhập cuộc giúp tôi có một gia đình thực sự ngay sau khi về tinh, để rồi sau nữa có điều kiện về Hà Nội. Ấy là tôi nói về tôi, ngầm về tôi, để thêm nhớ về cái tình rất đỗi nhân văn của thầy Lạn.

Nói về nghề báo, thầy Trần Bá Lạn luôn khuyên nhủ: Làm báo phải am tường lý luận báo chí. Phải phấn đấu có đủ trình độ lý luận. Lý luận phải gắn với thực tiễn, tránh nói lại những điều người ta đã nói mãi. Thời tôi học, cơ sở vật chất của Trường, của Khoa còn nghèo lăm, lại phải liên miên sơ tán để tránh chiến tranh tàn bạo của giặc Mỹ... Nhưng sự tận tình của thầy Lạn và các giáo viên ít ỏi của Khoa đã hết lòng vì chúng tôi, đã tạo mọi điều kiện để chúng tôi được học nghề với những nhà giáo tên tuổi như: Hoàng Tùng, Trần Lâm, Thép Mới, Lê Chúc, Lưu Quý Kỳ, Quang Đạm, Nguyễn Mạnh Hào, Hữu Thọ, Nguyễn Bá Khoản, Đinh Đăng Định... Nhờ sự chí cốt, tận tâm với việc đào tạo của thầy Lạn, lứa chúng tôi mới may mắn có được các nhà giáo, các giáo sư tên tuổi khởi xã hội nhân văn đã giảng dạy hết mình, như: Hoàng Xuân Nhị, Đinh Gia Khánh, Hoàng Thiếu Sơn, Phan Cự Đệ, Trần Quốc Vượng, Hoàng Minh Đức... để chúng tôi thấu hiểu, thấu cảm, biết cách truyền cảm xúc từ mình tới người đọc, người nghe, người xem theo đúng cái cách của văn học, của báo chí!

60 năm qua đi. Xa lắc xa lơ. Thầy Lạn đã sang tuổi 90. Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6/2019, đồng nghiệp lại hồn hởi trở về mái trường xưa, nơi ấy thầy Trần Bá Lạn từng 30 năm gắn bó với trọng trách nhiều năm làm Trưởng Khoa Báo chí, kiến tạo, biên soạn chương trình đào tạo nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ giảng dạy báo chí xứng tầm, tạo nên thương hiệu hanh diện và tin cẩn “Học viện Báo chí và Tuyên truyền” đĩnh đạc giữa Thủ đô văn hiến thân yêu của chúng ta!

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## NHÀ BÁO QUANG ĐẠM - TẬN TỤY VỚI NGHỀ KHẮT KHE



*Nhà báo Quang Đạm*

Giữa những năm 60 của thế kỷ XX, khi tôi chính thức bước chân vào nghề báo thì tên tuổi của những nhà báo ở Báo Nhân Dân như Hoàng Tùng, Quang Đạm, Hồng Hà, Hà Đăng, Trần Kiên, Thép Mới, Hữu Chỉnh, Lê Điền, Minh Phương, Phan Quang, Hữu Thọ... ngày nỗi ngày đậm đà trong tôi và trở thành niềm nguồng mộ để tôi yêu say với nghề. Đã không dưới một lần tôi nhắc về những cái tên trên đây trong những bài viết của mình. Bởi tác phẩm báo chí, bởi công việc báo chí đã tạo nên ấn tượng, làm sáng danh tên tuổi của họ; khiến bạn đọc mỗi khi nhắc tên họ

là lại nhó đến tờ báo, và nói đến tờ báo là nhó đến tên của họ. Cho dù trong số đó có nhiều người không ở cương vị đứng đầu tờ báo, nhưng vẫn sáng đẹp trong lòng người đọc. Quang Đạm (Tạ Quang Đệ) là trường hợp như thế. Tên của ông lưu đậm trong tôi cho tới tận bây giờ không chỉ vì ông sinh ra trên đất học (xứ Nghệ) dòng dõi nhà nho uyên thâm, anh em ông thành đạt, quyền cao chức trọng, mà là ở công việc, nghiêm cẩn với công việc, có đóng góp lớn với nghề, với xã hội.

Tôi ít có cơ hội gần gũi ông như một số nhà báo tên tuổi của Báo Nhân Dân mà tôi nhắc ở trên. Nhưng ấn tượng về những lần gặp, được nghe ông giảng (tại khóa Đại học Báo chí đầu tiên - nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền), được đọc những bài viết cùng phong cách đĩnh đạc của ông thì thật khó phai mờ. Nhắc tới Quang Đạm là tôi lại hình dung ra một khuôn mặt quắc thước chũ điền, mắt sáng, trán cao, tai to, miệng rộng; giọng trầm ấm nhưng âm âm uy lực. Nhìn thần thái, dễ thấy ông là người hiếu rộng, nhưng khiêm tốn, đức độ; trung thực, giàn dị, mẫu mực trong ứng xử, cẩn trọng khi phát ngôn; cần cù, nghiêm cẩn trong công việc báo chí. Khi tôi còn ngồi trên ghế giảng đường Đại học Báo chí, nhà báo Quang Đạm là Ủy viên Bộ Biên tập Báo Nhân Dân, là giảng viên để dấu ấn rất sâu trong tôi về phong cách truyền đạt của một người thấu hiểu, thấu cảm nghề nghiệp báo chí. Ông lưu dấu trong tôi về “Quan điểm báo chí cách mạng”, về “Đặc trưng nghề báo”; “Quy tắc của nghề báo”; “Tính chất và chức năng của báo chí cách mạng”... Nhưng hơn thế, ông đã giúp tôi nhận ra rằng, đã là người làm báo nhất là nhật báo, trước tiên phải thạo làm tin, sau đó mới đến các thể loại của báo chí. Nói về tin, diễn giải Lý thuyết báo chí - Tin trên báo chí, tin tức là gì? Thời xa xôi ấy thì tài liệu nghiệp vụ báo chí của Đức là kỹ càng hơn cả... Thế nhưng, dễ thấm trong tôi, đậm mãi trong tôi hơn cả lại là bài giảng

của nhà báo Quang Đạm: “Cải tiến tin tức”. Ông quan niệm: “Nâng cao chất lượng tin tức của báo chí đang là vấn đề thời sự đối với người làm báo chúng ta. Có thể còn có những điểm chưa suy nghĩ được kỹ nhưng cũng xin được trình bày để các đồng chí tham khảo. Xin lần lượt đề cập mấy vấn đề: 1 - *Khái niệm tin tức*: Từ khái niệm này đi đến nhận thức đặc điểm của tin, chất lượng của tin cho đến văn phong báo chí trên lĩnh vực tin tức. 2 - *Tình hình đưa tin của chúng ta hiện nay*: Vì sao chất lượng tin chưa cao? Và chưa cao ở những mặt nào? 3 - *Phương hướng cố gắng của chúng ta để thực hiện việc nâng cao chất lượng tin*”. Chỉ đọc tiêu đề, mục dẫn đủ thấy Quang Đạm viết và truyền dạy chủ yếu bằng những gì ông đã làm, đã qua thực tế, rồi tự rút ra, cho nên dễ truyền cảm hứng cho chúng tôi, bởi ông thấu hiểu, thấu cảm, vì đó là nghiên cứu của ông, là từ công việc ông từng trải nghiệm, rồi rút ruột rút gan cô lại nên câu nêu chữ cho đời. Vậy mà ông vẫn mỉm cười rằng đó chỉ là những ý để tham khảo. Khiêm tốn là vậy, nhưng cái lý đúng ở ông cứ đọng mãi với người nghe, người đọc: “Khái niệm tin của thế giới gồm hai ý: Cái tin và cái mới là một. Ở ta chỉ có hơi khác một tí - tin với thực là một”. Quang Đạm quan niệm: “Nếu mà không đúng sự thật thì không tin được. Cho nên trong tiếng Việt, ý niệm về cái thật và ý niệm về tin là một. Làm cho người ta biết cái gì là có thật, đấy là đưa tin. Nghe một điều gì có thật, đó là nghe tin. Chúng ta đặt cái thật lên rất cao trong cái tin. Như vậy là đi vào khái niệm tin, trước hết là phải nghĩ tới cái mới và cái thật”. Một bài giảng về tin, bài viết về cải tiến tin trên báo chí đầy lý lẽ, cắt nghĩa, luận giải, lý giải, chứng minh thấu đáo, chặt chẽ rồi cô lại: Báo chí phải trung thực, không được nói rỗng, không được nói sai, không được lạm dụng nghề báo và đừng để ai mượn báo chí để vụ lợi hoặc làm những điều phi pháp. Ông nhắc nhở: “Báo chí đòi hỏi một thứ lao động cần thiết, thích ứng. Đó là lao động khám

phá, phát hiện, khai thác trong cuộc sống khách quan, trong muôn hình sự việc để chọn lọc đưa lên một số sự việc tiêu biểu, điển hình, hấp dẫn nhất. Trước hết là tính tiêu biểu. Anh có thể đưa lên một sự việc tiêu biểu cho tính chất diệt vong của cái cũ, anh có thể đưa lên sự việc tiêu biểu cho sự phát sinh và phát triển của cái mới, khi viết đưa cái cũ để làm nổi bật cái mới, thì đưa cái cũ ấy không có gì sai, không có gì kiêng kỵ cả. Chúng ta phải nhìn sự vật một cách biện chứng, một cách tổng hợp theo quan điểm vạn vật vận động và có quan hệ biện chứng với nhau". Quan niệm này của ông, bài giảng này của ông, chúng tôi đã chọn và cho in trong tập *Nghề nghiệp và công việc của nhà báo* do tôi chủ biên, Hội Nhà báo Việt Nam xuất bản tháng 01/1992.

Người của nghề báo, nói trúng về nghề báo khiến những người trong cuộc nể trọng, mến mộ và tin yêu. Với tôi, một nhà báo thường thường thì đó là đương nhiên. Nhưng với những người từng giữ quyền to, chức lớn ở Báo Nhân Dân như ông Hà Đăng, Phan Quang khi chuyện nghề với chúng tôi vẫn coi Quang Đạm là bậc thầy, là anh cả của mình trong làng báo Việt Nam thì rất đáng phải suy ngẫm. Ấy là bởi sự mẫu mực của nhà báo Quang Đạm trong nghiệp vụ báo chí, trong vai Ủy viên Bộ Biên tập Báo với trọng trách Tổng thư ký Bộ Biên tập. Sự mẫu mực của ông, danh tiếng của ông trong công việc khiến hai chục năm trước tôi đã suy ngẫm về chức danh Thư ký tòa soạn của các báo để tạo nên bài viết "Thư ký tòa soạn - Người âm thầm sáng tạo" in trong ấn phẩm *Xử lý thông tin - việc của nhà báo* do Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin ấn hành năm 2001. Thư ký tòa soạn là người dưới quyền trực tiếp của Tổng biên tập, được mệnh danh là cánh tay phải của Tổng biên tập; là người góp phần quan trọng nhất vào việc trực tiếp sáng tạo và chế tạo ra tờ báo. Họ là người nối tiếp công việc của người biên tập; làm công việc của người kỹ thuật, định típ lớn,

tít nhỏ, cỡ chữ, gam màu trên từng bài, từng trang; định vị trí của mỗi bài viết trên makét. Đây là công việc có tính nghệ thuật, đòi hỏi óc sáng tạo và trình độ thẩm mỹ để chuyển tải thông tin, tôn giá trị thông tin... rồi chuyển họa sĩ trình bày; Thư ký tòa soạn xem lại trước khi trình tổng biên tập duyệt... Ấy là thời xa xưa. Nay thì việc trình bày báo, lên khuôn báo được thể hiện ngay trên vi tính. Tuy nhiên, công nghệ này, phương tiện này chỉ có tính giúp việc cho thư ký tòa soạn, không thể thay thế quy trình làm việc của họ cho tới khi lên khuôn trang, bình bản tờ báo trước khi đưa in. Nhắc lại chút ít công việc này của thư ký tòa soạn để thấy rằng công việc Tổng thư ký Bộ Biên tập Báo Nhân Dân ngày ấy là quan trọng biết nhường nào. Cho nên tôi thiển nghĩ, chính đức tính, phẩm chất, công việc đã tạo nên nhà báo Quang Đạm cẩn mẫn, nghiêm túc, âm thầm sáng tạo trong công việc. Nhớ đó mà tiếng nói của ông với nghề có uy, có lực. Bởi thế, những người từng làm việc với ông thời ấy ở Báo Nhân Dân mới coi “Quang Đạm là anh cả của làng báo”. Và tôi, người mới theo nghề báo, noi theo ông với mong muốn có một đời mê mải với nghề báo, nghề nghiệp ngã mà vinh quang!

Trích trong tập *Lê sông I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## NHÀ BÁO HỒNG VINH - CHỮ NGHĨA VÀ CÔNG VIỆC



*Nhà báo Hồng Vinh*

Lâu rồi mới tới thăm đồng nghiệp Hồng Vinh (Nguyễn Hồng Vinh). Ấy là tôi tự ngãm “đồng nghiệp” với Hồng Vinh. Thực ra chỉ được “đồng” với anh ấy ở danh xưng “nhà báo”. Hơn một chút là tuổi tôi đã cận kề 80, còn Hồng Vinh mới sang tuổi 73, nhưng tâm tính, sức vóc vẫn hệt như cách đây gần hai chục năm tôi cùng anh công tác tại Hội Nhà báo Việt Nam. Về công việc thì Hồng Vinh lăn lộn, vật vã với thời cuộc, cận kề giữa sống và chết hơn hẳn tôi. Bởi anh đã từng tay bút, tay súng suốt dọc dài Trường Sơn viết về những con đường “quyết thắng”, về chiến trường Bình - Trị - Thiên khói lửa ác liệt nhất đầu thập niên 70

thế kỷ XX; về cuộc chiến “Điện Biên Phủ trên không” tháng 12/1972, đập tan cuộc không kích chiến lược bằng pháo đài bay B52 của đế quốc Mỹ trên bầu trời Hà Nội... Về học hàm, học vị thì anh là Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Về chức sắc thì Hồng Vinh từng là Tổng Biên tập Báo Nhân Dân (tờ báo anh cả của báo giới Việt Nam); Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam khóa VII; Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương); Ủy viên Trung ương Đảng và đại biểu Quốc hội nhiều khóa... Về hưu, anh lại được Ban Bí thư phân công đảm nhiệm cương vị Phó Chủ tịch Thường trực, rồi Chủ tịch Hội đồng Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương suốt ba khóa liên tục. Kết thúc nhiệm kỳ thứ ba, năm 2016, anh lại được mời làm Chuyên gia cao cấp tại Học viện Chính trị Công an nhân dân... Hồng Vinh thực sự là người giữ bền lửa nghề bằng tri thức và bản lĩnh cầm bút, liên tục được tổ chức trọng dụng, liên tục “phát sáng”, đóng góp với xã hội bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực, dù có những thời điểm nghiệt ngã đối diện với trắng - đen, cũ - mới. Thế nhưng, ở mọi cương vị, không khó khăn, thách đố nào ngăn bước được sự nỗ lực cống hiến của nhà báo, nhà tư tưởng Hồng Vinh!

### **Chữ nghĩa phải góp sức để xã hội đẹp hơn**

Tôi tò mò: “Đã ở tuổi “xưa nay hiếm”, làm sao Hồng Vinh vẫn nhịp bước cùng thời cuộc, viết rất đều, thậm chí rất nhiều, rất đúng, rất trúng và rất hay trên rất nhiều báo và tạp chí?”. Không đáp lời, đôi mắt nhìn xa xăm, rồi dõi vào tôi, giọng thủng thảng: “Suy cho cùng là ngọn lửa nghề nghiệp! Còn sức là còn viết. Ai cũng vậy thôi!”. Hồng Vinh lên phòng riêng, ôm xuống cả bịch báo cắt lưu giữ làm tư liệu, giọng chậm rãi: “Anh tính, làm báo mà ít nghe, ít xem, ít tiếp xúc với cuộc sống, ít đọc và không biết chắt chiu tư liệu thì làm sao có “bột”, để viết đều, viết đúng và hay

được!”. Tôi chạnh nghĩ tới GS. Nguyễn Lân Dũng; đông, tây, kim, cổ, việc gì ông cũng bàn, cũng viết đâu ra đấy; trích dẫn nghiêm chỉnh, có ngọn, có nguồn. Vì thế phòng của ông có cái tủ chi chít ngăn kéo, hệt như tủ của ông thầy lang bốc thuốc bắc. Vậy là cách làm của Hồng Vinh na ná phong cách Nguyễn Lân Dũng. Anh bảo: “Nói có sách, mách có chứng. Giấy trắng mực đen. Cũng là cái cách để bộ não dễ nhớ, dễ thuộc! Đọc để biết báo chí thế giới và Việt Nam, cái gì đang phát triển, cái gì đang cản trở. Để hiểu vì sao, căn cứ gì, báo mạng lại diễn mãi chiêu trò “Sáng đăng - Trưa gấp - Chiều gõ”. Đọc, nghe, xem để theo sát những vấn đề thời sự, chính trị, những sự kiện trong nước và thế giới. Đặc biệt là những nghị quyết của Trung ương Đảng, những chính sách mới của Nhà nước..., nhà báo phải thấu hiểu, phải lưu giữ “làm vốn”, để viết hoặc trích dẫn cho chính chuẩn...”. Tôi xem thật kỹ những tệp lưu tư liệu, mới hay về đức tính cần cù, tỉ mỉ, kỹ càng, đâu ra đó của nhà báo lớn Hồng Vinh. Anh cất giữ cả tư liệu về loạt bài phản kích lại luận điệu của những kẻ ngụy tạo muốn “tô son đánh phấn” cho những kẻ đã bị lịch sử từng phê phán, lên án tội quay lưng, phản bội lợi ích của đất nước và dân tộc. Cùng với tập đó là ngôn ngữ những tư liệu quốc tế: về Trung Đông, về Liên Xô xưa và nước Nga hôm nay... cùng các quốc gia láng giềng, đặc biệt là tư liệu về Đảng Cộng sản Trung Quốc; cuộc đấu tranh chống tham nhũng quyết liệt của họ... Thì ra, Hồng Vinh viết nhiều, viết cả trong nước và thế giới, bởi trong tay ông có cả “kho bột” đa dạng và phong phú như thế! Tự dung tôi nhớ đến bài báo “Việt - Xô, Việt - Nga hôm qua và hôm nay”, đăng hai kỳ trang trọng trên báo *Quân đội nhân dân* vào dịp kỷ niệm 100 năm Cách mạng Tháng Mười Nga, có sức hấp dẫn, thuyết phục nhiều người đọc. Hồng Vinh kể: “Tháng 6/2017, mình được chọn làm thành viên chính thức trong Đoàn cấp cao của Nhà nước ta thăm và làm việc tại

Bélarút và Liên bang Nga. Để phục vụ chuyến đi, mình lại kỳ công giờ “kho tài liệu” về nước Nga, trong đó có những số liệu khá chi tiết về số sinh viên, nghiên cứu sinh trong hàng chục ngành nghề đã được đào tạo tại Liên Xô từ năm 1953 đến năm 1991; về những chuyên gia hai nước đã từng sang giúp Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước”... Chuyện lai rai, rồi Hồng Vinh kết lại: “Có hai yếu tố tạo nên thành công của người làm báo, đó là tư duy chính trị và tư duy nghề báo. Tư duy chính trị giúp ta viết cái có lợi cho đất nước, cho Đảng, cho nhân dân. Tư duy nghiệp vụ làm báo giúp ta biết chọn đề tài, chủ đề và chọn lọc chi tiết, tạo sức hấp dẫn cho bài viết. Hai điểm này không bỗng dung có được, mà là quá trình tự học, tự rèn, với mong muốn trở thành nhà báo giỏi”.

### Lãnh đạo phải chọn đúng hướng đi

Có lẽ nhò tư duy chính trị, tư duy làm báo chí ấy khiến Hồng Vinh tự tạo nên phương pháp nhận thức, kỹ năng nắm bắt nhanh các vấn đề thời sự. Nhiều đồng nghiệp chung nhận xét với tôi: cái tài của Hồng Vinh dễ thấy nhất, là khả năng phân tích, khái quát tổng hợp vấn đề, cách diễn giải lôgíc và toàn diện; từ đó tạo nên tầm nhìn. Chả thế mà, trong thời gian giữ chức Tổng biên tập Báo Nhân Dân theo phân công của Bộ Chính trị, anh đã đưa Báo Nhân Dân hằng ngày từ 4 trang lên 8 trang, đồng thời tăng thêm các ấn phẩm: *Nhân Dân cuối tuần*, *Nhân Dân hằng tháng*, *Nhân Dân điện tử tiếng Việt* và *Nhân Dân điện tử tiếng Anh*. Theo đó, chất lượng thông tin và số lượng thông tin không ngừng được đẩy lên; thông tin đa dạng, nhiều chiều nhờ các chuyên trang, chuyên mục mới mở ra, phục vụ hiệu quả sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Thời điểm này cũng là lần đầu, Báo Nhân Dân có cơ quan đại diện thường trú ngoài tại Pari, Bắc Kinh và Băng Cốc...

Nhiệm kỳ Hồng Vinh giữ chức Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam (khóa VII, 2000 - 2005), đồng thời đảm nhiệm trọng trách Chủ tịch Liên đoàn Báo chí ASEAN (ACJ), cũng là thời điểm anh được giao nhiệm vụ là Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương... Vói công việc của Hội Nhà báo, dấu ấn thời anh làm Chủ tịch Hội vẫn còn đậm nét đến hôm nay, ấy là Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 18/3/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VIII về tiếp tục nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới, mà anh là người cùng Thường trực Hội dày công dự thảo. Nhờ Chỉ thị 37, mà vai trò, vị thế của Hội Nhà báo các cấp từ Trung ương đến địa phương được ngày một nâng cao. Tình cảnh Hội “3 không” (không trụ sở, không kinh phí, không biên chế) nhanh chóng được khắc phục. Cũng nhờ đó, mà Hội Nhà báo Việt Nam mới có được ngôi nhà cao tầng khang trang trên đường Dương Đình Nghệ hôm nay. Chủ tịch Hồng Vinh còn cùng tập thể Thường trực Hội xây dựng Đề án “Đổi mới hoạt động Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí” giúp đào tạo, bồi dưỡng hội viên Hội Nhà báo các cấp về kỹ năng tác nghiệp; khởi tạo xây dựng Đề án “Giải Báo chí quốc gia” trên cơ sở “Giải Báo chí toàn quốc của Hội Nhà báo Việt Nam”, được Thủ tướng phê duyệt và triển khai đã qua 11 mùa giải, có sức lan tỏa, khích lệ và nhân rộng những tài năng báo chí từ Trung ương tới các địa phương...

Ở cương vị Chủ tịch Liên đoàn Báo chí ASEAN (CAJ), tài lãnh đạo của Hồng Vinh đã khéo léo cùng đồng nghiệp lớn tuổi trong Liên đoàn “hóa giải” sự bất đồng của Trưởng đoàn Hội Nhà báo Thái Lan với các trưởng đoàn báo chí khu vực khi hầu hết các đoàn không chấp nhận chuyển địa điểm trung tâm của ACJ từ Giacácta về Băng Cốc. Cùng với đó, Hồng Vinh còn tổ chức để Hội Nhà báo Việt Nam chia sẻ khó khăn với Hội Nhà báo Lào, giúp

xây dựng trụ sở Trung tâm làm việc và các thiết bị hoạt động nghiệp vụ cho bạn tại Thủ đô Viêng Chăn vào năm 2003. Nhờ phẩm chất lãnh đạo, tầm nhìn sâu rộng, phương pháp luận sắc sảo nên với ba nhiệm kỳ làm lãnh đạo Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, anh đã góp công sức vất vả mang lại hoạt động quan trọng của lĩnh vực này. Công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật của Hội trong mấy nhiệm kỳ anh làm lãnh đạo, đã để lại dấu ấn khó phai, đó là những ấn phẩm (đúng nghĩa là những công trình) của Hội đồng trong hai nhiệm kỳ khóa X và khóa XI đã được xuất bản. Cũng trong thời gian ấy, anh đã xuất bản 6 tập thơ và 3 cuốn sách dày dặn về báo chí.

Chia tay anh, tôi cảm thấy mình thật sự được anh truyền ngọn lửa nghề báo - một nghề gian nan, nghiệt ngã, nhưng rất đổi vinh quang.

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## HỒ QUANG LỢI - MỘT TÀI NĂNG LÝ LẼ



*Nhà báo Hồ Quang Lợi*

**N**ói Hồ Quang Lợi - một tài năng lý lẽ! Xem ra hép quá. Đúng hơn, anh là một tài năng báo chí. Điểm qua các chức vụ anh từng đảm nhận đã nói lên điều ấy, nào là: Đại tá, nguyên Phó Tổng Biên tập báo Quân đội nhân dân; nguyên Tổng Biên tập báo Hà Nội mới; Nguyên Chủ tịch Hội Nhà báo Hà Nội; nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; nguyên Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội; Phó Chủ tịch Thường trực Hội Nhà báo Việt Nam; Tổng Thư ký Liên đoàn Báo chí ASEAN... Với nghề báo, anh đoạt tới cả chục giải cao - Giải Báo chí quốc gia và Giải Báo chí toàn quốc của Hội Nhà báo Việt Nam!... Chỉ bằng những giải

thường có được cùng hon chục đầu sách thuộc thể luận do các nhà xuất bản danh tiếng ấn hành từ năm 1997 tới nay, quá dư để khẳng định: Hồ Quang Lợi - một cây bút bình luận quốc tế xuất sắc nhất của báo chí Việt Nam! Một nhà báo tài năng luôn ở đầu nguồn sự kiện và các vấn đề đại sự quốc gia, quốc tế!... Đầu vậy, ấn tượng với tôi thì Hồ Quang Lợi như một điển hình sâu đậm nhất về tài năng lý lẽ. Bởi thông tin trong bình luận, trước hết là thông tin lý lẽ, thông tin của tư duy tổng quát, chuẩn chỉnh!

Vốn tính tò mò, nên ngay từ khi Hồ Quang Lợi đoạt Giải A (Giải A duy nhất) năm 1991, năm đầu tiên Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức Giải Báo chí toàn quốc của Hội, tôi đã để tâm tới “ngón nghề” của cây viết này. Ngày ấy, Hồ Quang Lợi mới 35 tuổi, phỏng viên bình luận quốc tế năng nổ của Báo Quân đội nhân dân. Ngày ấy, Hội đồng Giám khảo chỉ vén vẹn 15 người, nhưng toàn những vị “tai to mặt lớn”, có tên tuổi, chức sắc sáng danh của làng báo Việt Nam, đều hạ bút cho điểm tuyệt đối (điểm 10) đối với tác phẩm dự thi của Hồ Quang Lợi. Ngày ấy (tôi, tác giả bài viết này) là Trưởng Ban thư ký Tổng hợp Giải, nên biết rõ và rất ngưỡng mộ anh. Thời ấy, bao thông tin toàn cầu đã ùa vào Việt Nam, người ta không chỉ chăm chú đón nhận thông tin, mà đã bắt đầu để tâm xem xét bản chất cũng như xu hướng vận động, tác động của chúng đối với đời sống xã hội của đất nước như một đòi hỏi thiết thân. Khi ấy, những bài bình luận của Hồ Quang Lợi trên báo chí, hoặc phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam có sức thu hút mạnh mẽ. Ngày ấy, tôi tìm đến căn nhà riêng của Hồ Quang Lợi thuộc Khu chung cư Lý Nam Đế (Hà Nội), loáng thoảng chuyện gần chuyện xa, tôi vận ngay sang chuyện nghề:

- Vì sao thể bình luận lại được bàn dân thiên hạ ưa chuộng? Thể loại hóc búa này, ai “bỏ bùa” mà anh mê say đến thế?

Đôi mắt sáng, nét tinh anh hiện diện tất cả trên khuôn mặt của người lính theo nghề chữ nghĩa, anh đáp:

- Bình luận là thể loại hết sức quan trọng, thể loại trụ cột, vừa thể hiện tầm vóc của một cơ quan ngôn luận vừa tăng sức hấp dẫn của báo chí... Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập, thế giới đã trở thành một ngôi làng bé nhỏ. Mọi biến đổi trên thế giới đều tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến nước ta, đòi hỏi báo chí phải phân tích, lý giải kịp thời. Những câu hỏi lớn luôn thường trực đối với bạn đọc là: *Thứ nhất*, thế giới đang vận động theo quỹ đạo nào, theo trật tự nào và sẽ đi về đâu? *Thứ hai*, Việt Nam đang tồn tại và phát triển như thế nào trong một thế giới luôn đổi thay sâu sắc? Theo đó, các nhà báo nói chung và các nhà báo chuyên việc bình luận phải ý thức để góp phần giải đáp cho được những đòi hỏi này của công chúng và bạn đọc thân yêu của mình!...

Anh chưa dứt lời, tôi đã dồn hỏi:

- Đặc điểm cơ bản nhất của bình luận là gì?

Giọng chậm, chắc, mạch lạc, nói những lời gan ruột:

- *Bình luận* là tổ từ nói về một thể loại báo chí gồm hai yếu tố cần được quan tâm thấu đáo là *bình* và *luận*. *Bình* là xem xét, phân tích, thẩm định, đánh giá các góc cạnh của sự kiện hoặc vấn đề, đồng thời đặt nó trong mối quan hệ so sánh, đối chiếu với những sự kiện, vấn đề liên quan. Khi ấy *luận* là sự suy luận, bàn bạc sâu rộng hơn nhằm đi đến những nhận định có tầm bao quát, đồng thời dự báo chiều hướng biến đổi, phát triển của tình hình. Vì thế, thông tin trong bình luận trước hết là thông tin lý lẽ. Đây là điểm khác biệt lớn nhất giữa chính luận nói chung, bình luận nói riêng với các thể loại báo chí thông dụng khác!...

Tôi lại chen lời:

- Anh nghĩ gì về “cái tôi” trong bình luận? Hồ Quang Lợi đáp ngay, cứ như kiến thức, vạn điều nghĩ suy luôn ấm áp trong đầu trong óc, “khai khẩu” là đâu đã vào đó:

- Bình luận là dạng lao động sáng tạo, là “ngón võ” hoàn toàn mang tính cá nhân. Sáng tạo càng cao, tư duy xúc cảm càng sâu thì

hiệu quả càng lớn. Cái tôi trong bình luận là cái tôi lý lẽ. Nó được gột lên bằng bản lĩnh chính trị vững vàng, bằng sự nhạy cảm, sắc sảo, bằng trình độ hiểu biết sâu rộng. Sáng tạo cá nhân có vai trò rất quyết định trong lao động viết bình luận. “Đắm mình”, “hóa thân” vào sự kiện để hiểu sâu, hiểu đúng sự kiện, để mô tả chúng, đồng thời sẽ tạo cho mình cảm xúc mạnh chuyển tải qua ngôn từ trong bài viết... Như thế, để thấy cái tôi của nhà bình luận phải thuộc về cái ta cộng đồng. Tuyệt đối không được đưa ra những nhận định, những đánh giá chủ quan, phiến diện, cực đoan, cá nhân!...

Bàn luận về cái cần có của nhà báo chuyên sâu bình luận như anh, nhưng chẳng khi nào Hồ Quang Lợi ám chỉ mình, tự nói về mình. Dẫu thế, thâm tâm tôi vẫn nghĩ cái cần nói thêm đó là sự không ngừng học, không ngừng tích lũy kiến thức từng ngày từng giờ của cá nhân Hồ Quang Lợi. Anh sinh ra ở miền đất khó Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An, nhưng là một vùng đất giàu truyền thống hiếu học. Anh từng tốt nghiệp khoa Ngôn ngữ và Văn học nước ngoài, chuyên ngành Văn học Pháp, Đại học Tổng hợp Bucharest (Rumani). Hon thế, suốt cuộc đời với trăm công ngàn việc được bâu, được cù... thì, việc gì, ở đâu, thời khắc nào anh cũng làm tốt, tạo dựng thế đứng mới cho tổ chức, để lại tiếng thơm, tiếng đẹp cho đời. Nghề báo là nghề suốt đời phải tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin, và chọn đúng thời điểm để loan tin. Anh từng thốt lộ: Ít có những đêm ngủ trọn vẹn! Sự kiện trong nước và thế giới luôn nảy sinh, biến đổi không ngừng. Nhưng, tất cả hình như đều không trượt khỏi bộ óc minh mẫn và tư duy lý lẽ sắc sảo của Hồ Quang Lợi. Các sự kiện, các vấn đề lớn này sinh ở trong nước và thế giới, hình như không khi nào thiếu vắng bài bình luận của Hồ Quang Lợi. Cứ điểm lại hơn 10 ấn phẩm dày dặn của anh theo thời gian là đủ biết. Ví như: Từ sau cuộc chính biến 19/8/1990 dẫn tới sự sụp đổ của Liên bang Xôviết, nước Nga bước sang một

giai đoạn lịch sử mới. Trong dòng xoay hỗn mang của “một thời đang đảo lộn và đang được sắp xếp lại”, liên tiếp các sự kiện “long trời lở đất” kích ứng nhau diễn ra, hầu hết theo những cách thức “vô tiền khoáng hậu” (Lời giới thiệu của Nhà xuất bản Hà Nội trong cuốn sách *Nước Nga hành trình tới tương lai*). Cho dù chỉ đôi lần qua lại với nước Nga, vậy mà Hồ Quang Lợi vẫn viết theo nhịp thời gian của nước Nga tới 64 bài bình luận, in trang trọng trong cuốn *Nước Nga hành trình tới tương lai* nhân kỷ niệm 100 năm ngày Cách mạng Tháng Mười Nga (07/11/1917 - 07/11/2017). Cuốn sách gây ấn tượng sâu sắc với hàng trăm khách dự Lễ ra mắt, giới thiệu sách, đặc biệt là khách Nga do bà Tham tán Đại sứ quán Nga dẫn đầu... Theo đó, năm 2019, Nhà xuất bản lại tổ chức lễ ra mắt cuốn sách *Thời cuộc và Văn hóa*. Người tham dự đông như nêm, lời chia sẻ đầm thắm, nhất mực vinh danh tài năng với thể bình luận của Hồ Quang Lợi...

Tham dự những buổi lễ ra mắt sách, đọc những bài bình luận trong các cuốn sách kể trên, tôi nghiệm ra: Đó là sự kết tinh của cuộc đời lao động nghiêm ngặt, trách nhiệm cao đối với con người, với xã hội, với thế giới rất đổi nhân văn của Hồ Quang Lợi. Lại thêm nhó, khi đàm đạo nghề nghiệp cùng nhau, anh khắc vào tâm trí tôi những lời để nhớ: “Một bài bình luận phải đạt được ba cái đúng: *Đúng* bản chất của sự việc, của vấn đề; *Đúng* xu thế phát triển của tình hình; *Đúng* đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước. Ba yếu tố này luôn bổ sung cho nhau với điều kiện bình luận có lối tư duy khách quan, khoa học”! Yếu tố cơ bản làm nên bài báo hay, lời như rút ruột, rút gan: “Hay là nhờ cách chọn đề tài, chủ đề. Nghĩa là nhà bình luận quyết định đương đầu với sự kiện, với vấn đề nóng bỏng, nhạy cảm và phức tạp. Theo đó, bài bình luận phải xuất hiện đúng thời điểm, khi xã hội đang hướng về sự kiện hay vấn đề đó. Tiếp đến là khả năng

phân tích, mổ xé để giải đáp những vấn đề khó của nhà bình luận. Sau cùng là bút pháp thể hiện, nó chính là phong cách riêng có của nhà bình luận"!...

Nghề báo vốn dĩ khắt khe, nghiệt ngã. Nghề luôn phải rèn đức luyện tâm. Chuyện nghề với Hồ Quang Lợi ăm áp lý lẽ. Hết như người viết bình luận thường sử dụng các thao tác nghiệp vụ đa cách như tổng hợp, chứng minh, phân tích, so sánh, cắt nghĩa, lý giải vấn đề hoặc sự kiện có ngọn có ngành. Lý lẽ tạo nên Hồ Quang Lợi - một trong những nhà bình luận quốc tế sắc sảo nhất của báo chí Việt Nam. Bởi thế, tôi luôn ngầm nghĩ: Hồ Quang Lợi - một tài năng lý lẽ!

Báo *Nhà báo & Công luận*, ngày 02/9/2019.

## ĐÀO TẠO NGHỀ Ở ĐÁY NƯỚC



*Hiệu trưởng Doãn Quốc Hưng*

Cùng Doãn Quốc Hưng - bác sĩ sinh lý chuyên ngành lặn, Hiệu trưởng Trường Trung cấp Giao thông vận tải Thăng Long, gặp Phạm Thành Tâm, nguyên Giám đốc Trung tâm huấn luyện kỹ thuật lặn của Trường, là một trong những thợ lặn đầu tiên của Việt Nam, nay định nghiệp tại thành phố cảng Hải Phòng.

Không đèn đùi, lam lũ; không thả phanh ngôn từ như ai đó; ngược lại, Tâm oai phong, lịch lâm; thân hình vạm vỡ, chắc nịch; nói năng cẩn trọng khiến tôi liên tưởng tới Yết Kiêu danh tướng thủy quân tài giỏi của nhà Trần thời Đại Việt khiến giặc Mông - Nguyên khiếp đảm. Hỏi cơ duyên với nghề? Tâm giải bày: - Làm việc tại Tổng công ty xây dựng cầu Thăng Long từ năm 1974, được

đơn vị cho xuống Hải Phòng học nghề lặn với chuyên gia Liên Xô. Từng được chuyên gia lặn Trung Quốc “cầm tay chỉ việc”. Khi chuyên gia Liên Xô thay thế chuyên gia Trung Quốc xây dựng cầu Thăng Long thì đội thợ lặn của ta đã khá thạo việc. 14 trụ cầu chính qua sông Hồng xây dựng từ năm 1974 đến khi hoàn thành vào năm 1985 đều có công đóng góp không hề nhỏ của những người thợ lặn xây dựng trụ cầu (bởi có mố trụ mới có cầu). Trước khi về trường làm Giám đốc Trung tâm huấn luyện kỹ thuật lặn, Tâm đã tham gia nhiều công trình lặn trên sông, trên biển theo sự điều động của ngành Giao thông vận tải, Xí nghiệp Trục vớt cứu hộ Việt Nam: trực vớt cứu hộ, cứu nạn tàu đắm khắp nơi, xây âu tàu tránh bão ngoài đảo Bạch Long Vĩ... Lặn xây dựng 2 trụ điện từ đảo Cát Hải sang đảo du lịch Cát Bà; tham gia công trình thông luồng thả phao ở cảng Hòn Gai ra cửa Dứa; cùng thợ lặn Nhật khoan, nổ, tạo luồng, nạo vét độ sâu, xây dựng cảng Cái Lân (Quảng Ninh)!... Tự dụng Tâm nhíu đôi chân mày lưỡi kiếm dưới vàng trán rộng, ẩn đường sáng sủa, thần thái bừng bừng trí lực của người đàn ông tuổi Ất Mùi (năm 1955), giọng sôi lên bắt nối mạch chuyện: - Nghề lặn với tôi, đâu đâu cũng đầm sâu trong ký ức, nhưng có lẽ với cầu Bến Thủy qua sông Lam thì rất khó phai mờ. Địa chất đáy sông phức tạp. Các trụ 6, 7, 8 ở giữa lòng sông vừa làm xong trụ móng thì gặp lũ khủng vỡ nát (năm 1988). Lệnh của Bộ trưởng Bùi Danh Lưu: “Phải đẩy nhanh tiến độ, thông cầu kỹ thuật vào ngày 15/5 để kịp mừng sinh nhật Bác”! Cho nên phương án tối ưu là phải giữ cho được trụ cũ. Lúc này đội quân lặn của Trường nghề do tôi đứng đầu được điều vào. Công việc khó khiến tôi phải sắm trọng hai vai “vừa thầy vừa thợ”. Ý kiến của tôi là: Áp suất nước quá lớn vô cùng nguy hiểm, máy móc thiết bị lúc đó lại hạn chế. Để an toàn khi cắt trụ thì phải chuyển máy cắt từ Sài Gòn ra, tiến độ chậm lại cả tuần. Không ai khác, người thợ

lặn thực hiện hàn cắt nghiêm ngặt dưới nước theo đúng quy trình... lại chính là tôi, làm việc trong tình thế hiểm nguy, ở độ sâu 17 - 18m so với mặt nước. Mọi người chờ đợi và lo lắng, nhưng tôi vẫn bình thản nói để anh em yên tâm: Nếu không may, tôi hy sinh thì xin mỗi người một nén hương! Nếu thành công thì ta mở tiệc liên hoan!... Kết cục, khung vây ván thép được hạ an toàn, việc bom nước thi công trụ cầu rộn lên trong tiếng reo hò của đồng đội!... Giọng Tâm nghẹn lại với ký ức của một thời anh hùng, quyết liệt dựng xây, vì đất nước thân yêu vừa thu về một mối - 30/4/1975!...

Trên xe trở lại Hà Nội, tôi vẫn không buông chuyện lặn với Doãn Quốc Hung, bởi anh là người trong cuộc đã từng là Phó Giám đốc Trung tâm Huấn luyện kỹ thuật lặn, trước khi đảm trách cương vị Hiệu phó rồi Hiệu trưởng. Hon nứa, Hung là bác sĩ sinh lý chuyên ngành lặn, gần 30 năm gắn bó với mái trường, nay là Hiệu trưởng “đánh vật” với cơ chế, gian nan nghiệt ngã muôn vàn nên chẳng sự việc nào là anh không tỏ tường. Đôi gò má đầy đặn, xương không lộ, chỉ thế cũng đủ biết Hung là người điềm đạm, tính tình ổn định, nghĩa khí, luôn yêu quý những người biết lắng nghe. Giọng mảnh lạc, lời lẽ như khắc vào tâm trí người nghe: “Ngày nay, việc lặn khảo sát dưới nước có tầm quan trọng đặc biệt giúp định tiêu chuẩn, quy định, quy trình của quốc tế được áp dụng với lĩnh vực xây dựng các công trình ngầm, đặc biệt công tác an toàn liên quan đến việc thực hiện các công trình trong lòng sông, đáy biển. Cho nên, cần đào tạo đội ngũ thợ lặn có tay nghề chuyên sâu và đa dạng. Suốt mấy chục năm nay, Trường đã đào tạo tới hơn 400 thợ lặn với nhiều chuyên ngành như: lặn thi công; lặn trực vớt cứu hộ; lặn quay phim, chụp ảnh dưới nước, lặn sử dụng hỗn hợp khí, lặn các độ sâu khác nhau... Đặc biệt, trường đã liên doanh với các tổ chức quốc tế để đào tạo lặn khảo sát, lặn hàn

cắt kim loại dưới nước cấp chứng chỉ Lloyd's Register, Trường đã đào tạo 24 thợ lặn hàn cắt kim loại dưới nước (trong đó có 5 thợ lặn người Nga) cho Liên doanh Dầu khí Việt - Nga Vietsovpetro; đào tạo lặn kỹ thuật thi công công trình ngầm, phục vụ cho việc tham gia xây dựng của các công ty dầu khí, các doanh nghiệp xây dựng cầu, cảng, bô, só; đào tạo thợ lặn phục vụ cho công tác an ninh, quốc phòng của quốc gia, trong đó đào tạo gần 100 thợ lặn cho Bộ Quốc phòng, 30 cảnh sát phòng cháy, chữa cháy của Thành phố Hồ Chí Minh làm công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, 25 thợ lặn cho Liên hiệp xí nghiệp Trục vớt cứu hộ biển Việt Nam,... Đào tạo lặn đã thành thương hiệu sáng giá của Trường Trung cấp Giao thông vận tải Thăng Long; ở phương diện quốc gia và khu vực!...". Trong quá trình phát triển của Trường hơn 30 năm qua (kể từ năm 1985, tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Thăng Long), đến nay Trường đã đào tạo trên 30.000 học sinh, với rất nhiều khoa chuyên môn như: Khoa máy xây dựng; Khoa công trình... các trung tâm như: Trung tâm Ứng dụng công nghệ và Thực hành sản xuất; Trung tâm Huấn luyện kỹ thuật lặn phía Bắc và phía Nam... Chúng tôi luôn ghi công và tri ân sự đóng góp của lớp người đi trước, trong đó có những Hiệu trưởng như thầy Nguyễn Văn Tấn, Lê Tiến Bổng; như các thầy giáo đầu tiên của Trung tâm Huấn luyện kỹ thuật lặn: thầy Tâm A (ở Thành phố Hồ Chí Minh), Tâm B (ở miền Bắc)...

Nhớ hôm về Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội, nơi thầy Nguyễn Văn Tấn cư trú sau 18 năm làm Hiệu trưởng Trường nghề Giao thông vận tải Thăng Long, ở tuổi 77, thầy vẫn minh mẫn, sôi nổi nói về lịch sử đào tạo thợ, trong đó có dấu ấn sâu sắc nhất, hon nhất vẫn là xây dựng nên nghề đào tạo lặn của Nhà trường nói riêng và của đất nước nói chung. Những lớp thợ lặn ban đầu do Trường đào tạo, nay nhiều người lên làm thầy, có kinh nghiệm

thực tế, có phương pháp sư phạm. Tiêu biểu như Phạm Thành Tâm, Nguyễn Văn Mạnh hiện là Giám đốc Trung tâm huấn luyện kỹ thuật lặn và thực hành sản xuất; như Nguyễn Văn Tình nay là Giám thị lặn cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Trung Tín... Cụ Tấn gói cuộc chuyện gọn vo, như sự đời *có quả át có nhân*: Nói cho đúng là vì cần thợ lặn nên Bộ mới cho thành lập trường. Trường nổi đình đám cũng nhờ giỏi huấn luyện kỹ thuật lặn. Xưa cần một, nay thì thợ lặn cần trăm, cần ngàn vẫn chưa thể nói là đủ. Tôi rất nhớ lời này của Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi khánh thành cầu Thăng Long: “Xây dựng được cầu là quý, nhưng quý hơn là có đội ngũ công nhân thành thạo”!... Lại nhớ hôm gặp thầy Lê Tiến Bổng dưới mái trường xưa.

Thầy Bổng nguyên là Hiệu trưởng thứ tư của trường, lên làm Hiệu trưởng ở thời điểm khắc nghiệt nhất, không còn được cấp kinh phí đào tạo từ ngân sách nhà nước, nhiều cán bộ giỏi tìm lối ra đi, nghề lặn bị lãng quên. Mọi việc lại như bắt đầu vừa làm lại, làm mới và phải làm khác, hay và tốt hơn, trong đó có nghề lặn (Ấy là những lời phambio phambio, hùng hực khí thế của thầy Bổng). Bởi lẽ lặn cần lăm lăm cho ngành dầu khí, cho các giàn khoan trên biển, cho xây dựng an ninh - quốc phòng, cho phát triển kinh tế, cho mưu sinh, cứu nạn, cứu hộ...

Cái mà thầy Bổng tạo nên, ấy là liên kết với Viện hàn Xlôvakia để đào tạo thợ hàn công nghệ cao (MIG, TIG, MAG) trình độ 3G đến 6G cấp chứng chỉ châu Âu, đạt trình độ quốc tế. Thực hiện liên kết với các cơ sở đào tạo lặn với Hiệp hội lặn quốc tế như: IMCA, PADI có trụ sở tại Mỹ cấp chứng chỉ lặn hàng đầu thế giới; Tổ chức Hiệp hội lặn quốc tế Interdive Services Ltd của Anh cấp chứng chỉ cho các thợ lặn chuẩn Lloyd's Register qua đào tạo của trường. Bắt đầu từ năm 2012, ngay thời điểm này, Trường trúng liền hai gói thầu đào tạo thợ lặn hàn cắt kim loại dưới nước của

Tập đoàn Dầu khí Việt - Nga Vietsovpetro, tạo đà cho trường hồi phục. Vậy, trường là đơn vị đầu tiên và duy nhất của Việt Nam đào tạo thợ lặn hàn cắt dưới nước có mã hiệu đạt chuẩn quốc tế, có quy trình thao tác ở mọi cấp độ nông, sâu. Nhờ đó mà nhiều công ty chuyên nghề xây dựng lặn mới có nhân lực để tham gia và thắng nhiều gói thầu, góp sức quan trọng vào ngành dầu khí và các lĩnh vực xây dựng, an ninh - quốc phòng của đất nước, bởi các công ty này có rất nhiều thợ lặn giỏi được đào tạo từ nhà trường...

Chiều muộn, chuẩn bị đến hiện trường thăm lớp “Gia hạn lặn khảo sát cấp chứng chỉ quốc tế Lloyd’s Register” cho 14 thợ lặn, tôi nhận ra nét vui và cả nỗi âu lo gì đó khi ẩn hiện trên khuôn mặt đã đứng tuổi của Doãn Quốc Hưng. Thì ra Hưng vui vì Trường nghề Giao thông vận tải Thăng Long với 18 nghề chuyên sâu, nay đã “khỏe khoắn” lên nhiều, trong đó đào tạo huấn luyện lặn luôn là trọng điểm giúp cho đất nước, cho người làm nghề có kiến thức về lặn để tránh các tai biến, bệnh tật do nghề lặn gây nên. Thì ra Hưng lại đau đầu nỗi lo, mai này nghề lặn có được chăm lo, phát triển. Bởi, nghề lặn cần lắm cho dựng xây phát triển đất nước. Nhưng với cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, việc chăm lo com áo gạo tiền cho gần 60 con người cùng gia đình họ còn nhiều nan giải. Vì thế lo âu của Hưng, của tập thể cán bộ, công nhân viên, giáo viên là hiện hữu, về một nghề đào tạo đặc biệt của Việt Nam cũng “dễ chìm sâu”. Chẳng mấy đâu nhìn đến!

## MẮT THẦN CỦA NHIẾP ÁNH



*Đại tá, nhà báo Trần Hồng*

**G**iữ hẹn. Tôi đến ngôi nhà số 3, gác 2, Đường Thành, Hoàn Kiếm, Hà Nội, nơi có căn phòng làm việc nhỏ xíu của Trần Hồng, bạn đồng môn nghề báo. Như sáo nhảy theo những bậc thang cũ mèm, Hồng xuống đón và cất xe cho tôi. Đôi mắt sắc lém trực diện, như gần lại như xa đo đếm điều gì ấy, pha với nụ cười tinh tế, thân sâu rất đỗi Trần Hồng. Lâu lâu mới gặp, tôi thầm lòng sẽ níu hỏi “ngón nghề” Trần Hồng chụp về những Mẹ Việt Nam anh hùng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp, sao lại bắt mắt bắt lòng người xem bền lâu đến vậy?

- Cùng học nghề báo viết, có sao anh lại nhảy sang nghề ảnh?  
Tôi vào chuyện.

Hồng dõi mắt vào tôi cứ như đếm định nội tâm người hỏi:

- Thì cũng vẫn là việc phải quan sát. Cái hon của mỗi nhà báo là tài quan sát. Quan sát là nghệ thuật - nghệ thuật để *nhìn thấy*, để lấy ra nét đặc trưng của sự vật hoặc nhân vật. Chép lấy, chụp lấy một khoảnh khắc đặc biệt nhất... Điều này không mới nhưng chẳng khi nào cũ... Làm ở Báo Quân đội nhân dân từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX, theo nghề ảnh là do sự phân công. Cầm máy, tôi luôn tự nhủ: "Máy ảnh là công cụ dạy người ta làm sao để nhìn mà không có máy ảnh". Cố nhân cũng từng nói: "Văn học là nhân học". Người cầm máy ảnh cũng tương tự: "Bản thân ta thế nào thì ta nhìn sự vật thế ấy"!

Lời bộc bạch của Trần Hồng làm tôi thoáng nhớ: Quả thực, tác nghiệp ở những lễ nghi, hội nghị, hội thảo Trần Hồng thường rất ý tứ mỗi khi di chuyển; không loáng quăng, tùy tiện qua mặt các quan khách ngồi dự...

- *Hạnh phúc nhất cuộc đời là được cầm máy ảnh!* Câu nói thốt lên thành lời ấy, Trần Hồng lấy đi lấy lại nhiều lần trong cuộc chuyện. Anh bảo: - Cầm máy để đi tìm sự thật, ghi lấy sự thật trong khoảnh khắc. Người quay phim, chỉ 1 giây họ đã ghi cả lô lốc hình; khi ấy máy ảnh chỉ 1, cho nên bức ảnh phải làm sao cho thật "đắt". Tuyệt nhiên không khi nào được dùng kỹ xảo để chỉnh sửa ảnh, không khi nào được lắp ghép hình. Ảnh báo chí phải đúng sự thật, phải chứa đựng lượng thông tin, không được lừa dối bạn đọc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng nói với tôi rằng: "Sự thật là chân lý, là sức thuyết phục mạnh nhất"!...

Chuyện nghề của tôi với nghệ sĩ Trần Hồng bỗng sôi nổi hẳn lên cứ như đang trong cuộc hội thảo chuyên sâu có đông người nghe, người dự. Tự dung hồi tưởng lại cuộc trung bày 86 bức ảnh chân dung Mẹ Việt Nam anh hùng lần đầu của Trần Hồng, ở số nhà 45 Tràng Tiền, Hà Nội vào cuối tháng 12/1992. Tôi nói: - Xem

ảnh, nhìn gương mặt những bà mẹ của Trần Hồng từ dạo ấy, cũng như những bức ảnh Trần Hồng chụp về Đại tướng Võ Nguyên Giáp sau này, mình cứ nghĩ tay máy của anh như có quyền lực hay ma thuật nào đấy! Trần Hồng đón ngay: - Đâu đến thế. Ma thuật là ở chỗ mình phải biết nhìn thấy con người theo những cách mới lạ! Tôi lại xen lời: - Xem ảnh anh chụp về các Mẹ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tôi có cảm nhận Trần Hồng chụp ảnh bằng tình yêu con người đến cháy lòng cháy dạ; anh luôn biến đổi tượng chụp thành những thực thể nghệ thuật. Và, hon nǔa cứ như anh sáng tạo chúng cho chính anh thường ngoạn trước tiên! Nghệ sĩ Trần Hồng nói ngay: - Đúng vậy. Nghệ thuật là thế. Báo chí cũng vậy. Minh không rung, không cảm thì mong chi truyền cảm đến người đọc, người xem! - Thế có nghĩa là, không có gì mang tính nghệ thuật hơn là trái tim phải thực sự rung động, thực sự yêu thương người khác. Cũng có nghĩa nội dung cảm xúc của một bức ảnh là quan trọng nhất. Phải biến cái mới mẻ thành quen thuộc và những điều quen thuộc thành mới mẻ (tôi nói)!... Giọng trầm xuống, như đong như đếm, Hồng kể: - Anh tính, chụp về những người Mẹ anh hùng làm sao mình không rung động cơ chứ. Tất cả các bà mẹ đều đau nỗi đau xé lòng vì mất con, nhưng chung một nét đẹp: Kiệm lời khi nói về mình, nhưng lại bôn lời khen người khác. Mẹ Thứ ở Quảng Nam hiến dâng cho Tổ quốc cả 9 người con là minh chứng rất đậm về điều này. Quan sát mẹ Nguyễn Thị Khánh ở ấp Tám Ngàn, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, tôi quá thương mẹ, bởi nét cô đơn, hưu quạnh đến chát lòng, duy chỉ chú mèo mun lúc nào cũng quấn bên chân mẹ như chia sẻ, cảm thông, cho dù mẹ sống trong ngôi nhà gỗ rất đẹp do Sư đoàn 4 hiến tặng. Bốn lần tôi đến gặp mẹ thì cả 4 lần không sao chụp được ảnh mẹ. Bởi, ba lần mẹ khóc; một lần tôi khóc. Bởi, 7 lần mẹ tiễn những người con của mẹ ra chiến trường, thì cả 7 người con ấy không

đứa nào trở về với mẹ. Phải lựa bữa cơm chiều và tôi phải mặc thường phục mới chụp được chân dung mẹ. Ngồi bên mâm cơm đôi mắt mẹ vẫn thẫn thờ, đợi mong, vô vọng! Cho nên, trước khi bấm máy, cảm xúc của tôi thường dâng trào; tình cảm ấy khởi nguồn từ sự quan sát, từ sự từng trải. Cũng bởi, lúc sinh thời mẹ đẻ của tôi rất thương yêu tôi. Đất quê Đức Thọ, Hà Tĩnh nơi mẹ sinh tôi nghèo khó, năm nắng mười mưa mẹ cha mới làm ra củ khoai, hạt gạo nuôi con. Vậy mà mỗi khi về thăm mẹ, cho dù tôi đã là sĩ quan quân đội, nhưng mẹ vẫn lo cho tôi từ miếng ăn, vẫn kéo tôi ra chum nước để gội đầu như thuở là con nít. Lúc nhắm mắt xuôi tay ở tuổi 97, đôi tất chân bạc phếch của mẹ vẫn găm đầy hoa cỏ may của đất cằn, lam lũ... khiến tôi hay liên tưởng, hay nghĩ về những người mẹ tận lòng với nước với dân, hiến dâng cả những người con thân yêu nhất cho Tổ quốc được độc lập, tự do!

- *Hạnh phúc nhất cuộc đời là được cầm máy ảnh!* Trần Hồng lấy lại cụm từ ấy cứ như sọ ai đấy sẽ cất đi hoặc lấy mất không bằng. Lời sẻ chia thân tình: - Người ta nói, ảnh là sự đọng lại của con tim rung động, đúng nhưng chưa đủ mà còn là ở con mắt, con mắt biết *nhin thấy* theo những cách mới lạ! Tôi tiếp lời: - Người cầm máy còn phải đam mê, đam mê hết mình. Đam mê theo chủ đề, theo chủ thể yêu hoặc ghét đã chọn, rồi lao vào thực hiện cho tới hơi cùng sức kiệt! Như nhấn đúng mạch, Trần Hồng rộ lời: - Đúng. Đúng như vậy. 45 năm cầm máy, hai chủ thể lớn mình đam mê theo đuổi là “Ảnh chân dung Mẹ” và “Ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp”... Vừa nói, Trần Hồng vừa đưa cho tôi xem bức ảnh chụp thủ bút lưu niệm của Đại tướng khi tham quan triển lãm ảnh Mẹ Việt Nam anh hùng. Toàn văn: “Những tấm ảnh (những bức tranh) như thơ, như nhạc. Qua những hình ảnh ghi lại, người xem rất xúc động với những tình cảm, những nỗi đau thương, và những niềm vui. Qua những con mắt làm cho người

xem nhớ mãi. Chúc Trần Hồng, người nghệ sĩ chiến sĩ có nhiều tác phẩm lớn. Ngày 23/12/1992. Ký tên - Đại tướng Võ Nguyên Giáp". Lời thân tình, Đại tướng hỏi: "86 bức ảnh chân dung Mẹ, Trần Hồng thích ảnh nào nhất?". - Dạ. Thưa, em thích cả 86 ảnh ạ! Đại tướng cười vang, vỗ vai Hồng: - Cậu ranh thật. Người Hà Tĩnh có khác! Thấy Hồng luôn đem bên mình hai chiếc máy ảnh. Một chụp màu, một chụp đen trắng. Đại tướng hỏi lý do. Trần Hồng đáp: Ảnh màu bắt mắt nhưng dễ bị đánh lừa. Đen trắng thật và minh bạch ạ! Đại tướng cười vang: - Hay! Hay! Nghề báo phải đi đến tận cùng sự thật! Lần khác, Đại tướng nhở lời: - Trần Hồng, sao cậu chụp tờ nhiều thế? Trần Hồng vui vẻ, giọng hóm hỉnh: - Dạ. Thưa, sao Đại tướng lại cho em, kẻ vô danh tiểu tốt được chụp ạ? Cuộc đời cầm máy, được gần Đại tướng, đi và ghi ảnh, tôi hiểu Đại tướng là con người thẳng thắn, ghét dối trá, ghét "diễn" để "đánh bóng" mình. Cho nên tôi rất chú tâm quan sát Đại tướng. Mỗi khi đưa máy chụp, tôi luôn để tâm chọn góc, chọn nét đặc tả nhất để bấm máy... Lần giờ xem những bức ảnh của Trần Hồng, đặc biệt cuốn sách *Tôi chụp ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp* của ông, do Nhà xuất bản Lao động ấn hành tháng 9/2015, mới thấy nghệ sĩ Trần Hồng bám chủ đề, bám chủ thể đã chọn miết mài đến chừng nào. Bởi cuộc đời Đại tướng là cuộc đời binh nghiệp với biết bao dấu mốc vàng son lịch sử của đất nước. Ấy là Đại tướng với Cao Bằng, với Điện Biên Phủ chấn động địa cầu; với Quảng Bình và dòng Kiến Giang thơ mộng noi chôn nhau cất rốn nặng sâu nghĩa tình; với căn nhà 30 Hoàng Diệu; với đồng chí, đồng bào; với bầu bạn năm châu... Mỗi địa danh là dấu mốc lịch sử; mỗi bức ảnh Trần Hồng chụp Đại tướng là dấu mốc để đời về nhân vật tài ba mà dân dã; oai phong nhưng cũng rất bình dân, giản dị, đời thường... đậm mãi, ở mãi (cả bằng ảnh - nhờ tài quan sát, con mắt thần kỳ của nghệ sĩ).

Khép cuộc trò chuyện với đồng nghiệp (Ké báo viết - Người báo ảnh), câu nói của triết gia ảnh người nước Áo từ thế kỷ XX cứ vang lên trong tôi: "*Chiếc máy ảnh không tạo được chút khác biệt nào. Tất cả những gì chúng ta làm là ghi nhận những gì ta đang nhìn thấy*". Ngộ ra, đó chính là nghệ thuật quan sát. Là con mắt thần kỳ của nghệ sĩ nhiếp ảnh. Xin gửi trọn điều này như một sự tri ân với đồng nghiệp - nghệ sĩ nhiếp ảnh Trần Hồng. Bạn đồng môn mà tôi yêu quý!

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## NHÀ BÁO TẠ BÍCH LOAN: AI NHÂN LÊN NIỀM TIN TỪ NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP



*Nhà báo Tạ Bích Loan*

**C**hiều áp Tết Ất Dậu 2005, tôi tháp tùng ông Nguyễn Khoa Điềm - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tới thăm, chúc Tết nữ nhà báo truyền hình Tạ Bích Loan tại nhà riêng.

Loan sinh năm Mậu Thân (1968), tức 37 tuổi cô đã được Ủy viên Bộ Chính trị thăm và chúc Tết, phá lệ thông thường với làng văn, làng báo phải là bậc tiền bối, lão thành cách mạng, hoặc quyền cao chức trọng mới có niềm vinh hạnh như thế. Ngày ấy Loan chưa thật kỳ cựu, nổi đình đám như bây giờ, nhưng trên

sóng hình chỉ căn vào lời ăn, tiếng nói qua việc dẫn dắt các chương trình “Bảy sắc cầu vồng”, “Đường lên đỉnh Olympia”, “Người đương thời”, v.v. trên kênh VTV3 Đài Truyền hình Việt Nam thì Tạ Bích Loan đã gây ấn tượng với khán thính giả cả nước.

Đã vậy, lại thêm bất ngờ. Người nổi tiếng trên sóng hình như Tạ Bích Loan, ai đời vẫn dùm dum bốn vợ chồng cái con trong căn phòng hẹp noi góc cuối của khu chung cư cao tầng xây từ đời nào đời nao. Phòng khách chật chội, chiếc bàn gỗ đặt sát tường với vài chiếc ghế nan mượn vội của nhà bên. Giữ ý, tôi lảng ra ngoài. Ông Diêm gọi ngồi vào ghế bên. Qua cuộc chuyện của ông, tôi vỡ ra: Quê Loan ở xã Yên Hưng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Loan tu nghiệp nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tổng hợp Lômônôxốp (Liên Xô cũ). Về Đài Truyền hình, làm biên tập và dẫn chương trình (MC) kênh Truyền hình VTV3 từ năm 1995. Ông Nguyễn Khoa Diêm ngợi khen cách giới thiệu chương trình, nghệ thuật dẫn dắt, cách thể hiện những ý tưởng sáng tạo sát thực với cuộc sống, nắm bắt tâm lý nhân vật tinh tế; cách giao lưu tương tác, lời bình sắc sảo, ẩn sâu tính triết lý của Loan. Ông mong Tạ Bích Loan luôn giữ lửa với nghề; không ngừng học tập, khai thác, nhân lên mạnh mẽ những cái hay cái đẹp và lòng tự tin của con người Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Đài Truyền hình quốc gia! Xúc động mạnh về sự quan tâm đặc biệt của Đảng, của nhà thơ, nhà tư tưởng Nguyễn Khoa Diêm - người mà Loan từng rất ngưỡng mộ, cô chỉ đáp vén vẹn mấy lời rất đỗi chân tình: Từ bé cháu đã ngưỡng mộ nhà thơ Nguyễn Khoa Diêm, tác giả của những câu thơ nổi tiếng ca ngợi sức mạnh của nhân dân trong bài *Đất nước*: “Nhưng lụt lùng thay nhân dân thông minh/Không hề lừa ta dù ca cao, cổ tích...”. Cháu trân trọng cảm ơn bác về những bài học đó và sẽ cố gắng hơn nữa trong công việc để nhân lên niềm tin vào những điều tốt đẹp!

Tết Ất Dậu 2005 đến Tết Canh Tý năm nay (2020) đã 15 cái Tết qua đi, với niềm khích lệ lớn lao, Tạ Bích Loan đã có bước tiến trong sự nghiệp báo chí. Bước tiến của Tạ Bích Loan là thuyết phục người khác cùng làm, cùng sáng tạo để tạo nên thành công, từ một chương trình đến một số chương trình, rồi một kênh truyền hình (xây dựng kênh VTV6 từ năm 2007 đến năm 2017).

Năm 2018, khi trong vai trò Trưởng ban sản xuất các chương trình giải trí, thách thức của Tạ Bích Loan là cùng ban biên tập thay đổi cả nội dung lẫn hình thức của chương trình trên kênh VTV3. Hầu như tháng nào, quý nào cũng có một chương trình mới rất ấn tượng. Ví như Chương trình “Tình yêu ở lại” nói về vợ chồng nhà thơ tài hoa Lưu Quang Vũ - Xuân Quỳnh; Chương trình “Vì ngày mai tươi sáng” đậm chất nhân văn, đánh thức lòng cảm thông từ thiện của khán thính giả giúp đỡ nguồn tài chính quan trọng cho các bệnh nhân ung thư. Tương tự là Chương trình “Cả nước chung tay vì người nghèo” có độ lưu giữ và sức lan tỏa lâu bền, rộng lớn... Gần đây nhất là các chương trình: Khởi nghiệp công nghệ, Gặp gỡ Đông Tây, Cafe sáng với VTV3...

Càng nhiều thách thức càng cần nhiệt huyết, khi được tôi hỏi chuyện, với giọng khiêm nhường, Tạ Bích Loan chia sẻ: Truyền hình đang đứng trước những khó khăn rất lớn trong việc thu hút người xem khi truyền thông xã hội đang bùng nổ. Nhưng đây cũng chính là lúc các chương trình truyền hình với những nội dung đáng tin cậy và chuyển tải những giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam có chỗ đứng và được công chúng đón nhận.

*“Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa/Thì tin yêu ngay thẳng đón ta vào”. Cân có sự chân thực, gắn với thời cuộc và giá trị nhân văn trong mỗi câu chuyện. “Điều ước thứ 7”, “Giai điệu tự hào”, “Hồ Chí Minh hành trình khát vọng”... là những chương trình cho thấy khán giả không quay lưng với những chương trình nói về những điều tốt đẹp trong cuộc sống!*

Tôi (người viết bài này) luôn cảm nhận: “Cái duyên” với nghề của Tạ Bích Loan toát lên từ lời nói, từ ánh mắt, nụ cười rất đỗi hồn nhiên. Loan là MC có kiến thức sâu rộng, hồn nhiên, hoạt bát, thanh lịch, từ tốn, tự tin khi giao tiếp trước công chúng; nói đúng, nói đủ, biết cách tạo cảm xúc cho khán giả... Đồng nghiệp mến mộ Loan còn vì kiến thức sâu rộng của cô thể hiện rõ nét trong cách làm chương trình, cách thức biên tập lời dẫn, phương cách phối hợp với những người dẫn chung chương trình, giao lưu với khán giả...

Hỏi yếu tố làm nên thành công trong công việc, giọng chân tình, Loan thổ lộ: “Cái nghề luôn cần có một tư tưởng thật rõ. Xuyên suốt chương trình cần gửi gắm, chuyển tải điều gì, cho ai phải thật sáng. Dựa trên căn cốt tư tưởng ấy để giao lưu, tương tác, phản biện, khơi gợi, dắt dẫn... Muốn sáng tạo, muốn làm nên thì phải đam mê với nghề. Đam mê luôn là thần lực của sáng tạo!”... Chuyện nghề với Loan, thì ra “Người đương thời” này nở sâu xa từ một tư tưởng đẹp, là vì rất nhiều những đại hội thi đấu yêu nước với cả trăm cả ngàn tấm gương đẹp không thể gói hết trong một vài chương trình phát sóng hình... khi đó sứ mệnh của người làm báo là phải liên tục khơi dậy lòng yêu nước, hết mình cống hiến cho đất nước như tinh chất, như lẽ sống của con người. Xưa họ anh hùng, họ cống hiến cho dân tộc, cho quê hương, nay họ lớn tuổi, già yếu nhưng tinh thần, ý chí vẫn đồng hành cùng chúng ta, cùng thời cuộc... nên Chương trình có sức sống bền lâu trong lòng khán giả...

Hỏi về cái thuận, cái vướng trong công việc của Trưởng ban Sản xuất các chương trình giải trí?. Loan trả lời: “Đó là, phải xác định một tư tưởng sáng rõ xuyên suốt của VTV là góp sức xây dựng con người Việt Nam mới; tự hào Việt Nam; thành tựu mới của đất nước Việt Nam; xu hướng phát triển của thời đại để

con người Việt Nam dường, tu rèn luyện, tích lũy kiến thức, xây đắp ước mơ vươn tới!... Cái thuận là có hướng, có tư tưởng rõ. Cái vướng là ở mình, nếu mình non kém đam mê. Cho nên, chúng tôi cố gắng tạo môi trường vật chất và tinh thần cho anh chị em luôn luôn ý thức: Tiền rất cần nhưng hãy để sau. Lo tiền trước dễ mất nghề. Khích lệ lòng đam mê nhưng không tiến thân bằng “ghế”, mà bằng vinh quang nghề nghiệp, như các giải thưởng: “Đạo diễn xuất sắc”, “MC xuất sắc”, “Quay phim xuất sắc”... là sự khích lệ động viên anh chị em làm nghề! Đam mê sáng tạo bùng nổ do được kích thích, được khơi gợi ý nghĩa các chương trình nên không khí dân chủ được phát huy, bàn bạc, lắng nghe nhân dân nhiều hơn, đọc nhiều, ngẫm nhiều; tạo nhiều góc quay hình tại thực địa nên các chương trình giàu sức sống... Đây cũng là cách làm của Liên Chi hội Nhà báo Đài Truyền hình Việt Nam với Chương trình “Ngày hội sáng tạo”...

Tất cả, tất cả thông tin đều nhắm tới cái đích cao cả như lời dặn dò của Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Nguyễn Khoa Điềm: “Cân góp sức xây dựng cái tốt đẹp, lòng tự tin cho con người trên sóng hình”! Lời dặn dò ấy của người đại diện Trung ương Đảng khi tới thăm và chúc Tết Ất Dậu 2005 đã khích lệ Tạ Bích Loan và các nhà báo cùng thời lòng đam mê nghề nghiệp, khát khao sáng tạo, miết mài nhân rộng bản ngã tốt đẹp của con người Việt Nam.

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## TRẦN SĨ TUẤN - GUƯƠNG MẶT TRONG TRÉO CỦA TỜ BÁO



*Bác sĩ, Thầy thuốc nhân dân, Tổng Biên tập Trần Sĩ Tuấn*

**C**hẳng rõ bác sĩ Trần Sĩ Tuấn vào nghề báo tự khi nào, chỉ nhớ 20 năm trước gặp nhau ở Thành phố Hồ Chí Minh thì anh đã là Phó Tổng biên tập kiêm Trưởng Đại diện của tờ báo Sức khỏe & Đời sống thuộc phía Nam đất nước. Ảnh tượng của tôi với Trần Sĩ Tuấn ngày một nhân lên nhờ không gian làm việc cận kề kể từ khi Tuấn ra Hà Nội (năm 2005) đảm nhận Tổng Biên tập tờ báo - cơ quan ngôn luận chính thống của Bộ Y tế.

Đọc các kỳ báo do anh cầm trịch có rất nhiều cái để nhớ, để học, để làm theo, để suy ngẫm, để phòng bệnh, chống lại bệnh tật, để thấy diễn tiến của các sự kiện, các vấn đề lớn của đất nước và

thế giới... Không kể các ấn phẩm: *Sức khỏe & Đời sống cuối tuần* dành riêng cho phía Nam; *Sức khỏe & Đời sống miền núi* mỗi tháng 1 kỳ, v.v.. Chỉ tính 4 số báo *Sức khỏe & Đời sống* định kỳ (thứ 2, thứ 4, thứ 6 và Chủ nhật) mỗi số 16 trang, quân bình 25 chuyên mục lớn nhỏ; gộp lại mỗi tuần sản xuất tin bài kín 64 trang báo, đủ gần 100 chuyên mục, xuất bản đúng kỳ, đã thật đáng nể trọng. Đông đảo người đọc ưa thích sự thiết thực của các trang báo, như: *Tin tức Thời sự tổng hợp*; *Y học thường thức*; *Y học cổ truyền*; *Thông tin y dược*; *Thuốc và sức khỏe...* Nhiều bài viết đi sâu tư vấn “những chuyện thầm kín” nhưng lại được chuyển tải bằng ngôn từ văn hóa, tinh tế... *Sức khỏe & Đời sống Chủ nhật* hình như có sức hút mạnh người viết, bởi những chuyên trang: “*Nhân vật sự kiện - Phóng sự xã hội - Đi và ngẫm...*” có tầm mờ nhân văn, sức khơi gợi tư duy về các vấn đề xã hội, về nhân tình thế thái... mà tinh cốt tôn chỉ mục đích của tờ báo chẳng hề phai nhạt. Ngoài báo in, báo điện tử cũng là điểm sáng về ngôn luận của Bộ Y tế. Báo điện tử *Sức khỏe & Đời sống* là tờ báo đầu tiên, duy nhất hiện nay phát triển theo hướng 4.0 đa phương tiện với kênh youtube, kênh fanpage riêng của báo, đều đặn mỗi tuần sản xuất một chương trình truyền hình phát trực tiếp trên nền tảng digital với sự tham gia của các chuyên gia hàng đầu về y tế trong nước và thế giới, mỗi ngày sản xuất 60 bài cập nhật từng phút những vấn đề thời sự, y tế, xã hội nóng hổi với trung bình 1 triệu lượt truy cập/ngày, mỗi bài lượng đọc trung bình hàng ngàn lượt.

*Sức khỏe & Đời sống* với sự cẩn trọng sáng tạo và tài tổ chức của Trần Sĩ Tuấn không chỉ kế thừa phát triển mà còn mạnh mẽ đổi mới thông tin, lay động bản tính nhân văn của con người, ví như cuộc thi viết “Sự hy sinh thầm lặng” đều đặn suốt 10 năm nay. Liên tục nhân lên sự đồng cảm, sẻ chia của những người cầm bút dành cho nghề y, ngành y. Liên tục đưa về những câu chuyện cảm động,

những hình ảnh chân thật của các thầy thuốc, của những con người dấn thân cho nghề y được bộc bạch trên từng trang báo,...

Đề ra nhiều sáng kiến, nhưng Trần Sĩ Tuấn cũng khéo tổ chức tòa soạn thực hiện, nên nhiều chương trình thành công, giàu sức lan tỏa, như: "Quỹ Vòng tay nhân ái" cứu giúp nhiều cảnh đói nghèo khó ở nhiều vùng đất nước. "Nồi cháo tình thương" mở ra từ năm 2005 đến nay, đã có hàng triệu bát cháo được cán bộ Báo Sức khỏe & Đời sống gom góp, thức khuya dậy sớm chuẩn bị để có được những bát cháo ngon, phát tận tay các bệnh nhi nghèo ở bệnh viện. Nhờ sự khai mở của báo, nên đến nay việc làm này được rất nhiều nơi nhân lên. Báo Sức khỏe & Đời sống cũng là nơi kêu gọi hỗ trợ kinh phí cho các trạm y tế nghèo, trao học bổng động viên con em cán bộ ngành y, v.v..

Hỏi chuyện nghề, lời mềm say, Tuấn nói: - Thầy thuốc là nghề nhân văn, cứu nhân độ thế. Nghề báo là nghề luôn vì cái hay cái đẹp của con người, của xã hội. Tất cả đều theo hướng nhân văn, vì hạnh phúc của con người. Tôi vui vì có trong mình cả hai phần đời cao quý đó! Đi với nghề y, 15 năm trước, khi chính thức bước vào nghề báo (năm 1995) Tuấn là bác sĩ trực tiếp của Trung tâm Cấp cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Làn ranh giữa cái sống và cái chết của bệnh nhân hết sức mỏng manh. Nói theo hình tượng thì nghề của Trần Sĩ Tuấn khi ấy là: Phía trước là *cấp cứu* - Phía sau là *nghĩa địa*. Nhưng, chính nơi nghiệt ngã ấy đã hun đúc, tạo nên bản tính nhân văn cố kết luôn lay động tâm hồn, lay động trái tim nhân hậu của thầy thuốc...

Nét vẻ thư sinh, khuôn mặt sáng trong, sống mũi cao thẳng, đôi mắt trong trẻo, lời thầm sâu, Tuấn bảo: - Còn ít tháng nữa mình sẽ nghỉ chế độ (hưu trí). Kỷ niệm với nghề báo thật khó quên và khó nói hết. Chỉ biết rằng, làm báo, làm lãnh đạo tờ báo đưa cái hay, cái đẹp, cái điển hình là lẽ đương nhiên như ngôn ngữ vốn dĩ

của báo chí. Thế nhưng, cũng đừng lâng quên đấu tranh chống tiêu cực. Báo Sức khỏe & Đời sống luôn ý thức điều này. Ví như, chúng tôi đã quyết liệt đấu tranh, chịu rất nhiều áp lực từ nhiều phía để “phá” vụ án oan của một bác sĩ ở tỉnh nợ bị kết án tù 15 năm, xuống 7 năm và kết cục trắng án!...

“Người sao văn vậy”! “Văn học là nhân học”!... Cho nên tôi yêu quý, trân trọng những cái danh, những học hàm, học vị mà Trần Sĩ Tuấn có được: Bác sĩ, Thầy thuốc nhân dân, Tổng Biên tập Báo Sức khỏe & Đời sống, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam... Chất nhân văn, sống nghĩa tình như bản tính trong anh không chỉ đọng trên những trang báo do anh sáng tạo, thẩm định, quyết định loan tin, mà còn rung lên, ngân lên từ trái tim nồng ấm, nhân nghĩa với quê hương, với cha mẹ mang nặng, đẻ đau sinh ra anh: “... Có một quê hương trong mùi rom rạ/Những đêm đông ấm chỗ mẹ nhường nằm/Có một quê hương trong lời em hát/Nhắc kẻ đi xa nhớ ngọn tre làng...”! Trái tim nhân hậu, nặng lòng trách nhiệm, với lương tâm của người bác sĩ đau nỗi đau của người mẹ cố kiết cay nhòe cứu lấy người con trước lưỡi hái tử thần mà không sao cứu nổi: “Bà mẹ nghèo run rẩy nắm tay tôi/Xin bác sĩ hãy cứu nhân độ thê/Nghe mẹ nói mà đau như thê/Một cái gì nắc nghẹn tim tôi/Bởi biết rằng không thê... mẹ oi/Trước căn bệnh hiểm nghèo, không làm sao cứu nổi/Dẫu biết vậy, tôi vẫn thấy mình dường như có lỗi/Trước nỗi lòng của mẹ thương con...” (Trước nỗi đau của mẹ). Cuộc thi giai điệu yêu thương, cuộc thi sáng tác các ca khúc về ngành y, về thầy thuốc do Tổng Biên tập báo khởi xướng với sự tham gia nồng nhiệt của các nhạc sĩ nổi tiếng, để từ đó cho ra đời nhiều bài ca được coi là “Ngành ca”, như: “Bác sĩ ơi nụ cười” của Nguyễn Cường, “Viên thuốc ân tình” của Trần Tiến, “Dạ khúc trắng” của Thụy Kha, thơ Trần Sĩ Tuấn. Cùng nhiều đêm nhạc được các nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, Thụy Kha, Duy Thái phổ thơ của

Trần Sĩ Tuấn, như “*Ngã ba chiêu*”; “*Đêm nhớ Bác*”; “*Bạch Đằng trong sóng Trường Sa*”...

Một tấm lòng như thế, một tình người như thế, Trần Sĩ Tuấn rất xứng danh Tổng Biên tập Báo Sức khỏe & Đời sống, tờ báo chủ công của ngành Y tế. Bởi, tâm hồn người bác sĩ nhân văn luôn thấu hiểu, thấu cảm công việc của nghề y, ngành y theo dòng chảy nhân thế và thời cuộc để chất nhân sinh của báo chí càng đậm sắc màu trên từng con chữ, trên mỗi trang, chuyên mục của tờ báo, của mỗi kỳ báo, để thôi thúc lòng người luôn vươn tới cái hay, cái đẹp...

Tổng Biên tập là người cầm quân tinh luyện hệt như Tư lệnh trưởng. Nhất thiết phải là người nắm chắc đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có năng lực nắm bắt thực tiễn, gắn bó với cuộc sống đương đại. Hơn nữa, Tổng Biên tập phải có chính kiến, dám là mình, luôn đánh giá đúng sự thật, đưa lên mặt báo những thông tin đúng, trúng... Nói về điểm này, Trần Sĩ Tuấn nhấn mạnh: Phải tập hợp, đoàn kết tòa soạn thành một khối thống nhất!

Cầm trịch tờ báo, Tuấn tinh tường, sắc sảo trong biên tập, xử lý thông tin, nâng cao chất lượng tác phẩm và ấn phẩm. Điều này, dễ thấy nhất là ở những số báo đặc biệt. Tờ báo không chỉ đẹp, không chỉ phong phú số lượng thông tin, mà còn là thông điệp về giá trị hàm lượng chất xám của tập thể tòa soạn tạo nên, trong đó có vai trò không hề nhỏ của ban biên tập.

Tổng Biên tập Trần Sĩ Tuấn luôn chắc chắn trong từng kỳ báo trước khi quyết định chuyển đến nhà in. Đó là công việc, nhưng cũng là năng lực chỉ đạo, quản lý, lãnh đạo và điều hành bộ máy của tòa soạn, là tính năng động, trách nhiệm cao với công việc được bổ nhiệm. Đồng nghiệp và cán bộ dưới quyền nể trọng thái độ biết nhu biết cương; mạnh dạn trao quyền cho cán bộ, cho các phòng, ban. Hơn thế, anh rất để tâm khích lệ những việc tốt,

những bài báo hay; nhưng cũng nghiêm khắc với những ai sai phạm mà chậm sửa... Bởi thế, cả 100 người trong tòa soạn, 15 năm qua không ai để điều tai tiếng; không một ai lợi dụng nghề báo để dọa nạt, kiếm chác, để thu lợi bất minh!

Tòa báo Sức khỏe & Đời sống vẫn tọa lạc trong khuôn viên rất khiêm nhường của Bộ Y tế. Các phòng, ban làm việc vẫn còn chật chội. Nhuận bút tác phẩm vẫn eo hẹp... Vậy mà rất lạ, nhiều phóng viên tên tuổi đây đó vẫn tìm về “đầu quân” cho Trần Sĩ Tuấn. Rất nhiều, rất nhiều những nhà văn - nhà báo, những bác sĩ, những nhà văn hóa sáng danh vẫn cộng tác đều đặn với Báo Sức khỏe & Đời sống. Phải chăng dư âm đẹp từ noi bạn đọc đã cuốn hút người cầm bút! Khi tôi ngỏ ý nêu gương lên báo thì anh giãy nảy: Làng báo ta rất lầm người đa tài. Tôi nào đã hơn ai!

Với tôi (ké viết bài này), lâu nay vẫn thầm nghĩ: Trần Sĩ Tuấn là một trong những “Gương mặt trong treo của tờ báo”!

Báo Nhà báo & Công luận, năm 2019.

## VIẾT NHƯ LỜI BÁC DẠY



*Nhà báo Nguyễn Văn Chương*

**G**ắn bó với Nguyễn Văn Chương cũng bởi duyên cơ của nghề báo. Ấy là một chiều cuối năm 2006, trời Tây Bắc se lạnh, tôi được Ban thư ký Chi hội Nhà báo - Báo Điện Biên Phủ mời tới trao đổi nghiệp vụ cùng hội viên. Tâm đắc với tiểu luận “Trận bút trường Văn” của tác giả Song Long bàn về nghiệp báo trên tờ *Điện Biên Phủ cuối tháng*. Tôi cất tiếng hỏi: “Những người có mặt tại đây, có ai tên là Song Long?”. Nào ngờ, vị khách mời của Chi hội Nhà báo ngồi hàng ghế đầu giơ tay nhận, lại chính là Nguyễn Văn Chương, Phó Trưởng ban Thường trực, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Điện Biên!...

Từ ấy, mỗi khi đọc báo tỉnh cũng như báo chí Trung ương tôi thường để ý đến những bút danh của ông, như: Văn Chương,

Hoàng Son, Song Long, Nấm Linh Chi... Rộ rạt hon, gần đây, mỗi năm ông cho đăng cả trăm tin bài, cả trăm bức ảnh trên báo chí Trung ương và địa phương. Hơn thế, ông còn “ăm” về nhiều giải thưởng danh giá, như: Giải thưởng báo chí đầu tay của Báo Quân khu 2 với “Phía trước tôi là quân thù”; kịch bản sân khấu “Điện Biên đêm hội xòe”; giải Ba bút ký trong cuộc thi viết nhân kỷ niệm 80 năm truyền thống ngành Tuyên giáo “Đời người, đời nghề”... Gần hai năm nay, đĩnh đạc trong vai Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo, kiêm Trưởng ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh... việc bù đầu bù cổ, ấy vậy mà ông vẫn say với nghề báo, vẫn thủy chung “ăn nằm” với báo chí Điện Biên; vẫn chân tình, thân thiết với những người làm báo đó đầy tâm trong, đức sáng.

Là nhà báo đã sang tuổi “thở ra”, ấy vậy mà mỗi lần tiếp xúc với Vân Chương trên đất Điện Biên, ông như người truyền lửa tạo cảm hứng cho tôi háo hức đến với dân bản vùng sâu, vùng xa để tiếp nhận thông tin, để nghe dân, hiểu dân, vun thêm sức sống cho từng trang viết. Nói đúng ra, cũng bởi cái suy nghĩ lụn vụn trong tôi: Vân Chương chỉ là cộng tác viên, chẳng ai bắt cung không đâu buộc, vậy mà cứ say, rất say, say suốt mấy chục năm giờ cho tới tận bây giờ - Vậy thì có gì mình lại so đo! Một lần tôi hỏi ông: - Viết báo từ khi nào? Duyên có nào để “dan díu” với nghề “nghịệt ngã” này? Đôi mắt ngời ngợi, giọng khoi khoi, Chương nói:

- Cũng là cái duyên. Năm 1978, khi đang là công nhân kỹ thuật cơ điện tại Trạm bơm Chợ Lương, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thì được lệnh nhập ngũ, rồi tức tốc hành quân lên chốt ở bản Vàng Bó, Phong Thổ, Lai Châu. Cơ hội lớn được gần gũi dân bản, gần gũi chiến sĩ, biết địch, biết ta... nên mạnh dạn cầm bút viết tin bài gửi cho báo Đảng, cho Văn nghệ Lai Châu đăng. Lãnh đạo đơn vị nhìn thấy năng khiếu của Vân Chương nên giao cho việc ghi “Tin đọc chậm” trên buổi phát thanh Quân đội nhân dân. Thêm cơ

may để học hỏi, để rèn bút, để viết nhiều hơn. Dịp ấy Chương để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc là tác phẩm “Phía trước tôi là quân thù”. Sâu đậm, bởi cách nhìn sắc sảo, cụ thể, tinh tường; chi tiết về sự hung bạo, tàn nhẫn, vô đức, vô đạo của quân thù ngay cả với đồng đội của chúng (mà tôi, người biết điều này không tiện dẫn ra)... Trả ngũ, Văn Chương trả lại quê nhà, được bầu vào Thường vụ Huyện đoàn Duy Tiên, phụ trách công tác tuyên huấn. Nhưng rồi, theo yêu cầu của Đảng, năm 1985, Chương lại được điều lên tăng cường cho miền núi, làm công tác tuyên huấn tại Tỉnh ủy Lai Châu rồi Điện Biên suốt từ đó tới nay!... Tôi xen vào: - Ngày ngày ấy chắc vẫn đeo đuổi nghè báo? Văn Chương bật cười. Giọng hóm hỉnh: - Vẫn “ăn nằm” với báo Lai Châu hệt như với báo chí Điện Biên bây giờ. Với Chương, nghè báo luôn song trùng với nghè tuyên giáo!...

- Vậy là ông vẫn viết báo ngay cả cái thời không dễ viết? Tôi hỏi.

Văn Chương đáp:

- Đúng thế. Thời ấy, thời của “Nhất quân lệnh”. Nhưng viết báo đâu phải dạng ăn theo nói leo! Ngừng giây lát, Chương chuyển sang giọng kể: - Hồi ấy Chính phủ có văn bản quy định, đại thể: Mỗi cán bộ, công chức, viên chức ở bậc lương từ 405 trở xuống thì được 130 ký điện, bậc lương trên 405 - 555 thì được 150 ký điện giá trợ cấp. Vậy mà ông Phó Chủ tịch tỉnh Lai Châu lúc ấy lại ra văn bản thực hiện: Bậc lương từ 405 trở xuống chỉ hưởng trợ cấp 100 ký; bậc lương trên 405 được hưởng 170 ký. Như thế nghĩa là người nghèo bị xén bớt, người già lại được ông vun vỡ thêm! Sự vận dụng kỳ quặc này khiến Văn Chương phải viết bài nhằm làm rõ sai trái. Bài viết ký tên Mai Văn. Đáng tiếc, Tổng Biên tập Báo Lai Châu hồi đó không dám đăng. Chương đã phải thuyết phục Tổng Biên tập và đề chính danh Văn Chương - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy dưới bài viết để chịu trách nhiệm. Bài đăng tải trên

hai kỳ báo, thấu tối “Thiên đình”. Bí thư Tỉnh ủy triệu họp, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra văn bản hủy quyết định trên của Phó Chủ tịch tỉnh. Nhân thể Chương viết tiếp bài “Tính nghiêm túc, trách nhiệm của người đứng đầu tỉnh”... Rồi, khi rục rịch rời tỉnh về Điện Biên, chuyện nhà ở, vấn đề đất đai và vị trí đất đai noi ở trở thành vấn đề ầm ĩ. Chương liên tục viết bài cho báo xoay quanh chủ đích “Tính công bằng và quyền nhà ở của dân và công chức, viên chức”... Năm 2001, kinh tế có những biến động lớn. Tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí là quốc sách. Khi ấy, Điện Biên là một tỉnh nghèo, nhưng nhiều quan chức sử dụng ô tô công như của riêng mình; rồi tệ mừng tuổi, khao chức, cưỡi xin theo kiểu “hốt tiền” tràn lan... Với bút danh Nấm Linh Chi, Chương viết trên 50 bài báo trong mấy năm liền cho chuyên mục. Những bài như: “Dân ta tinh lắm!”, “Mỗi việc làm gương mẫu hơn ngàn mệnh lệnh”... trực diện ám chỉ những người lợi dụng chức quyền để vụ lợi, nói một đàng làm một nẻo gây xói lở lòng tin của dân với Đảng, chính quyền... Gần chục năm lại đây, bút danh Song Long khá dày đặc trên báo chí của tỉnh. Ông hào hởi nói với tôi: - Song Long - Hai kiếm rồng. Chém. Nhưng nhẹ nhàng thôi. Nói ngọt nhưng lợt tới xương mà ly! Chủ yếu phê phán những người có bệnh “quan”, thiếu trách nhiệm, xa dân, xa thực tế. Lúc tranh cử thì “nói như rồng leo”, nào là: sẽ làm tốt việc di dân tái định cư, sẽ nhanh chóng xóa đói giảm nghèo, sẽ... nhưng khi “vào cầu” thì “thực hiện dở hơn mèo mưa”! Phê phán đấy, nhưng mục đích là để nhắc nhở nhau, để kéo nhau đứng dậy làm tốt bốn phận của mình. Thế thôi! Tâm thức của người viết báo chúng mình là thế. Có mấy ai viết báo mà nên giàu đêu? Ấy vậy mà có vị “quan” vô vai nói nhỏ: - Chương ơi! Thôi. Viết lách làm chi. Chỉ tổ chuốc khổ vào thân. Mình có viết lách gì đâu mà vẫn đủ đầy!... Quả thực, tôi biết, Văn Chương có cả chục năm làm Phó Trưởng ban Tuyên giáo

Tinh ủy, rồi lên Trưởng ban... nhưng có lẽ vẫn là hạng đội số nghèo trong hàng quan chức tỉnh, vẫn khiêm nhường trong căn nhà bình dị nơi phố xép kề ngoại ô. Câu chuyện khiến tôi nhớ dịp về thăm làng Quan Phố, xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên nơi chôn nhau cất rốn của ông. Đầu làng là Khánh Long tự (đất con rồng). Giữa làng là ngôi đình lớn 700 năm tuổi. Cuối làng là nhà thờ đạo. Lương giáo thuận hòa. Cổng làng nổi lên dòng chữ cổ “Giác đại quang” (tạm hiểu là: “Tâm nhìn ra thế giới của làng”). Làng ông nghèo, nhưng là làng văn hóa; làng có học; ham học và ham làm việc nghĩa. Nghèo, nhưng tình sâu nghĩa đậm... Chả thế, các cụ noi đây đã thu tụ nhau lại góp của, góp công làm đường, giúp nhau xóa đói giảm nghèo. Nguồn mạch đất quê và tình người Điện Biên như thấm đẫm vào máu thịt Văn Chương. Bởi thế, ông luôn hiếu trách nhiệm tối thượng của người viết báo là vì một xã hội ngày một tươi đẹp. Cho nên, khi bị “chạm nọc”, Văn Chương có ngay lời đáp: “Mực tôi viết nhiều hơn rượu ông uống/Mực tôi viết, lời tôi nói cho triệu người say/Rượu ông uống chỉ mình ông say/Cùng lầm chỉ vợ con hưởng hậu ông say”! Chương cười xới lời, giọng chơi chơi, chan chan nhiệt huyết với nghề báo: “Báo chí - nghề vì xã hội. Càng làm, càng trải nghiệm, càng phải viết. Ta không giàu tiền của, nhưng giàu tình. Cái tình đọng mãi với đời người”.

“Tinh hoa hội tụ”. Tuổi đời có thể chênh nhau vài giáp, nhưng gặp nhau vẫn anh anh, em em; vẫn tiếng gọi mặn nồng: Đồng nghiệp oi! Chỉ những kẻ cơ hội, sống theo lối chụp giật mói ghét ta, xa lánh ta. Làm báo, viết báo luôn đau đói, đau nghè. Phải luôn vượt lên nghịệt ngã, nhọc nhằn đặc thù của nghề nghiệp. Phải có cách nhìn “xoáy”. Ví như người ta thấy vũng nước trên đường nhựa rồi đi tránh. Với ta lại trồi lên câu hỏi: Làm sao lại có vũng nước trên đường nhựa?... Khác những người làm báo chuyên

nghiệp. Vân Chương tự đến với nghề báo. Tự học, tự bồi dưỡng để làm báo, để viết nhiều, viết hay, viết đúng, viết trúng vấn đề. Ngay từ thập niên 90 thế kỷ XX, Vân Chương đã sử dụng thành thạo công nghệ thông tin... Hỏi về tác dụng của nghề báo (nghề tay trái) với nghề tuyên giáo. Vân Chương sôi nổi hẳn lên: Lợi thế của báo chí là hỗ trợ đắc lực cho nghề tuyên giáo, giúp cho người làm tuyên giáo tinh tường hơn, nhạy cảm hơn, gắn bó với cuộc sống đời thường hơn. Ngược lại, nghề tuyên giáo giúp báo chí nắm chắc thông tin chủ yếu của từng thời kỳ cách mạng đặt ra. Người làm tuyên giáo có nghiệp vụ báo chí sẽ hỗ trợ nhiều cho cách quan sát, nhìn nhận, suy ngẫm về sự kiện, về vấn đề đặt ra để xử lý thông tin và loan tin cho chính xác. Cho nên, nghề báo đích thực là cánh tay phải, nhưng cũng là trái tim của tuyên giáo. Báo chí là bạn đồng hành, là chuyển tải kép với người làm tuyên giáo. Thông tin báo chí luôn xoáy vào những vấn đề cuộc sống đặt ra. Theo sát, bám chắc những chủ đích của Đảng do tuyên giáo định hướng. Làm lãnh đạo tuyên giáo, nếu am tường báo chí, am tường văn học nghệ thuật sẽ vững vàng, tự tin trong chỉ đạo, không khi nào sợ chêch hướng!... Hắn là như thế, nên kể từ khi giữ vai trò Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Vân Chương vẫn say nghề báo. Viết nhiều hơn, khỏe hơn và hay hơn. Tôi hỏi cốt để chia sẻ:

- Chức trọng, quyền cao, hướng viết tôi và cách viết tôi của ông sẽ có gì thay đổi?

Ông đáp, giọng chân tình:

- Nghề báo - người viết báo phải lấy đạo đức nghề nghiệp làm trọng, làm đầu. Viết gì cũng phải hướng đến người đọc, người nghe, người xem. Cha ông ta dạy rồi: “*Viết sao cho lọt tai người/Để người cùng khóc, cùng cười với ta*”. Đương nhiên đó là việc khó. Muốn viết hay thì phải rèn giũa liên tục. Cũng như các nhà báo chuyên nghiệp, tôi vẫn viết về những vấn đề thời sự cuộc sống đặt

ra. Nhưng, đặc biệt chú trọng hơn vào đề tài và chủ đề về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, về việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, về chủ đề an ninh, quốc phòng - thế trận lòng dân ở Điện Biên, viết về tình người... Âu cũng là cách để đáp nghĩa, đáp tình noi đã dung dưỡng Chương khôn lớn, trưởng thành suốt ba mươi mấy năm qua. Nói tình người đúng như ai đó từng viết, họ luôn coi: “Người dung như người nhà” và “Tiền là phấn thổi/Tình là thiên kim”!

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*,  
Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012.

## CAO KIM (KIM TOÀN) - NHÀ BÁO - CHIẾN SĨ

**T**uổi xế chiều mới vỡ ra, tôi với Cao Kim (Kim Toàn) cùng tuổi, cùng nghề từ những năm 60 của thế kỷ XX, rồi sau nữa lại “cùng hội cùng thuyền”, cùng sớm tham gia Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội Nhà báo Việt Nam suốt mấy nhiệm kỳ. Toàn quê đất Cảng. Tôi đất Tố. Năm 1965, từ Báo Hải Phòng, Kim Toàn khoác áo lính, rồi vượt Trường Sơn vào làm phóng viên Báo Giải Phóng, cơ quan Trung ương của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, hoạt động tại chiến trường Nam Bộ và khu Sài Gòn - Gia Định cho tới ngày Nam - Bắc về trong một nhà (năm 1975). Tôi chuyển từ nghề giáo sang nghề báo cùng năm Kim Toàn ra trận.

Những năm đất nước mở đầu công cuộc đổi mới (1986), công việc làm báo và hoạt động Hội Nhà báo khiến chúng tôi gắn kết với nhau. Ấn tượng về một Kim Toàn trong tôi là nhà báo có thần thái tinh sắc, tự tin; thân hình dong dỏng, tính tình vui vẻ, hóm hỉnh và rất “giòn lời” khi bên phái đẹp. Hơn thế, anh còn là một nhà báo năng nổ đổi mới. Chả thế mà khi anh làm Tổng Biên tập, những cái mới, cái hay, cái điển hình, tiên tiến của đất Cảng, của thành phố Hoa phượng đỏ đều tràn lên mặt Báo *Hải Phòng*, lan tỏa rộng rãi khiến thiên hạ trầm trồ, ngưỡng mộ. Thêm nữa, những năm 90 của thế kỷ XX, Hội Nhà báo Việt Nam đều đặn hàng năm mở Hội báo Tết - báo Xuân thì báo chí Hải Phòng do Kim Toàn làm Chủ tịch Hội luôn hấp dẫn, sáng đẹp, tung bừng... Cho nên

tiếng nói của Kim Toàn thường “có nanh có mỏ” với chính giới; dân tin, tổ chức mến mộ...

Dám chắc, không riêng tôi mà đa phần những nhà báo trong Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam suốt các khóa V, VI, VII... ít biết, thậm chí không biết gì về Kim Toàn từng là “nhà báo - chiến sĩ” nhiều năm xông pha tại chiến trường, nồng nỗi, khôn khéo giữa sào huyệt địch với biệt danh Cao Kim. Tất nhiên có lý do chính đáng: bởi công việc cuốn hút, và cũng bởi Cao Kim vốn ít nói về mình. Thực vậy, khi cùng ở tuổi “xưa nay hiếm”, tôi mới nhận rõ cái “lớn lao” của “nhà báo - chiến sĩ” Cao Kim. Ấy là khi được xem những thước phim tư liệu về các nhà báo - chiến sĩ do Bảo tàng Báo chí Hội Nhà báo Việt Nam trình chiếu, ở đó Cao Kim là minh chứng đẹp, sinh động của những chiến sĩ báo chí dũng cảm tại chiến trường Nam Bộ và Khu Sài Gòn - Gia Định suốt gần 10 năm ác liệt nhất cho tới ngày toàn thắng. Cũng còn vì mấy năm lại đây, chúng tôi liên tiếp được đọc những cuốn sách về đề tài làm báo ở chiến trường do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội ấn hành của Cao Kim, như: *Làm báo ở chiến trường - chuyện những người trong cuộc*, *Cánh chim nhỏ giữa sào huyệt địch* và mới đây, nhân kỷ niệm 45 năm non sông thu về một mối, anh lại có thêm cuốn sách *Viết trong lửa đạn*. Những ấn phẩm trên đều được Nhà nước đặt hàng, in với số lượng cả ngàn cuốn, mấy cuốn trước còn tái bản có bổ sung. Tôi đọc cốt để nếm trải sự đời của bạn bè. Đọc say sưa, tự hào bởi đồng nghiệp của chúng ta, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam thân yêu của chúng ta dũng cảm chiến đấu, ngày đêm gian khổ lăn lộn tác nghiệp giữa dày đặc đạn bom, nhiều phen ở lằn ranh mỏng manh giữa sự sống và cái chết. Để rồi tự xuýt xoa: gần 10 năm liên tục cầm súng chiến đấu và viết giữa tiền tuyến lớn, Cao Kim rất xứng là nhân vật trụ cột cho ai đấy có thể tạo nên tiểu thuyết lớp lang, chương mục đậm chất ly kỳ, dị biệt. Bởi, cơ quan Báo Giải Phóng tại

mặt trận và đồng đội đã từng làm lẽ truy điệu Cao Kim, cạn nước mắt vì tiếc thương và luôn cầu mong anh sống khôn, chết thiêng phù trợ vạn sự tốt lành. Nhưng rồi sau ít tháng, Cao Kim băng xương băng thịt lại xuất hiện ở chiến khu trước sự ngỡ ngàng của đồng nghiệp, đồng đội. Căn nguyên “báo tử” là trong trận đánh ác liệt chống địch phản kích nơi cửa ngõ phía tây nam thành phố Sài Gòn ngày 08/3/1968, giữa bung biển sinh lây, Cao Kim cùng đồng đội kiên cường chiến đấu phá vây, đôi bên cùng tổn thất rất nặng nề. Sau trận đánh, trong số những chiến sĩ bị thương nặng, có một người thân hình biến dạng, hy sinh khi đưa tới Trạm quân y tiền phương Phân khu 3. Người ta phát hiện trong túi áo ngực liệt sĩ có giấy giới thiệu sinh hoạt đảng mang tên Cao Kim. Thì ra, đó là giấy chuyển sinh hoạt đảng do Cao Kim nộp cho anh Hai Ca, Bí thư Chi bộ kiêm Đội trưởng đội vũ trang tuyên truyền T4 từ hôm gia nhập đơn vị này, nhưng Hai Ca chưa kịp lưu vào hồ sơ chi bộ...

Cao Kim viết báo nhưng báo rất đậm chất văn, ấy là nghệ thuật chuyển tải thông tin, là cách thức sử dụng ngôn từ linh hoạt, chính chuẩn cho mỗi thể loại, mỗi bài viết của anh. Cái thật chiếm giữ lòng tin của người đọc chính là tư liệu, là chi tiết, là sự kiện, là con người, là chứng cứ, là bản chất vấn đề mà anh thể hiện khá rõ trong cuốn sách *Làm báo ở chiến trường - chuyện những người trong cuộc*. Nhiều gương mặt tên tuổi của làng báo, làng văn “những người trong cuộc” này rất đỗi sáng danh. Đó là nhà báo, nhà văn Hồng Châu (Thép Mới), Trưởng Tiểu ban Báo chí miền Nam kiêm Tổng Biên tập Báo Giải Phóng, người từng đột nhập Sài Gòn - Gia Định, tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy lịch sử của quân và dân ta mùa Xuân Mậu Thân 1968; là nữ nhà báo Bảy Vân (Nguyễn Thụy Nga), phu nhân cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, cựu Ủy viên Ban Biên tập Báo Hải Phòng, bí mật trở về miền Nam quê hương trên đoàn tàu không số ròng rã hơn hai tháng lênh đênh trên biển mới

cập bến Rạch Gốc, Cà Mau; là nhà báo Trần Đình Vân (Thái Duy) với tập ký để đời *Sống như Anh*; là nhà báo Bảy Lý (Võ Nhân Lý), Giám đốc Thông tấn xã Giải phóng, và rất nhiều nhà báo chiến tích đầy mình với nghề báo, như: Nguyễn Hô, Tuất Việt, Đinh Phong, Hoài Vũ, Thế Phiệt, Mai Trang, Trương Thị Mai, Đặng Văn Nhựng, Lê Thế Thành,...

Cho dù năm tháng đã xa đi, tư liệu khai thác, lưu giữ lùi dần trong dĩ vãng, nhưng lửa lòng với nghề viết của Cao Kim vẫn rực cháy, cháy hết mình, rất sáng rõ ở tập truyện ký *Cánh chim nhỏ giữa sào huyệt địch* với kết cấu lớp lang, đan cài tình tiết theo sự kiện, xâu nối vấn đề mạch lạc. Viết ký chân dung nhân vật là thể loại khó, đòi hỏi tính xác thực, trung thực, không hư cấu, bịa đặt, buộc người viết phải kỳ công khai thác từng chi tiết nhỏ của nhân vật; kỳ công thu thập tài liệu từ mọi nguồn, mọi ngả để dựng nên hình tượng về một con người hệt như bức tranh tổng thể, sống động. Điều này thì Cao Kim đã làm hon thê. Anh là người trong cuộc, gắn bó với đồng đội, với nhân vật nữ giao liên quân báo Minh Nguyệt (Sáu Thắm) ở nội đô Sài Gòn - Gia Định thầm lặng, kiên trung, mưu trí, lanh lợi, dũng cảm, góp công không hề nhỏ vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Qua tập truyện ký, chúng ta không chỉ nhận ra sự kỳ công khai thác tài liệu bằng mọi cách: nghe, nhìn, gấp gỡ, hỏi han, xem xét, ghi chép, nghiên cứu tổng thể, sắp xếp chi tiết để thể hiện, mà còn bằng cảm xúc mãnh liệt, chân tình của mình qua bút pháp kể, tả, thuật, bình bàn... khiến người đọc bị lôi cuốn, đọc rồi để nhớ, để thấy phải tri ân, phải nhớ ơn, phải sống sao cho xứng với những tấm gương hy sinh anh dũng của chiến sĩ, đồng bào ta và với lịch sử cách mạng vẻ vang của dân tộc!

Xông xáo, đắm mình với nghề báo, là ấn tượng của người đọc về nhà báo - chiến sĩ Cao Kim rất đắm, rất sâu trong cuốn sách *Viết trong lửa đạn*. Sách dày 320 trang, in đẹp, trang trọng. Biên soạn chỉn

chu gồm những bài viết của tác giả đã đăng trên Báo *Giải phóng*, các bài báo xuất bản tại chiến trường cùng nhiều bài đăng trên báo chí miền Bắc và phát trên Đài Phát thanh Giải phóng... Là người cầm súng trực tiếp chiến đấu; cầm bút, cầm máy ảnh tiếp nhận thông tin, lưu giữ hình ảnh; đột nhập Sài Gòn - Gia Định từ trước Tết Mậu Thân, đi sát các đội biệt động và các phân đội quân Giải phóng nên Cao Kim mới có ghi chép “Sài Gòn rực lửa đầu Xuân” sinh động, hùng hực khí thế đến vậy. Bài viết và cuốn sách đã lấy khá nhiều nước mắt của tôi về những tấm gương hy sinh của quân Giải phóng, của đồng bào đô thành Sài Gòn - Gia Định qua những dòng thư dặn lại các chiến sĩ quân Giải phóng đặt trên bàn khách hoặc viết sau cánh cửa, khi gia đình phải tạm lánh ra khu vực an toàn. Họ với những cái tên mộc mạc, bình dị: “Tư xe ngựa”, “Năm Đen”, “Sáu thợ may”... ghi rõ noi gia đình để gạo, mắm, bánh tét, trái cây..., và dặn các chiến sĩ cách mạng cứ tự nhiên sử dụng, khỏi phải trả tiền. Nhưng các chiến sĩ ta vẫn gửi tiền và để lại thư cảm ơn... Là lòng biết ơn đối với hai anh bộ đội Giải phóng “người đồng minh” Nguyễn Văn Hùng quê Nam Bộ và Vũ Hồng Luân quê đất Tổ, cán bộ Đài Phát thanh Giải phóng đã xả thân che làn pháo địch cho hai cháu nhỏ ở khu cầu Bình Tiên, Chợ Lớn, giữ mạng sống cho hai cháu, nhận sự hy sinh về mình! Là những bài bút ký thấm đẫm tình dân với cách mạng, như: “Chuyện má Tư Trầu”, “Tiếp lửa cho nội thành”, “Trận phá vây bên dòng Vầm Cỏ”; như những chiến sĩ quả cảm trong “Sau giờ nổ súng”, “Đấu ấn K2 giữa vùng Tam giác săt”, “Sáng mãi tên anh”; như những bài thể luận đanh thép, sắc sảo: “Kế hoạch “Việt Nam hóa” chiến tranh trước nguy cơ thảm bại”, “Lập trường chính nghĩa, thiện chí hòa bình, thái độ nghiêm chỉnh”... giữa lửa đạn, dù thấy Cao Kim là cây bút đa năng, chữ nghĩa, bài viết ở mỗi thời điểm hệt như vũ khí đặc dụng, sát thực, có sức lay động sâu tâm thức người đọc!...

*Viết trong lửa đạn* là cuốn sách chứa nhiều thông điệp có ý nghĩa. Nó giúp ta hiểu thêm về cuộc kháng chiến vĩ đại vì độc lập, tự do của dân tộc, về cuộc chiến tranh phi nghĩa của đế quốc Mỹ xâm lược, về hoạt động báo chí tại chiến trường và sự hy sinh thầm lặng của các nhà báo cách mạng". Tôi yêu thích cách nhận xét này của Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Nhân Ngày Báo chí cách mạng 21/6, tôi muốn nói thêm rằng: Cao Kim (Kim Toàn) nhà báo - chiến sĩ rất đúng nghĩa: "Nhà báo cũng là chiến sĩ cách mạng", đúng như lời Bác Hồ kính yêu từng dạy bảo các nhà báo chúng ta!

Báo Nhà báo & Công luận, ngày 21/6/2020.

## LẦU A VÀNG - NHÀ BÁO “CẮM BẢN”!



Nhà báo Lầu A Vàng

Lầu A Vàng, người dân tộc Mông, phóng viên Báo Điện Biên Phủ. Anh là nhà báo được đào tạo chính quy tại Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền) từ những năm đầu thập niên 90 thế kỷ XX. Từ năm 2005 trở lại đây, chấp hành chủ trương của tỉnh Điện Biên, Lầu A Vàng được toà soạn phân công xuống “cắm bản” giúp hai xã Pú Hồng và Phình Giang, huyện Điện Biên Đông xóa đói, giảm nghèo. Chỉ mới ngắn ấy thời gian, anh đã làm không ít việc khiến đồng nghiệp vô cùng nể trọng, phong cho anh cái tên “đắc địa”: Ông cắm bản!

Tôi, kẻ viết bài này, may mắn có nhiều dịp được ăn ở cùng anh ở các bản vùng dân tộc sâu xa, được chứng kiến việc anh làm

giúp dân bản đưa giống mới vào nương rẫy, đưa cây trúc, cây tre lấy măng về bản, chuyển chuồng trâu ra khỏi gầm sàn, làm thuỷ lợi nhỏ để tăng vụ lúa, chặn nạn phá rừng...; được thấy anh "cầm tay" chỉ việc cho dân bản, việc thật, chuyện thật.

Gặp nhau ở trung tâm xã, vị cán bộ Ủy ban nhân dân xã Pú Hồng, huyện Điện Biên Đông, khấp khởi thông tin:

- Nhà báo hả. Lầu A Vàng hả. Có đơn xin thịt bò đây này. Nhà nó mời chúng mình cùng dự cuộc rượu vào 12 giờ trưa mai đấy. Ta xuống nhé!

- Sao hả. Mày bảo sao hả. Ai xin thịt bò kia chứ?... Vàng hỏi, giọng xa lạc hẳn đi. Không đáp lời, vị cán bộ Ủy ban xã cầm đôi mắt vào chiếc túi thổ cẩm sắc màu sặc sỡ đeo chéch bên sườn phải, hai tay hấp tấp lục lọi các ngăn túi rồi hấp hối rút ra một tờ giấy gấp góc, ấn tận mặt Lầu A Vàng:

- Đây. Nhà báo đọc đi. Nó nói tất tật ở trong này rồi! Không thể tin vào mắt mình được nữa. Đọc xong, gấp tờ đơn lại, Lầu A Vàng lại giở ra xói mắt vào những con chữ nguệch ngoạc của người viết đơn cùng vòng dấu đỏ trùm lên cả hai chữ: Đồng ý (ký tên thay mặt chính quyền). Vàng lẩm bẩm:

- Vậy là cái mắt bắt mình phải tin rồi! Tự dung anh chuyển giọng giận dữ: - Chết thật. Thế này là thế nào? Sao lại thịt bò mẹ! Vàng nhớ lại, con bò lớn mà họ định thịt chính là mẹ con bê lông vàng ướm, anh thay mặt Toà soạn Báo Điện Biên Phủ đứng ra chọn và mua của một gia đình người Mông ở bản Pú Hồng A. Đích thân anh cùng gia đình của người bán, đuôi đôi bò đi bộ ròng rã cả ngày suốt mấy chục cây số đường núi, về bản Nậm Ma của dân tộc Kho Mú trao cho ông Pít Văn Kẹo như một sự chọn mặt gửi vàng. Nghĩ như vậy, Lầu A Vàng lại không thể nào tin vào những chữ trong tờ đơn. Lại lần nữa Vàng đưa cả hai tay nâng tờ giấy lên, hướng về phía mặt trời đang lúm đóm chõ

ngủ bên rặng núi ngất ngưởng ở phía tây, xói măt vào tùng chũ, giọng gằn giật:

- Lạ! Lạ quá! Thế này là thế nào nhỉ? Xin thịt, chỉ vì bò không nghe lời là sao cơ chứ? Chả nhẽ ông ta quên không cho bò ăn muối nên nó nhớ chủ cũ lồng chạy! Không được. Đã thịt bò mẹ thì cũng có nghĩa là họ sẽ thịt nốt cả bò con. Cắt nguồn sữa thì toi chú còn gì! Của giống má. Thiên hạ giàu lòng phúc đức cưu mang giúp đỡ để vượt qua đói nghèo. Sao nõ!...

Lầu A Vàng nghiêm nét mặt, vầng trán rộng nhô cao chắc định như miếng gỗ nghiến, đôi mắt to sáng như hai chiếc đèn pha rọi thẳng vào khuôn mặt vô cảm của vị cán bộ Ủy ban xã, giọng rít rả:

- Không được. Anh báo lại ngay với Chủ tịch xã. Không thể dễ dàng như thế này được. Ngày mai tôi sẽ đến Nậm Ma yêu cầu ông ta không được giết con bò ấy!

- Được mà. Lầu A Vàng ơi. Được mà. Bò không nghe lời thì nuôi làm gì cho phí công!

- Không thịt được. Với lại đơn này đâu phải của ông Pít Văn Kẹo. Ông ta hiện là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Pú Hồng cơ mà. Với lại một chũ bé làm đôi không biết, làm sao ông ấy tự tay viết được đơn? Vàng khẳng định.

- Đơn của nó thật mà. Nó nhờ cán bộ ta viết thay mà. Nhà báo Lầu A Vàng nhìn lại đi. Chữ ký là của nó thật mà. Nó mời mình trưa mai về bản uống rượu rồi đấy. Đừng làm nhỡ việc nó. Tiện thể nhà báo cùng dự cho vui. Bò người ta cho mình, không nuôi thì thịt, đã sao. Gây khó cho nó làm gì để mệt vào thân!

Đêm xuống. Chén rượu xuống thay bữa. Điều thuốc cuốn xoá đi giấc ngủ. Rượu chát. Thuốc đắng. Đêm đắng đắng. Cái nghĩ từ đâu cứ ùn về lay lẩy. Lầu A Vàng muốn hoá thân làm con chim của rừng thăm núi dày, bay ngay về Nậm Ma để cứu vớt mẹ con con bò tội nghiệp. Thả mắt nhìn ra bìa rừng, đêm cuối tháng, trời Pú

Hồng đen như mực mài. Lắng tai, tiếng suối đổ nhẹ phía chân đèo bên rặng Pú Hồng ngắt ngưởng gọi Vàng nhớ lại nơi ấy là con đường mòn Pít Văn Kẹo vẫn chạy bộ cả ba tiếng đồng hồ liền từ sáng sớm để lên xã kịp họp, và chiều xuống cũng lại chạy bộ từ đây để về kịp bữa vào lúc lên đèn... Lâu A Vàng khẽ khàng lần cầu thang bước xuống gầm sàn, ấy chiếc xe máy cọc cách ra bãi đất trống phía đầu hồi, như ga... Nghe động, già bản (chủ nhà Vàng ở) đằng hắng, cất giọng đầy quyền uy:

- Lâu A Vàng hả? Mày đi đâu trong đêm khuya khoát này?

- Tôi cần về Nậm Ma. Có việc gấp!

- Mày nhớ bạn gái hả? Hãy nén ngay cái nhó cái thương lại. Ma quý trên ngọn Pú Hồng không để mày yên đâu. Từ xa xưa đến nay chưa ai dám qua đấy vào giờ này đâu. Vàng ạ! Mày phải nghe tao!

Trở lên sàn nhà. Vàng rùng mình nghĩ đến đỉnh Pú Hồng, nghĩ đến hang rồng nơi đêm đêm thường vọng ra những tiếng gầm rú của quý thần báo hiệu sự lành dữ của đất trời trong năm theo lời truyền kế của dân bản. Nhưng rồi chuyện con bò, con bê và hình ảnh dân bản Nậm Ma của người Kho Mú ở thượng nguồn sông Mã cứ hiển hiện trong đầu, trong óc, trong mắt anh không sao cất giấu nổi. Nơi ấy, mấy tháng trước Vàng cùng tổng biên tập và cả những nhà báo cao tuổi ở Trung ương đã lặn lội về đây thăm dân bản Nậm Ma - bản nghèo khổ nhất trong các bản dân tộc thiểu số của huyện Điện Biên Đông. Đoàn nhà báo đã mục thị cảnh đồng đảo các cháu nhỏ nơi đây da vàng, bụng ống, đít vòn; cảnh giá lạnh; ốm không có thuốc, học không có trường, nhà cửa dân bản tuềnh toàng, sàn nhà lè tè sát đất. Trâu, bò, lợn, gà thả rông, trẻ nhỏ cũng thả rông dưới gầm sàn. Mùa khô hanh lầm bụi. Mùa mưa lầy lội, ô nhiễm, xú uế nồng nặc. Cả bản không nhà nào có công trình vệ sinh. Khách tìm nơi đại tiện, dân bản trao cho chiếc gậy, chỉ ra vệ rừng. Quần tụt chưa tới khoeo, chưa kịp ngồi xuống

thì chó, lợn, gà đã tranh nhau xông tới săn sàng cướp “khẩu phần”... Khách chỉ còn cách tót lên cành cao để giải thoát!...

Tình cảnh ấy của Nậm Ma được các nhà báo thông tin nhanh trên công luận, đã khen gọi lòng yêu thương, chia sẻ của biết bao con người ở khắp mọi miền đất nước gom góp tiền, hàng chuyển về tận nơi giúp dân bản.

Cũng từ đây với chức phận của cán bộ cắm bản, theo đề xuất của Lầu A Vàng, Ban Biên tập Báo Điện Biên Phủ đã chuyển một phần tiền tài trợ của quỹ Unilever Việt Nam và quỹ của Công ty BAT để góp phần làm sạch môi trường ăn ở cho dân bản Nậm Ma bằng việc làm chuồng nuôi, nhốt gia súc theo kiểu trang trại, bằng việc trồng cỏ voi, cỏ pát để làm thức ăn vụ khô hanh cho gia súc. Gom phần tiền từ thiện của các nhà hảo tâm để mua trâu, bò giúp đỡ các hộ nghèo, theo đúng nghĩa “trao cần câu” chứ không chỉ lo cho “xâu cá”. Vậy mà... vì sao của giống vốn... ông Pít Văn Kẹo lại nỡ đem thịt? Lạ nhỉ?

Tiếng chim chiu chiu chiu như đếm nhịp thời gian (Vàng không biết người ta đặt tên cho nó là gì), cứ liên hồi vọng lên từ ngọn núi chót vót đỉnh trời phía tây lúc mau, lúc thưa như cảng bồng, vút lên, vang xa rồi lại như gấp gáp gả thu về. Có lẽ loài chim ấy nhỏ xíu nhưng trường thanh, quen sống ở chốn cao xanh nên chẳng ai tường tận. Hình như từ đỉnh trời tối cuối đất, nơi đâu loài chim này cũng góp tiếng đếm nhịp khi trời chuyển vào đêm. Hồi còn ngồi trên ghế Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội, tiếng chim đếm nhịp ấy từng gọi cho Lầu A Vàng nhớ đến bản Bon B của người Mông, nơi vợ và mấy đứa con thơ đang nhọc nhằn sinh sống. Khi tiếng chim đếm nhịp cất lên cũng là lúc anh trở dậy chong đèn nghiên ngâm bên chồng tài liệu, sách vở... Mới đây, Toà soạn ưu ái cho Vàng đi nghỉ ở bãi biển Cửa Lò, tiếng chim đếm nhịp ấy lại vút lên khiến anh da diết nhớ về

Phình Giàng, về Pú Hồng nơi anh góp trọng trách giúp dân xóa đói giảm nghèo còn ùn ắp biết bao công việc dở dang. Ở đây, thời gian trôi trôi như nước biển mặn mòi. Trở về với bản, đêm đêm mỗi khi trở giấc, nghe tiếng chim đếm nhịp chiu... chiu... chiu..., Vàng thấy hương rừng hương núi tràn về phả lên giấc ngủ ngọt ngào mát rượi cho tới tận lúc ông mặt trời gersh đầu lén chân trời phía đông... Vậy mà đêm nay, vẫn tiếng chim ấy lại cứ như căng như kéo, không để cho lòng anh yên, không cho anh chợp mắt. Tiếng chim vẫn thủng thẳng đếm nhịp. Vàng vùng dậy. Hai tay ghì lấy chiếc gối bằng bông lau to xụ để ôm vào lòng. Những ý nghĩ xô về lung bung. Tự dung Vàng bật cười nhó đến câu “triết lý”: “Đấy! Cái lý của người Mông ta đấy!” do nhà văn nào ấy đã đặt cho mỗi khi sự đời tắc ty lý lẽ!... Chuyện cũ như cuốn phim đầy sắc màu cứ hối hả tua đi trong cái đầu cái óc của anh không sao dừng nổi. Đấy là cảnh: “Ngày đầu tới xã Phình Giàng của người Mông, Vàng thấy đàn trâu bò của đồng bào, con nào cũng nhỏ thó chẳng con nào nhinh hơn con cừu, con dê ở dưới xuôi. Vàng nghĩ ngay đến việc phải giúp dân cải tạo đàn giống. Đề xuất của anh có đủ lý lẽ, được Ban biên tập chấp nhận. Đôi bò đực giống to đùng được đích thân Tổng Biên tập Hoàng Văn Thành cùng Lầu A Vàng tìm mua ngay tại thành phố Điện Biên... Mất mấy kỳ hẹn, Ban biên tập báo mới đón được Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch xã Phình Giàng tới. Họ trở thành thượng khách. Xe bốn chỗ mới toanh chờ họ tới tận nơi để nhận quà là đôi bò đực giống. Phía chủ ai ai cũng lộ vẻ hân diện vì được tặng cho địa phương cả đôi bò giống loại thượng đẳng trong làng bò của tỉnh. Ai ngờ, Chủ tịch, Bí thư đánh mắt nhìn nhau, lắc đầu quày quậy bỏ đi, miệng rít:

- Không lấy đâu. Chịu thôi. Không lấy đâu. Bò của ta nhỏ lắm. Chúng hâm chết bò của dân ta mất thôi. Không nhận đâu. Ta về đây!... Lầu A Vàng đứng ngây ra. Tổng Biên tập Hoàng Văn Thành

ú ó với theo cỗ kiết giải thích. Thành càng nói họ càng chạy. Chiếc xà cột lộc xộc sau đai quần của họ như giãy đạp muối bứt ra, trụt lại phía sau!

Mấy tuần sau, Tổng Biên tập đích thân vào bản Chả, gấp Vi Văn Đôi, trưởng bản dân tộc Thái của xã Pú Hồng, theo đề xuất của Lầu A Vàng. Vi Văn Đôi vốn xưa là lính biên phòng, biết cách làm giàu. Nhà ông ta có túi mẩy chục con bò, con bê. Khốn nỗi con nào cũng nhỏ thó. Nghe Tổng Biên tập và Lầu A Vàng giải thích tạo vốn giúp đỡ để cải tạo đàn giống, ông ta ưng ngay... Để chắc ăn, lần này Ban Biên tập phải nhờ kỹ sư Bùi Văn Dũng ở Sở Nông nghiệp tỉnh làm tư vấn, giúp báo mua chú bò giống mới lớn để họ đỡ sợ. Trưởng bản Vi Văn Đôi cũng được đưa đón, tiếp đãi cẩn trọng như thượng khách. Thấy chú bò dáng vẻ hiền lành ông ta lộ vẻ lăn tăn về năng lực giống đực của nó. Được kỹ sư tư vấn giảng giải, lại biết thêm giá con bò những non chục triệu, Trưởng bản vui vẻ hẵn lên. Tòa soạn thuê hẵn cả chuyến xe tải để chở bò về giúp ông. Vậy mà ông ta không chịu, nhất định đòi dắt bộ. Hỏi giá công dắt bò, ông trả lời tinh khôn: Nó phải đi bộ, công cho nó 300 ngàn. Công ta dắt nó 500 ngàn! Cái lý của Trưởng bản là vậy. Tòa soạn dành vui vẻ chấp nhận... Ròng rã suốt 3 ngày 3 đêm, chú bò (giống Palátma - dòng Úc) mới về đến bản. Dân bản Chả lũ lượt kéo đến xem. Nhìn tướng mạo to lớn oai vệ của chú bò, người ta phong ngay cho nó cái tên rất oách: - "Bò Vua"! Thấy "Bò Vua" khỏe mạnh, ăn nhiều; ngay ngày hôm sau, Trưởng bản đưa "Vua" lên nương vực cà. "Vua" quy ngay trên luống cà; thoi ăn, thoi uống suốt cả tuần lễ. Vi Văn Đôi định bụng dắt bò đi trả. Được tin, Lầu A Vàng tức tốc tìm đến. Nhìn chú bò thả mõm thườn thượt dưới nền đất, mắt nhèm nhử vón cục, nước mắt Vàng trào ra. Anh cặn kẽ giảng giải với Trưởng bản: Đây là chú bò non, tuy to lớn nhưng chưa thể kéo cà. Và lại chức phận chính của nó là phổi giống! Theo lời thỉnh cầu của Vàng,

Tổng Biên tập báo quyết định chi một tạ ngô xay để bồi bổ cho "Bò Vua". Nhờ thế, đến nay "Bò Vua" đã thực hiện đúng chức phận: Cải tạo giống bò địa phương! Từ đấy Vàng rút ra: Muốn giúp dân bản ở vùng sâu, vùng xa phải theo cách - Cầm tay chỉ việc!... Phải nói được tiếng nói của dân tộc!". Nghĩ đến đây, tự dung dấu hỏi lớn như xoáy vào trí não của Vàng: "Vậy thì căn cứ gì Pít Văn Kẹo lại đệ đơn xin thịt bò giống! Cái lý của người Kho Mú là gì?... Mà, Pít Văn Kẹo đã lôi bò ra thịt được thì hà có gì 7 - 8 nhà được hỗ trợ bò cùng đợt ấy sẽ giữ lại để nuôi?".

Tiếng chim đếm nhịp thời gian lặn tắt. Phía bên kia rặng Pú Hồng sắc trời mõ gà hình rải quạt hiện dần lên dòn cái đêm chìm dần vào lòng đất. Vàng vùng dậy đi như nhảy xuống sân, nổ máy xe. Lao đi như gió thốc. Tới đập tràn thượng nguồn sông Mã, nước dâng cao, Vàng bò xe lại, cút lội qua đập, cầm cuí chạy bộ. Tới rìa bản Nậm Ma, Vàng đã hít thấy mùi khói lửa. Rất may, mẹ con con bò vẫn đứng dựa vào chiếc cột giữa sân, đợi giờ hành quyết. Thấy Vàng, nó ngẩng lên. Anh âu yếm gọi nó ăn muối:

- Vó vở, - vó vở, - vó vở! Hai mẹ con con bò sán đến liếm láp đôi tay của Vàng như hôn như hít!... Bất chợt gấp Lầu A Vàng, Pít Văn Kẹo tuột tay roi cả xô nước, giọng chầm bặt:

- Lầu A Vàng. Mày ở đâu ra thế này. Hay quá. Bữa nay phải uống thâu ngày thâu đêm với Nậm Ma ta nhé!

- Được đấy. Bằng thịt bò chứ gì? Vàng điềm tĩnh nói.

- Nó bướng bỉnh lắm. Không nghe lời ta đâu. Làm đơn rồi. Phải thịt thôi. Không thì nó cũng đi mất!

- Được thôi. Tôi sẽ đỗ một tay. Nhưng hãy pha trà đi, rồi gọi giúp tôi cả 6 - 7 gia đình đã được tặng bò, tới đây uống nước!

Phút chốc họ tới đủ. Tay bắt mặt mừng, nhưng rồi ai cũng như ai đều tố tội những con bò bướng bỉnh, nói không nghe, dạy không được. Rằng ở rừng, chả nhẽ lại nuôi bò nhốt quanh năm, cắt cỏ,

bê nước cho nó uống. Rằng nhà neo người, chẳng biết có kham nổi của giống má này không?... Dân bản kéo tới mỗi lúc một đông. Họ cứ nói, Vàng cứ nghe, không một lời cắt ngang. Đến lúc không còn ai nói nữa Vàng mới nói. Nhìn khắp lượt dân bản bàng ánh mắt thân gần, chăm chú, anh cất lời, giọng âm âm trầm ấm:

- Tôi hỏi thật bà con. Nếu như ta dạy được bò, bảo được bò, thì bà con thích nuôi hay thích làm thịt?

Tất cả đồng thanh:

- Ô! Nuôi chú, phải nuôi chú!

- Đúng. Phải nuôi. Nuôi thật tốt. Bò mẹ phải đẻ thêm bò con. Bò con lại lớn làm mẹ, đẻ tiếp, tiếp mãi! Ngừng giây lát, Vàng chuyển giọng, chậm và chắc: Đây là tiền của, là công sức, là xương máu, là tình nghĩa của bà con từ khắp mọi miền đất nước, gom góp gửi giúp dân bản ta. Bà con biết không, ở đó có công sức của những nhà sư chùa Linh Sơn, Thanh Nhàn, Hà Nội; có cả tiền hưu của những cụ già tám, chín mươi tuổi; của các cháu, các em; các nhà doanh nghiệp, các nhà báo lặn lội tới tận đây trao tặng. Họ chẳng bao giờ mong được ta tri ân, mong ta trả ơn. Tôi là người Mông, tôi biết điều ấy... Cho nên, ngay lúc này ta phải bảo nhau cách dạy bò. Nó sẽ vâng lời. Đừng thịt nó vào lúc này. Khi nào bò đông đàn đông lũ, thịt con nào là quyền của bà con ta!... Vàng nói, Pít Văn Khăm, Phó bản thao tiếng Kinh đã dịch lại. Nhiều bà con đưa tay chấm chặng những giọt nước mắt lăn lăn trên gò má... Ngừng lời, Vàng bảo:

- Ông Kẹo, ông thả bò ra đi!

- Ô, không được đâu. Nó chạy vào rừng mất thôi!

- Vậy thì ông thử gọi bò về ăn muối đi!

Pít Văn Kẹo lên tiếng gọi:

- Trà trà, trà trà! (tiếng Khơ Mú).

Mẹ con con bò vùng chạy. Vàng hối thúc:

- Ông lệnh cho nó dừng lại đi!

- Xù xù, xù xù! Đôi bò vẫn cầm cổ chạy.

Vàng lại hối thúc:

- Vậy thì ông đuổi cho nó chạy tiếp đi!

Pít Văn Kẹo ngó ra, nhưng vẫn thực hiện yêu cầu của Vàng:

- Dự dự, dự dự!

Tự dung đôi bò đứng lại, ngoảnh cổ nhìn gia chủ vẻ đeo dò. Pít Văn Kẹo được thể lên giọng:

- Lâu A Vàng. Mày thấy chưa. Bò không bảo được. Thả vào rừng thì cũng bằng không. Tiếc của nên mình mới xin thịt thôi!

Vàng đứng lên, đưa mắt thân thiện nhìn mọi người:

- Tôi thành thực xin lỗi bà con. Tôi có lỗi. Tôi xin nhận lỗi. Gần chục con bò này tôi mua nó ở bản Pú Hồng A của người Mông, bò quen tiếng của người Mông nên lạ tiếng của người Kho Mú ta. Vì vậy ta phải nói với nó những tiếng thông dụng của người Mông xen với tiếng của dân tộc ta. Đại thể, gọi bò về ăn muối để quen chuồng, quen bản thì tiếng Mông là: Vó vở, vó vở! Tiếng Kho Mú là Trà trà, trà trà! Gọi bò dừng lại thì tiếng Kinh là: Họ! Tiếng Mông là: Chả chả! Tiếng Kho Mú là: Xù xù! Thúc bò đi thì tiếng Kinh là: Đi! Tiếng Mông là Trò trò! Tiếng Kho Mú là: Dự dự!...

Dân bản Kho Mú ồ cà lên. Cười nói râm ran. Phó bản Pít Văn Khăm giọng hóm hỉnh:

- Lâu A Vàng à! Nhà báo Vàng phải giúp dạy “ngoại ngữ dân tộc” để dân bản ta nói với bò của ta thôi!

Pít Văn Kẹo bước ra khỏi đám đông, tay bê chiếc chậu nhựa, cất giọng gọi bò về ăn muối: Vó vở, vó vở, vó vở! Đôi bò quay lại, sán vào với chủ, hục mõm vào lòng chiếc chậu liếm láp. Ông Kẹo đưa cả đôi bàn tay vỗ vỗ lên cái đầu con bò mẹ, rồi hấp hải quay lại ôm chặt đôi vai chắc nịch của Lâu A Vàng, giọng quýnh lên:

- Nhà báo Vàng à. Mày đúng là cán bộ của bản rồi. Mày về đây ở với Nậm Ma, bản Kho Mú của ta thôi...

Những chuyện bình dị như thế của Lầu A Vàng được dân bản truyền nhau nhắc mãi. Bởi thế mà bạn bè, đồng nghiệp chẳng kiêm lời đã phong ngay cho anh cái tên thật “đắc địa”: Ông cắm bản!



Tống Biên tập Hoàng Văn Thành và Nguyễn Uyển trao đổi công việc với phóng viên Lầu A Vàng tại bản Chả, xã Pú Hồng, mùa hè 2007

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## CUỘC ĐỜI MIÊN MAN TRẬN MẠC



*TS. Dương Thanh Biểu*

**B**iết Tiến sĩ Dương Thanh Biểu là cán bộ ngành kiểm sát gặt hái nhiều thành công trong các vụ án dù nhỏ hay lớn; tôi hỏi nguyên do.

Ông giải bày: “Nghề kiểm sát không chỉ cần giỏi về pháp luật mà còn phải luyện cho mình phong cách làm việc, phương pháp tư duy sáng tạo, cẩn trọng, khách quan và khoa học. Mọi sự qua loa, đại khái, chủ quan, nóng vội về nhận thức và phương pháp tiến hành đều dễ dẫn đến sai lầm”. Đáp lại sự thắc mắc của tôi chỉ ngần ấy ngôn từ, nhưng ông lại minh chứng cả lô lốc những mẩu chuyện lý thú từ những ngày đầu về ngành kiểm sát. Ấy là vụ việc

người dân dị nghị về quan hệ bất chính của chàng trai xã nọ, ở huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với người phụ nữ có chồng là bộ đội, đã bị nữ Chủ tịch xã nâng lên như một “án điểm”; cho dù đó chỉ là dư luận, chưa rõ thực hư, thiếu chứng cứ. Khi ấy, ông Viện trưởng Kiểm sát của huyện lại thiếu kiên quyết trước thái độ quá “tả” của nữ Chủ tịch xã, trong đó có sự dè dặt, né lựa chiều gió của Biểu cùng một cán bộ cơ quan tập sự nghề tại đây. Kết cục, cuộc họp toàn dân bị vỡ bung vỡ bét, bên bị hại bị người ta đe ra xéo tai để dằn mặt bên ủng hộ Chủ tịch xã cố ý làm to chuyện để “ghi công, đánh bóng” tên tuổi cho mình, như một bài học đắt giá theo suốt cuộc đời Biểu!... Ngừng lời, ông đưa mắt nhìn tôi vẻ chua chát. Tôi xen vào: - Được biết, ông đã tham gia cả trăm vụ án, vụ nào cũng để lại ấn tượng khó quên! Đôi mắt trong trẻo, lời nhỏ nhẹ, ông hỏi lại: - Nhà báo muốn nói đến vụ án nào nhất? Tôi nói ngay: - Đánh án lớn thì ấn tượng nhất là vụ gián điệp Lê Quốc Túy; vụ án mang bí số N2 Đồng Nai; vụ không tặc Lý Tống; vụ buôn bán ma túy xuyên quốc gia Vũ Xuân Trường - Siêng Phênh... Án giải oan thì phải kể đến: “Giải oan giữa lòng Hà Nội”; án “phản quốc” của Tạ Đình Đề... ông đã viết thành sách dưới dạng hồi ký, hấp dẫn, lý thú; quyết liệt và cũng rất nhân văn nên người đọc quý trọng ông, dù là kiểm sát viên hay khi là lãnh đạo cao cấp (Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao), ông luôn vững vàng về chính trị, giỏi và tinh thông nghiệp vụ, bản lĩnh, kỷ cương, công tâm và trách nhiệm... Ông không nói, nhưng chúng tôi biết, vụ án Vũ Xuân Trường, vụ án ma túy lớn nhất từ trước đến thời điểm đó, có rất nhiều bị can nguyên là cán bộ đấu tranh chống ma túy, nhiều bị can phạm tội làm sai lệch hồ sơ vụ án phải ra hầu tòa và một loạt cán bộ cao cấp cục của Tổng cục Cảnh sát bị kỷ luật. Vụ án này do Vụ 2C Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp kiểm sát, điều tra. Người lãnh đạo Vụ 2C lúc đó chính là Dương Thanh Biểu. Các bị can đã

dùng nhiều thủ đoạn để mua chuộc nhưng không thể khuất phục được lý trí và đạo đức của những người cầm cán cân công lý như Dương Thanh Biểu!... Ông bắt lời: - Đúng thế. Nghề kiểm sát chẳng những phải làm rõ chứng cứ buộc tội để không bỏ lọt tội phạm, mà còn phải làm rõ chứng cứ gỡ tội, giải oan cho người vô tội. Khi là người giúp việc “nghiên cứu hồ sơ”, tôi đã chỉ rõ những thủ thuật xấu của kẻ cố tâm kết nối với những kẻ xấu trong cơ quan công quyền để rắp tâm chiếm đoạt căn hộ của chính chủ cho mượn để ở khi khó khăn. Kết quả, tòa phúc thẩm đã xử trả lại nhà cho người cho mượn... Tương tự, khi ở cương vị có chức quyền, tôi đã kỹ càng, cẩn trọng xem xét, đưa ra những chứng cứ chắc chắn để gỡ tội cho ông Tạ Đình Đề không phạm tội “phản quốc”!... Giọng sâu lắng, lời chắt ra từ tim gan, Biểu nói: - Tôi không thể nào quên lời ông Đề khi tôi và Thượng tướng Hoàng Minh Thảo tới thăm lúc ông bệnh trọng. Giọng thều thào, ông nói với Thượng tướng: “Tôi yếu lắm rồi anh Thảo ạ. Chẳng sống được bao nhiêu nữa!”. Nhìn sang tôi, giải bày: “Lúc còn khỏe, tôi có đơn gửi các cấp có thẩm quyền đề nghị xem xét bồi thường cho tôi vì bị bắt giam oan hơn 4 năm trời. Nhưng nay tôi nghĩ lại, cái đó cũng do nhận thức và năng lực của cán bộ, và tại cơ chế cả thôii. Họ chẳng cố ý hại mình làm gì. Böyle giờ tôi đã được các cơ quan pháp luật giải oan. Cố nhân dạy, chín bỏ làm mười, vì thế, tôi không đặt vấn đề bồi thường nữa!”. Tôi nắm tay ông, lòng cảm phục: “Thông thường người đời bị oan ức thì căm giận kẻ làm oan, nhưng ông Đề lại có cách nhìn vị tha. Đây là lời nói thật của một người sắp từ giã cõi đời mà vẫn thể hiện tâm đức lớn lao, nhân hậu, khoan dung. Trước đây, ông đã dang rộng cánh tay cưu mang, che chở, rèn luyện những con người “co nhặt” trở thành những nhà viết kịch lừng danh như Lưu Quang Vũ; nhạc sĩ tài hoa Phan Lạc Hoa... thì giờ đây trái tim ông vẫn chan chứa vị tha, không giận hờn, không oán trách, lấy tình yêu thương để thay thù hận.

Lời trối trăng và ánh mắt dịu dàng cho tôi thấy, dường như Tạ Đình Đề muốn mọi chuyện trên đời này dịu xuống một cách bình yên để tâm hồn được thanh thản, để hóa giải hậu thù thành tình yêu thương bất tử. Giây phút lâm chung, Tạ Đình Đề vẫn nguyên vẹn bản chất anh Bộ đội Cụ Hồ, vẹn nguyên người cộng sản chân chính". Lịch sử rất đổi công bằng, thời gian muôn đời là nhân chứng. Với sự nhìn nhận, đánh giá mới, ngày 11/5/2007, Chủ tịch nước đã quyết định trao tặng Tạ Đình Đề Huân chương Độc lập hạng Ba; khẳng định ông là người có công với cách mạng!...

Giọng chắc định, lời chí cốt, Biểu nói như thế nhắc chúng tôi phải ghi nhớ: Kiểm sát là nghề của những người nắm quyền năng pháp lý, cầm cân nảy mực, công tác kiểm sát luôn gắn với việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Nên, không ai khác, hon ai hết chính chúng tôi, phải có đạo đức trong sáng, có phẩm chất chính trị vững vàng, nghiệp vụ tinh thông để đi đến tận cùng lẽ phải. Đối với tội phạm phải kiên quyết đấu tranh, nhưng đối với những trường hợp oan sai cũng phải kiên quyết tranh đấu bảo vệ họ. Dù ở góc nhìn nào, đồng chí hay bị cáo, bị cáo bị tử hình cũng như người bị làm oan, đều phải hướng vào họ với một trái tim biết rung động, cảm thông, chia sẻ và cả những nuối tiếc, xót xa với thân phận, số kiếp con người... Như thế mới xứng là chiến sĩ chống "giặc nội xâm"!

Duyên nghề nghiệp, tôi có cơ thấm hiểu chuyện đời, chuyện nghề của Dương Thanh Biểu. Ông sinh ra ở làng Ngũ Phúc, xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn bên bờ sông Lam thơ mộng. Là con trai duy nhất trong gia đình nông dân nghèo, học giỏi, phía trước có nhiều ưu đãi nhưng Biểu vẫn nhất mực xin nhập ngũ. Xa ba, xa chị em, xa mối tình đầu chớm nở với bạn gái cùng lớp... lên đường xung trận; sống mái với Mỹ - nguy suốt những năm 1969 - 1973 khó khăn, gian khổ, ác liệt nhất của chiến trường Quảng Trị và

Tây Nguyên. Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 28, Sư 10, Quân đoàn 3 của Dương Thanh Biểu tham chiến tại đây suốt những mùa mưa, mùa khô; suốt chiến dịch nỗi sang chiến dịch; thắng lợi và hy sinh, vui, buồn, được, mất đan xen từng ngày, từng giờ. Biểu tham gia hết thảy những trận đánh lớn; quyết liệt như ở Khe Sanh (Quảng Trị), Chư Đô, Plei Cần, Đăk Siêng, điểm cao 601 của Tây Nguyên. Mưu trí, dũng mãnh, quyết liệt, tài thao lược đã sớm đưa Dương Thanh Biểu trở thành Đại đội trưởng Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 1. Được kết nạp Đảng ngay trên chiến hào còn khét lẹt mùi đạn bom... Trong trận quyết chiến ở Bắc Định, Kon Tum được coi là "đêm trước Hiệp định Pari về Việt Nam" tháng 02/1973, Biểu bị thương nặng nên phải ra Bắc điều trị. Trớ trêu, khi trở về thì nỗi đau ập đến: Cha đã chết vì bom Mỹ; chị cả Liên tiêu tụy vì bệnh tật, các em đều đi ở đợ; nhà cửa xơ xác, tiêu điều... và Thoa - mối tình đầu - đẹp như mơ cũng chết vì bom Mỹ trên đường đi học về... Tất cả như sụp xuống. Như ngã quy. Như sạch tron. Trắng tay... Nhưng, ý chí cách mạng của người chiến sĩ cộng sản, của người lính Cụ Hồ thành nguồn lực kỳ diệu thôi thúc Biểu đứng dậy, đi tiếp. Ý chí ấy cũng là nguồn sức mạnh giúp ông không ngừng học tập, rèn giũa, hết sức, hết lòng với công việc ở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ngay từ khi là cán bộ (tháng 12/1974) đến khi "quyền to, chức lớn" (Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao) mà ông gọi đó là "Trận tuyển chổng giặc nội xâm"!...

45 năm dạn dày, kiên định đánh giặc ngoại xâm và "nội xâm"; nghỉ hưu, TS. Dương Thanh Biểu lại như con tằm nhả tơ, lần lượt cho ra đời tới chục đầu sách quý. Ông viết cho nghề kiểm sát tới 6 đầu sách; viết dưới dạng văn học, hồi ký, tiểu thuyết, ký nhân vật với 5 cuốn. Cuốn nào cũng đầy đặn, hấp dẫn, bổ ích khiến tôi nhận rõ, thì ra suốt cuộc đời không khi nào ông ngừng xung trận. Viết cho nghề là những cuốn chuyên khảo thực hành quyền công

tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Sách không chỉ luận giải bản chất, mục đích của công tác kiểm sát, các trình tự, thủ tục pháp lý trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp mà còn nêu lên nhiều kinh nghiệm nghiệp vụ bổ ích cho các kiểm sát viên và những người có chức danh trong hoạt động tư pháp như điều tra viên, thẩm phán và luật sư...

Tôi đăm đắm nhìn ông. Tóc đã lốm đốm bạc, bước đi chậm chạp, quầng mắt chớm thâm sâu; vết thương thời trận mạc và bệnh tật luôn hành hạ..., tôi gạn hỏi: - Sao ông lại đam mê viết sách? Giọng nồng ấm, ông bảo: - Chỉ với ước mong nhỏ nhoi mỗi chúng ta nên gắng đồng hành với cái thiện, tránh xa cái ác, sống đẹp hơn, nhân ái hơn. Mong sao, mỗi chúng ta đều thiết lập được một tòa án lương tâm, tự mình phán xét, tự mình thanh lọc để sống tốt, sống đẹp!...

Vậy là, thời gian trôi càng khắc đậm chân dung “Tiến sĩ Dương Thanh Biểu - suốt cuộc đời miên man trận mạc”!

Mùa thu Hà Nội, 2017  
Báo *Sức khỏe & Đời sống*, tháng 10/2017.

## NGUYỄN XUÂN LƯƠNG - CÂY VIẾT NẶNG SÂU VỚI CỘI NGUỒN

Tôi ngẫm ngợi nhiều với những lời tự bạch của Nguyễn Xuân Lương trong tập ký *Gió từ rú thổi về*: “Mái ấm mới dựng, bố con tôi quyết định để ra mẩy mét vuông trên lầu 3 làm chỗ để đồ lưu niệm. Nơi đó, đặt trang trọng từ cái cày, cái bùa của cha, cái cối xay của mẹ đi cùng thúng, mủng, giàn, sàng, gầu sòng tát nước đêm trăng của chị, của em để nhớ về những ngày mưu sinh, lặn lội con cò nơi quê nhà...”! Ấy là những kỷ vật lưu giữ ở gian phòng nhỏ trong ngôi nhà vợ chồng anh đang tá túc tại phố Vương Thừa Vũ, Hà Nội.Thêm nữa, ngôi nhà xưa ông bà dựng cho bố mẹ từ năm 1901 tại quê nhà (xã Sơn Phúc, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) cũng được anh cùng con cháu chắt chiu bảo tồn, cải tạo nên vẫn vẹn nguyên, áp đầy ký ức. Ngôi nhà tranh này còn được vẽ thành tranh sơn dầu, treo trang trọng tại phòng khách nơi gia đình anh đang sinh sống tại Hà Nội cốt để con cháu tuy xa quê nhưng vẫn cảm thấy gần gũi, y như câu hát “Đi mô rồi cũng nhớ về Hà Tĩnh” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý! Xuân Lương bảo: “Đó là mạch chảy nhân văn trong suốt của các thế hệ đi trước để lại, thế hệ sau vun xối và bảo trì. Đó chính là phần xác và phần hồn của đấng sinh thành hôm nay và mai sau không cắt rời. Tôi gọi đó là hạnh phúc...”!. Vâng. Đúng là hạnh phúc. Đó là sự “tôn tộc”, mà tôn tộc thì sẽ “đại quy”, như cách nói của cụ Nguyễn Khắc Niêm...

Cách lưu niệm, lưu giữ kỷ vật đấng sinh thành của nhà báo Xuân Lương khiến tôi thêm hiểu về anh, một đồng nghiệp đã từng mẩy mươi năm gắn bó với nhau trong công việc “nhọc nhằn - nghiệt ngã và nguy hiểm” với biết bao bỉ bện, biết bao sự kiện; được, mất; hay, dở đan cài... Nhưng ở đâu vẫn là một Xuân Lương nhanh nhẹn, tháo vát và điềm tĩnh; một Xuân Lương thạo việc và cẩn trọng trong từng câu chữ khi soạn thảo văn bản; một Xuân Lương thấu đáo, thân tình; nghĩa nặng tình sâu; một nhà báo Xuân Lương chịu lưu giữ tài liệu, chịu đi, chịu ngầm, chịu viết, viết có trách nhiệm với người đọc. Từ khi nghỉ việc noi công sở lại là thời chữ nghĩa của Xuân Lương tràn trên nhiều mặt báo và tạp chí từ Trung ương tới địa phương. Anh viết về tình cảm gia đình, dòng họ, về quê hương xứ sở, về những nhân vật sáng danh, về miền đất lạ, về đất nước Việt Nam, về Bác và Đảng kính yêu... Nhìn kỹ vật lưu giữ, Xuân Lương thêm nhớ đức độ của mẹ, của cha; càng nặng lòng ân nghĩa, tri ân công đức sinh thành, giáo dưỡng. Tình cảm ấy ở anh cũng tràn ngập trên nhiều trang, nhiều cuốn sách anh cho xuất bản suốt 20 năm trở lại đây ở các nhà xuất bản danh tiếng. Ngẫm về Xuân Lương, tôi ngẫm về tâm đức của người cầm bút, rằng chỉ có tình yêu thương mới nuôi dưỡng và nhân lên tình yêu thương chân chính. Yêu gia đình là bản ngã làm người, bản ngã của Xuân Lương. Bởi, gia đình không chỉ là tổ ấm mà đích thực là “hạt nhân của xã hội” là nơi định hình nhân cách làm người, sản phẩm quý giá nhất để phát triển xã hội Việt Nam ngày một tốt đẹp hơn!... Tình cảm gia đình, gia tộc, cội rễ ấy của Xuân Lương nhân lên cao đẹp, rộng lớn hơn, ấy là tình cảm sâu đậm với quê hương Hà Tĩnh, với Hương Sơn, với làng, xã... noi mẹ cha cho anh cất tiếng khóc chào đời vào ngày 18/7/1937.

Nói về tình cảm của Xuân Lương với quê hương, đất nước, tự dung những dòng chữ của nhà văn Xôviết Ilia Èrenbua từ Chiến

tranh thế giới thứ nhất lại ào ạt trong tôi: “Lòng yêu nước ban đâu là yêu những vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồm ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh. Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xôviết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương, như dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dài trường giang Võnga, con sông Võnga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”!... Vận áng văn trên vào Xuân Lương thật là sát thực. Bởi, muôn đời quê hương là cội rễ tổ tiên, ông bà..., là noi mẹ cha sinh ra ta, nuôi dưỡng ta..., là lời ru vỗ về của mẹ có cánh cò bay là nuôi nấng tâm hồn trong trẻo cho mỗi chúng ta. Chữ nghĩa của Xuân Lương dành cho tổ tông, cho đấng sinh thành, cho những người thân thích đều một dụng ý vun vỡ, xây dựng, nhân lên cái hay cái đẹp cho nhà nhà, cho xã hội. Trong văn của Xuân Lương chẳng hề lên gân lên cốt dạy đời, nhưng thấm từ chữ, từ câu, từ bài viết cho ta nhận ra dụng nghĩa câu chữ của anh. Hầu như, những nhà văn sinh ra từ làng, lớn lên từ làng thì làng, xã, xóm, thôn, huyện, tỉnh cứ thấm đẫm vào văn, vào thơ ca, nhạc họa... Tôi yêu thích cái tặng văn chân tình, máu thịt với “Hương Sơn - Xưa và nay” của Xuân Lương. Không yêu quê, không yêu đất huyện Hương Sơn của mình dẽ gì có được bài viết đậm tình, đậm nghĩa như thế. Một bài viết có ngọn có ngành, tư liệu, chứng cứ, chứng tích cổ xưa từ buổi khai thiên lập địa, nói đâu dẫn đấy... để thấy cái xưa, thấy cái hôm qua... nhận ra cái hôm nay làm nên đẹp, nên giàu. Anh viết từ ký ức, nhưng đó là ký ức của người chịu đọc, chịu học, chịu nghe và chịu ngẫm. Viết bằng ký ức, nhưng đó là ký ức của người giàu tâm đức, cảm xúc mạch lạc theo dòng chảy của lịch sử truyền thống tốt đẹp. Ký ức của tình yêu non nước quê nhà với núi Giăng Màn huyền thoại; với núi Đại Hàm, còn gọi là Móng Gà; với núi Thiên Nhẫn, núi có 999 ngọn

nhấp nhô, kéo dài như đàn ngựa tóc bờm phi nước đại trong gió ngàn... Gói lại áng văn tả về núi, Xuân Lương viết: "Đất và người Hương Sơn quả là hồng phúc nếu như ta nhìn kỹ núi sông này, tựa như Hương Sơn quê mình nằm gọn trong một khung ảnh to, đẹp đến diệu kỳ. Dài Trường Sơn là bức màn che nắng, che mưa phía tây huyện, phía đông là dãy Thiên Nhẫn tựa đàn ngựa hồng phi nước đại ra phía biển khơi cuộn sóng. Phía nam là núi Giăng Màn thẳn thoại" ... Theo đó Xuân Lương nói về sông, về "con đường số 8 oanh liệt như dải lụa đào vắt dọc chiều dài Hương Sơn, song song với sông Ngàn Phố yểu điệu, nước xanh trong tựa ngọc". Không cầu kỳ câu chữ, không đại ngôn với những từ hoa mĩ, Xuân Lương tả thực vốn như tâm đức của người viết là vậy... bởi thế, anh dễ giúp người đọc yêu Hương Sơn vì ở đó người người luôn chung vai, chung sức, chung lòng đắp xây đồi mới, xây dựng nông thôn mới trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, nơi thời tiết muôn đời khắc nghiệt!

Xuân Lương đi, đến nhiều nơi trong nước và thế giới, đến đâu thì tính nghề nghiệp ở anh vẫn phát triển. Người ta nói để mình nghe. Xuân Lương nghe, hỏi không chỉ để trong lòng mà còn ghi lấy để mà suy ngẫm, để viết, để ngẫm người ngẫm ta. Nghĩa là công việc tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin và chọn cách loan tin luôn thường trực với nhà báo Xuân Lương. Sợi dây kết nối người với người luôn có ở trong anh. Đọc các tập "Miền đất lạ" nơi xa, hay bút ký "Lang thang", "Hoa cỏ may phố Hiến", "Ký ức về làng", "Có một ngày như thế đẹp mai" và "Gió từ rú thổi về"... đều thấy sự gắn kết người với người đậm đà, sâu sắc, nhân văn. Tình cảm ấy, ý thức ấy, tâm đức ấy khiến anh dễ làm nên những bài viết đậm hồn cốt của các bậc danh nhân như Bác Hồ kính yêu mà tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người mãi ngời sáng; như Đại tướng Võ Nguyên Giáp văn võ song toàn; như danh tướng

Hà Tĩnh quê anh “Thái Bảo Huân Quận công - Danh tướng Nguyễn Tuấn Thiện” tập ký nhân vật lịch sử ở Hà Tĩnh của anh tái bản nhiều lần...

Quê hương, giá trị vô hình đầm sâu, rất sâu trong tâm hồn của nhà báo Xuân Lương. Quê hương là cội nguồn văn hóa, là sợi chỉ đỏ kết nối bền chặt anh với mỗi con người. Hắn là vậy nên Xuân Lương hay nhắc tới những câu thơ trong bài thơ “Đất nước” của Nguyễn Khoa Điềm: “Em oi em! Đất nước là máu xương của mình/Phải biết gắn bó và san sẻ/Phải biết hóa thân cho dáng hình xú sỏ/Làm nên đất nước muôn đời”. Hắn là thế nên chữ nghĩa của Xuân Lương suốt 60 năm theo nghề báo luôn dành cho quê hương xứ sở, cho Bắc, cho Đảng, cho đất nước Việt Nam thân yêu của mình!

Tạp chí *Người làm báo*, tháng 8/2020.

## CHIẾN SĨ QUÂN Y NOI “CỦA GIÓ” TÂY TRANG

**T**ình cờ là khách đường trường với người lính quân phục màu lá cây, cùng sóng cặp đôi trên chiếc ghế nǎm của nhà xe Sáng Minh, chạy đêm tuyến Hà Nội - Điện Biên. Đường đẹp, xe sang, tiếng máy ro ro xen nhịp nhạc êm đềm vỗ về chúng tôi trôi nhanh vào giấc ngủ... Xuôi dốc, xe lắc lư qua Pha Đin, vòng vèo cua kéo, tự dung có tiếng rên rỉ đau đớn. Không tin vào tai mình, tôi nhòm dậy. Đúng rồi, tiếng rên lẩn tiếng mó ú ó bật ra từ miệng người chiến sĩ... Sao thế nỗi? Tôi định lay gọi, nhưng lại nén lặng... Xe sắp tới Điện Biên. Choàng dậy, tôi hỏi ngay:

- Vì sao khi ngủ, đôi lúc chú lại rên rỉ?
- Dạ. Cháu bị đau. Với lại, dịp này cháu phải xuôi ngược để tham gia chương trình “10 gương mặt thanh niên tiêu biểu toàn quốc 2010”!
- Trời ơi! Thì ra chú là Nguyễn Chí Ninh, chiến sĩ quân y noi “Cửa gió” Tây Trang! Tôi reo to.

Ninh nhẹ nhàng:

- Vâng. Cháu ở Đồn biên phòng Tây Trang! Câu đáp trộn với lời chào vội vã rồi xuống xe...

Nắng sớm như dát vàng non lên áo lính. Tôi bồi hồi ngước về miền biên ải. Định bụng, ngày nào đấy sẽ lên để hiểu ngọn ngành sự hy sinh thầm lặng của Nguyễn Chí Ninh noi “Cửa gió” - Tây Trang.

## Người hiền của bản Na U

Chúng tôi tìm tới Đồn biên phòng Tây Trang, nơi người đời mệnh danh là “đinh tròn” Tây Bắc, ngất ngưởng trên ngàn mét. Tây Trang là cửa ngõ giao thương của ta với nước bạn Lào. Trời vào hạ, gió Lào nơi đây không rát bỏng như khu III, khu IV nhưng ống ống, bức bả. Gió thốc thả, gió liên hồi theo lũng núi từ Phong Sa Lỳ sang, hệt như chiếc phễu đổ vào cửa khẩu Tây Trang, qua Na U, trào xuồng Mường Thanh, khiến lau cỏ héo hon, tối tả. Ấy vậy mà đôi khi nửa đêm trời lại lạnh, sương buông mịt mù; trưa đến, trời như hắt lửa xuống trần gian. Đông về thì giá buốt như cưa vào thịt da. Thượng tá, Đồn trưởng Bùi Ngọc Sơn chia sẻ: “Cho nên cái mà chúng tôi phải căng mình chịu đựng là thời tiết khắc nghiệt, nắng mưa thất thường, rừng rú rậm rạp, đá núi chênh vênh... chứ đâu chỉ là nỗi kinh hoàng của “ruồi vàng, bọ chó...”. Thêm nữa, lanh phần tới 24km đường biên, địa bàn quản lý tới 6 bản người Mông của xã Na U. Nơi đây từng được mệnh danh là “điểm nóng”, “thung lũng tử thần”, “chảo lửa” ma túy. Vì vậy, phải xây dựng: “Đồn là điểm tựa của dân - Dân là tai mắt của đồn”!”...

Thượng tá sôi nổi nói về Nguyễn Chí Ninh như một trong những minh chứng điển hình nhất của đơn vị: nào là, Ninh là chiến sĩ quân y năng nổ, tận tình chăm sóc, đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân; nào là, Ninh là chiến sĩ mưu trí, gan dạ, quả cảm!...

Phải lâu lâu chúng tôi mới bắt chuyện được với Ninh, bởi anh bận khám và cấp thuốc cho chiến sĩ. Giọng trầm, nhỏ nhẹ, Ninh bảo, nhiệm vụ chính của anh là cùng đồng đội chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và yểm trợ đắc lực cho đơn vị khi đánh án. Với phương châm “Đồn là điểm tựa của dân”, nên việc cứu chữa cho dân là bổn phận của mình. Cái khó với người Mông ở Na U là hủ tục còn

rất nặng nề. Trong nhà, trong bản hẽ có người đau ốm là họ nghĩ ngay tới việc tìm kiếm thầy mo, thầy cúng để yểm bùa, đuổi ma đuổi tà, cho dù trung tâm xã đã có trạm y tế. Với sản phụ, khi sinh con, họ phải sinh tại nhà và tự đỡ lấy, không cho người ngoài giúp. Sinh con trai thì nhau sẽ chôn ở chân cột nhà chính để giữ trích là trụ cột gia đình. Sinh con gái thì nhau phải chôn ở chân giường để bản tính mãi mãi là người đàn bà nết na, chung thủy. Cho nên, để dân tin, các chiến sĩ phải thường xuyên xuống bản, thăm nhập, gần gũi, am tường phong tục tập quán của họ; giao lưu kết nghĩa, tạo mối quan hệ gắn bện bằng văn hóa, văn nghệ, thể thao. Chỉ tính riêng năm ngoái, Ninh đã khám và điều trị tới trên 110 lượt người bệnh, cấp cứu 23 ca hiểm nghèo; vận động dân bản ăn ở vệ sinh, phòng, tránh ma túy và HIV/AIDS. Dần dà, họ đã biết “tự” vào Đồn biên phòng! Ninh kể, có lần mới tờ mờ sáng, rét thấu da thấu thịt, sương giăng mù mịt, đã có tiếng đập cửa rầm rập. Bật mở, trước mắt Ninh là ông lão người Mông lam lũ, hồn hển thở, lập bập nói, tay làm ám hiệu. Theo cách diễn đạt, Ninh nhận ra đó là bố chồng sản phụ. Ông nói rằng con dâu của ông vừa sinh, nhưng con của nó không thở được, nhờ cán bộ đồn cứu giúp! Ninh lên xe máy đi ngay. Tới nơi, sự sống của bé sơ sinh chỉ còn tính bằng phút, bằng giây. Thân thể tím tái, tim thoi thóp. Đoán chắc, bé bị sặc nước ối, tắc thở, do chưa khóc được. Lập tức, Ninh đặt bé nằm sấp, phát mạnh vào mông, xốc ngược lên, bật khóc, đờm dãi ộc ra. Ít phút sau, da dẻ bé trở nên hồng hào. Nữ cười nở tròn trên môi người mẹ. Nước mắt người bố chồng giàn giụa. Ông quỳ xuống, chắp đôi bàn tay vái lạy vái để chiến sĩ quản y. Ninh vội đỡ ông lão dậy, lời chân tình: - Đừng làm thế. Cán bộ mong, lần sau con ông phải lên trạm y tế!... Tương tự, cụ Vàng A Xây ở bản Na Lay bị viêm phế quản mãn tính, luôn phát bệnh, thở rít lên. Những khi ấy người nhà lại tìm tới Ninh. Thông cảm với

cánh nghèo bần (chồng mất sớm, con bị tù vì buôn bán ma túy), Ninh tìm kiếm cho cụ thuốc kháng sinh phòng bội nhiễm và thuốc uống giãn phế quản. Bệnh lui, cụ Xây chỉ biết nhìn Ninh, ngắn lè nhoạt nhòa trong đôi hõm mắt chằng chịt vết rạn chân chim!... Lặng im giây lát như lục trong trí nhớ, Ninh kể tiếp: Mùa mưa năm 2008, khi Ninh mới về đây, đúng nửa đêm Đồn trưởng báo tin: Con dâu ông Vừ A Ly ở bản Con Cang sinh con, nhưng nhau không ra được, sản phụ rất yếu; nhò đòn cứu giúp! Nhận lệnh, Ninh lên xe máy đi ngay. Tới đầu bản, anh phải bỏ xe lại, cuốc bộ 3 - 4 cây số mới tiếp cận được sản phụ. Sau khi thăm khám, Ninh đánh giá tình hình sản phụ: sau đẻ bị sốc, huyết áp tụt thấp, đau đớn, tâm lý nặng nề do nhau bị cài răng lược không ra được... Ninh nói với gia đình rằng tình trạng sản phụ vượt quá sức của quân y cơ sở, cần đưa về tỉnh cấp cứu. Nhưng bệnh viện ở xa, có thể sẽ tử vong trên đường. Nếu quân y cứu chữa, có mệnh hệ gì thì gia đình phải thông cảm! Cũng may, ông Vừ A Ly tỏ ra yên tâm, nhất mực cậy nhờ quân y. Sau đấy, Ninh cho sản phụ uống nước đường gừng nóng và thuốc trợ lực, rồi bóp nhau nhân tạo. Bóc nhau xong, tiến hành truyền dịch... Sáu giờ sáng, sản phụ tự ngồi dậy... trong tiếng cười hoan hỷ của cả gia đình. Xiết chặt tay Ninh, ông Ly nói trong niềm hạnh phúc: - À rà. Quân y Ninh. Mày là người hiền của dân bản ta rồi!...

### **Yểm trợ khi đánh án**

“Ninh là y sĩ quân y, có nhiệm vụ yểm trợ phía sau, sẵn sàng cứu chữa chiến sĩ lúc tình thế xảy ra khi đánh án. Nhưng anh cũng là lính trinh sát thiện chiến, rất dũng cảm chống tội phạm”! Đó là lời nhận định của Thượng tá, Đồn trưởng Bùi Ngọc Sơn về Nguyễn Chí Ninh. Ba năm lại đây, Ninh tham gia tới 30 vụ truy bắt tội phạm. Vụ nào anh cũng được bố trí ở đội hình trực tiếp,

vừa đảm bảo nhiệm vụ quân y, vừa tham gia truy bắt tội phạm! Ninh nhớ: Bữa trưa, một ngày giữa tháng 4/2008, khi mọi người vừa buông bát đũa, thì chiến sĩ Trần Văn Hùng thuộc đội phòng, chống ma túy báo tin: Có đối tượng lạ, mặc áo rằn ri đi xe máy thể thao đang xuôi hướng thành phố. Lập tức, Chỉ huy đồn cù Ninh cùng hai chiến sĩ là Vĩnh và Thành xuống án ngữ đoạn của thuộc bản Na Lay. Gặp Ninh, đối tượng dừng lại, ẩn xe chắn lối, rồi lao xuống vực hòng thoát thân. Nhanh như sóc, Ninh ôm lấy hắn, quật xuống vè suối. Đau và thấm mệt, nhưng Ninh vẫn gắng sức bập khóa vào đôi tay hắn. Sơ sẩy anh bị đối tượng cắn vào bắp tay. Máu ra nhiều, nhưng được đồng đội hỗ trợ, băng bó kịp thời. Đối tượng là Cà Văn Điện ở đội 8, Pom Lót đang giấu trong người mấy chục gam ma túy; hắn mới ra tù và bị nhiễm HIV... Rất may, Ninh không bị phoi nhiễm!

Lần khác, vào cuối ngày (năm 2009), Ninh và đồng đội đang chơi thể thao thì có mật báo từ Na U ra. Ngay tức khắc, đồng đội dùng xe máy chở Ninh lên đón lồng tại dốc Ca Hâu. Phát hiện có hai đối tượng đang phóng xe xuôi dốc. Ninh xuống xe ra hiệu dừng lại, bất chấp, tên cầm lái nhấn ga lao thẳng vào Ninh, kẻ ngồi sau lắc láo định phi tang cục ma túy. Rất nhanh, Ninh né người, nhảy lên ta luy dương rồi bổ nhào, quắp lấy cổ hai đối tượng quật chúng xuống đường, chân đạp vào tay lái giữ không để xe xuống vực. Va chạm mạnh, cùi tay bị đau thắt tận tim gan, nhưng Ninh vẫn cố ghi bằng được tên mang bọc ma túy xuống đất để bập khóa!... Tiếp nối, Ninh kể về trận đánh gần đây nhất: Lúc ấy, khoảng 17 giờ ngày 11/4/2010, Chỉ huy đồn giao cho quân y và Ninh hỗ trợ đội truy bắt tội phạm. Đúng hẹn, đội tập kết quân số rồi triển khai mai phục ở đầu bản Na Lay nơi đoạn đường chênh vênh, ta luy dương là vách đá thẳng đứng, bên là vực sâu hun hút. Khoảng 4 giờ 30 phút sáng hôm sau, sương buông mù mịt, bỗng

có ánh đèn pin lúc bật lúc tắt từ phía bên cát rừng đi xuống. Khoảng 5 giờ, có hai xe máy đi rất chậm từ hướng thành phố lên. Chúng dừng lại vào đúng ổ mai phục của ta, rồi dùng điện thoại gọi nhau. Đối tượng bên kia rừng nhanh chóng lẩn sang. Đúng lúc chúng đang giao hàng thì ta xuất hiện yêu cầu dừng lại. Bất tuân lệnh, một tên quay xe vút đi; tên còn lại bỏ xe, chạy bộ cùng tên giao hàng bên hông lủng lẳng con dao quắm của người Mông. Nhưng chúng lại lọt đúng vào noi quân y mai phục. Ninh nhào tới vật lộn với chúng. Khi hắt được Ninh xuống đường, hắn loay hoay tìm cách lao xuống vực thẳm. Rất nhanh, Ninh bật dậy, quặt chặt thắt lưng hắn, rồi cả hai cùng rơi tự do tới 20m xuống chân vực. Đau buốt sống lưng, tức ngực, khó thở, miệng không sao phát ra tiếng, nhưng Ninh vẫn dồn sức ghì giữ lấy hắn đang mang trong người tới 4 bánh heroin. Rất nhanh, chiến sĩ Vũ Thế Lương đã lao tới hỗ trợ... Ninh ngất đi. Đồng đội đặt anh lên cáng bất động, chuyển gấp về Quân y viện 108 cứu chữa... Sau trận ấy, Nguyễn Chí Ninh được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba, được thăng quân hàm từ Chuẩn úy lên Thiếu úy, và được hưởng chế độ thương bệnh binh...

Trò về sau 3 tháng điều trị, y sĩ quân y Nguyễn Chí Ninh, chàng trai quê lúa Thái Bình, lại cần mẫn với công việc thường nhật trong tình yêu thương nể trọng của đồng đội và dân bản Na U, nơi “Cửa gió” Tây Trang!

Trích trong tập *Lê sôNg I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## “CÂY ĐẠI THỤ” CỦA MUỜNG PHĂNG

**C**húng tôi rảo bước theo ông Lò Văn Biên, Bí thư Đảng ủy xã cùng dòng người tú xứ bước lên bậc đá vào khu di tích Mường Phăng. Trở ra, men theo con suối Pá Hốc Khiều thăm cụ Lù Thị Đôi, một trong những “cây đại thụ” gắn bện với chiến cuộc 60 năm trước còn lại của Mường Phăng.

Ngồi trên chiếc ghế tựa bằng nhựa màu đỏ trước hiên nhà, cụ Đôi đăm đắm dõi lên ngọn Pú Huốt cao chất ngất, noi ấy 60 năm trước Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chọn làm đại bản doanh, đặt đài quan sát, nhìn thấu tận Mường Thanh để đưa ra kế sách “Đánh chắc tiến chắc”. Thấy khách đến, cụ ngoái vào nhà trong, vẫy tay ra hiệu cho con cháu. Thời gian trôi xa vậy mà cụ Đôi vẫn nhận ra chúng tôi (4 năm trước) đã cùng cụ rôm chuyện về Đại tướng những ngày ở Mường Phăng; chuyện Đại tướng trở lại thăm Mường Phăng nhân 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Ngày ấy, giọng khỏe khoắn, cụ kể: “Dân bản Mường Phăng chúng ta bây giờ sung sướng lắm mà. Được biết, trời đã cho Đại tướng sang tuổi 100... Năm xưa (năm 2004), Đại tướng về đây, dân bản ta ai cũng mặc áo quần đẹp nhất để chào đón. Ta vui quá nên đeo trên ngực cả bốn tấm huân chương, huy chương. Sau cái bắt tay, Đại tướng ôm lấy ta, nước mắt trào ra. Người coi ta và dân bản như trong một nhà. Cái tình cái nghĩa cách mạng nó bền sâu thế đấy. Ngày xưa, ta là cán bộ phụ nữ xã này, từng xay thóc, giã gạo

gùi lên núi cho Bộ đội Cụ Hồ; vận động dân bản góp tới 9 tấn thóc, 5 con trâu... ủng hộ cách mạng. Vì bí mật, nên chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, dân bản mới biết người ở với bản ta chính là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chỉ huy cả một chiến dịch to lớn như thế. Ngần ấy thời gian, giờ con, cháu, chắt, chít của ta dồn về có lẽ đã đủ một bản. Ấy vậy mà Đại tướng vẫn nhớ đến ta; vẫn nhớ đến cụ Lò Văn Bóng, vẫn coi chúng ta như anh chị em ruột thịt. Sung sướng lắm"!... Cụ nói dồn dập bằng tiếng của dân tộc, khiến chị Quàng Thị Rết, Tổ trưởng phụ nữ bản Phăng phải tất tả chuyển ngữ cho chúng tôi. Chuyện từ cụ Lù Thị Đôi gọi tôi tìm tới cụ Lò Văn Bóng (bố đẻ đồng chí Lò Văn Biên, Bí thư Đảng ủy xã). Cách đây 56 năm, ấy là Ngày mừng công chiến thắng tại Mường Phăng; tay trong tay tạm biệt, cụ Lò Văn Hặc, nguyên Chủ tịch Khu tự trị Thái - Mèo, giọng thân thiết: - Bóng ở lại, cố giữ nguyên mọi thứ cho dân, cho đất nước nhé! Lời thế ấy đã níu cụ Bóng với rùng già, với di tích lịch sử Mường Phăng suốt nửa thế kỷ qua như báu vật thiêng liêng nhất của gia tộc, của dòng họ... Khi Đại tướng trở lại đây, cụ Bóng có niềm vui lớn, đó là được trực tiếp nấu cơm ngon, canh ngọt mòn Đại tướng. Tuổi cao, sức đã mòn, giọng chậm chạp, cụ bảo: - Minh sắp gần đất, xa trời rồi. Chỉ một nỗi lăn tăn, mai này liệu con cháu có giữ nổi rùng Mường Phăng? Đấy là rùng nghĩa, rùng tình, phải truyền bảo nhau, nối tiếp nhau mà gìn giữ! Không có những ngày cách mạng ấy làm sao dân Mường Phăng được đổi thay, nhà cao cửa rộng, trù phú như bây giờ? Làm sao con cháu Mường Phăng được học hành, được giỏi giang, được làm việc xã, việc huyện, việc tỉnh như thế này? Cho nên phải dạy nhau đừng quên truyền thống của mình. Cái nghĩa cái tình nó nuôi sống tình yêu của dân tộc mình đó. Phải giữ lấy nó!... Tôi nhắc lại với lòng thành kính về cái tâm, cái đức của các bậc đại thụ, cây cao bóng cỏ, khai quốc công thần. Tự dung nước mắt Bí thư Lò Văn Biên

trào ra, nước mắt cũng giàn giụa trên khuôn mặt cụ Lù Thị Đôi. Tôi ngõ ngàng, ông Biên nhỏ giọng: - Bố tôi mất rồi! Tôi thấy ân hận về sự sơ ý của mình. Tôi thành tâm chia buồn cùng ông!

Vậy là những người từng trực tiếp góp công sức làm nên chiến thắng lịch sử 60 năm về trước ở Mường Phăng nay chỉ còn lại mình cụ Lù Thị Đôi. Khác hẳn trước, lần này giọng cụ trộn trào niềm thương nỗi nhớ Đại tướng Võ Nguyên Giáp hệt như anh em ruột thịt trong nhà. Nhắc người dâu trưởng lấy tấm ảnh khổ rộng chụp với Đại tướng (năm 2004) lồng trong khung kính, cụ Đôi nâng lên cho chúng tôi xem, rồi ôm chặt vào lòng, nước mắt giàn giụa, giọng dân tộc bồi hồi (cô Cà Thị Thanh, dâu út của cụ giúp chuyển ngữ cho chúng tôi): "Hồi xưa ấy, tôi được Đại tướng giao việc mấy lần (cụ giải thích: Mãi sau này mới biết người đấy là Đại tướng. Bí mật mà). Nhưng nhớ nhất là lần Đại tướng bảo: Cô là nữ cán bộ của dân bản, phải chịu khó vận động bà con ủng hộ cách mạng, nhưng lại phải hết sức giữ bí mật!... Giọng bừng vui, cụ nhắc lại chuyện trước đây đã kể: Hồi ấy, tôi vận động nhân dân Mường Phăng ủng hộ tới 9 tấn thóc, 5 con trâu... Đêm đêm dân bản nhóm lửa xay thóc, giã gạo tiếp lương cho bộ đội ăn no đánh chắc. Khi chiến dịch đại thắng, Đại tướng cho mổ liền mấy con trâu để quân dân ăn mừng!...". Cụ Đôi bật khóc thành tiếng. Lời triệu trào: - Vậy là Anh Cả của ta không còn về đây nữa rồi!... Nước mắt nhìn dòng người tú xú nối tiếp nhau qua trước cửa nhà lén khu di tích Mường Phăng, giọng cụ chìm xuống: - Lâu rồi tôi không còn sức để lên noi ấy. Chẳng biết có còn như xưa? Tôi nhanh nhẩu đáp lời: - Thưa cụ. Mường Phăng là di tích gốc của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, nên, từ lán nghỉ của bộ đội, hầm điện báo, tới hầm chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; hầm Tham mưu trưởng của tướng Hoàng Văn Thái, và cả đường hầm thông từ hầm Đại tướng sang hầm Tham mưu trưởng dài 69 mét

đều được cài tạo, tu bổ, gìn giữ hệt như nguyên bản bằng vật liệu, chất liệu chắc bền, sắc màu như vốn có của tự nhiên, của đất trời sinh ra đã là như thế. Đường đi lối lại sạch sẽ phong quang. Rừng vẫn nét nguyên sinh, thâm nghiêm, u tịch khiến cho khách đi khách về rất nhớ Mường Phăng!...

Niềm vui tràn trên khuôn mặt, ánh mắt của cụ Lù Thị Đôi. Chúng tôi quay lại chụp ảnh lưu niệm, như được tựa mình vào gốc đại thụ để vững bước đi lên!

Trích trong tập *Lẽ sống I*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.

## CỤ HỒ DẠY SAO, THẦY THUỐC QUÊ MÌNH LÀM VẬY!

### **D**au nỗi đau người bệnh

Cùng thôn cùng xóm nên tôi chẳng lạ những lời người ta khen, chê y sĩ Nguyễn Ngọc Hiển - Trưởng trạm Y tế xã Quân Khê. Gọi là chê, thực chỉ ngầm ý phàn nàn: - Hoi đam mê “cờ bạc” đấy! Hiển đỏ mặt, gượng cười: - Ghép từ ghép ngũ như thế thìtoi đời tôi rồi. Ham thì có, chứ đánh bạc thì không khi nào. Mà có ham thì cũng chỉ sán vào bàn cờ những tối không trực, những đêm “đổi gác”!

Khuôn mặt thanh tú, ánh mắt lanh lợi, thân hình nhỏ thó lọt thỏm trong tốp nam nữ đồng nghiệp của Trạm, nhưng việc chuyên môn thì Hiển vẫn là “cây cao bóng cỏ”. Cho dù Trạm có nữ bác sĩ, y sĩ đa khoa, chuyên khoa nhưng người bệnh thường muốn y sĩ Hiển thăm khám... Có lần, cuộc cờ trong đêm với tôi đang vào hồi “kết”, phần thắng đang ngả về Hiển thì di động đổ hồi, có người ốm nặng nhò thăm khám tại gia, anh xòe bàn tay xoa bở cả ván cờ. Tôi hét toáng lên: - Choi tiếp. Đâu phải phiên trực mà cuống cuồng như võ đê võ đập thế!... Nhìn tôi bằng ánh mắt chê trách; trùm áo mưa, lên xe, Hiển lao đi giữa trời đêm tầm tã. Tôi thù người, thu quân vào hộp, nuối tiếc cuộc cờ lõi dở, nhưng ngẫm lại mới thấy y sĩ Hiển nói sao thì làm thế: “*Thầy thuốc phải coi người bệnh là trên hết!*”

Một bận, ông chú tôi bị ngộ độc do ăn củ ấu, bụng dạ quắn quặc, mắt mũi trùng trọng, phải túc tốc khiêng lên Trạm khi đêm đã sang canh. Nhờ Hiển nêu ông chú tôi “thoát hiểm”. Lúc ngồi dậy, ông nói lời cảm ơn thì Hiển cứ xoắn hỏi: nào là, trước đó ông ăn, uống những gì; nào là, ăn ở đâu, ăn bao nhiêu; ăn trước khi đau bao lâu... Thì ra, rõ khổ, ông chú tôi bị ngộ độc ấu luộc. Chả là, củ ấu là đặc sản nổi tiếng của xã Quân Khê, Hạ Hòa, Phú Thọ. Ấu đầu vụ ngon, bùi, bở dưỡng nên chú tôi thường mua về “xoi” quên cơm, quên bữa... Vậy thì có chi ăn ấu lại gây cơ sự như vậy? Đến lúc này tôi mới hiểu cái sự lớn lao mà y sĩ, Trưởng trạm “truy lùng” là vì ông tôi “xoi” phải củ ấu của một gia đình mới phun thuốc trừ sâu. Nét mặt Trưởng trạm Nguyễn Ngọc Hiển đăm chiêu với nhiều nghĩ ngợi... Ngay ngày hôm sau, sự cố này được chính quyền xã loan báo rộng rãi cho dân biết qua hệ thống truyền tin. Người ta nhắc nhủ nhau khi phun thuốc trừ sâu phải thực hiện đúng quy trình, phải rửa sạch củ ấu trước khi luộc, trước khi đem bán... Không thể thì “thương hiệu” củ ấu Quân Khê sẽ hết thời!... Bởi vậy tôi thêm hiểu vì sao giao ban hằng ngày, Hiển thường nhắc đồng nghiệp: Thăm khám bệnh nhân cần để tâm lắng nghe họ, thấu hiểu họ, thông cảm và chia sẻ với nỗi đau khổ của họ. Đất quê nghèo. Người ta không chỉ đau vì bệnh tật, mà còn khổ vì thiếc thốn. Khi khám, cần hỏi nhiều, hỏi kỹ, hỏi sâu để sẻ chia nỗi đau, để tìm ra nguyên nhân gây bệnh, để góp sức ngăn chặn và cung cấp dịch vụ chuyên môn cho họ!... Ông Trần Văn T (không tiện nói tên) người thôn trong, hôm ở bệnh viện tinh về, rỉ rầm với tôi: - Mình nói riêng để biết thôi. Thú thật, không nghe y sĩ Hiển và không được anh ấy đỡ đần thì bây giờ mình đã nằm với giun với dế rồi! Giọng thùng thảng: - Chiều ấy, vợ con khiêng xuống Trạm. Sau thăm khám, y sĩ Hiển thòi thúc: - Thuê xe đi tinh gấp. Không thể nấn ná!... Tự dung tôi quên đau. Đi thì tiền đâu? Tất cả trông vào con gà, con lợn. Bán cho ai ở xứ núi trong đêm tối

này!... Tôi rên rỉ: “ - Cứ để tôi ở lại. Trạm ngại chưa thì tôi về!”. Khác hẳn mọi khi, giọng Trường trạm cứng rắn: “Bực dạ dày đến nơi rồi. Phải lên tuyến trên. Xe chúng tôi thuê. Tiền chúng tôi cho mượn. Tôi trực tiếp đưa ông đi!”... Nước mắt tôi trào ra. Không nói nổi một lời cảm ơn... Ngay đêm ấy tôi được cứu chữa. Bác sĩ Trường khoa Bệnh viện tỉnh, giọng xói lỗi: “Cái số ông, trời cho sống đây. Chậm nửa giờ là chầu trời!”... Ông T. cười. Điều cười он nghĩa: “Tôi sống lại là nhờ Trạm Y tế xã, nhờ vào cái tâm, cái đức của y sĩ Hiển. Mà cái ngứa tôi có chết, dẽ gì được “chầu trời”, chắc sẽ bị đày xuống “địa ngục” vì không nói thật cái sự thiếu thốn của mình. Ở đất ta, ai chả biết cái tính y sĩ Hiển. Anh ấy là chúa ghét thói quay quắt, dối trá!”... Tự dung ông nhăng sang kể công lao của Trạm, của bác sĩ Hải, y sĩ Hiển, y sĩ Huệ... “Mà này, xem ra Trạm Y tế xã ta đã cứu giúp tôi chục cháu bé, đích thân bác sĩ, y sĩ của Trạm đưa chúng về tận Bệnh viện Nhi Trung ương và Bệnh viện Bạch Mai xa cả ngày đường xe cộ nứa chứ... Ở đâu người ta có phong bao, phong bì, chứ ở đất mình thì lấy đâu. Nghe nói có người cũng “biếu” nhưng y sĩ Hiển lại kiểm có trả lại... Mà này, cái khó cho Trạm là thuốc thì không bao cấp, trừ khám bảo hiểm, nhưng ai cũng muốn được cấp, được cho thuốc tốt. Mua theo đơn thì mua chịu hoặc thôi luôn!”... Chuyện của ông T khiến tôi nhớ lại, năm ngoái ông Đặng Văn Hiếu ở bản Đồng Tiến, thôn Tiến Lang, kiểm cui trong rừng lập cập thế nào mà dao tay phải lại phang lìa mất ngón trỏ của bàn tay trái. Ôm lấy bàn tay đầm máu, chạy thực mạng xuống Trạm nhờ y sĩ Hiển cứu chữa. Sơ cứu, vệ sinh vết thương, băng bó, viết giấy giới thiệu để ông về bệnh viện huyện. Vì không có tiền nên ông Hiếu một mực nài nỉ xin ở lại rồi lý lẽ: Trạm Y tế xã khang trang, sạch đẹp như thế này; y sĩ, bác sĩ giỏi giang cả. Thôi thì sống, chết xin dậy nhờ Trạm!... Tập thể chum đầu bàn tính, xét khả năng có thể, Hiển quyết định tiến hành phẫu thuật: thắt mạch máu, tháo khớp, khâu nối da...

Ba ngày sau ông Hiếu đã đòi uống rượu. Mười ngày sau, vết thương lành lặn. Gặp ai ông cũng một lời: - “Lương y như tử mẫu”. Cụ Hồ dạy sao thì thầy thuốc noi mình làm như vậy. Họ đúng là những người tử tế!

### **Lo nỗi lo của mọi nhà**

Quân Khê là xã rìng núi xa xôi, héo lánh nhất của huyện Hạ Hòa. Mấy chục năm trước còn được mệnh danh là chốn “ma thiêng nước độc”. Ngày ấy bắt không hề có bóng y, bác sĩ, mà chỉ có “ông Ký Tiêm”. Có lẽ tên ông là Ký, làm nghề tiêm thuê nên người ta ghép gọi như thế. Dụng cụ hành nghề của ông Ký chỉ có ống xi lanh cáu cặn với đôi ba chiếc kim cùn dùng chung cho những người đau yếu ở cả hai xã ngoài là Hiền Lương và Động Lâm. Đau ốm, bệnh tật với những nhà khá giả, thì xôi, thịt linh đình, chiêng, trống, phèng la điệu đà theo nhịp thầy Đồng Trê ở nơi nào nơi nao, qua sông Hồng bằng chiếc lá đa về đánh tà, diệt ma cho gia chủ. Nghe linh thiêng, ròn rợn, khiến phận người rúm ró còn con trước thế giới quỷ thần bao la mà chỉ có thầy Đồng Trê mới trừ trị nổi. Ngược cảnh, những nhà nghèo rót chỉ biết nhò cậy thầy lang, với bát cháo nhuốm màu mật mía, nén hương nhựa trám vẫn vương xin thần thánh đuổi xua cái đau cái ốm, dịch tả, tật bệnh ra khỏi cửa khỏi nhà, để cây nêu cắm cửa không còn giăng ngang lối cổng... Vậy mà, giờ đây Quân Khê có cả một “gia tài” phòng, chống và chữa bệnh tật cho nhân dân. Trạm Y tế xã với 2 dãy nhà cấp 3, diện tích xây dựng tới 250m<sup>2</sup> (bằng vốn của Chương trình 135, khánh thành và đi vào hoạt động từ năm 2002), tọa lạc trong khuôn viên thoáng đoãng; sân, vườn, cổng sau, trước sạch sẽ, đẹp đẽ như công viên. Đội ngũ thầy thuốc luôn đủ quân số theo tiêu chí, cho dù bác sĩ vẫn ở diện luân chuyển của Trung tâm Y tế huyện. Trang thiết bị của Trạm gấp tỉ lần ông Ký Tiêm hồi xa xưa ấy. Không ít người cáo bệnh, đến Trạm cốt để được nhòm, được ngó chiếc máy xét nghiệm

nước tiểu, bình ôxi, máy hút đờm, máy khí dung, bộ thiết bị sản khoa và vi tính nối mạng internet...

Mừng trạm, mừng xã nghèo nay được quyền hưởng và tiếp cận dịch vụ y tế, tôi xiết chặt tay Trưởng trạm: - Vậy là thầy thuốc của ta có cơ nhàn nhẹ hơn trước! Hiển ó ra, hình như anh giật mình về cách hiểu của tôi. Giọng tâm tình: - Trang thiết bị là khoa học, là rất quan trọng, nhưng gì thì gì cũng chỉ là phương tiện. Vừa nói Hiển vừa dứt tay vào noi trái tim của mình: - Cái tâm. Cái tâm của người thầy thuốc là tối quan trọng. Nó chứ không phải máy móc mới thôi thúc chúng tôi luôn phải duy trì chuẩn mực chuyên môn ở mức độ cao nhất. Nó mới là noi thôi thúc, như bảo chúng tôi về thái độ giao tiếp, về cung cách phục vụ, cái mà người bệnh noi đâu cũng cần đến. Chính nó mới là noi giục giã những thầy thuốc chúng tôi trên đất nghèo khó này biết sắp đặt thời gian, năng nổ tham gia công việc cải thiện y tế cộng đồng!...

Những ngày cùng Chủ tịch xã Vũ Ngọc Doanh xuống với dân bản ở Đồng Gianh, Đồng Tiến; những lần trao đổi với Phó Chủ tịch xã Đỗ Ngọc Thành, Trưởng ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân... mới hay, những thầy thuốc của Trạm làm được hơn rất nhiều những gì tôi biết. Các anh nói như đòn hết công lao cho thầy thuốc của Trạm. Nào là, nhờ y sĩ Hiển tham mưu nên xã Quân Khê sớm kiện toàn Ban Chỉ đạo và thực hiện khá hiệu quả bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Nhờ y sĩ Hiển tham mưu cho Hội đồng nhân dân, chính quyền, nên công tác xã hội hóa y tế không chỉ nâng cao nhận thức mà còn triển khai khá mạnh mẽ, nhất là 3 công trình vệ sinh: xử lý nước - rác thải - phân gia súc. Bởi thế ngay từ năm 2006, Quân Khê đã là xã đạt "chuẩn quốc gia về y tế". Đội ngũ y tế thôn, bản có đủ 4/4 khu hành chính, được đào tạo cơ bản theo Chương trình 135, xứng là cánh tay nối dài của Trạm Y tế xã. Quân Khê hẻo lánh, địa hình phức tạp cán bộ y tế thôn, bản luôn là những người thông tin sớm nhất về bệnh tật tới Trạm, về tình

hình phát triển dân số. Đồng thời, các thành viên của Trạm cũng thường xuyên xuống thôn, bản trong phạm vi phụ trách của mình để kiểm tra, chỉ đạo theo sát thực tế, nên hàng chục năm nay không hề có dịch bệnh lan truyền. Nhờ coi trọng y tế cộng đồng nên người dân ai cũng nằm màn, nhà nhà có nguồn nước sạch sử dụng, có công trình vệ sinh đạt chuẩn...

Đêm Chủ nhật mới rồi, trước khi vào cuộc cò thách đấu, tôi bảo Hiển: - Này, ở đất mình, anh giữ vai Trưởng trạm Y tế suốt 12 năm nay là kiên cường đấy. Xem ra ông cũng *say nghề* y như *say cờ*! Nét lạnh lùng hằn lên khuôn mặt Hiển: - Sao lại so sánh như thế. Một đằng là chơi, là giải trí. Đã chơi thì phải say. Thách đấu thì phải mong chiến thắng. Một đằng là thầy thuốc, không say, không tận tâm vì sức khỏe và mạng sống của con người thì làm ngành y sao được. Mà đâu chỉ mình Trưởng trạm, anh biết đấy, bác sĩ đa khoa luân chuyển như Nguyễn Thị Hải, rồi y sĩ Bùi Thị Huệ và những y tá, hộ lý, dược tá của Trạm hoàn cảnh riêng có khá giả gì, nhưng luôn hết lòng vì người bệnh, hết mình vì sức khỏe nhân dân. Luôn tôn trọng người bệnh nhưng cũng hết lòng tư vấn cho họ. Chúng tôi thường nhắc nhủ nhau: Phải hành động vì lợi ích của bệnh nhân, chẩn đoán đúng và điều trị tốt. Khi kê đơn phải đúng thuốc, đúng liều, đúng chỉ định cho người bệnh!...

Thực ra, tôi muốn thêm lần đo cái tâm của Hiển. Nhưng cái khác ở anh, thậm chí khác hẳn nhiều người, y sĩ Hiển rất ít nói về mình. Anh sinh ra từ một gia đình nghèo khó, “sum suê” tới 9 chị em, phải bươn vượt mòn nén, khá già. Hiển từng trải với nghề y ngay những năm trong quân ngũ, sau rồi được đào tạo bài bản, được huyễn cất nhắc... Bởi thế, nghề cần đến anh và anh cần đến nghề như một lẽ đương nhiên. Có lẽ vì thế nên y sĩ Nguyễn Ngọc Hiển mới luôn tâm niệm: - Đất quê nghèo - Người bệnh là trên hết!

## BÁC SĨ “ẾT”

**B**iết chúng tôi trong Câu lạc bộ Các nhà báo Việt Nam với công tác phòng, chống HIV/AIDS từ Hà Nội vào làm việc với bác sĩ Bùi Minh Kha thì ông Đỗ Văn Hân (ở số nhà 105/82F6, Lê Lợi, thành phố Vũng Tàu) - một lão làng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, giọng tênh tênh:

- Gặp “Kha ết” hả? Tay này đặc biệt đấy!

Mấy ấy buông ra từ miệng của người lớn tuổi cứ lỏn vondon trong tôi suốt cả chuyến đi: Sao lại là “Kha ết”? “Đặc biệt” nghĩa là sao? Biệt danh ấy dụng ý miệt thị hay vinh danh?...

Ngẩng cao đầu, đôi mắt cận nhô ra dõi về phía chúng tôi, giọng khoi khoi như moi từ tâm can gan ruột - Giám đốc Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS Bùi Minh Kha nói về những nghĩ suy, về việc làm của đơn vị mình với người nhiễm HIV và bệnh nhân AIDS ở tỉnh:

- Ở đâu cán bộ ngành y cũng phải như mẹ hiền. Riêng ở Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS này thì dứt khoát chúng tôi phải hơn mẹ hiền. Người nhiễm có thể bị gia đình bỏ mặc, còn chúng tôi thì không ai nỡ lơ đãng với họ. Gặp cảnh thế ấy, chúng tôi càng phải gần gũi, trò chuyện, yêu thương, cảm thông, chia sẻ. Những lúc này, mỗi chúng tôi đều tự hiểu: một lời ngọt ngào có thể cứu sống họ, ngược lại, nửa lời hắt hủi có thể giết chết họ. Vì thiếu hiểu biết nên họ thường bị sốc, bị kỳ thị; thậm chí họ cũng tự kỳ thị với chính họ. Đặc thù ấy khiến chúng tôi phải nỗ lực hết mình để tích

tụ kỹ năng tiếp cận người bệnh và người bị nhiễm HIV. Việc thường ngày của chúng tôi là phải đến với họ, ân cần chăm sóc, thăm hỏi và tạo niềm tin yêu cho họ. Kiên trì tư vấn, kiên trì thuyết phục giúp họ hiểu rõ: Chữa bệnh không chỉ bằng thuốc mà phải có nghị lực thay đổi cách sống; sống lành mạnh, ăn uống, luyện tập đều đặn; sinh hoạt khoa học, chăm sóc, vệ sinh thân thể thường xuyên!...

Xuống thăm Khoa sản, Bệnh viện đa khoa thành phố Vũng Tàu, nhân viên và người bệnh ríu rít chuyện trò hàn huyên với Kha cứ như người trong nhà. Nguyễn Thị P. và Trần Thị H. là hai phụ nữ mang thai được bệnh viện tư vấn và xét nghiệm khẳng định HIV dương tính, được Trung tâm cấp thuốc điều trị dự phòng lây, nay trở lại thăm khám và nhận thuốc; níu lấy vai bác sĩ Kha, nước mắt giàn giụa, giọng líu ríu:

- Bác sĩ ơi, nhờ bệnh viện, nhờ bác sĩ cấp thuốc nên chúng cháu sinh nở “mẹ tròn con vuông”. Con của chúng cháu mới không bị lây nhiễm. Chúng cháu mới sống được như thế này tới tận hôm nay!

Đưa đôi bàn tay nắm lấy bàn tay hai cháu P. và H. lắc nhẹ nhẹ, bác sĩ Kha nói lời ngọt ngào:

- Mừng cho hai cháu. Đó là công việc của thầy thuốc. Việc của hai cháu là phải thực hiện đúng lời khuyên của bác sĩ. Chú ý uống thuốc ARV đúng giờ giấc như hướng dẫn!...

Nhớ một lần, cùng bác sĩ Kha tới thăm Trung tâm Giáo dục lao động và dạy nghề của tỉnh đóng ở huyện Tân Thành vào đúng giờ thăm khám bệnh nhân. Người bệnh ở mấy hàng ghế chờ tại Phòng y tế của trại đúng cả dậy khi bác sĩ Kha xuất hiện. Họ mừng rỡ gọi tên bác sĩ rồi vây lấy Kha, kể về tình trạng sức khỏe của mình. Nhận ra sự đau đớn của một nam bệnh nhân quê Thanh Hóa, bị nhiễm HIV do tiêm chích ma túy, đang có dấu hiệu bị sốt

cao, Kha cho cháu vào phòng khám rồi trực tiếp thăm bệnh. Chiếc nhọt lớn giữa sống lưng đang lên mủ là chứng nhân gây sốt cho bệnh nhân. Chuyển gấp bệnh nhân sang phòng phẫu thuật, Kha ân cần động viên, an ủi rồi tự tay rạch mủ cho cháu, con nhức tan biến, người nhẹ nhõm trở lại; nước mắt giàn giụa vì xúc động, đôi bàn tay nắm lấy tay bác sĩ Kha, giọng lập bập: - Cháu cảm ơn bác sĩ Kha rất nhiều. Cháu... cháu... chỉ tại... cháu!... Từ thăm sâu noi ánh mắt và lời nói của người bệnh ấy hình như còn chứa đựng cả sự ân hận vì những lỗi lầm do chính họ gây nên.

Tại đây, bữa ấy, Giám đốc Trung tâm Giáo dục lao động và dạy nghề, ông Đỗ Ngọc Điền cho chúng tôi hay: “Trung tâm hiện quản lý trên 740 học viên, trong đó đối tượng nhiễm HIV/AIDS tới 206 người, chiếm 27,80% số học viên”. Giọng chắc định, trộn đẫm niềm vui: “Công việc quản lý là trách nhiệm đương nhiên của chúng tôi. Còn công việc cắt cơn cai nghiện và điều trị cho học viên đạt kết quả tốt là do phòng y tế của chúng tôi đã tuyệt đối thực hiện điều trị theo phác đồ của Bộ Y tế và những chỉ dẫn cụ thể của Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS, nên đã chăm sóc chữa trị kịp thời các hội chứng cai, không để xảy ra tác dụng phụ. Thực hiện việc khám và điều trị cho học viên đúng bệnh, đúng phác đồ, cấp thuốc đủ liều”. Hơn thế (ông xoay người về phía bác sĩ Kha) rồi kể: “Nhờ sáng kiến của bác sĩ Bùi Minh Kha nên chúng tôi thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và Phòng khám ngoại trú bệnh viện Bà Rịa tối trung tâm của chúng tôi để tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, khám phát hiện bệnh cơ hội, điều trị - xét nghiệm máu, cấp phát thuốc ARV cho học viên định kỳ hàng tháng tại Trung tâm!”... Chuyện về sáng kiến nhỏ, thầm lặng của bác sĩ Bùi Minh Kha tại đây, lúc này lúc nọ người ta vẫn rỉ rả nhắc đến, bởi nó không chỉ đem lại tiện ích cho Trung tâm Giáo dục lao

động và dạy nghề mà còn rất tiện ích cho cả học viên khi sức lực và tiền bạc của họ đã suy tàn.

Hồi ra mới biết, để có kết quả “vận hành” hợp lý trong khám, cấp thuốc điều trị cho trại viên hợp lý kể trên là cả một kỳ công của bác sĩ Bùi Minh Kha. Ông kể rằng, “những năm trước từng trực tiếp thấy cảnh công an, quản giáo đưa trại viên ở diện 05 (mại dâm), 06 (tiêm chích ma túy) bị nhiễm HIV tới địa điểm cố định tại Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của nhà tài trợ nước ngoài để được tư vấn, khám, xét nghiệm, rồi trực tiếp ký nhận thuốc ARV. Đường xa, để chống trại viên trốn chạy, họ phải thuê công an dẫn giải, phải dùng xe bịt bặt, thậm chí có đối tượng còn bị xích tay. Nhiều gia đình phải tốn tiền công đi theo con... Tình thế ấy khiến bác sĩ Kha động lòng ngẫm ngợi về quyền con người, về tính nhân đạo đối với người bệnh, về sự tốn kém sức người, sức của lặp đi lặp lại nhiều lần đối với Trung tâm Giáo dục lao động và dạy nghề của tỉnh. Ngay lập tức, Kha này ra cách: lập đội khám lưu động, hằng tuần sẽ tới trại (nay gọi là Trung tâm Giáo dục lao động và dạy nghề) để khám, xét nghiệm, điều trị, tư vấn, cấp thuốc uống cho bệnh nhân theo đúng quy định của Bộ Y tế và nhà tài trợ. Ý tưởng ấy ngay lập tức nhận được sự ủng hộ của Trung tâm và lãnh đạo Sở Y tế, nhưng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và nhà tài trợ lại băn khoăn về tính hiệu quả. Thêm lần nữa, xuất phát từ lương tâm, từ đạo đức nghề nghiệp của người thầy thuốc, Kha phải kỳ công thuyết phục, giải thích về nhu cầu điều trị của bệnh nhân trên địa bàn là thực sự cần thiết và cũng là quyền được thụ hưởng của người bệnh khi mà dự án được triển khai ngay tại Bà Rịa. Kết cục, sau một năm làm thử có hiệu quả cao, nhà tài trợ đánh giá lại nhất trí nhân rộng. Sở Y tế và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chính thức có quyết định lập Đội khám lưu động (gồm các bác sĩ của Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và

Bệnh viện đa khoa tỉnh) do bác sĩ Bùi Minh Kha làm đội trưởng trực tiếp xuống khám theo định kỳ. Hiệu quả của công việc rõ như ban ngày: Hai năm qua, lượng người được điều trị thuốc ARV ở tỉnh tăng lên đáng kể. Tỷ lệ bệnh nhân chết vì AIDS giảm xuống rõ rệt (năm 2006, có tới trên 200 người chết, năm 2010 chỉ có trên 50 người chết). Khi đó, số người nhiễm HIV chuyển sang AIDS cũng giảm đi trông thấy (10 năm trước Bà Rịa - Vũng Tàu đứng thứ 3 trong tốp 10 địa phương của cả nước về tỷ lệ số người lây nhiễm HIV, nay tụt xuống thứ 8)...

Trở lại câu chuyện với bác sĩ Lý Bạch Nga, Trưởng khoa sản ở Bệnh viện đa khoa thành phố Vũng Tàu, tôi băn khoăn: “Vì sao Giám đốc Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS, trụ sở đóng tại thị xã Bà Rịa, cách thành phố những mẩy chục cây số mà bác sĩ Kha với nhân viên và bệnh nhân ở đây lại thân thiện với nhau đến thế?”. Bác sĩ Nga, sôi nổi lý giải: - Anh ấy là bác sĩ đa khoa rất sâu sát, xưa đã có thời làm việc tại bệnh viện này, nay chuyên sâu về HIV/AIDS nên mỗi khi “có chuyện” là chúng tôi “gọi”. Đã gọi là tới... Mà này, các anh chị nhà báo còn lạ gì nữa, nhìn tướng mạo của anh Kha là nhận ra y chang con người của ngành y: cần cù, thân thiện, cẩn trọng; nói ít, làm nhiều, “chuyên tâm bảo vệ sinh mạng của con người, lo cái lo của người, vui cái vui của người, lấy việc cứu sống mạng người làm nhiệm vụ của mình, không cầu lợi kỉ công” y hệt lời dạy của cụ Hải Thượng Lãn Ông!... Anh ấy từng nói với chúng tôi: Việc của người thầy thuốc là cốt sao phục vụ người bệnh tốt nhất, không ai được ngại khó, không ai được ngại khổ. Mỗi khi bệnh nhân có nhu cầu tư vấn, xét nghiệm, cấp thuốc điều trị... thì phải đến với họ, tìm mọi cách đáp ứng tốt nhất trong điều kiện có thể... Không ai khác, chính Bùi Minh Kha đã tham mưu cho Sở Y tế chỉ đạo tuyến chặt chẽ xuống các đơn vị liên quan, tạo thành hệ thống liên hoàn từ Trung tâm tới các đơn vị có dịch vụ về

HIV/AIDS. Nhờ thế Trung tâm đã thực sự là đơn vị đầu mối liên kết với các sở, ban, ngành, đoàn thể, báo chí... tạo nên sức mạnh tổng hợp trong phòng, chống HIV/AIDS... Còn ở đây, công việc của Khoa sản của chúng tôi chỉ là sự góp sức! Giọng chùng lại, bác sĩ Nga kể: - Mấy năm trước, khi triển khai rộng khắp Chương trình lây truyền mẹ sang con thì phát hiện khá nhiều bà mẹ mang thai bị nhiễm HIV. Từ đó, trung tâm của anh Kha đã giúp tư vấn để xét nghiệm HIV cho họ. Năm qua, nhờ tư vấn tốt nên con số tổng hợp cho hay, trên khắp các bệnh viện lớn của tỉnh và huyện có đến 80% bà mẹ mang thai được tư vấn và xét nghiệm. Khi phát hiện bà mẹ bị nhiễm, bệnh viện lập danh sách theo dõi, quản lý và cho họ biết, đồng thời cấp thuốc uống dự phòng cho tới khi sinh. Khi họ sinh xong thì chuyển sang phòng điều trị người lớn. Con của họ được chuyển sang phòng khám nhi chăm sóc và xét nghiệm nhiễm!...

Ấy vậy mà những ngày các nhà báo chúng tôi ở Bà Rịa - Vũng Tàu cùng ăn cùng ở với bác sĩ Bùi Minh Kha, những thông tin liên quan tới anh như thế thường chẳng nhân chẳng cộng cho mình. Hỏi về ấn tượng với nghề y, anh nở nụ cười rất tươi rồi lặng đi pha chút đắng cay, chua chát:

- Chuyện riêng tư của mỗi người. Nói làm chi cho thiên hạ cười. Tôi là con thứ trong gia đình những 6 chị em, bố mẹ đều là công chức nghèo tại thành phố Thái Bình. Tốt nghiệp Đại học Y năm 1986, theo quyết định, vợ chồng tôi chuyển vào Vũng Tàu (lúc ấy gọi là đặc khu). Vợ tôi lúc ấy là giáo viên dạy Nga văn. Còn tôi về làm việc tại Bệnh viện Lê Lợi. Ngày ấy tôi rất tự hào vì công lao học tập không uổng, bố mẹ tôi ở ngoài Bắc cũng rất vui và toại nguyện. Bởi thế tôi gắng sức làm việc hết mình với chức phận của người bác sĩ trị bệnh cứu người... Nào ngờ, đầu năm 1989, lúc đó Nhà nước ta có chính sách giảm biên chế. Tôi là người mới nhập môn nên đương nhiên phải có tên trong danh sách giảm. Tiếc nghề tiếc nghiệp,

tôi giấu tiếng khóc vào lòng, cầm quyết định nghỉ 3 tháng để tìm việc. Chân ướt chân ráo nơi đất khách quê người biết tìm đâu ra việc hợp với sở trường. Đã thế, lúc ấy vợ chồng tôi và đứa con nhỏ mới sinh lại không nhà không cửa, phải nương nhờ cửa Phật ở ngôi chùa Tàu thuộc phường 8. Khổ nỗi, vốn được bố mẹ chiều chuộng không phải làm gì ngoài học; khi ra đời chỉ chúi mũi vào công việc, nên lúc phải tự lo mới thấy mình không có kỹ năng tự sống, lo ngo như gà công nghiệp. Đầu thế Kha cũng phải cày đầu cày cổ tròng rau nuôi heo, rũ vỏ bao xi măng thuê để kiếm đồng tiền ít ỏi cho qua ngày đoạn tháng... Và rồi, cũng thật không ngờ sau đấy ít năm, Đặc khu tiến hành gom một số phường lại vào ba khu vực có chăm sóc y tế cho dân. Bùi Minh Kha được trở lại công việc của ngành tại khu vực 3. Tới năm 1994, anh được chuyển về Trung tâm Y tế dự phòng của tỉnh. Năm 2003, anh được cất nhắc lên chức Phó Giám đốc tại đây. Tháng 8 năm 2006, anh được đề bạt làm Giám đốc Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh cho tới nay. Kha bộc bạch lòng mình: Thú thực, quyết định này lúc đầu cũng làm tôi hãi hụt vì gia tài mới rỗng không. Biên chế cần có cho trung tâm ít nhất cũng phải xấp xỉ 30 người, vậy mà suốt cả năm đầu chỉ có 3 người. Vì nhiều lý do, Kha phải đôn đáo xin trên, phải rủ rê, mời gọi mới đủ bộ khung cho công việc trôi chảy.

Giọng thủ thỉ nhưng quyết đoán, Bùi Minh Kha nói như chỉ để riêng chúng tôi biết:

- Nay giờ thì chẳng riêng gì tôi đâu, mọi người trong trung tâm đều yêu thích công việc, một lòng một dạ sống chết vì nghề với trách nhiệm cao cả bằng y đức của người thầy thuốc Việt Nam!

*Vũng Tàu - Hà Nội, ngày 15/12/2010*

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012.

## MẸ HIỀN CỦA DÂN BẢN CHÀ NƯỚA

**D**ào Ngọc Giang - tay xe máy cự phách của xứ Mường Trời, (phu quân đồng nghiệp của tôi ở Báo Điện Biên Phủ) hết trọn 5 giờ đồng hồ, mới qua nỗi cung đường 150 cây số men theo biên giới Việt - Lào tha xếch tôi tới xã Chà Nưa, huyện Mường Chà... Dừng xe. Hỏi cô gái người Mông: - Về Trạm y tế Chà Nưa còn bao xa nữa? Khuôn mặt trẻ măng, tươi tắn, tiếng Kinh chưa sõi, nhưng giọng vồn vã chân tình: -Ồ. Về trạm xá bà Mây hả? Mẹ hiền của dân bản ta đó. Không xa đâu. Hai... ba... cây nữa thôi. Đi là tới ngay mà!...

Đoán độ đường, nhìn mạn phải, tun hút dưới chân núi, tẩm biển xanh chữ trắng, chǎng ngang hiện lên: "Trung tâm y tế huyện Mường Chà/Trạm y tế xã Chà Nưa". Xe chệch choạng men theo lối dốc ngoằn ngoèo lởm chởm những đá là đá; rợn hết cả tóc gáy, tôi quắp chặt lấy eo người lái để xuống trạm... Ấy là mồng 3 - dịp nghỉ Quốc lễ mừng 2/9/2010. Vậy mà, các gian nhà cấp phát thuốc, phòng tiêm, buồng khám bệnh, buồng điều trị, phòng sản, phòng kế hoạch gia đình... vẫn sôi động không khí làm việc. Trạm trưởng Nguyễn Thị Mây, người chúng tôi cất công tìm gặp, buông lời đầm nhiên: - Bệnh tật có chừa giờ giấc cho ai đâu. Ở đây dân bản không có khái niệm ngày nghỉ, giờ nghỉ cho nên gần như ngày nào chúng em cũng làm việc bình thường. Vói lại, nghề của chúng em ở chốn heo hút này, dân bản có bệnh tìm đến trạm xá, tìm đến

thầy thuốc là chúng em vui rồi. Các anh biết không, mấy chục năm trước đây, em làm Trưởng trạm y tế xã Nậm Hàng, huyện Mường Nhé, dân nghe theo Vàng Chứa nên hẽ ốm đau, bệnh tật là tìm đến thầy mo cậy nhờ cúng bái. Dịch ly xảy ra. Thầy mo ra phép. Thầy cúng vái lẩy vái đê. Cái chết vẫn rình rập khắp bản này, bản nọ. Đạo ấy, cả trạm y tế của em phải vào cuộc bằng cách bám lấy dân, tìm đến dân, đem thuốc của Chính phủ phát cho dân. Chúng em thay nhau lên tận bản Hồi Chát, Nậm Nàn, trèo đèo lội suối đến từng ngôi nhà của người Mông cheo leo, vắt veo trên sườn núi ở chốn mây sương để thuyết phục họ; kèm họ uống thuốc bằng được trước mặt mình. Giải thích cho họ rõ căn nguyên gây ra bệnh lý nguy hiểm chết người này. Vận động, chỉ dẫn họ cách làm nhà xí, hố tiêu; hướng dẫn họ cách thức ăn ở, vệ sinh môi trường, nhốt trâu, lợn, gà, vit xa nhà. Chủ động gặp thầy mo, thầy cúng thuyết phục họ thôi hành nghề huyền hoặc, ảo tưởng; để yên cho các thầy thuốc của Chính phủ chữa bệnh cho dân!... Cứ thế, y sĩ Mây gắn bó với dân bản Nậm Hàng, Mường Nhé suốt 24 năm liền. Nhờ Mây, nên người Mông, người Thái noi đây ai ai cũng hiểu: "Lương y như từ mẫu". Gia đình Thào A Thè, Lý Văn Phương, vợ con lâm bệnh nặng được Mây cứu chữa. Mấy mươi năm qua đi, giờ gặp lại, vẫn câu chào, tiếng gọi đầm thắm: - Mẹ Mây! Mẹ hiền của nhà, của bản ta oi!...

Tám năm nay, Mây về gắn bó với Trạm Y tế xã Chà Nưa, huyện Mường Chà, thân thương như gốc gác quê đê ở Vũ Tây, Kiến Xương, Thái Bình. Hồi chuyện Chà Nưa, Mây vanh vách kể rằng: Xã có 7 bản với 456 hộ. Dân số 2.368 người, nhưng diện tích có tới 9.832,7ha, toàn là núi cao, vực thẳm. Số hộ nghèo 116/456 hộ. Số người nghèo 626/2.368 người. Có 4 dân tộc anh em: Thái, Mông, Mường, Kinh... Hồi công việc của trạm y tế, Mây bảo: Trạm có 6 cán bộ (3 nam, 3 nữ), gồm 5 y sĩ, 1 nữ hộ sinh. Mây là trạm trưởng.

Trạm phó là y sĩ đa khoa Lò Văn Tường, dân tộc Thái, ở Điện Biên mới lên, khá thạo nghề. Hồi việc, giọng Mây tênh tênh: Mấy năm trước vất vả lắm. Người của trạm phải tìm đến với bệnh nhân tại bản, tại nhà. Phải cấp thuốc cho họ, kèm cặp họ uống từng viên thuốc. Nay thêm người, đỡ việc, dân đau ốm đã biết tìm về trạm y tế. Ngoài công việc chuyên môn cụ thể, trưởng trạm phải bao quát chung; gắn kết các cán bộ của trạm bằng cách phân công phụ trách việc, phụ trách bản. Mỗi khi xuống bản phải thực hiện các công việc: truyền thông phòng, chống bệnh tật, kiểm tra dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh nơi ăn ở, môi trường sinh sống, an toàn thực phẩm, sinh đẻ, bảo hiểm... theo chương trình, kế hoạch đã định. Xã rộng, bản làng cao, xa. Bản Nậm Địch của người Mông cách trạm tối 47 cây số đường núi, chỉ mùa khô mới dễ dàng lên tới. Những nơi này thường yếu kém về các công trình vệ sinh, về cách ăn ở. Để "cuốn chiếu" công việc cho từng bản, Mây tìm cách "dựa" vào "uy quyền" của xã, họp Ban Chăm sóc sức khỏe, rồi họp với các trưởng bản. Về bản, trưởng bản triệu dân tới họp, nói lời khai mạc, kế đó Mây và cán bộ y tế của trạm tuyên truyền giải thích cặn kẽ lý do của công việc và cách thức làm. Vì thế, từ chỗ "trắng", nay công trình vệ sinh tiêu chuẩn của xã, đạt tới trên 65%. Biết cách truyền thông sát thực nên Chà Nưa rất ít người sinh con thứ ba; xã cũng không còn cảnh cúng bái chữa bệnh, không có ai nghiện hút, không có người lây nhiễm HIV. Ốm đau, dân bản biết tìm về trạm y tế xã bất cứ lúc nào, kể cả đêm hôm khuya khoắt nhờ khám bệnh, xin cấp thuốc; xin đặt vòng, nhờ tư vấn cách thức phòng chữa bệnh... Trung bình mỗi tháng có tới 300 lượt người tới khám chữa bệnh, gần chục triệu tiền thuốc được cấp phát cho dân trong tháng... Tình cờ chúng tôi gặp đồng đảo người nhà của cụ Lò Thị Răng. Cụ bị bệnh tim khá nặng, đang điều trị tại trạm. Cụ ông niềm nở nói với chúng tôi: Bà ấy nằm viện huyện mới hơn

một tuần, bệnh chưa lui, nhưng cứ một mực xin về trạm của bà Mây (ý nói Trạm Y tế xã Chà Nưa). Trạm bà Mây chữa cho nhiều người Mông, người Thái của ta khỏi bệnh. Cán bộ của trạm rất vui vẻ, gần gũi như người họ hàng thân thiết ấy mà! Nói rồi ông lão buông chuỗi cười ha hả đầy ắp tin yêu, khiến căn phòng ấm áp hẳn lên.

Cùng ăn, cùng ở với trạm, chúng tôi mới hay, ở đây ai cũng chỉ tâm niệm: Sống hết mình với công việc, không ngừng học hỏi để nâng cao y thuật, nhân thuật, rèn giũa y đức, tận tâm với nghề, để không “cầu lợi kể công”. Ở đây chẳng ai ngại việc, không ai xách nhiễu bệnh nhân, và chẳng ai biết đến mệnh từ “phong bì lót tay”, một căn bệnh trầm luân đâu đó. Nơi đây, thầy thuốc với bệnh nhân trong sáng, lành mạnh như khí trời, mây núi. Y sĩ đa khoa Lò Văn Tấn rู้ rỉ nói với chúng tôi: Sống và làm việc với cô Mây thật dễ chịu. Cô ấy rất quan tâm tới tâm tư, nguyện vọng của nhân viên. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ rất rõ ràng. Chúng em chủ động phần việc của mình theo kế hoạch. Thực hiện đi báo cáo, về báo công!... Còn Lò Văn Tường lại cho rằng: Cần học hỏi chị Mây cách điều hành công việc rất cụ thể, hợp lý, hợp tình; cách thức kiểm tra, giám sát rất sát sao theo chuyên môn!

Hỏi Mây về mong ước tới đây của riêng mình? Nét, thanh tịnh, cương trực, mạnh bạo, trọng lẽ tín của người phụ nữ tuổi Tuất (1958) hiện đậm trên tướng mắt, tướng miệng, giọng mạch lạc: - Nghề của em là nghề chữa bệnh, cứu người. Cho nên đạo đức phải xếp hàng đầu. Vì thế, cùng với rèn nghề, chúng em phải luôn luôn rèn đức, hướng tâm, hướng thiện, để xứng với lời Bác教导: “*Lương y như tùng mẫu*”!

Chia tay Trường trạm y tế Chà Nưa và những cán bộ của trạm vào đúng lúc người bưu chính chuyển tận tay thư mời Nguyễn Thị Mây về dự Đại hội thi đua của tỉnh Điện Biên khai mạc vào sáng

ngày 10/9 năm nay (2010). Bất chợt suy nghĩ nhỏ về Mây cứ lay là trong tôi: Đại hội hôm ấy rồi những ai sẽ biết về Mây rời quê lúa Thái Bình, hiến trọn cả tuổi xanh mình vì sức khỏe của dân bản noi ven trời Tây Bắc? Ai sẽ biết tới Mây, nay tóc đã pha sương, nụ cười héo lệch vẫn mê, vẫn say, vẫn âm thầm “ủm lửa”, trọn đời với ngành y như người mẹ nhân đức, nhân từ nhất của dân, của bản?

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*,  
Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012.

## LÀM GIÀU TRÊN ĐẤT KHÁT

**T**rời hửng. Theo xe của Lầu A Vàng, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy Mường Áng (Điện Biên), chúng tôi ngược lên bản Ko Háng của người Mông, thuộc xã Ång Nưa, thăm gia đình “tỷ phú” Lầu A Lử.

Nhanh nhẹn làm thịt con cá trắm vừa cất dưới ao lên rồi giao cho vợ nấu nướng, quét quệt đôi bàn tay vào đai quần cho ráo nước, giọng miết mài, Lử kể về lịch trình lập nghiệp như nói với những người thân thiết lâu ngày gặp lại: Quê gốc của mình ở Tòa Tình, dưới chân đèo Pha Đin, huyện Tuần Giáo. Xã hồi xưa ấy nghèo xác nghèo xơ. Núi đồi trọi tro, nước kiệt, đất cằn. Cố mấy vẫn nghèo, làm mấy vẫn đói. Quanh năm suốt tháng, bữa ăn, bữa nhịn. Nhà nhà con cháu thất học. Xem ra, trời không muốn người Mông trên đất ấy sung sướng nên mình mới bỏ bản lên đây vào cuối năm 1968. Nói là bỏ, chứ đúng ra là nhờ anh Nguyễn Đức Vượng, hồi đó là Trưởng ban Phong trào Thanh niên tỉnh Lai Châu (cũ), hiện giờ là Bí thư Huyện ủy Mường Áng, khuyên mình đi xây dựng bản Thanh niên lập nghiệp theo tinh thần “Đâu cần thanh niên có/Đâu khó có thanh niên”. Anh Vượng bảo: Đó là lời dạy của Bác Hồ. Vâng lời Bác, thanh niên mình phải biết vượt khó đi lên, phải hăng hái tìm cách xóa đói nghèo thì mới xứng là con cháu của Bác Hồ!... Nghe có lý, có tình, vợ chồng mình cùng 16 gia đình đại bộ phận chủ hộ là thanh niên, tình nguyện rời Tòa Tình về đây

lập bản. Bởi thế, đất Ko Háng ngày ấy mới có cái tên là Bản Thanh niên lập nghiệp làm theo lời Bác!...

Ngỡ tưởng lên đây sẽ nhanh chóng đổi đời, ai ngờ trăm bể gian khó. Ko Háng đất rộng và khá bằng phẳng nhưng hoang hóa, bởi quanh năm khô khát, mọi việc trồng cấy đều phải “nhờ giờ”. Nhọc nhằn suốt mấy năm xới đất lật cỏ, cấy lúa, trồng khoai, trồng sắn mà chẳng hon gì nên vài ba hộ lại trở về chốn cũ. Nhà Lử cùng hơn chục hộ kiên trì trụ lại, nghe lời chỉ dẫn của cán bộ huyện mở đất trồng cà phê tạo vùng hàng hóa mới. Lúc đó, A Lử cũng băn khoăn vì noi đây người ta từng nói: Cà phê là cây của nhà giàu! Mình nghèo xác nghèo xo, với lại không ít nhà đã trồng cà phê nhưng cứ cắn cọc. Thế nhưng cán bộ huyện nói và cầm tay chỉ việc: Cây cà phê rất cần hoi người. Trồng nó thì phải chăm nuôi nó. Phải kỳ công từ khâu làm đất, đánh băng, bồ hố, đặt hom đúng quy cách sao cho ngay hàng, thẳng luống, mỗi ha đủ 3.500 cây. Khi nhà nhà cà phê giăng ra kín vườn, kín bãì thì vấn đề chăm bón, thu hái lại nảy sinh, A Lử phải lặn lội đường xa tìm tới Trường nghề tinh và các doanh nghiệp cà phê học cách chăm bón, bứt lá, tía càành; chống bệnh nấm, khô càành, khô quả, thu hái cốt sao vụ sau sai hoa dày quả hơn vụ trước... Đặc biệt, học được kỹ thuật chăm sóc cà phê, A Lử trở về vừa làm vừa hướng dẫn bà con dân bản và các lao động thường ngày mình thuê mướn. Nhờ vậy, cuộc sống mới ngày một hiện rõ. Nhưng đó chỉ là “nhờ trời” mưa thuận gió hòa. Những năm nắng hạn, cà phê héo lá thì lòng người cũng nhầu nhĩ. Không chịu thua “trời”, A Lử lại bỏ công đi tìm nguồn nước; mấy anh em trong bản rủ nhau góp cả trăm triệu mua ống nhựa, dẫn nước suối Vách Đá từ núi Mường Phăng xa mấy cây số lấy nước về sinh hoạt, tưới cà phê, đào ao thả cá.

Lầu A Lử dẫn chúng tôi ra thăm vườn cà phê vây quanh nhà, và ao cá trước cửa. Anh cho biết, bản Ko Háng đã có 16 hộ,

trong đó có hai hộ bỏ về rồi lại trở lại. Nhà nhà trồng cà phê, chẳng ai cam chịu đói nghèo. Gia đình Lử có hơn 3ha cà phê và một ao cá rộng 800m<sup>2</sup>... A Lử bảo: Nhà mình ở diện bền vững rồi. Tiền cà phê, tiền cá, lợn, gà, gia súc mỗi năm cũng hàng trăm triệu. Tổng tài sản khoảng tỷ đồng. Nhưng, cái được lớn nhất là hai con mình đều nêu người. Trăm sự nhờ cà phê cả đó!... Bây giờ mình càng thấu hiểu lời Bác Hồ dạy thanh niên: “Không có việc gì khó/Chỉ sợ lòng không bền/Dào núi và lấp biển/Quyết chí ắt làm nên”, sát thực biết chừng nào!

Trích trong tập *Làm theo lời Bác*,  
Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012.

## CÚ A HỒNG - BÁC SĨ CỦA DÂN BẢN MÔNG

Lão nông, dân tộc Mông (người nhà bệnh nhân) trạc tuổi 60, đơn đả dẵn tôi lên phòng Giám đốc Cú A Hồng. Cửa mở, giám đốc không ở đó. Lão phân bua: Nó là thầy thuốc... à à... bác sĩ... Bác sĩ tốt của người Mông ta đấy. Nhiều việc lắm. Không khi nào được chơi đâu! Nhân thể lão dẵn tôi tìm hết nơi này nơi nọ. Tới Phòng Kế hoạch - Tổng hợp ở cuối tầng 2, lão khẽ reo lên: Giám đốc đây rồi. Người đội mũ xanh, quần áo xanh, đang sổ sách gì đấy với cán bộ của nó! Nói rồi, lão cun cút về khu điều trị, khiến tôi không kịp với theo để có lời “cảm ơn”!



Bác sĩ Cú A Hồng

Gói lại việc, Giám đốc Cứu A Hồng đưa tôi về phòng. Đưa chén trà mời tôi uống, ông nhỏ lời: "Xin lỗi, cho mấy phút để nhập dữ liệu kéo lõi quên!". Tay thoăn thoắt rê chuột, mấy đầu ngón lướt trên bàn phím như nghệ sĩ piano. Xong việc, ông ngồi chuyện với tôi, nhưng liên tục bị ngắt quãng, bởi nhân viên vào ra xin ý kiến, lấy chữ ký. Chạnh nghĩ, lời lão nông người Mông nói không sai: "Nhiều việc lắm. Không khi nào nó được chơi đâu"! Kiệm thời gian, tôi hỏi ngay: "Thảm họa lũ quét với Mù Cang Chải đã lùi xa cả tháng; nhưng nỗi đau và lòng on nghĩa với những tấm lòng thom thảo, vượt khó vì dân của Trung tâm Y tế sẽ còn mãi trong tâm thức nhân dân, có phải thế không, thưa Giám đốc?". Khuôn mặt phúc hậu, đôi mắt hiền từ, lời cặn kẽ:

"Ở đâu cũng vậy, làm ngành y thì phải hết lòng vì dân. Trận lũ đầu tháng 8 mới rồi là tai họa quá lớn với nhân dân Mù Cang Chải chứ không riêng gì Trung tâm Y tế của chúng tôi. Hôm ấy là đêm mồng 2 bắt sang ngày 03/8/2017, mưa như xối nước gây nên siêu lũ từ núi Kim Nọi tràn xuống khe suối, xô cả đá hộc, đá tảng thành lũ ống, lũ quét dữ dằn tông thẳng xuống thị trấn huyện và các xã lân cận, gây thiệt hại nặng nề về người, nhà cửa, tài sản và các công trình công cộng. Số liệu thống kê xác nhận có 8 người chết, 6 người mất tích, 9 người bị thương nặng... Ngay lúc tai họa xảy ra, ngành y tế huyện đã huy động tối đa lực lượng tham gia công việc tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; cấp cứu người bị thương, tìm kiếm người mất tích.

Trung tâm khẩn cấp thành lập và huy động 2 đội cấp cứu lưu động. Trong đó, một đội túc trực tại hiện trường, làm nhiệm vụ sơ cứu tại chỗ những ca bị vùi lấp và bị lũ cuốn sau khi tìm được; đồng thời cấp cứu những người thân của họ bị sốc, bị choáng, kể cả những người tham gia tìm kiếm bị thương; tổng số có tới 37 người được sơ cứu... Đội thứ hai túc trực tại Trung tâm Y tế, phối hợp

với kíp phẫu thuật của Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ tiếp nhận bệnh nhân được đưa tới từ những nơi xảy ra tai họa, kịp thời chữa trị. Tổng số có 9 ca được cấp cứu; trong đó 4 ca nặng phải chuyển tuyến trên; 5 ca điều trị tại Trung tâm, 2 ca phải phẫu thuật do gãy chân và xương đòn!...

Cùng thời điểm này, chúng tôi cũng thành lập và triển khai 2 đội phòng, chống dịch bệnh. Trong đó, đội 1 làm nhiệm vụ thanh khiết môi trường tại các địa điểm thiên tai gây ra, như khu vực tổ 8 của thị trấn gồm 33 hộ bên bờ suối bị sạt lở; các khu trường tiểu học, trung học phổ thông, trường mầm non, trung tâm chính trị, khu dân cư bản Thái... Cấp nước rửa tay nhanh, viên xử lý nước ăn aquatab cho 300 hộ gia đình và các lực lượng tham gia cứu hộ, giải quyết hậu quả sau lũ... Đội thứ 2, túc trực tại điểm tập kết xác nạn nhân, tiến hành khử trùng, tẩy uế và xử lý với tổng số 8 thi thể. Tiếp đó, đội tiến hành thu gom, xử lý rác thải; phun khử trùng, tẩy uế toàn bộ các khu vực tìm thấy thi thể nạn nhân; phun rắc cloramin B toàn bộ các hố xác động vật trước khi đưa đi chôn theo quy định... nên không để dịch bệnh gây ra sau thiên tai!"...

Tôi xen lời: "Tai họa cũng gây thiệt hại nặng nề cho cán bộ Trung tâm Y tế của huyện?". Cứ A Hồng khẽ nhíu đôi lông mày đậm và dài, kể: "Người ngành y trên đất này khó khăn lắm, ấy vậy mà trận lũ dữ dồn lại còn làm 9 gia đình cán bộ y tế bị thiệt hại nặng nề; trong đó có 3 gia đình mất cả nhà và tài sản. Chăm lo công việc chung, nhưng cán bộ trung tâm của chúng tôi đều cảm thông, chia sẻ, an ủi nhau trấn tĩnh tinh thần; gom góp mỗi người 100.000 đồng hỗ trợ các gia đình gặp nạn. Hơn nữa, sự có mặt kịp thời của lãnh đạo Bộ (bà Đào Thị Ngọc Dung - Phó Chủ tịch Công đoàn y tế Việt Nam) lên thăm, hỗ trợ trên 100 triệu đồng giúp các gia đình bị nạn... đem tới niềm khích lệ lớn lao cho cán bộ trung tâm y tế của chúng tôi!"...

Từng biết Cú A Hồng là bác sĩ chuyên khoa 1, người dân tộc Mông, sinh ra nơi lũng sâu, rùng thẳm xã Kim Nọi, địa phương nghèo khó nhất huyện. Phẩm chất tốt đẹp ở ông, khiến tôi quý trọng là ông từ một y sĩ tận tâm, tử tế, tốt tính, tốt bụng đi lên; gắng gỏi học hành đến nơi đến chốn, trở thành bác sĩ chuyên khoa thông thạo nghề nghiệp. Xứ núi này, ai cũng một ý: Cú A Hồng là thầy thuốc trung thực, tử tế, trách nhiệm, hiệu quả trong công việc. Người bệnh dù là dân tộc Mông, Thái, Kinh, Dao... đều giải bày: Cho dù bệnh tật ra sao, nhưng khi tiếp xúc với bác sĩ Cú A Hồng đều cảm thấy tự tin, mạnh mẽ hơn để chống chọi với tất cả mọi nguyên nhân gây ra bệnh tật!...

Mỗi khi nhìn người có chức quyền, tôi thường để tâm tới sự mờ hướng, dẫn đường của họ hơn là sự ngặt nghèo trong quản lý. Bởi thế, tôi nể trọng bác sĩ, Giám đốc Cú A Hồng bằng tâm đức của mình gây dựng nên lòng tin với gần 60.000 dân, với 12 dân tộc, thuộc 14 đơn vị hành chính của huyện; trong đó 91% là dân tộc Mông, trên xứ núi thẳm sâu đặc biệt khó khăn này. Phục tài tổ chức và quản lý cán bộ của ông, nên Trung tâm Y tế có tới 138 giường bệnh (bao gồm 65 giường tại Trung tâm, 73 giường tại Trạm Y tế xã) tương đương Bệnh viện đa khoa hạng III tuyến huyện với những chức năng không hề nhỏ, như: phòng, chống dịch bệnh, tuyên truyền, truyền thông giáo dục sức khỏe; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; tiếp nhận cấp cứu, điều trị cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện theo đúng Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Trong khi số cán bộ, viên chức chỉ vỏn vẹn 160 người, vậy mà các công việc của Trung tâm luôn được triển khai bảo đảm với chất lượng cao nhất, lòng tin của dân với Trung tâm không ngừng được xây đắp... Nể trọng Cú A Hồng vì khi tai họa lũ ống, lũ quét đổ sập lên đầu lên cổ người dân nghèo khổ, ông đã triển khai nhanh đội hình ứng phó đâu vào đấy. Bởi chính Cú A Hồng

chứ không ai khác từ rất lâu đã tư vấn cho Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh từ huyện tới xã. Kiện toàn đội cấp cứu lưu động và thanh khiết môi trường, lập tổ cấp cứu lưu động tại Trạm Y tế xã. Triển khai đồng loạt công tác phòng dịch bệnh và các bệnh phát sinh theo mùa. Điều tra, giám sát các ca bệnh truyền nhiễm gây dịch, các ổ dịch cũ như quai bị, thủy đậu, cúm, lỵ... trên địa bàn. Chất lượng khám, chữa bệnh không ngừng được nâng lên, thu hút được bệnh nhân vào điều trị nội trú, nhất là người dân tộc Mông ở những bản xa. Công nghệ thông tin được áp dụng vào chuyên môn khi kê đơn, làm bệnh án trên hệ thống phần mềm "Bệnh viện điện tử" Viettel - HiS, tự động liên thông với hệ thống phần mềm của bảo hiểm xã hội, quản lý thuốc, quản lý nhân sự, vật tư y tế tiêu hao... Phối hợp với Phòng Y tế huyện lập các nhóm hỗ trợ, Trạm Y tế xã để xây dựng xã Mô Đề thành xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế xã...

"Người ngành y phải coi trọng việc cứu giúp người, đừng nhăm nhăm chỉ lo kiếm tiền"! Ấy là tâm tư và cũng là lời bộc bạch của bác sĩ Cú A Hồng. Hắn vì thế nên đồng nghiệp gần gũi, mến mộ, học hỏi và theo gương ông. Những ca mổ khó, phức tạp ông đều chủ trì. Những tốp trực đêm, gấp ca nặng, họ đều cậy nhờ tới ông... Nhiều bệnh nhân ở bản xa, đêm tối, bệnh tình nguy kịch cần đưa tới bệnh viện cấp cứu, nhưng gia cảnh quá khó khăn, ông cho xe tới cứu chữa tại nhà... Y tế thôn bản là đường dây kết nối, thông tin quan trọng với Trung tâm, họ phải được tập huấn, được chỉ bảo thường xuyên, nên Cú A Hồng thường bố trí thời gian, kể cả ngày nghỉ để đến với dân bản. Nhiều thôn, bản phải mất ngày mất buổi leo bộ mới tới, thế nhưng 28 năm là bác sĩ (kể từ khi ở Bệnh viện đa khoa của huyện), ông đã tới trên 90/120 thôn, bản. Bởi thế dân bản mới nhận ông là bác sĩ của người Mông!

Chia xa Mù Cang Chải, tôi đem về lòng ngưỡng mộ, mến yêu Cú A Hồng, bác sĩ người dân tộc Mông bởi trái tim nhân hậu luôn vì sự sống và sức khỏe của con người; bởi lý trí luôn vươn tới để hiểu biết cặn kẽ về khoa học, về tiến bộ của y học, vận dụng để phục vụ người dân nơi xứ núi xa xôi, gập ghềnh, nghèo khổ nhất nước này! Cho dù, mỗi năm khi mùa thu sang, ruộng bậc thang của đồng bào Mông nơi đây, lúa vẫn chan chan vào vụ chín, nhuộm “Sóng vàng trên non”, rộm rả khách tứ phương!

Trích trong tập *Rìa rừng - Ngách phố*,  
Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016.

## GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KIỂM TRA ĐẢNG



*Đồng chí Nguyễn Thị Phượng*

**N**ét suy tư đầm trên khuôn mặt, ánh mắt và giọng nói của chị Nguyễn Thị Phượng, nguyên Vụ trưởng Vụ VII, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, sau chuyến du lịch ở Khu di tích lịch sử Côn Đảo trở về. Chất giọng nhẹ nhàng, sâu lắng như nói với người của thời đã qua, của ngày hôm nay và mai sau: Có đến Côn Đảo mới thấy mình phải tự ngẫm lại mình. Gắng biết bao trong công việc cũng khó để xứng với sự hy sinh anh dũng của các chiến sĩ cách mạng trong lao tù của đế quốc. Đến đó, trở về, tâm đúc, tâm thức của con người sẽ trong sáng hơn lên, sẽ bớt bon chen, sẽ không nô ích kỷ, quan liêu, tham nhũng, tham ô, sa đọa, thoái hóa. Nói ấy,

lâu nay và mãi mãi là chứng tích lịch sử để cho mỗi đồng chí của ta luôn nhìn vào, tu rèn để thực sự là công bộc của dân như lời Bác từng dạy.

Tình cờ cuộc gặp giữa tôi (kẻ viết bài này) với chị tại phòng khách T78, nhà 145 đường Lý Chính Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh lại bắt đầu từ sự liên tưởng sâu xa đến vậy. Việc tôi cần cho cuốn sách truyền thống 65 năm ngành Kiểm tra, kỷ luật đảng là chuyện xưa trong cương vị Vụ trưởng của chị, vậy mà chị cứ nhẩn nha nói, nhẩn nha kể về công việc chung của Vụ VII - một vụ lớn (bao trùm tới 22 tỉnh, thành, kể từ Bình Thuận trở vào), với những vụ kiểm tra khơi ra từ ký ức, rồi mới chịu nói về mình, về những vụ chị dấn mình vào cuộc:

“Nhận quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tôi về công tác tại cơ quan vào tháng 5/2002 và được bổ nhiệm giữ chức Vụ trưởng Vụ VII (Vụ Địa phương phía Nam). Tôi công tác tại đây cho đến ngày nghỉ hưu (tháng 02/2008).

Qua hơn 43 năm đi theo Đảng từ khi tôi 13 tuổi, và qua nhiều công tác khác nhau, nhất là thời chiến tranh bom đạn ác liệt, hay khi hoạt động trong lòng địch, giữa sự sống và cái chết luôn cận kề, vậy mà tôi chưa hề biết sợ, chùn bước trước khó khăn, nguy hiểm. Đối với tôi, khi nhận bất cứ nhiệm vụ nào, đều luôn nhủ với lòng: mình là một đảng viên, mà đã là đảng viên thì phải thực hiện nghiêm túc lời thề của mình với Đảng khi được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng (tôi vào Đảng năm 17 tuổi).

Khi về công tác tại cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương cũng vậy, nhờ đã kinh qua công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương, ít nhiều tôi cũng tích cóp được chút kinh nghiệm thực tế, cùng với sự cần cù, nỗ lực phấn đấu của bản thân và sự đoàn kết thương yêu, chia sẻ trách nhiệm, quyết tâm của tập thể Vụ nên khi vào hoạt động công tác, luôn xác định đây là nhiệm vụ quan trọng,

nặng nề, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi người cán bộ kiểm tra ngoài tiêu chuẩn cán bộ theo quy định của Đảng, cần phải có dũng khí đấu tranh đến cùng nhằm làm rõ sự thật, để xác định đúng, sai... Điều đó, chúng tôi đã làm được và không bị bất cứ áp lực nào từ bên ngoài. Các đồng chí lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương, nhất là các đồng chí trực tiếp phụ trách Vụ, luôn kiểm tra, theo dõi, nhắc nhở chúng tôi thực hiện đúng quy trình của cuộc kiểm tra. Điều đó giúp chúng tôi có chỗ dựa, niềm tin và quyết tâm hoàn thành tốt cuộc kiểm tra.

Theo quy định của Điều lệ Đảng, nhiệm vụ công tác kiểm tra có nhiều nội dung, trong đó kiểm tra dấu hiệu vi phạm là một trong những nội dung quan trọng, khó khăn, phức tạp vì đối tượng được kiểm tra là các tổ chức đảng và đảng viên, nhất là đảng viên có chức vụ cao.

Trong gần 6 năm công tác tại đây, chúng tôi đã thực hiện nhiều cuộc kiểm tra, trong đó có 2 cuộc kiểm tra mà tôi luôn nhớ mãi vì có nhiều sai phạm, dẫn đến tổn thất lớn. Đó là: Vào năm 2005 và 2006, theo quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, chúng tôi đã thực hiện 2 cuộc kiểm tra dấu hiệu vi phạm do tôi làm tổ trưởng với 3 thành viên của Vụ. Cuộc kiểm tra thứ nhất, đối với Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh T trong hai nhiệm kỳ (1994 - 2005) và một số đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Cuộc kiểm tra thứ hai, đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy B nhiệm kỳ 2001 - 2005 và một số đồng chí Thường trực Tỉnh ủy. Đây là 2 cuộc kiểm tra có nhiều nội dung tương đối giống nhau, trong đó tập trung nội dung chủ yếu: về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng; quản lý đất đai, giao đất các dự án; chia cấp đất công sai quy định; bán nhà ở sai đối tượng; để tình hình khiếu kiện kéo dài liên quan đến các dự án dành cho người nghèo theo Quyết định số 327-CT ngày 15/9/1992

và Quyết định số 556/Ttg ngày 12/9/1995 của Chính phủ; để xảy ra vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng mang màu sắc xã hội đen, kéo dài nhiều năm trên địa bàn.

Qua hơn 3 tháng hoàn thành cho mỗi cuộc kiểm tra, tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra theo quy trình, tập trung bám địa bàn, bám sát nội dung kiểm tra, tiến hành thẩm tra xác minh, nghe báo cáo và làm việc cụ thể với tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra, đi thực tế nơi có vụ việc xảy ra, lắng nghe ý kiến của các tổ chức đảng có liên quan, đảng viên, cán bộ hữu trí, nhân dân địa phương... Trên cơ sở đó, đối chiếu các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, tổ kiểm tra hoàn thành dự thảo báo cáo lần 1, lần 2 thông qua lãnh đạo đảng địa phương và tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra (trong đó có một số đồng chí ngoài đối tượng quyết định kiểm tra, qua kiểm tra phát hiện có sai phạm). Những sai phạm chủ yếu, nổi cộm qua 2 cuộc kiểm tra: Trách nhiệm đối với Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh T - Thực hiện Quyết định số 327-CT và Quyết định số 556-Ttg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ban quản lý dự án 327 và giao 5.380ha đất để tổ chức thực hiện dự án vào năm 1994. Quá trình thực hiện đã mang lại một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, Ban quản lý dự án đã có nhiều sai phạm trong việc giao đất; cùng với Kho bạc Nhà nước tính cho vay vốn ưu đãi được kết luận qua cuộc kiểm tra vào tháng 9/2005 như sau: Ban quản lý dự án đã thu hồi 347,7ha đất khai hoang của 106 hộ và đền bù tổng cộng 330.093.710đ (tự định giá đền bù từ 600.000đ/ha đến 1.200.000đ/ha). Sau đó san úi mặt bằng trong diện tích quy hoạch trồng cao su và ký hợp đồng giao cho 51 hộ gia đình với 430,1ha (thực tế đo đạc 439,4ha). Trong đó, cán bộ, nhân viên Ban quản lý dự án 5 hợp đồng với 69ha; dân trong vùng dự án 14 hợp đồng với 67,4ha; cán bộ và nhân dân ngoài vùng dự án 32 hợp

đồng với 303ha (phần lớn là cán bộ đương chức cấp tỉnh, huyện đê vợ, con, người thân đứng tên rồi cho thuê lại trồng cao su trong khi những người thuộc đối tượng ưu tiên tham gia dự án thì không được giao đất sản xuất). Trong tổng số đất mà các hộ khiếu nại để nhận bồi hoàn, Ban quản lý dự án đã giao cho 33 cá nhân khác hợp đồng nhận khoán với diện tích 270,5ha. Trong đó, có 6 người địa phương nhận 24ha, 3 người thuộc dự án nhận 19ha, 24 cán bộ ngoài vùng dự án nêu trên nhận 227,5ha và nhận vay vốn ưu đãi (lãi suất = 0%) với tổng số tiền 919.906.825đ (trả vốn không đúng hạn).

Như vậy, Ban quản lý dự án đã giao đất cho nhiều cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện, cán bộ, đảng viên ngoài vùng dự án và cùng với kho bạc cho vay vốn ưu đãi là sai quy định, không đúng đối tượng.

Việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân huyện TB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai đối tượng dẫn đến hợp thức hóa từ đất của Nhà nước sang đất cá nhân, có người với diện tích lớn mà không phải đóng góp nghĩa vụ nào, trong khi những người dân trong vùng dự án là những đối tượng đăng ký phải được hợp đồng nhận khoán và được ưu tiên xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ổn định sản xuất, cuộc sống lâu dài theo chủ trương của Chính phủ.

Đối với đất lâm nghiệp, kế hoạch trồng rừng hằng năm đều không đạt, nguyên nhân do bị lấn chiếm sử dụng sai quy hoạch nhiều năm của 4.219 hộ với diện tích 10.791,2ha. Trong đó có 53 hộ là cán bộ, đảng viên với diện tích 654,6 ha (đến nay còn 6 hộ với 40ha). Để tinh hình sử dụng đất không đúng mục đích kéo dài nhiều năm, trong đó có 53 cán bộ, đảng viên mà không giải quyết xử lý kịp thời, là cơ sở để dân dựa vào những vi phạm đó làm áp lực, gây khó khăn trong việc thực hiện chủ trương về sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Việc quy hoạch và bán nhà đất khu phố thương mại của tỉnh: Theo chủ trương của tỉnh giao cho Công ty Xây dựng và Phát triển đô thị xây dựng khu phố thương mại với 24 căn, có 12 căn mặt tiền. Sau khi hoàn thành đã có 16 người đăng ký mua, nhưng công ty lại hợp đồng bán cho 12 cán bộ chủ chốt tỉnh mà không thông qua đấu giá. Việc công ty bán ưu tiên 12 căn nhà mặt tiền cho hầu hết là cán bộ có chức vụ trong tỉnh, có đồng chí chưa có nhu cầu bức xúc về nhà ở, có đồng chí sau khi mua đã bán hưởng chênh lệch cao, gây dư luận bất bình, làm ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức và chính các đồng chí đó.

Trách nhiệm đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy B (nhiệm kỳ 2001 - 2005): Về trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý bảo vệ rừng, quản lý đất đai, giao đất dự án: Tình hình phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp diễn ra trong thời gian dài nhưng chưa có biện pháp ngăn chặn hiệu quả, như: tại Lâm trường TL từ năm 2002 đến tháng 01/2006, rừng tự nhiên bị tác động phá là 3.367,08ha/3.810,2ha của lâm trường, chỉ còn 443,12ha/3.810,2ha rừng tự nhiên. Trong đó, để nhiều cán bộ, gia đình cán bộ, công nhân, viên chức nhận đất nhiều dự án không thực hiện đúng như hợp đồng là vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng, việc xử lý không nghiêm dẫn đến hậu quả phá rừng ngày càng gia tăng. Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định ngày 12/02/2001 phê duyệt dự án quy hoạch ba loại rừng của tỉnh giai đoạn 2000 - 2010, trong đó diện tích đất rừng và đất lâm nghiệp là 303.192ha (rừng tự nhiên 290.319ha, rừng trồm 12.873ha).

Trong khi Chính phủ ký quyết định phê duyệt ngày 05/01/2001 kết quả tổng kiểm kê rừng đến năm 2000 diện tích rừng là 367.469ha (rừng tự nhiên 342.489ha, rừng trồm 24.980ha). Như vậy, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ký ngày 12/02/2001 ban hành sau khi quyết định của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực

thi hành, đã đưa ra ngoài quy định ba loại rừng (giai đoạn 2000 - 2010) là 64.367ha, trong khi quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/11/2001 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đai của tỉnh (giai đoạn 2000 - 2010), trong đó đất lâm nghiệp có rừng chuyển sang mục đích khác 7.542ha. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, từ đó đã chỉ đạo đưa ra ngoài quy hoạch ba loại rừng và đưa vào quy hoạch ba loại rừng không đảm bảo các quy trình, thủ tục theo quy định, dẫn đến diện tích đất lâm nghiệp đưa ra ngoài vùng quy hoạch ba loại rừng trong một thời gian dài không được quản lý chặt chẽ, là kẽ hở cho nạn chặt phá rừng ngày càng gia tăng nghiêm trọng. Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định ngày 16/02/2005 cấp phép cho Công ty LN khai thác gỗ với diện tích 368,98ha/1.450ha đất lâm nghiệp, giao cho Công ty LN thuê để trồng rừng, trồng cây công nghiệp là trái mục đích giao đất, cho thuê đất. Dẫn đến sai phạm khai thác rừng, cả ngoài đối tượng cấp phép. Như: đã thiết kế, khai thác gỗ xâm hại đến các khu vực nghĩa địa và rừng “ông bà” của đồng bào dân tộc, khai thác 23,14ha/250ha rừng khoanh nuôi bảo vệ. Đã khai thác được 1.195,8m<sup>3</sup> gỗ lớn, 253,7m<sup>3</sup> gỗ cành nhánh, 151,5m<sup>3</sup> gỗ tròn nhỏ, 1.550 ster cùi, 16.000 cây cùi; khai thác cả rừng phòng hộ 0,18ha/6,3ha, số gỗ tròn 30,2m<sup>3</sup>... Khi các cơ quan chức năng đề nghị chuyển cơ quan điều tra làm rõ trách nhiệm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý hành chính là thiếu nghiêm minh (đến tháng 4/2007, mới ký công văn chuyển cơ quan điều tra).

Đề xảy ra nhiều sai phạm trong việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách thửa, giao đất bổ sung cho doanh nghiệp tài nguyên - môi trường sau khi doanh nghiệp này đã sang nhượng dự án trái phép thu lợi lớn.

Trong công tác phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có nhiều yếu kém. Do thiếu sâu sát tình hình nên lãnh đạo không kịp thời chỉ đạo xử lý sai phạm, để xảy ra vụ án hình sự mang màu sắc xã hội đen đặc biệt nghiêm trọng kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... gây bất bình, bức xúc trong dân.

Qua vụ án, đã có 44 cán bộ, sĩ quan trong ngành Công an, Viện kiểm sát nhân dân, v.v. vì thiếu trách nhiệm đến mức phải xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên, nhất là các đồng chí lãnh đạo ngành. Nguyên nhân là do công tác lãnh đạo, quản lý cán bộ, đảng viên bị buông lỏng trong thời gian dài, dẫn đến nhiều cán bộ, đảng viên, sĩ quan sai phạm, có đồng chí đến mức xử lý theo pháp luật.

Tóm lại, qua kết quả hai cuộc kiểm tra cho thấy: các nội dung kiểm tra theo quyết định đều có sai phạm, có việc nghiêm trọng ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền, dẫn đến có nhiều cán bộ, đảng viên sai phạm phải xem xét kỷ luật.

Kết quả xem xét kỷ luật đảng: có một tổ chức đảng và 9 đảng viên bị thi hành kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến cách chức, như: Ban Bí thư quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo đối với Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh T trong hai nhiệm kỳ (1994 - 2004); thi hành kỷ luật đối với cá nhân: cách chức 1 đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, cảnh cáo Đảng đối với 3 đồng chí (1 đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 2 đồng chí là tinh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; khiển trách 1 đồng chí là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Ủy ban Kiểm tra Trung ương thông báo kết luận kết quả kiểm tra và yêu cầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh B nhiệm kỳ 2001 - 2005 kiểm điểm nghiêm túc, rút kinh nghiệm về các nội dung có sai phạm. Và Chủ nhiệm

Ủy ban Kiểm tra Trung ương ký quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo Đảng đối với 4 đồng chí nguyên là Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên (Giám đốc sở) và 2 đồng chí Tỉnh ủy viên, là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh. Ngoài ra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương yêu cầu 2 tổ chức đảng rà soát các sai phạm của cán bộ, đảng viên trong tỉnh có kiểm điểm, xử lý nghiêm minh và báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Hai cuộc kiểm tra đã hoàn thành, chúng tôi nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương mà trực tiếp là 2 đồng chí Phó Chủ nhiệm Nguyễn Văn Thám và Lê Hồng Liêm. Các đồng chí theo dõi sâu sát, chỉ đạo kịp thời và chưa bao giờ gây áp lực phải như thế này, như thế nọ. Điều đó giúp tôi và tổ kiểm tra yên tâm làm việc với tinh thần quyết tâm cao, đảm bảo theo quy trình, trung thực, khách quan, đúng với bản chất sự việc.

Điều ấn tượng sâu sắc đối với tôi là vụ kiểm tra ở tỉnh T, lần đầu tiên tôi gặp trường hợp đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gặp trực tiếp lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương và lãnh đạo Vụ để báo cáo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương vào cuộc kiểm tra giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm rõ vấn đề, xử lý nghiêm sai phạm, nhất là tránh được dư luận cho là “bao che, quan tham” tất thẩy. Và kết quả kiểm tra đã đạt yêu cầu đề ra, giúp tinh ổn định tình hình và tạo sự đồng thuận cao, tạo đà cho sự phát triển cho đến nay.

Có thể nói đây là những cuộc kiểm tra không dễ dàng. Các đồng chí được kiểm tra thiếu tự giác và chưa thấy trách nhiệm của mình, luôn đổ lỗi cho khách quan, công việc nhiều, trình độ năng lực có hạn, cấp dưới làm, thiếu kiểm tra... Chỉ đến khi sự việc đã rõ ràng, chúng lý đầy đủ, không thể không thừa nhận thì mới thôi.

Nhưng khi nhận quyết định kỷ luật thì có đồng chí luôn trách móc, nặng nhẹ chúng tôi. Tôi nhớ có lần sau kết luận kiểm tra dấu hiệu vi phạm và thực hiện quy trình xử lý kỷ luật đối với một đồng chí là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi họp xong, lúc ra về, đồng chí nói với tôi: "Sao chị ác vậy?". Tôi trả lời: "Chúng tôi làm việc này vì Đảng, vì dân, vì đồng chí sao gọi là ác?". Và đồng chí ấy im lặng. Tôi rất buồn, không phải vì lời trách móc của đồng chí ấy, mà thấy rằng công tác đấu tranh xây dựng nội bộ Đảng quá yếu; vì vậy, công tác kiểm tra thật không dễ dàng khi phải đương đầu với cán bộ có chức vụ, có trình độ mà tính tự giác kém, chỉ biết quyền lợi mình, không thấy trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Dù sao, tôi thấy cũng có sự anủi là đến nay đồng chí nói trên đã khắc phục khuyết điểm, phấn đấu tốt và trưởng thành hơn.

Do vậy, Đảng ta cần phải có biện pháp mạnh trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là đảng viên có chức vụ càng cao phải càng biết giữ mình, luôn soi xét lại mình và gia đình hàng ngày, phải là tấm gương để đảng viên và quần chúng noi theo.

Mong cấp trên hãy quan tâm nhiều hơn đến công tác xây dựng Đảng, trong đó có công tác cán bộ, phải chọn những người thực sự có tâm, có tầm, trung kiên với Đảng, luôn tâm huyết lo cho dân, cho nước với trách nhiệm cao, có chính kiến rõ ràng, dám đấu tranh và đấu tranh đến cùng những sai phạm nhằm bảo vệ chân lý của Đảng”.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18/5/2013*

Trích trong sách *Sáng mãi niềm tin yêu*,  
Nxb. Chính trị quốc gia,  
Hà Nội, 2013.

## **D - PHỤ LỤC**

### **NGUYỄN UYỄN - SỐ THÀNH MỘT ĐỜI MIỆT MÀI CÀY CUỐC BÁO VÀ VĂN**

*Nhà văn, nhà báo lão thành Phan Quang*

Bộ sách ba tập dày tổng cộng 1.850 trang khổ lớn có thể được coi như cái mốc đánh dấu một quãng đời hơn 50 năm cầm bút của nhà báo, nhà văn Nguyễn Uyển trong lĩnh vực báo chí, truyền thông. Tập 1 - *Lẽ sống I* chọn 63 bút ký chân dung những người ông quen biết; tập 2 - *Lẽ sống II* cũng gồm đúng 63 bài bút ký viết về những miền quê, và tập 3 - *Nghề khắt khe, nghiệt ngã* tập hợp 77 bài về nghề nghiệp của mình, gồm ba phần: “Rèn đức”, “Luyện nghề” và “Cố kết với điểm tựa”. Đây giống như các sản phẩm thu hoạch vào năm được mùa, khi người dân quê ta thu gom, sàng lọc và ngắm nghía kết quả lao động của mình trong niềm vui gặt hái sau nhiều ngày tháng cày cuốc miệt mài, vui không phải để yên tâm dừng lại mà càng săn sàng và hăng hái hơn để bước vào mùa làm ăn tới.

Tôi quen nhà văn Nguyễn Uyển khá sớm, cách đây gần 50 năm khi ông vừa bước vào nghề báo chưa lâu, đang làm việc tại một tờ báo tỉnh. Ông sống trong một căn nhà giản dị, và theo như lời ông kể, ngoài công việc ở cơ quan, ông còn có cái thú là chiêu

chiều sau giờ làm việc, xắn quần, lôi bộ đồ nghề lẩn ra sông hoặc xuống các ao hồ đánh bắt con cá tươi về cải thiện bữa ăn gia đình. Chao! Những con cá mồi lăm phút trước còn giãy đành đạch, mồi lăm phút sau đã bày ra mâm, cùng bạn hữu cung ly thường thức sản phẩm tươi sạch đánh từ dòng sông Thao hay các ao đầm nước luôn trong veo thuộc vùng trung du nước ta khi môi trường chưa ô nhiễm như ngày nay.

Một thời gian sau Nguyễn Uyển trở thành ông quan báo chịu trách nhiệm quản lý tờ báo của đảng bộ địa phương. Những bài xã luận, chuyên luận của ông thời đó không bao giờ xa các chủ trương, quyết định của lãnh đạo tỉnh; thi thoảng ông viết một số bài bút ký, truyện ngắn đăng báo nhà hoặc các báo ở Trung ương...

Do nhu cầu công tác, lãnh đạo Hội Nhà báo Việt Nam được sự đồng tình của lãnh đạo tỉnh, mời ông về Hà Nội làm việc tại cơ quan Trung ương Hội, cùng vài anh em nữa lo phần công tác hội. Cuộc sống hằng ngày thời ấy cho dù còn lắm khó khăn, nhất là trong thời gian đầu mới về ngụ tại Thủ đô, Nguyễn Uyển vẫn hăng hái nhập cuộc. Ông đi nhiều, viết khoé, hội nghị nào cũng có mặt, các địa phương xa trắc trở đò giang đến mấy ông cũng cố buon túi nơi; nhà báo lại có tài chuyện trò dí dỏm, dễ dàng kết thân với nhiều bạn hữu gần xa. Ông đã cùng tôi đi công tác tại nhiều nơi trên đất nước, vào bên bờ sông Thạch Hãn và sông Nhùng thấp nén hương lên Đài liệt sĩ trong Thành cổ Quảng Trị, thăm di tích kháng chiến ngay bên trong Thánh địa La Vang; có năm cùng nhau lên tận chiến trường xưa Điện Biên Phủ vái anh hồn các liệt sĩ và về bản Muồng Phăng thăm căn hầm làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp những ngày chỉ đạo chiến dịch Điện Biên Phủ. Đến đâu ông cũng để mặc cho “sếp” lo việc giao du, trò chuyện, ông chỉ lặng yên quan sát, thỉnh thoảng đưa chiếc máy ảnh lên ghi

một vài tấm hình kỷ niệm. Thế nhưng không ít câu chuyện cũng như những người và cảnh ông nghe, quan sát từ những chuyến đi ấy rồi sẽ được thể hiện thành những bài viết hoàn chỉnh hoặc xuất hiện tại các bài sê đăng báo, in sách ít lâu sau.

Có thể coi việc chuyển dịch công tác từ Vĩnh Phú về Hà Nội là một cái mốc đánh dấu sự đổi đời của nhà báo, nhà văn Nguyễn Uyễn. Nhờ có thêm nhiều dịp đi nhiều, lại đang sức viết khoẻ, có đôi mắt quan sát tinh tường, chịu khó học hỏi kinh nghiệm của các bậc đàn anh, đàn bà Nguyễn Uyễn trở thành cây bút được nhiều độc giả biết tên. Từ báo chí ông lần sang lĩnh vực văn chương, viết nhiều truyện, ký, đăng trên các báo ở Trung ương và một số địa phương, cho xuất bản không ít tác phẩm văn học, và mau chóng trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Cách đây 13 năm (năm 2006), ông đã cho trình làng văn bộ *Nguyễn Uyễn tuyển truyện*.

Đọc toàn bộ bản thảo bộ sách ba tập đồ sộ mà Nguyễn Uyễn cho xuất bản lần này, trong đó có nhiều bài tôi đã xem, tôi càng cảm nhận: nhà báo, nhà văn Nguyễn Uyễn đến được ngày hôm nay rõ ràng là kết tinh của một quá trình nhiều tháng năm đi nhiều, viết khoẻ, viết không ngưng tay, lại chịu khó đọc và học, săn sàng lắng nghe để học. Vẫn biết “văn hay chẳng cần phải dài”, trong văn học nghệ thuật lại càng phải tâm niệm phương châm “quý hồ tinh”, tuy nhiên từ đây đặt ra một vấn đề khác: Mỗi quan hệ biện chứng giữa số lượng và chất lượng tác phẩm trong một đời người cầm bút. Lượng biến thành chất, chất thể hiện qua nhiều mặt, trong đó có mặt số lượng. Nghề báo vốn là một nghề cao quý và gian nan, có khi “bạc bẽo” nůr - nói như lời Chế Lan Viên, nhà thơ lỗi lạc và cũng là nhà báo xuất sắc - “cho tôi tò lòng biết ơn cái nghề bạc bẽo mà chúng tôi rất trung thành, cái nghề hèn mọn mà lại cao

cả đó". Cao cả bởi báo chí có sứ mệnh phục vụ nhu cầu thông tin của mọi người, vì quyền và lợi ích chính đáng của người dân; phụng sự mục tiêu tối cao của Tổ quốc; giữ gìn, giao lưu, truyền bá những giá trị tinh thần đượm tính nhân văn của đất nước mình và của toàn nhân loại, vì hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc. Sứ mệnh ấy, trách nhiệm ấy buộc người làm báo phải lao động hết mình, lao động suốt đời, không nhất thiết chỉ cần đứng ngoài thời cuộc nóng hổi, để lăm lăm chờ dịp mỗi năm tung ra vài ba bài viết "động trời", gây "chấn động dư luận" là đủ.

Ông cha ta xưa nói: "Dao có mài mới sắc, rìu nǎng chặt mới bền". Chúng ta cần phải lao động không ngưng nghỉ mới mong tay nghề của mình dần dà khá hơn. Lê đương nhiên con dao muốn sắc chất thép phải cao, cái cán rìu làm bằng gỗ tốt thì cây rìu mới bền; nói cách khác bất cứ nghề gì người hành nghề cũng cần phải có ít nhiều nǎng khiếu làm cái vốn nho nhỏ ban đầu. Dù vậy, tôi vẫn ghi lòng tạc dạ câu nói của một văn hào phương tây: "Tài nǎng của người cầm bút là hằng ngày ngồi vào bàn viết đúng giờ".

Từ những cảm nhận miên man khi đọc bộ sách đồ sộ của Nguyễn Uyển cho xuất bản lần này, tôi rút ra nhiều bài học trước hết cho chính mình, từ đó trân trọng giới thiệu với bạn đọc bộ ba *Lê sông I, Lê sông II* và *Nghề khắt khe, nghiệt ngã* của nhà báo, nhà văn Nguyễn Uyển.

Hà Nội, ngày 19/8/2019

Trích trong tập *Phan Quang dưới ánh hoàng hôn*,  
Nxb. Văn học, Hà Nội, 2020.

## LÀM THEO LỜI BÁC - NHỮNG TRANG VIẾT CẬP NHẬT VÀ HỮU ÍCH

*Nhà văn Nguyễn Văn Toại*

Lâu nay, trên các phương tiện thông tin đại chúng, khi nói về phong trào học tập và làm theo lời Bác, bạn đọc đã có dịp tiếp xúc với từng bài viết riêng lẻ, in rải rác đó đây, nhưng việc tập hợp nhiều bài viết về cùng một chủ đề thành một cuốn sách dày dặn, gây được ấn tượng như tập ký sự *Làm theo lời Bác* của nhà văn, nhà báo Nguyễn Uyển, một cây bút đặc biệt tâm huyết với đề tài tam nông - nông nghiệp, nông thôn và nông dân, thì còn là hiếm. Tập sách hãy còn phảng phất hơi ấm từng trang in mà chúng ta đang nói ấy đã hiện diện trên mặt bàn làm việc bạn rộn của bạn. Đây là những bài viết trong những khoảng thời gian không giống nhau, có những bài xuất hiện cách chúng ta đã nhiều thập kỷ, nhưng điều khác biệt làm nên sự gấp gõ của những tấm lòng hướng thiện là ở chỗ khi được tập hợp lại theo một định hướng rõ rệt: Lao động và học theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại thì tính cập nhật của nó không những không bị mất đi mà còn được thể hiện một cách đa dạng và sinh động hơn.

Nguyễn Uyển đã đi và đến nhiều nơi. Không quản tuổi cao, bệnh tật, ông đã có mặt ở cả những điểm nóng nhất như vùng

cao Mường Nhé, đồn biên phòng Tây Trang, “định tròn” Ka Lăng... và tiếp xúc với đủ loại đối tượng. Với việc vận dụng thành công thể ký văn học, nhìn ở góc độ nào đó, người viết đã dựng lên được một bức phác thảo đa chiều, lấm màu nhiều vẻ về con người và những vùng quê khác nhau trên dài đất hình chữ S trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời kịp gửi đến bạn đọc một thông điệp lý thú: Mỗi công dân Việt Nam, tùy vào vị trí xã hội và môi trường sống riêng cũng như bằng tình cảm tri ân lãnh tụ mà tự đặt ra cho mình những nhiệm vụ hết sức cụ thể và thiết thực để hưởng ứng Lời kêu gọi thi đua yêu nước mà Bác Hồ đã phát động từ những năm kháng chiến chống Pháp. Người Lạc Trung nhớ Bác bằng những cái Tết trồng cây “làm cho đất nước càng ngày càng xuân”. Đồng bào Khmer ở Trà Vinh, Nam Bộ xây đền thờ Bác hình trái tim. Thầy thuốc ở làng Quân Khê tự răn, Cụ Hồ dạy sao, dân mình làm vậy. Một đồng nghiệp viết báo rút ra bài học hành nghề: Viết như lời Bác dạy. Những cán bộ, công nhân ngành Dầu khí non trẻ ở Bà Rịa - Vũng Tàu luôn nhắc nhau: Học Bác là làm tốt phận sự của mình... Phong phú và linh hoạt làm sao! Từ một điểm mà nhận diện; từ một địa phương có thể bao quát được cả một phong trào rộng lớn. Một lối viết giản dị, dễ hiểu. Bìa sách trình bày trang nhã. Đó là ấn tượng đẹp khi đọc *Làm theo lời Bác*.

Tôi đã đọc thấy sự xúc như một phẩm chất tự thân của nhà văn - nhà báo Nguyễn Uyển trước một đề tài nóng bỏng. Có cảm giác từng chữ, từng câu đã được tiếp lửa. Và, tôi không thể không bày tỏ với tác giả đôi lời cảm ơn chân thành. Bởi, đọc ông, tôi có thể yên tâm rằng dù đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách, đôi lúc rất cam go, nhưng dân tộc ta, đất nước ta vẫn vững bước tiến lên theo chân Bác từng ngày, từng giờ và đã làm nên không ít những kỳ tích trong sự nghiệp bảo vệ toàn vẹn

biên cương và hải đảo cũng như trong xây dựng hòa bình. Tôi cảm ơn ông còn vì một lẽ thường tình: Tôi đã được nhận từ ông một ấn phẩm sách bổ ích như một đóa hoa thơm thảo hiếu hoi.

Báo *Hà Nội mới*, tháng 9/2012.

## NĂNG LƯỢNG TỪ KHẮT KHE - NGHIỆT NGÃ

*Nhà báo, nhà thơ Hải Đường*

**K**hi viết những dòng này tôi cứ hình dung Nguyễn Uyển đang quẩy một đôi bồ, nhẽ nhại bước đi trong buổi hoàng hôn nắng sánh dưới những tán rừng cọ biếc xanh miền trung quê ông. Đôi bồ ấy, một bồ là báo chí và một bồ là văn chương. Hơn 50 năm cầm bút, bạn đọc vẫn lúng túng khi giới thiệu ông, nhà văn hay nhà báo. Lúng túng là vì ông xuất sắc ở cả hai lĩnh vực này. Ông viết văn trước cả viết báo, viết từ khi còn là anh giáo làng, rồi mới về làm phóng viên Báo Vĩnh Phú (nay là Phú Thọ và Vĩnh Phúc), rồi đi đào tạo đại học báo chí khóa đầu của Trường Tuyên huấn Trung ương. Chạm tuổi 80, ông đã có tới 27 ấn phẩm, chủ yếu là sách văn học, từ tiểu thuyết, truyện ngắn đến bút ký. Lại cũng viết ba tập sách truyền nghề làm báo. Sách văn được độc giả tìm mua, sách báo cũng “đắt như tôm tươi”. Và thế là cái bồ của ông cứ nặng lên mãi. Cho nên tuổi đã cao rồi ông vẫn hăng đi, hăng nghĩ và hăng viết.

Một bất ngờ đối với bạn văn, bạn báo, cuối năm 2019, ông xuất bản liền ba cuốn sách, cuốn nào cũng dày dặn trên dưới 600 trang in. Một nhà văn cùng quê Phú Thọ với ông nói vui: Sách này người nào khỏe mới đủ sức đọc. Quả có thể. Tôi đã boi trong dòng sông chữ của hai tập ký *Lẽ sống I* và *Lẽ sống II*, rồi boi tiếp trong

dòng sông báo chí: tập tiểu luận *Nghề khắt khe, nghiệt ngã*. Đã từng dạy học, từng làm Hiệu trưởng Trường phổ thông cấp II, ông có mấy định nghĩa: nghề giáo - chuẩn mực; nghề báo - khắt khe, nghiệt ngã; nghề văn - nhọc nhằn. Tôi chưa thấy cuốn từ điển nào ghi danh mấy nghề như thế. Đó là chiêm nghiệm, là sáng tạo của Nguyễn Uyễn. Nó chuẩn đến mức, nói theo ngôn ngữ lớp trẻ bây giờ là “chuẩn không cần chỉnh”.

*Lẽ sống I* tập hợp 63 ký chân dung chọn lọc, trong đó phần lớn là chân dung nhà báo. Nhà văn viết chân dung nhà văn, nhà báo viết chân dung nhà báo. Đó là điều rất thuận lợi, tưởng chỉ cần ngồi vào bàn là kẻ ra đủ thứ chuyện trên đài về nhân vật mà anh muốn giới thiệu với mọi người, bởi anh đã quá thuộc họ, đã quá hiểu khi làm nghề thì họ phải nghĩ như thế, làm như thế. Nhưng không phải. Cái sự “thuộc” kia không khéo sẽ đánh lừa anh. Vì người viết, mỗi người mỗi tặng, mỗi người mỗi ngón nghề. Nguyễn Uyễn đã vẽ chân dung chính xác. Và điều quan trọng hơn, chân dung ấy có sức hấp dẫn vì nó gần với đài, với nghề, với đồng nghiệp (nhà báo Hữu Thọ gọi là “tình bút mực”), khiến ai cũng có thể chia sẻ, cảm thông và không phải là một lời khiêm tốn mang tính hình thức, ai cũng có thể học được đôi điều. Nói như nhà văn, nhà báo Phan Quang: “Đọc bộ sách đồ sộ của Nguyễn Uyễn, tôi rút ra nhiều bài học cho chính mình”. Ta gặp ở đây những nhà báo nổi tiếng như: Hoàng Tùng, Đỗ Đức Dục, Hồng Chương, Quang Đạm, Lưu Quý Kỳ, Hữu Thọ, Phan Quang, Trần Công Mân... Ta gặp ở đây những nhà báo “say nghề hơn say com”, “ta viết túc là ta tồn tại”, “tài năng nào cũng phải lao động cật lực”. Ta gặp những cây bút cả đài lăn lộn để đứng ở đầu nguồn tin túc. Tác phẩm báo chí của họ vừa giàu chi tiết, vừa có tầm khái quát cao, nhiều khi có sức lay động lớn, tạo nên cả dòng thác lớn trong lịch sử dân tộc. Để tạo nên dòng thác lớn là do nhà

báo lăn lộn trong thực tiễn để tìm điển hình tiên tiến, phát hiện loài cây ký từ khi nó còn là cái mầm non tơ, mảnh dẻ. Nói như nhà báo Hoàng Tùng: “Điển hình, mô hình, nhân tố mới là “ngôn ngữ” của báo chí. Nhờ nó mà nuôi và nhân ra diện rộng. Đây chính là phương cách của báo chí, là trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà báo”.

Người viết chân dung bây giờ không nhiều. Viết chân dung hay lại càng khó. Tìm đến các nhà báo để kể chuyện với mọi người về họ là cái *say* của Nguyễn Uyển. Hình như ông không định viết chân dung. Ông quan sát, thấy yêu, thấy phục thì viết. Cho nên đọc văn - chân - dung thấy giàu chi tiết, thấy đọng lại nhiều nghĩ ngợi, thấy cả trí tuệ và mối lo com - áo - gạo - tiền của những bậc thức giả. Có những điều “nghĩ” cách đây ba, bốn chục năm vẫn nồng và sáng như ánh nắng ngoài bụi cửa. Chẳng hạn như ông nhận xét về Thiếu tướng, nhà báo Trần Công Mân: “Ông là người giữ cũ, giữ nhịp chính chuẩn, không lệch, không sai, bắt nhịp với thời đại, với nguồn thông tin đa dạng, trung thực, nhiều chiều”. Hoặc nói về Lưu Quý Kỳ: “Tùy bút của ông không hề tô hồng, không dày công trau chuốt ngôn từ, mà nói bằng lòng mình, viết bằng tâm can của mình, bằng cuộc đời đầy gian nan thử thách. Đọc ông, tôi có cảm giác, hạnh phúc của cuộc đời ông không phải là chức tước mà là cái nghề đã cho ông được giải bày, tâm sự”.

Nếu như ở ký chân dung Nguyễn Uyển đã bộc lộ rõ thể mạnh đặc tả tài năng, tính cách, phong cách độc đáo của nhân vật thì trong *Lẽ sống II*, tập bút ký chọn lọc viết về những miền quê, ông lại đã thành công ở sự xông xáo, lặn lội đến các vùng sâu, vùng xa còn nhiều gian khổ để ghi chép lại những cái lạ, cái hay, cái đẹp, cái bất ngờ của đất và người ở đó. Viết về đất nước mình dường như chưa thỏa, năm 2014, ông còn có hẳn một tập bút ký *Giữa đất trời Âu*. Chẳng là được vợ chồng người con gái mời sang Cộng hòa Séc “nghỉ ngơi, thăm thú”, ông đã không quên mang theo máy tính,

máy ảnh, đặc biệt là “mang theo” cái máu xê dịch, ham ghi, ham viết của một nhà văn, nhà báo luôn thính nhạy với các vấn đề thời sự. Vấn đề đau đớn trong ông là: Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ thì tình hình kinh tế - xã hội ở đó ra sao? Họ đang theo mô hình, học thuyết nào? Rồi người Việt ở bên đó sống ra sao, tình làng nghĩa xóm ở “giữa đất trời Âu” thế nào? Ở Séc chưa tìm đủ câu trả lời, ông lại nhảy tàu sang Đức, sang Italia, sang Bỉ, Hà Lan...

Ở trong nước, không rõ Nguyễn Uyễn có chủ ý không nhưng các bài ký của ông đã viết về hầu hết các điểm cực bắc, cực nam, cực tây đất nước. Cực bắc, ông đã leo lên mái nhà Tổ quốc - đỉnh Lũng Cú ở Đồng Văn, Hà Giang. Cực tây bắc là Ka Lăng, thung lũng của huyện Mường Tè, Lai Châu. Ka Lăng còn là điểm mút, là “tây bắc của Tây Bắc”. Nhà văn như reo lên trong buổi mặt trời như cái mâm bạc trời khỏi núi: “Tôi xoay sang đông - núi lô xô với tên gọi trúc trắc, xa sâu: A Mố Cò. Quay phía tây - núi như tấm phán lim khổng lồ thả đứng mang cái tên rất riêng noi ven trời Tây Bắc: A Hu Lo Mé. Nhìn phương nam - núi giăng giăng như rồng luợn kéo theo cái tên dài ngoẵng: Mì Ba Ló Khà. Ngược lên phía bắc - lùng lũng, ngất ngưởng dãy núi Tè Xứ. Đỉnh Tè Xứ đổ về là của ta. Mạn bên là đất Trung Quốc”. Xuôi về cực nam, ông đến Phú Quốc, Mũi Cà Mau. Sang phía tây rạo rực nghe tiếng gà gáy ba nước Lào - Việt Nam - Campuchia cùng nghe: Cửa khẩu Bờ Y thuộc huyện Ngọc Hồi, Kon Tum.

Một nhà văn khi sắp sang tuổi 80, đi “công tác” không có giấy giới thiệu, không có sự tài trợ của bất cứ ai, chỉ có cái bút danh Nguyễn Uyển là nhịp cầu gần gũi nối ông với bạn bè, đi như thế quả là bền bỉ, dẻo dai và có phần... liều lĩnh. Vợ con nhà văn và các cháu nội ngoại có đến 10 người theo nghề báo đã đi từ hết sự ngạc nhiên này đến sự ngạc nhiên khác. Cụ khỏe hơn con cháu nghĩ.

Cụ viết khỏe hơn cả lúc đang trẻ. Bởi vì đã có một thời gian chừng non 20 năm do bận công việc ở Hội Nhà báo Việt Nam, cụ hầu như viết ít truyện và ký.

Đây là nói về các “điểm roi” ở các “cực” của Nguyễn Uyển. Thật ra ông gắn bó nhiều nhất là hai vùng quê. Một, vùng quê trung du nơi ông đã sinh ra. Hai, Điện Biên Phủ nơi ông gắn bó và yêu mến, ông giải thích là cha ông đã chiến đấu ở đó, hai người chú ruột của ông đã hy sinh ở đây. Ông yêu Mường Trời như yêu chính bản thân mình. Yêu hạt gạo Điện Biên chỉ đơn giản vì “hạt gạo là nhân của thóc”. Yêu điệu xòe nổi vòng tay lớn: “Dứt cuộc rượu, vòng xòe lại nói rộng thêm ra. Ngọn lửa bùng lên. Bập bùng, bập bùng theo nhịp trống chiêng. Tay ngừng vung, xung quanh vò rượu lại nêm thêm người”. Còn khi viết về quê nhà, nhiều người đọc vẫn ông và thuộc luôn cái tên Quân Khê - làng ông. May cho ông, cho nghề văn làng Quân Khê thật là hay, thật là nhiều chuyện. Hay đến mức cách đây gần 40 năm, từ mảnh đất ông đã viết được những thiêng bút ký nổi tiếng: *Đất lọc hạt, Làng có chuyện*. Chưa cần đọc, cái đầu đề đã gợi, đã hay rồi. Cái chuyện ở làng ngày ấy nay đọc lại vẫn “trúng phóc” chuyện nông thôn ta hôm nay. Đó là mâu thuẫn giữa cấp tiến và bảo thủ, trung thực và gian dối, cùng vô số căn bệnh này nòi từ máu tham, ghen ghét, đố kị. Đúng là làng có chuyện. Vượt lên khỏi lũy tre làng sẽ gặp huyền, gặp tinh, gặp nước, gặp nhân loại. Sự láng đọng của câu chuyện là ở cái triết lý thâm sâu ấy.

\*

\* \* \*

Vốn gốc gác là nhà giáo, nhà báo Nguyễn Uyển thường được mời đi giảng dạy báo chí. Nói cũng như viết, ông không thích khai quát những điều lý luận cao siêu. Ông rỉ rả kể chuyện đời, chuyện nghề, chuyện rèn đức, luyện nghề, chuyện về cái non kém của

bản thân mình và một số đồng nghiệp để người sau đừng mắc phải. Những chuyện ông kể là tích lũy của cả cuộc đời làm báo, làm văn. Thế rồi một ngày kia, thầy Uyển tập hợp tất cả các bài giảng, chỉnh sửa đôi chút, rút gọn nhiều lần thành cuốn sách gồm các bài tiểu luận báo chí về cái nghề nhiều vinh quang nhưng khắt khe, nghiệt ngã. Thầy lý giải muốn làm nhà báo giỏi phải có cây bút tốt. Tài năng là ngồi xuống và viết. Đừng bao giờ bằng lòng, không có gì chóng cũ bằng chính cái mới. Cho nên phải biết phân biệt *nhân tố mới* với *cái mới*, với điển hình, với *mô hình*. Còn với tư cách một nhà báo thế hệ đi trước, Nguyễn Uyển luôn nhấn mạnh tính trung thực của người làm báo. Trên con đường dài đặc, gian truân ấy có thể quên điều này điều nọ, nhưng trung trực phải là phẩm chất hàng đầu. Trung thực, theo ông: “Đó là sức mạnh của bản thân mình chứ không phải trên danh nghĩa. Nhà báo phải truyền đến bạn đọc cái mà mình nhận biết trực tiếp chứ không phải cái mình mơ mộng. Nhìn thấy tận mắt, nghe thấy tận tai, thấy thực chất cái sự thật bên trong của sự vật, hiện tượng”.

Suốt đời quan sát và suy ngẫm, giờ đây ông thợ cày Nguyễn Uyển đã có thể tạm dừng sau mùa gặt bội thu. Nhưng đường như ông vẫn chưa sắp xếp được thời gian để... nghỉ. Lại võ đất. Lại lọc hạt. Lại đi tìm nhân của thóc. Ông bảo: “Say mê là thú giờ đây/ Càng béo con chữ càng gầy niêu com”. Tôi hiểu đấy là niêu com Thạch Sanh, voi lại đầy. Niêu com không cốt để no bụng mà còn nạp cho ta năng lượng tinh thần vô giá.

## NHÀ BÁO, NHÀ VĂN NGUYỄN UYỄN - NGƯỜI VIẾT BẰNG NIỀM TIN YÊU VỚI ĐẢNG

Lê Hồng Liêm,  
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

“Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>1</sup>. Lời dạy chí tình ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng là kim chỉ nam cho công việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương suốt 65 năm qua (tiền thân là Ban Kiểm tra Trung ương Đảng). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm việc với Ủy ban Kiểm tra Trung ương (ngày 16/9/2011) căn dặn: “Muốn Đảng mạnh thì phải tăng cường công tác kiểm tra. Muốn Đảng mạnh thì Ủy ban kiểm tra các cấp phải mạnh”!

Thực vậy, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật có vai trò, vị trí và ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển vững mạnh của Đảng. Kiểm tra, giám sát và kỷ luật tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu, nâng cao năng lực lãnh đạo, hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững và củng cố lòng tin của

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t.5, tr.301.*

nhân dân đối với Đảng. Song kiểm tra Đảng là công việc vô vàn khó khăn, bởi bất kể ở đâu, thời gian nào, tổ chức nào và ai, cương vị nào khi thực hiện kiểm tra dấu hiệu vi phạm đều phải theo nguyên tắc công khai, dân chủ, khách quan. Mà, công khai, dân chủ yêu cầu phải trao đổi, bàn bạc có lý có tình nên những người làm công tác kiểm tra Đảng thực sự phải có lý luận nghiệp vụ, có phương pháp tiến hành, có cách thức tiếp cận để thuyết phục người vi phạm, khi thiếu tự giác phải chấp nhận để sửa chữa. Cũng có nghĩa là người làm công tác kiểm tra Đảng phải khôn khéo; đúng như lời Bác Hồ đã dạy: “Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hon nǔa kiểm tra khéo vේ sau khuyết điểm nhất định bót đi”<sup>1</sup>.

65 năm, chặng đường không dài nhưng cũng không quá ngắn với sự vận động cách mạng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng nói chung, và trong công việc của Ủy Ban Kiểm tra Đảng nói riêng nhằm làm cho Đảng ta trong sáng hơn, vững mạnh hơn, thực sự là đội quân tiên phong của giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức và toàn dân tộc... khó bút pháp nào tổng hợp cho hết được... Tuy vậy, nhà văn - nhà báo sát, thâm định, nhận biết cá tính và bản tính nhân vật với cách thức làm công việc kiểm tra Đảng của họ... mà ghi chép, chụp ảnh, ghi âm, nhận biết, lưu cất. Đó là lối tác nghiệp ở một nhà văn - nhà báo đã ở tuổi 74 - Nguyễn Uyển - thật đáng nể trọng. Là người trong nghề kiểm tra, đọc bài “Cuộc chuyện với đồng chí Ngô Văn Dự” thực chất là nội dung phỏng vấn, nhưng cách chuyển tải thông tin nhẹ nhàng đầm thắm, những vấn đề đặt ra khá góc cạnh, ấp đầy thông tin mới mẻ, sâu sắc khiến người đọc dễ dàng tiếp nhận. Bài “Người của trí dũng,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.327.

tâm trong” viết về đồng chí Nguyễn Văn Thám, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tôi thấy hình nét, tâm tư và công việc anh ấy làm hiển hiện trước mắt tôi và, người ấy đúng là anh Thám chứ không phải ai khác; cái tâm trong sáng nên việc anh ấy làm rất đỗi nhân văn... Viết về nữ đồng chí Y Vêng ở Kon Tum, dân tộc Xê Đăng một lòng thủy chung với cách mạng, nên việc khó đấy, được tổ chức phân công chỉ một ý nghĩ: Phải làm cho tốt việc Đảng giao cho. Bởi thế chị luôn được Đảng tin, dân mến, xã hội nể trọng. Còn với chị Nguyễn Thị Ngạn trọn đời truyền nghề kiểm tra, bằng “cuộc chuyện” tác giả với nhân vật mà nét nhà giáo, mẫu mực, cẩn trọng, tư duy sâu sắc, phương pháp sư phạm rất riêng làm người học ham học, bởi nhà giáo ấy chỉ nói, chỉ dẫn cái mà người ta cần nghe để làm. Câu chuyện khơi gợi cái cần có khi cán bộ kiểm tra muốn tìm chứng cứ, thì nhà giáo ấy bảo: Cần nhiều phẩm chất và năng lực khác nhau, trong đó có 5 yếu tố cơ bản là: kiến thức và vốn sống thực tiễn, khả năng nắm vững và vận dụng những vấn đề lý luận về thẩm tra, xác minh, khả năng vận dụng phương pháp thẩm tra, xác minh, kinh nghiệm thẩm tra, xác minh của cá nhân cán bộ kiểm tra, phong cách làm việc linh hoạt, sáng tạo của cán bộ kiểm tra... Là cuộc luận bàn nghề nghiệp báo chí với Tổng biên tập Tạp chí Kiểm tra Đào Ngọc Đảm, khiến người đọc hiểu đặc thù của Tạp chí là thông tin mang tính hàn lâm, định hướng rõ ràng. Viết về nguyên nǚ Vụ trưởng Nguyễn Thị Minh Phụng, Vụ VII, cũng như viết về chị Hồ Thị Nga, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lâm Đồng bình dị, dịu dàng, thân gần, mẫu mực trong lối sống, trong nếp ờ ăn, nhưng với công việc kiểm tra thì đầy tính sáng tạo, kiên quyết, dám làm, dám chịu trách nhiệm và cũng rất nhân văn khi xử lý vụ việc. Họ đúng là tấm gương trong của ngành, đúng như tác giả Nguyễn Uyển thể hiện. Và, viết về đồng chí Ksor Keng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra

Tỉnh ủy Gia Lai, tác giả đã khắc họa một tính cách rất riêng, tính cách của người dân tộc Gia Rai mộc mạc, giản dị, đầm thắm tình người, tình đồng chí. Khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra thấy sai thì bảo sai, chỉ rõ cái sai, vạch rõ nguyên nhân gây nên sai, rồi bảo cái cách để sửa chữa, để tiến bộ. Lời Bác Hồ dạy về đoàn kết dân tộc (qua thư gửi Đại hội các dân tộc ít người họp tại Gia Lai năm 1946) thấm đẫm trong ông, nên ông bảo: Mình làm kiểm tra đảng cũng cốt để đoàn kết thật tốt đồng chí, đoàn kết dân tộc anh em một nhà. Học Bác, làm theo Bác, với mình là như thế! Viết về ông Trần Văn Bành, khi nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Tiền Giang đầy nỗi niềm tâm sự, nhưng vào cuộc thì quyết liệt với những sai phạm, bất kể người ấy là ai, cương vị nào. Đó cũng là đồng chí Trần Trọng Dực, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Hà Nội tâm trong, đức sáng, một lòng một dạ với công việc, với trọng trách nặng nề khi được Thành ủy phân công; là chị Phạm Thị Thanh Đíệp, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Yên Bái dịu dàng mà bản lĩnh với công việc, sai đúng phân minh, nghĩa tình trọn vẹn. Viết về công việc chung của ngành kiểm tra đảng “Sáng mãi niềm tin yêu” bề bông tư liệu, bề bông nhân vật chuyện đời, chuyện nghề vậy mà anh vẫn chuyển tài khéo léo khiến người đọc không nỡ lướt qua. Tập ký *Sáng mãi niềm tin yêu* chỉ vỏn vẹn 300 trang, cho dù những nhân vật và những điển hình tiêu biểu do Ủy ban Kiểm tra Trung ương chúng tôi dẫn chỉ, nhưng cách viết, lối viết chuyển tải có văn và văn hóa, thêm nữa trước khi đưa in tác giả đều chuyển cho nhân vật đọc, sửa, chỉ khi chấp nhận mới đưa vào tập, chuyển tới chúng tôi thẩm định, rồi mới đưa đến Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản, nên độ tin cậy ghi nhận ở mức cao.

65 năm truyền thống của ngành kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tập ký với 300 trang là những nét chấm phá, nhưng thiết

thực, bối ích và rất ý nghĩa cho những người đã, đang và sẽ làm nghề kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và những bạn đọc quan tâm tới công việc quan trọng này. Hơn thế *Sáng mãi niềm tin yêu* không chỉ ghi nhận những việc của một thời đã qua, mà còn là tiếng nói chân tình cổ vũ những người làm công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thêm sung sức, sung lực đi tới, để mãi mãi được Đảng và nhân dân yêu tin, nể trọng.

Báo *Văn nghệ* - số kỷ niệm 65 năm ngành kiểm tra đảng - 2013.

## MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<b>A-Muôn đời noi gương Bác</b>	7
- Phong cách Hồ Chí Minh - Tình hoa của thời đại	7
- “Đoàn kết” - Ý thức thường trực của cán bộ, đảng viên	18
- Đọc “Tứ tôn châm” - Ngẫm lời Bác dạy	24
- Cán bộ phải hết lòng vì nhân dân	30
- Đồng hành cùng sự nghiệp cách mạng của Đảng	35
- Làm theo lời Bác dạy	42
- Học quan sát của tiền nhân	47
- Làm báo là làm cách mạng	51
- Nhà báo là chiến sĩ cách mạng	56
- Nhà báo với gương người tốt	61
- Phê bình và tự phê bình	66
- Điểm tựa tin yêu	71
- Hội của chúng ta	76
- Quyền lực và phẩm chất quyền lực	82
- Hội Nhà báo Việt Nam: 70 năm - Mốc son rạng ngời	88
<b>B- Bác để thương nhớ cho nhân dân</b>	93
- Nhớ lần viết về Bác kính yêu	93
- Đền Hùng Ngày Hội mờ	99
- Đền thờ Bác ở Long Đức	106
- Đường chò nau bên Lăng Bác	111
- Dư âm Điện Biên - Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp	115

- Xuân trong "Vườn quả Bác Hồ"	123
- A Pa Chải - Thế trận lòng dân, Biên Cương - Máu thịt của ta	131
- Nét đẹp Mường Phăng	137
- Chiến tích mãi trường tồn	145
- Tháng 4 - Vết Đôi Mắt	153
- Vết bên Tây Trường Sơn	158
- Sáng ngời trời Nam	166
- Đinh trời Ka Lăng, núi - cương thổ của quốc gia	171
<b>C- Bác truyền lẽ sống cho mỗi con người</b>	182
- Việc Đảng giao phải làm cho tốt	182
- Cán bộ là gốc của công việc	194
- Mở hướng xóa nghèo cho dân	201
- Say nghề như lẽ sống	206
- Thấu hiểu, thấu cảm với Bác và Đảng kính yêu	213
- Đòi cách mạng sáng mãi với nhân gian	224
- Nhà báo Hoàng Tùng - Niềm ngưỡng mộ trong tôi	237
- Thắp sáng niềm tin yêu với Đảng	245
- Phan Quang - Cuộc đời tràn đầy năng lượng với nghề	259
- Cựu tù Bảy Oanh - Truyền lửa khí phách cách mạng	267
- Hồng Chương - Mẫu mực và bản lĩnh	273
- Trần Công Mân - Người cầm trịch đổi mới báo chí	278
- Ksor Keng - Giữa đại ngàn Tây Nguyên	285
- Nhà báo Hữu Thọ: Trọn đời để tâm, để đúc cho nghề	297
- Trần Bá Lạn - Thầy truyền lửa nghề báo	303
- Nhà báo Quang Đạm - Tân tụy với nghề khắt khe	309
- Nhà báo Hồng Vinh - Chữ nghĩa và công việc	314
- Hồ Quang Lợi - Một tài năng lý lẽ	320
- Đào tạo nghề ở đây nước	326
- Mắt thần của nhiếp ảnh	332
- Nhà báo Tạ Bích Loan: Ai nhân lên niềm tin từ những điều tốt đẹp	338

- Trần Sĩ Tuấn - Gương mặt trong trẻo của tờ báo	343
- Viết như lời Bác dạy	349
- Cao Kim (Kim Toàn) - Nhà báo - chiến sĩ	356
- Lầu A Vàng - Nhà báo “cẩm bản”!	362
- Cuộc đời miên man trận mạc	373
- Nguyễn Xuân Lương - Cây viết nặng sâu với cội nguồn	379
- Chiến sĩ quân y noi “cửa gió” Tây Trang	384
- “Cây Đại thụ” của Mường Phăng	390
- Cụ Hồ dạy sao, thầy thuốc quê mình làm vậy!	394
- Bác sĩ “éét”	400
- Mẹ hiền của dân bản Chà Nưa	407
- Làm giàu trên đất khát	412
- Cứ A Hồng - Bác sĩ của dân bản Mông	415
- Góp phần nâng cao chất lượng công tác tra Đảng	421
<b>D- Phụ lục</b>	431
- Nguyễn Uyễn - Số thành một đời miệt mài cày cuốc báo và văn	431
- Làm theo lời Bác - Những trang viết cập nhật và hữu ích	435
- Năng lượng từ khắt khe - nghiệt ngã	438
- Nhà báo, nhà văn Nguyễn Uyễn - Người viết bằng niềm tin yêu với Đảng	444

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222  
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

SONG THÀNH  
**BÁC HỒ - TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC SÁNG NGỜI**

PGS.TS. LÊ VĂN YÊN  
**HỌC TẤM GƯƠNG LÀM VIỆC VÀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI  
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

NGÔ QUÂN LẬP (Sưu tầm, tuyển chọn)  
**KỂ CHUYỆN BÁC HỒ Ở TUYẾN QUANG**



**Giá: 181.000đ**